

MỤC LỤC
BẢN DUYÊN – BỘ 5

SỐ 192 – PHẬT SỞ HÀNH TÁN	V
QUYỂN 1	3
Phẩm 1: GIÁNG SINH	3
Phẩm 2: NGỰ TRONG CUNG	19
Phẩm 3: CHÁN ĐỜI KHỔ HOẠN	26
Phẩm 4: DỨT BỎ THAM DỤC	34
Phẩm 5: XUẤT THÀNH	42
QUYỂN 2	55
Phẩm 6: XA-NẶC TRỞ VỀ	55
Phẩm 7: VÀO RỪNG KHỔ HẠNH	64
Phẩm 8: TOÀN CUNG SẦU THƯƠNG	73
Phẩm 9: TÌM KIẾM THÁI TỬ	84
QUYỂN 3	99
Phẩm 10: VUA BÌNH-SA ĐẾN VIẾNG THÁI TỬ	99
Phẩm 11: THÁI TỬ ĐÁP LỜI VUA BÌNH-SA	105
Phẩm 12: A-LA-LAM UẤT-ĐẦU-LAM	116
Phẩm 13: PHÁ MA	130
Phẩm 14: A-DUY-TAM BỒ-ĐỀ	139
Phẩm 15: CHUYỂN PHÁP LUÂN	151
QUYỂN 4	161
Phẩm 16: VUA BÌNH-SA VÀ CÁC ĐỆ TỬ	161
Phẩm 17: ĐẠI ĐỆ TỬ XUẤT GIA	173
Phẩm 18: HÓA ĐỘ CẤP CÔ ĐỘC	179
Phẩm 19: CHA CON GẶP NHAU	193
Phẩm 20: ĐỨC PHẬT NHẬN TINH XÁ KỲ HOÀN	203
Phẩm 21: THỬ TÀI, ĐIỀU PHỤC VOI SAY	210
Phẩm 22: NÀNG AM-MA-LA GẶP ĐỨC PHẬT	217
QUYỂN 5	224
Phẩm 23: THẦN LỰC TRỤ THỌ	224
Phẩm 24: TỬ BIỆT LY-XA	231
Phẩm 25: NIẾT-BÀN	238
Phẩm 26: ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN	248

Phẩm 27: TÁN THÁN NIẾT-BÀN.....	264
Phẩm 28: PHÂN CHIA XÁ-LỢI.....	276
SỐ 193 – PHẬT BỔN HẠNH KINH	288
QUYỂN 1.....	288
Phẩm 1: NHÂN DUYÊN.....	288
Phẩm 2: KHEN NGỢI NHƯ LAI.....	293
Phẩm 3: GIÁNG THAI	300
Phẩm 4: ĐỨC PHẬT ĐẢN SINH	307
Phẩm 5: PHẠM CHÍ XEM TƯỚNG	316
Phẩm 6: A-DI PHÁ VỠ NGỜ VỰC.....	322
Phẩm 7: NHẬP DỰ LUẬN.....	330
QUYỂN 2.....	339
Phẩm 8: CÙNG CHÚNG THỂ NỮ DU CỨ.....	339
Phẩm 9: BIỂU HIỆN LO SỢ.....	346
Phẩm 10: DƯỚI BÓNG CÂY DIÊM-PHÙ-ĐỀ.....	357
Phẩm 11: XUẤT GIA	364
Phẩm 12: XA-NẶC	374
Phẩm 13: VUA BÌNH-SA THỪA HỎI.....	382
QUYỂN 3.....	394
Phẩm 14: THUYẾT PHÁP CHO VUA BÌNH-SA.....	394
Phẩm 15: KHÔNG ĐỒNG Ý A-LAN.....	408
Phẩm 16: HÀNG MA.....	420
QUYỂN 4.....	437
Phẩm 17: ĐỘ NĂM TỶ-KHEO.....	437
Phẩm 18: ĐỘ BẢO XÚNG	441
Phẩm 19: QUẢNG ĐỘ	453
Phẩm 20: HIỆN ĐẠI THẦN BIẾN.....	463
Phẩm (17*): CHUYỂN PHÁP LUÂN.....	487
QUYỂN 5.....	497
Phẩm 21: PHẬT LÊN CUNG TRỜI ĐAO-LỢI VÌ MẪU THÂN THUYẾT PHÁP.....	497
Phẩm 22: NHỚ XỬA	500
Phẩm 23: ĐI ĐẾN DUY-DA-LY	506
Phẩm 24: TÁN THÁN PHẬT ĐỊNH QUANG	515
Phẩm 25: HÀNG VOI.....	528
Phẩm 26: MA KHUYẾN XẢ THỌ MẠNG	538
QUYỂN 6.....	554
Phẩm 27: ĐIỀU-ĐẠT VÀO ĐỊA NGỤC	554

Phẩm 28: HIỆN NHỮ BỘ LỤC	575
QUYỂN 7	593
Phẩm 29: ĐẠI DIỆT	593
Phẩm 30: THÂN VÔ VI	608
Phẩm 31: TẮM VUA CHIA XÁ-LỢI	622
SỐ 194 – NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH	611
BÀI TỰA	611
QUYỂN 1	613
QUYỂN 2	647
QUYỂN 3	695
SỐ 195 – PHẬT NÓI KINH THẬP NHỊ DU	739
SỐ 196 – KINH TRUNG BỔN KHỞI	747
QUYỂN THƯỢNG	747
Phẩm 1: CHUYỂN PHÁP LUÂN	747
Phẩm 2: BIẾN HIỆN	755
Phẩm 3: HÓA ĐỘ CA-DIỆP	759
Phẩm 4: ĐỘ VUA BÌNH-SA	773
Phẩm 5: XÁ-LỢI-PHÁT, ĐẠI MỤC-KIẾN-LIÊN ĐẾN HỌC ĐẠO	780
Phẩm 6: TRỞ VỀ BỔN QUỐC	784
QUYỂN HẠ	796
Phẩm 7: TU-ĐẠT	796
Phẩm 8: NHÂN DUYÊN CẠI DUNG TRAI GIỚI	805
Phẩm 9: CÙ-ĐÀM-DI ĐẾN XIN ĐỨC PHẬT XUẤT GIA LÀM TỶ-KHEO-NI ...	810
Phẩm 10: ĐỘ VUA BA-TU-NẶC	816
Phẩm 11: TỰ YÊU THƯƠNG BẢN THÂN	824
Phẩm 12: ĐẠI CA-DIỆP LÚC MỚI ĐẾN HỌC ĐẠO	827
Phẩm 13: ĐỘ NẠI NỮ	830
Phẩm 14: NI-KIẾN VẤN NGHI	833
Phẩm 15: ĐỨC PHẬT ĂN LÚA NGỰA	837
SỐ 197 – KINH PHẬT NÓI VỀ HƯNG KHỞI HẠNH	839
BÀI TỰA	839
QUYỂN THƯỢNG	841
1- Kinh Phật nói về Nhân duyên đời trước của nàng Tôn-Đà-Lợi	843
2- Kinh Phật nói về Nhân duyên đời trước của nàng Xa-di-bạt	851

3- Kinh Phật nói về Nhân duyên đời trước của việc nhức đầu.....	854
4- Kinh Phật nói về Nhân duyên các khớp xương bị đau nhức	858
5- Kinh Phật nói về Nhân duyên đời trước của việc đau lưng	860
6- Kinh Phật nói về Nhân duyên bị cây giáo đâm vào chân	862
QUYỂN HẠ	874
7- Kinh Phật nói về Nhân duyên Đê-bà-đạt-đa xô đá	874
8- Kinh Phật nói về Nhân duyên Bà-la-môn nữ tên Chiên-Sa hủy báng Phật.....	876
9- Kinh Phật nói về Nhân duyên đời trước phải ăn lúa ngựa.....	882
10- Kinh Phật nói về Nhân duyên kiếp trước của sự khổ hạnh	886
SỐ 198 – PHẬT NÓI KINH NGHĨA TỨC	891
QUYỂN THƯỢNG	891
1- KINH VUA KIẾT THAM.....	891
2- KINH VUA ƯU-ĐIỂN	899
3- KINH TU-ĐÀ-LỢI.....	902
4- KINH PHẠM CHÍ MA-KIỆT	910
5- KINH VUA KÍNH DIỆN	911
6- KINH GIÀ TRẺ ĐỀU CHẾT.....	915
7- KINH DI-LẶC THƯA HỎI	917
8- KINH PHẠM CHÍ DỮNG TỬ.....	919
9- KINH MA-NHÂN-ĐỀ NỮ.....	922
10- KINH DỊ HỌC GIÁC PHI.....	925
QUYỂN HẠ	932
11- KINH PHẠM CHÍ MÃNH QUÁN	932
12- KINH PHẠM CHÍ PHÁP QUÁN	935
13- KINH PHẠM CHÍ ĐẬU-LẶC	939
14- KINH LIÊN HOA SẮC TỶ-KHEO-NI.....	946
15- KINH CHA CON CÙNG HỘI.....	956
16- KINH VUA DUY-LẬU-LẶC	962

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 14

BỘ BẢN DUYÊN
5

SỐ 191 → 198

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC

LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 192

PHẬT SỞ HÀNH TÁN¹

Nguyên tác: Mã Minh² Bồ-tát.

*Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm,
người xứ Thiên Trúc.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: GIÁNG SINH

*Rạng ngời dòng Cam Giá
Tối thắm họ Thích-ca
Đức và tài trọn vẹn
Tiếng lành Tịnh Phạn³ vương
Vạn dân vui chiêm ngưỡng
Tợ vàng sáng trắng rằm.
Vương như trời Đế Thích
Hậu như nàng Xá-chi⁴
Chí bền an như đất
Lòng tịnh khác nào sen
Ma-giã⁵, tên Hoàng hậu
Thắng vượt mọi luận bàn.*

¹. Ba bản Tống, Nguyên, Minh đều có thêm chữ “Kinh”, Pāli: Buddha-carita. Còn gọi là Phật Bổn Hạnh Kinh.

². Sanskrit: Aśaghosa.

³. Pāli và Sanskrit: Suddhodana.

⁴. Xá-chi (Sanskrit: Śaśī): tên của Đế Thích phu nhân có nghĩa là đáng yêu.

⁵. Pāli và Sanskrit: Māyā.

Chốn thanh lương Thiên hậu
 Ngài giáng thân nhập thai
 Hoàng hậu lìa ưu tưởng
 Chẳng gợn niệm lụy trần
 Rồi xa vòng thế sự
 An tĩnh chốn thanh lâm
 Lâm-tỳ-ni viên cảnh
 Suối reo, đầy hoa trái
 Cảnh tịnh vui thiên vị
 Nàng thỉnh vương nhân du.
 Lòng vua từng chí nguyện
 Thuận ý tưởng lạ thường
 Truyền nội thân ngoại quyến
 Cùng hội hợp Lâm viên.
 Bấy giờ hoàng hậu tỏ
 Nhụy nở sắp khai hoa
 An tường trên nệm ấm
 Vạn thị nữ kính hầu.
 Tháng tư ngày mồng tám⁶
 Thiên tiết tròn hòa cơ
 Hoàng mẫu trì tịnh giới
 Khai hông hữu Bồ-tát
 Xuất thai Độ Thế Sư
 Chẳng khiến mẹ khổ sầu.
 Ưu-lưu⁷ sinh từ đùi
 Tỳ-thâu⁸ xuất từ tay
 Man-đà⁹ hiện từ đầu
 Già-xoa¹⁰ khai từ nách
 Cũng thế Đấng Thắng Uy

6. Vào ngày Phật ra đời ở Ấn độ trăng tròn.

7. Sanskrit: Aurva.

8. Sanskrit: Phthu.

9. Sanskrit: Māndhath.

10. Sanskrit: Kakṛivat.

Dẫn sinh nơi hồng hữu
 Từ Thánh thai dần xuất
 Hào quang chói thế gian
 Như từ trời hóa hiện
 Chẳng duyên với tục trần
 Đức lành tu muôn kiếp
 Chánh niệm xuất thai nhi
 An định, không rung chuyển
 Rạng ngời tướng đoan nghiêm
 Từ thai vàng sáng hiện
 Tợ ánh dương buổi hồng.
 Thân chói lòe yển sáng
 Nào hại đến nhĩn căn
 Cái nhìn không hoa đốm
 Như ngắm trăng trên không
 Từ thân bừng chói sáng
 Như mặt trời che đèn.
 Cũng thế thân kim tướng
 Sáng soi khắp cõi trần
 Trực tâm, lòng tỉnh giác
 Nhẹ nhàng bảy bước chân
 An lạc trong từng bước
 Rõ ràng dấu Thánh nhân¹¹
 Bước hùng Sư tử chúa
 Đôi mắt nhìn muôn phương
 Thông đạt chân thật nghĩa
 Tuyên bố giữa trần gian:
 Đây là đời sau chói
 Thị hiện chốn nhân gian

¹¹. Nguyên văn: Bình triệt do thất tinh 炳徹猶七星 . Theo quan niệm Trung Hoa cổ đại, tướng thất tinh (Bảy nốt ruồi dưới lòng bàn chân) là dấu hiệu của bậc Thánh vương.

Tu hành thành Phật vị
 Độ thoát khắp trần gian.
 Đúng thời từ thiên xuất
 Đôi dòng cùng tuôn chảy
 Một ấm, một thanh lương
 Thấm nhuần thân Bồ-tát.
 Cung trời ngài an trú
 Thân ngọc giữa ngọc sàng
 Bốn góc giường vàng giữ
 Tay vàng của Thiên vương
 Khắp trời trùm bảo cái
 Chư Thiên đồng tán dương
 Khuyến đạt ngôi tối thượng
 Long vương lòng vui sướng
 Khát ngưỡng cam lộ được
 Từng hầu Phật quá khứ
 Nay được gặp Bồ-tát
 Tung hoa Mạn-đà-la¹²
 Chí thành vui cúng dường.
 Phật dẫn, trần hưng thịnh
 Trời Tịnh cư hỷ hoan
 Khô niềm vui ái dục
 Vì pháp nên hân hoan
 Chúng sinh trầm bể khổ
 Do vậy được giải thoát
 Như Tu-di núi báu
 Giữ vững chốn quan san
 Bồ-tát giáng trần lạc
 Đức phong thổi khắp thế
 Trời người đồng rung chuyển
 Tợ sóng vỗ, trống vang.
 Thơm ngát hương chiên-đàn

12. Pāli: Mandāra. Tên một loại hoa báu.

Rực rỡ đài sen báu
Theo gió tràn hư không
Nhẹ rơi đầy mặt đất
Thiên y từ không xuống
Vận y lạc muôn phần.
Thường nhiên vằng nhật nguyệt
Bỗng rực sáng muôn lần
Hỏa quang toàn thế giới
Không củi vụt bùng nhanh.
Giếng thanh lương dịu mát
Mạch nước tự tràn dâng
Thế nữ nơi cung cấm
Khâm khen chuyện lạ lùng
Vội nhuần thân trong nước
Đều khởi an lạc tưởng.
Thiên chúng nhiều vô lượng
Ưa pháp đồng vân tập
Chốn vườn Lâm u nhã
Khấp nơi bóng cây rừng
Diệu hoa khoe sắc thắm
Trái mùa cũng nảy nhanh.
Kẻ hung tàn trong chúng
Đồng khởi đại Từ tâm
Bệnh tật vòng nhân thế
Không trị, tự nhiên lành.
Loạn âm, giống cầm thú
Bỗng nhiên vụt vô thanh
Vạn sông đều ngưng chảy
Lắng đục, dòng chảy trong.
Bầu trời xanh quang đãng
Trống trời tự trỗi thanh
Muôn loài toàn cõi thế
Đồng an lạc thân tâm.

Như quốc gia ly loạn
 Bỗng gặp đấng minh quân
 Nhân duyên Bồ-tát hiện
 Độ khổ cho chúng sinh
 Chỉ Thiên, Ma, Quỷ chúa
 Phiền não, động tâm thần.
 Vương phụ vui hơn hờ
 Nhưng thấy việc lạ lùng
 Trong lòng dù an lạc
 Vẫn biến sắc kinh tâm
 Tư lự, suy hai mối
 Hoan hỷ cùng hãi kinh.
 Mẫu thân nhìn con trẻ
 Khác thường khi hạ sinh
 Yếu mềm, tánh nữ giới
 Lo sợ, lòng giá băng
 Kiệt hung chưa được rõ
 Lại sinh niềm sâu kinh.
 Vương triều các lão mẫu
 Hoảng hốt cầu Thần minh
 Mọi người đều thiết lễ
 Cầu Thái tử an bình.
 Chốn rừng sâu lúc ấy
 Có Phạm chí đa văn
 Đủ oai nghi tề chỉnh
 Luận bàn vốn nổi danh
 Xem tướng mạo vui mừng
 Thân tâm đều rung động
 Biết lòng vua kinh hãi
 Thật ngữ kính tâu dâng:
 “Nhân loại trên trần thế
 Chỉ mong con Thánh nhân
 Nay vua như nguyệt mãn
 Phải vui sướng vô cùng

*Nay sinh con bậc Thánh
Ất tông tộc hiển vinh.
Nên an vui tự niệm
Chớ lo nghĩ, nghi tâm
Điềm vui cho toàn quốc
Từ nay dựng hưng bình
Sinh Thánh tử thù thắng
Hẳn vì đời độ sinh.
Ta nghĩ Thân Thượng sĩ
Sắc vàng diệu quang minh
Tướng hảo vượt nhân thế
Sẽ thành bậc Giác nhân
Nếu trụ cõi thế lạc
Chuyển luân vương ắt thành
Cai quản toàn mặt đất
Dùng chánh pháp an dân
Bốn châu đều nhiếp phục
Lãnh đạo mọi quốc quân.
Như quang minh cõi thế
Ánh dương là đứng đầu
Nếu Ngài trú non sâu
Chuyên tâm cầu giải thoát
Thật trí nhất định thành
Chiếu soi toàn thế giới
Như đỉnh núi Tu-di
Lớn nhất vùng sơn thổ
Báu vật, vàng tối thắng
Biển rộng vượt mọi dòng
Trăng đứng đầu tinh tú
Sáng nhất vầng thái dương
Như Lai hiện trần thế
Tối kính giữa thế nhân
Mắt thanh tú lại tròn*

Hàng mi dài gợn cong
 Sắc xanh thoáng ẩn hiện
 Tợ như vàng bán nguyệt
 Tướng này nào khác lạ
 Bình đẳng, mắt Thánh nhân”.
 Vua truyền hỏi Phạm chí:
 “Như ngài vừa tuyên nói
 Thái tử tướng lạ thường
 Do nhân duyên nào thế
 Chẳng hiện đời cụt vương
 Sao đời ta ứng hợp?”
 Phạm chí tâu vua rõ:
 “Lời ấy thật chẳng nên
 Đa văn và trí tuệ
 Cùng sự nghiệp, tiếng tăm
 Cả bốn việc như thế
 Không thể luận trước sau.
 Linh tánh vật ở đời
 Mỗi mỗi theo duyên khởi.
 Nay, vì vua dụ dẫn
 Nên lắng nghe tỏ tường
 Tỳ-câu, Ương-kỳ-la
 Vốn Tiên nhân dòng tộc
 Trải thế đã lâu xa
 Mỗi người sinh Thánh tử
 Tỳ-lê-ha-bát-đê
 Hợp với Du-ca-la
 Cùng tạo Đế vương luận
 Chẳng vì duyên họ tộc.
 Tiên nhân Tát-la-tát
 Sinh thời không kinh luận
 Mà sinh Bà-la-ta
 Kinh luận đều thông suốt
 Hiện tại sinh tri kiến

Nào phải nối truyền tông.
 Phạm chí Tỳ-gia-sa
 Tạo luận kinh vô số
 Truyền hậu học Bạt-di
 Kết tập thành văn kệ.
 Ấn sĩ A-đê-ly
 Y phương luận, chẳng tường
 A-đê-ly kế nghiệp
 Y thuật trị trăm căn.
 Câu-thi trọn một đời
 Ngoại luận không thông sáng.
 Tiếp vua Già-đề-na
 Thông giải ngoại đạo pháp
 Cam Giá dòng vương tổ
 Biển tràn chẳng thể ngăn
 Vua Bà-già tiếp nối
 Sinh dưỡng ngàn vương tôn
 Sóng biển đều chế ngự
 Chẳng vượt tràn đất sâu.
 Xà-na-câu Tiên nhân
 Tinh lực chẳng nhờ thầy.
 Bạc Tối tôn danh vị
 Điều tự lực thành danh
 Trước thắng, sau thất bại
 Hoặc bại trước, thắng sau
 Đế vương hay Thánh sĩ
 Không nương tựa tổ tông
 Do vậy tại thế gian
 Không luận đời sau trước.
 Đại vương nay được thế
 Nên sinh hoan hỷ tâm
 Niệm niệm vì hoan hỷ
 Vĩnh viễn thoát nghi tâm”.

Nghe xong lời hiền sĩ
 Thêm vui, vương hiến cúng:
 “Thánh tử nay ta sinh
 Sẽ nối ngôi Chuyển luân
 Ta tuổi cao già lão
 Quyết chẳng để con hiền
 Xuất gia, tu phạm hạnh
 Rời thế, trụ sơn lâm”.
 Lúc ấy, gần lâm viên
 Có nhà tu khổ hạnh
 Tên gọi A-tư-đà
 Tướng thuật thật tinh thông
 Thẳng đến cửa cung vua
 Vua ngõ Phạm thiên hình
 Khổ hạnh vui chánh pháp
 Hai tướng đều hiện bày
 Tướng đầy đủ phạm hạnh
 Thoáng trông vua hoan hỷ
 Liền thỉnh vào nội cung
 Kính cẩn dâng hiến cúng.
 Chốn nội cung vừa bước
 Chỉ vui ngắm Thánh nhân
 Thái tử ngự cung cấm
 An tịnh giữa phàm nhân
 Ngự pháp tòa tĩnh niệm
 Tư-đà thêm tôn kính
 Như vua An-đê-điệp
 Tôn phụng Ba-thi-tra.
 Tịnh Phạn vương thưa bạch:
 “Trẫm nay thật phúc báo
 Được hiền giả khổ công
 Tìm đến đây giúp đỡ
 Thái tử ứng điềm gì
 Cúi mong trên chỉ giáo”.

Vua thành tâm khuyến thỉnh
 Tiên Tư-đà hỷ tâm:
 “Lành thay! Vua Thường Thắng
 Đúc hạnh đều kiêm ưu
 Tìm cầu nguồn thọ lạc
 Ưu trí tuệ, mộ pháp
 Nhân trí thật thắng tông
 Khiêm hạ khéo tùy thuận
 Quả thật do hảo nhân
 Nay quả lành tự hiện.
 Đại vương nghe ta nói
 Nhân duyên, ta đến đây
 Trên đường ta du hóa
 Bỗng nghe tiếng hư không
 Bảo: “Vua sinh Thái tử
 Chánh giác nhân sẽ thành”
 Diện kiến thân nghiêm tướng
 Ao ước ta lên đường
 Chỉ mong nhìn Thái tử
 Kiến lập chánh pháp tràng
 Vừa nghe Tư-đà nói
 Ly trần, vua ngại nghi
 Truyền đưa Thái tử tới
 Để Tiên nhân ngắm định.
 Tư-đà ngắm Thái tử
 Tướng luân xa dưới gót
 Chân tay chỉ xoáy hoa
 Giữa đôi mày mi trắng
 Âm tàng tướng Phật gia
 Rực rỡ dung nhan hiện
 Xem xong lòng cảm khái
 Lệ chảy buồn bã than.
 Vua thấy Tiên sâu muện

Tâm niệm chợt run run
Nỗi lo vì con trẻ
Nghĩ sợ lòng chẳng an
Từ tòa vua bật dậy
Cúi đầu trước Tiên nhân
Lẽ xong vua thưa hỏi:
“Con trẻ sinh lạ thường
Dung mạo rất nghiêm chánh
Tợ như đấng Thiên vương
Bảo: Thái tử tối thượng
Vì sao lại khổ sâu?
Nếu là con thọ yếu
Trẫm hấn sinh khổ sâu
Như khát được cam lộ
Cầm lòng chịu mất sao
Đâu như mất tài bảo
Đó là quốc bất an.
Thái tử nếu trường thọ
Kế nghiệp nước nhà yên
Trẫm băng hà hoan hỉ
An lạc sinh cõi khác.
Ví như đôi long nhãn
Một nhắm, một mắt mở
Chẳng thể như hoa thu
Có không như huyễn mộng.
Tất cả dòng hoàng tộc
Yêu Thái tử trọn lòng
Nên mau mau bày tỏ
Cho ta với tướng sâu”.
Tư-đà tiên hiểu rõ
Lòng vua đầy ưu tư
Cất lời hiền giả thưa:
“Đại vương chớ lo sợ
Việc trước tôi đã bày

*Cẩn trọng đừng sinh nghi
Trước sau đều một lý
Chớ nên khởi ý lạ.
Tôi tuổi già xế bóng
Tủi phận mình lão suy
Nay gần khi khuất núi
Thái tử nay dẫn sinh
Hiện thế đời sau chót
Bậc ấy thật khó gặp
Sẽ xa lìa vương vị
Năm dục chẳng đoái suy
Tinh cần tu khổ hạnh
Giác ngộ, thông chân lý
Vì chúng sinh thế gian
Diệt trừ màn si ám
Đuốc sáng mãi trần đời
Trí tuệ như nhật nguyệt
Chúng sinh đang khổ bệnh
Như bọt nổi biển khơi
Già suy là cơn sóng
Chết tợ biển sóng cồn
Thuyền trí tuệ nhẹ lướt
Vớt người khỏi bến mê
Nương theo dòng nước tuệ
Tịnh giới là bờ đê
Thanh lương ao Tam-muội
Chánh định như chim bằng
Rộng, sâu thật vi diệu
Dòng chánh pháp tràn dâng
Quần sinh đang khát ái
Uống vào nhẹ hồi sinh.
Chìm ngập trong năm dục
Chúng sinh bị bức bách*

Chốn sinh tử mênh mông
 Đường về không thông tỏ
 Bồ-tát hiện trần thế
 Vì mở đường giải thoát
 Thế gian tràn lửa dục
 Ngát trời thêm cháy đỏ
 Đại bi, mây trùm khắp
 Mưa pháp tuôn tắt nhanh.
 Cửa si mê nặng khép
 Ải tham dục kín ngăn
 Chúng sinh đời tù ngục
 Giải thoát đang ngưỡng trông
 Kẹp kim cương trí tuệ
 Dù phá vòng ái ân
 Lưới vô minh tự trói
 Lạc lõng nơi khổ cùng
 Nay pháp vương xuất thế
 Giải triền phược chúng sinh.
 Cúi xin đừng lo sợ
 Vì Thái tử sâu ưu
 Nên xót thương quần chúng
 Nghịch chánh pháp, theo dục.
 Tôi già ắt sẽ chết
 Phải lìa xa Thánh nhân
 Dẫu tôi được thiên định
 Nhưng chẳng được lợi phần
 Cùng Bồ-tát thân gần
 Trọn không nghe chánh pháp
 Vóc hình khi tan hoại
 Thác sinh Bát nạn Thiên”.
 Vua cùng các hàng tộc
 Nghe hiền sĩ tỏ thông
 Biết mình tự lo lắng
 Ưu sâu tan biến nhanh

*Nghĩ: “Thái tử dân sinh
Lòng ta thật an ổn
Nhưng là thế xuất gia
Tu tập tìm đạo Thánh
Ngôi vương vị vắng không
Bởi thế vui chưa trọn”.
A-tu-đà hiền sĩ
Nhìn vua thành thật phân:
“Sẽ như thế, Thái tử
Xuất trần đấng đạo chân”.
Hiền sĩ nhẹ khuyên bảo
Vua và cả hoàng thân
Rời vận sức thần biến
Lướt gió rời vương cung.
Bấy giờ vua Bạch Tịnh
Nhìn con tướng lạ thường
Lại nghe A-tư dạy
Quyết định, chẳng còn nghi
Đối với con kính trọng
Thường giữ như bảo châu
Kỳ đặc trên cõi thế
Liên thả mọi tội nhân
Pháp lễ cho Thái tử
Tùy tục vương giữ, bỏ
Theo luận kinh ban bố
Dân chúng đều thuận quy.
Sau mười ngày con sinh
Vua an tâm định trí
Lập đàn lễ Thiên thần
Rộng thí bậc Đạo nhân
Bà-la-môn, Sa-môn
Nguyện cầu con phước báo
Thân tộc lẫn quần thần*

Và bản dân khắp nước
 Thể nữ toàn phố thị
 Ngựa, trâu, voi, tiền của
 Mỗi người đều hưởng ân
 Tất cả đều nhận thí.
 Giờ lành thật an ổn
 Rước Thái tử về cung
 Gia đình dòng nội, ngoại
 Kiệu trang nghiêm bảy báu
 Lấp lánh muôn sắc màu
 Chói chang thật sáng rực.
 Hoàng mẫu nâng Thái tử
 Nhiễu quanh lễ Thiên thần
 Rồi nhẹ nhàng lên kiệu
 Thể nữ cùng tùy hành
 Quốc vương và thần dân
 Đều theo sau kiệu báu
 Thật như trời Đế Thích
 Được Thiên chúng vây quanh
 Như Ma-hê-thủ-la
 Bồng sinh con sáu mặt
 Sắp đầy đủ trân lễ
 Cầu phước nên hiến dâng
 Nay Thái tử dẫn sinh
 Cũng thế, vua thiết lễ.
 Tỳ-sa-môn Thiên vương
 Sinh Na-la-cưu-bà
 Tất cả chúng Thiên giới
 Đều khởi đại hoan hỷ
 Thái tử nay giáng sinh
 Nước Ca-tỳ náo nhiệt
 Nhân dân từ khắp chốn
 Cũng vậy đều hỷ hoan.

Phẩm 2: NGỰ TRONG CUNG

Hoàng tộc Bạch Tịnh vương
 Do sinh đấng Thánh tử
 Trong thân tộc hiếu hòa
 Quần thần đều trung nghĩa
 Ngựa, xe báu, voi, kiệu
 Vương khố chứa tài bảo
 Mỗi ngày đều tặng nhanh
 Sinh trưởng đầy theo ý.
 Bảo tạng nơi lòng đất
 Tự lộ nơi địa hình
 Từ Tuyết sơn thanh tịnh
 Cuồng bạo, bầy voi trắng
 Không gọi tự về thành
 Không điều tự điều phục.
 Loài ngựa lông tạp sắc
 Tướng nghiêm trang hùng dũng
 Đuôi dài bờm đỏ rực
 Nước kiệu tợ tên bắn
 Vốn sinh vùng hoang dã
 Bổng đứng tự hoàng thành.
 Bò quý lông thuần sắc
 Mập đầy vóc uy nghi
 Sữa thơm, đi vững chải
 Vân tập chốn hoàng cung.
 Kẻ hờn giận bình tâm
 Người thường càng nhân hậu
 Bậc thuần phác càng thân
 Nghịch loạn thấy tiêu trừ.
 Gió mưa điều hòa nhẹ
 Vắng bật dòng sấm chớp
 Giống gieo chẳng đến mùa
 Thu hoạch bội thường canh

Tươi thơm loại ngũ cốc
 Mềm dẻo dễ tiêu nhanh
 Sản phụ chờ sinh hạ
 Thân thể bỗng an hòa.
 Ngoài các bậc Tứ thánh
 Mọi người tại thế gian
 Tư tài riêng tự có
 Chẳng tham của tha nhân
 Không kiêu mạn, ganh ghét
 Không keo kiệt, hận sân
 Nam thanh cùng nữ tú
 Đồng sống đời tịnh thanh.
 Tinh xá, nơi thiên miếu
 Vườn, ao, giếng, suối, rừng
 Bỗng như thành Thiên cảnh
 Đúng thời tự nhiên sinh.
 Đói khổ liền vắng bóng
 Dịch bệnh, chiến tranh ngừng.
 Thần dân thành La-vệ
 Thân tộc đều tướng kính
 Thọ lạc đều theo pháp
 Không vướng dục nhiễm trần
 Lấy nghĩa cầu tài vật
 Không vì tham lợi dưỡng
 Theo pháp nên bố thí
 Chẳng niệm cầu báo ân
 Nương Tứ phạm¹³ tu trì
 Tiêu trừ tâm sân hận.
 Quá khứ vua Ma-nu
 Sinh Nhật quang Thái tử
 Toàn quốc hiện điềm lành
 Điều ác đều vắng bóng

¹³. Tứ phạm hạnh: còn gọi là Tứ phạm trụ, tức Tứ Vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Phạn vương sinh Thái tử
 Đức ấy cũng tương đồng
 Do nghĩa ban đức lớn
 Tất-đạt-đa gọi tên
 Ma-da hoàng mẫu lạc
 Ngắm mãi đáng hoàng nhi
 Đoan nghiêm như Thiên đồng
 Bao vẻ đẹp gồm thân
 Với nỗi vui tột cùng
 Thác sinh miền Thiên giới.
 Đại Ái Đạo di mẫu
 Thấy Thái tử đẹp xinh
 Đức cả, diện tuyệt trần
 Xuất thế mẹ lia đời
 Thương lo như con ruột
 Như mẹ hiền, Ngài kính.
 Như vầng sáng nhật nguyệt
 Điều chiếu tỏa muôn phương
 Cũng thế, Ngài càng lớn
 Dung đức vẫn như vậy
 Hương chiên-đàn vô giá
 Báu vật cõi Ta-bà
 Diệu được miền Tiên giới
 Ngọc anh lạc điểm thân.
 Chư hầu nước lân cận
 Biết Thái tử xuất trần
 Đồng hiến dâng bảo vật
 Bò, dê, nai, xe, ngựa
 Đây bảo khí trang nghiêm
 Làm vui lòng Thái tử.
 Tuy trú cảnh cực mỹ
 Giữa vật báu đùa chơi
 Tánh Ngài vẫn an nhiên

Thân nhỏ nhưng tâm tịnh
 Lòng định cảnh cao minh
 Chẳng gợn niệm vinh hoa
 Tu học văn võ thuật
 Trí tài vượt hơn thầy.
 Biết Thái tử thông tuệ
 Vua lo Ngài rời thế
 Tìm khắp chốn hoàng tộc
 Dòng lễ giáo nét na
 Thấy Da-du-đa-la
 Tư dung thật thuần bạch
 Xứng ngôi vị vương phi
 Buộc ràng lòng Thái tử.
 Nhưng chí Ngài cao khiết
 Đức thịnh, diện đoan chính
 Đường Trưởng tử Phạm thiên
 Xá-na Cưu-ma-la.
 Hiền phi thân hương sắc
 Yểu điệu dáng thướt tha
 Yêu kiều như thiên hậu
 Vui vầy duyên hảo hợp.
 Vua truyền dựng thanh cung
 Trang nghiêm thật tráng lệ
 Cao vút vượt tầng không
 Rời xa cảnh trần thế.
 Bốn thời cung đều mát
 Tùy mùa chọn cảnh cư
 Quay quần đoàn mỹ nữ
 Thanh âm trời nhạc thiếu
 Ngài chẳng màng thanh sắc
 Càng sinh niệm chán buồn
 Như trời Càn-thát-bà
 Nơi cung báu tự nhiên
 Nữ nhạc tấu Thiên âm

Bồ-tát nơi biệt điện
 Lòng không màng thanh sắc
 Tâm tịnh giữa nhạc âm.
 Vương phụ vì Thái tử
 Tịnh tu hạnh phước sự
 Nhân từ, mộ chánh pháp
 Gần hiền, xa ác hữu
 Ái ân chẳng nhiễm lòng
 Khi dục tâm khởi phát
 Giữ niệm, phòng hộ căn
 Tịnh trừ ý loạn động,
 Diệu hiền, tâm liêm chánh
 Đức từ khuyến dân tâm
 Cải hóa ngoại đạo giáo
 Phá nghịch thuật mê lòng
 Mở giáo dục khắp nước
 Vạn dân lạc muôn phần
 Thái tử được yên ổn
 Cũng thế toàn dân an.
 Cúng kính lửa, thờ thần
 Vòng tay đón nguyệt quang
 Sông Hằng thân trầm tủy
 Nước thiêng tịnh hóa lòng.
 Vua chẳng riêng cầu phước
 Chỉ cho con và dân.
 Lời thương đầy nhân nghĩa
 Dạy nghĩa nặng thi ân
 Lời thương vốn chân thật
 Trách phạt vì thương dân.
 Do giữ niệm tâm quý
 Nên không nói thật lòng
 Yêu thương nhưng vô nhiễm
 Nào khởi tưởng tham sân

Trâm mặc là chí hướng
 Bình ổn mọi tranh phân,
 Không sát tế cúng thân
 Có con nương cầu phước
 Thấy bản dân nổi trôi
 Rộng thí hơn kỳ vọng,
 Chiến họa không trông ngóng
 Dem đức báo oán thù
 Điều hòa giúp tất cả
 Lần lượt đều cứu tế
 Được ba hiểu rõ ba
 Biết hai rồi bỏ cả
 Ham cầu chỉ vướng tội
 Đáng chết đều thứ tha.
 Miệng không xuất ác ngôn
 Nhẹ khuyên lời dạy bảo
 Chuyên tâm thí tài sản
 Tạo phước cách sinh nhai.
 Vua theo đạo cầu học
 Trừ diệt lòng sân si
 Tiếng thơm lừng cõi thế
 Lụy đời đều sạch không
 Chúa hiền tu đức sáng
 Toàn sĩ, quân hạnh đồng
 Lòng dân đều an tịnh
 Như bốn chi theo căn.
 Lúc ấy Tất-đạt-đa
 Cùng vợ hiền Da-đà
 Tháng năm duyên son sắc
 Sinh hạ La-hầu-la
 Vua Bạch Tịnh tự nghĩ:
 Hoàng tử có con ngoan
 Sẽ tiếp ngôi vương vị
 Kế truyền cho hậu thế

Thái tử sinh hài nhi
Hẩn yêu con như trăm
Chẳng còn tâm rời thế
Chỉ duy tu thiện niệm.
Lòng ta thật an hòa
Khác nào hưởng Thiên lạc.
Cũng giống thuở kiếp sơ
Tổ phụ trụ đạo mầu
Ưu làm việc thanh tịnh
Không sát tế cúng thần
Tinh cần tu thiện nghiệp
Vua đạt hạnh thù thắng
Tộc vĩnh, bảo khổ tăng
Tài nghệ vượt trần thế
Rạng ngời chiếu nhân quần
Như vầng hồng sáng tỏ.
Vua tịnh tu Phạm hạnh
Chỉ để con hiển vinh
Con sáng, tổ tông sáng
Tông rạng, danh tiếng lừng
Hạnh cao sinh Thiên giới
Cảnh trời lạc muôn phần
Hưởng vui tăng trí tuệ
Ngộ đạo, hoằng đạo chân
Trước thành bậc đa văn
Tu tập theo diệu đạo
Ngưỡng cầu cho Thái tử
Yêu con chẳng ly trần.
Bậc quốc chúa xưa nay
Con thiếu thời sinh hại
Nổi nghiệp chẳng bận lòng
Vẫn vui việc du hí
Cuồng phóng theo thế nhân

Khởi lo người kế vị.
 Thái tử nay ta sinh
 Năm dục tùy tâm hưởng
 Mong rằng ư vương vị
 Không khởi niệm rời cung.
 Vương tử Bồ-tát hạnh
 Giữ vững niệm đạo tâm
 Còn ngự trên ngôi báu
 Để sinh con nối dòng
 Sau vào miền sơn dã
 Tịnh tu đạo tịch không.

M

Phẩm 3: CHÁN ĐỜI KHỔ HOẠN

Khu lâm viên ngoại thành
 Suối reo, ao dịu mát
 Hoa trái nở trĩu cành
 Thướt tha tàng rủ bóng
 Chim lạ cất thanh âm
 Khoảng không từng đàn lượn
 Kỳ hoa toàn viên cảnh
 Muôn sắc, hương thơm lừng
 Thị nữ hầu Thái tử
 Thánh thót giọng nhạc âm
 Ngài nghe lòng lạc thú
 “Thật đẹp chốn viên lâm”
 Ngập tâm niềm hỷ lạc
 Xuất du, lòng quyết chí
 Như tượng vương cầm cố
 Thường ưa chốn sơn lâm.
 Vua nghe ý Thái tử
 Quyết ra thành ngoạn du
 Lập tức truyền văn võ
 Cung thiết lễ nghiêm trang

Vương lộ thật thanh nhã
Đẹp trừ mọi uế kinh
Người bệnh, già nghèo đói
Kẻ gầy suy, khổ hình
Không được để Thái tử
Thấy sinh tâm chán trần.
Trang hoàng đã viên mãn
Tâu bạch, bá quan trình
Vua thấy con trẻ đến
Xoa đầu, ngắm diện dung
Vui, buồn dạ trăm mối
Thuận hứa, lòng chẳng ứng.
Đầy xe phủ vật báu
Bốn ngựa nhẹ đều chân
Chọn phu xa hiền khéo
Trẻ người, đẹp tư dung
Sáng láng, y tề chỉnh
Khiển cương mã, đi cùng.
Hoa tung ngập phố thị
Bên đường đầy báu vật
Đôi bờ cây thẳng tắp
Treo bảo khí trang nghiêm
Tràng phan cùng bảo cái
Theo gió thổi tung bay.
Người xem đông lũ lượt
Nghiêng thân, nhìn ngắm mãi
Ngưng thần chẳng khép mi
Thật như sen diệu kỳ
Thần dân theo lũ lượt
Tợ sao hầu tinh chủ
Đều cất lời tán dương
Vui mừng việc khó có.
Nghèo khổ hay giàu sang

Trung tuần hoặc già, trẻ
 Đầu kính lễ cúi đầu
 Cầu mong ban ân phước.
 Khắp nơi vùng thôn, thị
 Biết Ngài sắp quang lâm
 Mọi người không mời gọi
 Kẻ ngủ chẳng cần báo
 Cầm súc nào kị thâu
 Cửa tiền chưa vội tính
 Cửa không cài, then mở
 Ven đường bồng hội vân.
 Trên lầu gác, cây xanh
 Bờ đê, ngõ quanh tắt
 Người chen chúc tranh xen
 Ngắm mãi mê không nhàm
 Từ trên cao muốn xuống
 Trên đất lại mong gần
 Tự nhiên lòng chuyên nhất
 Thân tâm như vút cao
 Mãi ngắm trong cung kính
 Không khởi niệm buông lung.
 Toàn thân Ngài rạng tỏ
 Sắc như đóa sen hồng
 Nay rời khu viên lâm
 Nguyện thành ngôi Chánh Giác.
 Thái tử nhìn đường phố
 Chúng dân nghiêm bước theo
 Phục trang thuần sáng đẹp
 Lòng sướng vui lạ thường.
 Thần dân ngắm Thái tử
 Uy vũ vượt phàm nhân
 Cũng như các vị trời
 Gặp Thiên vương Thái tử.
 Bồng nhiên trời Tịnh cư

Hóa hiện đứng bên đường
 Biến thân thành già nua
 Khuyến phát tâm ly trần.
 Thấy người già, Thái tử
 Kinh sợ hỏi ngự nhân:
 “Người ấy làm sao thế
 Tóc bạc, lưng lại cong
 Mắt mờ, vóc run rẩy
 Chống gậy lê bước chân
 Phải chăng hình thay đổi
 Hay bởi vốn tự thân”.
 Xa phu lòng do dự
 Không dám thật phân trần
 Tịnh cư hiển thân lực
 Khiến ngự xa thật phân:
 “Sắc biến đổi, khí suy
 Thật buồn, vui hiếm lắm
 Lắm vui khi căn hoại
 Tướng lão suy hiện hình.
 Xưa người vốn hài nhi
 Nhờ sữa mẹ dần lớn
 Cùng trẻ thơ đùa giỡn
 Thanh tráng theo năm dục
 Tháng ngày trôi thân đổi
 Nay vóc thể già suy”
 Thở dài lo, Thái tử
 Gặn hỏi người đánh xe:
 “Chỉ người ấy già cả
 Hay chúng ta cũng suy?”
 Ngự phu thật lòng đáp:
 “Ngài rồi cũng lão suy
 Thời chuyển, hình tự biến
 Già đến không cần nghi

Thanh tráng phải già lão
 Người người biết, cầu chi!"
 Lâu xa, Bồ-tát tu
 Đạt trí nghiệp thanh tịnh
 Đức hạnh đã viên mãn
 Hoa nguyện nay kết quả
 Nghe nói khổ suy già
 Sợ hãi thân nổi ốc.
 Tiếng sấm chớp nổ vang
 Các thú sợ bỏ chạy
 Bồ-tát cũng như thế
 Lo sợ mà thờ dài
 Tâm chỉ nghĩ khổ già
 Cúi đầu nhìn chăm chú
 Nghĩ khổ suy già này
 Người đời nào yêu thích
 Tướng già làm hư hoại
 Tùy loại không thể chọn
 Tuy có nhiều sức mạnh
 Nhưng thấy đều biến đổi
 Hiện giờ được chứng tướng
 Không nhàm chán sao được!
 Bồ-tát bảo người hầu:
 "Mau quay xe trở về
 Niệm niệm suy già đến
 Vườn rừng nào đáng vui
 Mạng sống như gió thoảng".
 Quay xe về hoàng cung
 Tâm nhớ cảnh chiều tàn
 Như về chốn gò mả
 Gặp việc không nhớ nghĩ
 Nơi ở không tạm yên.
 Vua nghe con không vui
 Khuyên du ngoạn lần hai

Liên ra lệnh các quan
Trang nghiêm hơn lần trước
Trời lại hóa người bệnh
Nằm ở bên vệ đường
Thân gầy, bụng lại to
Thở từng hơi hỗn hển
Tay chân gầy co quắp
Buồn khóc, cất tiếng rên.
Thái tử hỏi người hầu:
“Người này bị gì vậy?”
Thưa: “Người này bị bệnh
Bốn đại đều rối loạn
Yếu đuối không dậy nổi
Xoay trở phải nhờ người”.
Thái tử nghe nói vậy
Liên sinh tâm thương xót
Hỏi chỉ người này bệnh
Hay ai rồi cũng thế
Đáp rằng cả thế gian
Mọi người đều như thế
Có thân thì có bệnh
Người ngu thích hoan lạc.
Thái tử nghe nói vậy
Liên sinh tâm sợ hãi
Thân tâm đều rúng động
Thí như trăng gợn sóng
Ở đây rất khổ não
Làm sao tự an được
Than ôi! Người thế gian
Bị ngu si ngăn che
Giặc bệnh đến không hẹn
Lại sinh tâm vui thích.
Rồi liền quay xe về

Lo buồn nghĩ khổ bệnh
Như người bị đòn đau
Năm co chờ gậy đánh
Ngồi nghĩ chón vắng vẻ
Chỉ cầu vui xuất thế.
Vua lại nghe con về
Hỏi du ngoạn thế nào
Đáp rằng thấy người bệnh
Vua sợ hết cả hồn
Quở trách người dọn đường
Lòng lo, không nói được
Lại cho các kỹ nữ
Đàn ca vui hơn trước
Để Thái tử xem nghe
Ưu tục, chẳng chán nhàm,
Thêm tiếng hay, sắc đẹp
Thái tử vẫn không vui.
Vua tự thân du ngoạn
Cho lập vườn đẹp hơn
Tuyển lựa các thể nữ
Nhan sắc rất xinh đẹp
Lại ra sức hầu hạ
Sắc đẹp say mê người.
Sửa sang lại đường đi
Đẹp bỏ vật bất tịnh
Lệnh cho người đánh xe
Chọn xét đường sẽ đi.
Bấy giờ trời Tịnh cư
Lại hóa thành người chết
Bốn người cùng khiêng cáng
Hiện trước mặt Bồ-tát
Người khác đều không thấy
Ngoài Ngài, người đánh xe.
Ngài hỏi đây xe gì

Mà phước hoa trang nghiêm
Người theo đều buồn bã
Tóc xõa đi theo khóc.
Trời bảo người đánh xe
Trả lời là người chết
Các căn hoại, mạng đứt
Tâm đã lìa hẳn thân
Hồn đi, hình tan rã
Giống như khúc củi khô
Bà con các bạn bè
Ân ái vẫn ràng buộc
Nhưng nay không muốn thấy
Đem bỏ ngoài gò mả.
Thái tử nghe nói chết
Tâm cảm thấy đau buồn
Hỏi: Chỉ người này chết
Hay mọi người đều thế.
Đáp: mọi người đều thế
Có sinh thì có chết
Còn bé hay lớn khôn
Có thân đều tan hoại.
Tâm Thái tử kinh hãi
Thân rũ xuống trước xe
Hơi thở sắp đứt, than:
Người đời có gì vui
Thân rốt cuộc cũng chết
Nhưng vẫn còn buông lung
Tâm chẳng phải gỗ đá
Không hề nghĩ vô thường.
Liền bảo quay xe về
Không phải lúc vui chơi
Thân mạng chết không hẹn
Vì sao lại buông lung?

Đánh xe vâng lệnh vua
 Sợ không dám quay lại
 Liền dong xe đi thẳng
 Đến một khu vườn kia
 Rừng suối chảy thanh tịnh
 Cây tốt hoa nở tươi
 Chim chóc và các thú
 Bay lượn ca hát vang
 Rực rỡ vui tươi mắt
 Như vườn trời Nan-đà.

M

Phẩm 4: DỨT BỎ THAM DỤC

Thái tử vào vườn ấy
 Các cô gái ra đón
 Đề nghị rằng ít gặp
 Tranh nhau dâng lòng thành
 Đề phô trương vẻ đẹp
 Hầu mọi thứ cần dùng.
 Có nàng xoa tay chân
 Có nàng xoa khắp thân
 Lại có nàng cười nói
 Có nàng lộ vẻ buồn
 Đề làm vui Thái tử
 Khiến sinh tâm ưa thích.
 Các nàng thấy Thái tử
 Sắc vui như vị trời
 Không cần các trang sức
 Thân thể vẫn trang nghiêm
 Tất cả đều chiêm ngưỡng
 Rằng vua mặt trăng đến
 Bày mọi thứ vui chơi
 Không động tâm Bồ-tát
 Các cô nhìn ngó nhau

Xấu hổ, chẳng nói được.
 Có con Bà-la-môn
 Tên là Ưu-đà-di
 Nói với các thể nữ:
 “Các cô đều xinh đẹp
 Thông minh nhiều tài năng
 Nhan sắc chẳng tầm thường
 Hiểu biết việc thế gian
 Che giấu cách theo dục
 Nhan sắc đời ít có
 Dáng vẻ như con vua
 Trời thấy còn bỏ vợ
 Thần tiên còn nghiêng nhìn
 Sao đối với Thái tử
 Không chiếm được cảm tình.
 Nay vị Thái tử này
 Tuy giữ tâm bền chắc
 Đức thanh tịnh đầy đủ
 Nhưng không thắng người nữ.
 Thuở xưa, Tôn-đà-lợi
 Mê hoặc được Đại tiên
 Làm mê mẫn ái dục
 Dùng chân đạp trên đầu.
 Cù-đàm tu khổ hạnh
 Cũng bị Thiên hậu phá.
 Vị tiên tên Thắng Cừ
 Mê dục trôi theo dòng.
 Vị tiên Tỳ-thi-bà
 Tu đạo mười ngàn năm
 Mê đắm nàng Thiên hậu
 Một hôm chột tiêu đời.
 Các cô gái đẹp ấy
 Thắng được các phạm hạnh

Huống tài năng các cô
Không cảm được Thái tử.
Phải cố gắng tìm cách
Đừng để vua tuyệt tự
Tánh nữ tuy yếu hèn
Tôn vinh sẽ thắng trời
Sao không dùng hết sức
Làm Thái tử đảm nhiệm”
Bấy giờ các thế nữ
Mừng nghe Ưu-đà nói
Tâm càng thêm hớn hở
Như roi quất ngựa hay
Liền đến trước Thái tử
Mỗi cô dùng mọi cách
Ca múa hoặc nói cười
Nhuộm mày, lộ răng trắng
Mắt đẹp liếc đưa duyên
Áo mỏng lộ thân trắng
Bước đi thật yếu điệu
Dối thân dần đến gần
Dục tình nhén trong tâm
Lại vâng lời nhà vua
Dáng đẹp nào ngại che
Quên mất tâm hổ thẹn
Tâm Thái tử vững chắc
Thản nhiên không biến sắc
Giống như thốt voi mạnh
Các voi vây xung quanh
Không thể làm loạn tâm
Giữa bầy như chỗ vắng.
Giống như trời Đế Thích
Các Thiên nữ vây quanh
Thái tử ở trong vườn
Vây quanh cũng như thế.

Có nàng sửa y phục
Có nàng rửa tay chân
Có nàng hương xoa thân
Có nàng trang điểm hoa
Có nàng xỏ anh lạc
Có nàng điều đỡ thân
Hoặc sửa soạn chỗ nghỉ
Hoặc nghiêng mình nói thầm
Hoặc là kể chuyện vui
Hoặc nói các việc dục
Hoặc làm các tướng dục
Cốt để động tâm Ngài.
Tâm Bồ-tát thanh tịnh
Vững chắc khó lay chuyển
Nghe các thể nữ nói
Không buồn cũng không vui
Càng sinh tâm chán ngán
Cho đây là việc lạ
Mới biết các cô gái
Tâm dục lòng lấy thế
Không biết sắc trẻ đẹp
Chẳng lâu sẽ già chết
Than ôi! Lắm lớn này
Ngu si che phủ tâm
Nên nghĩ già bệnh chết
Ngày đêm cần cố gắng
Dao nhọn đến bên cổ
Làm sao vẫn vui cười?
Thấy người già bệnh chết
Không biết tự quan sát
Nên người bằng gỗ, bùn
Đâu có tâm suy nghĩ
Như đôi cây giữa đồng

Hoa lá đều sum suê
 Một cây bị đốn chặt
 Cây kia không biết sợ
 Các cô gái ở đây
 Vô tâm cũng như thế.
 Bấy giờ, Ưu-đà-di
 Đi đến chỗ Thái tử
 Thấy Ngài ngồi thiền tư
 Tâm không nghĩ năm dục
 Liền thưa Thái tử rằng:
 Nhà vua trước ban lệnh
 Tôi làm bạn với Ngài
 Giờ nên kính vâng lời.
 Bạn lành có ba loại
 Người dứt việc không lợi
 Người làm việc có lợi
 Gặp nạn không bỏ nhau.
 Ta đã là bạn lành
 Mà bỏ nghĩa trượng phu
 Lời không hết ý mình
 Đâu gọi là ba ích.
 Cho nên nói lời thật
 Nói lên tâm thành mình
 Khi tuổi còn trẻ trung
 Nhan sắc còn đầy đặn
 Không coi trọng người nữ
 Vì thân họ không bền
 Dù cho không thật tâm
 Phải phương tiện mà nhận
 Nên sinh tâm mềm mỏng
 Tùy thuận lấy lòng họ.
 Ái dục thêm kiêu mạn
 Không ai hơn người nữ
 Dù nay tâm tuy trái

Pháp nên theo phương tiện
 Thuận tâm họ làm vui
 Thuận là vật trang nghiêm
 Nếu người tùy thuận theo
 Như cây không hoa trái.
 Vì sao phải thuận theo?
 Vì tiếp nhận việc ấy.
 Đã được cảnh khó được
 Chớ sinh tâm xem thường
 Ái dục là bậc nhất
 Trời còn không quên được
 Để Thích còn tư thông
 Với vợ tiên Cù-đàm.
 Vị tiên A-già-đà
 Ngày đêm tu khổ hạnh
 Vì để cầu Thiên hậu
 Nhưng không được toại nguyện.
 Vị tiên Bà-la-đọa
 Và vị trời mặt trăng
 Vị tiên Bà-la-xá
 Và Ca-tân-đà-la
 Rất nhiều vị như thế
 Đều bị sắc đẹp hại
 Huống nay cảnh giới mình
 Mà không thể vui sướng.
 Đời trước gieo cội đức
 Được bao thứ đẹp xinh
 Thế gian đều say đắm
 Nhưng tâm không coi trọng”.
 Lúc bấy giờ Thái tử
 Nghe bạn Ưu-đà nói
 Vừa hay vừa lạnh lợi
 Khéo nêu tướng thế gian

Bèn đáp: “Này Ưu-đà,
Cảm ân anh thành tâm
Bây giờ tôi xin nói
Xin anh lắng nghe cho.
Không bỏ cảnh giới mâu
Cũng biết vui người đời
Chỉ thấy sự vô thường
Nên sinh tâm khổ lụy
Nếu pháp này thường còn
Không khổ già, bệnh, chết
Tôi cũng nên thọ vui
Không có tâm nhàm lìa.
Nếu làm cho mỹ nữ
Và cảnh không suy biến
Thì dục tuy là lỗi
Nhưng có thể để tâm.
Người có già, bệnh, chết
Kia nên tự không vui
Huống gì đối người khác
Mà sinh tâm đắm nhiễm
Cảnh năm dục vô thường
Tự thân đều cũng thế
Nếu sinh tâm yêu thích
Thì đồng với cầm thú.
Các tiên anh nói trên
Là người đắm năm dục
Nếu họ sinh nhàm chán
Ái dục tự nhiên mất
Được gọi là Thắng sĩ.
Mê đắm cảnh năm dục
Cũng lại đồng tan mất
Nên biết họ chẳng hơn
Nếu nói nhờ phương tiện
Tùy thuận mà tập gần

Tập là đắm nhiễm thật
 Đâu được gọi phương tiện.
 Thuận theo sự luống dối
 Việc ấy tôi không làm
 Nếu thật sự thuận theo
 Thì đó là phi pháp
 Tâm này khó đè nén
 Gặp việc liền sinh đắm
 Đắm rồi, không thấy lỗi
 Sao gọi tùy phương tiện?
 Ở thuận mà tâm trái
 Lý này tôi không thấy
 Già, bệnh, chết như thế
 Chứa nhóm sự khổ lớn
 Khiến tôi rơi vào đó
 Tri thức không nói thế.
 Nay bạn Ưu-đà-di,
 Bạn thật can đảm lắm
 Khổ sinh, già, bệnh, chết
 Khổ này rất đáng sợ
 Mắt thấy đều mục nát
 Nhưng vẫn thích chạy theo.
 Giờ, tôi rất yếu hèn
 Tâm cũng lại nhỏ hẹp
 Suy nghĩ già, bệnh, chết
 Chợt đến không báo trước
 Ngày đêm quên ngủ nghỉ
 Vì sao đắm năm dục?
 Lửa già, bệnh, chết hừng
 Chắc chắn đến không nghi
 Vẫn không biết lo lắng
 Thật là tâm gỗ đá”.
 Thái tử vì Ưu-đà

Dùng các phương tiện khéo
 Nói dục là họa lớn
 Bất giác đến một chiều...
 Bấy giờ, các thể nữ
 Kỹ nhạc, vật trang nghiêm
 Tất cả đều vô dụng
 Hồ thẹn trở vào thành.
 Thái tử thấy khu vườn
 Trang nghiêm bị bỏ phế
 Kỹ nữ đều ra về
 Bèn trở nên vắng lặng
 Càng thấy rõ vô thường
 Cúi đầu trở về cung
 Vua cha nghe Thái tử
 Tâm dứt bỏ năm dục
 Sinh tâm rất lo buồn
 Như gai đâm vào tim
 Liền cho vời các quan
 Hỏi phải làm cách nào
 Để đáp rằng năm dục
 Chẳng giữ được Thái tử.

M

Phẩm 5: XUẤT THÀNH

Vua lại cho bày thêm
 Đồ năm dục hấp dẫn
 Để ngày đêm vui chơi
 Mong vui lòng Thái tử.
 Thái tử rất chán ngán
 Hoàn toàn không ưa thích
 Chỉ nghĩ khổ sống, chết
 Như sư tử trúng tên.
 Vua sai các quan lớn
 Con, em hàng quý tộc

Tuổi trẻ, nhan sắc đẹp
 Thông minh giữ lễ nghi
 Ngày du ngoạn đêm nghỉ
 Để lấy lòng Thái tử.
 Vui chơi không bao lâu
 Lại xin vua du ngoạn
 Thái tử ngồi xe ngựa
 Vật trang nghiêm các báu
 Cùng những người quý tộc
 Vây quanh ra khỏi thành.
 Thí như bốn thứ hoa
 Nặng lên đều hé nở
 Thái tử xem cảnh đẹp
 Người hầu cũng nương theo
 Rời thành dạo vườn rừng
 Đường sửa rộng lại bằng
 Cây cối hoa quả tốt
 Tâm vui nên quên về
 Thấy người cày bên đường
 Xới đất giết sâu trùng
 Tâm Ngài sinh buồn thương
 Đau hơn gai đâm tim,
 Lại thấy nông phu kia
 Cực khổ thân gầy ốm
 Tóc rối, mồ hôi chảy
 Mình dính đầy đất bùn
 Trâu cày cũng khốn khổ
 Lè lưỡi thở dập dồn
 Tánh Thái tử từ bi
 Sinh tâm rất thương xót
 Buồn thương Ngài than dài.
 Ngài nhẹ ngồi xuống đất
 Quán sát các khổ này

Suy nghĩ pháp sinh diệt:
 Than ôi! Các chúng sinh
 Ngu si không giác ngộ.
 Ngài an ủi mọi người
 Mọi người tìm chỗ nghỉ.
 Dưới bóng cây Diêm-phù
 Ngài ngồi thẳng, suy nghĩ
 Quán sát các sinh tử
 Khởi diệt biến vô thường
 Tâm định yên bất động
 Mây năm dục tan bay
 Có giác và có quán
 Nhập sơ vô lậu thiền
 Là dục sinh vui mừng
 Chánh thọ tam-ma-đề.
 Thế gian rất cay đắng
 Già, bệnh, chết phá hoại
 Rốt cuộc thân chịu khổ
 Mà không tự hay biết
 Chán già, bệnh, chết kia
 Vì nó là khổ lớn.
 Nay Ta cầu thẳng pháp
 Không nên đồng thế gian
 Từ nhỏ, già, bệnh, chết
 Mà trở lại ghét người
 Quán chân thật như vậy.
 Tuổi trẻ, đầy sức lực
 Luôn đổi thay không dừng
 Rốt cuộc rồi cũng chết
 Không vui cũng không buồn
 Không nghi cũng không loạn
 Không ngủ không đấm dục
 Không hại, không ghét người
 Vắng lặng là năm cái

Ánh trí tuệ càng sáng.
 Bấy giờ trời Tịnh cư
 Hóa thành vị Tỳ-kheo
 Đi đến chỗ Thái tử
 Thái tử đứng dậy đón
 Hỏi rằng Người là ai?
 Đáp: “Tôi là Sa-môn
 Chán sợ già, bệnh, chết
 Xuất gia cầu giải thoát.
 Chúng sinh già, bệnh, chết
 Biến hoại không tạm dừng
 Nên tôi cầu thường vui
 Không diệt cũng không sinh
 Tâm oán, thân bình đẳng
 Không vì cầu tài sắc
 Chỉ ở nơi núi rừng
 Vắng lặng, không mutu cầu
 Trần tượng đã dứt bật
 Sống nổi chốn vắng lặng
 Không lựa chọn tinh thô
 Khất thực để nuôi thân”.
 Liền ở trước Thái tử
 Bay thẳng lên hư không.
 Tâm Thái tử vui mừng
 Chỉ nghĩ Phật quá khứ
 Đặt ra oai nghi này
 Tướng ấy nay vẫn còn
 Ngồi thẳng suy nghĩ đúng
 Liền được niệm chánh pháp
 Vậy phải làm cách nào
 Được toại ý xuất gia
 Giữ tâm, gìn các căn.
 Đứng dậy, trở vào thành

*Quyển thuộc đều đi theo
Bảo thôi, đừng đi xa
Trong thâm khởi thương xót
Phương tiện vượt thế gian
Thân tuy theo đường về
Nhưng tâm ở núi rừng
Như voi điên bị xích
Thường nghĩ đạo đồng trống.
Khi Thái tử vào thành
Gái trai ra đón rước
Người già muốn làm con
Trẻ muốn làm chồng vợ
Hoặc mong làm anh em
Các bà con quyển thuộc
Hoặc sẽ được như nguyện
Mong dứt bỏ các tập.
Tâm Thái tử vui mừng
Chợt nghe nói dứt tập
Lời này Ta thích nghe
Nguyện này chắc sẽ thành
Nghĩ kỹ vui dứt tập
Tâm Niết-bàn thêm lớn
Thân như ngọn núi vàng
Tay tròn như vòi voi
Tiếng nói như sấm xuân
Mắt xanh như trâu chúa.
Tâm là vô tận pháp
Mặt như vàng trắng tròn
Sư tử đầu đàn bước
Từ từ vào hoàng cung
Như con trời Đế Thích
Tâm kính thân cũng kính
Đi đến chỗ vua cha
Cúi đầu và thăm hỏi,*

Nói việc sợ sinh tử
Tha thiết xin xuất gia
Tất cả các thế gian
Muốn cầu chân giải thoát.
Vua cha nghe xuất gia
Tâm liền rất sợ hãi
Giống như voi điên lớn
Quấn giết cành cây con,
Liền cầm tay Thái tử
Rơi lệ bảo con rằng:
Hãy thôi, đừng nói vậy
Chưa phải lúc y pháp
Tuổi trẻ tâm dao động
Hành pháp thường sinh lỗi
Cảnh năm dục lạ thường
Tâm vẫn chưa chán lia,
Xuất gia tu khổ hạnh
Tâm chưa thể quyết định
Trong rừng núi vắng vẻ
Tâm chưa được vắng lặng,
Tâm con tuy ưa pháp
Chưa đúng lúc như ta
Con nên nhận việc nước
Nhường ta xuất gia trước.
Bỏ cha, dứt nối dòng
Đó là không đúng pháp
Nên bỏ ý xuất gia
Thọ học pháp thế gian
An vui được danh tiếng
Thái tử khéo chối từ
Rồi sau sẽ xuất gia.
Lại tâu xin vua cha
Thực hiện cho bốn việc

Sẽ bỏ ý xuất gia:
Giữ mạng con còn mãi
Không bệnh, không suy già
Các vật không tổn giảm
Vâng lệnh không xuất gia.
Vua cha bảo Thái tử:
“Con đừng nói như thế
Bốn việc như thế ấy
Ai có thể giữ được
Con xin bốn việc ấy
Sẽ bị người cười chê
Hãy bỏ tâm xuất gia
Hưởng thụ vui năm dục”.

Thái tử lại tâu vua:
“Bốn việc không giữ được
Hãy cho con xuất gia
Xin đừng cố giữ lại
Con ở trong nhà cháy
Sao cha không cho ra?
Phân tích về lý thường
Ai nữ không chấp nhận
Nếu phải tự chết đi
Chẳng bằng lia đúng pháp
Nếu không lia đúng pháp
Chết đến ai giữ được”.

Vua cha biết tâm con
Nhất quyết không lay chuyển
Chỉ nên ra sức giữ
Cần gì phải nhiều lời
Chọn thêm các thể nữ
Vui năm dục hấp dẫn
Ngày đêm luôn canh chừng
Không cho đi xuất gia.
Các vị quan trong nước

Đi đến chỗ Thái tử
Dẫn nhiều các lễ luật
Khuyên nghe lời vua cha.
Thái tử thấy vua cha
Buồn thương khóc rơi lệ
Lại trở về trong cung
Ngồi lặng im suy nghĩ.
Các thể nữ trong cung
Gần gũi vây quanh Ngài
Hầu hạ nhìn dung mạo
Mắt không hề tạm rời
Như nai rừng mùa thu
Mắt nhìn thẳng thợ săn.
Dung mạo của Thái tử
Giống như núi vàng ròng
Kỹ nữ cùng chiêm ngưỡng
Nghe dạy, hầu tôn nhan
Kính sợ, xét tâm Ngài
Như nai trong rừng kia
Dần dần đến chiều tối.
Thái tử ngồi trong đêm
Nhưng ánh sáng rực rỡ
Như trời chiếu Tu-di
Ngồi trên tòa bảy báu
Xông ướp hương chiên-đàn.
Các thể nữ vây quanh
Trổi tiếng Càn-thát-bà
Như con Tỳ-sa-môn
Các tiếng nhạc trời hay.
Tâm Thái tử nhớ nghĩ
Vua xa lìa bậc nhất
Tuy trổi các tiếng hay
Cũng không vào tâm Ngài.

Bấy giờ trời Tịnh cư
 Biết đến giờ Thái tử
 Quyết định nên xuất gia
 Trời chợt hóa hiện đến
 Che mắt các kỹ nữ
 Khiến họ đều ngủ say
 Xiêm y đều xốc xếch
 Hở hang lộ thân hình
 Mê man nằm nghiêng ngả
 Nhạc cụ nằm ngổn ngang,
 Dật dựa hoặc nằm sấp
 Hoặc giống lao xuống vực
 Anh lạc như xiềng xích
 Xiêm y quấn vào thân
 Ôm đàn nằm ngã giữa
 Giống như người thọ khổ.
 Thị nữ nằm loạn khắp
 Như hoa Ca-ni rụng
 Ngặt nghèo dựa tường ngủ
 Hình dạng như sừng treo,
 Hoặc tay vịn cửa sổ
 Như thầy chết thất cổ
 Luôn há mồm ngáy vang.
 Ôi thôi! Nước dãi chảy
 Tóc rối, lộ thân hình
 Trông như người điên cuồng
 Vòng hoa rũ che mặt
 Hoặc úp mặt xuống đất
 Hoặc toàn thân cựa động
 Như chim riêng vùng vẫy
 Hoặc thân gối lên nhau
 Tay chân gác lên nhau
 Hoặc mặt mày nhăn nhó
 Hoặc nhắm mắt mở miệng

Nhiều thân nằm ngổn ngang
 Bữa bãi như xác chết.
 Lúc ấy Thái tử ngồi
 Quán sát các thể nữ
 Lúc này thật xinh đẹp
 Nói cười tâm ranh mãnh
 Yếu điệu dáng thướt tha
 Sau giờ đây xấu bản.
 Tánh người nữ như thế
 Làm sao dám gần gũi
 Tắm gội, giả trang sức
 Mê hoặc tâm người nam
 Nay Ta đã biết rồi
 Quyết định đi, không nghi.
 Bấy giờ trời Tịnh cư
 Bay xuống mở cửa thành
 Ngài từ từ đứng dậy
 Ra khỏi đám thể nữ
 Ngập ngừng vào phòng trong
 Mà bảo Xa-nặc rằng:
 Giờ tâm Ta khát ngưỡng
 Muốn uống nước cam lộ
 Mau dẫn ngựa kia đến
 Muốn đến nơi bát tử.
 Tự biết tâm quyết định
 Vững chắc thể trang nghiêm
 Thể nữ vốn xinh đẹp
 Nay đều lộ tướng xấu.
 Lúc này cửa còn đóng
 Giờ đây đã tự mở
 Những điều kiện tốt này
 Là phương tiện bậc nhất.
 Xa-nặc thâm suy nghĩ:

Nếu vâng lời Thái tử
Trốn đi, vua cha biết
Bị phạt, mang tội nặng.
Chư Thiên gia sức thần
Bất giác dẫn ngựa đến
Ngựa hay, yên ngồi phẳng
Làm bằng các thứ báu;
Ngựa cao, đuôi lại dài
Lưng hẹp, lông tai ngắn
Bụng nai, cổ ngỗng chúa
Trán rộng, mũi bầu tròn
Cổ rộng và ngực vuông
Đầy đủ tướng ngựa quý.
Thái tử vỗ đầu ngựa
Xoa thân mà bảo rằng:
Vua cha thường cỡi ngựa
Xông trận đánh thắng giặc
Nay Ta muốn nhờ người
Đi đến bến cam lộ
Chiến đấu nhiều binh lữ
Vinh hoa lắm bạn cùng.
Người đi buôn tìm báu
Kẻ theo buôn cũng đông
Gặp khổ, khó thấy bạn
Cầu pháp, càng ít bạn
Nếu được hai bạn này
Chắc chắn được an lành.
Giờ Ta muốn vượt thành
Hóa độ chúng sinh khổ
Nay người muốn tự lợi
Và giúp các chúng sinh
Thì phải nên cố gắng
Đường dài chớ mỏi mệt.
Khuyên rồi, Ngài lên yên

*Giật dây cương lên đường
Dáng người in điện các
Bóng ngựa như mây trắng
Giữ thân, chẳng buông lời
Nén thở, không dám động
Bốn thần nâng vó câu
Vắng lặng không tiếng động
Nhiều lớp cửa khóa chặt
Thiên thần làm chúng mở.
Kính trọng ai bằng cha
Thương ai hơn thương mẹ
Các quyến thuộc trong ngoài
Ái ân cũng buộc ràng
Có tình nhưng không nghĩ
Nhẹ nhàng ra khỏi thành
Mất hoa sen thanh tịnh
Mọc lên từ bùn nhơ
Quay nhìn cung phụ vương
Mà nói lời ly biệt:
Không vượt sinh già chết
Không có cuộc đi này.
Tất cả các Thiên chúng
Rồng, Quỷ thần trên không
Vui theo, khen lành thay
Chỉ lời này chân đế.
Các Trời, Rồng, Quỷ thần
Vui được tâm khó được
Đều đem ánh sáng mình
Dẫn dắt giúp sáng thêm
Người ngựa lòng nôn nóng
Đi nhanh như sao rơi
Phía đông trời chưa sáng
Đã vượt ba do-tuần.*



PHẬT SỞ HÀNH TÁN

QUYỂN 2

Phẩm 6: XA-NẶC TRỞ VỀ

*Không lâu đêm đã qua
Ánh thái dương dần hiện
Nhìn lại khoảng cây rừng
Chỗ vị tiên Bạt-già
Cánh rừng già bát ngát
Cầm thú gần gũi người
Thái tử thấy, tâm vui
Thân mệt tự nhiên hết
Đây là các điều lành
Ắt được lợi chưa từng
Lại thấy vị tiên kia
Là người đáng cúng dường
Tự giữ gìn oai nghi
Dứt bỏ tâm cao mạn
Xuống ngựa, tay xoa đầu:
“Nay, người đã giúp Ta”
Mắt Từ nhìn Xa-nặc
Như rửa nước mát thấm nhuần
Rằng ngựa chạy như bay
Người vẫn bám đuôi ngựa,
Cảm ân sâu của người
Siêng năng không lười biếng
Việc khác không đáng kể
Chỉ nhận tâm người thành*

Tâm kính, dáng cần mẫn
 Nay thấy hai việc này
 Người có tâm chí thành
 Sức mạnh khó đảm đương
 Sức kham, tâm không thành
 Người đầy đủ cả hai
 Bỏ danh lợi thế gian
 Theo Ta từng bước chân.
 Ai mà không ham lợi
 Không lợi, người thân là
 Hôm nay, người theo Ta
 Không mong báo hiện đời
 Phu nhân sinh, nuôi con
 Mục đích là nối dòng
 Cho nên thờ kính vua
 Là để báo ân nuôi
 Tất cả đều cầu lợi.
 Người bỏ lợi theo Ta
 Chí ngôn không cầu nhiều
 Giờ sẽ lược bảo người:
 Người hầu Ta đã xong
 Giờ hãy cởi ngựa về
 Ta từ đêm dài đến
 Giờ được điều mong cầu.
 Liền cởi chuỗi anh lạc
 Và trao cho Xa-nặc:
 An ủi nỗi buồn người
 Cởi mũ báu, ma-ni
 Ánh sáng soi thân Ngài
 Trao trên tay Xa-nặc
 Như trời chiếu Tu-di.
 Người hãy cầm châu báu
 Trở về chỗ vua cha
 Cầm châu lễ chân vua

Để tỏ tâm thành Ta
Tâu vua cha giùm Ta
Xin bỏ tâm ái luyến
Vì thoát sinh, già, chết
Nên vào rừng khổ hạnh
Cũng không cầu sinh Thiên
Không có tâm ái luyến
Cũng không tâm kết hận
Chỉ muốn bỏ lo buồn,
Đêm dài nhóm ân ái
Phải có lúc biệt ly
Vì có sự chia ly
Nên tìm nhân giải thoát.
Nếu người được giải thoát
Không lúc nào lìa thân
Vì dứt ái, xuất gia
Chớ vì con lo buồn
Năm dục là gốc khổ
Nên lo người đấm dục
Không ai hơn các vua
Tâm vững chắc không dời.
Nay Ta đem tài sản
Vì pháp mà xả bỏ.
Khi phu nhân qua đời
Tài sản để lại con
Phần nhiều tham tài lợi
Nhưng ta ưa pháp tài.
Nếu nói người tuổi trẻ
Chẳng phải lúc tìm học
Phải biết cầu chánh pháp
Lúc nào cũng là lúc.
Vô thường không hẹn kỳ
Thần chết thường rình rập

Cho nên hôm nay Ta
Quyết định phải cầu pháp
Những lời râu như trên
Thưa vua cha giùm Ta.
Nay cúi xin vua cha
Không ái luyến Ta nữa
Nếu vì ta hủy hình
Mà giúp vua cất ái
Người đừng nên tiếc lời
Khiến vua nhớ không thôi.
Xa-nặc vâng lời dạy
Trong lòng buồn u uất
Quỳ xuống chấp hai tay
Đáp lời Thái tử rằng:
Thần sẽ về thưa lại
Sợ vua càng buồn khổ
Buồn khổ càng thêm nặng
Như voi bị sa lầy
Nhất định lia ân ái
Có tâm, ai không buồn
Vàng, đá còn bị vỡ
Hướng gì đắm tình ái
Thái tử sống trong cung
Ít vui, thân yếu đuối
Nay dẫn thân rừng núi
Khổ hạnh sao kham nổi.
Lúc Ngài bảo đem ngựa
Trong tâm thần không yên
Thiên thần thấy thúc giục
Bảo thần mau sửa soạn.
Vì sao khiến Thái tử
Quyết định bỏ thâm cung
Cả nước Ca-tỳ-la
Đều sinh tâm đau buồn

Vua cha tuổi đã già
Lòng thương con cũng sâu
Quyết định bỏ xuất gia
Là việc không nên làm.
Tà kiến không cha mẹ
Điều ấy không cần bàn
Cù-đàm-di nuôi lớn
Bú sữa thân khó gầy
Tình thương khó thể quên
Đừng làm người bội ân.
Còn nhỏ nhờ ân di
Phải thờ phụng dòng họ
Khôn lớn lại bỏ đi
Đó là người không tốt.
Con nàng Da-du-đà
Giữ chánh pháp trị nước
Nhưng tuổi còn quá nhỏ
Ngài cũng không nên bỏ.
Đã trái bỏ vua cha
Và bà con quyến thuộc
Xin Ngài đừng bỏ thân
Thần không thể xa Ngài
Tâm thần như lửa nóng
Không thể về một mình
Giờ đây chốn hui quạnh
Bỏ Thái tử mà về
Cũng giống Tu-mạn-đê
Nỡ xả bỏ La-ma
Giờ nếu về một mình
Biết tâu vua làm sao?
Cả cung đều quả trách
Biết trả lời thế nào?
Thái tử bảo thân là

Tùy phương tiện hủy hình
Chỗ công đức Mâu-ni,
Làm sao nói dối được?
Thần rất là xấu hổ
Miệng không thể nói được
Dù cho có nói được
Thì mọi người ai tin?
Nếu nói ánh trăng nóng
Thế gian có người tin
Nếu có tin Thái tử
Việc làm cũng phi pháp
Tâm Thái tử hiền hòa
Từ bi với tất cả
Rất thương mà lia bỏ
Thì trái với tâm xưa
Xin hãy trở về cung
Để an ủi lòng thần.
Thái tử nghe nói vậy
Lòng buồn khổ, can rằng:
Người hãy yên lòng đi.
Lại bảo Xa-nặc rằng:
Giờ người đã vì ta
Mà chịu khổ chia ly
Hãy bỏ tâm buồn ấy
Tự an ủi tâm mình
Chúng sinh đều khác đường
Trái lý, cho là thường
Dù ngày hôm nay ta
Không bỏ các thân tộc
Khi chết tâm lia thân
Làm sao giữ lại được?
Mẹ hiền mang thai ta
Thương con thường chịu khổ
Sinh rồi liền qua đời

*Không mong con nuôi mình
Người còn, mất khác đường
Giờ biết tìm ở đâu?
Cây cao tốt giữa đồng
Các bầy chim bu đậu
Chiều tụ, sáng bay đi
Sự chia ly cũng thế.
Mây nổi trên núi cao
Tụ đầy khắp hư không
Khoảnh khắc lại tan biến
Lý con người cũng thế
Thế gian vốn tự trái
Tạm hội, ân ái buộc
Như hợp tan trong mộng
Không nên chấp của ta
Như cây mọc mùa xuân
Lớn dần, cành lá tốt
Sương thu làm rơi rụng
Cùng cây còn chia lìa
Huống người tạm hội họp
Thân thích đâu gần mãi.
Người hãy dứt buồn khổ
Nghe lời ta trở về
Ta vẫn nghĩ ngày về
Hãy về, sau ta về.
Người Ca-tỳ-la-vệ
Nghe tâm ta quyết định
Vẫn còn nghĩ đến ta
Người hãy nói với họ
Khi vượt biển sinh tử
Thì ta sẽ trở về
Nếu không được như vậy
Thì bỏ thân núi rừng.*

Ngựa trắng nghe Thái tử
 Nói lời chân thật ấy
 Quỳ xuống liếm chân Ngài
 Thở dài, lệ tuôn rơi
 Đưa tay có bánh xe
 Vuốt xuôi đầu ngựa trắng:
 Người chớ có buồn thương
 Nay ta cảm ân người
 Công lao khó nhọc của
 Ngựa giỏi nay đã xong
 Khổ đường ác dứt hẳn
 Quả mầu nay sẽ hiện.
 Thanh kiếm báu trang nghiêm
 Xa-nặc thường mang theo
 Thái tử rút kiếm bén
 Lóe sáng như ánh rồng
 Mũ báu phủ tóc đen
 Gom cắt, vung lên không
 Bay lên không rồi dừng
 Bềnh bồng như chim liệng.
 Các trời Đao-lợi xuống
 Đem tóc về cõi trời
 Họ thường muốn lễ chân
 Huống nay được tóc Ngài
 Điều hết lòng cúng dường
 Đến khi chánh pháp diệt.
 Lúc ấy Thái tử nghĩ:
 Đã bỏ vật trang nghiêm
 Chỉ còn áo lụa trắng
 Chưa phải tướng xuất gia.
 Bấy giờ trời Tịnh cư
 Biết ý nghĩ Thái tử
 Hóa thành người thợ săn
 Cầm cung, đeo tên bén

*Thân mặc y ca-sa
Đi đến trước Thái tử.
Thái tử nghĩ y này
Là y phục thanh tịnh
Màu nhuộm, các tiên mặc
Thợ săn không nên đắp,
Liên gọi thợ săn lại
Nói lời nhỏ nhẹ rằng:
Anh đổi y phục này
Dường như không thích lắm
Vậy xin anh hãy đổi
Với áo tôi đang mặc.
Thợ săn bảo Thái tử:
“Tôi chẳng tiếc áo này
Nhưng để dụ bầy nai
Rồi sau đó giết chúng
Nhưng nếu Ngài cần dùng
Thì ta đổi với nhau”
Thợ săn đổi y rồi
Bèn hiện lại thân trời.
Thái tử và Xa-nặc
Thấy vậy cho rằng lạ
Đây hẳn y vô sự
Chẳng phải áo người đời
Trong tâm rất vui mừng
Càng kính y này hơn,
Liên chia tay Xa-nặc
Mặc vào y ca-sa
Giống như áng mây xanh
Vờn quanh vòng nhật nguyệt
Khoan thai nhẹ bước đi
Vào trong hang vị tiên.
Xa-nặc dõi mắt theo*

Khuất dân, không thấy nữa
 Thái tử bỏ vua cha
 Quyến thuộc và bản thân
 Yêu quý y ca-sa
 Vào trong rừng khổ hạnh,
 Ngửa mặt lên kêu trời
 Ngất xỉu té xuống đất
 Gượng dậy ôm cổ ngựa
 Tuyệt vọng theo đường về
 Bồi hồi thường quay nhìn
 Thân đi, tâm trở lại
 Hoặc trầm tư thất thân
 Hoặc rũ rượi toàn thân
 Hoặc ngã rồi gượng dậy
 Buồn khóc theo đường về.

M

Phẩm 7: VÀO RỪNG KHỔ HẠNH

Thái tử rời Xa-nặc
 Đi vào chỗ vị tiên
 Thân trang nghiêm rực sáng
 Chiếu khắp rừng khổ hạnh
 Đầy đủ tất cả nghĩa
 Nghĩa nào cũng đến được.
 Như sư tử đầu đàn
 Đi vào trong bầy thú
 Đáng tặc đều đã bỏ
 Chỉ thấy tướng đạo nhân.
 Những người học đạo tiên
 Thấy bậc chưa từng thấy
 Tâm vừa sợ vừa mừng
 Chắp tay đưa mắt nhìn.
 Gái, trai đang làm việc
 Liền đứng yên mà nhìn

Như trời thấy Đế Thích
 Nhìn sững mắt không chớp.
 Các tiên không đời chân
 Chăm chú nhìn cũng thế
 Mang nặng, tay làm việc
 Kính nhìn không bỏ việc.
 Như trâu bị buộc ách
 Thân đi, tâm ở lại
 Những người học thần tiên
 Điều nói chưa từng thấy.
 Các chim công vân vân
 Bay liệng kêu riu rít.
 Phạm chí giữ giới nai
 Theo nai vào rừng núi
 Tánh nai nhát hay nhìn
 Thấy Thái tử nhìn thẳng
 Các Phạm chí theo nai
 Cũng nhìn thẳng như thế.
 Đền Cam Giá thêm sáng
 Như mặt trời mới mọc
 Cảm được đàn bò sữa
 Cho thêm nhiều sữa ngọt.
 Các vị Phạm chí ấy
 Sợ lẫn mừng bảo nhau
 Trời Bà-tầu thứ tám
 A-thấp-ba thứ hai
 Hay Ma vương thứ sáu
 Hay trời Phạm-ca-di
 Hay là trời Nhật nguyệt
 Giáng hạ xuống trần gian?
 Chính là Bạc đáng kính
 Đua nhau đến cúng dường
 Thái tử cũng khiêm nhường

Kính dùng lời hỏi han.
 Bồ-tát quán sát khắp
 Các Phạm chí trong rừng
 Tu các thứ phước nghiệp
 Điều cầu sinh cõi trời
 Hỏi Phạm chí trưởng túc
 Thực hành đạo chân thật:
 “Nay tôi mới đến đây
 Chưa biết hành pháp gì
 Việc nào cũng thưa hỏi
 Xin giải thích giùm tôi”.
 Bấy giờ hai vị ấy
 Đều đem các khổ hạnh
 Lần lượt tùy việc đáp:
 “Không được vào xóm làng
 Nước sạch sinh ra vật
 Hoặc ăn rễ, cành, lá
 Hoặc lại ăn hoa quả.
 Các thứ đạo khác nhau
 Uống ăn cũng không đồng
 Hoặc tu giống như chim
 Hai chân kẹp thức ăn,
 Người ăn cỏ như nai
 Tiên Mãng-đà hút gió
 Cây, đá già không ăn
 Hai răng cắn thành vết,
 Hoặc xin ăn đem cho
 Còn dư tự mình ăn
 Hoặc đầu thường xối nước
 Hoặc lại kính thờ lửa,
 Trầm mình, tu tiên cá
 Các hạnh tu như thế
 Phạm chí tu khổ hạnh
 Sẽ được quả an vui”.

Bậc Hiền lương tức tôn
Nghe các khổ hạnh này
Không thấy nghĩa chân thật
Trong tâm không hân hoan
Suy nghĩ thương xót họ
Tâm, miệng tự bảo nhau:
“Buồn thay! Các khổ hạnh
Chỉ cầu báu trời, người
Xoay vòng trong sinh tử
Khổ nhiều mà quả ít.
Bỏ cha mẹ, năm dục
Quyết định cầu sinh Thiên
Tuy tránh khỏi khổ nhỏ
Nhưng lại mắc khổ lớn.
Tự làm thân khô gầy
Tu hành các khổ hạnh
Để cầu được thọ sinh
Nuôi lớn nhân năm dục
Không quán sát sinh tử
Dùng khổ để cầu khổ.
Tất cả loài chúng sinh
Tâm thường hay sợ chết
Siêng năng cầu thọ sinh
Hết sinh lại gặp tử
Tuy là sợ các khổ
Nhưng mãi chìm biển khổ.
Sinh ấy rất nhọc nhằn
Đời sau lại không dứt
Theo khổ cầu hiện vui
Cầu sinh Thiên cũng nhọc
Tâm cầu vui thấp hèn
Đều rơi vào phi nghĩa
Cho nên rất hèn kém

Tinh tấn thì tốt hơn
 Chẳng bằng tu trí tuệ
 Cả hai bỏ, vô vi.
 Khổ thân là đúng pháp
 An vui là phi pháp
 Trước hành pháp, sau vui
 Nhân đúng pháp, quả phi.
 Thân thực hành sinh diệt
 Điều do sức tâm ý
 Nếu xa lìa tâm ý
 Thân này như cây khô.
 Cho nên phải điều tâm
 Tâm điều, thân tự đúng
 Nếu ăn sạch có phước
 Thì cầm thú, người nghèo
 Thường hay ăn rau trái
 Thì họ có phước sao?
 Nếu nói tâm lành khởi
 Khổ hạnh là nhân phước
 Các hạnh an vui kia
 Sao không tâm lành khởi?
 Vui chẳng tâm lành khởi
 Lành chẳng phải nhân khổ.
 Nếu các ngoại đạo kia
 Cho nước là thanh tịnh
 Chúng sinh sống dưới nước
 Nghiệp ác nên thường tịnh.
 Kia vốn là nơi chốn
 Tiên Công đức nương ở
 Nơi tiên Công đức ở
 Nên khắp thế tôn trọng
 Nên trọng công đức kia
 Không nên trọng nơi chốn”.
 Như thế rộng nói pháp

Mãi cho đến chiều tối
Thấy có người thờ lửa
Hoặc dùi, hoặc thổi cháy
Hoặc người tưới dầu tô
Người cất tiếng chú nguyện
Như thế trọn ngày đêm
Quán sát việc họ làm
Không thấy nghĩa chân thật
Cho nên muốn bỏ đi.
Bấy giờ các Phạm chí
Đều đến khuyên ở lại
Kính ngưỡng đức Bồ-tát
Ai cũng đều khuyên mời
Ngài từ chỗ phi pháp
Đến rừng chánh pháp này
Mà lại muốn bỏ đi
Cho nên khuyên ở lại.
Các Phạm chí tôn túc
Tóc rối, mặc y cỏ
Đi theo sau Bồ-tát
Xin thỉnh Ngài ở lại.
Bồ-tát thấy họ già
Đi theo thân mệt nhọc
Dừng nghỉ dưới gốc cây
An ủi khuyên họ về.
Các Phạm chí lớn trẻ
Vây quanh chấp tay thỉnh:
“Ngài chợt đến nơi này
Làm vườn rừng sung mãn
Mà nay bỏ ra đi
Khiến trở thành gò hoang
Như người thích sống lâu
Không muốn bỏ thân mình

Chúng ta cũng như thế
 Xin Ngài hãy ở lại.
 Các Phạm chí chốn này
 Tiên vua và Tiên trời
 Đều nương ở nơi này
 Lại gần bên núi Tuyết
 Thêm nhiều các khổ hạnh
 Chỗ ấy không hơn đây.
 Rất nhiều các học sĩ
 Nhờ đường này sinh Thiên
 Người cầu phước học tiên
 Đều từ đây lên Bắc
 Nhiếp thọ các chánh pháp
 Kể trí không về Nam.
 Nếu Ngài thấy chúng tôi
 Biếng nhác không tinh tấn
 Hành các pháp bất tịnh
 Mà không thích ở thì
 Chúng tôi đều sẽ đi
 Ngài hãy ở lại đây.
 Các vị Phạm chí này
 Thường tìm bạn khổ hạnh
 Ngài vì khổ hạnh dài
 Vì sao lại bỏ nhau
 Nếu Ngài ở lại đây
 Được thờ như Đấng Thích
 Cũng như các trời thờ
 Tỳ-lê-ha-bát-để.”
 Bồ-tát nói với các
 Phạm chí rồi, tâm hện:
 “Ta tu phương tiện đúng
 Chỉ muốn dứt ba cõi.
 Tâm các vị ngay thẳng
 Hành pháp cũng vắng lặng

*Quý mến người đến tu
Tâm tôi thật ưa thích
Nói hay cảm lòng người
Người nghe đều tấm gội.
Nghe lời các vị nói
Lòng ưa pháp tôi tăng
Các vị hướng về tôi
Cho là người bạn pháp
Mà nay bỏ các vị
Tâm tôi rất buồn bã.
Trước rời xa quyến thuộc
Nay chia tay các vị
Khổ hội họp, chia ly
Không khác với khổ này
Không phải tôi không thích
Cũng không thấy lỗi người
Nhưng các vị khổ hạnh
Đều cầu sinh cõi trời
Tôi cầu dứt ba cõi
Thân trái, tâm cũng trái.
Pháp các vị thực hành
Tu theo nghiệp thầy trước
Còn tôi dứt các tập
Để cầu pháp vô tập
Cho nên ở rừng này
Không nên dừng ở lâu.”
Bấy giờ các Phạm chí
Nghe Bồ-tát nói ra
Lời chân thật có nghĩa
Ngôn từ lý cao sâu
Nên tâm rất vui mừng
Càng thêm tôn kính hơn.
Lúc đó có Phạm chí*

Thường nằm trên bụi cát
Tóc quăn, áo vỏ cây
Mắt vàng, mũi cao dài
Thưa với Bồ-tát rằng:
“Ngài chí bền, trí sáng
Quyết định rõ lối sinh
Biết lìa sinh thì an
Cúng tế cầu Thiên thần
Và các thứ khổ hạnh
Đều cầu sinh cõi trời
Chưa lìa cảnh tham dục
Tranh đấu với tham dục
Chí cầu chân giải thoát
Đó chính là Trượng phu
Bậc Chánh Giác quyết định.
Nơi này không đáng ở
Hãy đến núi Tần-đà
Nơi ấy có vị tiên
Tên là A-la-lam
Chỉ tiên được rớt ráo
Mắt cao siêu bậc nhất
Vạy Ngài hãy đến đó
Được nghe đạo chân thật
Khiến cho tâm vui mừng
Ắt sẽ hành pháp ấy.
Tôi thấy chí Ngài cao
E cũng không vừa lòng
Sẽ lại bỏ nơi ấy
Mà tìm nơi khác hơn.
Ngài mũi cao, mắt rộng
Môi đỏ, răng trắng sạch
Da mỏng, mặt sáng sủa
Lưỡi dài mềm đỏ mỏng
Các tướng đẹp như thế

Điều uống nước nóng ấy
 Thước đo không lường sâu
 Thế gian không ai sánh
 Các vị Tiên kỳ cựu
 Điều chưa được sẽ được.”
 Bỏ-tát hiểu lời ấy
 Chia tay với các Tiên.
 Các vị Tiên nhân ấy
 Nhiều bên phải rồi đi.

M

Phẩm 8: TOÀN CUNG SẦU THƯƠNG

Xa-nặc dẫn ngựa về
 Tuyệt vọng tâm buồn thương
 Chân bước lệ tuôn rơi
 Không thể tự mở dứt.
 Hôm qua cùng Thái tử
 Một đêm vượt đường dài
 Giờ bỏ Thái tử về
 Mát đi bóng mát trời
 Bồi hồi tâm luyến tiếc
 Tám ngày mới đến thành.
 Ngựa giỗi thân mạnh mẽ
 Chạy mau, tướng uy nghiêm
 Quấn quanh ngóng lại nhìn
 Không thấy dạng Thái tử
 Rơi lệ, thân ủ rũ
 Tiêu tụy, mất oai phong
 Quay đầu, tiếng hí vang
 Ngày đêm quên nước cỏ.
 Bỏ mất Đấng cứu thế
 Trở về Ca-tỳ-la
 Đất nước đều trống vắng

Như vào xóm làng hoang
Mặt trời khuất Tu-di
Cả thế gian tăm tối
Ao suối không còn trong
Hoa trái không sum suê
Các trai gái trong xóm
Buồn bã mất vẻ vui.
Xa-nặc và ngựa trắng
Buồn bã lê từng bước
Người hỏi không thiết đáp
Bước chậm như người chết.
Chúng thấy Xa-nặc về
Nhưng không thấy Thái tử
Đồng cất tiếng than khóc
Như bỏ La-ma về.
Có người đến bên đường
Đến gần hỏi Xa-nặc:
“Thái tử người mến yêu
Mạng sống của cả nước
Ông lấy trộm đem đi
Bây giờ đâu mất rồi?”
Xa-nặc nén buồn thương
Trả lời mọi người rằng:
“Tôi quyến luyến đi theo
Không nỡ bỏ Thái tử
Thái tử lìa bỏ tôi
Bỏ cả y phục đời
Cắt tóc, mặc pháp phục
Vào trong rừng khổ hạnh.”
Mọi người nghe xuất gia
Tâm kinh hãi khác thường
Liên vật vã khóc than
Nước mắt cứ tuôn chảy.
Mọi người cùng bảo nhau

*Chúng ta phải làm sao
Tất cả đều bàn rằng
Phải cùng nhau đuổi theo.
Như người mạng sống đứt
Thân chết, thân thức lia
Thái tử là mạng ta
Ngài mất, ta đâu sống
Thành thị biến rừng núi
Rừng núi biến thành thị
Thành này mất oai đức
Như giết Tỳ-lê-đa.
Các gái, trai trong thành
Nói dối Thái tử về
Mọi người đổ ra đường
Chỉ thấy mình ngựa về
Không biết Ngài sống chết
Buồn khóc thật thê lương.
Xa-nặc bước dẫn ngựa
Sụt sùi rơi lệ về
Mất Thái tử buồn thương
Tâm càng thêm sợ sệt
Như chiến sĩ giết giặc
Dẫn giặc đến trước vua
Vào cửa lệ như mưa
Mắt nhòa không thấy gì
Nhìn trời mà kêu khóc
Ngựa cũng buồn, hí vang.
Các chim thú trong cung
Các bầy ngựa trong chuồng
Nghe tiếng ngựa buồn hí
Cũng kêu, hót đáp lại
Rằng ô! Thái tử về
Không thấy bèn dứt bật.*

Các thể nữ hậu cung
 Nghe ngựa, chim thú kêu
 Tóc rối, mặt võ vàng
 Thân xấu, môi miệng khô
 Áo nhàu, không giặt giũ
 Thân dơ bẩn không tắm
 Bỏ các vật trang nghiêm
 Tiều tụy, không tươi tắn
 Khấp mình không rứt rỡ
 Giống như ngôi sao mờ
 Xiêm y nhàu hoen ố
 Giống như bị cướp hại,
 Thấy Xa-nặc và ngựa
 Rơi lệ, hết mong về
 Đều cùng nhau than khóc
 Như mới mất người thân
 Tâm cuồng loạn bối rối
 Như bò mất đường về.
 Đại Ái Cù-đàm-di
 Nghe Thái tử không về
 Liền ngã nhào xuống đất
 Khấp mình đều thường tích
 Như cơn gió mạnh thổi
 Trốc gốc cây chuối vàng
 Lại nghe Ngài xuất gia
 Than dài thêm buồn cảm:
 “Tóc mịn xoay bên phải
 Mỗi chân tóc một sợi
 Đen tuyền sạch bóng mượt
 Thả dài chấm tận đất
 Vì sao bỏ mũ trời
 Cạo tóc, mặt y cỏ?
 Tay thon, sut tử bước
 Mắt trâu chúa dài rộng

Thân có ánh sáng vàng
Ngực vuông, tiếng Phạm âm
Tướng nhiệm mầu như thế
Mà vào rừng khổ hạnh
Thế gian sao phước mỏng
Mất đi vị Thánh này.
Chân mềm có màng mỏng
Màu hoa sen thanh tịnh
Rừng đất đá, gai chông
Làm sao mà bước đi?
Sinh trưởng trong cung sâu
Y phục ấm, mịn màng
Tắm gội bằng nước thơm
Xoa thân bằng hương thơm
Giờ sống đời gió sương
Lạnh, nóng sao chịu nổi?
Trượng phu dòng cao quý
Học rộng, tài hơn người
Đức hạnh, được tiếng khen
Thường thí, không mong cầu
Vì sao bỗng một hôm
Khất thực để nuôi thân?
Nằm giường báu thanh tịnh
Thức giấc bằng tiếng nhạc
Vì sao lại nương thân
Chốn núi rừng cây cỏ?”
Nhớ Ngài, tâm đau buồn
Mê ngất té xuống đất
Người hầu đỡ đứng dậy
Lau nước mắt cho bà
Còn các phu nhân khác
Buồn khổ thân đã dưng
Trong tâm rất buồn thảm

Bất động như người vẽ.
Nàng Da-du-đà-la
Trách cứ Xa-nặc rằng:
“Người bạn lòng của ta
Hiện giờ chàng ở đâu?
Người ngựa cả ba đi
Giờ còn hai trở về
Tâm ta rất kinh hãi
Run sợ không yên lòng
Ngươi là kẻ bất chánh
Không phải là bạn lành
Hạng cường bạo không tốt
Nên cười, khóc làm chi?
Đã đi rồi về khóc
Phản ứng không tương ứng.
Vì lòng thương mến bạn
Tâm mặc làm theo dục
Nên làm cho Thái tử
Một đi không về nữa.
Giờ ngươi nên mừng vui
Làm ác rồi quả thành
Thà gần kẻ oán trí
Còn hơn gần bạn ngu
Giả danh là bạn lành
Trong tâm thật oán kết.
Nay vương triều hùng mạnh
Một sớm bị phá hoại
Các vị phu nhân này
Ưu sầu không trang điểm
Lệ rơi, nức nhiều phen
Nước mắt hai dòng chảy.
Khi chồng ta còn đây
Nương tựa như núi Tuyết
Tâm an như mặt đất

Lo buồn gần như chết
Huống bên song cửa này
Buồn khóc mãi kêu gào
Ngày chàng còn hay mất
Khổ ấy sao chịu nổi!
Ngựa ơi mày vô nghĩa
Đoạt người tâm ta trọng
Giống như trong đêm tối
Kẻ trộm cướp châu báu.
Khi cỡi người ra trận
Đao kiếm bén tên nhọn
Tất cả chịu đựng được
Giờ sao không cố chịu.
Bạc nhất của dòng họ
Đoạt tâm ta đem đi
Người súc sinh tặc ác
Gây các nghiệp bất chánh
Hôm nay người hí vang
Rung động khắp cung vua
Trước cướp người ta thương
Sao bấy giờ câm lặng.
Nếu lúc ấy người hí
Cả cung đều thức dậy
Nếu bấy giờ thức dậy
Thì đâu có khổ này.”
Xa-nặc nghe trách mắng
Nuốt nghẹn ngào khỏi cổ
Lau lệ, chấp tay thưa:
Xin cho thần giải bày
Đừng quở trách ngựa trắng
Cũng chớ tức giận thần
Chúng thần đều không lỗi
Do Thiên thần làm ra.

Thân rất sợ phép vua
 Do Thiên thần ép ngặt
 Mau đem ngựa cho Ngài
 Rồi vượt thành như bay
 Nén thở, không gây động
 Vó câu không chạm đất
 Cửa thành tự nhiên mở
 Hư không tự nhiên sáng
 Điều do sức Thiên thần
 Đâu phải thần gây ra.”
 Da-du-đa nghe nói
 Tâm nghĩ là chuyện lạ
 Việc do Thiên thần làm
 Chẳng phải lỗi của họ
 Tâm hờn trách tan biến
 Dứt nỗi khổ dần vặt
 Quy xuống đất oán than:
 “Đôi uyên ương chia lìa
 Giờ ta mất chỗ nương
 Đồng hành mà sinh ly
 Ưa pháp, bỏ đồng hành
 Đến nơi nào cầu pháp?
 Xưa, những người cao quý
 Vua Đại Khoái Kiến thầy
 Họ đều đủ vợ chồng
 Học đạo đến núi rừng
 Nay Ngài nữ bỏ thiếp
 Để cầu được pháp gì?
 Sách cúng tế Phạm chí
 Vợ chồng đều đồng hành
 Pháp đồng hành là nhân
 Cuối cùng đồng thọ báo
 Sao chàng riêng xẻn pháp
 Bỏ thiếp đi một mình?

*Hay thấy thiếp ganh tị
Chàng tìm người không ganh?
Hay chàng khinh bạc thiếp
Nên tìm Thiên nữ đẹp?
Vì đức sắc tốt nào
Tu tập các khổ hạnh?
Bởi vì thiếp bạc mệnh
Nên vợ chồng chia ly
Vì sao La-hầu la
Không được quỳ bên gối?
Than ôi! Ngài không tốt
Dáng hiền, tâm sắt đá
Dòng họ đang hưng thịnh
Kẻ thù cũng tôn sùng
Lại con sinh còn nhỏ
Mà chàng bỏ vĩnh viễn
Thiếp cũng không lòng dạ
Chồng bỏ, vào núi rừng
Không thể tự dứt bỏ
Đó là người gỗ đá.”
Nói xong, tâm mê loạn
Hoặc khóc, hoặc nói cuồng
Hoặc chăm chú, trầm tư
Nghẹn ngào không kèm được
Sức mơn, hơi gần kiệt
Ngã quy thân lấm bụi.
Các chúng thể nữ khác
Thấy vậy tâm đau xót
Giống như đóa sen nở
Bị gió mưa dập vùi.
Vua cha mất Thái tử
Đêm ngày tâm buồn khổ
Trai giới cầu Thiên thần*

Mong con chóng trở về.
Phát nguyện cúng tế xong
Vua ra cửa đền thờ
Liên nghe tiếng khóc than
Kinh sợ tâm mê loạn
Như trời nổi sấm sét
Bầy voi chạy tán loạn,
Thấy Xa-nặc và ngựa
Liên hỏi, biết xuất gia
Toàn thân ngã xuống đất
Như cờ Đế Thích ngã
Các quan dìu vua dậy
Dùng đạo pháp trấn an
Hồi lâu mới tỉnh táo.
Vua bảo ngựa trắng rằng:
“Thường cỡi người đánh giặc
Ta nghĩ người có công
Nay ta cảm ghét người
Còn hơn lúc thương người.
Con công đức ta thương
Người lại chở nó đi
Vào bả trong núi rừng
Rồi trở về mình không
Người mau chở ta đi
Bằng không, đi chở về,
Không làm hai việc này
Chắc ta sẽ chết mất
Không còn cách nào trị
Chỉ đợi con là thuốc.
Như Phạm chí San-xà
Vì con chết, tự sát
Ta mất con hành pháp
Tự sát khiến không thân.
Đấng tạo sinh Ma-nâu

Cũng vì con ưu sầu
 Huống chi ta người thường
 Mất con mà an được.
 Ngày xưa, vua A-xà
 Thương con, dạo núi rừng
 Bị cảm nên qua đời
 Liền được sinh cõi trời
 Nay ta không chết được
 Đêm dài chịu khổ đau
 Cả cung nhớ con ta
 Khát khao như quỷ đói.
 Như người khát tìm nước
 Muốn uống mà bị giết
 Chịu khát mà chết đi.
 Sẽ đọa vào ngục quỷ
 Giờ ta rất khát khao
 Được nước con lại mất.
 Ta chưa chết thì người
 Mau nói chỗ con ta
 Đừng để ta chết khát
 Đọa vào loài ngục quỷ.
 Ta vốn chí lực mạnh
 Khó động như mặt đất
 Mất con tâm mê loạn
 Như vua Thập Xa xưa.”
 Vua là người học rộng
 Các quan trí thông đạt
 Hai vị khuyên can vua
 Từ từ tâu vua rằng:
 “Xin ngài hãy khuây khỏa
 Chớ để tổn mình rồng
 Thuở xưa, các vị vua
 Bỏ nước như ném hoa

Nay Thái tử học đạo
 Đâu đáng khổ, lo buồn.
 Xin nhớ lời A-tư
 Lý số tự như thế
 Chuyển luân có vui trời
 Thản nhiên không bi lụy
 Đâu phải vua thế giới
 Đời được tâm vàng ngọc
 Nay khiến cho chúng thân
 Sẽ tìm đến chỗ Ngài.”
 Dùng mọi cách can ngăn
 Nói lên lòng chí thành
 Mong hàng phục chí ngài
 An ủi nỗi buồn vua.
 Vua vui mừng liền đáp:
 “Mong các khanh mau đi
 Như chim Xá-quân-đà
 Vì con không kể thân
 Giờ ta nhớ Thái tử
 Dạ luyện thương cũng thế.”
 Hai vị vâng vương lệnh
 Vua và các quyến thuộc
 Tâm mát mẻ đôi phần
 Sức lực dần hồi phục.

M

Phẩm 9: TÌM KIẾM THÁI TỬ

Vua vì nỗi đau buồn
 Cấp sai hai vị quan
 Ra roi đánh ngựa giỏi
 Phi nhanh như nước cuộn
 Thân nhọc không từ nan
 Thẳng đến rừng khổ hạnh
 Bỏ năm dục thế tục

Khéo nhiếp giữ các căn
 Vào am thanh Phạm chí
 Kính lễ các tiên kia.
 Các tiên mời an tọa
 Nói pháp an ủi họ.
 Liền thưa vị tiên rằng:
 “Tôi có việc muốn hỏi
 Vua Tịnh Phạn tiếng tăm
 Dòng Cam Giá rạng danh
 Chúng tôi là bề tôi
 Trong giáo điển các vị
 Vua như trời Đế Thích
 Con như Xà-diên-đa
 Vì thoát già, bệnh, chết
 Xuất gia ở đây chẳng?
 Chúng tôi đến vì Ngài
 Chỉ các vị mới biết”
 Đáp rằng: “Có người này
 Tướng đại nhân, tay dài
 Cho rằng pháp tôi tu
 Còn thuận theo sinh tử
 Đến chỗ A-la-lam
 Để tìm giải thoát hơn.”
 Đã được định thật rồi
 Tuân lệnh vua mau đến
 Chẳng quản nổi nhọc nhằn
 Tìm đường mà thẳng tiến
 Thấy Thái tử trong rừng
 Bỏ phục sức thế gian
 Hình dung vẫn sáng ngời
 Mặt trời giữa mây đen
 Nước tôn thầy Thiên thần.
 Đại thần giữ chánh pháp

Bỏ lễ nghi thế tục
 Xuống xe đi bộ đến
 Như vua Bà-ma-điệp
 Vị tiên Bà tư-tra
 Cùng nhau vào rừng núi
 Thấy Thái tử La-ma
 Theo lễ nghi của đạo
 Cung kính lễ, thăm hỏi
 Giống như Tu-ca-la
 Cùng với Ương-kỳ-la
 Đem hết lòng cung kính
 Thờ phụng trời Đế Thích.
 Thái tử cũng kính theo
 Quốc sư và đại thần
 Như Đế Thích an ủi
 Tu-ca, Ương-kỳ-la,
 Liền mời hai vị ấy
 Ngồi trước mặt Thái tử
 Như Phú-na-bà-tầu
 Hai sao hầu bên trăng.
 Quốc sư và đại thần
 Khải tâu lên Thái tử
 Như Tỳ-lợi-bà-đê
 Nói với Xà-diên-đa:
 “Vua cha nhớ Thái tử
 Như gai nhọn đâm tim
 Hôn mê phát cuồng loạn
 Ngất xỉu, mình lấm bụi
 Ngày đêm thêm buồn nhớ
 Lệ rơi thường như mưa.
 Ban sắc cho chúng tôi
 Cúi xin lắng nghe cho
 Rằng biết Ngài ư pháp
 Quyết định không nghi ngờ

Chưa phải lúc vào rừng
Lửa nhớ đốt tâm vua
Nếu Ngài nghĩ đến pháp
Thì nên thương xót vua.
Mong Ngài đừng đi xa
Để an ủi lòng vua
Đừng để nước buồn thương
Xói mòn bờ tâm vua.
Như mây, nước, cỏ, núi
Gió nắng và lửa mưa
Lo buồn bị bốn họa
Thối làm khô cháy tâm
Hãy về hưởng bổng lộc
Thời đến sẽ tu Tiên
Không đoái hoài bà con
Cha mẹ cũng lìa bỏ
Đó gọi từ bi sao?
Cứu giúp tất cả sao?
Pháp không cần rừng núi
Tại gia cũng tu nhàn
Giác ngộ cần phương tiện
Cho nên gọi xuất gia
Cạo tóc mặc y nhuộm
Tự vào trong rừng núi
Đó chính là sợ hãi
Đâu đáng gọi tu Tiên.
Mong ôm Ngài một lần
Dùng nước rưới lên đầu
Đội mũ trời cho Ngài
Đặt Ngài dưới lọng báu
Được một lần nhìn Ngài
Sau đó vua xuất gia.
Tiên vương Đâu-lưu-ma

A-nâu-xà-a-sa
 Bạt-xà-la-bà-hutu
 Tỳ-bạt-la-an-đề
 Tỳ-đề-ha-xà-na
 Na-la-thấp-ba-la
 Các vị vua như thế
 Thấy đều đội mũ trời
 Trang sức bằng anh lạc
 Tay chân đeo châu báu
 Chúng thể nữ vui chơi
 Không trái nhân giải thoát.
 Giờ Ngài hãy về nhà
 Tu tập hai việc này
 Tâm tu pháp tăng thượng
 Trở thành đáng Tăng thượng
 Roi lệ khuyên bảo Ngài
 Lệnh tuyên lời như thế.
 Đã có sắc chỉ này
 Ngài nên tuân lệnh về
 Vua cha chỉ vì Ngài
 Chìm trong biển buồn khổ
 Không ai cứu, nương ai
 Không nhờ đâu khai mở
 Ngài chính là thuyền trưởng
 Đưa vua đến chỗ an.
 Thái tử Tỳ-sum-ma
 Nhị-la-di-bạt-đề
 Nghe cha dạy kính vâng
 Nay Ngài cũng nên biết
 Ân mẹ hiền nuôi nấng
 Suốt đời báo không cùng
 Như bò mẹ mất con
 Vì buồn quên ăn ngủ
 Giờ Ngài nên mau về

Để cứu sống mạng vua.
Chim xa đàn buồn nhớ
Voi mạnh một mình khổ
Người nương tựa mất bóng
Thường mong được cứu giúp.
Một đứa con cô độc
Gặp khổ biết nhờ ai
Khỏi khổ đơn độc kia
Như người cứu nguyệt thực.
Trai gái trong cả nước
Chia ly khổ vô cùng
Khói thở than xông trời
Xông làm mờ mắt tuệ
Chỉ cầu thấy nước Ngài
Tắt lửa mất mờ sáng.”
Bồ-tát nghe vua cha
Thiết tha dạy bảo vậy
Liên ngôi thẳng suy nghĩ
Mà đáp thuận theo rằng:
“Ta cũng biết vua cha
Tâm từ niệm quá dày.
Sợ sinh, già, bệnh, chết
Nên trái ân khó với
Ai không trọng mẹ cha
Nhưng rồi cũng chia ly
Dù cho giữ tướng sinh
Nhưng chết đến khó giữ.
Cho nên biết rằng trọng
Cũng từ biệt xuất gia
Nghe vua cha lo buồn
Thêm luyến tiếc tâm Ta
Chỉ như mộng tạm hội
Thoắt cái, đã vô thường.

Vua cha nên biết rõ
Tánh chúng sinh bất đồng
Điều sinh ra buồn khổ
Chẳng phải chỉ cha con
Cho nên khổ sinh ly
Đều từ nghi hoặc sinh.
Như người đi trên đường
Giữa đường tạm gặp nhau
Giây lát đã chia tay
Trái lý vốn tự nhiên
Hội hợp tạm thành thân
Tùy duyên lý tự phân
Hiểu rõ thân giả hợp
Không nên sinh đau buồn.
Đời này trái tình thân
Đời khác là thân tình.
Tạm thân lại chia lìa
Nơi nơi đều là thân
Thường hợp lại thường tan
Tan tan đâu đáng buồn
Trong thai dần biến đổi
Lãng xãng tử lại sinh
Lúc nào cũng có tử
Núi rừng đâu không có
Thường luôn hưởng năm dục
Cầu tài thì cũng thế.
Tất cả thời có tử
Ngoài pháp tử không thời
Muốn cho ta làm vua
Pháp tử ái khó trói
Như bệnh uống chẳng thuốc
Cho nên ta không kham.
Chỗ vị cao ngu si
Mặc tình theo thương ghét

Suốt đời thường sợ hãi
 Suy nghĩ thân tâm mệt
 Theo tâm chúng trái pháp
 Việc người trí không làm.
 Cung điện bằng bảy báu
 Trong đó lửa cháy hừng
 Bếp trời, cơm trăm vị
 Trong đó có chất độc
 Ao sen nước trong mát
 Trong đó nhiều rắn độc
 Ngôi cao: Nhà tai họa
 Nơi người trí không ở.
 Xưa các vua cao quý
 Thấy làm vua nhiều họa
 Chúng sinh thêm khổ sở
 Chán ngán nên xuất gia
 Nên biết vua còn khổ
 Chẳng bằng hành pháp an
 Thà ở trong rừng núi
 Ăn cỏ như cầm thú
 Không kham ở trong cung
 Sống chung hang rắn đen
 Bỏ ngôi vị năm dục
 Chịu khổ sống núi rừng
 Đó chính là thuận theo
 Ưa pháp, dần thêm sáng.
 Giờ bỏ rừng thanh vắng
 Về nhà hưởng năm dục
 Ngày đêm pháp khổ tăng
 Đó là việc không nên.
 Bậc trượng phu vọng tộc
 Vì ưa pháp xuất gia
 Bỏ hẳn dù vọng tộc

Lập chí Đại trượng phu
Cắt tóc, mặt pháp phục
Ưu pháp, sống núi rừng
Giờ lại bỏ pháp phục
Trong tâm rất hổ thẹn
Vua trời còn không đoái
Huống nhà đẹp thế gian
Đã nhờ tham, sân, si
Mà ăn trở lại sao?
Nếu người ăn trở lại
Khổ ấy đâu thể kham
Như nhà người bị cháy
Phải tìm cách chạy ra
Khoảnh khắc lại trở vào
Người ấy thông minh sao?
Thấy khổ sinh, già, chết
Chán khổ mà xuất gia
Bây giờ trở lại tục
Người ấy thật ngu si.
Trong cung tu giải thoát.
Thì không có việc ấy
Vắng lặng sinh giải thoát
Làm vua như bị phạt
Vắng lặng bỏ uy vua
Làm vua trái giải thoát
Động, tĩnh như nước, lửa
Hai thứ đâu ở chung
Quyết định tu giải thoát
Cũng không ngồi ngôi vua.
Nếu nói ngồi ngôi vua
Mà tu giải thoát được
Việc ấy quyết không thể
Quyết giải thoát cũng thế
Đã không tâm quyết định

*Hoặc ra lại trở vào
Giờ ta đã quyết định
Cắt mối câu thân thuộc
Theo đường chính xuất gia
Vì sao lại quay về?”
Tâm đại thần tự nghĩ
Thái tử chí trượng phu
Biết sâu nên thuận theo
Lời nói có nhân duyên
Bèn tâu Thái tử rằng:
“Như lời Thái tử dạy
Cách cầu pháp nên thế
Nhưng giờ chưa phải lúc
Vua cha tuổi đã cao
Nớ con thêm buồn khổ
Tuy nói ưa giải thoát
Nhưng lại không đúng pháp
Tuy xuất nhưng không tuệ
Không nghĩ lý sâu xa
Không thấy nhân cầu quả
Luống bỏ hiện pháp vui.
Người nói có đời sau
Người thì nói không có
Có, không chưa quyết định
Sao bỏ vui hiện đời?
Nếu nói có đời sau
Thì nên cần chứng đắc
Nếu nói không đời sau
Thì không là giải thoát
Nếu nói có đời sau
Không nói nhân giải thoát
Như đất chắc, lửa ấm
Nước ẩm, gió xao động*

Đời sau cũng như thế
Đó là tánh tự nhiên.
Người nói tịnh, bất tịnh
Đều từ tự tánh khởi
Nói hãy tìm cách đối
Đó là lời ngu si.
Cảnh giới các căn hành
Tự tánh đều quyết định
Nhớ thương và không nhớ
Tự tánh định cũng vậy.
Khổ già, bệnh, chết thấy
Ai mà sai khiến được
Cho nước dập tắt lửa
Lửa làm nước sôi trào
Tự tánh căn, tướng hoại
Tánh hòa thành chúng sinh.
Như người ở trong thai
Có các phần chân tay
Thần thức tự nhiên thành
Ai có khả năng làm?
Gai góc ai làm nhọn
Đó là tánh tự nhiên
Và các loại cảm thú
Không ai muốn như thế.
Có những người sinh Thiên
Do trời Tự tại làm
Và đấng tạo hóa khác
Không hề có tự lực.
Nếu có chỗ sinh ra
Chỗ này cũng phải diệt
Cần gì tự tìm cách
Mong cầu sự giải thoát.
Người nói do ngã sinh
Rồi cũng do ngã diệt

Người nói không ai sinh
 Rồi do phương tiện diệt
 Như người sinh nuôi con
 Không phụ ân tổ tông
 Học sách của vị Tiên
 Cúng tế miếu thờ trời
 Ba điều này không phụ
 Thì gọi là giải thoát.
 Từ xưa nay truyền lại
 Ba câu giải thoát này
 Nếu dùng phương tiện khác
 Luống nhọc mà không thật.
 Ngài muốn cầu giải thoát
 Chỉ tu phương tiện trên
 Vua cha hết đau buồn
 Đạo giải thoát mau được.
 Bỏ nhà vào núi rừng
 Trở về cũng không lỗi
 Xưa vua Am-bà-lê
 Ở lâu rừng khổ hạnh
 Bỏ đồ chúng quyến thuộc
 Về nhà lên ngôi vua.
 Có Thái tử La-ma
 Bỏ nước vào núi rừng
 Nghe phong tục nước thiếu
 Bèn trở về giáo hóa.
 Vua nước Sa-lâu-bà
 Tên là Đầu-lâu-ma
 Cha con vào núi rừng
 Rốt cuộc đều trở về.
 Bà-tư-trú-mâu-ni
 Và vua An-đê-điệp
 Tu phạm hạnh núi rừng

Ít lâu cũng trở về.
 Những bậc tài giỏi ấy
 Được vang danh chánh pháp
 Về lên ngôi trị nước
 Như đèn soi thế gian
 Cho nên bỏ núi rừng
 Pháp trị dân, không lỗi.”
 Thái tử nghe đại thần
 Lời dụ, nói việc lợi
 Bèn dùng lý không loạn
 Vô ngại và thứ lớp
 Vững chí, nói an ổn
 Mà đáp lời đại thần:
 “Do dự có, không thấy
 Hai tâm nghi hoặc tăng
 Mà nói lời có, không
 Ta không quyết định lậy.
 Tịnh trí, tu khổ hạnh
 Quyết định ta tự biết
 Luận do dự thế gian
 Xoay vần truyền nhau tu
 Nghĩa chân thật có, không
 Điều này ta chẳng an.
 Người sáng phân chân nguy
 Tín không do người sinh
 Như người mù bầm sinh
 Được người mù dẫn đường
 Ở trong đêm trời tối
 Thì biết đi đường nào!
 Đối pháp tịnh, bất tịnh
 Người đời sinh thắc mắc
 Nếu không thấy chân thật
 Nên hành đạo chân thật
 Thà thực hành pháp tịnh

Không thích hành bất tịnh.
 Xét thuyết tương thừa kia
 Không một tướng quyết định
 Lời thật tâm lắng thọ
 Là hẳn các lỗi lầm
 Nói quá thành hư ngụy
 Lời người trí không nói.
 Như nói chuyện La-ma
 Bỏ nhà tu phạm hạnh
 Cuối cùng cũng trở về
 Thọ hưởng năm thứ dục
 Đó là hành vi xấu
 Việc người trí không theo.
 Nay ta sẽ vì ông
 Nói lược yếu nghĩa ấy
 Trời, trăng rơi xuống đất
 Tu-di, núi Tuyết chuyển
 Thân ta không hề đổi
 Rơi vào chỗ không đúng.
 Thà nhảy vào lửa hừng
 Không theo nghĩa không trọn
 Trở về nhà của mình
 Lao vào lửa năm dục.”
 Bày tỏ yếu thế xong
 Ngài đứng dậy, già từ.
 Lời Thái tử sáng sủa
 Như ánh sáng mặt trời
 Quốc sư và đại thần
 Luận bàn không hơn được
 Bảo nhau: đã hết cách
 Chỉ còn từ già về
 Rất kính khen Thái tử
 Không dám bắt Ngài về

*Vì kính vâng lệnh vua
Nên không dám về vội,
Giữa đường chợt bồi hồi
Đi xa, ngoái đầu lại
Lựa chọn người thông minh
Xét kỹ người cơ ngộ
Âm thầm hầu Thái tử
Rồi sau mới ra về.*



PHẬT SỞ HÀNH TÁN

QUYỂN 3

Phẩm 10: VUA BÌNH-SA ĐẾN VIẾNG THÁI TỬ

Ngài từ già Quốc sư
 Và Đại thần chánh pháp
 Vượt qua sóng sông Hằng
 Thăng đường đến Linh thúu
 Giấu căn trong năm núi
 Tài năng dừng trong non
 Rừng hoa trái sum suê
 Suối chảy chia nóng, lạnh
 Vào thành Ngũ sơn kia
 Vắng lặng như lên trời.
 Người dân thấy Thái tử
 Dung mạo quá sáng ngời
 Tuổi trẻ, thân rực rỡ
 Tướng trượng phu ai bì
 Điều cho là khác lạ
 Như thấy cờ tự tại.
 Người đi thì dừng chân
 Bước mau theo sau Ngài
 Người đi trước quay nhìn
 Chiêm ngưỡng Ngài không chán.
 Các tướng tốt trên thân
 Ai nhìn mắt không rời
 Cung kính đến chiêm ngưỡng
 Chắp tay lễ, thăm hỏi

Thấy đều rất vui mừng
 Tùy nghi mà cúng dường
 Chiêm ngưỡng tôn nhan Ngài
 Hồ thẹn các hình tướng
 Có oai nghi thô tháo
 Vững lặng lại cung kính
 Tâm kết hận mở rồi
 Tâm từ hòa lớn thêm
 Nghiệp chung riêng nam nữ
 Điều tiêu tan tất cả.
 Kính tướng, tôn trọng đức
 Ai thấy đều quên về
 Sợi lông trắng giữa mày
 Đôi mắt xanh rộng dài
 Toàn thân sắc vàng chói
 Tay có màng thanh tịnh
 Tuy thân là xuất gia
 Nhưng có tướng Thánh vương.
 Gái, trai thành Vương xá
 Lớn nhỏ đều không yên:
 Người này còn xuất gia
 Sao chúng ta vui tục?
 Khi ấy, vua Bình-sa
 Ở trên cao nhìn xuống
 Thấy các nam nữ ấy
 Vẻ bàng hoàng khác thường
 Cho gọi một người đến
 Hỏi vì lý do gì.
 Kính quỳ dưới lầu vua
 Nói rõ việc thấy nghe
 Xưa nghe dòng họ Thích
 Người tốt đẹp khác thường
 Trí tuệ hơn người đời
 Làm vua cả tám phương

Nay xuất gia ở đây
Mọi người đều đón rước.
Vua nghe, vui lẫn sợ
Thân đây, tâm đi rồi
Truyền sứ giả mau đến
Dò xét mọi hành động
Vâng lời, thâm theo chân
Xem xét mọi việc làm.
Vững lặng, mắt nhìn thẳng
Khoan thai bày dung nghi
Vào làng hành khát thực
Đi trước các khát sĩ
Giữ thân tâm không loạn
Tốt, xấu đều an vui
Ngon, dở đều thọ nhận
Ôm bát trở về rừng
Ăn xong, súc nước trong
Ưa vắng, sống trên núi.
Rừng xanh, riêng non cao
Hoa đỏ trồng xen kẽ
Các chim như công thả
Bay liệng kêu hót vang
Pháp phục màu tươi sáng
Như nhật chiếu Phù tang
Ai thấy chẳng muốn rời
Thứ lớp đã trình tâu.
Vua nghe tâm thêm kính
Cho sửa soạn xa giá
Đội mũ, mặc áo đẹp
Sư tử đầu đàn bước
Chọn các bậc tôn túc
Người vững lặng sáng suốt
Dẫn theo trăm ngàn người

Lướt mây lên Bạch sơn
 Thấy Bồ-tát uy nghiêm
 Các căn đều vắng lặng
 Ngồi thẳng trong hang núi
 Như trăng giữa trời trong
 Sắc màu nhiệm trang nghiêm
 Như hóa thân của pháp,
 Phát tâm thành cung kính
 Dần bước nhẹ đến gần
 Giống như trời Đế Thích
 Đến Ma-hê-thủ-la
 Khép nép giữ lễ nghi
 Kính hỏi Ngài an vui.
 Bồ-tát xem xét kỹ
 Thuận theo mà trả lời.
 Khi vua nhọc hỏi rồi
 Ngồi trên tảng đá sạch
 Mắt nhìn ngắm dung nghi
 Sắc mặt vui, tâm hỷ
 Kính nghe dòng vọng tộc
 Đức thanh nối truyền nhau
 Điều từ lâu chất chứa
 Nay muốn giải thắc mắc:
 “Nguồn sáng của mặt trời
 Phước thanh đã muôn đời
 Khiến đức cả nối nhau
 Ngày nay được mở rộng
 Đáng hiển minh tuổi trẻ
 Vì sao đi xuất gia?
 Ngài là Thánh hơn đời
 Khất thực, bỏ vinh hoa
 Thân quý đáng xoa hương
 Vì sao mặc ca-sa
 Tay nên nắm thiên hạ

Lại cảm thức ăn dở
Nếu không thay vua cha
Mà trị vì đất nước
Nay ta chia nửa nước
Hầu mong Ngài ở lại
Tôi khởi mang tiếng đuổi
Thời gian sẽ thuận theo
Xin nể lời tôi thật
Muốn được làm bạn tốt.
Hay cậy dòng vọng tộc
Có tài đức, dung mạo
Mà không muốn hạ mình
Cúi mình thọ ân người?
Sẽ cấp ban dũng sĩ
Gươm giáo và quân lính
Để tự lực thâm tóm
Thiên hạ ai không tôn
Người sáng biết đúng lúc
Pháp tài năm đục tăng
Nếu không giữ ba lợi
Rốt cuộc chỉ luống nhọc
Chuộng pháp, bỏ tài sắc
Tài được mọi người thích
Giàu tài bỏ pháp đục
Đó là giữ tài vật
Nghèo nàn mà quên pháp
Năm đục ai vui được?
Cho nên đủ ba việc
Đức truyền, đạo tuyên dương
Pháp tài năm đục đủ
Gọi trượng phu ở đời
Không khiến thân viên tướng
Luống nhọc và vô công.

Vua chuyển luân Man-đà
 Thống lãnh bốn thiên hạ
 Đế Thích chia nửa tòa
 Sức không làm vua trời
 Nay Ngài tay thon dài
 Chân đi khắp trời người
 Ta không cậy sức vua
 Mà muốn giữ Ngài lại.
 Thấy Ngài đổi hình tướng
 Thích mặc y xuất gia
 Đã kính trọng đức ấy
 Còn thương tiếc lẫn người.
 Nay Ngài hành khát thực
 Tôi xin dâng đất nước
 Tuổi trẻ thọ năm dục
 Trung niên tập dụng tài
 Tuổi già thuần các căn
 Đó là thuận theo pháp.
 Tuổi trẻ giữ pháp tài
 Sẽ bị dục phá hoại
 Già thì khí lực yếu
 Thuận theo cầu vắng lặng
 Tuổi già thẹn tài dục
 Hành pháp mọi người tôn
 Tuổi trẻ tâm lao chao
 Ruổi theo cảnh năm dục
 Bị mọi thứ ràng buộc
 Tình cảm giao kết sâu
 Về già ít bận bịu
 Người thuận pháp y cứ
 Năm dục đều dứt bỏ
 Tâm ưa pháp thêm lớn.
 Lại, chuộng pháp vương giả
 Đại hội thờ Thiên thần

Nên cõi lưng Rồng thân
 Thọ vui bay lên trời
 Các vua Thánh tài giỏi
 Nghiêm thân anh lạc báu
 Cúng tế lập đại hội
 Cuối cùng được phước trời.”
 Như thế vua Bình-sa
 Dùng mọi cách thuyết phục
 Chí Thái tử vững chắc
 Không động như Tu-di.

M

Phẩm 11: THÁI TỬ ĐÁP LỜI VUA BÌNH-SA

Vua Bình-sa thuận theo
 An ủi mời thỉnh rồi
 Thái tử kính đáp tạ
 Cảm sâu lời vua nói
 Khéo hợp pháp thế gian
 Lời nói không trái lý:
 “Dòng vọng tộc Ha-lê
 Là tri thức mọi người
 Nghĩa mang, tâm vương bận
 Pháp nên nói như thế.
 Các phàm phu thế gian
 Không thể hành nhân nghĩa
 Đức mỏng nương tình gần
 Đâu được gọi việc tốt.
 Noi theo dòng cao quý
 Sùng lễ tu kính nhường
 Đối với sự khổ nạn
 Cứu giúp không lìa bỏ
 Cho nên là tướng chân
 Thiện tri thức thế gian

Bạn lành cứu giúp tài
Nên gọi kho vũng chắc
Giữ gìn tiếc lợi mình
Đó sẽ mau quên mất.
Báu vô thượng của nước
Bố thí làm việc phước
Và thí thiện tri thức
Tuy tán sau không hối
Đã biết Ngài tình sâu
Không nói lời trái ngược
Những điều ngày nay thấy
Tâm thành nói nhau biết.
Sợ sinh, già, bệnh, chết
Muốn tìm chân giải thoát
Bỏ cha, lìa ái ân
Há về hưởng năm dục
Không sợ rắn cực độc
Giá rét với lửa hồng
Chỉ sợ cảnh năm dục
Trôi lăn nhọc tâm tôi.
Giặc vô thường năm dục
Cướp báu lành của người
Luống dối trá chẳng thật
Giống như người huyễn hóa
Thoáng trông khiến người mê
Hưởng thường sống gần gũi.
Năm dục là ngại lớn
Ngăn che pháp vắng lặng
Vui trời còn không thể
Hưởng dục ở nhân gian.
Năm dục sinh thêm khát
Rốt cuộc không đầy đủ.
Như gió mạnh lửa bùng
Ném củi vào không đủ

Các phi nghĩa thế gian
 Không gì hơn năm dục
 Chúng sinh vì ngu tham
 Ưa thích nên không giác
 Người trí sợ năm dục
 Không rơi vào phi nghĩa
 Vua thống lĩnh bốn biển
 Vẫn mong cầu bên ngoài.
 Ái dục như biển cả
 Không bao giờ dừng đủ
 Vua Chuyển luân Man-đà
 Khấp trời mưa vàng ròng
 Vua trị bốn thiên hạ
 Lại mong sinh Đao-lợi
 Đế Thích chia nửa tòa
 Vì tham muốn phải chết.
 Nông-sa tu khổ hạnh
 Làm vua trời băm ba
 Buông dục tâm cao mạn
 Vị tiên kéo xe bộ
 Do việc buông lung này
 Nên đọa làm mãng xà.
 Vua Chuyển luân Yên-la
 Đạo chơi trời Đao-lợi
 Lấy Thiên nữ làm vợ
 Đánh thuế vàng vị tiên
 Tiên tức giận đọa chú
 Nước diệt, vua qua đời.
 Trời Đế Thích Ba-la
 Trời Đế Thích Nông-sa
 Nông-sa thuộc Đế Thích
 Vua trời đâu có thường
 Cõi nước chẳng bền chắc

Chỉ người sức mạnh ở
Thường mặc lớp áo cỏ
Ăn trái, uống nước suối
Tóc dài xoa tận đất
Vắng lặng không mong cầu
Tu khổ hạnh như thế
Rồi cũng bị dục hại.
Nên biết cảnh năm dục
Là kẻ thù người tu
Vua Thiên Tý Đại Lực
Mạnh mẽ khó ai địch
Bị tiên La-ma giết
Cũng bởi do tham dục.
Huống Ta dòng Sát-lợi
Không bị dục kéo lôi
Nhỏ nếm cảnh giới dục
Nhỏ dứt, lớn càng thêm
Người trí rất chán ghét
Dục độc ai uống ăn
Cầu lợi bằng mọi cách
Đều do tham sai khiến.
Nếu người không tham dục
Siêng năng thì không sinh
Người trí thấy lỗi khổ
Dứt bỏ các tham dục.
Thế gian cho là thiện
Tức đều là pháp ác
Chúng sinh vì ham vui
Sinh ra các buồng lung
Buông lung trở hại mình
Chết sẽ đọa đường ác,
Siêng tìm cách đạt được
Phải tìm cách giữ gìn
Không siêng tự đánh mất

*Không cách nào giữ được.
Giống như vật giả mượn
Người trí không tham đắm
Siêng năng tìm năm dục
Được thì thêm yêu đắm
Khi vô thường ly tán
Lại càng thêm khổ não
Cầm đuốc tự cháy tay
Người trí không yêu đắm.
Người ngu si thấp hèn
Lửa sền tham đốt thân
Suốt đời mãi chịu khổ
Không hề được an vui.
Tham giận như rắn độc
Người trí không dám gần
Khổ nhọc gặm xương khô
Không mùi vị, không no
Luống tự mỗi răng miệng
Người trí không dám nếm.
Vua giặc, lửa nước phân
Của chung, con ác thấy
Cũng như cục thị thối
Cả bầy chim tranh giành
Tham tài cũng như vậy
Người trí không ưa thích.
Chỗ tài sản nhóm họp
Thường sinh khởi thù oán
Ngày đêm tự giữ gìn
Như người sợ oán nặng
Nêu giết chợ đông hạ
Bị lòng người oán ghét
Nêu tham, sân, si cao
Người trí thường xa lìa.*

Vào rừng núi, sông biển
 Thất bại nhiều, ít an
 Như hái quả cây cao
 Do tham thường té chết
 Cảnh tham dục cũng thế
 Tuy thấy nhưng khó lấy
 Tìm mọi cách cầu tài
 Khó gom mà dễ tan
 Như cái đũa trong miệng
 Người trí đâu giữ gìn.
 Như hố lửa nguy trang
 Ai đạp thì chết cháy
 Lửa tham dục cũng thế
 Người trí không đạp lên.
 Như Cưu-la bộ kia
 Bất-sát-phú-nan-đà
 Di-hy-lợi-đàn-trà
 Như con dao hàng thịt
 Hình ái dục cũng thế
 Người trí không dám làm
 Gieo mình vào nước, lửa
 Hoặc nhảy xuống sườn núi
 Cầu được sinh cõi trời
 Luống khổ, chẳng được lợi.
 Tôn Đào, Bát Tôn Đào
 Anh em A-tu-luân
 Đều có tâm thương nhau
 Vì dục, tàn hại nhau
 Thân chết, tiếng tăm mất
 Đều là do tham dục.
 Tham ái làm người hèn
 Roi gậy đánh đập khổ
 Ái dục hy vọng hèn
 Đêm dài thân tâm nhọc

Nai vì tham tiếng chết
 Chim tham sắc mạng vong
 Cá tham môi bỏ xác
 Đều bị dục làm khổ.
 Quán sát vật nuôi sống
 Chẳng phải pháp tự tại
 Ăn để chữa bệnh đói
 Uống nước để hết khát
 Y phục để ngăn lạnh
 Nằm để trị ngủ nghỉ
 Đi mệt nên ngồi xe
 Đứng mỏi chân tìm ghé
 Tắm gội để trừ dơ
 Đều là dứt bỏ khổ.
 Vì thế phải nên biết
 Năm dục chẳng tự tại
 Như người bị sốt cao
 Tìm nước mát để trị
 Tham cầu dứt khổ hoạn
 Người ngu cho tự tại
 Nhưng vật nuôi sống kia
 Cũng chẳng phải dứt khổ
 Lại làm pháp khổ tăng
 Nên chẳng phải tự tại.
 Áo ấm chẳng thường vui
 Hết lạnh cũng sinh khổ
 Ánh trăng mùa hạ mát
 Mùa đông thêm khổ hạnh.
 Đến tám pháp thế gian
 Đều chẳng tương quyết định
 Tương khổ vui bất định
 Tổ và vua đâu phân.
 Vua ra lệnh, chúng vâng

Vì vua là trên hết
Ra lệnh chính là khổ
Còn mang nhiệm vụ nặng
Đều cân nhắc nặng nhẹ
Các khổ nhóm vào thân
Làm vua nhiều kẻ ghét
Dù thân cũng thành đọa
Không thân ở một mình
Như thế có gì vui?
Vua trị bốn thiên hạ
Nhưng dùng không quá một
Tìm cầu cả muôn việc
Luống khổ, ích gì thân?
Chưa khổ, dứt tham cầu
Dứt việc là an vui
Làm vua vui năm dục
Không làm, vui vắng lặng
An vui đã bình đẳng
Thì làm vua mà chi?
Ngài chớ tìm mọi cách
Dẫn tôi vào năm dục
Điều mà tôi mong muốn
Là con đường thoáng mát.
Ngài muốn lợi ích tôi
Xin giúp điều tôi cầu
Tôi không sợ kẻ thù
Không cầu sinh cõi trời
Tâm không nghĩ danh lợi
Nên cõi bỏ mũ trời
Vì thế trái ý ngài
Không tuân theo ý chỉ.
Như thoát miệng rắn độc
Đâu trở lại nắm giữ
Cầm đuốc tự cháy tay

Vì sao không bỏ ngay?
Người có mắt muốn mù
Đã mở lại muốn buộc
Người giàu lại muốn nghèo
Người trí muốn ngu si
Đời có người như thế
Thì tôi nên làm vua.
Muốn vượt sinh, già, chết
Tiết chế, hành khát thực
Ít muốn, giữ vắng lặng
Đời sau khỏi đường ác
Nên hai đời an vui.
Nay Ngài đừng thương tôi
Nên thương người làm vua
Tâm ấy thường khao khát
Đời nay không được an
Đời sau chịu khổ báo.
Ngài dùng dòng họ quý
Lễ nghĩa đại trượng phu
Đối đãi tôi trọng hậu
Vui đồng vui thế gian
Tôi cũng nên báo ân
Khuyên ngài lợi như tôi.
Nếu tu ba phẩm vui
Đó gọi Đại trượng phu.
Đây cũng là phi nghĩa
Thường cầu không biết đủ
Nếu không sinh, già, chết
Mới gọi Đại trượng phu
Ngài nói trẻ lao chao
Già mới nên nên xuất gia
Tôi thấy người tuổi già
Sức yếu không kham nổi

Không bằng lúc còn trẻ
 Chí vững tâm quyết định
 Thân chết cầm kiếm theo
 Thường rình dịp giết hại
 Đâu chờ đến lúc già
 Toại chí đi xuất gia.
 Vô thường là thợ săn
 Già: cung, bệnh: tên bén
 Trong cánh đồng sinh tử
 Thường rình nai: chúng sinh
 Được dịp liền giết hại
 Ai cho sống suốt đời.
 Việc làm của con người
 Việc sinh hoặc việc diệt
 Nhỏ, lớn và trung niên
 Đều nên siêng tìm cách.
 Cúng tế tu đại hội
 Đó đều là ngu si
 Phải nên chuộng chánh pháp
 Lại giết để tế trời
 Giết chúng sinh cầu phước
 Là người không tâm Từ
 Hại sinh, quả hữu thường
 Vẫn còn không nên giết
 Huống là cầu vô thường
 Giết chúng sinh cúng tế
 Nếu người không giới, vãng,
 Tuệ, tu thiền vắng lặng
 Không nên theo thế gian
 Cúng tế lập đại hội
 Sát sinh được hiện vui.
 Người trí không nên giết
 Huống là giết chúng sinh
 Mà cầu phước đời sau.

Quả hữu vì ba cõi
 Chẳng phải điều tôi ưa
 Pháp trôi lăn các nẻo
 Như gió thổi lục bình
 Cho nên tôi viễn du
 Vì cầu chân giải thoát.
 Nghe nói A-la-lam
 Khéo giảng đạo giải thoát
 Giờ sẽ đến chỗ vị
 Đại tiên Mâu-ni kia.
 Lời thật xin nén lại
 Giờ, tôi xin lổi vua
 Nguyện nước Ngài an ổn
 Khéo giữ như Đế Thích
 Ánh tuệ soi thiên hạ
 Giống như ánh mặt trời.
 Một vị vua tối thắng
 Hộ mạng bằng giữ tâm
 Chánh hóa giữ con mình
 Cai trị bằng chánh pháp
 Băng tuyết, lửa là thù
 Nương cờ khói lửa sinh
 Cờ khói thành mây nổi
 Mây nổi tuôn mưa lớn
 Có con chim trong không
 Ướt mưa, không ướt thân
 Giết oán nặng là nhà
 Ở nhà oán nặng giết.
 Có người giết oán nặng
 Nay ngài nên tha họ
 Để họ được giải thoát
 Như ướt không ướt mình.”
 Nhà vua liền chấp tay

Kính đức, tâm vui mừng:
 “Như điều Ngài mong cầu
 Mong cho quả mau thành
 Khi thành tựu quả rồi
 Xin Ngài về độ tôi.”
 Bồ-tát hứa trong tâm
 Sẽ khiến vua toại nguyện
 Giã từ, Ngài lên đường
 Đến chỗ A-la-lam.
 Vua và các quyến thuộc
 Cùng chấp tay đưa tiễn
 Điều cho là kỳ lạ
 Trở về thành Vương xá.

M

Phẩm 12: A-LA-LAM UẤT-ĐẦU-LAM

Dòng Nhật quang Cam giá
 Đến rừng vắng lặng kia
 Tới chỗ vị Mâu-ni
 Đại tiên A-la-lam.
 Ca-lam dòng quý tộc
 Xa thấy Bồ-tát đến
 Lớn tiếng xa khen ngợi
 An ủi rằng lành thay
 Chấp tay lãn cung kính
 Hỏi thăm an lành không.
 Hỏi thăm sức khỏe rồi
 Khoan thai cùng ngồi xuống
 Phạm chí thấy Thái tử
 Dung mạo rất uy nghi
 Gọi nhuần, kính đức hạnh
 Như khát uống cam lộ
 Đưa tay bảo Thái tử:
 “Biết Ngài xuất gia lâu

Bỏ cha, mở khóa ái
Giống như voi thoát nài
Trí sâu, tuệ giác sáng
Khỏi ăn quả độc này.
Thuở xưa, vua Minh Thắng
Nhường ngôi lại cho con
Như người đeo tràng hoa
Khô héo nên vất bỏ
Chẳng bằng Ngài tuổi trẻ
Không lên ngôi Thánh vương.
Xét chí vững của Ngài
Xứng đáng là pháp khí
Nên ngồi thuyền trí tuệ
Vượt qua biển sinh tử.
Hễ có người đến học
Xét tài rồi mới dạy
Nay tôi đã biết Ngài
Chí vững chắc, quyết định
Hãy nên hết lòng học
Tôi không giấu điều chi.”
Thái tử nghe dạy bảo
Vui mừng mà đáp rằng:
“Ngài có tâm bình đẳng
Khéo dạy, không thương ghét
Chỉ nên hết lòng nhận
Việc mong cầu đã được.
Đi đêm được đuốc sáng
Lạc lối được người dẫn
Qua biển được thuyền nan
Nay tôi cũng như vậy
Đã được Ngài thương xót
Dám hỏi điều tâm nghi:
Khổ sinh, già, bệnh, chết

Làm thế nào được khỏi?"
 Bấy giờ A-la-lam
 Vừa nghe Thái tử hỏi
 Liền đem các kinh luận
 Để giải thích sơ lược:
 "Ngài là bậc cơ ngộ
 Người thông minh bậc nhất
 Giờ xin nghe tôi nói
 Nghĩa sống chết, sinh diệt.
 Tánh, biến, sinh, già, chết
 Năm thứ là chúng sinh
 Tánh nghĩa là thuần tịnh
 Chuyển biến là năm đại
 Ngã, giác cùng với kiến
 Căn theo cảnh là biến
 Sắc, thanh, hương, vị, xúc
 Đều gọi là cảnh giới
 Tay chân, ngữ hai đường
 Đó gọi năm nghiệp căn.
 Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
 Đó gọi là Giác căn
 Ý căn gồm hai nghĩa
 Vừa nghiệp vừa gọi giác
 Tánh chuyển biến là nhân
 Người biết nhân là Ngã.
 Vị tiên Ca-tỳ-la
 Và đệ tử quyến thuộc
 Đối yếu nghĩa tôi đây
 Tu học được giải thoát.
 Tiên Ca-tỳ-la kia
 Nay Ba-xà-ba-đề
 Giác biết sinh, già, chết
 Thuyết này gọi là kiến
 Trái với thuyết nói trên

Thuyết gọi là Bất kiến
 Nghiệp ngu si ái dục.
 Thuyết ấy là luân chuyển
 Nếu vướng ba thứ này
 Chúng sinh ấy không lìa
 Bất tín, ngã, nghi, lạm
 Bất biệt, không phương tiện
 Cảnh giới sâu chấp trước
 Mãi nằm trong ngã sở.
 Bất tín, điên đảo chuyển
 Làm khác cũng hiểu khác
 Ngã nói, ngã hay biết
 Ngã đến đi, ngã trụ
 Các chấp ngã như thế
 Đó gọi ngã tác chuyển.
 Đối các tánh do dự
 Phải quấy không phải thật
 Không quyết định như thế
 Thuyết ấy gọi là Nghi.
 Nếu nói pháp là Ngã
 Nói đó tức là ý
 Cũng như Giác và Nghiệp
 Nói số lại nói Ngã
 Không phân biệt như thế
 Thuyết ấy gọi chung Lạm.
 Ngu, trí tánh biến đổi
 Không rõ gọi Bất biệt
 Lễ bái, tụng các sách
 Sát sinh tế miếu trời
 Nước lửa thấy là tịnh
 Mà sinh tưởng giải thoát
 Các thứ kiến như thế
 Đó gọi không phương tiện.

Kẻ ngu si chấp đấm
 Ý, lời nói, giác nghiệp
 Và cảnh giới chấp đấm
 Thuyết ấy gọi là trước.
 Các vật đều ngã sở
 Đó gọi là nhiếp thọ
 Tám thứ hoặc như thế
 Càng chìm trong sinh tử.
 Những kẻ ngu ở đời
 Nhiếp thọ lấy năm tiết:
 Ám si và đại si
 Tức giận và sợ sệt
 Biếng nhác gọi là Ám
 Sống chết gọi là Si
 Ái dục gọi đại si
 Người lớn sinh mê lầm
 Ôm hận gọi tức giận
 Tâm hãi gọi sợ sệt.
 Phàm phu ngu si ấy
 Chấp đấm năm dục lạc
 Sống chết là gốc khổ
 Xoay lẩn trong năm đường
 Chuyển sinh ngã thấy nghe
 Ngã biết, ngã làm ra
 Do vì chấp ngã này
 Thuận theo dòng sinh tử.
 Nhân này không có tánh
 Quả cũng chẳng có tánh
 Gọi đó suy nghĩ đúng
 Bốn pháp hướng giải thoát.
 Thông minh và ngu tối
 Hiểu bày, không hiểu bày
 Nếu biết bốn pháp này
 Là được sinh, già, chết.

Sinh, già, chết đã hết
 Mau được chỗ vô tận
 Bà-la-môn thế gian
 Thấy đều nương nghĩa này
 Tu hành các phạm hạnh
 Cũng nói rộng người nghe.
 Thái tử nghe lời ấy
 Lại hỏi A-la-lam:
 “Thế nào là phương tiện
 Rốt ráo đến chỗ nào?
 Thực hành phạm hạnh nào?
 Lại nên vào lúc nào?
 Vì sao tu phạm hạnh?
 Pháp nên đến chỗ nào?
 Các yếu nghĩa như thế
 Xin nói đủ tôi nghe.”
 Bấy giờ, A-la-lam
 Nói như kinh luận kia
 Tự dùng tuệ phương tiện
 Lại giải thích sơ lược:
 “Trước lia tục xuất gia
 Y theo hạnh khát thực
 Tu tập các oai nghi
 Vâng giữ các chánh giới
 Ít muốn và biết đủ
 Ngon dở đều thọ nhận
 Một mình tu vắng lặng
 Siêng tu các kinh luận
 Thấy tham dục sợ sệt
 Lia dục được thanh tịnh,
 Giữ các căn vào làng
 Tâm sống trong vắng lặng
 Lia dục ác bất thiện

Các thiền nào cõi Dục
 Xa lìa sinh vui mừng
 Được thiền sơ giác quán.
 Đã được vui Sơ thiền
 Cùng với tâm giác quán
 Cho đó là đặc biệt
 Tâm ngu si ưa đắm
 Tâm nương xa lìa vui
 Qua đời sinh Phạm thiên.
 Người trí tự biết được
 Phương tiện dùng giác quán
 Tinh tấn cầu tiến lên
 Tương ứng Thiền thứ hai
 Mê đắm vui mừng kia
 Được sinh trời Quang âm,
 Phương tiện lìa vui mừng
 Tu lên Thiền thứ ba
 An vui không cầu thắng
 Sinh lên trời Biến tịnh,
 Xả bỏ ý vui ấy
 Chứng được thiền thứ tư
 Khổ vui đều đã dứt
 Hoặc nghĩ rằng giải thoát
 Nhờ phước Tứ thiền kia
 Được sinh trời Quảng quả.
 Chư Thiên này sống lâu
 Nên gọi là Quảng quả
 Ở đó thiền định khởi
 Thấy có thân là lỗi
 Tăng tiến tu trí tuệ
 Chán lìa Thiền thứ tư
 Quyết định cầu tiến thêm
 Tìm cách trừ sắc dục
 Trước các lỗi trên thân

Dẫn dân tu cõi mở
 Cuối cùng phần vững chắc
 Đều thành tựu không quán
 Tiến quán vô lượng thức
 Khéo léo trong vắng lặng
 Lìa ngã và ngã sở
 Quán sát vô sở hữu.
 Vô sở hữu xứ này
 Văn-xà da xương lia
 Chim hoang thoát khỏi lồng
 Xa lìa khỏi cảnh giới
 Giải thoát cũng như vậy.
 Bà-la-môn trên đây
 Lìa thân thường bất tận
 Người trí phải nên biết
 Đó là chân giải thoát.
 Phương tiện mà Ngài hỏi
 Và người cầu giải thoát
 Như lời tôi nói trên
 Người tin sâu nên học.
 Vị tiên Lân-kỳ-sa
 Cùng với Xà-na-già
 Tỳ-đà-ba-la-sa
 Và người cầu đạo khác
 Đều từ nơi đạo này
 Mà được chân giải thoát.”
 Thái tử nghe Tiên nói
 Suy nghĩ nghĩ thú ấy
 Phát khởi duyên đời trước
 Rồi lại thưa hỏi nữa:
 “Nghe Ngài trí tuệ cao
 Nghĩa nhiệm mầu sâu xa
 Biết nhân mà không bỏ

Chẳng phải đạo rốt ráo.
Tánh chuyển biến biết nhân
Nói rằng người giải thoát
Tôi quán sinh pháp này
Cũng là pháp chủng tử.
Ngài cho ngã thanh tịnh
Đó là chân giải thoát
Nếu gặp nhân duyên hội
Thì trở lại buộc ràng
Giống như chủng tử kia
Giờ, đất nước lửa gió
Lìa tan sinh trái lý
Gặp duyên chủng lại sinh
Nghịch nhân ái vô tri
Bỏ thì gọi giải thoát.
Các chúng sinh còn ngã
Không giải thoát rốt ráo
Nơi nơi bỏ ba chủng
Mà lại được ba thắng
Vì ngã thường có nên
Kia phải theo nhỏ nhiệm
Vì theo lỗi nhỏ nhiệm
Nên tâm lìa phương tiện
Tuổi thọ được lâu dài.
Ngài cho chân giải thoát
Ngài nói lìa ngã sở
Nếu lìa thì không có
Các số đã không lìa
Làm sao lìa Câu-na?
Cho nên có Câu-na
Nên biết chẳng giải thoát.
Câu-ni và Câu-na
Nghĩa khác mà thể một
Nếu nói lìa nhau thì

Không hề có việc ấy.
 Sắc nóng xa lìa lửa
 Lửa khác không thể được
 Như trước khi có thân
 Thì không hề có thân
 Như thế trước Cầu-na
 Cũng không có Cầu-ni
 Cho nên trước giải thoát
 Sau mới bị thân buộc
 Lại biết do lìa thân
 Hoặc biết hoặc không biết
 Nếu nói là có biết
 Thì nên có chỗ biết
 Nếu như có chỗ biết
 Thì chẳng phải giải thoát
 Còn nếu nói không biết
 Thì ngã không dùng được.
 Lìa ngã mà có biết
 Thì ngã đồng gỗ đá
 Biết đủ cả tinh thô
 Bỏ thô mà trọng tinh
 Nếu bỏ được tất cả
 Thì việc làm rốt ráo.”
 Lời A-la-lam nói
 Không vui lòng Thái tử
 Biết chẳng Nhất thiết trí
 Nên đi tìm vị khác
 Đến chỗ tiên Uất-đà.
 Kia cũng chấp có ngã
 Tuy quán cảnh nhỏ nhiệm
 Thấy lỗi tướng, bất tướng
 Lìa trụ tướng phi tướng
 Lại không có đường ra

Vì chúng sinh đến đó
 Sẽ lại bị lui sụt.
 Vì Bồ-tát mong thoát
 Lại bỏ tiên Uất-đà
 Để cầu đạo mẫu hơn
 Bèn lên núi Già-xà
 Thành tên Khổ hạnh lâm
 Năm Tỳ-kheo trước ở.
 Thấy năm Tỳ-kheo ấy
 Khéo thu nhiếp các căn
 Giữ giới tu khổ hạnh
 Ở rừng khổ hạnh kia
 Cạnh sông Ni-liên-thiên
 Vắng lặng rất an vui,
 Bồ-tát liền đến đó
 Ngồi một chỗ suy nghĩ.
 Năm Tỳ-kheo biết Ngài
 Chuyên tâm cầu giải thoát
 Nên hết lòng cúng dường
 Như kính trời Tự tại,
 Nhún mình thờ làm thầy
 Mỗi bước thường không rời
 Giống như người tu hành
 Các căn tùy tâm chuyển.
 Bồ-tát siêng tìm cách
 Để vượt già, bệnh, chết
 Chuyên tâm tu khổ hạnh
 Tiết chế thân quên ăn
 Tịnh tâm giữ trai giới
 Người tu khác không kham.
 Thiên tư trong vắng lặng
 Ròng rã suốt sáu năm
 Ngày ăn một hạt mè
 Thân thể rất ốm gầy

Mong độ người chưa độ.
Hoặc nặng lại càng chìm
Đạo nhờ tuệ giải thoát
Không ăn, chẳng phải nhân
Thân thể tuy suy yếu
Nhưng tâm tuệ càng sáng
Tâm rộng, thân nhẹ nhàng
Tiếng khen vang khắp nơi
Như vàng trắng mới mọc
Hoa Cưu-mâu-đầu nở
Tiếng thơm vang khắp nước
Gái, trai đua đến xem.
Thân hình như cây khô
Qua thời gian sáu năm
Chán sợ khổ sinh tử
Chuyên cần nhân Chánh giác
Tự nghĩ chẳng nhờ đó
Lìa dục, tịch quán sinh
Chẳng như Ta lúc trước
Ở dưới cây Diêm-phù
Được pháp chưa từng có.
Nên biết đó là Đạo
Đạo chẳng do thân gây
Thân cần phải có sức
Uống ăn nuôi các căn
Căn vui giúp tâm an
Tâm an thuận vắng lặng.
Lặng là nhân thiền định
Nhờ thiền biết thánh pháp
Sức pháp được khó được
Vắng lặng lìa già chết
Lìa các cấu bực nhất
Các pháp mâu như thế

Điều nhờ uống ăn sinh.
 Suy nghĩ nghĩa ấy rồi
 Tắm gội sông Ni-liên
 Tắm xong, định bước lên
 Sức yếu, không lên được
 Thiên thần uốn cành cây
 Đưa tay vịn bước lên.
 Bấy giờ, cạnh rừng ấy
 Có một cô gái nọ
 Chăn bò tên Nan-đà,
 Trời Tịnh cư đến bảo:
 “Bồ-tát ở trong rừng
 Cô nên đến cúng dường.”
 Nan-đà-bà-la-xà
 Vui mừng đến chỗ Ngài
 Tay đeo xuyên ngọc trắng
 Thân mặc áo màu xanh
 Màu trắng, xanh ánh nhau
 Như nước thấy bóng chìm
 Tâm kính tin hơn hở
 Cúi lễ chân Bồ-tát
 Kính dâng cháo sữa thơm
 Cúi xin thương xót nhận.
 Bồ-tát nhận và dùng
 Nàng được quả hiện pháp
 Dùng xong, các căn vui
 Kham thọ nhận Bồ-đề
 Cả thân thể sáng ngời
 Đức hạnh càng thêm cao
 Như trăm sông đổ biển
 Trời, trăng càng thêm sáng.
 Năm Tỳ-kheo thấy Ngài
 Kinh ngạc, lấy làm lạ
 Cho Ngài tâm đạo lùi

Bỏ đi, tìm chỗ tốt
 Nếu người được giải thoát
 Năm đại đều xa lìa.
 Bồ-tát đi một mình
 Đến dưới cội Cát tường
 Ngay dưới cội cây áy
 Thành đạo Đẳng chánh giác.
 Nơi ấy đất rộng bằng
 Cỏ mềm mơn mớn mọc
 Sư tử khoan thai bước
 Mỗi bước, đất rung chuyển
 Đất cảm động rộng mù
 Vui mừng, mắt được sáng
 Nói từng thấy Phật trước
 Tướng đất rung như nay.
 Đấng Mâu-ni tôn quý
 Mặt đất không ai hơn
 Mỗi bước chân đạp đất
 Tiếng rung chuyển âm âm
 Ánh sáng màu chiếu khắp
 Như mặt trời sáng hôm.
 Năm trăm con chim xanh
 Trên không nhiều bên phải
 Làn gió mát nhẹ nhàng
 Thuận theo mà cuốn tròn
 Các điều lành như thế
 Đều đồng Phật quá khứ
 Cho nên biết Bồ-tát
 Sẽ thành đạo Chánh giác.
 Được người cất cỏ kia
 Cho cỏ mềm thanh tịnh
 Bèn trải dưới gốc cây
 Chánh thân mà an tọa

Ngồi kiết già, không động
 Như rỗng buộc lấy thân
 Quyết không rời chỗ này
 Tu tập đến rốt ráo.
 Khi Ngài phát thệ này
 Trời, rỗng đều mừng vui
 Gió mát nhẹ nhẹ thổi
 Cỏ cây không xào xạc
 Tất cả các cầm thú
 Im bất không tiếng kêu
 Đó là tướng nói lên
 Bồ-tát sẽ thành đạo.

M

Phẩm 13: PHÁ MA

Đại Tiên vương tộc tiên
 Ở dưới cội Bồ-đề
 Lập lời nguyện vững chắc
 Phải thành đạo giải thoát
 Quý, Rỗng, các Thiên chúng
 Thấy đều rất vui mừng.
 Vua Thiên ma Pháp Oán
 Chỉ buồn mà không vui
 Vua năm dục tự tại
 Có các thuật chiến đấu
 Ganh ghét người giải thoát
 Nên gọi là Ba-tuần.
 Ma vương có ba gái
 Dung nghi đẹp mỹ miều
 Có mọi cách mê người
 Bạc nhất trong Thiên nữ
 Cô cả tên Dục Nhiễm
 Cô kế Năng Duyệt Nhân
 Cô út Khả Ái Lạc.

Ba cô đồng thời đến
Thưa cha Ba-tuần rằng:
“Chẳng hay có việc gì
Mà cha lo việc ấy?”
Cạn tình bảo các con:
“Đại Mâu-ni ra đời
Thân mặc giáp đại thế
Tay cầm cung đại ngã
Tên cứng bén trí tuệ
Muốn hàng phục chúng sinh
Phá hủy cảnh giới ta.
Một khi ta không bằng
Chúng sinh tin theo kia
Trở về đạo giải thoát
Cõi nước ta trống rỗng.
Thí như người phạm giới
Thân họ còn trống không
Mất tuệ chưa mở thông
Nước ta còn yên ổn
Phải đến phá chí kia
Phá sập cầu cứu nà.”
Cầm cung, mang năm tên
Cùng nam nữ thân quyến
Đến rừng Cát tường kia
Cầu chúng sinh chẳng yên.
Thấy Mâu-ni vắng lặng
Muốn vượt biển ba cõi
Tay trái cầm cung mạnh
Tay phải cầm tên nhọn
Mà bảo Bồ-tát rằng:
“Ông Sát-lợi mau dậy
Chết rất đáng sợ hãi
Phá mà ông đang tu

Lìa bỏ pháp giải thoát!
 Tu tập hội “thí phước”
 Điều phục các thế gian
 Chết được sinh cõi trời
 Đạo này được khen ngợi
 Việc làm tốt trước kia
 Vua tiên dòng dõi quý
 Điều khát sĩ không nên.
 Giờ, nếu không đứng lên
 Ông hãy nên yên chí
 Chớ xả bỏ yếu thế
 Ta bắn một mũi tên
 Cháu Yên-la Nguyệt Quang
 Cũng do mũi tên ta
 Chạm nhẹ như gió thổi
 Mà tâm nó phát điên.
 Tiên khổ hạnh vắng lặng
 Nghe tiếng tên ta bắn
 Tâm liền rất sợ hãi
 Hôn mê mất bản tánh
 Huống ông trong đời mạt
 Mong thoát mũi tên ta
 Giờ ông mau đứng dậy
 May ra được an toàn.
 Tên này rất độc hại
 Khẳng khái mà chống lại
 Người đủ sức chịu tên
 Tự an còn rất khó
 Huống ông không kham nổi
 Làm sao không kinh hãi?”
 Ma nói những điều trên
 Để bức hiếp Bồ-tát
 Nhưng lòng Ngài thản nhiên
 Không nghi, không sợ sệt.

Ma vương liền bắn tên
 Ba ngọc nữ tiến lên
 Bồ-tát chẳng ngó tên
 Cũng chẳng nhìn ba cô.
 Ma vừa sợ vừa ngờ
 Trong lòng ma tự hỏi
 “Tùng vì Tuyết sơn nữ
 Bắn Ma-hê-thủ-la
 Làm biến loạn lòng người
 Nhưng không động Bồ-tát.
 Không dùng tên này nữa
 Và ba ngọc nữ đây
 Có thể đổi tâm kia
 Khiến sinh ra thương giận
 Phải hợp quân chúng lại
 Dùng sức mạnh ép bức.”
 Khi ma nghĩ như thế
 Ma quân bỗng tụ lại
 Nhiều hình thù quái dị
 Cầm kích, cầm đao kiếm
 Nâng cây, cầm chày vàng
 Đầu heo, cá, lừa, ngựa
 Hình lạc đà, trâu, hổ
 Đầu sư tử, voi, rồng...
 Và loài cầm thú khác
 Hoặc một thân nhiều đầu
 Hoặc mỗi mặt một mắt
 Hoặc lại rất nhiều mắt
 Bụng lớn, thân cao nghều
 Hoặc gầy nhom, không bụng
 Hoặc chân dài, gối lớn
 Hoặc chân lớn, vế mập
 Hoặc móng sắc, nanh dài

Hoặc không đầu, mắt, mặt
 Hoặc hai chân, nhiều thân
 Hoặc mặt lớn, mặt bên
 Hoặc có màu tro đất
 Hoặc như ánh sao sáng
 Hoặc thân tuôn khói lửa
 Hoặc tai voi, vác núi
 Hoặc khỏa thân, tóc phủ
 Hoặc là mặc áo da
 Mặt nửa đỏ nửa trắng
 Hoặc mặc áo da cộp
 Hoặc mặc áo da rắn
 Hoặc lưng vác linh lớn
 Hoặc tóc quấn tròn ốc
 Hoặc tóc xõa che thân
 Hoặc hút tinh khí người
 Hoặc cướp mạng sống người
 Hoặc nhảy liệng, kêu lớn
 Hoặc chạy đuổi bắt nhau
 Hoặc tự giết hại nhau
 Hoặc xoay chuyển trong không
 Hoặc bay dưới tàng cây
 Hoặc lâu la, hét, rống
 Tiếng dữ động đất trời
 Các thứ ác như vậy
 Bao quanh cây Bồ-đề.
 Hoặc muốn xé nát thân
 Hoặc lại muốn ăn nuốt
 Bốn bề dậy lửa đỏ
 Khói lửa bốc trời xanh
 Gió mạnh dậy tứ phía
 Núi rừng đều rung chuyển
 Gió lửa lẫn khói bụi
 Mờ tối không thấy gì.

Các trời người ái pháp
 Và các rồng, quỷ thủy
 Đều căm ghét chúng ma
 Tức giận máu lệ tuôn.
 Các vị trời Tịnh cư
 Thấy ma loạn Bồ-tát
 Là dục, tâm không sân
 Thương sợ chúng hại Ngài
 Đều đến thấy Bồ-tát
 Ngồi ngay không khuynh động
 Vô lượng ma bao vây
 Tiếng dữ động trời đất
 Bồ-tát vẫn an nhiên
 Sắc mặc không biến đổi
 Như sư tử đầu đàn
 Ở giữa một bầy thú
 Đều khen ngợi: “Ô hô!
 Là lòng chưa từng có”
 Các ma sách đuổi nhau
 Đều dùng hết uy lực
 Chúng thay nhau tấn công
 Giây lát khiến tiêu diệt
 Nghiến răng mà trợn mắt
 Loạn bay mà níu kéo
 Bồ-tát im lặng quán
 Như xem trẻ đùa giỡn.
 Các ma càng nổi giận
 Càng ra sức chiến đấu
 Ôm đá không đỡ nổi
 Dỡ nổi không ném được,
 Phóng giáo, kích sắc bén
 Ngưng giữa không, không rơi,
 Muta đá, sấm chớp vang

Hóa thành hoa năm màu,
 Hơi độc rắn, rồng dữ
 Hóa thành hơi gió thơm.
 Các loại các hình tướng
 Muốn làm hại Bồ-tát
 Không thể làm khuynh động
 Gây hại, tự tổn thương.
 Ma vương có anh em
 Tên Di-đà Ca-lợi
 Cầm vũ khí đầu lâu
 Đứng trước mặt Bồ-tát
 Làm nhiều trò quái dị
 Để hoặc loạn Bồ-tát.
 Các thứ ma như thế
 Nhiều loại thân xấu xa
 Gây các tiếng ghê rợn
 Muốn làm Bồ-tát sợ
 Nhưng không động mảy may
 Các ma đều lo sầu.
 Không trung, nhiều thân giúp
 Ẩn thân phát ra tiếng:
 “Ta thấy Đại Mâu-ni
 Tâm không hề oán hận
 Các ma lòng ác độc
 Người không oán, sinh oán
 Các ác ma ngu si
 Luống nhọc, làm được gì.
 Nên bỏ tâm sân hại
 Sống vắng lặng an nhiên
 Người không thể dùng miệng
 Thối động núi Tu-di
 Lửa lạnh, nước hừng cháy
 Tính đất phẳng mềm mại
 Không thể phá Bồ-tát

Nhiều kiếp tu quả lành.
 Bồ-tát chánh tư duy
 Tinh tấn hành phương tiện
 Trí tuệ tịnh soi sáng
 Từ bi với mọi loài
 Bốn công đức mẫu này
 Không đứt đoạn giữa chừng
 Khó mà cản Bồ-tát
 Không thành đạo Chánh giác.
 Như ngàn ánh nhật quang
 Tất xua tối cõi thế
 Dùi gỗ mà được lửa
 Đào đất được nước tràn
 Tinh tấn hành phương tiện
 Không cầu gì chẳng được.
 Thế gian không ai cứu
 Trúng độc tham, sân, si
 Vì thương xót chúng sinh
 Tìm thuốc hay trí tuệ
 Để trừ khổ cho đời
 Vì sao người nã loạn?
 Thế gian các si hoặc
 Đều do đắm đường tà
 Bồ-tát tu đường chánh
 Muốn dẫn dắt chúng sinh
 Nã loạn Bạc Đạo Sư
 Cho nên tuyệt không thể!
 Như trong cánh đồng rộng
 Dẫn đường lừa người buôn
 Chúng sinh lạc đường tối
 Không biết nơi sẽ đến
 Thấp đèn trí tuệ cho
 Vì sao lại muốn tắt?

Chúng sinh bị nổi chìm
 Trong biển lớn tử sinh
 Làm con thuyền trí tuệ
 Sao muốn chìm cho chìm?
 Nhẫn nhục là mầm pháp
 Chí vững là gốc pháp
 Tâm giác là thân cành
 Hoa là luật nghi giới
 Cây đại thọ trí tuệ
 Pháp vô lượng là trái
 Bóng che chở chúng sinh
 Vì sao lại muốn chặt?
 Gông cùm, tham, sân, si
 Trói buộc các chúng sinh
 Nhiều kiếp tu khổ hạnh
 Vì giải thoát chúng sinh
 Hôm nay quyết định thành
 Chính thức ngồi tại đây
 Như các Phật quá khứ.
 Đòi kim cương vững chắc
 Các phương đều nghiêng động
 Chỉ nơi đây yên ổn
 Kham nhẫn được diêu định
 Người không phá được đâu!
 Phải nên hạ thấp tâm
 Dứt bỏ tâm kiêu mạn
 Phải tu “tâm tri thức”
 Nhẫn nhục mà thờ phụng!”
 Ma nghe tiếng trên không
 Thấy Bồ-tát an tịnh
 Xấu hổ bỏ kiêu mạn
 Lại trở về cõi trời.
 Các ma đều lo lắng
 Mất hết các uy vũ

Các khí trượng chiến đấu
 Bỏ ngổn ngang trong rừng
 Như người giết kẻ oán
 Bè đảng đều tiêu tan.
 Các ma đã tan tác
 Tâm Bồ-tát vắng lặng
 Ánh mặt trời thêm sáng
 Bụi mù đều lắng chìm
 Trăng sáng các sao hiện
 Không còn bóng tối phủ
 Không trung mưa hoa trời.
 Để cúng dường Bồ-tát.

M

Phẩm 14: A-DUY-TAM BỒ-ĐỀ

Bồ-tát hàng ma rôi
 Lòng vững chắc an tĩnh
 Cầu chứng nghĩa đệ nhất
 Vào sâu trong diệu thiên
 Các Tam-muội tự tại
 Lân lượt hiện trước mặt.
 Đầu hôm nhập chánh định
 Nhớ lại đời quá khứ
 Từ nơi đâu tên gì
 Mà sinh đến nơi này
 Như vậy trăm, ngàn, vạn
 Sinh tử đều biết rõ.
 Chịu sinh tử vô lượng
 Tất cả loài chúng sinh
 Đều từng là thân thuộc
 Nên khởi tâm đại bi.
 Tâm đại bi nghĩ rồi
 Lại quán chúng sinh ấy

Luân hồi trong sáu nẻo
 Sinh tử không cùng tận
 Luống dối không vững chắc
 Như cây chuối mộng huyễn.
 Vào ngay lúc nửa đêm
 Chúng được tịnh Thiên nhãn
 Thấy tất cả chúng sinh
 Như xem hình trong kính
 Chúng sinh chết rồi sống
 Sang hèn và nghèo giàu
 Tịnh nghiệp, bất tịnh nghiệp
 Tùy thọ báo khổ vui,
 Quán sát người làm ác
 Sẽ sinh vào đường ác
 Người tu tập nghiệp lành
 Sinh lên cõi trời, người,
 Nếu người đọa địa ngục
 Thọ vô lượng thứ khổ
 Phải uống nước đồng sôi
 Giáo sắt xuyên thân thể,
 Xô vào vạc nước sôi
 Ném vào đống lửa đỏ
 Bày chó nanh dài xoi
 Chim mổ nhọn mổ não,
 Sợ lửa chạy vào rừng
 Lá kiếm cắt đứt thân
 Dao bén chặt thân thể
 Hoặc búa bén chém chặt
 Chịu biết bao đau khổ
 Nghiệp hành, không chết được.
 Thích làm việc bất tịnh
 Chịu quả báo đau khổ
 Vị đấm trong giây lát
 Khổ báo rất lâu dài

Trông nhân khổ cười vui
Mà chịu tội kêu khóc.
Các chúng sinh nghiệp ác
Nếu thấy tự chịu báo
Thì khí mạch đứt liền
Sợ hãi băng huyết chết.
Tạo các nghiệp súc sinh
Các nghiệp đều sai khác
Chết đọa vào súc sinh
Chịu nhiều thân khác nhau,
Hoặc là thân da thịt
Lông, sừng, xương, đuôi, cánh
Lại tàn hại lẫn nhau
Thân thích ăn thịt nhau
Vác nặng mà mang ách
Câu, dùi đâm, roi đánh
Bị thương, chảy máu mủ
Đói khát nhưng không thoát,
Xoay vần giết hại nhau
Không có sức tự tại
Trên đất, nước, không trung
Không có chỗ trốn chết.
Người tham lam keo kiệt
Sinh vào đường ngạ quỷ
Thân cao lớn như núi
Cổ họng tựa mũi kim
Lửa đói khát bùng lên
Trở lại tự đốt thân.
Người xin tiếc không cho
Hoặc cản người bố thí
Sinh vào ngạ quỷ kia
Muốn ăn chẳng thể được
Đồ thừa người đổ bỏ

Muốn ăn cũng biến mất.
 Những người nghe xan tham
 Bị khổ báo như thế
 Cắt thịt bố thí người
 Như vua Thi-tỳ kia.
 Hoặc sinh vào loài người
 Thân ở trong nhà xí
 Chuyển động rất khổ cực
 Ra thai sinh sợ hãi
 Thân mềm chạm vật ngoài
 Như đao kiếm cắt xẻ,
 An phận theo túc nghiệp
 Không lúc nào không chết
 Cần khổ nã mà sinh sống
 Được sống mãi chịu khổ.
 Nhờ phước sinh cõi trời
 Lửa khát ái đốt thân
 Lúc phước hết qua đời
 Năm tướng suy chết đến
 Giống như hoa, cây héo.
 Tiêu tụy mất ánh sáng
 Quyến thuộc người còn mất
 Buồn khổ không lưu được,
 Cung điện chợt rỗng không
 Ngọc nữ đều xa lìa
 Ngồi nằm trên bụi đất
 Buồn khóc luyến mến nhau.
 Người sống thường đọa lạc
 Kẻ chết buồn luyến tiếc
 Tinh tấn tu khổ hạnh
 Tham cầu sinh cõi trời
 Đã có khổ như vậy
 Hèn thay! Gì đáng tham!
 Đại phương tiện có được

Không khỏi khổ chia lìa.
Than ôi! Các trời người
Dài ngắn không khác nhau
Nhiều kiếp tu khổ hạnh
Xa lìa hẳn ái dục
Rằng quyết định còn mãi
Mà nay đều đọa lạc
Địa ngục chịu các khổ!
Súc sinh tàn sát nhau
Ngạ quỷ đói khát ngặt
Làm người nhọc khao khát
Tuy nói: sinh Thiên vui
Chia lìa khổ lớn nhất
Mê lầm sinh cõi thế
Không một chỗ nghỉ ngơi!
Than ôi! Biển sinh tử
Lăn lộn không cùng tận
Chúng sinh mãi chìm đắm
Trôi dạt không chỗ nương
“Tịnh Thiên nhãn” như thế
Quán sát trong năm đường
Luống dối không vững chắc
Như cây chuối, chùm bọt!
Vào canh ba đêm ấy
Nhập vào chánh thọ sâu
Quan sát các thế gian
Luân chuyển khổ tự tánh
Luôn luôn sinh, già, chết
Số đó không hạn lượng
Tham dục, si ám che
Không biết do đâu xuất.
Suy nghĩ trong chánh niệm
Sinh tử từ đâu khởi?

Quyết định biết già, chết
 Ất do sinh mà ra
 Thí như người có thân
 Thì theo thân có khổ
 Lại xét sinh do đâu
 Thấy từ các nghiệp hữu
 Mắt trời quán nghiệp hữu
 Chẳng trời Tự tại sinh
 Chẳng tự tánh, chẳng ngã
 Cũng không phải không nhân.
 Đốt tre đều đã chẻ
 Các đốt khác không khó
 Đã thấy nhân sinh tử
 Dần dần thấy chân thật
 Nghiệp hữu từ thủ sinh
 Giống như lửa thêm củ.
 Thủ lấy ái làm nhân
 Như lửa nhỏ đốt núi.
 Biết ái từ thọ sinh
 Biết khổ vui cầu an
 Đói khát cầu ăn uống
 Thọ sinh ái cũng vậy.
 Các thọ, xúc là nhân
 Cả ba, khổ vui sinh
 Người gia công dùi lửa
 Thì được lửa mà dùng.
 Xúc từ lục nhập sinh
 Vì tối không minh giác.
 Lục nhập, danh sắc khởi
 Như mầm nảy lá cành.
 Danh sắc từ thức sinh
 Như ươm mầm, lá sinh.
 Thức lại từ danh sắc
 Xoay vần không còn thừa.

Duyên thức sinh danh sắc
 Duyên danh sắc sinh thức
 Như người, thuyền tiến lên
 Đất, nước lại liền nhau.
 Như thức sinh danh sắc
 Danh sắc sinh các căn
 Các căn sinh ra xúc
 Xúc lại sinh ra thọ
 Thọ sinh ra ái dục
 Ái dục sinh ra thủ
 Thủ sinh ra nghiệp hữu
 Hữu thì sinh ra sinh
 Sinh sinh ra già, chết
 Luân hồi mãi không cùng.
 Nhân duyên chúng sinh khởi
 Chánh Giác đều giác tri
 Chánh Giác đã chứng ngộ
 Sinh hết, già chết dứt
 Hữu diệt thì sinh diệt
 Thủ diệt thì hữu diệt
 Ái diệt thì thủ diệt
 Thọ diệt thì ái diệt
 Xúc diệt thì thọ diệt
 Lục nhập diệt, xúc diệt
 Tất cả nhập diệt hết
 Bởi do danh sắc diệt
 Thức diệt, danh sắc diệt
 Hành diệt thì thức diệt
 Si diệt thì hành diệt
 Đại tiên thành Chánh giác.
 Thành Chánh giác như thế
 Phật hưng thịnh thế gian
 Tám chánh: Chánh kiến thấy

Đường bằng phẳng thân nhiên
 Rốt ráo vô ngã sở
 Như củi hết lửa tắt
 Việc phải làm đã làm
 Đã thành đạo Chánh giác
 Rốt ráo nghĩa đệ nhất
 Vào nhà bậc Đại tiên.
 Tối hết, tướng sáng sinh
 Động, tĩnh đều vắng lặng
 Chúng được vô tận pháp
 Nhất thiết trí sáng ngời.
 Đại tiên đức thuận hậu
 Rung chuyển khắp mặt đất
 Vũ trụ đều sáng rõ
 Thần, Rồng, Trời nhóm họp
 Trên không tấu nhạc trời
 Để cúng dường chánh pháp.
 Gió mát nhẹ nhẹ thổi
 Mây trời rưới mưa thơm
 Hoa mẫu nở trái lúc
 Trái ngọt chín trước mùa
 Các hoa báu cõi trời
 Như Đại Mạn-đà-la
 Từ trên không rơi khắp
 Cúng dường Đấng Thích-ca.
 Các chúng sinh dị loại
 Lòng lành đến với nhau
 Sợ hãi đều dứt hết
 Không còn tâm sân mạn.
 Tất cả các thế gian
 Đều như bậc lậu tận
 Chư Thiên ưa giải thoát
 Đường ác được tạm an
 Phiền não tạm ngưng đọng

Trăng tuệ dần thêm sáng.
 Vị tiên dòng Cam Giá
 Có những người sinh Thiên
 Thấy Đức Phật ra đời
 Vui mừng đầy khắp thân
 Liền từ cung điện trời
 Mưa hoa xuống cúng dường.
 Các Trời, Thần, Quỷ, Rồng
 Cùng khen công đức Phật.
 Người đời thấy cúng dường
 Và nghe tiếng khen ngợi
 Tất cả đều vui theo
 Hón hờ không kèm được
 Chỉ có Ma thiên vương
 Trong tâm rất lo buồn.
 Phật trong bảy ngày ấy
 Thiền tư tâm thanh tịnh
 Quán sát cây Bồ-đề
 Chăm chú không chớp mắt:
 “Ta nương tựa chỗ này
 Được toại tâm nguyện xưa
 An trụ pháp vô ngã
 Mắt Phật nhìn chúng sinh
 Phát tâm rất thương xót
 Muốn họ được thanh tịnh
 Tham, sân, si, tà kiến
 Trôi chìm mất bản tâm
 Giải thoát rất nhiệm sâu
 Nhờ đâu giảng nói được?
 Nếu là phương tiện cần
 An trụ trong im lặng
 Nhớ lại bản thệ nguyện
 Lại sinh tâm nói pháp

Quán sát các chúng sinh
 Ai phiền não tăng giảm?"
 Phạm thiên biết Phật nghĩ
 Nên thỉnh Ngài chuyển pháp
 Phát ánh sáng Phạm khắp
 Vì độ chúng sinh khổ
 Đến thấy Đấng Mâu-ni
 Tướng đại nhân nói pháp
 Nghĩa mâu đều hiện rõ
 An trụ trong thật trí
 Là lỗi gây khó dễ
 Không có tâm đối luống
 Tâm cung kính vui mừng
 Chắp tay khuyên mời rằng:
 "Nhờ phước gì thế gian
 Gặp được Đấng Đại Bi?
 Tất cả loài chúng sinh
 Tâm cận bã như uế
 Hoặc phiền não nặng nề
 Hoặc phiền não nhỏ nhiệm
 Thế Tôn đã hóa độ
 Biển khổ lớn sinh tử
 Nguyên sẽ cứu giúp họ
 Các chúng sinh chìm đắm.
 Như nghĩa sĩ ở đời
 Được lợi đồng chúng sinh
 Thế Tôn được pháp lợi
 Nên cứu giúp chúng sinh
 Con người thường tự lợi
 Ta, người thêm lợi, nạn
 Xin rủ lòng Từ bi
 Vì nạn trong các nạn."
 Khuyên mời như thế rồi
 Giã từ trở về trời

Phật do Phạm thiên thỉnh
 Với tâm vui chí thành
 Nuôi lớn tâm đại bi
 Ý nói pháp tăng thêm,
 Nghĩ sẽ đi khát thực
 Bốn vua trời dâng bát
 Như Lai vì pháp nên
 Nhận bốn hợp thành một
 Bấy giờ có người buôn
 Được Thiên thần mách rằng:
 “Đấng Đại Tiên Mâu-ni
 Ở trong khu rừng kia
 Ruộng phước tốt thế gian
 Người nên đến cúng dường”.
 Nghe nói rất vui mừng
 Dâng cúng bữa cơm đầu.
 Dùng xong, Phật lại nghĩ:
 “Khai pháp cho ai trước?
 Chỉ có A-la-lam
 Và Uất-đâu-la-ma
 Có thể thọ chánh pháp
 Nhưng nay đã qua đời
 Còn năm Tỳ-kheo thôi
 Nên nghe pháp đầu tiên.”
 Muốn nói pháp vắng lặng
 Như ánh nắng xua tối
 Liền đến Ba-la-nại
 Chỗ ở vị Tiên xưa
 Khoan thai bước sư tử
 Bình thản mắt ngưu vương
 Vì độ chúng sinh nên
 Thành Ca-thi thẳng đến
 Vua thú bước thanh thản

Ngoái nhìn rừng Bô-đề.

M

Phẩm 15: CHUYỂN PHÁP LUÂN

Như Lai khéo vắng lặng
 Ánh sáng soi chiếu khắp
 Oai nghiêm đi một mình
 Giống như đông người theo
 Trên đường gặp Phạm chí
 Tên là Ưu-ba-ca
 Giữ gìn Tỳ-kheo nghi
 Cung kính đứng bên đường
 Mừng gặp chuta từng có
 Chắp tay mà hỏi rằng:
 “Chúng sinh đều đấm nhiễm
 Dung nhan Ngài không đấm
 Tâm người đời dao động
 Riêng Ngài các căn lặng
 Vẻ sáng như trăng rằm
 Tựa như vị cam lộ
 Dung mạo tướng đại nhân
 Vua sức tuệ tự tại
 Điều phải làm đã làm
 Học hỏi với thầy nào?”
 Đáp rằng: “Ta không thầy
 Không nương, không gì hơn
 Tự ngộ pháp sâu xa
 Được điều người không được
 Điều mà người phải giác
 Thế gian không ai giác
 Ta nay đã tự giác
 Nên gọi là Chánh Giác.
 Phiền não như kẻ thù
 Dùng kiếm tuệ chiết phục
 Cho nên đời khen ngợi

Được gọi là Tối Thắng,
 Sẽ đến Ba-la-nại.
 Đánh trống pháp cam lộ!
 Không mạn, không còn tên
 Cũng không cầu lợi lạc
 Chỉ vì tuyên chánh pháp
 Cứu vớt khổ chúng sinh.
 Do xưa phát thệ rộng
 Độ người chưa được độ
 Kết quả thệ nay thành
 Sẽ toại bốn nguyện này.
 Giàu có tự cung cấp
 Chẳng gọi là Nghĩ sĩ
 Lợi ích cho mọi người
 Được gọi Đại Trượng Phu.
 Gặp nguy không cứu vớt
 Đâu gọi dũng sĩ được,
 Thấy bệnh không chữa trị
 Đâu gọi thầy thuốc hay,
 Thấy lạc không chỉ lối
 Ai gọi người dẫn đường?
 Như đèn soi chỗ tối
 Vô tâm mà tự sáng
 Như Lai thấp đèn tuệ
 Không cầu các dục tình
 Dù gỗ sẽ có lửa
 Không trung gió tự nhiên
 Đào đất sẽ được nước
 Lẽ tự nhiên như vậy.
 Tất cả các Mâu-ni
 Thành đạo là Già-gia
 Cũng đồng nước Ca-thì
 Quay bánh xe chánh pháp”.
 Phạm chí Ưu-ba-ca

Kêu lên: Lạ lùng quá!
 Theo tâm trước đã hẹn
 Theo đường riêng khác nhau
 Nghĩ rằng chưa từng có
 Bước từng bước ngập ngừng.
 Như Lai dần tiến bước
 Đi đến thành Ca-thì
 Đất này rất trang nghiêm
 Như cung trời Đế Thích
 Sông Hằng, Ba-la-nại
 Nằm giữa hai con sông
 Rừng cây, hoa quả mướt
 Chăm thú đến nhờn nhờn
 Vắng lặng, không ồn náo
 Nơi các tiên xưa ở.
 Ánh Như Lai chiếu sáng
 Càng thêm vẻ sáng ngời
 Kiều-trần-như tộc tánh
 Kế Thập lực Ca-diếp
 Ba tên Bà-sáp-ba
 Bốn A-thấp-ba-thệ
 Năm tên Bạt-đà-la
 Tu khổ hạnh núi rừng
 Xa thấy Như Lai đến
 Họ ngồi lại cùng bàn:
 “Cù-đàm đấm vui đời
 Xả bỏ các khổ hạnh
 Nay lại trở về đây
 Ta chớ đứng dậy đón
 Cũng đừng lễ, thăm hỏi
 Cung cấp đồ cần dùng.
 Đã quên lời thề xưa
 Không nên thọ cúng dường.

Hễ người thấy khách đến
 Nên sửa soạn trước sau
 Như chuẩn bị chiếu giường
 Để mời họ yên nghỉ”.
 Giao ước như thế rồi
 Thì ai về chỗ nấy
 Mỗi người đều ngồi yên
 Như Lai dần bước đến
 Họ chợt quên giao ước
 Có người nhường chỗ ngồi
 Có người đỡ y bát
 Có người rửa chân Phật
 Có người hỏi việc cần
 Làm mọi việc như vậy
 Tôn kính như bậc Thầy
 Chỉ không bỏ dòng tộc
 Vẫn gọi tên Cù-đàm.
 Thế Tôn bảo họ rằng:
 “Chớ gọi dòng họ ta
 Đối với A-la-ha
 Mà sinh lời ngạo mạn
 Dù kính trọng hay không
 Tâm ta đều bình đẳng.
 Tâm các ông bất kính
 Tự vờ lấy tội lỗi
 Phật độ được thế gian
 Cho nên gọi là Phật
 Với tất cả chúng sinh
 Bình đẳng xem như con
 Mà gọi tên họ Ta
 Phạm tội như khinh cha!”
 Phật dùng tâm đại bi
 Thương xót mà bảo họ
 Tâm họ vẫn ngu si

Không tin Ngài thật ngộ
 Cho rằng trước khổ hạnh
 Mà còn không chứng đắc
 Nay thân, miệng hưởng lạc
 Làm sao mà thành Phật?
 Cút như vậy nghi hoặc
 Không tin Ngài thành Phật
 Được thật nghĩa cứu cánh
 Tất cả trí đầy đủ.
 Như Lai liền vì họ
 Nói lược về yếu đạo:
 “Người ngu tu khổ hạnh
 Thích làm vui các căn
 Thấy hai khác biệt ấy
 Thì đó là lỗi lớn
 Không phải đạo chánh chân
 Vì trái với giải thoát.
 Nhọc thân tu khổ hạnh
 Tâm ý vẫn rong ruổi
 Thế trí còn chẳng sinh
 Hướng siêu vượt các căn
 Như thấp đèn bằng nước
 Không bao giờ hết tối.
 Nhọc thân tu đèn tuệ
 Không thể dứt ngu si
 Dùi củi mục tìm lửa
 Tốn công chẳng được gì?
 Theo cách người lấy lửa
 Liền được lửa dùng ngay.
 Cầu đạo không khổ thân
 Mà được pháp cam lộ
 Đấm đục là phi nghĩa
 Ngu si ngăn tuệ sáng

Kinh luận còn không rõ,
 Huống được đạo lìa dục!
 Như người bị bệnh nặng
 Ăn thức không tùy bệnh
 Không biết đó bệnh nặng
 Đắm dục làm sao dứt?
 Đốt lửa nơi đồng trống
 Cỏ khô thêm gió mạnh
 Lửa tham ái cũng vậy
 Ai dập được cháy to?
 Ta đã rời “nhị biên”
 Tâm sống với “Trung đạo”
 Các khổ rốt ráo dứt
 Vắng lặng lìa các lỗi
 Chánh kiến hơn ánh dương
 Xe bình đẳng giác quán,
 Chánh ngữ là nhà ở
 Rừng chánh nghiệp dạo chơi
 Chánh mạng tư cách đẹp
 Phương tiện là đường chánh
 Chánh niệm là thành quách
 Chánh định là giường ghế
 Tám đường chánh bằng phẳng,
 Thoát khỏi khổ sinh tử
 Từ đường ấy thoát ra
 Việc làm đã rốt ráo
 Không rơi vào kia đây.
 Hai đời là thường khổ
 Ba cõi thuần nhóm khổ
 Chỉ tám đường dứt được
 Vốn chưa từng được nghe
 Mất thanh tịnh chánh pháp
 Thấy được đạo giải thoát.
 Nay chỉ Ta bắt đầu

Khổ sinh, già, bệnh, chết
Yêu chia ly, oán gặp
Việc mong cầu chẳng được
Và các thứ khổ khác
Lìa dục, chưa lìa dục
Có thân và không thân
Lìa công đức thanh tịnh
Nói lược đó đều khổ.
Giống như lửa cháy ngưng
Tuy đóm nhỏ vẫn nóng
Vắng lặng còn chút ngã
Tính khổ lớn vẫn còn,
Các phiền não: tham, sân...
Và các lỗi của nghiệp
Đó chính là nhân khổ.
Lìa bỏ thì khổ dứt
Như các hạt giống kia
Không gặp đất, nước... thấy
Các duyên chẳng hòa hợp
Thì mầm lá không sinh
Có tánh, hữu nối tiếp
Từ trời đến đường ác
Luân hồi mãi không dừng.
Đó do tham dục sinh
Thấp, vừa, cao khác nhau
Các thứ nghiệp là nhân.
Nếu dứt được tham thấy
Thì không có nối nhau
Nếu các thứ nghiệp hết
Khổ sai biệt dứt hẳn.
Đây có thì kia có
Đây không thì kia không
Không sinh, già, bệnh, chết

Không đất, nước, lửa, gió
 Cũng không đầu, giữa, cuối
 Không phải pháp đối gạt
 Chỗ trụ của Thánh hiền
 Thật vắng lặng vô tận.
 Tám đường chánh đã nói
 Là phương tiện không thừa
 Thế gian không thấy được
 Mọi người mãi lầm mê
 Ta biết khổ, dứt tập
 Chứng diệt, tu chánh đạo
 Quán bốn chân đế này
 Liền thành Đẳng Chánh Giác.
 Rằng Ta đã biết khổ
 Đã dứt nhân hữu lậu
 Đã chứng đắc Diệt tận,
 Đã tu tám đường chánh
 Đã biết bốn chân đế
 Thành mắt pháp thanh tịnh
 Với bốn chân đế này
 Chứa sinh mắt bình đẳng
 Chẳng gọi được giải thoát.
 Không nói: làm, đã làm
 Cũng không nói: tất cả
 Thành trí giác chân thật
 Vì biết bốn chân đế
 Tự biết được giải thoát
 Tự biết làm, đã làm
 Tự biết Đẳng Chánh Giác.”
 Khi nói lời thật này
 Dòng họ quý Kiều-trần
 Tám vạn các Thiên chúng
 Thấu triệt nghĩa chân thật
 Xa lìa các bụi nhơ

Chứng pháp nhĩn thanh tịnh.
 Thiên Nhân Sư biết ngài
 Việc phải làm đã làm
 Tiếng sư tử vui mừng
 Hỏi Kiều-trần: “Hiểu chưa?”
 Kiều-trần liền bạch Phật:
 “Đã hiểu pháp Đại Sư”
 Vì ngài hiểu pháp nên
 Gọi A-nhĩ Kiều-trần
 Trong các đệ tử Phật
 Là người ngộ đầu tiên.
 Ngài biết tiếng chánh pháp
 Nghe được các thần đất
 Đều cùng cất tiếng nói:
 “Hay thay! pháp sâu xa
 Đức Như Lai hôm nay
 Chuyển pháp chưa từng chuyển
 Khắp vì các trời, người
 Mở rộng cửa cam lộ
 Tịnh giới là nan hoa
 Giúp điều phục vắng lặng
 Trí vững là vành bánh,
 Hồ thẹn cầu nối thành
 Chánh niệm vở bọc quanh
 Thành pháp Luân chân thật
 Chánh chân rời ba cõi
 Chẳng lui, theo tà sư.”
 Thần đất nói như vậy
 Thần hư không ca tụng
 Các trời lại khen ngợi
 Thấu đến cõi trời Phạm
 Các Thiên thần ba cõi
 Vừa nghe Đại Tiên giảng

*Kinh hãi bảo nhau rằng:
“Khắp nghe Phật ra đời,
Vì muôn loài chúng sinh
Chuyển pháp luân vắng lặng.”
Mây mù tan, gió tạnh
Không trung hoa trời rơi
Chư Thiên tấu nhạc trời.
Mừng khen: Chưa từng có!*



PHẬT SỞ HÀNH TÁN

QUYỂN 4

Phẩm 16: VUA BÌNH-SA VÀ CÁC ĐỆ TỬ

*Khi năm Tỳ-kheo kia
A-thấp-ba-thệ thấy
Nghe tiếng Ngài biết pháp
Bùi ngùi tự hổ thẹn
Chấp tay cung kính Ngài
Cùng chiêm ngưỡng tôn nhan
Như Lai dùng phương tiện
Giúp họ vào chánh pháp
Năm Tỳ-kheo trước sau
Đắc đạo, điều các căn
Như năm ngôi sao sáng
Thành hàng đứng hầu trăng.
Khi ấy thành Cưu-di
Con trường giả Da-xá
Đêm ngủ chợt giác ngộ
Tự thấy cả quyến thuộc
Nam nữ ngủ khỏa thân
Liên sinh lòng chán chê
Nghĩ đây gốc phiền não
Lừa dối những kẻ ngu
Mặc đồ, đeo anh lạc
Rời nhà vào núi rừng
Dọc đường kêu lên rằng:
“Nã loạn! Ôi nã loạn!”*

Phật kinh hành đêm vắng
 Nghe tiếng kêu “não loạn”
 Ngài gọi: “Ông lại đây
 Đây có chỗ yên ổn
 Niết-bàn rất mát mẻ
 Vắng lặng lia phiền não”.
 Da-xá nghe Phật dạy
 Trong tâm rất vui mừng
 Trái tâm vốn chán lia
 Thánh tuệ chợt mở bày
 Như xuống ao mát mẻ
 Tiến dần đến chỗ Phật
 Thân chàng còn đáng tục
 Mà tâm sạch lậu rồi
 Sức căn lành đời trước
 Mau chứng quả La-hán
 Trí tịnh, lý dần sáng
 Nghe pháp liền giác ngộ
 Như tơ lụa trắng tinh
 Nhuộm rất dễ ăn màu.
 Chàng đã tự giác tri
 Điều nên làm đã làm
 Thấy thân vẫn trang nghiêm
 Mà sinh tâm hổ thẹn.
 Như Lai biết ý ấy
 Nên vì chàng nói kệ:
 “Dùng anh lạc điểm trang
 Tâm điều phục các căn
 Quán chúng sinh bình đẳng
 Hành pháp chẳng kể thân.
 Thân mặc y xuất gia
 Mà lòng lụy chưa quên
 Ở rừng, lợi còn nghĩ
 Thì khác chi người đời.

Tuy thân là người tục
 Lòng ở cảnh cao xa
 Tại gia đồng rừng núi
 Thì xa lìa ngã sở.
 Buộc mở ở nơi tâm
 Thân đâu có định tướng
 Mặc giáp, áo bào trọng
 Có thể ngăn kẻ thù
 Cạo tóc mặc y nhuộm
 Là phục giặc phiền não”
 Phật gọi: “Tỳ-kheo lại!”
 Liền đó đổi dáng tục
 Đầy đủ tướng xuất gia
 Đều trở thành Sa-môn.
 Chàng trước có nhiều bạn
 Đến năm mươi bốn người
 Theo bạn lành xuất gia
 Lăn lượt vào chánh pháp.
 Đó do nghiệp lành xưa
 Quả mầu hôm nay thành
 Đá vôi thắm lâu ngày
 Qua nước mau tươi sáng.
 Các Thanh văn thượng hạnh
 Sáu mươi vị La-hán
 Đều như pháp La-hán
 Thuận theo lời dạy bảo:
 “Nay thầy đã được độ
 Qua bờ sông tử sinh
 Việc làm đã dứt ráo
 Đáng thọ mọi cúng dường,
 Đều nên đến các nước
 Độ người chưa giải thoát
 Chúng sinh khổ lấy lừng

Lâu không người cứu giúp
 Các thầy đều riêng đến
 Thương xót mà dặt điu.
 Giờ Ta cũng một mình
 Trở lại núi Già-xà
 Ở đó có vị tiên
 Vua Tiên và Phạm tiên
 Thầy đều ở tại đó
 Cả nước đều tôn kính.
 Tiên khổ hạnh Ca-diếp
 Nhân dân đều kính thờ
 Người theo học rất đông
 Ta nay đến độ ông”.
 Sáu mươi Tỳ-kheo ấy
 Vâng lời, giảng rộng pháp
 Mỗi vị theo duyên xưa
 Tùy ý đến các nước.
 Thế Tôn riêng mình bước
 Đến thẳng núi Già-xà
 Vào rừng pháp vắng lặng
 Đến chỗ tiên Ca-diếp.
 Ông có hang thờ lửa
 Nơi ở của rồng độc
 Núi rừng thật sáng trong
 Nơi nơi đều yên cả.
 Thế Tôn vì hóa độ
 Xin ông ở lại đêm
 Ca-diếp bạch Phật rằng:
 “Không có chỗ nghỉ ngơi
 Chỉ có hang thờ lửa
 Khéo thanh tịnh ở được
 Nhưng có rồng độc ở
 Sẽ làm thương tổn Ngài”.
 Phật nói: “Ông cứ cho

Chỉ ở một đêm thôi”
 Ca-diếp cứ can ngăn
 Thế Tôn cứ xin mãi
 Ca-diếp lại bạch Phật:
 “Lòng chẳng muốn cho Ngài
 Thì tôi là bần sển
 Thôi thì tùy sở thích”.
 Phật liền vào hang lửa
 Ngồi thẳng, suy nghĩ đúng
 Rỗng độc trông thấy Phật
 Nổi giận phun lửa độc
 Cả động lửa đỏ rực
 Mà chẳng chạm thân Phật.
 Hang cháy rồi lửa tàn
 Thế Tôn vẫn ngồi yên
 Giống như kiếp lửa dậy
 Cung Phạm thiên cháy tàn
 Vua Phạm vẫn ngồi yên
 Không lo cũng không sợ.
 Rỗng độc thấy Thế Tôn
 Sắc mặt không biến đổi
 Độc dứt, tâm lành sinh
 Cúi đầu xin quy y
 Đêm, Ca-diếp thấy sáng
 Than rằng: “Ôi lạ quá!
 Như người đạo đức này
 Mà bị lửa rỗng đốt!”
 Ca-diếp và quyến thuộc
 Sáng sớm đều đến xem
 Phật đã hàng rỗng độc
 Đứng ở trong bình bát
 Mới biết công đức Phật.
 Dù họ lấy làm lạ

Nhưng kêu mạn lâu ngày
 Vẫn nói: “Đạo ta cao!”
 Phật bèn tùy thời nghi
 Hiện các thứ thần biến
 Quán sát điều họ nghĩ
 Biến hóa mà ứng hiện
 Khiến tâm họ mềm dịu
 Xứng đáng thành pháp khí
 Tự thấy đạo mình thấp
 Không bì kịp Thế Tôn
 Mà quyết định hạ mình
 Thuận theo thọ pháp chánh.
 Uất-tỳ-la Ca-diếp
 Có năm trăm đệ tử
 Theo thầy khéo điều phục
 Thứ lớp thọ chánh pháp
 Ca-diếp và đồ chúng.
 Sau khi được hóa độ
 Vật nuôi sống của tiên
 Và các đồ thờ lửa
 Đều ném hết xuống sông
 Mặc chìm trôi theo nước.
 Na-đề và Già-xà
 Hai em ở dưới dòng
 Thấy y phục, các vật
 Theo dòng nước trôi xuống
 Tưởng anh gặp nạn to
 Nên vừa sợ vừa lo
 Cùng năm trăm đệ tử
 Lên ngược dòng tìm anh
 Thì thấy anh xuất gia
 Các đệ tử cũng thế
 Biết được pháp chuta từng
 Mà cho là lạ lùng

Nay, anh đã vào đạo
Chúng ta cũng phải theo
Ba người anh em đó
Và đệ tử, dòng họ
Phật nói pháp cho nghe
Bằng thí dụ thờ lửa:
Khói đen ngu si bốc
Dùi lửa loạn tưởng sinh
Lửa tham dục, giận tức
Thieu đốt các chúng sinh.
Lửa phiền não như thế
Cháy hừng không dập tắt
Càng đấm trong sinh tử
Lửa khổ cũng thường chóng
Thấy được hai thứ lửa
Rực cháy không chỗ nương
Làm sao người có tâm
Mà không sinh chán lìa.
Chán lìa dứt tham dục
Tham hết, được giải thoát
Nếu đã được giải thoát
Giải thoát tri kiến sinh
Quan sát dòng sinh tử
Mà nêu lên phạm hạnh
Việc phải làm đã làm
Không chịu thân hậu hữu.
Ngàn Tỳ-kheo như thế
Nghe Thế Tôn nói pháp
Các lậu không hề khởi
Tất cả tâm giải thoát.
Phật bèn nói pháp cho
Ca-diếp, ngàn Tỳ-kheo
Việc phải làm đã làm

Tuệ tịnh diệu trang nghiêm
 Các quyển thuộc công đức
 Giữ giới, các căn tịnh
 Tiên đại đức theo đạo
 Rừng khổ hạnh hoang vắng
 Như người bỏ giới đức
 Thì thân không còn gì.
 Thế Tôn cùng môn đồ
 Đi đến thành Vương xá
 Ngài nhớ vua Ma-kiệt
 Có lời thề lúc trước
 Thế Tôn đã đến nơi
 Dừng nghỉ trong rừng gậy.
 Vua Bình-sa nghe tin
 Bèn cùng đại quyến thuộc
 Gái trai cả nước theo
 Đi đến chỗ Như Lai
 Xa thấy Như Lai ngồi
 Hàng tâm, phục các căn
 Không còn tướng trần tục,
 Xuống xe, đi bộ đến
 Giống như trời Đế Thích
 Đến chỗ vua Phạm Thiên vương
 Trước lễ dưới chân Phật
 Thăm hỏi: Được an vui.
 Phật an ủi xong rồi
 Mời vua ngồi một bên.
 Vua nghĩ thầm trong lòng
 Phật có uy lực lớn
 Ca-diếp đức tốt thầy
 Nay đều làm đệ tử.
 Phật biết ý mọi người
 Bèn hỏi Ca-diếp rằng:
 “Thầy thấy phước lợi gì

Mà bỏ phép thờ lửa?"
 Ca-diếp nghe Phật hỏi:
 Vội ra trước đại chúng
 Quỳ gối mà chấp tay
 Lớn tiếng bạch Phật rằng:
 "Tu phước thờ thần lửa
 Quả báo đều luân hồi
 Phiền não sinh tử tăng
 Cho nên con xả bỏ.
 Siêng năng thờ thần lửa
 Là mong hưởng năm dục
 Ái dục tăng vô cùng
 Cho nên con xả bỏ
 Thờ lửa tu chú thuật
 Là giải thoát, thọ sinh
 Thọ sinh là gốc khổ
 Nên bỏ lại cầu an.
 Con vốn cho khổ hạnh
 Cúng tế, lập đại hội
 Là tốt nhất trên đời
 Nhưng trái với chánh đạo
 Cho nên nay xả bỏ
 Cầu vắng lặng vượt hơn
 Là sinh, già, bệnh, chết
 Chỗ mát mẻ vô tận
 Vì biết nghĩa này nên
 Xả bỏ phép thờ lửa"
 Thế Tôn nghe Ca-diếp
 Nói việc mình thấy biết
 Phật muốn các chúng sinh
 Điều sinh tâm tịnh tín
 Nên bảo Ca-diếp rằng:
 "Này Bồ-tát! Lành thay

Phân biệt rõ các pháp
 Để theo đạo vượt hơn
 Giờ ở trước đại chúng
 Hiểu rõ công đức thầy
 Như trưởng lão giàu có
 Còn tìm được kho báu
 Khiến chúng sinh nghèo khổ
 Càng sinh tâm chán lìa.”
 Lành thay! Vâng lời Phật
 Liền ở trước đại chúng
 Nhiếp thân vào chánh thọ
 Bay vọt lên hư không
 Kinh hành, nằm, ngồi, đứng
 Hoặc khắp thân tự nhiên
 Hai bên phun lửa, nước
 Không cháy, cũng không ướt
 Từ thân ra mây mưa
 Sấm chớp rung đất trời
 Thế gian đều chiêm ngưỡng
 Thỏa mắt nhìn không chán
 Khác miệng mà đồng lời
 Khen ngợi: chưa từng có.
 Sau đó thu thân thông
 Lễ dưới chân Thế Tôn:
 “Phật là thầy của con
 Con là đệ tử Phật
 Vâng lời nghe hạnh này
 Việc làm đã xong xuôi”
 Cả thế gian đều thấy
 Ca-diếp là đệ tử
 Quyết định biết Thế Tôn
 Thật là Nhất Thiết Trí.
 Phật biết các hội chúng
 Kham thọ được pháp giáo

Nên bảo vua Bình-sa:
 “Đại vương hãy lắng nghe
 Tâm ý và các căn
 Đều là pháp sinh diệt
 Biết rõ lỗi sinh diệt
 Cho nên thấy bình đẳng.
 Thấy bình đẳng như thế
 Đó chính là biết thân
 Biết thân, pháp sinh diệt
 Không lấy cũng không nhận
 Biết thân là căn giác
 Không ngã và ngã sở
 Chỉ chứa các nhóm khổ
 Khổ sinh rồi khổ diệt
 Đã biết tướng các thân
 Không ngã và ngã sở
 Đó chính là bậc nhất
 Nơi thanh tịnh vô cùng.
 Phiền não, ngã kiến thấy
 Trói buộc các chúng sinh
 Đã thấy không ngã sở
 Các phược đều giải thoát
 Thấy không thật trói buộc
 Thấy chân thật, giải thoát
 Chúng sinh nhiếp thọ giới
 Thì bị tà nhiếp thọ.
 Nếu như họ có ngã
 Hoặc “thường” hoặc “vô thường”
 Hai biên kiến sinh tử
 Có lỗi lầm nặng nhất.
 Nếu cho là vô thường
 Thì tu hành không quả
 Cũng không thọ thân sau

Không công mà giải thoát.
 Nếu cho là có thường
 Không khoảng giữa sinh tử
 Thì nên đồng hư không
 Không sinh cũng không diệt.
 Nếu cho là có ngã
 Thì nên tất cả đồng
 Tất cả đều có “ngã”
 Không nghiệp, quả tự thành.
 Nếu có ngã làm ra
 Không nên gắng tu hành
 Kia có chủ tự tại
 Thì đâu cần tạo tác.
 Nếu “ngã” thì có thường
 Lẽ ra không đổi khác
 Thấy có sự khổ, vui
 Thì sao nói có “thường”?
 Biết sinh thì giải thoát
 Xa lìa các bụi nhơ
 Tất cả đều có thường
 Thì cần gì giải thoát?
 Vô ngã không chỉ nói
 Lý thật, vô thật tánh
 Không thấy việc “ngã” làm
 Vì sao nói “ngã” làm
 Mà ngã đã không làm
 Cũng không ai làm ngã
 Vì không hai việc này
 Nên thật không có ngã.
 Không người làm, người biết
 Không chủ, mà thường đổi
 Sinh tử ngày đêm trôi.
 Nay vua nghe ta nói
 Sáu căn, sáu cảnh giới

Nhân duyên lục thức sinh
 Ba thứ hội sinh xúc
 Nghiệp tâm niệm chuyển theo
 Mặt trời gặp cỏ khô
 Có mặt trời, lửa sinh
 Các căn, cảnh giới, thức
 Sĩ phu sinh cũng thế.
 Mầm từ hạt giống sinh
 Hạt giống chẳng phải mầm
 Không tức, cũng không khác
 Chúng sinh sinh cũng vậy!”
 Thế Tôn nói chân thật
 Nghĩa bình đẳng bậc nhất
 Vua Bình-sa vui mừng
 Ly cấu, mất pháp sinh
 Quyến thuộc vua, nhân dân
 Trăm ngàn các thần quỷ
 Nghe nói pháp cam lộ
 Cũng theo đó ly trần.

M

Phẩm 17: ĐẠI ĐỆ TỬ XUẤT GIA

Bấy giờ vua Bình-sa
 Cúi đầu thỉnh Thế Tôn
 Đến trụ trong rừng trúc
 Thương xót, Phật nhận lời.
 Vua đã thấy chân đế
 Bái tạ trở về cung
 Thế Tôn và đại chúng
 Dời đến ở vườn trúc
 Vì độ chúng sinh nên
 Thắp lên đèn tuệ sáng
 Vì Phạm trụ, Thiên trụ

www.daitangkinh.org

Hiền thánh trụ mà trụ.
 Lúc ấy A-thấp-bà
 Điều tâm chế ngự căn
 Đến giờ đi khát thực
 Vào trong thành Vương xá
 Dung mạo đời khó hơn
 Oai nghi rất khoan thai.
 Các gái trai trong thành
 Ai thấy cũng vui mừng
 Người đang đi dừng bước
 Trước đón, sau lẩn tới.
 Vị tiên Ca-tỳ-la
 Độ khắp các đệ tử
 Người học rộng bậc nhất
 Tên là Xá-lợi-phất
 Thấy Tỳ-kheo khoan thai
 Nhàn nhã, các căn lặng
 Ngập ngừng chờ đến gần
 Đưa tay xin thưa hỏi:
 “Tuổi trẻ dung nghi đẹp
 Người tôi chưa từng thấy
 Đắc pháp nhiệm mầu gì?
 Kính thờ vị thầy nào?
 Thầy dạy bảo điều gì?
 Xin giải đáp thắc mắc”
 Tỳ-kheo được hỏi mừng
 Vui vẻ từ tốn đáp:
 “Nhất Thiết Trí đầy đủ
 Sinh từ dòng Cam Giá
 Trên hết trong trời, người
 Đó là thầy của tôi.
 Tôi chẳng những tuổi trẻ
 Sức tu học lại cạn
 Đâu nói hết lời Thầy

Nghĩa nhiệm mầu sâu xa
 Giờ sẽ dùng trí cạn
 Nói lược lời Thầy dạy:
 Tất cả pháp hữu vi
 Đều từ nhân duyên khởi
 Pháp sinh diệt đều diệt
 Nói đạo là phương tiện”.
 Bậc thánh Xá-lợi-phát
 Nghe xong tâm liền thông
 Xa lìa các trần cấu
 Mắt pháp thanh tịnh sinh.
 Trước kia tâm khăng định
 Biết nhân và không nhân
 Tất cả không ai làm
 Đều do trời Tự tại
 Được nghe pháp nhân duyên
 Trí vô ngã mở sáng
 Các phiền não tăng nhẹ
 Không thể dứt rốt ráo
 Chỉ có lời Phật dạy
 Dứt hẳn không còn thừa
 Đã lìa được ngã sở
 Mà bỏ được tôi ta,
 Sáng do đèn, mặt trời
 Ai làm cho không sáng
 Như bể cành hoa sen
 Tơ mảnh vẫn còn vướng
 Phật dạy trừ phiền não
 Như chẻ đá không vương,
 Kính lễ chư Tỳ-kheo
 Từ già trở về nhà
 Tỳ-kheo khát thực xong
 Cũng trở về vườn trúc.

Xá-lợi-phất về nhà
 Sắc mặt rất hân hoan
 Bạn lành Đại Mục-liên
 Điều tài giỏi như nhau
 Xa thấy Xá-lợi-phất
 Dáng vẻ rất hơn hờ
 Bảo rằng: “Nay thấy bạn
 Có vẻ hơi khác thường
 Vốn tính rất kỹ càng
 Mà nay vui hiện rõ
 Chắc được pháp cam lộ
 Đây không phải không nhân!”
 Đáp rằng: “Nghe lời Phật
 Được pháp chưa từng có!”
 Liền xin vì mình nói
 Nghe xong tâm khai mở
 Các bụi nhơ cũng dứt
 Liền sinh mắt chánh pháp,
 Lâu trồng nhân quả mầu
 Như xem đèn trong tay
 Đối Phật tin bất động
 Cùng nhau đến chỗ Phật
 Dẫn theo các đệ tử
 Hai trăm năm mươi người.
 Phật xa thấy hai vị
 Liền bảo với chúng hội:
 “Hai vị đang đến kia
 Đệ tử giỏi của Ta
 Một, trí tuệ vô song
 Hai, thần thông bậc nhất”.
 Dùng Phạm âm thanh tịnh
 Gọi: “Các vị đến đây!
 Đây có pháp thanh tịnh
 Đạo xuất gia rất ráo.”

Tay cầm gậy Tam kỳ
 Tóc cao, mang bình rửa
 Nghe tiếng Phật gọi mình
 Liền biến thành Sa-môn
 Hai vị và đệ tử
 Đều trở thành Tỳ-kheo
 Cúi lạy chân Thế Tôn
 Rồi lui ngồi một bên.
 Phật thuận theo nói pháp
 Đều chứng A-la-hán.
 Khi ấy có bậc Thánh
 Ca-diếp dòng quý tộc
 Hiểu rộng, thân trọn vẹn
 Giàu có, vợ hiền thực
 Chán bỏ đi xuất gia
 Chí cầu đạo giải thoát
 Đi ngang tháp Đa tử
 Bỗng gặp Đức Thích-ca
 Dung nghi chiếu sáng rõ
 Giống như cờ tế trời
 Thân trang nghiêm cung kính
 Cúi đầu lễ chân Ngài:
 Ngài là Thầy của con
 Con là đệ tử Ngài
 Lâu xa chứa si ám
 Xin làm đèn giúp con”
 Phật biết bậc Thánh kia
 Tâm ưa thích giải thoát
 Bèn dùng lời thanh tịnh
 Bảo rằng: “Hãy lại đây”,
 Nghe gọi tâm thư thái
 Thân tâm hết mệt nhọc
 Lòng an trụ giải thoát

Vãng lạng lia bụi trần.
 Đại bi tùy thích ứng
 Liên giải thích sơ lược
 Hiểu thấu các pháp sâu
 Được “Bốn vô ngại biện”
 Đại đức nổi tiếng khắp
 Nên gọi Đại Ca-diếp.
 Vốn chấp thân, ngã khác
 Hoặc chấp ngã tức thân
 Có ngã và ngã sở
 Chấp này đã dứt hẳn
 Chỉ thấy các khổ nhóm
 Là khổ thì không còn
 Giữ giới, tu khổ hạnh
 Không nhân, mà chấp nhân
 Bình đẳng thấy tánh khổ
 Không còn có chấp tâm
 Chấp có hoặc chấp không
 Hai chấp sinh do dự
 Bình đẳng thấy chân đế
 Quyết định không còn nghi,
 Đắm nhiệm các tài sắc
 Mê say tham dục sinh
 Nghĩ vô thường, bất tịnh
 Tham ái đã dứt hẳn
 Nhớ tâm Từ bình đẳng
 Nghĩ oán, thân không khác
 Thương xót với tất cả
 Thì tiêu độc tức giận
 Nương sắc đối các “hữu”
 Các thứ tạp tưởng sinh
 Suy nghĩ dứt sắc tưởng
 Thì dứt được sắc ái
 Dù sinh cõi Vô sắc

Thì mạng cũng phải hết
 Ngu đối “Bốn chánh thọ”
 Mà tưởng là giải thoát
 Vắng lặng lia các tưởng
 Tham Vô sắc dứt hẳn
 Tâm loạn động biến đổi
 Như gió mạnh nổi sóng,
 Thân nhập định vững chắc
 Tịch, dừng tâm động loạn
 Quán pháp không ngã sở
 Sinh diệt chẳng vững bền
 Không chấp nề dưới, trên
 Tâm ngã mạn tự mất,
 Đèn trí tuệ rực sáng
 Lia các tối ngu si
 Thấy pháp tận, vô tận
 Vô minh đều không còn,
 Tư duy mười công đức
 Mười thứ phiền não diệt
 Lại dứt làm, đã làm
 Cảm sâu, nhìn tôn nhan
 Lia ba mà đượ ba
 Ba đệ tử trừ ba
 Như ba sao bày ra
 Ở trời Ba mươi ba
 Đứng hầu với ba lăm
 Ba hầu Phật cũng vậy.

M

Phẩm 18: HÓA ĐỘ CẤP CÔ ĐỘC

Có vị Đại trưởng giả
 Tên là Cấp Cô Độc
 Rất giàu có vô lượng

www.daitangkinh.org

Rộng thí kẻ nghèo khổ
 Xa từ ở phương Bắc
 Nước Kiều-tát-la đến
 Nghỉ nhờ nhà người quen
 Người chủ tên Thủ-la
 Nghe có Phật ra đời
 An trụ trong rừng trúc
 Nghe danh, trọng đức Ngài
 Đêm đó đến rừng kia.
 Như Lai đã biết ông
 Căn thuần, tâm tịnh tín
 Tùy nghi khen chỗ Phật
 Nói pháp ông nghe rằng:
 “Ông ưa thích chánh pháp
 Tâm tịnh tín khao khát
 Giảm bớt việc ngủ nghỉ
 Đến đây kính lễ Ta
 Giờ Ta sẽ vì ông
 Bày cách đón khách mới.
 Ông trước trồng cội đức
 Giữ vững nguyện thanh tịnh
 Nghe hiệu Phật vui mừng
 Xứng đáng làm pháp khí
 Vô tư hành thí khắp
 Cung cấp kẻ khổ nghèo
 Tiếng khen vang khắp nơi
 Do nhân trước, quả thành
 Nay sẽ hành pháp thí
 Dốc lòng chân thành thí
 Khi thí, vắng lặng thí
 Thọ trì cả tịnh giới.
 Giới là vật trang nghiêm
 Chuyển đổi được đường ác
 Khiến người được sinh Thiên

Hưởng năm lạc cõi trời.
 Đa cầu là khổ lớn
 Ái dục nhóm các tội
 Nên phải lìa điều ác
 Lìa dục vui vắng lặng.
 Biết khổ, già, bệnh, chết
 Là khổ lớn thế gian
 Chánh quan sát chúng sinh
 Lìa sinh, già, bệnh, chết
 Đã thấy ở nhân gian
 Có khổ, già, bệnh, chết
 Sinh Thiên cũng như thế
 Không có gì thường còn
 Vô thường chính là khổ
 Khổ thì không có ngã
 Vô thường, khổ, vô ngã
 Đâu có ngã, ngã sở.
 Biết khổ chính là khổ
 Nhóm họp chính là tập
 Khổ dứt là vắng lặng
 Đạo là nơi yên ổn.
 Chúng sinh tính lưu động
 Nên biết là gốc khổ
 Chỉ chưa lấp được nguồn
 Chẳng mong “hữu, phi hữu”
 Lửa hừng sinh, già, chết
 Cháy rục khắp thế gian
 Thấy sinh tử dao động
 Phải tu theo vô tướng
 Tam-ma-đề rốt ráo
 Chỗ vắng lặng cam lộ
 Không ngã, ngã sở
 Thế gian đều như huyễn

Nên quán sát thân này
 Các đại chúng đến nhóm.”
 Trưởng giả nghe nói pháp
 Liền chứng được Sơ quả
 Biến sinh tử cạn khô
 Chỉ còn một giọt thừa
 Thanh thoi tu lìa dục
 Hữu vô thân bậc nhất,
 Chẳng như người tục nay
 Thấy đế, chân giải thoát
 Không lìa các khổ hạnh
 Các thứ lưới dị kiến
 Tuy đến “Hữu bậc nhất”
 Không thấy nghĩa chân thật
 Nghĩ tà, đắm phước trời
 Hữu ái buộc càng chặt.
 Trưởng giả nghe nói pháp
 Ấm cái chọt lìa bỏ
 Bèn có được Chánh kiến
 Các tà kiến dứt hẳn
 Như gió thu mạnh mẽ
 Thổi tan hết mây mù
 Chẳng chấp nhân tự tại
 Cũng chẳng sinh tà nhân
 Cũng chẳng phải không nhân
 Mà sinh ra thế gian.
 Nếu trời Tự tại sinh
 Không lớn, nhỏ, trước, sau
 Không lên xuống năm đường
 Nếu sinh không phải diệt
 Cũng không có tai họa
 Làm ác cũng không tội
 Nghiệp tịnh, nghiệp bất tịnh
 Đều do trời Tự tại!

Nếu trời Tự tại sinh
Thế gian chẳng nên nghi
Như con từ cha sinh
Ai chẳng biết trời quý.
Khi người bị nghèo khổ
Không nên lại oán trời
Đều phải tôn Tự tại
Không nên thờ thần khác.
Tự tại được làm ra
Thì không gọi Tự tại
Vì trời được làm ra
Thì trời phải thường làm
Thường làm thì tự nhọc
Sao gọi Tự tại được?
Nếu vô tâm mà tạo
Như trẻ con đã làm
Nếu có tâm mà làm
Có tâm chẳng Tự tại.
Khổ vui do chúng sinh
Thì chẳng Tự tại làm
Tự tại tạo khổ, vui
Thì trời có yêu, ghét
Mà đã có yêu ghét
Không nên gọi Tự tại.
Lại nếu Tự tại làm
Chúng sinh nên yên lặng
Mặc sức Tự tại kia
Nghịch hành cần gì tu?
Dù làm ác, tu thiện
Không nên có nghiệp báo!
Nếu Tự tại nghiệp sinh
Thì tất cả nghiệp chung
Nếu là nghiệp chung thì

Đều nên gọi Tự tại!
 Nếu Tự tại vô nhân
 Tất cả cũng nên không
 Nếu do Tự tại khác
 Tự tại phải vô cùng
 Cho nên các chúng sinh
 Đều không có người tạo.
 Nên biết nghĩa Tự tại
 Do lý này bị phá
 Tất cả nghĩa trái nhau
 Không nói thì có lỗi
 Nếu cho tự tánh sinh
 Thì lỗi cũng như thế.
 Các luận giả Nhân minh
 Không hề nói như vậy
 Không chỗ nương, không nhân
 Mà có chỗ tạo tác!
 Các thứ đều do nhân
 Giống như nương hạt giống
 Cho nên biết tất cả
 Thì chẳng tự tánh sinh
 Tất cả mọi tạo tác
 Không chỉ một nhân sinh
 Mà nói: Nhất tự tánh
 Cho nên chẳng phải nhân.
 Nếu nói tự tánh kia
 Trùm khắp ở mọi nơi
 Nếu trùm khắp mọi nơi
 Cũng không thể tạo tác
 Đã không thể tạo tác
 Thì chẳng phải là nhân.
 Nếu ở khắp mọi nơi
 Tất cả có tạo tác
 Thế thì tất cả thời

Thường nên có tạo tác.
Nếu nói thường tạo tác
Không đợi thời tạo vật
Vậ cho nên phải biết
Tự tánh chẳng phải nhân.
Lại nói tự tánh kia
Lìa tất cả tâm đó
Tất cả việc tạo tác
Cũng nên lìa các tâm.
Tất cả các chúng sinh
Đều thấy có nhiều tâm
Cho nên biết tự tánh
Cũng chẳng phải là nhân.
Nếu nói: Tự tánh kia
Khác với tâm đó thì
Cho thường chính là nhân
Tánh ấy không nên khác.
Chúng sinh, tâm khác biệt
Tự tánh chẳng phải nhân
Nếu tự tánh là thường
Việc cũng không nên hoại
Cho tự tánh là nhân
Lý nhân quả phải đồng.
Vì chúng sinh thấy hoại
Nên biết có nhân riêng.
Nếu tự tánh là nhân
Không nên cầu giải thoát
Bởi vì có tự tánh
Nên mặc sinh diệt kia
Dù cho được giải thoát
Tự tánh lại sinh buộc
Nếu tự tánh không thấy
Mà thấy được nhân pháp

Đây cũng không phải nhân
Lý nhân quả sai khác.
Các việc thấy ở đời
Nhân quả thấy đều thấy
Nếu tự tánh vô tâm
Không nên có nhân tâm!
Như thấy khói biết lửa
Loại nhân quả cùng tìm
Ngoài nhân kia không thấy
Mà sinh ra việc thấy.
Như vàng làm trang sức
Trước sau không rời vàng
Tự tánh là việc “nhân”
Trước sau đâu có khác.
Nếu cho “thời” tạo tác
Không phải câu giải thoát
Vì thời kia là thường
Nên mặc thời tiết kia.
Thế gian là vô biên
Thời tiết cũng như thế,
Cho nên người tu hành
Không nên phượng tiện cầu.
Đà-la-phiêu tâm kia
Một dị luận thế gian
Tuy có rất nhiều thuyết
Nên biết chẳng một nhân.
Nếu nói ngã tạo tác
Nên tùy ý muốn sinh
Mà nay không tùy ý
Thì sao nói ngã tạo?
Không muốn mà lại được
Muốn ấy lại trái ngược
Khổ vui không tự tại
Vì sao nói ngã tạo?

Nếu cho ngã tạo tác
 Thì không nghiệp đờng ác!
 Các thứ nghiệp quả sinh
 Nên biết chẳng ngã tạo
 Nói ngã tùy thời tạo
 Thì chỉ nên làm thiện
 Thiện, ác tùy duyên sinh
 Nên biết chẳng ngã tạo.
 Nếu cho vô nhân tạo
 Không cần tu phượng tiện
 Tất cả tự nhiên định
 Tu nhân để làm gì?
 Các thứ nghiệp thế gian
 Đạt được các thứ quả
 Cho nên biết tất cả
 Chẳng phải vô nhân tạo!
 Hữu tâm và vô tâm
 Đều từ nhân duyên khởi!
 Tất cả pháp thế gian
 Chẳng phải vô nhân sinh”
 Trưởng giả tâm mở tỏ
 Thông đạt nghĩa nhiệm mầu
 “Thật trí nhất tướng” sinh
 Quyết định rõ chân đế
 Kính lễ chân Thế Tôn
 Chắp tay khải thỉnh rằng:
 “Ở tại Xá-bà-đề
 Vùng đất giàu, an vui
 Đức vua Ba-tư-nặc
 Sư tử dòng vọng tộc
 Phước đức tiếng đồn vang
 Xa gần đều tôn kính
 Muốn xây dựng tinh xá

Cúi mong thương xót nhận
 Biết tâm Phật bình đẳng
 Chỗ ở chẳng cầu an!
 Thương các chúng sinh ấy
 Không từ chối con thỉnh.”
 Phật biết tâm trưởng giả
 Nay phát tâm đại thí
 Không nhiễm, không mê đắm
 Khéo hộ tâm chúng sinh
 Ông đã thấy chân đế
 Muốn hành thí hết lòng
 Tâm thành thích bố thí
 Của vô thường không quý
 Tiền tài, báu vô thường
 Phải nên mau bố thí
 Như kho tàng bị cháy
 Lấy được nhiều tốt nhiều
 Người trí biết vô thường
 Xuất tiền bố thí khắp
 Người xan tham tiếc giữ
 Sợ hết, không dám xài
 Cũng không sợ vô thường
 Luống mất, thêm âu lo.
 Nên bố thí kịp lúc
 Như kẻ mạnh gặp địch
 Có khả năng chiến đấu
 Đó mới là người mạnh.
 Bố thí được người mến
 Tiếng lành vang khắp chốn
 Người lành thích làm bạn
 Khi chết tâm thường vui
 Không hối cũng không sợ
 Không đọa vào ngạ quỷ
 Đó chính là hoa báo

Quả này khó nghĩ bàn
Luân hồi trong sáu nẻo.
Bạn lành không hơn thí
Nếu sinh lên trời, người
Được mọi người hầu hạ
Nếu đọa vào súc sinh
Nhờ thí cũng được vui.
Người trí tu thiền định
Không toan tính, không nương
Dù được đạo cam lộ
Còn nhờ thí mà thành
Nhờ việc bố thí kia
Tu tám việc đại nhân
Tùy niệm tâm vui mừng
Quyết định Tam-ma-đề
Tam-muội tăng trí tuệ
Quán sát được sinh diệt.
Quán sát sinh diệt rồi
Lần lượt được giải thoát
Người xả của bố thí
Dứt bỏ được tham đắm
Từ bi, cung kính cho
Dứt cả ganh, tức, mạn.
Thấy rõ quả bố thí
Dứt si kiến không thí
Các phiền não kết tan
Đó là do bố thí!
Nên biết việc bố thí
Chính là nhân giải thoát
Giống như người trồng cây
Vì để được hoa trái
Bố thí cũng như thế
Để được Niết-bàn vui.

Thí của không bền chắc
 Thu được quả bền chắc
 Thí thực được sức khỏe
 Cho áo được sắc đẹp
 Nếu xây dựng tinh xá
 Các quả được đầy đủ
 Hoặc thí cầu năm dục
 Hoặc tham cầu tài vật
 Hoặc thí vì tiếng khen
 Hay cầu sinh cõi trời
 Hoặc vì thoát nghèo khổ
 Chỉ ông thí vô tâm
 Trên hết trong các thí
 Không lợi nào không được
 Tâm ông rộng mở ra
 Giúp cho mau thành tựu
 Tâm si ái dứt mất
 Mắt thanh tịnh mở sáng”.
 Trưởng giả vâng lời Phật
 Tâm bố thí thêm sáng
 Mời Ưu-ba-đê-xá
 Bạn hiền cùng trở về
 Nước Kiều-tát-la kia
 Đi khắp chọn chỗ tốt
 Thấy vườn cây Thái tử
 Rừng suối rất thanh vắng
 Đi đến chỗ Thái tử
 Xin mua một khoảnh vườn.
 Thái tử tiếc vườn báu
 Không ý bán nên bảo:
 “Dù trải khắp vàng ròng
 Ta vẫn còn không bán”.
 Tâm trưởng giả vui mừng
 Dem vàng ròng trải khắp

Kỳ nói: “Ta không bán
 Sao người trả vàng vào?”
 Trưởng giả đáp: “Không bán
 Sao bảo vàng trả khắp?”
 Hai người tranh cãi nhau
 Kéo đến quan xử kiện
 Mọi người lấy làm lạ
 Kỳ biết ông tâm thành
 Bèn hỏi rõ lý do
 Đáp: “Rằng cất tinh xá
 Cúng dường Đức Như Lai
 Và các Tỳ-kheo Tăng.
 Thái tử nghe nói Phật
 Tâm ông liền tỏ ngộ
 Chỉ lấy nửa số vàng
 Xin được cùng xây dựng
 Ông đất, ta rừng cây
 Hợp chung cúng dường Phật.
 Trưởng giả đất, Kỳ rừng
 Giao cho Xá-lợi-phất
 Bắt đầu xây tinh xá
 Ngày đêm cho mau xong
 Trang nghiêm, cao lồng lộng
 Như cung bốn vua trời
 Thuận theo nghi đạo pháp
 Khen Như Lai ứng hiện.
 Thế gian chưa từng có
 Thêm sáng thành Xá-vệ
 Như Lai hiện ân thân
 Các Thánh nhóm an cư
 Không kể hầu bận rộn
 Có hầu giúp đạo nghi
 Trưởng giả nhờ phước này

*Chết được sinh cõi trời
Con cháu nối nghiệp ông
Nhiều đời gieo ruộng phước.*

M

Phẩm 19: CHA CON GẶP NHAU

Phật ngự nước Ma-kiệt
 Hóa độ các dị đạo
 Điều theo pháp một vị
 Như nhật soi các sao
 Ra khỏi thành ngũ sơn
 Cùng với ngàn đệ tử
 Quyến thuộc theo vây quanh
 Đi đến núi Ni-kim
 Gần Ca-duy-la-vệ
 Để sinh tâm báo ân
 Phải tu pháp cúng dường
 Vì phụng sự vua cha
 Quốc vương và các quan
 Trước cho người hầu hạ
 Đang theo ở bên cạnh
 Quan sát mọi hành động
 Biết Phật muốn về nước
 Vội về trước tâu qua:
 “Thái tử tu học xa
 Nguyên mãn nay về nước”.
 Vua nghe, rất vui mừng
 Xa giá ra đón rước
 Mọi hạng người cả nước
 Thủy đều đi theo vua
 Dần đến xa thấy Phật
 Dáng xưa sáng rõ hơn
 Đang ngự giữa đại chúng
 Giống như vua trời Phạm
 Xướng xe, đi bộ đến
 Sợ pháp Phật khó khăn
 Ngắm dung nham, vui mừng

Miệng không biết nói gì:
“Ta tham ở trần thế
Con siêu việt lên tiên
Tuy con, đạo cao tột
Chưa biết gọi thế nào?
Tự mình khao khát lâu
Hôm nay biết nói sao?
Con nay ngồi im lặng
An nhiên không biến sắc
Xa lâu không tình cảm
Khiến tâm ta riêng buồn.
Như người khát lâu ngày
Giữa đường gặp suối mát
Chạy mau đến định uống
Đến nơi suối khô cạn
Giờ ta gặp Thái tử
Vẫn là dung mạo xưa
Tâm thông, khí cao vời
Đều không bóng lưu tâm
Nén tình, hy vọng dứt
Như khát gặp suối cạn,
Chưa gặp nghĩ vội vàng
Đổi mặt chẳng vui lòng
Như nhớ người cách biệt
Bỗng thấy hình tượng vẽ.
Đáng là vua thiên hạ
Giống như vua Mạn-đà
Nay con đi khát thực
Đạo này đâu đáng vinh?”
An tĩnh như Tu-di
Tướng sáng như mặt trời
Khoan thai như trâu bước
Không sợ sư tử rống
Không nhận bốn trời phong

*Đi khắp thực nuôi thân
Phật biết tâm vua cha
Vẫn xem mình là con
Vì mở tâm cho cha
Và thương tất cả chúng
Dùng thần túc bay lên
Hai tay nâng nhật nguyệt
Đạo đi trong hư không
Hiện các thứ thân biến
Hoặc phân thân vô lượng
Rồi hợp lại thành một
Hoặc vào nước như đất
Hoặc vào đất như nước
Thân đi qua vách đá
Hai bên tuôn nước, lửa
Vua cha rất vui mừng
Không còn nghĩ cha con.
Ngồi đài sen trên không
Nói pháp cho vua nghe
Biết tâm vua thương con
Vì con thêm buồn rầu
Thương nhớ con ray rứt
Phải mau mau dứt hẳn
Dứt ái, lòng an tịnh
Thọ pháp của con mình.
Cái mà con chưa dâng
Giờ dâng lên vua cha
Cha chưa từ con được
Nay sẽ từ con được
Cái lạ của vua người
Vua trời cũng ít có
Đạo cam lộ thiêng liêng
Nay dâng lên đại vương:*

*“Tự nghiệp nghiệp thọ sinh
Nghiệp nương quả báo nghiệp
Nên biết nhân quả nghiệp
Siêng tu “nghiệp độ đời”
Xét kỹ cõi thế gian
Chỉ nghiệp là bạn lành
Bản thân và họ hàng
Tình sâu, luyện mến nhau
Khi chết chỉ còn thức
Chỉ nghiệp bạn lành theo
Luân hồi trong năm đường
Ba nghiệp, ba thứ sinh.
Ái dục là nhân ấy
Các thứ loại khác nhau
Nay dùng hết sức lực
Tịnh tu nghiệp, thân, miệng
Ngày đêm siêng tu tập
Dứt loạn, tâm vắng lặng
Chỉ vậy mới lợi mình
Lìa đó chẳng phải Ngã.
Nên biết ba cõi hữu
Giống như sóng trên biển
Khó vui, khó tập gần
Nên tu nghiệp thứ tư
Vòng năm đường sinh tử
Như các sao xoay chuyển
Các trời cũng đời đổi
Cõi người đâu được thường
Niết-bàn là an nhất
Hơn hết trong thiên định.
Năm dục lạc vua người
Nguy hiểm nhiều sợ hãi
Như ở chung rắn độc
Đâu có chút vui mừng!*

Người sáng thấy thế gian
 Như lửa hừng vây quanh
 Sợ sệt, chẳng tạm an
 Mong xa sinh, già, chết
 Chỗ vắng lặng vô tận.
 Nơi người trí nương ở
 Chẳng cần gươm giáo bén
 Voi ngựa và binh sĩ
 Điều phục tham, sân, si
 Thiên hạ không địch nổi,
 Biết khổ, dứt nhân khổ
 Chứng diệt, tu phương tiện
 Giác ngộ bốn Chân đế
 Hết sợ hãi đường ác.”
 Trước hiện thần thông mầu
 Khiến tâm vua vui mừng
 Tâm tin ưa đã sâu
 Xứng đáng là pháp khí
 Liền chấp tay khen ngợi:
 “Lạ thay! Lời thệ thành
 Lạ thay! Là khổ lớn
 Lạ thay! Lợi ích ta
 Tuy trước thêm lo buồn
 Nhờ buồn nên được lợi.
 Lạ thay! Ngày hôm nay
 Quả báo sinh con thành
 Nên bỏ vui nhiệm mầu
 Nên siêng năng khổ hạnh
 Nên lìa các bà con
 Nân cất tình ân ái
 Ngày xưa các vua tiên
 Luống khổ chẳng được gì
 Chỗ mát mẻ an ổn

Nay Ngài đều đã được
 Tự an, an mọi người
 Đại bi cứu chúng sinh.
 Xưa nếu ở thế tục
 Làm vị vua Chuyển luân
 Không thần thông tự tại
 Khiến tâm ta mở tỏ
 Cũng không pháp mâu này
 Khiến ta hôm nay vui
 Như làm vua Chuyển luân
 Mối sinh tử chẳng dứt
 Nay sinh tử đã dứt
 Khổ lớn luân hồi diệt
 Vì các loài chúng sinh
 Nói rộng pháp cam lộ.
 Thần thông mâu như thế
 Trí tuệ rất rộng sâu
 Dứt hẳn khổ sinh tử
 Trên hết trong người, trời
 Tuy địa vị vua Thánh
 Không hề được lợi này”
 Khen ngợi như vậy rồi
 Ưa pháp, thêm cung kính
 Ở ngôi vị vua cha
 Mà hạ mình lễ bái.
 Các nhân dân trong nước
 Thấy sức thần thông Phật
 Nghe nói pháp sâu mâu
 Và thấy vua cung kính
 Đều chấp tay đánh lễ
 Cùng cho là kỳ lạ
 Nhàm chán ở tục khổ
 Đều phát tâm xuất gia.
 Các vương tử học Thích

Tâm ngộ đạo, chứng quả
 Điều chán vui thế gian
 Bỏ cha mẹ xuất gia
 A-nan-đà, Nan-đà
 Kim-tỳ, A-na-luật
 Nan-đà, Bạt-nan-đà
 Và Quân-đồ-đà-na
 Các vị thượng thủ ấy
 Và những người họ Thích
 Điều vâng lời Phật dạy
 Thọ pháp, làm đệ tử.
 Con đại thần giúp nước
 Ưu-đà-di làm đầu
 Cùng với các Thái tử
 Theo thứ lớp xuất gia,
 Lại con A-đê-lê
 Tên là Ưu-ba-ly
 Thấy các Thái tử kia
 Con đại thần xuất gia
 Tâm cảm tình mở tỏ
 Cũng thọ pháp xuất gia.
 Đức vua thấy thần lực
 Các công đức của con
 Tự cũng vào trong dòng
 Chánh pháp môn cam lộ
 Bỏ dân chúng vương vị
 Ăn cơm ngon thiên định
 Thành thoi tu vắng lặng
 Học tiên ở cung tu.
 Phật tùy cơ nhiếp hóa
 Dòng họ, người quen rồi
 Trên đường sắc mặt vui
 Thân thích mừng đi theo

Đến giờ phải khát thực
 Vào thành Ca-duy-la
 Các gái trai trong thành
 Sợ lẫn vui nói rằng:
 Tất-đạt-a-la-đà
 Học đạo thành trở về
 Trong ngoài nói chuyện nhau
 Lớn nhỏ chạy ra xem
 Trong song, ngoài cửa cái
 Chen nhau ghé mắt nhìn
 Thấy thân Phật tướng hảo
 Ánh sáng chiếu rực rỡ
 Ngoài đắp y ca-sa
 Trong ánh sáng chiếu suốt
 Như vàng mặt trời tròn
 Trong ngoài soi chiếu nhau.
 Người xem tâm vui mừng
 Chắp tay mà rơi lệ
 Thấy Phật khoan thai bước
 Giữ thân, nhiếp các căn
 Thân mẫu bày pháp nghi
 Kính tiếc thêm buồn than:
 “Cạo tóc hủy tướng tốt
 Thân mặc y hoại sắc
 Oai nghiêm, dáng khác tục
 Giữ thân, mắt nhìn thẳng
 Lẽ ra lọng báu che
 Tay nắm cương rồng bay
 Vì sao chân dẫm đất
 Ôm bát đi khát thực
 Tài đủ phục kẻ thù
 Dung mạo mê thể nữ
 Áo đẹp, đội mũ trời
 Nhân dân đều tôn kính

Mà sao bỏ dáng đẹp?
Buộc tâm, giữ hình tướng
Bỏ năm dục, áo đẹp
Để thân mặc y nhuộm
Thấy tướng gì? Cần gì?
Bỏ năm dục thế gian
Bỏ vợ hiền con yêu
Thân một mình một bóng.
Khổ thay người vợ hiền
Đêm dài ôm thương nhớ
Mà nay nghe xuất gia
Tính mạng vẫn bảo toàn
Không biết vua Tịnh Phạn
Có gặp con mình chưa?
Thấy Ngài thân tướng đẹp
Thân không màng, xuất gia
Người ghét còn đau tiếc
Cha thấy đâu yên được?
Con yêu La-hầu-la
Rơi lệ thường thương nhớ
Gặp nhau không vỡ về
Học đạo ấy làm chi?
Các thầy tướng thông thái
Đều nói thân Thái tử
Đầy đủ tướng Đại nhân
Hưởng lộc khắp bốn biển
Hôm nay thấy việc này
Đó đều là nói dối.”
Cứ thế hùa nhau đồn
Phân vân mà loạn thuyết
Tâm Như Lai không đắm
Chẳng mừng cũng chẳng lo
Từ bi thương chúng sinh

*Muốn họ thoát nghèo khổ
Làm căn lành thêm lớn
Và vì đời tương lai
Bày nếp sống ít muốn
Và dứt đời chê bai
Vào xóm nghèo khát thực
Ngon dở đều thọ dụng
Giàu nghèo không chọn nhà
Đầy bát thì về rình.*

M

Phẩm 20: ĐỨC PHẬT NHẬN TIN XÁ KỲ HOÀN

Thế Tôn đã khai hóa
 Nhân dân Ca-tỳ-la
 Tùy duyên độ đã xong
 Cùng đại chúng lên đường
 Đến nước Kiều-tát-la
 Chỗ vua Ba-tư-nặc.
 Kỳ hoàn đã xây xong
 Phòng xá đều hoàn tất
 Các suối chảy róc rách
 Hoa trái phô màu tươi
 Chim lạ đầy khắp nơi
 Tùy loại đua nhau hát
 Đẹp, đời không gì sánh
 Như cung núi Thủ-la.
 Trưởng giả Cấp Cô Độc
 Quyến thuộc ra đường đón
 Tung hoa, đốt hương quý
 Kính thỉnh vào Kỳ hoàn
 Tay cầm bình Kim long
 Cúi quỳ rót nước rửa
 Dem tinh xá Kỳ hoàn
 Cúng dường Tăng mười phương
 Thế Tôn nhận chú nguyện
 Khiến đất nước mãi yên
 Trưởng giả Cấp Cô Độc
 Phước vui chảy vô cùng.
 Khi vua Ba-tư-nặc
 Nghe tin Thế Tôn đến
 Xa giá tới Kỳ hoàn
 Kính lễ chân Thế Tôn
 Lui về ngồi một bên

Chắp tay bạch Phật rằng:
 “Chẳng ngờ nước yếu nhỏ
 Bỗng được tối lành lớn
 Ác nghịch nhiều tai ương
 Đâu cảm được đại nhân
 Nay được thấy tôn nhan
 Tắm gội, uống pháp trong
 Cõi tuy vốn tầm thường
 Nhờ Thánh vào dòng thắng
 Như gió thoảng rừng hương
 Khí hợp gió từng cơn
 Các chim về Tu-di
 Sắc lạ như ánh vàng
 Được gặp người sáng suốt
 Nhờ ân trạch cùng vinh.”
 Dân dã cúng vị Tiên
 Thành ngôi sao ba chân
 Lợi đời có lúc hết
 Lợi Thánh mãi vô cùng
 Vua người nhiều lầm lỗi
 Gặp lợi Thánh thường an.
 Phật biết tâm vua thành
 Ủa pháp như Đế Thích
 Chỉ còn hai thứ đấm
 Không thể quên tài, sắc
 Biết thời, biết tâm hạnh
 Mà nói pháp vua nghe:
 “Kẻ thấp hèn nghiệp ác
 Còn biết kính người lành
 Huống gì vua Tự tại
 Nhóm đức, nhờ nhân xưa
 Gặp Phật càng cung kính
 Việc ấy không phải khó.
 Đất nước yên, dân an

Chẳng do Phật làm tăng
 Nay sẽ lược nói pháp
 Đại vương hãy lắng nghe
 Thọ trì lời Ta nói
 Thấy Ta thành công đức
 Khi chết thức lia thân
 Thân thích đều chia ly
 Chỉ có nghiệp thiện, ác
 Trước sau như hình bóng
 Phải kính nghiệp Pháp vương
 Thương muôn dân như con
 Hiện đời được tiếng khen
 Qua đời sinh cõi trời
 Buông lung, không theo pháp
 Giờ khổ, sau không vui.
 Thuở xưa, vua Luy-mã
 Thuận pháp, hưởng phước trời
 Vua Kim Bộ làm ác
 Khi chết đọa đường ác
 Nay Ta vì đức vua
 Nói lược pháp thiện, ác:
 Quan trọng là tâm Từ
 Xem dân như con một
 Không ra tay bức hại
 Khéo giữ gìn các căn
 Bỏ tà, theo đường chánh,
 Không nâng ta hạ người
 Kết bạn với khổ hạnh
 Chớ theo bạn tà kiến
 Không cậy uy thế vua
 Chớ nghe lời nịnh tà
 Chớ não người khổ hạnh
 Chớ vượt luật pháp vua

Niệm Phật giữ pháp chân
 Điều phục kẻ phi pháp
 Hiện ở trên mọi người
 Đức làm hưng thịnh đạo.
 Nghĩ sâu lẽ vô thường
 Thân đổi dời rất mau
 Tâm nương cảnh cao siêu
 Chí cầu bến thanh tịnh
 Giữ gìn vui tự tại
 Đời sau càng thêm vui
 Danh truyền qua nhiều kiếp
 Đó đền ân Như Lai.
 Như người ưa quả ngọt
 Phải trồng loại cây tốt
 Có người sáng vào tối
 Có người tối ra sáng
 Có người tối vào tối
 Có người sáng ra sáng
 Người trí bỏ ba thứ
 Phải học loại thứ tư.
 Lời ác nhiều hưởng ứng
 Nói thiện, khó kẻ theo
 Không có chẳng kết trái
 Kẻ làm thì không mất
 Sáng nghiệp chẳng siêng tu
 Cuối cùng không làm được!
 Vốn chẳng tu nhân lành
 Sau sẽ không hưởng vui
 Đã không có lúc dứt
 Cho nên phải tu thiện
 Tự xét không làm ác
 Mình làm, tự mình chịu
 Như bốn núi đá ép
 Chúng sinh không chỗ trốn

Núi sinh già, bệnh, chết
Chúng sinh không lối thoát
Chỉ có hành chánh pháp
Mới thoát núi khổ đau.
Thế gian đều vô thường
Cảnh năm dục như chớp
Chày nhọn già lão chết
Sao còn theo phi pháp?
Xưa các vua vĩ đại
Giống như trời Tự tại
Chí mạnh mẽ tuyệt vời
Tạm hiển rồi tan thôi
Kiếp hỏa cháy Tu-di
Nước biển còn khô cạn
Hương thân như chàm bọt
Mong còn mãi trên đời!
Gió mạnh dừng Tùy-lam
Ánh dương che Tu-di
Lửa, nước mạnh đã tan
Vật chất đều tiêu tan
Thân là vật vô thường
Đăm dài khổ giữ gìn
Do có nhiều tài sắc
Buông lung sinh kiêu mạn
Cái chết bỗng chợt đến
Cứng đờ như cây khô
Người sáng thấy việc này
Siêng tu, há ngủ nghỉ?
Mấy sinh tử riêng động
Không dừng sẽ rơi rớt
Không tu, không hằng vui
Việc khổ báo không làm
Không gần bạn không tốt

Không học, không dứt tập
 Học, không thọ hữu trí
 Thọ sẽ khiến không thân
 Có thân không đấm cảnh
 Đấm cảnh là lỗi lớn
 Dù sinh cõi Vô sắc
 Không khởi lúc đổi đời
 Nên học thân bất biến
 Bất biến thì không lỗi.
 Do có thân này nên
 Là gốc của các khổ
 Cho nên những người trí
 Nhỏ gốc để không thân.
 Tất cả loài chúng sinh
 Đều do dục sinh khổ
 Cho nên đối cõi Dục
 Phải sinh tâm chán lìa
 Đã chán lìa cõi Dục
 Thì không bị các khổ
 Dù sinh Sắc, Vô sắc
 Biến đổi là khổ lớn
 Vì chúng chưa vắng lặng
 Hướng không lìa cõi Dục
 Như thế quán ba cõi.
 Vô thường không có chủ
 Các khổ thường lấy lừng
 Kẻ trí đâu vui mừng
 Như cây bị lửa đốt
 Chim chóc đâu còn đậu
 Giác ngộ là người sáng
 Không biết là vô minh
 Hiểu được là Bồ-tát.
 Không hiểu chẳng phải giác
 Điều này phải nên làm

*Không phải thế không làm
Điều này là gần tông
Không như thế trái lý
Cho pháp cao quý này
Tại gia không nên hành
Đó là lời phi pháp.
Pháp do người mở rộng
Nước nóng đổ vào lạnh
Tất cả được mát mẻ
Nhà tối được đèn sáng
Được thấy cả năm màu
Tu đạo cũng như thế
Đạo, tục không khác nhau
Người ở núi bị đọa
Kẻ tại gia lên tiên.
Si ám là biển lớn
Tà kiến là sóng mòi
Chúng sinh theo dòng ái
Trôi dạt khó vớt được
Trí tuệ là thuyền nan
Giữ vững Chánh tam-muội
Làm mái chèo phương tiện
Chèo qua biển vô tri.”
Nhà vua chuyên tâm nghe
Lời Nhất Thiết Trí nói
Chán lìa vinh hiển đời
Biết vua không vui dục
Như voi say điên cuồng
Hết say lại thuần thực.
Bấy giờ các ngoại đạo
Thấy vua kính tin Phật
Đều cầu xin nhà vua
Đấu thần thông với Phật*

Vua bạch Đức Phật rằng:
 “Xin theo ý họ muốn.”
 Phật im lặng chấp nhận.
 Các dị kiến khác nhau
 Các tiên năm thân thông
 Đều kéo đến chỗ Phật
 Phật liền hiện thân lực
 Ngồi vững giữa hư không
 Phát ánh sáng rực rỡ
 Như ánh dương buổi sáng
 Ngoại đạo được hàng phục
 Quốc dân đều quy y.
 Vì nói pháp độ mẹ
 Ngài lên trời Đạo-lợi
 Ba tháng ở cõi trời
 Hóa độ khắp chư Thiên
 Độ mẹ, báo ân rồi
 An cư xong trở về
 Các Thiên chúng cùng theo
 Xuống thêm bằng bảy báu
 Về lại Diêm-phù-đề
 Nơi chư Phật thường hạ
 Vô lượng các trời, người
 Nương cung điện tiến chân
 Dân chúng ở Diêm-phù
 Chắp tay mà chiêm ngưỡng.

M

Phẩm 21: THỬ TÀI, ĐIỀU PHỤC VOI SAY

Trên trời hóa độ mẹ
 Và các vị trời khác
 Về lại trong nhân gian
 Tùy duyên mà hành hóa;
 Thọ-đê-ca-kỳ-bà

Thủ-la-thâu-lư-na
 Ương-già con Trưởng giả
 Và Thái tử Vô úy
 Ni-cù-lũ-đà thầy
 Thi-lợi-quật-đa-ca
 Ni-kiền Ưu-ba-ly
 Giúp họ đều giải thoát.
 Vua nước Càn-đà-la
 Tên là Phất-ca-la
 Nghe nói pháp nhiệm mầu
 Bỏ nước đi xuất gia,
 Quý Hê-mậu-bát-đế
 Và Bà-đa-kỳ-lợi
 Tại núi Tỳ-phú-la
 Được hàng phục hóa độ,
 Phạm chí Ba-la-diên
 Trong núi Ba-sa-na
 Nửa kệ nghĩa sâu kín
 Điều phục khiến tin ưa,
 Thôn Tha-na-ma-đế
 Có Cưu-tra-đàn-đam
 Đứng đầu các bậc Thánh
 Sát sinh nhiều, cúng tế
 Phật dùng phương tiện độ
 Khiến được vào chánh đạo,
 Núi Tỳ-đề-ha có
 Thiên thần oai đức lớn
 Tên Ban-già-thi-khư
 Thọ pháp được quyết định,
 Thôn Tỳ-nữu-sất-tra
 Hóa độ mẹ Nan-đà
 Thành Ương-già-phú-lê
 Hàng phục thần sức mạnh

Phú-na Bạt-đà-la,
 Thân-lũ-na-đàn-đà
 Rộng sức mạnh hung dữ
 Quốc vương và hậu cung
 Điều lãnh thọ chánh pháp.
 Để mở cửa cam lộ
 Ở thôn Chu-nho kia
 Khể-na và Thi-lư
 Chí cầu sinh cõi trời
 Giáo hóa vào chánh đạo,
 Ương-cù-lợi-ma-na
 Ở thôn Tu-mâu kia
 Đã hiện sức thần thông
 Hóa độ liền điều phục.
 Có con Trưởng giả tên
 Phù-lê-kỳ-bà-nam
 Giàu có nhiều tiền của
 Như Phú-na-bạt-đà
 Liền ở trước Như Lai
 Được độ, rộng bố thí.
 Ở thôn Bạt-đề-nộ
 Hóa độ Bạt-đề-lê
 Và cả Bạt-đa-la
 Hai quý thần anh em,
 Tỳ-hê-ha-phú-lê
 Có hai Bà-la-môn
 Một tên là Đại Thọ
 Hai tên là Phạm Thọ
 Luận nghị để hàng phục
 Giúp được vào chánh pháp.
 Đến thành Tỳ-xá-ly
 Độ các quý La-sát
 Cùng Ly-xa sư tử
 Và các chúng Ly-xa

Ni-kiền-tử Tát-già
 Đều giúp vào chánh pháp.
 A-ma-lặc-ca-ba
 Có quỷ Bạt-đà-la
 Và Bạt-đà-la-ca
 Bạt-đà-la-kiếp-ma,
 Lại đến núi A-lạp
 Độ quỷ A-lạp-bà
 Và quỷ Cưu-ma-la
 Quỷ Ha-tất-đa-ca
 Trở lại núi Già-xà
 Độ quỷ Hằng-ca-na
 Và Dạ-xoa lông kim
 Cùng anh em, con nó
 Lại đến Ba-la-nại
 Hóa độ Ca-chiên-diên
 Sau đó nương thần thông
 Đến Thâu-lô-ba-la
 Hóa độ những người buôn
 Đa-ba-kiền-ni-kiếm
 Nhận ngôi nhà chiêm-đàn
 Đến nay còn hương thơm.
 Đến Ma-hê-ba-đê
 Độ tiên Ca-tỳ-la
 Mâu-ni trụ ở đó
 Chân đạp lên trên đá
 In dấu hai bánh xe
 Đến nay vẫn chưa mòn.
 Đến xứ Ba-la-na
 Độ quỷ Bà-la-na,
 Đến nước Ma-thâu-na
 Độ quỷ Kiệt-đàm-ma,
 Thâu-la-câu-sất-tra

Độ Lại-tra-ba-la,
 Đến thôn Tỳ-lan-nhã
 Độ các Bà-la-môn,
 Thôn Ca-lợi-ma-sa
 Độ Tát-tỳ-tát-thâm
 Ở đó cũng hóa độ
 A-kỳ-ni-tỳ-xá,
 Trở về nước Xá-vệ
 Hóa độ Cù-dàm-ma
 Xà-đế-thâu-lut-na
 Đạo Ca-a-đê-lê.
 Về nước Kiều-tát-la
 Độ giáo chủ ngoại đạo
 Phất-ca-la-bà-lị
 Và các chúng Phạm chí.
 Đến Thi-đa-tỳ-ca
 Chốn vắng lặng thanh thoi
 Độ các tiên ngoại đạo
 Giúp họ vào Phật đạo,
 Đến nước A-thâu-xà
 Độ các chúng quỷ, rồng,
 Đến nước Kim-tỳ-la
 Độ hai vua rồng dữ
 Một tên Kim-tỳ-la
 Hai tên Ca-la-ca.
 Lại đến nước Bạt-trí
 Hóa độ quỷ Dạ-xoa
 Tên gọi là Tỳ-sa
 Cha mẹ Na-cưu -la
 Và cùng Đại Trưởng giả
 Khiến tin ưa chánh pháp.
 Đến nước Câu-xá-ni
 Hóa độ Cù-sut-la
 Và hai Ưu-bà-di

Ba-xà, Uất-đa-la
Cùng bạn bè họ nữa.
Lần lượt độ rất nhiều
Đến nước Kiền-đà-la
Độ rộng A-bà-la...
Cứ lần lượt như thế
Loài trên không, đất, nước
Ngài đều đến hóa độ
Như trời soi chỗ tối.
Bấy giờ, Đề-đà-đạt
Thấy Phật đức thù thắng
Nên trong tâm ganh ghét
Các thiền định mất hết
Tìm mọi cách hiểm độc
Phá hoại chánh pháp tăng;
Lên núi Kỳ-xà-quật
Xô đá để hại Phật
Đá vỡ ra hai phần
Tránh Phật rơi hai bên,
Tại con đường bằng phẳng
Thả voi say hung dữ
Rống lên như sấm vang
Dũng khí bốc thành mây
Ào ào mà rông chạy
Xông xáo như gió mạnh
Vòi, ngà, đuôi, bốn chân
Đụng gì cũng vỡ tan
Đường phố thành Vương xá
Người chết vô tội vạ
Thây chết nằm ngổn ngang
Tủy não, máu chảy ròng.
Tất cả các gái trai
Sợ hãi không ra cửa

Cả thành đều lo sợ
 Chỉ nghe tiếng kêu la
 Kẻ bỏ chạy khỏi thành
 Có người trốn trong hang.
 Năm trăm chúng của Phật
 Đến giờ phải vào thành
 Người ở trên lầu cao
 Bạch Phật xin đừng đi
 Tâm Như Lai an nhiên
 Thản nhiên không vẻ sợ
 Chỉ nghĩ khổ tham ganh
 Tâm Từ muốn khiến an,
 Chúng trời, rồng đi theo
 Lân đến chỗ voi cuồng
 Các Tỳ-kheo bỏ chạy
 Chỉ A-nan với Phật
 Còn đủ các Tướng pháp
 Tự tính không đổi dời.
 Voi hung hăng cuồng say
 Thấy Phật tâm liền tỉnh
 Quỳ lạy dưới chân Phật
 Như núi Thái sụp đổ
 Phật đưa tay xoa đầu
 Như trăng dọi mây đen
 Voi quỳ dưới chân Phật
 Phật nói pháp voi rằng:
 “Voi chớ hại rồng lớn
 Voi khó đánh với rồng
 Voi muốn hại rồng lớn
 Thì không sinh chỗ lành
 Tham, sân, si mê say
 Khó hàng, Phật đã hàng
 Cho nên hôm nay người
 Phải bỏ tham, sân, si

Đã chìm trong lầy khổ
 Không bỏ, lún càng sâu.”
 Voi kia nghe Phật dạy
 Tâm say cuồng liên ngộ
 Thân tâm được an vui
 Như khát uống cam lộ.
 Voi đã được Phật độ
 Người trong nước vui mừng
 Đều khen rằng ít có
 Sấm các thức cúng dường
 Hạ thiện chuyển thành trung
 Trung thiện, chuyển cao hơn
 Người chưa tin sinh tin
 Người đã tin càng sâu.
 Đại vương A-xà-thế
 Thấy Phật hàng voi say
 Tâm nghĩ thật lạ kỳ
 Vui mừng càng kính mến.
 Như Lai khéo phương tiện
 Hiện các thứ thần lực
 Điều phục các chúng sinh
 Tùy sức vào chánh pháp
 Cả nước tu nghiệp lành
 Như người thuở kiếp sơ.
 Đề-bà-đạt-đâu kia
 Làm ác tự trời buộc
 Thân lực trước mất hết
 Nay đọa ngục Vô gián.

M

Phẩm 22: NÀNG AM-MA-LA GẶP ĐỨC PHẬT

Thế Tôn độ khắp xong
 Ngài nhập định Niết-bàn

www.daitangkinh.org

Giã từ thành Vương xá
 Đến ấp Ba-liên-phát
 Đến nơi trú tại vùng
 Ta-tra-lị-chi-đề
 Thuộc nước Ma-kiệt-đà
 Cận nước Ấp-phụ-dung.
 Bà-la-môn quốc chủ
 Hiểu rộng, thông kinh điển
 Xem vận nước an nguy
 Chiêm tinh gia cả nước
 Vua Ma-kiệt sai sứ
 Đến thưa chiêm tinh gia
 Xây hào thành vững chắc
 Đề phòng nước láng giềng.
 Phật chọn vùng đất đỏ
 Được Thiên thân giữ gìn
 Xây thành quách trong đó
 Vững bền mãi, không hoại.
 Tâm chiêm gia vui mừng
 Cúng dường Phật, Pháp, Tăng
 Phật ra khỏi thành ấy
 Đi đến bến sông Hằng
 Chiêm ngưỡng rất kính Phật
 Gọi là Cù-đàm môn
 Dân chúng bên bờ sông
 Đều ra đón Thế Tôn
 Sắm các thứ cúng dường
 Lo thuyền rước sang sông.
 Phật thấy nhiều thuyền quá
 Nhận một, mất lòng cả
 Liền dùng sức thần thông
 Cùng đại chúng ẩn thân
 Bỗng ẩn bờ bên này
 Hiện ra bờ bên kia,

Ngài nương thuyền trí tuệ
Độ khắp các chúng sinh
Nhờ năng lực công đức
Qua sông không ngồi thuyền.
Dân chúng bên bờ sông
Đều nói rằng lạ quá
Đều đặt cho bến ấy
Tên là bến Cù-đàm
Cửa thành cửa Cù-đàm
Bến tên bến Cù-đàm
Tên này lưu ở đời
Muôn đời sau còn gọi.
Như Lai lại lên đường
Đến thôn Cưu-lê kia
Nói pháp hóa độ nhiều
Lại đến thôn Na-đề
Dân bệnh dịch chết nhiều
Người thân đều đến hỏi:
“Người thân tôi bệnh dịch
Chết rồi sinh về đâu?”
Phật biết rõ nghiệp báo
Nên tùy hỏi trả lời.
Đến nước Tỳ-xá-ly
Trụ trong rừng Am-la
Có nàng Am-ma-la
Nhân Phật đến vườn kia
Cùng với các nàng hầu
Lần lượt ra đón rước
Khéo giữ gìn các căn
Thân mặc áo trắng nhẹ
Bỏ hết đồ trang sức
Không tắm nước hương thơm
Như các gái trinh hiền

Thanh khiết để tế trời
 Dung nhan rất xinh đẹp
 Như ngọc nữ cõi trời.
 Phật xa thấy nàng đến
 Bảo các thầy Tỳ-kheo:
 “Nàng này rất xinh đẹp
 Làm người tu mê đắm
 Các thầy phải chánh niệm
 Dùng tuệ giữ tâm mình
 Thà chết trong miệng cọp
 Dưới kiếm bén kẻ cuồng
 Chớ không đối người nữ
 Mà sinh tâm ái dục.
 Người nữ bày tư thái
 Như đi, đứng, nằm, ngồi
 Cho đến hình tượng vẽ
 Điều lộ vẻ yêu kiều
 Cướp đoạt thiện tâm người
 Sao không tự đề phòng?
 Khi khóc, cười, buồn, vui
 Thân yếu điệu rũ vai
 Hoặc xoắn tóc nghiêng đầu
 Vẫn còn loạn tâm người
 Hướng dung nhan tô điểm
 Bày vẻ đẹp yêu kiều
 Trang nghiêm che thân xấu
 Lừa dối những kẻ ngu
 Mê loạn sinh ý xấu.
 Không biết thân như xấu
 Phải quán khổ vô thường
 Bất tịnh, không ngã sở
 Thấy rõ sự chân thật
 Dứt bỏ thân tham dục
 Chánh quán đối tự cảnh

Thiên nữ còn không thích
 Huống là dục nhân gian
 Mà mê đắm tâm người.
 Phải cầm cung tinh tấn
 Tên trí tuệ bén nhọn
 Mang áo giáp chánh niệm
 Quyết chiến với năm dục
 Thà dùng dùi nóng sắt
 Đâm thủng cả đôi mắt
 Không dùng tâm ái dục
 Mà ngắm nhìn nữ sắc.
 Ái dục mê tâm người
 Huyền hoặc đối nữ sắc
 Loạn tưởng mà chết đi
 Sẽ đọa ba đường ác.
 Sợ khổ ba đường ác
 Đùng để người nữ gạt
 Cắn chằng buộc cảnh giới
 Cảnh giới chằng buộc cắn
 Bấy giờ, ý tham dục
 Do cắn buộc cảnh giới
 Giống như hai trâu cày
 Cùng một ách, một nài
 Trâu không chuyển, buộc nhau
 Cắn, cảnh giới cũng vậy
 Cho nên phải giữ tâm
 Chớ để tâm buông lung.”
 Phật vì các Tỳ-kheo
 Nói pháp bằng mọi cách.
 Nàng Am-ma-la kia
 Dẫn đến trước Thế Tôn
 Thấy Phật ngồi dưới cây
 Đang thiền định, suy nghĩ

Nghĩ Phật tâm đại từ
 Thương nhận rừng cây ta
 Giữ tâm, vững dung nghi
 Không diêm dúa lắng lơ
 Thân kính, tâm thuần nhất
 Cúi đầu lễ dưới chân.
 Thế Tôn bảo an tọa
 Tùy tâm mà nói pháp
 Rằng: “Tâm người thuần tịnh
 Hiện rõ ra bên ngoài
 Tuổi trẻ, nhiều của báu
 Đủ đức và dung mạo
 Kính tin, ưa chánh pháp
 Quả hiếm có thế gian.
 Trượng phu trí đời trước
 Ưa pháp không phải lạ
 Người nữ chí yếu mềm
 Trí cạn, ái dục sâu
 Mà tin ưa chánh pháp
 Việc này cũng rất khó.
 Con người sinh ở đời
 Chỉ lấy pháp làm vui
 Sắc, tài chẳng giữ thường
 Chỉ chánh pháp là quý
 Khỏe mạnh, bệnh cũng chết
 Tuổi trẻ, già đổi đời
 Mạng bị chết làm khốn
 Hạnh pháp không xâm đoạt
 Vật yêu rồi cũng lìa
 Không yêu mà phải gần
 Mong cầu chẳng vừa lòng
 Chỉ pháp vừa lòng người
 Tha lực là khổ lớn
 Tự lực mới là vui.

Người nữ nương kẻ khác
Và mang khổ giùm người
Vậy nên phải suy nghĩ
Chán lìa thân người nữ.”
Nàng Am-ma-la ấy
Nghe pháp tâm vui mừng
Trí vững chắc thêm sáng
Dứt bỏ được ái dục
Liên tục chán thân nữ
Không đắm nhiễm cảnh giới
Tuy thẹn thân xấu xí
Pháp khuyến khích tâm kia
Cúi đầu bạch Phật rằng:
“Đã được Phật nhiếp thọ
Thương nhận mọi cúng dường
Giúp chí nguyện thỏa lòng.”
Phật biết nàng tâm thành
Lợi ích cho chúng sinh
Ngài im lặng nhận lời
Làm cho họ mừng vui
Thấy, nghe dần thêm sáng
Làm lễ và ra về.



PHẬT SỞ HÀNH TÁN

QUYỂN 5

Phẩm 23: THẦN LỰC TRỤ THỌ

Khi ấy Tỳ-xá-ly
 Các Trưởng giả, Ly-xá
 Nghe Thế Tôn đến nước
 Ngự vườn Am-ma-la
 Họ ngồi xe lụa trắng
 Lọng báu, y phục đẹp
 Xanh, đỏ, vàng... tươi thắm
 Mỗi đoàn một hình thức
 Dẫn tùy tùng trước sau
 Tranh nhau để tới trước,
 Mũ báu, y phục đẹp
 Trang sức toàn châu báu
 Uy dung thật rạng rỡ
 Khu vườn kia thêm sáng
 Xả bỏ năm uy nghi
 Xuống xe đi bộ đến
 Thân kính, dứt kiêu mạn
 Đánh lễ dưới chân Phật.
 Đại chúng vây quanh Phật
 Như mặt trời thêm sáng
 Ly-xa tên Sư Tử
 Đứng đầu các Ly-xa
 Dáng mạo như sư tử
 Là tôi trung sư tử
 Bỏ kiêu mạn sư tử
 Thọ giáo Thích Sư tử

Rằng: “Oai đức các vị
Vọng tộc, hình dung đẹp
Bỏ kiêu mạn thế gian
Thọ pháp càng thêm sáng.
Trang sức bằng hương hoa
Không bằng giới trang nghiêm
Đất nước giàu, an vui
Thì các vị vinh hiển.
Vinh thân mà an dân
Là do điều phục tâm
Lại thêm tâm ưa pháp
Khiến công đức càng cao
Không phải bọn hẹp hòi
Nhóm được các hiền tài
Phải ngày tu công đức
Biết võ về muôn dân
Trị dân bằng chánh pháp
Như trâu chúa lội sông.
Nếu người tự suy nghĩ
Đời nay và đời sau
Phải nên tu chánh giới
Phước lợi hai đời an
Được mọi người kính trọng
Tiếng khen khắp gần xa
Người hiền thích làm bạn
Tiếng thơm lưu truyền mãi.
Ngọc đá quý núi rừng
Đều có từ đất ấy
Giới đức cũng như đất
Các thiện từ đó sinh.
Muốn bay mà không cánh
Qua sông không có thuyền
Người không có giới hạnh

Cứu khổ là thật khó.
Như cây hoa quả ngon
Gai góc khó vịn leo
Học rộng bị nữ sắc
Người phá giới cũng thế.
Ngồi thẳng lâu gác đẹp
Tâm vua tự trang nghiêm
Đủ tịnh giới công đức
Được Đại tiên hóa độ
Vận y phục lông chim
Đầu cạo sạch râu tóc
Không tu trì giới đức
Mới chịu các khổ nạn.
Ngày đêm tắm ba lần
Thờ lửa tu khổ hạnh
Thân có mùi dã thú
Vào nước, lửa, nhảy vực
Ăn củ, quả, rau xanh
Uống nước sông, gió mát
Tuyết lương, thở khí trời
Và lìa bỏ chánh giới
Tu đạo cầm thú này
Không phải là pháp khí.
Phá giới còn bài báng
Người nhân chẳng gân gũ
Trong tâm thường sợ hãi
Tiếng xấu như hình bóng
Đời này không lợi ích
Đời sau đâu được yên.
Vì thế người trí tuệ
Phải tu trì tịnh giới
Cánh đồng rộng sinh tử
Giới là người dẫn đường
Trì giới do sức mình

Việc này chẳng phải khó.
Tịnh giới là thêm thang
Giúp người sinh cõi trời
Người giữ vững tịnh giới
Là do phiền não nhẹ
Tội lỗi phá tâm đạo
Làm mất công đức lành
Phải nên bỏ ngã sở
Ngã sở che điều lành
Như tro phủ than hồng
Chân đạp liền bị phỏng
Kiêu mạn che phủ tâm
Như trời ẩn trong mây.
Hổ thẹn diệt biếng nhác
Chí mạnh lo buồn yếu
Già bệnh phá thân trẻ
Ngã mạn diệt các thiện.
Các trời, A-tu-la
Tham ganh nên đánh nhau
Đánh mất các công đức
Đều do kiêu mạn phá:
Ta hơn hết tất cả
Công đức ta cũng hơn
Ta thắng kẻ yếu hơn
Đó chính là người ngu.
Dòng họ đều vô thường
Dao động chẳng tạm an
Rốt cuộc cũng tiêu tan
Sao kiêu mạn làm gì?
Tham dục là họa lớn
Đối thân mà oán ngầm
Lửa mạnh từ trong phát
Lửa tham cũng như vậy.

Tâm tham dục lấy lừng
 Còn hơn lửa thế gian
 Lửa hừng, nước dập tắt
 Tham ái khó tiêu được.
 Lửa hừng đốt đồng cỏ
 Cỏ cháy mọc cỏ khác
 Lửa tham dục đốt tâm
 Thì chánh pháp sinh khó.
 Tham dục muốn vui đời
 Vui thêm nghiệp bất tịnh
 Nghiệp ác đọa đường ác
 Oán không hơn tham dục.
 Tham thì sinh ra ái
 Ái thì theo các dục
 Theo dục với các khổ
 Tội ác, tham lớn nhất.
 Tham là căn bệnh nặng
 Thuốc trí trị người ngu
 Tà giác, nghĩ bất chánh
 Làm tăng thêm tham dục.
 Vô thường, khổ, bất tịnh
 Vô ngã, vô ngã sở
 Trí tuệ quán chân thật
 Diệt được tà tham ấy.
 Cho nên đối cảnh giới
 Phải tu quán chân thật
 Quán chân thật đã sinh
 Thì dứt được tham dục.
 Thấy đức sinh tham dục
 Thấy lỗi sinh tức giận
 Đức, lỗi quên cả hai
 Tham sân được dứt bỏ.
 Tức giận đổi hình dung
 Mất đi vẻ xinh đẹp

Tức giận mờ mắt sáng
 Hại pháp nghĩa muốn nghe.
 Cắt đứt nghĩa thân ái
 Bị người đời khinh thường
 Cho nên phải bỏ giận
 Đừng để cho tâm giận.
 Dứt được tâm giận cuồng
 Là người khéo điều phục
 Đời gọi khiến ngựa giỏi
 Đó là người nắm dây
 Giận dữ không kèm lại
 Lửa hối hận liền cháy.
 Nếu người sinh tức giận
 Trước tự đốt tâm mình
 Sau đó hại cả kia
 Hoặc đốt hoặc không đốt.
 Khổ, sinh, già, bệnh, chết
 Ép bức các chúng sinh
 Lại thêm tâm giận tức
 Đã oán lại thêm oán
 Thấy đời các khổ ngặt
 Nên sinh tâm Từ bi. ”
 Chúng sinh khởi phiền não
 Thêm lắm điều trái đạo
 Như Lai khéo phương tiện
 Tùy bệnh mà nói lược
 Thí như thầy thuốc hay
 Tùy bệnh mà bốc thuốc.
 Khi ấy các Ly-xa
 Nghe pháp do Phật nói
 Liên dậy lễ chân Phật
 Vui mừng mà lãnh thọ
 Thỉnh Phật và chúng Tăng

Ngày mai thiết lễ cúng
 Phật bảo các Ly-xa:
 “Am-ma-la đã thỉnh.”
 Ly-xa lòng hổ thẹn
 Sao nàng đoạt lợi Ta?
 Biết tâm Phật bình đẳng
 Nên sinh tâm vui theo.
 Như Lai khéo tùy nghi
 An ủi khiến họ vui
 Điều phục khiến trở về
 Như rắn bị thần chú.
 Hết đêm, rạng sáng ra
 Phật và cả đại chúng
 Đến nhà Am-ma-la
 Thọ nàng dâng cúng xong,
 Đi đến thôn Tỳ-nữ
 Để kiết hạ an cư.
 Ba tháng an cư xong
 Về nước Tỳ-xá-ly
 Trú bên ao Di-hầu
 Ngồi ở dưới cội cây
 Phát ánh sáng rực rỡ
 Cảm đến ma Ba-tuần
 Họ liền đến chỗ Phật
 Chắp tay khuyến thỉnh rằng:
 “Xưa bên sông Ni-liên
 Đã phát thệ chân thật
 Nếu việc hoàn thành xong
 Ta sẽ vào Niết-bàn
 Nay việc đã hoàn thành
 Đã toại với bản tâm”.
 Phật bảo ma Ba-tuần:
 “Ngày diệt độ không xa
 Chỉ sau ba tháng nữa

Ta sẽ vào Niết-bàn.”
 Thiên ma biết Như Lai
 Sắp đến ngày diệt độ
 Ý muốn đã thỏa mãn
 Vui mừng trở về trời.
 Như Lai ngồi dưới cây
 Chánh thọ “Tam-ma-đề”
 Xả tuổi thọ nghiệp báo
 Dùng sức thần trụ mạng.
 Vì Như Lai xả thọ
 Khắp mặt đất rung chuyển
 Hư không trong mười phương
 Lửa hùng cháy đầy khắp
 Đỉnh Tu-di lở ngã
 Trời mưa đá sỏi bay
 Bốn bề gió bão dậy
 Cây cối đều đổ gãy.
 Nhạc trời trổi bi ai
 Tâm người, trời hết vui.
 Đức Phật liền xuất định
 Bảo khắp các chúng sinh:
 “Nay Ta đã xả thọ
 Dùng định lực sống thôi
 Thân như xe cũ mục
 Không còn tới lui được
 Đã thoát ra ba cõi
 Như chim phá trứng ra.”

M

Phẩm 24: TỪ BIỆT LY-XA

Tôn giả A-nan-đà
 Thấy trời đất rung chuyển
 Tâm hãi, mình nổi ốc

www.daitangkinh.org

*Hỏi Phật: “Vì có gì?”
 Phật bảo A-nan-đà:
 “Ta sống ba tháng nữa
 Mạng thừa này bỏ đi
 Nên trời đất rung chuyển.”
 A-nan nghe Phật dạy
 Thương cảm lệ chứa chan
 Giống như con voi khỏe
 Lay động cây chiên-đàn,
 Nhiều động rung chuyển khắp
 Dòng lệ thơm tuôn chảy
 Gần gũi Bạc Đại Sư
 Ân sâu, chưa lìa dục
 Chỉ lo hầu tể sự
 Buồn khổ không kèm đượ:
 “Nay con nghe Thế Tôn
 Nói quyết định Niết-bàn
 Toàn thân đều rũ riệt
 Lầm phưng, mất thường âm
 Pháp đã nghe quên hết
 Mê man quên trời đất.
 Lạ thay! Đáng Cứu Thế
 Mà sao mau diệt độ!
 Gặp băng lạnh rũ chết
 Lửa đỏ lại bỏng diệt.
 Trong cánh đồng phiền não
 Mê loạn mất phưng hướng
 Bỗng gặp thầy dẫn đường
 Chưa độ đã mất đi,
 Như người đi đường xa
 Nóng khát lại thiếu nước
 Bỗng gặp ao nước trong
 Chạy đến thì khô cạn.
 Mà xanh, đôi mắt sáng*

Gương sáng cho ba đời
 Trí tuệ soi chỗ tối
 Tối tăm liền tan biến
 Như mạ trên đất khô
 Mây dùn mong mưa xuống
 Gió mạnh thổi mây tan
 Hết mong ruộng khô cần
 Vô trí thật tối tăm
 Chúng sinh đều lạc đường
 Như Lai đốt đèn tuệ
 Bỗng tắt, đường nào ra”.
 Phật nghe A-nan nói
 Tình bi thiết xót thương
 Ngài nhẹ nhàng an ủi:
 “Ta nói pháp chân thật
 Nếu người biết tự tánh
 Thì không nên buồn thương.
 Tất cả pháp hữu vi
 Đều là pháp hoại diệt
 Ta đã nói với ông
 Lý ân ái vô thường
 Hội họp ắt ly biệt¹
 Nên bỏ tâm buồn nhớ.
 Pháp hữu vi biến đổi
 Sinh diệt không tự tại
 Muốn làm cho còn mãi
 Thì không bao giờ có.
 Nếu hữu vi thường còn
 Và không có biến đổi
 Đó là giải thoát rồi
 Cần gì mà cầu nữa?

¹. Dịch đảo thứ tự câu.

Ông và các chúng sinh
 Nay cầu gì ở Ta
 Điều các thầy phải được
 Ta đã nói xong rồi
 Cần gì thân này nữa?
 Pháp thân mới lâu dài
 Ta trụ “ngã vắng lặng”
 Cốt yếu ở chỗ đó
 Nhưng Ta đối chúng sinh
 Chưa hề có mỗi một²
 Phải nghĩ tưởng chán lìa
 Khéo trụ nơi chính mình.
 Phải biết nơi chính mình
 Chuyên tinh hành phương tiện
 Ở một mình chỗ vắng
 Không tin, nơi người khác
 Phải biết nơi có pháp
 Quyết đốt sáng đèn tuệ
 Xua tan được si ám
 Quán sát bốn cảnh giới
 Chúng được các thắng pháp
 Lìa ngã, lìa ngã sở.
 Da thịt phủ bộ xương
 Máu chảy, gân ràng rịt
 Xét kỹ đều bất tịnh
 Sao lại ưa thân này?
 Các thọ từ duyên sinh
 Như bọt trên mặt nước
 Khổ sinh diệt, vô thường
 Dứt bỏ các lạc tưởng
 Tâm thức sinh, trụ, diệt

². Câu “Vị tăng hữu sở quyền” dịch là: Đã có lòng thành tha thiết chưa từng có, nên có thể dịch gọn lại nhưng có cùng một nghĩa, tuy ý không mạnh bằng.

Đổi mới không tạm ngừng
Suy nghĩ sự vắng lặng
Cho thường còn là sai.
Các hành nhân duyên khởi
Tụ, tán không thường mãi
Ngu si tưởng có ngã
Người trí không ngã sở
Đổi bốn cảnh giới này
Suy nghĩ, quán sát đúng
Đó là đạo nhất thừa
Các khổ đều dứt hết
Nếu làm được như vậy
Là chân thật chánh quán
Thân Phật còn hay mất
Pháp này thường vô tận.”
Phật nói pháp mâu này
Khi an ủi A-nan
Các Ly-xa nghe vậy
Hoang mang cùng nhóm họ
Bỏ phép tắc thế gian
Vội vàng đến chỗ Phật
Lễ xong, ngồi một bên
Muốn hỏi, không nên lời
Phật đã biết tâm họ
Trước dùng phương tiện nói:
“Nay Ta thấy các vị
Tâm nghĩ tưởng khác thường
Xả bỏ việc thế tục
Chỉ nhớ giáo pháp Phật.
Các ông muốn theo Ta
Điều đã nghe đã biết
Với việc Ta còn, mất
Chớ sinh tâm buồn lo

Tánh hữu vi vô thường
 Pháp xao động biến đổi
 Chẳng bền chắc, lợi ích
 Không có tướng còn mãi.
 Thuở xưa, các vua Tiên
 Chư tiên Bà-tư-tra
 Vua chuyển luân Mạn-đà
 Sánh bằng cũng nhiều vị
 Các vua tài như thế
 Sức như trời Tự tại
 Đều qua đời từ lâu
 Không ai còn đến nay?
 Trời Đế Thích, Nhật, Nguyệt
 Số ấy cũng rất nhiều
 Thấy đều đã qua đời
 Không có ai sống mãi.
 Các Phật đời quá khứ
 Nhiều như cát sông Hằng
 Trí tuệ soi thế gian
 Thấy đều như đèn tắt
 Các Phật đời vị lai
 Cũng sẽ diệt như thế.
 Nay Ta đâu riêng khác
 Sẽ nhập vào Niết-bàn
 Những người cần được độ
 Nay phải đi tới trước.
 Tỳ-xá-ly vui sướng
 Các ông đã được an
 Chúng sinh không chỗ nương
 Ba cõi không đáng vui
 Phải dứt khổ lo buồn
 Mà sinh tâm lừa dục.”
 Quyết định chia tay rồi
 Ngài đi về phương Bắc

Khoan thai bước đường dài
 Như nhật cạnh núi Tây.
 Bấy giờ các Ly-xa
 Buồn than theo bên đường
 Giữa mặt mà than thở:
 “Than ôi! Sao lạ thay!
 Thân như núi vàng ròng
 Đủ các tướng trang nghiêm
 Không lâu sẽ tan rã
 Vô thường sao không thương?
 Sinh tử lâu khao khát
 Mẹ trí tuệ Như Lai
 Mà nay vội xả bỏ
 Vì sao không cứu khổ?
 Chúng sinh mãi tối tăm
 Nhờ tuệ sáng dẫn đường
 Vì sao mặt trời tuệ
 Bỗng nhiên bị mất sáng?
 Vô trí lại trôi nhanh
 Các chúng sinh nổi trôi
 Vì sao cầu chánh pháp
 Lại bỗng nhiên gãy đổ?
 Vị thầy thuốc từ bi
 Thuốc hay trí vô thương
 Trị bệnh khổ chúng sinh
 Sao bỗng nhiên đi xa?
 Ngọn cờ mâu từ bi
 Trang nghiêm bằng trí tuệ
 Treo bằng tâm kim cương
 Thế gian ngắm không nhàm
 Ngọn cờ đẹp thờ phụng
 Sao bỗng nhiên gãy đổ?
 Chúng sinh sao phước mỏng

Dòng luân hồi sinh dút
 Cửa giải thoát chốt đóng
 Khổ mãi không lúc dút.”
 Như Lai khéo an ủi
 Dút tình mà từ già
 Luyến thương nén trong dạ
 Như hoa Nuy-ca-ni
 Bồi hồi bước chậm chậm
 Buồn bã đi theo đường
 Như kẻ mất người thân
 An táng xong trở về.

M

Phẩm 25: NIẾT-BÀN

Phật đến nơi Niết-bàn
 Tỳ-xá-ly vắng lặng
 Giống như đêm mây mờ
 Trăng sao không phát sáng
 Đất nước trước an vui
 Mà giờ chóng điêu tàn.
 Buồn như chôn cha hiền
 Cô nữ buồn một mình
 Như xinh đẹp, thất học
 Thông minh mà phước mỏng
 Tâm thông mà nói lắp
 Trí sáng mà thiếu tài
 Thần thông, không oai nghi
 Từ bi nhưng luống dối
 Cao quý, không thể lực
 Uy nghi nhưng không pháp
 Tỳ-xá-ly cũng vậy
 Trước sung, nay tiêu điều.
 Như ruộng lúa mùa thu
 Mất nước đều khô héo

Như lửa tắt hết khói
Hoặc quên cả uống ăn
Việc công tư phế bỏ
Không làm các việc đời
Nhớ Phật, cảm ân sâu
Im lặng đều không nói.
Giờ, Ly-xa Sư tử
Ráng nén nỗi đau buồn
Tiếng khóc thương ử rữ
Bày tỏ tâm luyến lưu:
“Phá bỏ các nẻo tà
Hiển bày nền chánh pháp
Đã hàng các ngoại đạo
Ra đi không quay về
Đời mất đạo xuất thế
Vô thường là bệnh lớn.
Thế Tôn vào vắng lặng
Không nương, không cứu giúp
Bạc phương tiện trên hết
Nơi rớt ráo vắng bật
Chúng ta mất chí mạnh
Như lửa không có củi.
Thế Tôn bỏ ấm thân
Chúng sinh thật đau buồn
Như người mất sức thân
Cả thế gian buồn bã.
Xuống ao mát tránh nóng
Gặp lạnh, phải hơ lửa
Bỗng nhiên đều trống rỗng
Chúng sinh nương tựa ai?
Thông đạt pháp thù thắng
Người thợ nắn thế gian
Thế gian mất chủ rồi

Người mất thì đạo diệt
 Già, bệnh, chết cùng khắp
 Đạo mất, phi đạo thanh
 Thế gian giờ còn ai?
 Phá tan máy đại khổ
 Lửa hừng hực thiêu đốt
 Mưa lớn làm dập tắt
 Lửa tham dục cháy hừng
 Ai người dập tắt được?
 Người gánh vác vũng vàng
 Đã bỏ nhiệm vụ rồi
 Lại dùng sức tuệ gì
 Làm người bạn không mời?
 Như người bị xử tù
 Sắp chết nên mê mẩn
 Chúng sinh thức mê lầm
 Chỉ vì chết, thọ sinh.
 Xẻ gỗ bằng cưa bén
 Vô thường xẻ thế gian
 Si ám là nước sâu
 Ái dục là sóng lớn
 Phiền não là bọt nổi
 Tà kiến cá Ma-kiệt
 Chỉ có thuyền trí tuệ
 Mới qua biển lớn ấy.
 Các bệnh là cây, hoa
 Suy già là cành, nhánh
 Chết là gốc rễ sâu
 Nghiệp chính là mầm chồi
 Dao bén trí tuệ cứng
 Chặt được “cây ba cõi”.
 Vô minh vật mỗi lửa
 Tham dục là lửa bùng
 Năm dục: củi cảnh giới

Dập tắt bằng nước trí
 Đây đủ pháp thù thắng
 Thì diệt bỏ si ám.
 Thấy đường chánh yên ổn
 Dứt hết các nẻo phiền
 Từ bi hóa độ chúng
 Oán, thân không tướng khác
 Nhất thiết trí thông đạt
 Mà nay đều xả bỏ.
 Lời thanh tịnh dịu dàng
 Thân vuông, tay thon dài
 Đại tiên còn phải chết
 Người nào sống vô cùng?
 Phải biết thời đổi nhanh
 Nên siêng cầu chánh pháp
 Như đường hiểm gặp nước
 Thì uống mau, lên đường.
 Vô thường rất bạo ngược
 Giết không kể sang hèn
 Trong tâm có chánh quán
 Tuy ngủ nhưng thường giác.”
 Bấy giờ chúng Ly-xa
 Thường nghĩ trí tuệ Phật
 Nhàm chán lìa sinh tử
 Kính mến thân Sư tử
 Không còn ân ái đời
 Rất kính đức ly dục
 Chiết phục tâm lăng xăng
 Tâm an nơi vắng lặng
 Siêng thực hành bố thí
 Xả bỏ thói kiêu mạn
 Một mình tu thanh tịnh
 Suy nghĩ pháp chân thật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn
 Thân mình như Sư tử
 Ngắm trông thành Tỳ-xá
 Mà nói kệ già từ:
 “Lân cuối cùng của Ta
 Đến thành Tỳ-xá-ly
 Đến đất nước Lục sĩ
 Sẽ nhập vào Niết-bàn”.
 Ngài dần dần đi đến
 Thành phố Bồ-da kia
 Nghỉ lại rừng Kiên cố
 Dạy các Tỳ-kheo rằng:
 “Nay vào lúc nửa đêm
 Ta sẽ nhập Niết-bàn
 Các ông phải y pháp
 Chính là chỗ cao quý
 Cái gì không Khế kinh
 Cũng không thuận giới luật,
 Trái với nghĩa chân thật
 Thì không nên tu tập.
 Trái pháp, cũng trái luật
 Lại chẳng phải Ta nói
 Đó là lời nói sai
 Các ông nên mau bỏ
 Thọ trì lời nói đúng
 Đó là không điên đảo
 Đó là lời Ta nói
 Như pháp, như luật dạy.
 Thọ trì pháp luật Ta
 Thì đó là đáng tin
 Ai nói pháp Ta sai
 Đó là không đáng tin,
 Không hiểu nghĩa sâu nhiệm
 Tin xằng theo văn tự

Thì đó là người ngu.
 Không đúng pháp nói bậy
 Không phân biệt chân ngụy
 Không thấy nên nhận lầm
 Như vàng thau lẫn lộn.
 Lừa dối người thế gian
 Người ngu, trí cạn cợt
 Không hiểu nghĩa chân thật
 Thọ trì pháp tương tợ
 Cho là pháp chân thật
 Vậy nên phải xét kỹ
 Quán sát pháp luật chân
 Như người thợ luyện vàng
 Đốt, đập lấy vàng ròng.
 Không hiểu các kinh luận
 Thì không phải trí tuệ
 Chẳng nên nói “sở ưng”
 Nên làm, chẳng nên thấy
 Phải thọ trì bình đẳng
 Nghĩa lý như thuyết hành.
 Cầm kiếm không biết cách
 Thì trở lại đứt tay
 Từ ngữ không khéo léo
 Ý nghĩa khó biết rõ.
 Như đi đêm tìm nhà
 Nhà rộng đâu biết chỗ
 Mất nghĩa thì quên pháp
 Quên pháp tâm rong ruổi
 Cho nên người trí tuệ
 Không trái nghĩa chân thật.”
 Nói lời dạy này rồi
 Ngài đến thành Ba-bà
 Các chúng lực sĩ kia

Bày các thứ cúng dường,
 Có con vị Trưởng giả
 Tên gọi là Thuần-đà
 Thỉnh Phật đến nhà mình
 Cúng bữa cơm sau rớt.
 Thọ trai, nói pháp xong
 Ngài đến thành Cưu-di,
 Qua hai sông Quyết quyết
 Và với sông Hi-liên.
 Kia có rừng Kiên cố
 Chỗ an ổn vắng lặng
 Xuống sông Kim tắm gội
 Thân như núi vàng ròng.
 Phật bảo A-nan-đà:
 “Trong rừng Song thọ kia
 Quét dọn cho sạch sẽ
 Mắc võng Ta nằm nghỉ
 Ta vào nửa đêm nay
 Sẽ nhập vào Niết-bàn!”
 A-nan nghe Phật dạy
 Nghẹn ngào lòng tê tái
 Roi lệ mà vâng làm
 Mắc võng xong, bạch Phật.
 Như Lai đến nằm võng
 Nghiêng phải, đầu hướng Bắc
 Chân chồng, tay gối đầu
 Như Sư tử đầu đàn
 Thân sau cùng hết khổ
 Nằm rồi không dậy nữa.
 Các đệ tử vây quanh
 Ôi mắt thế gian nhắm
 Gió dừng, rừng lạnh ngắt
 Tiếng chim thú ngừng bật
 Cây ứa lệ nhựa trào

Hoa, lá rụng lao xao,
 Người, trời chửa lìa dục
 Thấy đều rất hoảng hốt
 Như người đi đồng rộng
 Đường hiểm, chửa đến làng
 Chỉ sợ đi không tới
 Tâm sợ, thân luống cuống.
 Như Lai đã nằm xong
 Ngài bảo A-nan rằng:
 “Đến bảo các Lục sĩ
 Đến giờ Ta Niết-bàn
 Nếu họ không gặp Ta
 Mãi hận, sinh khổ lớn!”
 A-nan vâng lời Phật
 Đi dọc đường than khóc
 Bảo các Lục sĩ rằng:
 “Thế Tôn sắp Niết-bàn”.
 Các Lục sĩ nghe tin
 Sinh tâm rất sợ hãi
 Trai, gái đều chạy vội
 Đến chỗ Phật khóc thương
 Tóc bù, áo xóc xếch
 Thân mồ hôi nhễ nhại
 Gào khóc kéo đến rùng
 Giống như phước trời hết.
 Rơi lệ, lễ chân Phật
 Thân buồn rầu, héo hắt.
 Như Lai an ủi rằng:
 “Các người chớ buồn thương
 Lúc này nên tùy hỷ
 Không nên sinh buồn bã.
 Ta tu hành nhiều kiếp
 Đến nay mới đạt được

Đã độ xong căn, cảnh
Chỗ mát mẻ vô tận
Lìa đất, nước, lửa, gió
Vắng lặng, không sinh diệt
Dứt hẳn sự buồn khổ
Sao vì Ta đau đớn?
Trước ở núi Già-xà
Ta muốn bỏ thân này
Vì nhân duyên đời trước
Nên tại thế đến nay.
Giữ thân mong manh này
Như ở chung rấn độc
Nay vào cõi vắng lặng
Các duyên khổ đã hết
Chẳng còn thọ thân nữa
Khổ vị lai dứt hẳn
Các người cũng đừng nên
Vì Ta mà sợ hãi”.
Lực sĩ nghe Phật nói
Ngài sẽ nhập Niết-bàn
Tâm rối loạn, mắt mờ
Thấy cả trời tối tăm
Chấp tay, bạch Phật rằng:
“Phật dứt khổ sinh tử
Mãi vui với vắng lặng
Chúng con thật vui mừng
Như ngôi nhà bị cháy
Tự chạy ra khỏi lửa.
Các trời còn vui mừng
Huống chi người thế gian
Sau khi Phật Niết-bàn
Chúng sinh không còn thấy
Không còn được cứu giúp
Cho nên sinh buồn khổ.

Như những người đi buôn
Đi trên đồng rộng xa
Chỉ một người dẫn đường
Bỗng nhiên chết giữa đường
Mọi người mất chỗ nương
Làm sao không buồn lo.
Hiện đời tự chứng biết
Được tất cả tri kiến
Mà không được lợi ích
Bị thế gian chê cười
Thí như qua núi báu
Người ngu vẫn nghèo khổ!”
Các vị Lục sĩ này
Hướng về Phật buồn thương
Giống như người một con
Buồn thương nhớ cha hiền.
Phật dùng lời khéo léo
Nêu bày nghĩa bậc nhất
Bảo các Lục sĩ rằng:
“Thật như lời người nói
Cầu đạo phải tinh tấn
Không chỉ thấy Ta được
Mà hành theo lời Ta
Thoát ra lưới các khổ
Hành đạo ở trong lòng
Cần gì phải có Ta
Cũng như người bị bệnh
Theo toa thuốc uống hay
Thì bệnh tự nhiên hết
Không cần thấy thầy thuốc.
Không làm theo lời Ta
Thấy Ta cũng chẳng lợi
Tuy rằng xa cách Ta

Hành pháp vẫn gần Ta
 Ở chung, không hành pháp
 Nên biết vẫn xa Ta.
 Giữ tâm, chớ buông lung
 Tinh tấn tu chánh nghiệp
 Người sống ở thế gian
 Các khổ mãi bức bách
 Dao động không yên được
 Cũng như đèn trước gió”.
 Bây giờ các Lục sĩ
 Nghe Phật từ bi dạy
 Cảm động, nhưng không khóc
 Gắng nén lòng ra về.

M

Phẩm 26: ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN

Bây giờ, có Phạm chí
 Tên Tu-bạt-đà-la
 Có đầy đủ đức tốt
 Tịnh giới, giúp chúng sinh
 Lúc nhỏ theo tà kiến
 Xuất gia theo ngoại đạo
 Muốn đến gặp Thế Tôn
 Bảo ngài A-nan-đà:
 Rằng: “Ta nghe đạo Phật
 Nghĩa sâu, khó đo lường
 Vô Thượng Giác thế gian
 Điều Ngự Sư bậc nhất
 Nay sắp nhập Niết-bàn
 Khó có thể gặp lại.
 Người khó thấy, khó gặp
 Khó thấy, thấy được, khó
 Cũng như trăng trong gương
 Nay ta muốn được thấy

Bạc Đạo Sư vô thượng
 Vì cầu dứt các khổ
 Qua bờ sinh tử kia
 Mặt trời Phật sắp lặn
 Tôi mong được tạm thấy!”
 Lòng A-nan thương cảm
 E rằng việc thưa hỏi
 Làm bận rộn Thế Tôn
 Nên chẳng cho gặp Phật.
 Biết vị ấy mong mỏi
 Xứng đáng là pháp khí
 Phật bảo A-nan rằng:
 “Cho phép ngoại đạo kia
 Ta vì độ chúng sinh
 Thầy chớ làm khó người!”
 Tu-bạt-đà nghe vậy
 Sinh tâm rất vui mừng
 Tâm ưa pháp càng sâu
 Cung kính đến trước Phật
 Lúc ấy tùy thuận nói
 Lời êm dịu thăm hỏi
 Vui vẻ chấp tay thưa:
 “Nay có điều muốn hỏi
 Đời có người biết pháp
 Bằng như con rất nhiều
 Chỉ nghe Phật chứng được
 Đạo giải thoát lạ thường
 Xin nói lược con nghe
 Thấm nhuần tâm khao khát
 Không vì tranh luận nhau
 Cũng không tâm thắng thua!”
 Phật vì Phạm chí kia
 Nói lược tám chánh đạo

Nghe liền hết lòng nhận
Như lạc gặp đường chánh
Hiểu được điều trước học
Không phải đạo rốt ráo
Liên được chưa từng được
Lìa bỏ con đường tà
Hết cả chướng si ám
Suy nghĩ điều trước tu
Toàn tâm nhuế, ngu si
Nuôi lớn nghiệp bất thiện
Các ái, nhuế, si thấy
Sinh khởi các nghiệp lành
Tuệ học rộng tinh tấn
Cũng do có ái sinh
Nếu dứt bỏ nhuế si
Thì lìa được các nghiệp.
Các nghiệp đã dứt bỏ
Gọi là Giải thoát nghiệp
Người giải thoát các nghiệp
Không tương ứng với nghĩa
Thế gian nói tất cả
Thấy đều có tự tánh.
Người có ái, sân, nhuế
Si mà có tự tánh
Thì phải nên thường còn
Làm sao mà giải thoát?
Dù cho nhuế, si hết
Có ái lại sinh nữa
Như tự tánh nước lạnh
Nhờ lửa nên thành nóng
Hết nóng trở lại lạnh
Do tự tánh là thường.
Nên biết tánh hữu ái
Văn, tuệ tiến không thêm

Không tăng cũng không giảm
Làm sao mà giải thoát?
Trước cho sinh tử kia
Vốn từ trong tánh sinh
Nay xem ra nghĩa ấy
Là không được giải thoát
Tánh thì phải thường trụ
Làm sao có rồi ráo?
Thí như đèn thấp sáng
Làm sao có tối được
Đạo Phật nghĩa chân thật
Duyên ái sinh thế gian.
Ái hết thì Niết-bàn
Nhân diệt thì quả mất.
Vốn cho ngã khác thân
Chẳng thấy, không tác giả
Nay nghe chánh giáo Phật
Thế gian không có “ta”
Các pháp do duyên sinh
Không hề có Tự tại!
Nhân duyên sinh nên khổ
Nhân duyên diệt cũng thế.
Quán đời nhân duyên sinh
Thì dứt được đoạn kiến
Duyên lìa, thế gian diệt
Thì xa lìa thường kiến.
Bỏ hết cái đã thấy
Hiểu sâu chánh pháp Phật
Đời trước trông nhân lành
Nghe pháp liền giác ngộ
Được vắng lặng hoàn toàn
Chỗ mát mẻ vô tận
Lòng thông, tịnh tính tăng

Tâm mở tin thêm vững.
 Chiêm ngưỡng Như Lai nằm
 Chẳng nữa thấy Như Lai
 Bỏ đời vào Niết-bàn
 Và Phật chưa diệt độ
 Ta phải diệt độ trước.
 Chắp tay lễ từ Phật
 Rồi ngồi ngay một bên
 Xả thọ vào Niết-bàn
 Như mưa tắt lửa nhỏ.
 Phật bảo các Tỳ-kheo:
 “Đệ tử cuối của Ta
 Giờ đây đã Niết-bàn
 Các thầy phải cúng dường.”
 Trời đầu hôm đã qua
 Trăng sáng, sao lung linh
 Cả khu rừng vắng lặng.
 Phật khởi tâm đại bi
 Dạy đệ tử lần chót
 Rằng: “Ta Niết-bàn rồi
 Các thầy phải cung kính
 Ba-la-đề-mộc-xoa
 Đó là thầy các vị
 Đèn sáng trong đêm dài
 Cửa báu cho người nghèo.
 Những điều đã dạy bảo
 Các thầy phải thuận theo
 Không khác thờ phụng Ta
 Phải giữ gìn thân, miệng
 Bỏ các nghề sinh sống
 Ruộng, nhà, nuôi gia súc,
 Chứa tiền của, ngũ cốc
 Phải lìa xa tất cả
 Như tránh hố lửa lớn.

Đào đất, trồng cây cỏ
 Chế thuốc, trị các bệnh
 Ngược xem các lịch số
 Tìm vận hạn lành dữ
 Xem tướng coi tốt xấu
 Tất cả không nên làm.
 Tiết chế, ăn đúng giờ
 Không nhận làm sứ giả
 Không hòa hợp chế thuốc
 Cũng không được nịnh hót
 Vật nuôi sống đúng pháp
 Thọ nhận, nên biết lượng,
 Vừa đủ, không chứa để.
 Đó là lược nói giới
 Là gốc của các giới
 Cũng là gốc giải thoát
 Nương pháp này sẽ sinh
 Tất cả các chánh thọ.
 Tất cả trí chân thật
 Nhờ đó được rớt ráo
 Cho nên phải giữ gìn
 Chớ để cho đoạn diệt.
 Tịnh giới không đoạn diệt
 Nên có các pháp lành
 Nếu không, không pháp lành
 Nhờ giới được xây dựng.
 Nên sống với tịnh giới
 Khéo giữ gìn các căn
 Như người chăn trâu giỏi
 Không để trâu hung hăng,
 Không giữ ngựa các căn
 Rong ruổi theo sáu cảnh
 Đời này bị tai họa

Đời sau vào đường ác.
Thí như ngựa không điều
Làm người rơi xuống hố
Cho nên người trí sáng
Chẳng nên buông các căn
Các căn rất hung dữ
Là kẻ thù của người.
Chúng sinh yêu các căn
Trở lại bị chúng hại.
Oán sâu hơn rắn độc
Cọp dữ và lửa hùng
Điều ác nhất trên đời
Mà người trí không sợ
Chỉ sợ tâm lao chao
Dẫn người vào đường ác
Vì ưa chút mật ngọt
Không thấy chỗ hiểm sâu
Voi điên mất móc bén
Khỉ, vượn vào rừng cây
Tâm lao chao như thế
Người trí phải giữ gìn.
Tâm tha hồ buông lung
Không hề được vắng lặng
Cho nên phải giữ tâm
Chóng đến nơi an tịnh.
Ăn uống biết tiết chế
Phải như cách uống thuốc
Chớ vì việc uống ăn
Mà sinh tâm tham sân,
Ăn uống dứt đời khát
Như thoa mỡ xe cũ.
Như ong hút mật hoa
Không hại hương sắc hoa
Tỳ-kheo đi khát thực

Chớ hại lòng tin tốt;
Nếu người mở tâm cho
Nên xét khả năng họ
Không lượng sức của trâu
Chớ nặng bị thương tổn.
Ba thời sáng, trưa, chiều
Lần lượt tu chánh nghiệp
Đầu hôm và gần sáng
Cũng chớ ham ngủ nghỉ
Giữa đêm nhiếp tâm nằm
Buộc niệm trong tướng sáng
Chớ ngủ nghỉ trọn đêm
Để cuộc đời luống qua
Lửa thời gian đốt thân
Tại sao lại yên ngủ?
Các kẻ thù phiền não
Thừa dịp mà theo hại.
Tâm mờ mệt ngủ nghỉ
Chết đến, ai giác được?
Rắn độc trốn trong nhà
Chú hay đuổi ra được
Rắn đen ở trong tâm
Chú hay mình giác đuổi
Không đuổi mà ngủ mãi
Là người không hổ thẹn.
Thẹn là áo làm đẹp
Thẹn là móc giữ voi
Hổ thẹn giúp tâm định
Không thẹn mất căn lành
Hổ thẹn đời gọi hiền
Không thẹn, đồng cầm thú.
Nếu người dùng dao bén
Xẻ thân thành từng phần

Tâm chẳng nên tức giận
Miệng không nói lời ác.
Nghĩ ác và nói ác
Hại mình, không hại người.
Giữ thân tu khổ hạnh
Không gì hơn nhẫn nhục
Chỉ có hành nhẫn nhục
Sức vững bền khó phục
Cho nên chớ mang hờn
Dùng lời ác với người.
Giận phá hoại chánh pháp
Phá hoại vẻ xinh đẹp
Mất hết mọi tiếng khen.
Lửa sân tự đốt tâm
Kẻ thù của công đức
Yêu công đức chớ sân.
Tại gia nhiều phiền não
Nên giận hờn không lạ
Xuất gia mà tức giận
Điều đó thật trái lý.
Như khiến trong nước lạnh
Mà có lửa phát ra
Nếu sinh tâm kiêu mạn
Phải tự tay rờ đầu
Cạo tóc, mặc y nhuộm
Tâm cầm bát khát thực
Bên lề đời tự sống
Sao lại sinh kiêu mạn?
Người tục dựa dòng họ
Kiêu mạn còn có lỗi
Huống gì người xuất gia
Chí cầu đạo giải thoát
Lại sinh tâm kiêu mạn
Là điều không thể được.

Tánh cong, thẳng trái nhau
Như sương, lửa không chung
Xuất gia tu đường ngay
Thì không nên tà vạy.
Dua nịnh và luống dối
Chỉ pháp, không lường gạt
Cầu nhiều chính là khổ
Ít muốn thì an vui.
Vì an nên ít muốn
Huống cầu chân giải thoát.
Bỏn sẻn, sợ người xin
Làm hao tài sản mình
Người thích thí cũng sợ
Sợ không đủ của thí.
Cho nên phải ít muốn
Thí họ tâm không sợ
Nhờ tâm ít muốn này
Mà được đạo giải thoát
Nếu muốn cầu giải thoát
Cũng nên phải biết đủ.
Biết đủ thường vui vẻ
Vui vẻ chính là pháp.
Vật nuôi sống tuy xấu
Biết đủ nên thường an.
Người mà không biết đủ
Tuy được sinh cõi trời
Lửa khổ vẫn đốt tâm
Vì họ không biết đủ.
Giàu mà không biết đủ
Đó cũng là nghèo khổ
Dù nghèo mà biết đủ
Chính là giàu bậc nhất.
Người mà không biết đủ

Cảnh năm dục càng rộng
 Càng tham cầu không chán
 Đêm dài ruổi theo khổ.
 Ham nhiều tâm lo lắng
 Trái lại với biết đủ.
 Không nhận nhiều quyền thuộc
 Tâm kia thường được yên.
 Vì yên ổn, vắng lặng
 Người, trời đều thờ phụng
 Cho nên phải xa lìa
 Hai quyền thuộc thân, sơ
 Như cây cối giữa đồng
 Bầy chim bu đậu nhiều
 Chứa chúng đông cũng thế
 Đêm dài chịu các khổ.
 Nhiều chúng, nhiều trời buộc
 Như voi già sa lũy
 Nếu người siêng tinh tấn
 Không lợi gì không được.
 Vậy nên ngày đêm phải
 Tinh tấn không biếng nhác
 Khe núi, dòng nước con
 Chảy mãi đá cũng mòn.
 Dùi lửa không tinh tấn
 Luống nhọc, không được lửa
 Vậy nên phải tinh tấn
 Như người khỏe dùi lửa.
 Bạn lành tuy là tốt
 Cũng không bằng chánh niệm
 Trong tâm có chánh niệm
 Các ác chẳng xâm nhập.
 Cho nên người tu hành
 Thường phải niệm thân mình
 Nếu mất niệm đối thân

Tất cả thiện đều quên.
Thí như viên dũng tướng
Mặc giáp ngăn địch tiến.
Chánh niệm là áo giáp
Chế ngự giặc sáu trần
Chánh định giữ tâm giác
Quán thể gian sinh diệt
Cho nên người tu hành
Phải tu “Tam-ma-đê”.
Tam-muội đã vắng lặng
Dứt trừ tất cả khổ
Trí tuệ chiếu sáng ngời
Xa lìa sự nhiếp thọ
Quán bình đẳng suy nghĩ
Tùy thuận theo chánh pháp
Tại gia và xuất gia
Đều do đường này ra.
Biển lớn sinh, già, chết
Trí tuệ là thuyền nan
Vô minh toàn tối tăm
Trí tuệ là đèn sáng.
Các bệnh cấu buộc ràng
Trí tuệ là thuốc hay
Phiền não là rừng gai
Trí tuệ là búa sắc.
Si ái dòng nước trôi
Trí tuệ là chiếc cầu
Cho nên phải siêng tu
Văn, tư, tu sinh tuệ.
Đầu đủ ba thứ tuệ
Tuy mù, mắt tuệ sáng.
Không tâm tuệ, đối lống
Nên chẳng phải xuất gia.

Vì vậy phải giác biết
Là các pháp hư dối
Đạt được vui nhiệm mâu
Nơi vắng lặng an ổn.
Tôn sùng không buông lung
Buông lung: Kẻ thù thiện
Nếu người không buông lung
Được sinh chỗ Đế Thích
Người phóng tâm buông lung
Thì đọa A-tu-la.
Nghịch từ bi an ủi
Nên làm Ta đã làm
Các thầy nên tinh tấn
Khéo tự tu nghiệp ấy
Nơi rừng núi an nhàn
Tâm vắng lặng thêm lớn
Phải cố gắng siêng năng
Chớ để sau hối hận.
Như vị thầy thuốc giỏi
Tùy bệnh mà cho toa
Người bệnh không chịu uống
Chẳng phải lỗi thầy thuốc?
Ta đã nói chân thật
Chỉ con đường bằng phẳng
Nghe mà chẳng chịu đi
Chẳng phải lỗi người chỉ.
Đối nghĩa bốn chân đế
Có chỗ nào không rõ
Các thầy hãy nên hỏi
Chớ che giấu điều nghi!”
Thế Tôn thương xót dạy
Chúng hội đứng lặng yên.
Bấy giờ A-na-luật
Quán sát các đại chúng

Im lặng, không còn nghi
Chấp tay bạch Phật rằng:
“Trăng nóng, mặt trời lạnh,
Gió yên, tánh đất động
Bốn thứ lắm như vậy
Thế gian đều không có.
Khổ, tập, diệt, đạo đế
Chân thật chưa từng trái
Như lời Thế Tôn nói
Chúng hội đều không nghi
Nhưng Thế Tôn Niết-bàn
Mọi người đều tiếc thương
Đối với lời Phật dạy
Đều nghĩ là rất ráo,
Dù cho mới xuất gia
Tâm chưa hiểu sâu xa
Nghe Phật ân cần dạy
Dứt bỏ hết thắc mắc.
Đã qua biển sinh tử
Vô dục, không mong cầu
Nay đều sinh buồn thương
Than Phật sao chóng diệt.”
Phật vì A-na-luật
Nói các thứ lo buồn
Lại dùng tâm thương xót
An ủi, mà bảo rằng:
“Dù cho sống một kiếp
Rồi cũng phải chia ly
Khác thể mà hòa hợp
Lý tự không thường chung
Tự lợi, lợi tha rồi
Trụ Không cầu làm gì?
Trời, người đáng được độ

Ta đã độ giải thoát.
 Nay đệ tử các thầy!
 Xoay vần theo chánh pháp
 Biết có sinh sẽ diệt
 Chớ sinh lo buồn nữa
 Phải tự siêng tìm cách
 Đến chỗ không biệt ly.
 Ta đã đốt đèn tuệ
 Soi sáng cho thế gian
 Thế gian không bền chắc
 Các thầy phải tùy hỷ
 Như gần người bệnh nặng,
 Chữa trị hết khổ nạn
 Đã dứt hết khổ rồi
 Ngược dòng biển sinh tử.
 Dứt hẳn các khổ nạn
 Đó cũng nên tùy hỷ
 Các thầy khéo tự giữ
 Chớ sinh tâm buông lung
 Có sinh ắt có diệt
 Nay Ta vào Niết-bàn
 Từ đây hết nói năng
 Đây là lời dạy cuối
 Vào Sơ thiền tam-muội
 Thứ lớp chín chánh thọ
 Ngược thứ lớp chánh thọ
 Lại nhập vào Sơ thiền
 Sau đó xuất Sơ thiền
 Nhập vào đệ Tứ thiền
 Xuất định tâm vô ký
 Liên nhập vào Niết-bàn.
 Vì Phật nhập Niết-bàn
 Mặt đất rung chuyển khắp
 Không trung mưa lửa nóng

Không củi mà tự cháy,
 Lại từ đất khởi lên
 Tám phương đều cháy bùng
 Cho đến các cõi trời
 Cũng cháy hừng như thế.
 Sấm chớp vang trời đất
 Sét đánh rền núi non
 Như tiếng trống chiến đấu
 Giữa trời và Tu-la;
 Gió bão nổi khắp nơi
 Núi đổ, mưa tro bụi
 Mặt trời, trăng lơ mờ
 Nước trong đều dậy sóng;
 Rừng Kiên cố héo úa
 Hoa lá rụng tả tơi
 Rồng bay cõi mây đen
 Rũ năm đầu rơi lệ;
 Bốn vua và quyến thuộc
 Ngâm ngùi đến cúng dường.
 Trời Tịnh cư xuống trần
 Đứng hầu giữa hư không
 Xem vô thường biến đổi
 Không buồn cũng không vui
 Than đời là Thiên sư
 Mất đi sao nhanh quá!
 Tám bộ, các Thiên thần
 Đầy khắp trong hư không
 Tung hoa để cúng dường
 Tâm lo lắng không vui,
 Chỉ có Ma vương vui
 Tấu nhạc để tự vui.
 Cõi Diêm-phù mất sáng
 Như núi đổ, non lở

Voi lớn bị gãy ngà
 Hai sừng trâu chúa lia
 Hư không chẳng trời trăng
 Hoa sen gặp sương giá
 Đời tiêu điều như thế
 Khi Phật nhập Niết-bàn³.

M

Phẩm 27: TÁN THÁN NIẾT-BÀN

Khi có một vua trời
 Ngồi cung ngàn ngỗng trắng
 Ở trên, giữa hư không
 Thấy Phật nhập Niết-bàn
 Khấp vì cả chư Thiên
 Rộng nói kệ vô thường:
 “Tất cả tính vô thường
 Chóng sinh cũng chóng diệt
 Sinh ra thì đã khổ
 Chỉ vắng lặng là vui
 Cử hành nghiệp chất chứa
 Lửa trí tự cháy bùng
 Khói tiếng khen xông trời
 Muta xuống thì tiêu diệt
 Giống như kiếp hỏa khởi
 Thủy tai làm tắt ngấm.”
 Lại có Trời Phạm thiên
 Như tiên nghĩa bậc nhất
 Hưởng vui mẫu cõi trời
 Mà không đấm báo trời
 Than Như Lai Niết-bàn
 Tâm định, miệng nói rằng:
 “Quán sát pháp ba đời

³. Dịch đảo câu.

Rồi cũng đều tiêu vong
 Thông đạt nghĩa đệ nhất
 Thế gian không ai sánh
 Người có tuệ tri kiến
 Cứu giúp các chúng sinh
 Thấy đều bị vô thường
 Người nào được còn mãi.
 Than ôi! Cả thế gian
 Chúng sinh theo đường tà.”
 Bấy giờ A-na-luật
 Thế gian không Luật-đà
 Luật-đà đã tịch diệt
 Luật-đà không sinh tử
 Than: “Như Lai Niết-bàn
 Chúng sinh đều mờ tối
 Các hành nhóm vô thường
 Giống như mây nhẹ nổi
 Chóng tụ mà chóng tan
 Người trí không giữ gìn.
 Chày kim cương vô thường
 Hoại núi tiên Tịch mặc
 Than ôi! Đồi lừng xặng
 Phá hoại không bền chắc.
 Sư tử dữ vô thường
 Hại Tiên lớn voi mạnh
 Cờ Kim cương Như Lai
 Còn bị vô thường hoại
 Hướng gì chưa lìa dục
 Mà chẳng sinh sợ hãi.
 Sáu hạt giống một mầm
 Một trận mưa rưới xuống
 Bốn rễ sâu thấm xuống
 Hai đĩa năm thứ trái

Ba đời đồng một thể
 Cây đại thọ phiền não
 Voi lớn Mâu-ni nhỏ
 Mà không khỏi vô thường!
 Giống như chim Súc khí
 Uống nước, nuốt rắn độc
 Bỗng gặp trời nắng lâu
 Mất nước mà thân chết
 Ngựa hay giỏi chiến đấu
 Hết trận lại thuần thực,
 Lửa hừng nhờ củi cháy
 Hết củi thì tự tắt
 Như Lai cũng như vậy
 Xong việc, nhập Niết-bàn.
 Giống như ánh trăng sáng
 Xua bóng tối cho đời
 Chúng sinh đều được soi
 Và lại che Tu-di,
 Ánh tuệ của Đức Phật
 Soi sáng, cũng như thế
 Xua bóng tối cho đời
 Mà ẩn núi Niết-bàn.
 Khen ngợi ánh sáng mâu
 Soi khắp cả thế gian
 Xua tan mọi bóng tối
 Không dừng, như dòng nước.
 Khéo điều bầy ngựa giỏi
 Binh chúng theo cùng đi
 Rực rỡ vua mặt trời
 Còn vào nơi lặn mất.
 Năm chướng che trời, trăng
 Chúng sinh mất ánh sáng
 Thờ lửa, tế trời xong
 Chỉ còn là khói đen

Ánh sáng Phật đã khuất
 Đờn mất sáng cũng vậy.
 Dứt ân ái, hy vọng
 Đáp ứng chúng sinh muốn
 Đã thỏa chúng sinh muốn
 Việc xong, dứt ước mong
 Lìa phiền não buộc thân
 Mà đắc đạo chân thật.
 Lìa những sự rối loạn
 Nhập vào nơi vắng lặng
 Thần thông bay lên không
 Xả bỏ mọi nỗi khổ
 Bóng tối của ngu si
 Ánh trí tuệ xua tan.
 Những bụi bặm phiền não
 Nước trí tuệ rửa sạch
 Không còn dính lại nữa
 Ở mãi nơi vắng lặng
 Dứt tất cả sinh tử
 Tất cả đều tôn kính,
 Khiến mọi người ưa pháp
 Đem tuệ cho mọi loài
 Điều an ủi tất cả
 Các công đức đến khắp
 Tiếng tăm truyền nơi nơi
 Thêm sáng đến ngày nay.
 Những người có đức dày
 Với lòng thương của họ
 Được bốn lợi chẳng mừng
 Gặp bốn suy chẳng sợ
 Khéo nhiếp giữ các căn
 Các căn đều thông sáng
 Lắng tâm quán bình đẳng

Không nhiệm trước sáu cảnh
 Được điều chưa từng có
 Được điều người không được.
 Dùng các nước xuất yếu
 Giúp người khát no lòng
 Cho thứ người không cho
 Không hề mong báo đền.
 Thân nhiệm mầu vắng lặng
 Biết hết tất cả niệm
 Tốt xấu chẳng nghiêng động
 Năng lực thắng mọi oán
 Thuốc hay trị mọi bệnh
 Mà bị vô thường hoại.
 Tất cả loài chúng sinh
 Ưa pháp mỗi khác nhau
 Đáp ứng mọi mong cầu
 Đầy đủ mọi ước nguyện.
 Đại thí chủ Thánh tuệ
 Hễ đi không trở lại!
 Như lửa bùng thế gian
 Củi hết không còn cháy.
 Tám pháp không làm nhiễm
 Điều năm thứ khó điều
 Dùng ba để thấy ba
 Lìa ba mà thành ba
 Cát một để được một
 Vượt bảy mà ngủ dài
 Đạo rốt ráo vắng lặng
 Hiền thánh đều tôn kính.
 Đã dứt chướng phiền não
 Người tôn thờ đã độ
 Kẻ đói khát thiếu thốn
 Được uống nước cam lộ,
 Mặc áo giáp nhẵn nhục

Hàng phục mọi tức giận,
Thắng pháp nghĩa nhiệm màu
Làm vui lòng mọi người
Kẻ tu thiện trên đời
Gieo trồng hạt giống Thánh
Người tu chánh, bất chánh
Đều độ không bỏ sót,
Quay pháp luân vô thường
Đời vui mừng lãnh thọ,
Vốn gieo nhân ưa pháp
Thả đều được giải thoát.
Đi khắp trong nhân gian
Độ những người chửa độ
Người chửa thấy chân thật
Giúp họ thấy chân thật.
Người tu theo ngoại đạo
Trao họ pháp sâu xa
Nói sinh tử vô thường:
Không chủ, không gì vui.
Dựng cờ “Được ngợi khen”
Phá hoại các ma quân
Tiến, lùi không vui buồn,
Chúng sinh than Niết-bàn
Hóa độ người chửa độ
Giải thoát người chửa thoát
Kẻ chửa tịch được tịch
Người chửa giác được giác
Đạo Mâu-ni vắng lặng
Để nhiếp hóa chúng sinh.
Chúng sinh trái đạo Thánh
Làm những việc bất chánh
Giống như đại kiếp hết
Người trì pháp ngủ ngon.

Mây dày, sấm nổ vang
Muta cam lộ phá rừng
Voi trẻ diệt gai góc
Vì người đem lợi lộc,
Mây lìa voi già suy
Điều đó không kham nổi
Phá kiến, để thành kiến
Ở đời mà độ đời,
Đã phá các tà luận
Chúng được đạo Tỳ tại
Nay nhập vào vắng lặng
Đời không người cứu giúp.
Binh chúng lớn Ma vương
Giương oai rung đất trời
Muốn hại Đấng Mâu-ni
Nhưng không thể nghiêng động.
Thế sao bỗng một sáng
Bị ma vô thường hại
Trời người nhóm họp đông
Đây khắp giữa hư không
Sợ sinh tử vô cùng
Sinh tâm rất lo sợ.
Thế gian dù xa gần
Mắt trời đều soi thấy
Nghịệp báo thấy rõ ràng
Như nhìn hình trong gương,
Tai trời đều thông đạt
Dù ở xa cũng nghe,
Lên trời dạy các trời
Xuống trần độ kẻ thế
Phân thân mà hợp thể
Lợi nước mà không chìm,
Nghĩ nhớ đời quá khứ
Trọn kiếp cũng không quên.

Các căn theo cảnh trần
 Mỗi người nghĩ một khác
 Biết trí tha tâm thông
 Tất cả đều biết hết,
 Trí nhiệm mâu thân thông
 Quán tất cả bình đẳng
 Dứt hết mọi lậu hoặc
 Tất cả việc đã xong
 Trí bỏ cõi Hữu dư
 Bặt trí mà Niết-bàn.
 Chúng sinh tâm ngang bướng
 Thì được sự mềm mỏng
 Các chúng sinh căn thuần
 Thì được tuệ sáng suốt
 Dứt vô lượng ác nghiệp
 Đều được con đường thông
 Một sớm bỗng Niết-bàn
 Còn ai bày đức ấy?
 Đời không người cứu giúp
 Khí dứt, hy vọng tan
 Ai đem nước mát mẽ
 Vẩy lên cho sống lại!
 Làm xong việc mình rồi
 Đại Bi đã Niết-bàn
 Lười ngu si thế gian
 Rồi ai sẽ xé tan?
 Dòng sinh tử chảy mau
 Ai sẽ gọi quay lại?
 Chúng sinh tâm si mê
 Ai nói đạo vắng lặng?
 Ai chỉ chỗ an ổn?
 Ai bày nghĩa chân thật
 Chúng sinh chịu khổ lớn

Ai làm cha lành cứu?
 Như tụng nhiều đều quên
 Lạ đất, ngựa mất uy
 Làm vua, mất đất nước
 Đời không Phật cũng vậy!
 Học rộng, không nói được
 Thầy thuốc mà không tuệ
 Làm vua mất uy thế
 Mất Phật, đời mất sáng.
 Ngựa hay mất người khiển
 Đi thuyền mất người lái
 Ba quân mất tướng giỏi
 Người buôn mất dẫn đường
 Bệnh mất thầy thuốc giỏi
 Thánh vương mất bầy báu
 Các sao mất ánh sáng
 Thích thọ lại mất mạng
 Thế gian cũng như thế
 Phật diệt mất Đạo sư.”
 Các La-hán cũng vậy
 Việc phải làm đã làm
 Các lậu đều đã hết
 Tri ân, báo ân Phật
 Buồn thương nói triền miên
 Khen đức, bày khổ đời.
 Những người chưa lìa dục
 Buồn khóc không kèm được
 Người các lậu đã hết
 Chỉ than khổ sinh diệt.
 Khi ấy các Lục sĩ
 Nghe Phật đã Niết-bàn
 Liền buồn khóc náo động
 Như ngỗng gặp chim ưng
 Đều đến chỗ song thọ

Thấy Như Lai Niết-bàn
 Vẻ giác ngộ không còn
 Đắm ngực mà kêu trời
 Như sư tử bắt nghé
 Đàn bò kêu náo động.
 Trong đó, có lực sĩ
 Tâm đã ưa chánh pháp,
 Nhìn kỹ Đấng Pháp Vương
 Đã đi vào vắng lặng
 Rằng: “Chúng sinh đều mê
 Phật mở bày giác ngộ
 Nay Ngài vào vắng lặng
 Vào Niết-bàn rốt ráo
 Vì người dựng cờ pháp
 Mà nay bỗng ngã đổ
 Mặt trời tuệ Như Lai
 Đại giác chiếu sáng rực
 Tinh tấn là lửa nóng
 Trí tuệ chiếu ánh sáng
 Xua tan mọi bóng tối
 Thế sao lại tối mãi?
 Một tuệ chiếu ba đời
 Làm mất cho chúng sinh
 Nay bỗng nhiên mù lòa
 Cả đời không biết lối?
 Dòng sông sinh tử chảy
 Sóng lớn tham, sân, si
 Cầu pháp bỗng sập đổ
 Chúng sinh mãi đắm chìm.”
 Các chúng kia Lực sĩ
 Người buồn khóc kêu la
 Người đau thẳm không tiếng
 Hoặc ngã lăn xuống đất

Hoặc im lặng suy nghĩ
 Hoặc buồn bã than dài
 Sửa soạn xe bằng vàng
 Hương hoa đồ trang sức
 An trí thân Như Lai
 Phía trên che trướng báu
 Có cờ phướn, lọng hoa
 Đủ các thứ kỹ nhạc
 Các nam, nữ Lục sĩ
 Đi theo đó cúng dường.
 Các trời rải hương hoa
 Hư không trỗi nhạc trời
 Người, trời đều buồn than
 Cùng một lời thương tiếc.
 Vào thành thấy gái, trai
 Già, trẻ cúng dường xong
 Ra khỏi cửa Long tượng
 Vượt sông Hi-liên-thiên
 Đến chỗ tháp diệt độ
 Cửa các Phật quá khứ
 Chất Ngưu đầu chiên-đàn
 Và các loại gỗ thơm
 Đặt thân Phật lên đó
 Rưới các loại dầu thơm
 Rồi châm lửa ở dưới
 Đốt ba lần không cháy.
 Khi đó Đại Ca-diếp
 Trước ở thành Vương xá
 Biết Phật sắp Niết-bàn
 Quyến thuộc từ đó đến
 Tịnh tâm phát nguyện mâu
 Muốn thấy thân Thế Tôn.
 Vì nguyện họ chân thành
 Nên lửa tắt không cháy

Ca-diếp cùng quyến thuộc
 Đến buồn than chiêm ngưỡng
 Kính lễ hai chân Phật
 Sau đó lửa mới cháy.
 Trong đút lửa phiền não
 Ngoài lửa không đốt được
 Tuy đốt da thịt ngoài
 Nhưng còn xương kim cang
 Dầu thơm cháy hết xong
 Gom xương vào bình vàng
 Như pháp giới bất tận
 Xương cũng bất tận thế.
 Quả trí tuệ kim cang
 Khó động như Tu-di
 Chim cánh vàng sức mạnh
 Không thể nào nghiêng đời
 Nằm ở trong bình báu
 Để cho đời lưu truyền.
 Lạ thay! Thế gian lực
 Chuyển được pháp vắng lặng
 Đức danh lưu truyền rộng
 Đây khắp cả mười phương
 Theo đời, vắng lặng mãi
 Chỉ còn lại xương cốt
 Ánh sáng soi đất trời
 Chúng sinh đều được chiếu
 Bỗng ánh sáng tắt mất
 Chỉ còn xương trong bình.
 Trí bén như kim cang
 Phá núi khổ phiền não
 Các khổ nhóm trong thân
 Chí kim cang giúp an
 Chúng sinh chịu khổ lớn

Đều giúp họ dứt bỏ.
 Thân kim cương như thế
 Nay bị lửa đốt cháy
 Các chúng Lục sĩ kia
 Mạnh mẽ đời không hai
 Chiết phục khổ kẻ thù
 Cứu giúp khổ, quy y
 Thân ái gặp khổ nạn
 Chí vững không lo buồn
 Nay thấy Như Lai diệt
 Đều buồn bã, than khóc.
 Tráng sĩ sức khỏe mạnh
 Kiêu mạn cao ngút trời
 Buồn khổ ép ngặt tâm
 Vào thành như đầm rộng
 Mang xá-lợi vào thành
 Khấp đường phố cúng dường
 Đặt trên lầu góc cao
 Người, trời đều kính thờ.

M

Phẩm 28: PHÂN CHIA XÁ-LỢI

Các chúng Lục sĩ kia
 Kính thờ xá-lợi Phật
 Dùng hương hoa tốt đẹp
 Cúng dường Đấng Vô Thượng.
 Bấy giờ vua bầy nước
 Biết Phật đã diệt độ
 Sai sứ đến Lục sĩ
 Xin chia xá-lợi Phật.
 Các chúng Lục sĩ kia
 Vì kính trọng thân Phật
 Và cậy sức mạnh mình
 Nên khởi tâm kiêu mạn

Thà bỏ thân mạng mình
 Không bỏ xá-lợi Phật.
 Sứ trở về tay không
 Bấy vua rất giận dữ
 Dấy binh như mây mù
 Kéo đến thành Cưu-di.
 Nhân dân ra thành thấy
 Điều sợ hãi trở về
 Bảo các chúng Lục sĩ:
 “Binh mã các nước đến
 Binh voi, ngựa, xe, bộ
 Bao vây thành Cưu-di
 Các khu vườn ngoài thành
 Ao, suối, cây, hoa quả
 Bị binh chúng dày xéo
 Thấy đều bị tàn phá.”
 Lục sĩ lên thành thấy
 Cơ nghiệp bị phá hoại
 Liền chuẩn bị chiến cụ
 Để đối phó kẻ địch
 Cung, nỏ và xe, đá
 Đuốc bay... đều đưa đến.
 Bấy vua, vây quanh thành
 Binh chúng đều tinh nhuệ
 Uy vũ rất rõ ràng
 Trông như bầy luồng sáng
 Chuông, trống như sấm nổ
 Dững khí tợ mây mù.
 Lục sĩ rất giận dữ
 Mở cửa thành đón giặc
 Các nam nữ trưởng túc
 Tâm kính tin Phật pháp
 Kinh sợ phát nguyện thành:

“Kính phục họ, không hại
 Thân thiện, khuyên can nhau
 Chẳng muốn họ đánh nhau.”
 Dũng sĩ mặc áo giáp
 Hươu giáo, múa kiếm dài
 Chuông trống rền bãi chiến.
 Cầm giáo chưa giao tranh
 Có một Bà-la-môn
 Tên là Độc-lâu-na
 Học rộng, trí lược giỏi
 Khiêm nhường, mọi người kính
 Tâm Từ, ưa chánh pháp.
 Bảo các vua ấy rằng:
 “Xem hình thế thành kia
 Một người đủ đương đầu
 Hướng là cùng hợp lực
 Mà không hàng phục họ.
 Dù có phá diệt họ
 Cũng có gì tốt đâu
 Đao bén nhọn đã giao
 Thế không lưỡng toàn được
 Đây, đó đều tổn thất
 Cả hai đều thương vong.
 Chiến đấu nhiều mưu toan
 Tình thế khó lường được
 Có khi mạnh thắng yếu
 Có khi yếu thắng mạnh
 Người khỏe khinh rấn độc
 Ngờ đâu thân thương tổn.
 Có người tính yếu mềm
 Được trai gái động viên
 Vào trận thành chiến sĩ
 Như lửa gặp được dầu
 Chớ xem thường giặc yếu

Cho họ không kham nổi
 Sức mình không đủ cậy
 Không bằng sức mạnh pháp.
 Thuở xưa, có vị vua
 Tên Ca-lan-đà-ma
 Ngồi thẳng khởi tâm Từ
 Hàng phục được kẻ thù
 Tuy vua bốn thiên hạ
 Tiếng tăm, tài lợi nhiều
 Rốt cuộc cũng tiêu tan
 Như trâu no trở về.
 Nên dùng pháp, dùng nghĩa
 Nên tìm cách giải hòa
 Đánh, thắng tăng thêm oán
 Hòa, giải rồi không họa
 Nay gây hận nuốt oán⁴
 Việc này rất không nên
 Vì muốn cúng dường Phật
 Nên nhẫn nhục theo Phật.”
 Như thế Bà-la-môn
 Quyết định nói lời thật
 Dùng nghĩa lý hòa hợp
 Mà nói lời vô úy.
 Bấy giờ các vua kia
 Bảo Bà-la-môn rằng:
 “Nay ông khéo đúng lúc
 Nghĩa trí tuệ nhiều ích
 Thân mật chí thành nói
 Thuận pháp, nương lý mạnh.
 Lắng nghe lời ta nói
 Là pháp của nhà vua

4. Dịch thoát ý.

Hoặc vì tranh năm dục
 Giận ghét tranh sức mạnh
 Hoặc nhân việc vui chơi
 Không cần phải chiến tranh
 Nay chúng ta vì pháp
 Chiến tranh có gì lạ!
 Kiêu mạn nên trái nghĩa
 Người đời còn phục tùng
 Huống Phật là kiêu mạn
 Dạy người phải khiêm nhường
 Nhưng chúng ta không thể
 Quên thân để cúng dường!
 Thuở xưa, các vua như
 Bất-sắc, Nhữ-nan-đà
 Vì một cô gái đẹp
 Chiến tranh tàn diệt nhau
 Huống nay vì cúng dường
 Thầy thanh tịch là dục
 Mà thương thân tiếc mạng
 Chẳng dùng sức đấu tranh!
 Tiên vương Kiêu-la-bà
 Đánh với Bát-na-bà
 Đánh phá nhau nhiều trận
 Chính vì tham lợi lộc
 Huống là thầy “Vô tham”
 Mà lại tham sự sống!
 Con vị tiên La-ma
 Tức giận vua Thiên Tý
 Phá nước, giết nhân dân
 Chính là do tức giận
 Huống là thầy “không sân”
 Mà tham tiếc thân mạng!
 Vì Tư-đà nên khiến
 Ma-la giết quỷ thân

Huống thầy “không nhiếp thọ”
 Không hy sinh vì đó!
 A-lợi và Bà-câu
 Hai quý thường kết oán
 Chính vì sự ngu si
 Nên giết hại chúng sinh
 Huống là thầy “Trí tuệ”
 Mà lại tiếc thân mạng!
 Rất nhiều kẻ như thế
 Mất mình vì vô nghĩa
 Huống nay Thầy trời người
 Khấp thế gian tôn kính
 Mà kể thân, tiếc mạng
 Không siêng cầu cúng dường!
 Nếu ông muốn dứt tranh
 Thì vì ta vào thành
 Khuyên họ nên cởi mở
 Cho nguyện ta được thỏa.
 Do lời pháp của ông
 Giúp tâm ta tạm yên
 Như loài rắn cực độc
 Nhờ sức chú tạm dừng.”
 Khi ấy Bà-la-môn
 Nhận lời các vua ấy
 Vào thành gặp Lực sĩ
 Thăm hỏi, tỏ lòng thành:
 “Các vua ở ngoài kia
 Mang binh khí sáng ngời
 Thân mặc áo giáp trận
 Tinh nhuệ như ánh trời
 Dững khí như sư tử
 Đều muốn phá thành này
 Nhưng họ vì pháp nên

Sợ làm đều phi pháp.
 Nên sai tôi đến gặp
 Chỉ muốn được giải bày
 Tôi không vì đất này
 Cũng chẳng cầu tiền của
 Không có tâm kiêu mạn
 Cũng chẳng lòng oán hờn
 Chỉ vì kính đại tiên
 Mà đến nơi này vậy.
 Xin ngài biết ý tôi
 Chống trái nhau làm gì?
 Kính kia, đây như nhau
 Nên làm anh em pháp.
 Di linh của Thế Tôn
 Nhất tâm cùng cúng dường
 Tâm sên tiếc tiền tài
 Đó thật chẳng phải đạo.
 Tội sên pháp rất nặng
 Khấp thế gian xem thường
 Người quyết định không thông
 Cần phải chờ pháp khách.
 Không có “pháp Sát-lợi”
 Đóng cửa mà tự phòng
 Dạy pháp lành, dữ này
 Bọn họ đều như vậy.
 Nay tôi đã trộm nghĩ
 Cũng dạy họ thành thật
 Chớ kia, đây trái nhau
 Lý nên cùng hòa hợp.
 Thế Tôn còn tại thế
 Thường dạy pháp nhẫn nhục
 Không thuận theo Thánh giáo
 Làm sao gọi cúng dường?
 Người đời tranh năm dục

Tài lợi và ruộng nhà
Nếu người vì chánh pháp
Nên thuận theo thánh lý
Vì pháp mà kết oán
Thì lý này trái nhau,
Phật vắng lặng từ bi
Thường muốn an tất cả
Cúng dường Đấng Đại Bi
Mà gây điều hại lớn.
Nên chia đều xá-lợi
Mọi người được cúng dường
Thuận pháp, danh tiếng vang
Nghĩa thông, lý được nói.
Nếu họ làm phi pháp
Nên dùng pháp giảng hòa
Đó gọi là ưa pháp
Giúp pháp tồn tại lâu.
Phật dạy tất cả thí
Pháp thí là trên hết
Người thường hành tài thí
Hành pháp thí mới khó.”
Lục sĩ nghe lời đó
Lòng hổ thẹn nhìn nhau
Đáp lời Phạm chí rằng:
“Cám ân ông ý tốt
Lời thân thiện thuận pháp
Nói lý hòa chánh chân
Phạm chí cần phải nên
Thuận theo công đức mình
Khéo hòa giải kia đây
Chỉ dạy ta yếu đạo
Như chế ngựa đường mê
Trở về với đường chánh.

Nay phải dùng hòa lý
 Theo như ông đã nói
 Lời thành thật chẳng đoái
 Sau sẽ sinh ăn năn.”
 Liền mở bình xá-lợi
 Chia đều làm tám phần
 Tự cúng dường một phần
 Bảy phần trao Phạm chí.
 Bấy vua được xá-lợi
 Vui mừng, cung kính nhận
 Thỉnh về đất nước mình
 Xây tháp để cúng dường.
 Phạm chí xin Lục sĩ
 Chia cho bình xá-lợi
 Rồi theo bầy vua kia
 Xin chia phần thứ tám
 Dem về xây ngôi tháp
 Tên là tháp Kim bình.
 Người dân Câu-di-na
 Gom lại phần tro than
 Mà xây một ngôi tháp
 Tên là tháp Khôi thán,
 Tám vua xây tám tháp
 Kim bình và Khôi thán
 Như thế Diêm-phù-đề
 Đầu tiên có mười tháp.
 Các gái trai cả nước
 Đều mang lọng hoa báu
 Cúng dường tháp nước mình
 Trang nghiêm như núi vàng
 Các thứ kỹ nhạc trổi
 Ngày đêm ca ngợi mãi.
 Giờ năm trăm La-hán
 Mất hẳn bóng mát Thầy

Bỗng nhiên không chỗ nương
 Về núi Kỳ-xà-quật
 Hợp chúng hang Đế thích
 Để kết tập Kinh tạng
 Tất cả đều suy tôn
 Trưởng lão A-nan-đà:
 “Giáo pháp do Phật nói
 Lớn nhỏ ngài đều nghe
 Tỳ-đề-kê Mâu-ni
 Hãy nói đại chúng nghe.”
 A-nan giữa đại chúng
 Bước lên tòa Sư tử
 Nói lại lời Như Lai
 Rằng “Tôi nghe như vậy”
 Cả chúng đều rơi lệ.

M

Từ ngữ tôi nghe này
 Đúng pháp, đúng thời gian
 Đúng chỗ, đúng người nghe
 Nói ra liền ghi chép
 Rốt ráo thành Kinh tạng
 Siêng tìm cách tu học
 Điều đã được Niết-bàn
 Nay được và sẽ được.
 Niết-bàn cũng như thế
 Vua Vô Ưu ra đời
 Làm cho kẻ mạnh buồn
 Người yếu thì hết lo
 Như cây hoa Vô ưu
 Đứng đầu ở Diêm-phù
 Tâm thường không lo lắng
 Kính tin sâu chánh pháp
 Nên hiệu vua Vô Ưu

Con cháu vua Khổng Tước.
 Sinh ra từ chánh tánh
 Cứu giúp khắp chúng sinh
 Xây dựng các tháp miếu
 Tên trước Cường Vô Ưu
 Nay đổi Pháp Vô Ưu
 Mở tháp bảy vua kia
 Lấy toàn bộ xá-lợi
 Phân bố một ngày xây
 Tám muôn bốn ngàn tháp.
 Chỉ có tháp thứ tám
 Ở tại thôn La-ma
 Có Long thần giữ gìn
 Vua không thể lấy được
 Tuy không được xá-lợi
 Biết Phật có di hài
 Được Thần long cúng dường
 Càng thêm tâm kính tin.
 Tuy vua thống lĩnh nước
 Mà chúng được Sơ quả
 Khiến cho khắp thiên hạ
 Cúng dường tháp Như Lai
 Quá khứ, vị lai, nay
 Thấy đều được giải thoát.
 Như lai hiện ở đời
 Niết-bàn và xá-lợi
 Người cung kính cúng dường
 Phước kia không khác nhau,
 Tuệ sáng, tâm tăng thượng
 Quán công đức Như Lai
 Giữ đạo cúng dường Phật
 Phước đó cũng đều tốt.
 Phật được pháp cao quý
 Đáng nhận mọi cúng dường

Đã đến cõi bất tử
Người tin cũng được an
Cho nên các trời, người
Đều nên thường cúng dường.
Đại từ bi bậc nhất
Thông đạt nghĩa đệ nhất
Độ tất cả chúng sinh
Ai nghe chẳng cảm động
Khổ sinh, già, bệnh, chết
Khổ thế gian không hơn
Khổ chết, là lớn nhất
Là điều các trời sợ
Lìa hẳn hai thứ khổ
Vì sao không cúng dường?
Không thọ vui thân sau
Đứng đầu vui thế gian
Thêm lớn nỗi khổ sinh
Khổ thế gian nào bằng!
Phật lià được khổ sinh
Không thọ vui thân sau
Rộng bày rõ cho đời
Vì sao không cúng dường?
Khen các Đấng Mâu-ni
Việc đã làm trước sau
Không tự bày thấy hết
Cũng không cầu danh lợi
Thuận theo lời trong kinh
Để cứu giúp cõi thế.



SỐ 193

PHẬT BỔN HẠNH KINH

(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thích Bảo Vân ở Kinh châu.

QUYỂN 1

Phẩm 1: NHÂN DUYÊN

*Nay giảng pháp thô thiển
Tâm Từ chuyên nghe nhận
Yếu nghĩa các kinh Phật
Ngôn từ của Thánh sư
Sách vở về truyện Phật
Rất lợi ích cho đời
Người nghe mừng khôn xiết
Thấm nhuần đến mọi người.
Tất cả các Đức Phật
Trí Tiên thánh minh vương
Từ tâm xưng danh hiệu
Được phước không thể lường.
Nên nay giảng an lành
Ưu khổ dứt mất hẳn
Nơi chốn nào Phật đến
Thấy đều được yên ổn
Nhiếp căn chuyên giữ tâm
Mỗi người lắng lòng nghe.*

Nếu có người vâng làm
Trừ sạch các nơ bần
Dùng nước pháp thanh tịnh
Siêng rửa sạch tâm mình
Vào ao sâu diệt độ
Thọ sắc rất sáng trong.
Năm dục như ngựa rong
Đắm mê theo cuộc đời
Quanh quẩn không ra được
Bị năm dục lừa dối
Rong ruổi nơi tối tăm
Riêng xoay lẩn năm đường
Dùng cái giàn trí tuệ
Khéo chế ngự tâm ngu
Phải dùng roi vô thường
Đánh ngựa dục chạy rong
Bẻ gãy ý tham lam
Khiến tâm bỏ nịnh hót.
Dòng sông sâu sáu dục
Đường ác rất mau chóng
Phải dùng sức trí tuệ
Đắp đê cho dày chắc.
Ưu sinh tử khổ đau
Chưa từng được nghỉ ngơi
Do tâm không nhàm đủ
Say mê nơi năm dục
Có tám thứ thuốc thang
Hòa hợp rất thần hiệu
Chịu uống vị cam lộ
Say mê liền tỉnh ngộ.
Chúng sinh trong ba cõi
Thấy ngược, tay chỉ dẫn
Điên đảo trong năm đường

Giống như người đánh cầu
 Vừa thoát khỏi mé khổ
 Trở lại đọa sinh tử
 Nay nghe Thánh minh dạy
 Nên dứt tâm mê lầm.
 Ánh sáng của từ bi
 Soi sáng khắp thế gian
 Ngu thấy nóng thì cháy
 Tâm si tự mê hoặc.
 Sinh tử như đầm rộng
 Hươu con lạc trong đó
 Nên uống dòng sữa pháp
 Dứt đời khát lâu ngày.
 Chúng sinh từ xưa nay
 Bị già chết lôi kéo
 Không thích thấy thuốc hay
 Còn mắng nhiếc thầy giỏi
 Hợp ba mươi bảy vị
 Các thứ thuốc thần hiệu
 Phải dùng phương tiện cầu
 Siêng uống để trừ bệnh.
 Trong đêm dài mệt nhọc
 Chúng sinh ngủ rất ngon
 Phải đánh trống cam lộ
 Thức dậy chớ ngủ nữa.
 Mặt trời Phật xuất hiện
 Pháp soi sáng mạnh mẽ
 Phải dùng mắt trí tuệ
 Siêng năng quán sát khắp.
 Tâm chúng sinh như nước
 Bị khuấy đục không trong
 Dùng pháp lắng khiến trong
 Giống như nước mùa thu.
 Chúng sinh khéo điều tâm

Định ý, không lao chao
 Mau chóng được trở về
 Được vào biển Nê-hoàn.
 Các hình thể biến hóa
 Nơi sinh tử lâu xa
 Trời, người, ba đường ác:
 Địa ngục, quỷ, súc sinh.
 Nay nên bỏ luống dối
 Hình người gổ dối lừa
 Nhập diệt thành Lưu ly
 Hợp thành một màu sắc.
 Có vua tên A-dục
 Cõi nước hưởng Vô ưu
 Làm kẻ địch sợ hãi
 Người theo thì kính yêu
 Dựng khắp trên đất này
 Tám mươi bốn ngàn tháp
 Trời, Rồng, Quỷ, Thần vui
 Tiếng vang khắp thiên hạ.
 Thời Kim cang lực sĩ
 Nghe tiếng vang động này
 Phật pháp càng hưng thịnh
 Nhân đó nghĩ nhớ Phật
 Buồn cúi đầu chống má
 Nhớ thuở Phật ở đời.
 Các vị trời thưa hỏi
 Rằng: “Thưa Ngài buồn chi?”
 Nhìn thật lâu mọi người
 Sau đó mới than dài
 Nhớ thương, giọng buồn bã
 Cất tiếng đáp lời rằng:
 “Phật là Thầy của trời
 Dem lành dạy trời, người

Nghĩ nhớ Phật, Thánh Tôn
 Cho nên tâm sâu muợn.”
 Các trời và người này
 Sinh sau không thấy Phật
 Sau khi Phật diệt độ
 Mới sinh lên cõi trời
 Mới nghe danh hiệu Phật
 Khấp người đều nổi ốc
 Nên đem tâm Từ kính
 Mà hỏi thần Kim Cang:
 “Thưa Ngài, Phật là ai?
 Có đức thiện diệu gì?
 Có sức trí tuệ gì?
 Có pháp cấm, luật gì?
 Hình mạo Ngài ra sao?
 Tự nghiêm sức thế nào?
 Cúi xin Ngài chiếu cố
 Giảng nói chúng tôi nghe!”
 Do lời sáng suốt ấy
 Khuyến khích thần Kim Cang
 Nói ra như hoa nở
 Mỉm cười vui vẻ nói:
 “Pháp sâu nhiệm đã hỏi
 Khó có thể nói vội
 Các Thánh chưa thể nói
 Riêng ta đâu bày được.
 Nếu như dùng tay chỉ
 Thì cả thế giới Phật
 Bốn biển, các ao, vực
 Hút một lần cạn hết.
 Nếu có thể nuốt chửng
 Núi Thiết vi, Kim Cang;
 Dùng tơ rã ngó sen
 Buộc treo núi Tu-di;

Nếu như muốn gói gọn
 Hết cả cõi hư không;
 Nếu lại muốn tính biết
 Số chúng sinh mười phương;
 Những việc này còn dễ
 Nếu học thì làm được
 Muốn khen công đức Phật
 Thì không thể hết được.
 Xin nương oai thần Phật
 Khiến tâm không sai lầm
 Có đôi điều tuyên bố
 Khen đức lành của Phật.
 Nay những lời ta nói
 Như tiếng hót Anh vũ
 Để vui lòng các vị
 Nên chuyên tâm lắng nghe”.

M

Phẩm 2: KHEN NGỢI NHƯ LAI

Nay muốn bay lên không
 Xét Phật không pháp ngoài
 Vừa muốn dùng lời khen
 Thì tâm chìm trong nghi
 Cánh lòng ta vừa chấp
 Sức yếu không thể mạnh.
 Tuệ không vô của Phật
 Bao trùm cả hư không
 Giả như có lực sĩ
 Dùng sức bắn hư không
 Tên đi qua nhiều kiếp
 Cũng không đến mé không.
 Biết bao Hiền thánh đối
 Tuệ đại không của Phật

www.daitangkinh.org

Dùng vô lượng biện tài
 Khen chẳng hết Phật đức.
 Đã vượt bờ biển khổ
 Khô cạn sông ái dục
 Lấp vực sinh già chết
 Khai mở biển đại pháp
 Trời, người và ngoại đạo
 Không thể thấu nguồn ý
 Cho nên biển tuệ Phật
 Sâu xa không đáy, bờ.
 Tu-di, vua các núi
 Nơi các trời cư trú
 Phật đức vượt Tu-di
 Không thể thấy được đỉnh.
 Ma vương dâng ba nàng
 Định làm loạn đạo tâm
 Mê hoặc Ngài không được
 Phật từ giữ gìn được
 Mười tám ức Ma vương
 Biến hình muốn đánh Ngài
 Phật liền đưa cánh tay
 Như trời chiếu mây đở
 Dùng tay tướng trăm phước
 Chống đất thẳng Ma vương.
 Chẳng dám chống Phật đức
 Như tối sợ ánh dương
 Các trời không hủy được
 Cờ “Cống cao” Ma vương
 Chỉ Phật bẻ gãy được
 Phật dựng cờ “Đại pháp”
 Các vua trần lao khác
 Sức mạnh ngậm hờn sông.
 Ngu si và tử ma
 Sai con cháu ra quân

Ái sinh ra năm cái
 Trước che lấp thế gian
 Còn ôm lại lòng hại
 Biết bao loại biến hình
 Tức giận, ganh, bõn sển,
 Phiền não, mạn, cống cao
 Thấy ngược, tham mong cầu
 Vua trần lao tà si
 Tệ hại phá hoại mạnh
 Vây quanh đòi chiến đấu
 Kết bầy trận trần lao
 Thấy đều hiện vũ lực
 Đầu phóng nổ mạnh mẽ
 Hại trung phạm, kẻ ngu.
 Tên kia như rắn độc
 Lại có như lửa hừng
 Từ sau Phật Ca-diếp
 Không còn ai cự đương.
 Phật đức ngăn tên ấy
 Lửa càng cháy dữ dội
 Ngồi trên xe giới đức
 Mặc giáp nhũn nhục chắc
 Ngồi trên ngựa tinh tấn
 Vào phá trận trần lao
 Dùng mũi bén chánh kiến
 Dùng nghĩ đúng làm tên
 Dùng nói đúng làm cánh
 Hạnh đúng làm lưỡi tên
 Dùng đường chánh làm cung
 Rút tên trong ống ý
 Giương cung lành rất nhanh
 Tên Phật là tứ đẳng
 Một phát diệt trần lao

Rung động cõi tam thiên
 Lửa tuệ đốt dục trần.
 Giống như quân bị đốt
 Thí, giới, nhẫn, tấn, định
 Tuệ, tín và vững chắc
 Giữ chí không lay động
 Như các sông về biển.
 Đời trong, không trung sáng
 Mười phương đều được an.
 Tâm nhất định vững bền
 Suy nghĩ đời sinh diệt
 Để được tâm kim cang
 Phá vỡ núi trần lao
 Dùng mắt Phật quán thấy
 Cõi ba ngàn như gương.
 Ngoại đạo, các Thần tiên
 Tu lâu không thấy giác
 Nhất thiết trí không thầy
 Gọi là Thầy các thầy
 Cường tuệ Kim cang cứng
 Phá vỡ vỏ si dày,
 Ra khỏi ngục ngu tối
 Vượt hư không vô vi
 Trên trời ăn cam lộ
 Mà vẫn ăn lúa ngựa
 Không đắm mê vị trời
 Không nhàm chán lúa ngựa.
 Điều-đạt giận lặn đá
 La-vân đứng trước Ngài
 Điều nhìn bằng mắt Từ
 Thấy độc như chiêm-đàn.
 Bị ngoại đạo phỉ báng
 Được trời, người ngợi khen
 Cả hai lòng chẳng động

Như miệng thổi Tu-di.
 Danh khắp cõi ba ngàn
 Phật là thầy thế gian
 Luôn đứng mũi chịu sào
 Thản nhiên không buồn, vui
 Gặp thành, bại, lợi, hại
 Hoặc chê, khen, khổ, vui
 Tám pháp không nhiễm được
 Như hoa sen trong bùn.
 Vui trên trời, dưới thế
 Thấy đều là không thật
 Nhìn đời như trò huyễn
 Có tướng nhưng rỗng không.
 Chúng sinh ba đường ác
 Mở cánh cửa khó mở
 Ba đường ác không còn
 Dẫn người, trời vô vi,
 Trải qua vượt ba đời
 Trói Tu-la kiêu mạn
 Khuyến dẫn các gốc thiện
 Mưa Tam bảo xuống đời.
 Thuở xưa, vua Chuyển luân
 Tự tại khắp bốn phương
 Đối mình không tự theo
 Khởi chết, đến vô vi
 Phật tu các thứ nghiệp
 Ngự trị thành pháp không
 Cứu thoát giặc trần lao
 Đem đến thành vô vi.

Vàng dương chiếu ngày, không chiếu đêm
 Không chiếu cõi trời, ba đường ác
 Ánh Phật ngày đêm chiếu tam thiên
 Và soi tâm tất cả chúng sinh.

Ánh màu của Phật thường chiếu sáng
 Ngàn muôn vô số khó ví dụ
 Trăng sáng ngày rằm viên mãn lắm
 Chỉ soi đêm tối còn ngày không.

Thiên đế tâm buồn khổ
 Thọ mạng hết, lâm chung
 Trở lại hết phước trời
 Đến chỗ Phật thấy đế.
 Trời, trăng mất cõi thế
 A-tu-luân vây quanh
 Phật từ cứu thế gian
 Khiến không gặp tai ách
 Khói lo tưởng như lửa
 Dục lạc như uống thuốc
 Yêu đắm dụ như lửa
 Phật dùng nước pháp diệt.
 Ôm giận rất tàn hại
 Uống rượu tâm cuồng loạn
 Voi điên Ương-quật-ma
 Phật dùng từ hàng phục.

Vô lượng sinh tử ràng buộc chắc
 Bọn giặc ngu si che tầm nhìn
 Phật dùng thuốc trí tuệ lời nói
 Quyết trừ giặc Uất-tỳ-ca-diếp.
 Trần cấu ba người này rất dày
 Dù Thanh văn như cát sông Hằng
 Cũng không làm động mảy lông họ
 Chỉ Phật độ khiến thấy đạo sáng.

Dáng vẻ rất kiêu mạn
 Mặc lễ phục quý sang
 Bình-sa rất kiêu ngạo
 Thấy Phật cúi đầu lễ.
 Đầu như đội lửa cháy
 Nanh dài, mắt đỏ rục

Nổi giận ném lửa đốt
Phật hàng quý A-lạp.
Rồng đầu đàn nổi giận
Mưa hại nước Ma-kiệt
Phật động đất lở núi
Ra oai diệt rồng dữ.
Phật như voi đầu đàn
Vào ao sen sinh tử
Dày xéo cỏ trần lao
Đứng vững trong Nê-hoàn.
Phật đưa qua sinh tử
Như trâu bơi qua sông
Chúng sinh qua đến nay
Như bầy trâu theo đường.
Phật như ao Bát giải
Sự sống: hoa Phù dung
Trời người như ong nhóm
Ngửi hương thì lìa khổ.
Các trời nghe nước biển
Đáy có thuốc không chết
Đem rồng chúa ở biển
Quấn quanh núi Tu-di,
Các trời A-tu-luân
Khuấy biển đến ngàn năm
Lập biết bao phương tiện
Hết sức rất khổ nhọc
Đem muôn món thuốc hay
Làm thuốc động lên trên
Gọi là thuốc không chết
Tiếp đặng trong bình vàng.
Nhưng uống chẳng sống mãi
Không khỏi già, bệnh, chết
Ý lắm giữ thuốc thần

Xoay chuyển, không bờ bến.
 Phật dùng bảy giác ý
 Sức tuệ khuấy biển lớn
 Dùng diệt định bao vây
 Dẫn bằng sức tinh tấn
 Làm ra thuốc cam lộ
 Mãi an, dứt già, bệnh
 Diệt các khổ vui nhất
 Uống vào là sinh tử.

Phật sáng như vàng dương chẳng loạn
 Đầy như trăng tròn nhưng không lạnh
 Vui hơn sáu trời mà tiêu dục
 Bằng như lửa hừng không thiêu đốt.
 Pháp rất nhiệm mầu, đức hạnh đủ
 Các lành ẩn chứa, gọi phước nhóm
 Gom nhóm điều lành của trời, người
 Khen ngợi Phật đức không nhàm đủ.
 Rực rỡ như trời, sáng như trăng
 Vui mắt như hoa, tiếng sấm vang
 Bước như voi chúa, nhẵn như đất
 Hơn khắp thế gian chỉ có Phật.
 Vô lượng lời khen mầu nhiệm đó
 Của bao Thánh chúng, biết bao đời
 Các Thánh cùng kiếp cũng không hết
 Huống ta ngu cạn muốn rớt ráo
 Như chẳng thuyền bè muốn vượt khơi.

Các trời đều chấp tay
 Vui mừng thỉnh Kim Cang
 Nguyễn Phật xuống Đâu-thuật
 Phật nhận lời giảng nói.

M

Phẩm 3: GIÁNG THAI

Khi ở cung Đâu-thuật
 Dùng mắt trời nhìn khắp
 Thấy chúng sinh khổ não
 Nhớ lại lời thề xưa:
 Vốn nguyện an chúng sinh
 Nhiều kiếp khổ cầu Phật
 Đời đời gặp gian nan
 Không chán, gieo cội đức.
 Thờ kính là bậc nhất
 Từ phát tâm đến nay
 Đem vàng bố thí khắp
 Tay tuệ thí thành đức
 Các thí từ lúc đầu
 Người nghe liền nổi óc
 Thân, chân, tay, đầu, mắt
 Vợ con rất thương yêu
 Sửa soạn các voi, ngựa
 Xe báu rèm chân châu...
 Nếu nhóm họp ở đây
 Đất cũng không chứa hết!
 Tiếng khuyên thí như sấm
 Như trời đổ mưa dầm
 Nhiều kiếp dùng nước tuệ
 Thấm nhuần các chúng sinh.
 Thí ao bơ, sông sữa
 Núi phước, tô như suối
 Nào mật, đường ngọt khối
 Bày đầy khắp trên đất
 Không trái ý người xin,
 Cho hết không từ ai
 Nước rửa tay người nhận
 Giống như nước bốn biển.
 Thờ minh sư, cha mẹ

Tâm Từ đủ thức dăng
 Bố thí không giới hạn
 Thành thí độ vô cực.
 Sinh dẫu cũng giữ giới
 Thà chết không phá giới
 Cạo tóc làm Sa-môn
 Tóc chất hơn núi cao.
 Sinh lên trời ngũ dục
 Gặp khi mạng lâm chung
 Chẳng động, phá giới cấm
 Đủ giới, độ vô cùng.
 Sinh được đấng tự do
 Chưa từng thí kẻ ác
 Cắt đầu, mắt, tay, chân
 Tâm định được nhẫn nhục.
 Tâm ngộ phát câu Phật
 Tiến kịp chín kiếp qua
 Nên trước Di-lặc thấy
 Mạnh mẽ vượt lên trước.
 Ham ưa pháp sâu mâu
 Do thân thọ nghĩa tuệ
 Vào lửa, gieo xuống núi
 Kim đâm khắp cả thân
 Mười tám pháp trí tuệ
 Vâng làm không bỏ bê
 Hiểu rõ tất cả nguồn
 Trí độ không bờ bến,
 Thí, giới, nhẫn, tấn, định
 Trí tuệ, sông biển sâu
 Từ bi thương chúng sinh
 Thành vui mừng sáng lòa!
 Chân lông nhiều ánh sáng
 Sáng động Đâu-thuật cung
 Các trời hoài nghi nhóm

Cung kính lễ Bồ-tát.

*Tức thời các thứ tiếng trống vàng
Mặc tư phú và bảy giác trụ
Ai muốn cùng ta hàng thế gian
Thì mới khách pháp hội cùng nhau
Cho nên mời thỉnh hội khách pháp.
Ánh từ Đâu-thuật chiếu bốn phương
Khắp các cồn bãi cõi Diêm-phù
Liên sắc quan hầu Khanh Nguyệt Mãn
“Người biết đại quốc vương thế gian*

*Nước nào thác sinh được
Không trái phép tắc xưa
Hạ gặp gỡ Bồ-tát.”
Vâng theo lời Phật dạy
Đáp rằng: “Xin Thánh, nghe
Có tôn vương giàu có
Có vua tên Thiện Cầu
Làm chủ thành Vương xá
Đứng đầu thành Ba-nại,
Vua tên là Thiện Mãn
Vua nước Kiệt trăm tài
Sào, vua nước Uất thiên
Lưu Sinh vua Quang Diễm
Lại vua tên Dũng Võ
Con của vua Thiện Tỷ
Lại tên vua Bạch Tuyết*

*Tám vị vua này rất nổi tiếng
Chẳng hay có thể thác sinh không?”
Rằng: “Có vua nào như không chánh?”
Lại quán tất cả người chân chánh
Nghĩ suy giây lát lại thưa: “Có!
Dòng vua Chuyển luân khi hưng thịnh
Vua cuối cùng tên là Sư Tử*

www.daitangkinh.org

Con tên Bạch Tịnh trong họ Thích.”

*“Tốt thay! Vừa ý Ta
 Nên thác sinh làm con.
 Vua Bạch Tịnh trên hết
 Hoàng hậu bậc anh thư
 Ở trong các thành, ấp
 Ca-tỳ-la vượt trên.
 Nay Ta sinh xuống đó
 Đem thiện cho thế gian
 Dạy chúng sinh chánh pháp
 Mở gông cùm dục tham
 Phá tan ngục sinh tử.
 Mở bày nẻo vô vi
 Bày chúng sinh phương tiện
 Khiến thoát ngục sinh tử
 Các vị ai muốn vui
 Là khổ, diệt độ an
 Muốn tự mình thoát khổ
 Hãy cùng Ta xuống trần.”
 Tuyên nói xong pháp đó
 Liền rời cung Đâu-thuật
 Hiện hiện khắp nơi biết
 Voi trắng như núi bạc
 Bồ-tát cõi voi chúa
 Như nhật chiếu mây trắng
 Các trời mưa tấu nhạc
 Mưa khắp hoa đủ màu
 Hạt châu sáng mặt trời
 Ánh sáng chiếu cung vua.
 Khi giáng thân hạ sinh
 Hiện điềm rất nhiệm mầu.
 Bồ-tát giáng vào thai
 Như nhận ở vực sâu
 Như mùa thu trăng tỏ*

Như voi ở ao hoa
 Vàng dương sáng rực rỡ
 Trăng ví đường châu sáng.
 Bô-tát không thể dụ
 Chỉ đầy đủ phước lành
 Đã nhập thai hoàng hậu
 Đất rung chuyển sáu lần
 Giống như thuyền trên sông
 Tiếng sấm nổ trên không
 Biển, ao khẽ rung động
 Các dòng nước lắng trong.
 Các trời trên không trung
 Hoa giăng như trướng phủ
 Khen ngợi vui hơn hờ
 Thần đất cười hân hoan
 Các hoa đều nở tươi
 Đất đai không gồ ghề
 Thần cây thấy các hoa
 Nở rộ như mắt nhìn
 Ma vương yêu tham dục
 Nên héo sầu tái tê.

Hoàng hậu mơ màng chợt tỉnh mộng
 Các căn vắng lặng vui hơn hờ
 Mắt nhìn bốn phía xem xét khắp
 Mặt ngọc vui mừng như hoa sen
 Tâu vua: “Xin hãy lắng lòng nghe
 Điều thấy trong mộng rất tốt lành
 Voi đầu đàn màu trắng sáu ngà
 Bồng nhiên lại đến trước mặt thiếp.”

Vua nghe mộng hoàng hậu
 Vừa mừng lại vừa nghi
 Liền mời Phạm chí đoán
 Nói diêm mộng đã thấy.

Nghe rồi, thầy đoán mộng
 Suy nghĩ bèn tâu rằng:
 “Theo sách vở đoán mộng
 Xin lắng nghe kỹ càng
 Hoàng hậu mơ mặt trời vào bụng
 Nhân đó thọ thai sinh bé trai
 Như mặt trời chiếu khắp mặt đất
 Người này đức hạnh, chủ mười phương
 Mộng thấy trăng tròn và các sao
 Chiếu bụng hoàng hậu mà mang thai
 Sinh con Thánh đức xoay bánh vàng
 Chánh pháp trị vì cả bốn phương.

Bà mơ thấy voi trắng
 Đi vào hông bên phải
 Bé trai không vết bẩn
 Trời, người cúi đầu lễ
 Tất cả thấy đều biết
 Đã sinh ắt thành Phật.
 Theo điển xưa, sấm Thánh
 Hậu mơ thấy voi trắng
 Sẽ sinh con Thánh quý
 Đạo bước chốn thần tiên
 Cứ theo quẻ mà đoán
 Ất làm Thầy trời người,
 Chỉ có hai con đường
 Tại gia làm Thánh vương
 Xuất gia cạo râu tóc
 Thành Phật, Thầy các Thánh.”
 Mừng thầy đoán mộng kỹ
 Theo ý ban cho vàng
 Vương hậu nghe rất vui
 Tâu với vua việc lành:
 “Từ mộng ấy về sau
 Vui như uống cam lộ

Trong tâm dứt điềm ác
 Chỉ ưa các điềm lành
 Không ưa áo quý báu
 Chỉ thích mặc đơn sơ
 Không ham quạt trân quý
 Ưa sương sạch, gió lành,
 Chán ngán cảnh năm dục
 Ưa thọ pháp chánh chân
 Sáu căn không còn đắm
 Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
 Chẳng còn ưa cung thất
 Ý muốn dạo xem vườn.”
 Tâu vua như thế rồi
 Nhà vua liền đáp rằng:
 “Tùy ý thích của khanh.”
 Nhà vua cùng theo ra
 Cho đến các nhân dân.
 Vườn cây hoa mát mẻ
 Hậu thấy trong thân thể
 Như ánh trăng trên nước
 Ở thai không nhớ bản
 Xe lưu ly hoa vàng
 Mời thàng các căn đủ
 Nhìn như hạt châu sáng
 Bà biết lúc sinh đến
 Vào hoa viên ngoạn du
 Vườn hoa sạch tinh khôi
 Các Thần tiên vân tập.

M

Phẩm 4: ĐỨC PHẬT ĐẢN SINH

Bấy giờ sao Phí
 Vừa cùng trăng hợp

www.daitangkinh.org

Điềm lành ứng hiện
 Từ hông phải sinh
 Giống như mây tan
 Ngàn trăng hiện rõ
 Như tối lâu ngày
 Đuốc sáng chiếu tỏ.
 Phương Đông là đầu
 Cây rừng là tóc
 Hoa cỏ là lông
 Hoa sen là mặt
 Mắt là sen xanh
 Cây đở là môi
 Tu-di là vú
 Bốn biển là bụng
 Trung thổ là lưng
 Phương Nam là gối
 Tư là châu rủ
 Thường là chuỗi thơm
 Phương Tây là chân.
 Các báu trang sức
 Các vua Chuyển luân
 Làm vua nhiều đời
 Như số giọt nước.
 Lòng bàn chân Phật
 Bánh xe ngàn cãm
 Thường đi “ấn xa”.
 Các Phật quá khứ
 Đức nghĩa đã tu
 Nuôi sống muôn vật
 Giống như Mẹ hiền.
 Khó động lập tức
 Bỗng nhiên vang tiếng
 Lòng mừng hơn hở
 Vui vẻ ngắm nhìn,

Liền đó hông phải
 Sáng rực chói ngời
 Át mặt trời sáng
 Như đom đóm thôi
 Khiến nhật mất sáng
 Không còn tinh quang.
 Ánh như hoa kết
 Hiện nhiều màu sắc
 Che lấp bốn phương
 Đầy khắp hư không
 Thí như mây tan
 Mặt trời chợt hiện.
 Khi ấy các trời
 Thấy ánh mặt trời
 Đều lấy làm lạ
 Bảo với nhau rằng:
 “Mặt trời giáng hạ
 Cây vàng hiện chăng?”
 Có thần đáp rằng:
 “Mặt trời Phật hiện.”
 Vua mặt trời nghi:
 “Ấy mặt trời gì?
 E rằng đoạt ta
 Cung điện mặt trời.”
 Bỗng thấy ghen ghét
 Ngàn ánh sáng kia.
 Phật quang rạng đất
 Trời chiếu hư không
 Ánh sáng Thái tử
 Vượt ngàn mặt trời
 Mặt trời khuất sáng
 Chẳng dám đương đầu.
 Khắp cả đất trời

Như kiếp tận thiêu
Đất trời mờ tối
Như mới sáng sớm.
Các thần đều vui
Thần đất cổ vũ.
Ánh sáng mưa rơi
Thuốc lành cam lộ
No đủ tất cả
Dứt hết lo buồn,
Biển động như cười
Cây cối xào xạc
Sen xanh dưới ao
Như mở mắt nhìn
Các cây rải hoa
Để kính Thái tử.
Các chim liệng hót
Như tiếng tụng êm
Các trời ưa lành
Như hoa gập trời
Đều soi mười phương
Ánh như sắc vàng.
Thần kỳ vui mừng
Hoa nở trái thời
Vàng bạc, chiêm-đàn
Vụn như bụi trần
Ý trời tạo hoa
Tạnh không mây mưa
Ánh sáng soi chiếu
Cùng khắp mười phương.
Châu sáng, bốc lửa
Rồi chợt biến mất.
Mặt trời không chiếu
Những nơi đen tối
Nhưng bỗng sáng lò

Tận ba đường ác.
 Trí thánh sáng suốt
 Tướng sáng dạy đời
 Phạm thiên, thần thấy
 Trong hoa lá sinh
 Lòng Từ khiêm kính
 Vừa tung rải hoa
 Tay mâu hoa sen
 Hai tay tiếp nâng
 Hết lòng yêu kính
 Mắt lành nhìn chăm,
 Dùng âm thanh Phạm
 Khen ngợi công đức
 Điều tụt nghiêng mình
 Trán lễ chân Phật
 Cúi đầu cung kính.
 Trời đỉnh Tu-di
 Hiệu gọi Bá từ
 Tay cầm kim cang
 Dùng ngàn mắt lành
 Nhìn chăm không chán,
 Hoa trời lọng trắng
 Đủ thứ hoa báu
 Sáng như mặt trăng
 Che trên Thái tử
 Khen công đức Ngài:
 “Khổ nhọc nhiều kiếp
 Dùng đại phương tiện
 Đề cầu Phật đạo
 Nguyên rủ lòng Từ
 Chúng sinh đáng thương
 Xin vì cuộc đời
 Làm thầy không thỉnh.”

Bảy sao Bắc đẩu
 Cũng được khen ngợi
 Hiện bảy Giác ý
 Tiêu bảy nhọc bần
 Nên đi bảy bước
 Như sư tử dậy
 Dấu chân in rõ
 Như bảy vì sao
 Bước đi khoáng đạt
 Không tâm nghi mạn
 Thần đất cúi xuống
 Tiếp đỡ bước chân.
 Dùng mặt trời sáng
 Chiếu khắp bốn phương
 Hiện pháp bốn Đế
 Như sư tử rống:
 “Ta đến kiếp này
 Thọ thân sau cùng
 Không còn phải ở
 Ngục tù bào thai.
 Nay sẽ thành Phật
 Đạo rất khó được
 Dẫn dắt tất cả
 Uống mật cam lộ.”
 Cỏ mềm tốt đẹp
 Các hoa nhiều màu
 Như trời nối kết
 Trùm khắp mặt đất
 Thí như Thiên vương
 Ở ao trong mát
 Như hoa cây vàng
 Nhìn rất màu nhiệm.
 Chúng sinh năm đường
 Chịu nhiều khổ sở

Đều được ngừng nghỉ
Thân an vui sướng,
Các kết trói buộc
Giám giữ rất bền
Bấy giờ các kết
Đều được giải thoát.
Khi ấy, tiếng lớn
Nghe khắp cõi Phật
Các trời, quỷ, thần
Vui mừng hơn hờ
Liên bay lên không
Đến xem báu thánh.
Các trời đầy dẫy
Lấp kín không gian;
Con của rồng chúa
Như núi Tu-di
Mắt như trời, trăng
Rời khỏi biển khơi
Đầu đội lọng mây
Vội vã đến nơi
Rưới mưa nước thơm
Tắm gội Thái tử.
Thiên tử An Tường
Được trời, người đời
Cung kính thờ phụng
Làm cho thỏa nguyện
Tự hóa thân mình
Hiện thành bốn đầu
Cỡi trâu cầm lọng
Kính hầu Bồ-tát.
Đồng nam Thiên tử
Đầu đội mũ lông
Uy lức vờn vờn

Hiệu Khổng Tước Tràng
 Đội mũ mặc giáp
 Vũ khí cầm tay
 Làm Đại quân sư
 Đại chúng đi theo
 Ủng hộ Bồ-tát
 Trong một do-diên.
 Vua trời Đại lực
 Tên Tỳ-sa-môn
 Trân bảo đầy đầy
 Đức trùm khắp nơi.
 Trời hai mươi tám
 Thần và tướng quân
 Các quân theo đến
 Khí giáp chỉnh tề
 Cùng ước quý, thân
 Đến hầu Bồ-tát.
 Lại có vua trời
 Tên Tôn Tự Tại
 Cùng với vô số
 Hàng ức các trời
 Tay cầm cờ phướn
 Cùng đến nhóm họp
 Đem tâm cung kính
 Lễ chân Bồ-tát.
 Diêm vương ác hại
 Không có ai hơn
 Đuổi theo chúng sinh
 Dùng một pháp môn
 Vất bỏ kiến chấp
 Núi Thái, gây ngục
 Với tâm thương yêu
 Đến lễ Bồ-tát.
 Vô số các trời

Rõng, quý, thân vương
 Trên trời Tịnh cư
 Các trời thanh tịnh
 Cung kính chấp tay
 Như búp hoa sen
 Cúi dâng cung kính
 Khen ngợi thân Ngài
 Hoa trời sắc vàng
 Đài minh châu sáng
 Hoa phù dung xanh
 Thân lưu ly xanh
 Làm thành hoa ý
 Biết bao sắc mầu,
 Chiên-đàn thơm ngát
 Tung rải như mưa.
 Thiên nữ trên không
 Đến cùng họ hàng
 Trỗi kỹ nhạc trời
 Ca ngợi công đức:
 Xưa kia tu hành
 Hằng ước gốc lành
 Quả báo thành thực
 Thấm nhuần chúng sinh.
 Vui mừng trỗi nhạc
 Chư Thiên rải hoa
 Thân phát ánh sáng
 Rõ rõ ràng ràng
 Các trời khen ngợi
 Chúng sinh vui mừng.
 Nhờ ân đức Phật
 Trang nghiêm thế giới
 Chìm vàng, các rồng
 Điều hòa hợp nhau,

Trời, A-tu-luân
 Xóa bỏ oán hờn
 Theo trăng Bạch Tịnh
 Phát sáng trong lành
 Khấp vì cõi thế
 Diệt lửa ghét yêu.

M

Phẩm 5: PHẠM CHÍ XEM TƯỚNG

Ngay lúc bấy giờ
 Các điều lành nhóm
 Tai ương tiêu tan
 Vui sướng vô cùng.
 Vua nhân vui ấy
 Ân xá, chúng dân
 Vui mừng đến nhóm
 Như các dòng trôi.
 Như trời Đế Thích
 Sinh con Cù-di,
 Như trời An Tường
 Sinh con đồng nam,
 Như Tỳ-sa-môn
 Sinh con Bảo bình
 Bồ-tát xuất thế
 Vua cũng vui mừng.
 Thân Ngài mềm mại
 Như trời mới sinh
 Nhũ mẫu nuôi dưỡng
 Như trẻ sơ sinh.
 Mời các cụ đức
 Người biết làm mẹ
 Vây quanh ủng hộ
 Chăm nom chẳng rời.
 Quang minh chiếu sáng

*Như Bậc Trung Tôn
Các mẹ vội vàng
Đến đền thờ trời
Muốn Ngài bái yết.
Hình tượng các trời
Tượng trời đứng lên
Co duỗi cao thấp;
Tượng trời bằng bùn
Bằng vàng, bằng đá
Chấp tay cúi đầu
Kính lễ Bồ-tát.
Các mẹ sợ hãi
Lòng đầy kinh ngạc
Vì điềm lành này
Hiệu Thiên Trung Thiên,
Chưa thấu sự thật
Thần đức Thái tử
Vì nỗi sợ này
Vội về cung tâu.
Vua Bạch Tịnh nghe
Kinh hoàng, sợ hãi
Liên mời Phạm chí.
Người giỏi xem tướng
Vâng lệnh đến nơi
Vua liền hỏi rằng:
“Thưa các minh sư,
Xem tướng con ta
Sợ rằng con này
Xúc phạm tượng trời
Xin dứt giùm tôi
Những nỗi ngờ vực.”
Phạm chí vui mừng
Thưa với vua rằng:*

“Nay phải vui mừng
 Không nên lo lắng
 Vương tộc lại thịnh
 Từ nay trở đi
 Vua Thánh chuyển luân
 Khắp đến bốn phương.
 Theo quả xét xem:
 Sinh từ hông phải
 Chắc chắn tôn quý
 Trí Thánh thông đạt
 Đứng trên các vua
 Như núi Tu-di
 Đứng đầu các núi
 Không có ai bằng,
 Trong các thứ báu
 Như ý đứng đầu
 Trong các dòng trôi
 Biển cả trên hết,
 Trong các ánh sáng
 Trời, trăng sáng nhất,
 Nay Thái tử đây
 Đứng trên các Thánh.
 Xét các sách xưa:
 Có vua Uy Nghi
 Từ cánh tay sinh
 Vua Luật bàn tay
 Vua Tình Tư Lực
 Sinh từ nách cha,
 Còn vua Vãng Cổ
 Sinh từ vế cha.
 Vua Chi-đà-kiệt
 Sinh từ đỉnh đầu,
 Những vì vua này
 Đều là Chuyển luân.

Nay xem điềm sáng
Tương ứng vua Thánh
Hóa độ trời, người
Dùng sức tuệ Thánh
Danh hiệu Phổ Văn
Trùm khắp mười phương,
Như vua Đại Thánh
Hiệu Chi-đà-kiệt
Kim luân, voi trắng
Ngọc nữ, ngựa tía
Tôi Thánh minh châu
Chúa binh bảy báu
Đạo cõi trời, người
Bốn thứ binh theo
Sẽ vì người, trời
Mở đường vô vi.
Sẽ có ngàn con
Tài lực mạnh mẽ
Sẽ dùng chánh pháp
Trị đời thái bình
Bỏ nhà xuất gia
Tiến cầu đạo thuật
Chắc chắn thành Phật,
Dùng tuệ hơn đời
Đề nén thế tục
Làm thầy các Thánh
Theo quả đoán ra
Chỉ hai đường ấy!”
Vua hiện dáng vui
Bảo Phạm chí rằng:
“Tổ tông đến nay
Vua Thánh đã dứt
Vua cha cũng không

Ngôi vua Chuyển luân
Con sẽ nhờ đâu
Tự làm vua Thánh!”
Tuy vua như thế
Phạm chí ngạc nhiên
Đều cùng cất tiếng
Giơ tay khen ngợi
Giống như rồng lớn
Tiếng sấm vang động
Ở trên điện vua
Mừng rỡ khen ngợi:
“Xin vua chớ ngờ
Không phải như vậy.
Cha con đức khác
Hạnh trước không đồng
Chỉ tại đời trước
Tu lập đức hạnh.
Sách quỷ mời xem
Vua nên đối chiếu
Thánh tiên thuở xưa
Hiền tài mình đạt
So sánh bốn câu
Như về phương thuốc
Đến Y-lâu-tha
Không thể đạt được
Con là Tiên hiền
Thông đạt hơn cha.
Thánh vương đời xưa
Sau không ai nối
Đến đời cháu xa
Mới có kẻ nối;
Cận Thánh cũng thế
Ngăn bờ sông biển
Người trước không thể

Như con người ấy
Di thuật như vậy.
Còn nhiều vô số
Tiên nhân thuở trước
Không thể đạt được
Cháu con về sau
Tài vượt hơn trước.
Việc do đức xưa
Chẳng phải do người.
Đời trước đã tu
Hợp với đức nay
Tuy thời nay trái
Người đức ở yên.
Xem xét quả này
Phù hợp điềm ứng
Chắc chắn ở đời
Làm vua Chuyển luân.”
Vua bảo các ông
Đại Phạm chí rằng:
“Nay vì Thái tử
Theo đức đặt tên!”
Phạm chí im lặng
Lòng nghĩ giây lát
Tuân lời từ tốn
Bạch với vua rằng:
“Xét nay vận thời
Lặng trong, hòa thuận
Chim lành liệng hót
Điềm ứng phát thanh,
Đất rung rộn ràng
Thời tiết điều hòa
Gió mưa đúng lúc
Đời được thái bình,

Lửa hiện sáng ngời
 Trong suốt không khói.
 Các trời trên không
 Hiện thân chấp tay
 Mưa các thứ hoa
 Nhạc trời cùng tấu,
 Vua giáo hóa khắp
 Quốc phong thuần thực
 Cõi nước của vua
 Điềm lành đều đến
 Đặt tên Thái tử
 Hiệu là Cát Tài.
 Lòng vua mừng rỡ
 Ban thưởng Phạm chí
 Bò sữa sừng vàng
 Máy trăm ngàn con.
 Vua lại vui mừng
 Xoa đầu Thái tử
 Lấy chuỗi diệp bảo
 Choàng quanh cổ con
 Tâm Từ chấp tay
 Khen đức con rằng:
 “Trước làm vua Thánh
 Sau mới xuất gia”.

M

Phẩm 6: A-DI PHÁ VỠ NGỜ VỰC

Núi cao, ao hoa trái
 Vui sướng như cảnh trời
 Ít núi nào bằng đượ
 Nên gọi núi A-di.
 Ở lâu nơi núi ấy
 Già nua tóc kết kén
 Hình thể phơi dưới nắng

Sống lâu hơn trăm tuổi,
 Thân thể như mây đen
 Tóc như màu bạc trắng
 Mắt sáng ngời thấu lý
 Hình như núi nhiều màu
 Trí tuệ như Phạm thiên
 Sáng như mặt trời, trăng
 Bốn lửa, nhật thứ năm
 Tự phôi tên A-di.
 Chợt nghe tiếng vang vọng
 Chim thú hót như nói
 Ông hiểu tiếng chim thú
 Hoài nghi ra khỏi động
 Thấy chư Thiên đang bay
 Vui mừng giữa không trung
 Ngẩng đầu hỏi chư Thiên:
 “Vì sao các vị vui?”
 Vị trời tên Pháp Lạc
 Đáp lời A-di rằng:
 “Thầy chưa nghe hay sao?
 Đời có điềm tốt lành
 Vua Bạch Tịnh sinh con
 Sẻ độ khắp chúng sinh
 Chắc chắn thành Phật đạo
 Làm Thầy của trời, người.”
 Nghe danh hiệu của Phật
 Hớn hở thân nổi ốc
 Liền bay lên hư không
 Xem đồng tử họ Thích,
 Nhân đã thấy điềm ứng
 Thân thông xét kỹ càng
 Trong khoảng thời gian ngắn
 Đã đến cửa cung vua.

Là bậc Thánh thông tuệ
 Thông đạt, giới cấm cũ.
 Vua đem lòng yêu kính
 Mau chóng mời vào cung
 Nhường ngôi chỗ Thượng tọa
 Khiêm cung an ủi rằng:
 “Rủ lòng thương đoái tưởng
 Cúi mình vào nước hèn.”
 A-di biết ý vua
 Yêu kính, lễ nghĩa mình
 Nhìn vua bằng mắt Từ
 Khiêm cung kính trình tâu:
 “Vua phải nên như vậy
 Mến khách bằng thượng lễ.
 Đại vương dùng pháp trị
 Ban ân xuống quốc dân
 Từ các vua đời trước
 Bố thí nhiều các thứ
 Cửa báu thật vô hạn
 Giới, trí tuệ dồi dào.
 Sở dĩ tôi đến đây
 Có tâm vui mừng nghe
 Nghe trời trên không nói:
 “Vua sinh con thành Phật”
 Tôi được nghe, vui mừng
 Biết tốt lành nên đến
 Cờ pháp rất đáng yêu
 Xem giống dòng Thích-ca”.
 Vua nghe nói lời ấy
 Kinh ngạc lẫn vui mừng
 Vội truyền đưa Thái tử
 Đến để gặp A-di.
 Ngài trên tay nhũ mẫu
 Ánh quang minh sáng ngời.

Nhìn đức tướng Thái tử
Như con thiên hậu bồng
A-di không kèm được
Bèn đến trước Thái tử
Hai tay bồng trữu mấn
Như mây che mặt trời.
A-di bồng trên tay
Bồ-tát thêm ngời sáng
Như trong khoảng núi tối
Lò nấu vàng đang sôi,
Mắt lành nhìn hồi lâu
Trong mắt lệ ứa trào
Thân Thái tử rực sáng
Như mây đen mưa rào.
Vua thấy A-di khóc
Trong tâm rất lo sợ
Sợ con không tốt lành
Nghĩ ngờ bảo A-di
Rằng: “Xin Ngài chỉ rõ
Hơi thở tôi sắp dứt
Nay thấy Ngài buồn khóc
Làm kinh hãi lòng tôi.
Được, không là mạng ta
Một sớm bỗng nhiên mất
Trước làm ta mừng rỡ
Sau sao để âu lo?
Cuối đời được con ấy
Như khát lâu được nước
Xin đừng làm ta oán
Đừng khiến ta đương đầu
Ta mới sinh ý nghĩ:
Được con, dù không còn
Còn con ta tại thế

Thì ta chẳng lo buồn.
 Con ta dòng cây quý
 Giáng sinh nơi cung báu
 Lòng thành mách ta biết
 Đem tình thương con mình”.
 Mặt đầy như trăng tròn
 A-di nhìn Ngài kỹ
 Mi mắt ánh xanh biếc
 Lưỡi như cánh hoa sen
 Tóc tơ màu xanh biếc
 Che vầng trán rộng cao
 Hai má như sư tử
 Cằm đầy đặn làm sao!
 Tay dài, vai sư tử
 Bàn tay bánh ngàn căm,
 Lân lượt xem xong tướng
 Từ đỉnh đầu đến chân
 Thấy hết lòng yêu kính
 Cúi đầu lễ Thái tử
 Lệ tuôn như mưa rơi
 Lòng thăm não tâu vua:
 “Thái tử có đầy đủ
 Ba mươi hai tướng tốt
 Chắc chắn sẽ thành Phật
 Đem lành cho nhân thế!”
 Các trời nghe lời này
 Từ không tung rải hoa
 Đồng thanh khen “Hay lắm!”
 Vua bảo A-di rằng:
 “Thầy trước dựa quẻ đoán
 Là thành vua Chuyển luân
 Nay Thánh sư xem tướng
 Lại nói sẽ thành Phật”.
 Lời vua như đổ dầu

Lửa càng thêm cháy mạnh
Miệng A-di nói mau
Nói ra lời quyết định
Rằng: “Tôi xem tướng Ngài
Dáng đẹp, ý diệt dục
Hiện thân độ chúng sinh.
Với dung mạo của Phật
Nếu như không trung mưa
Lớn như núi Kim cang
Không động sợi lông Ngài
Hướng gì gian nan khác.
Các lực sĩ thế gian
Các quỷ thần tặc hại
Và vua A-tu-la
Cả quan, quân thuộc hạ
Đều cầm chày Kim cang
Lớn như núi Tu-di
Đến muốn đánh Thái tử
Chày đập tan núi hết
Thái tử không lay chuyển
Phải hiểu biết như thế.
Tôi không lo việc này
Còn vui mừng là khác
Tôi thương mình, lệ rơi
Gặp Phật mà luống qua,
Tuyên ban tuệ sáng ngời
Thông ngàn lời nghĩa sáng
Phật nhân đó hiển bày
Riêng tôi không cảm được.
Đứng trong vô vi không
Diệt độ như trăng trong
Đời nhờ mát trờ nóng
Riêng tôi sẽ cháy lòng.

Phật thường cầm chày tuệ
 Kim cang đập trần lao
 Sẽ có thuốc cam lộ
 Riêng tôi chẳng được nếm.
 Phật như ngựa biển chúa
 Cứu người dạt biển khơi
 Riêng tôi lùi lại sau
 Quỷ dâm nuốt trôi mất.
 Tất cả nước trí tuệ
 Các trùng ý lành đủ
 Dòng sông trí tuệ trôi
 Tất cả uống hết khát,
 Các lành là gốc rễ
 Cành nhãn, lá ý dừng
 Hoa chính là giác ý
 Thành quả ngọt Nê-hoàn,
 Thiền giải thoát chúng sinh
 Hương giới ngát cõi đời
 Cây Phật sẽ lớn lên
 Tôi bạc phước không thấy.
 Cửa ngu si rất chắc
 Ải ái ân vững bền
 Dùng chìa khóa pháp mở
 Cửa nhà tù tử sinh,
 Cả thế gian bốc cháy
 Do lửa dâm, nộ, si
 Dùng nước pháp dập tắt
 Như mây, mưa, lửa đồng,
 Đem tiếng còi tâm Bi
 Mười phương động vang rền
 Sẽ thí sửa pháp lành
 Trời, người uống không chán.
 Lưới giăng khắp cõi thế
 Căn bệnh nặng trần lao

Dùng thuốc pháp tối thắng
Để trị bệnh chúng sinh.
Vực biển lớn của Phật
Bãi báu của các Phật
Độ người buôn sinh tử
Đem báu cho họ đầy.
Hạt cải sánh Tu-di
Vững chân trâu so biển
Lửa đóm tranh mặt trời
Vua Chuyển luân so Phật,
Thông đạt hơn Phạm thiên
Giác tuệ vượt Đế Thích
Tướng tịnh hơn Phạm chí.
Truyện vua xưa sách đời
Tiên Thánh đại sư xưa
Học sâu, chán cúng tế
Nếu nghe Phật giáo hóa
Vội bỏ chỗ tu trì
Bình tắm, gậy, bện tóc
Bỏ các oai nghi xưa
Tâm cống cao liền xả
Ngán ngẫm lẽ đã tu.
Ôi! Ngục tù già suy
Khiến ta không kịp người
Ta đã được năm thông
Nay không thể gặp hầu
Giờ ta muốn đốt sáng
Định tuệ soi thế gian
Nay ta sắp rũ diệt
Thì sao mà chẳng buồn!”
Liên gọi đệ tử đến:
“Ngươi chớ làm như ta!”
Đem trao Thái tử lại

A-di từ già về.

M

Phẩm 7: NHẬP DỰ LUẬN

*Khi ấy Thích vương
Đức ngày một tăng
Báu đầy đất nước
Vang danh trí tuệ
Vàng báu chứa nhóm
Các thứ Anh lạc
Các lành trở về
Như vực biển thu,
Voi ngựa xe cộ
Như xa giá trời
Hiền thiện thuần tốt
Tự nhiên đến nơi,
Mía ngọt, đường phèn
Bơ, sữa, nước uống,
Lương thực, ngũ cốc
Khí lực thêm lên.
Tai ương trừ hết
Kẻ thù khuất phục
Thân thuộc thêm kính
Đói, dịch tan biến
Gió mát điều hòa
Mưa thuận thấm nhuần
Không trung quang đấng
Tốt đẹp đầy dẫy
Khắp toàn đất nước
Ích lợi tốt tươi
Các lành nhóm họp
Không lành tan biến
Nhờ đức Thái tử
Hòa hợp tạo thành.*

Do hòa hợp đó
Vang danh khắp nơi
Các căn đầy đủ
Tướng tốt dễ nhìn
Như trăng mới mọc
Mười lăm ngày qua.
Các vua, trưởng giả
Đều đến cống dâng
Nai vàng, giá ngọc
Xe dê, chiên-đàn
Ngà voi, vàng bạc
Các báu hợp thành
Đủ trân báu quý,
Ngựa giỏi, voi tài
Đồng tử kéo chơi
Vui vẻ cười đùa
Nhận bằng bạc trắng
Mỏ bằng san hô
Theo tuổi ngài lớn
Cống nạp cho vua
Bộ cờ vàng báu
Để dâng Thái tử.
Ngài tuổi còn nhỏ
Xử sự hơn người
Nhẫn nhục hơn đất
Nặng vượt Tu-di
Sâu xa như biển
Ý trùm hư không.
Qua thời thơ ấu
Sang tuổi tráng niên
Theo đời học tập
Mọi ngành kỹ thuật.
Thái tử học giỏi

Không phải nhọc nhằn
Năm lên mười sáu
Thể hình mạnh khỏe
Văn võ đầy đủ
Nghề vượt vương tôn.
Vua thấy Thái tử
Đức ngày khá lạ
Mạnh trong anh em
Như sư tử hùng,
Vua chợt nhớ lại
Lời của A-di
Làm sao đừng khiến
Bỏ đức lớn này
Vào núi chịu khổ
Tinh tấn học đạo.
Tâm liền nghi hoặc
Vờ các quan bàn
Tìm cách khiến con
Không vào núi tu.
Các quan vâng sắc
Như tôi thiên đế
Vâng lệnh vua triệu
Nghĩ kế trình bày
Suy nghĩ giây lát
Cung kính tâu rằng:
“Vâng chiếu chỉ vua
Thái tử khó lưu!
Biển có thể vượt
Nhật có thể tối
Trăng có thể mát
Nguyện Ngài khó sai!
Xin thưa đại vương
Nên nghĩ tìm cách
Nếu như tìm cách

Việc khắc phục ngay.
Giả như không được
Không ân hận gì
Việc rời phương tiện
Thì khó làm nên.
Nghe lời người xưa
Nuốt khí nuôi thân
Thân khổ nhọc mãi
Còn da bọc xương,
Nặng như núi Thái
Bị gió dục thổi
Ái, nhưế chao đảo
Như gió thổi cây
Làm đẹp nhà cửa
Sắc, thanh, hương, vị...
Hoa hương trang sức
Dáng như Tiên nữ
Niềm vui bậc nhất
Mê say nữ lạc.
Năm dục còn làm
Mê hoặc Tiên sĩ
Ôi! Sắc, thanh, hương
Vị, xúc êm ái
Tâm đã vui mừng
Năm tình tham đắm
Dục là ngục tù
Lưới lớn bền chắc
Ràng buộc con vua
Mới không lo lắng!”
Vua tin điều này
Liên vời gái đẹp
Từ mười lăm tuổi
Dung mạo đẹp đẽ

Sáu mươi bốn điều
Tư thái đầy đủ
Đem số cô gái
Sung cung Thái tử.
Ngài tịnh tu lâu
Cầm giáo hổ thẹn
Giữa các thể nữ
Như trăng giữa sao
Thu hết ánh sáng
Chẳng ưa năm dục
Miệng không hề nói
Lời không thuận lúc
Mắt không thích thấy sắc
Như người đói vẫn vui.
Các kỹ nữ xấu hổ
Như tối tránh sáng người.
Vua cha nghe như vậy
Chẳng ngủ yên trên giường
Lại ra lệnh trong nước
Những người tướng đẹp sang
Ai có con gái đẹp
Phải nhóm họp về cung
Nếu ai trái kỳ hạn
Thì trách phạt thật nặng.
Lập xong nghiêm hạn đó
Lấy ra nhiều Anh lạc
Cho họ lấy tùy ý,
Vào cung làm thể nữ
Đủ các thứ trang sức
Để dạo xem ao vườn
Vô số cô gái đến
Đều được ban Anh lạc.
Đức Ngài như mặt trời
Mắt không hề nhìn đến

Tự giữ ý so lường
 Không bao giờ nhiễm ô.
 Thích nữ dòng Cháp trượng
 Dung mạo như Thiên nữ
 Tâm nhẫn nhục như đất
 Mặt sáng như trăng tròn
 Con cháu vua thánh xưa
 Tương ứng ngọc nữ báu,
 Đức rộng trùm thiên hạ
 Dứt lo như nhạc trời
 Mang nặng có trí tuệ
 Tướng đẹp dung mạo người
 Danh xưng là bậc nhất
 Cho nên hiệu Hàng Xưng.
 Mắt như cánh sen biếc
 Tay cầm hoa Ba-đàm
 Hai tay bưng hoa đẹp
 Vui mừng đến chỗ mẹ
 Chỉ mẹ thấy trang sức
 Ý muốn vào cung xem
 Muốn được gặp Thái tử
 Tâm tự nhiên luyến mến.
 Mẹ liền bảo cô gái:
 Rằng: “Thà chịu vua trách
 Không bao giờ cho đi!”
 Quyết xin mẹ cho đi
 Thưa với cha mẹ rồi
 Liền được phép ra đi.
 Dáng khiêm cung yêu kính
 Giã từ cha mẹ rồi
 Cùng người hầu sang đó
 Như sông Hằng ra khơi
 Đã vào trong cung vua

Từ xa thấy Thái tử
 Năm trăm đời quá khứ
 Từng làm vợ Thái tử
 Nơi nàng đã sinh ra
 Bạc nhất trong người nữ
 Đời trước duyên đã định
 Nên nhìn chăm Thái tử
 Đáng vui mừng hiện rõ
 Như hoa sen trên nước
 Bước đi nhẹ, khoan thai
 Vắng lặng không tiếng động
 Giống như các dòng chảy
 Vào biển thì lặng im.
 Trong chúng có cô gái
 Làm hai bài tụng khen
 Âm vận rất hòa hợp
 Hợp lúc, thuận cảnh tình
 Rằng: “Cô gái đẹp đến
 Tay cầm hoa sen xanh
 Nhớ hạnh lành đời trước
 Nhờ hình tướng nhớ lại
 Quá khứ dưng danh hoa
 Cúng dường Phật Định Quang
 Cầm hoa đẹp khác thường
 Giống như trời Dao-lợi.”
 Bỏ-tát bỗng nghe được
 Danh hiệu Phật Định Quang
 Trong tâm liền kinh động
 Đưa mắt nhìn khắp cùng
 Rồi liền lên tiếng bảo:
 “Đưa hoa trong tay đây!”
 Được lời, nàng hớn hờ
 Như uống thuốc cam lộ.
 Theo lời liền dâng hoa

Lên cúng dường Bồ-tát
 Hầu bên trái Bồ-tát
 Như sao sáng bên trăng.
 Thái tử thấy chuỗi ngọc
 Không hợp trang phục nàng
 Liền cởi chuỗi ngọc sáng
 Đeo vào cổ mỹ nhân.
 Bấy giờ chuỗi ngọc sáng
 Trang sức dáng mỹ nhân
 Đẹp đẽ không gì sánh
 Châu sáng thêm sáng ngần
 Giống như trời Đế Thích
 Ở nơi điện tía xanh
 Cũng như ngày mười lăm
 Các sao vây quanh trăng.
 Cả cung đều vui mừng
 Đều cùng nhau cất tiếng
 Bảo rằng: “Thật được phi!
 Ai cũng đều vui mừng!”
 Tiếng xưng tụng như vậy
 Giây lát đến tai vua
 Vua nghe rất vui mừng
 Ban thêm vật trân báu.
 Vua liền ra lệnh
 Cha mẹ nàng vào
 Ban cho trân báu
 Không thể tính kể,
 Vời Phạm chí giỏi
 Chọn tháng ngày lành
 Sửa đường rải hương
 Hoa đèn kết quanh
 Dùng dầu thần chú
 Lửa thần dồi dào

*Rửa tay Thái tử.
Cha mẹ trao nàng
Làm phi Thái tử
Nữ nhân bậc nhất
Ở bên Thái tử
Như trời, trăng sao.*



PHẬT BỔN HẠNH KINH
(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)
QUYỂN 2

Phẩm 8: CÙNG CHÚNG THỂ NỮ DU CƯ

*Các thứ trang trí
Giống như cung trời
Xuân, hạ, thu, đông
Bốn mùa đều khác,
Theo mùa sửa sang
Đạo chơi ao vườn
Cũng như Thiên đế
Thí an cây rừng.
Thái tử nhân đạo
Đến xem vườn ao
Thể nữ vây quanh
Như trăng giữa sao.
Bấy giờ các cô
Đêm ngày trời nhạc
Cười vui đùa cợt
Hơn mấy năm sau
Hoặc vì vui Ngài
Lại làm thuật mới
Hoặc hiện thân mình
Thỉnh thoảng viết tụng,
Hoặc vẽ tranh ảnh
Hoặc là khắc chạm,
Hoặc dùng đất bùn
Đắp nhiều bức tượng,*

Hoặc kết tràng hoa
Dùng để trang sức,
Hoặc ở trước mặt
Hoặc có hương xoa,
Hoặc dùng gương soi
Hoặc lược chải đầu
Vẽ đen mi mắt
Tô đỏ môi son.
Lại có thể nữ
Lấy hoa ném nhau
Hoặc là cười đùa
Hoặc buồn than khóc
Hoặc miêng ca vịnh
Càng nghe càng thích
Như ong, đom đóm
Kêu ở trong hoa.
Thể nữ xin tắm
Thái tử bằng lòng
Chỗ cây Vô ưu
Có ao sen hồng
Ánh sáng tô điểm
Chiếu cây sắc vàng
Như vàng trong lửa
Rực rỡ cây rừng.
Các cây nghiêng xuống
Tung hoa cúng dường
Chim hòa điệu hát
Giọng nghe cảm thương;
Gái cười, chim hát
Tiếng vọng vang xa
Năm âm cùng trời
Rung động cõi lòng.
Thái tử xuống tắm
Nước ngập đến lưng

Thể nữ vây quanh
Ao nước sáng bừng
Giống như ngọc sáng
Vây núi báu chúa
Tướng mâu sáng rõ
Đẹp đẽ vòi vọi.
Thể nữ trong ao
Đùa vui đủ trò
Hoặc hụp hoặc lặn
Hoặc toé nước nhau
Hoặc cùng hoa giỡn
Dùng hoa ném nhau,
Hoặc lặn xuống đáy
Hồi lâu trôi lên
Hoặc ở trong nước
Hiện các thứ hoa
Hoặc lặn dưới nước
Chỉ đưa tay lên.
Thể nữ trong ao
Các hoa sáng rõ
Khiến các hoa sen
Mất đi ánh sáng.
Hoặc có nàng vịn
Tay chân Thái tử
Như đủ loại hoa
Quấn quanh cột vàng.
Các cô xoa hương
Bị nước rửa trôi
Chiên-đàn mộc mật
Nước thành ao thơm
Đùa giỡn như vậy
Khó kể cho cùng.
Sáu muôn thể nữ

Vây quanh cạnh Ngài
Thái tử ở giữa
Như trời Đế Thích
Ở ao trời tắm
Cùng với Thiên nữ
Ở đó đều ngồi
Thuyền báu vàng bạc
Trong ao dạo chơi.
Như trời nương mây
Thái tử lại ngự
Trên thuyền bảy báu
Phi ở cạnh bên
Cùng nhau xuống ao.
Màu thân vàng chiếu
Soi xa một trượng
Như trời trên thuyền
Ai cũng kinh ngạc
Cho mặt trời mọc
Các hoa nở ra
Ánh càng sáng chói
Như vua mặt trời.
Thái tử rời ao
Thế nữ lại theo
Tấu ca kỹ nhạc
Làm nước giải lao
Thế nữ uống rồi
Nhảy múa vui chơi.
Khi ngày vừa tối
Ánh trăng sáng soi
Muốn mê Thái tử
Ý Ngài chẳng chao!
Muốn khiến Ngài tham
Ý Ngài chẳng đắm
Đèn tuệ rất sáng

Không thể diệt tan
Như đèn ngọc sáng
Chẳng hại thiêu thân.
Chốc đà tối hẳn
Thể nữ ngủ say
Vợ Thái tử ngủ
Mơ thấy lo biến
Thấy Ngài xuất gia
Bỏ cung thể nữ
Đi vào núi rừng
Các phi đuổi theo
Buồn bã cầu khẩn:
“Chớ ruồng bỏ nhau
Đã thành chồng vợ
Nay bỏ cho ai.
Tôi nay tự xét
Không lỗi làm gì
Xin Ngài cân nhắc
Chớ bỏ nhau đi!
Một mình vào núi
Siêng tu các đức
Sao lại bỏ thiếp
Thật là nhân tâm.
Người xưa xuất gia
Cũng có phi đẹp
Xin rủ lòng thương
Hãy đợi chờ nhau.”
Hơi thở dồn dập
Thái tử vào rừng
Lòng dạ cuồng loạn
Lần từng cây rừng
Gào với cây cối
Rằng: “Người không lo

Riêng ta sâu não
Hãy chỉ Thái tử.”
Ngước nhìn lên cây
Thấy chim mổ đở
Nhìn chim than khổ:
“Ta mất chỗ nương
Tiếng người giống người
Để tiếng cho Ngài.
Xin đem tiếng hót
Dứt não lòng tôi.”
Lại nhìn cây nói:
“Sao người không thương
Ta mất chỗ dựa
Quờ quạng mê man
Chồng ta bỏ đi
Nên sinh thương xót
Cười làm sao được?”
Hoa đều nở hết
Thấy chim hai đầu
Cùng bay song song
Càng thêm sâu khổ
Rơi lệ nói rằng:
“Xin chỉ cho ta
Người ôm nặng hờn
Để ta thấy chàng
Mất chàng ta chết!
Hoa rơi trên mình
Càng phiền lòng ta
Chỉ người chim tốt
Chớ ghen ghét ta
Tâm ta tán loạn
Ưa thích kỹ nhạc
Không hề xúc phạm
Vì sao như thế?”

Bị gió lay động
Cành cây lắc lư
Giống như dùng tay
Đấm vào thân ta.
Chim thú cho thấy
Chúng chẳng bỏ chồng
Tiếng nước như mắng
Ta chẳng đành lòng.”
Ngài không trở lại
Liên buồn than rằng:
“Để lại mắt biếc
Để lại ý hợp
Để lại nụ cười
Để dáng hoa vàng
Để lại bím tóc
Ta thấy hoang mang.”
Miệng nói chưa dừng
Bỗng thấy Thái tử
Ở trong rừng cây
Liên đến nói rằng:
“Vì sao bỏ nhau?”
Nói xong bất giác
Ôm chằm Thái tử
Thẹn thùng hồi lâu.
Thái tử hỏi rằng:
“Vì sao như thế?”
Liên kể điềm mộng
Thái tử bảo rằng:
“Đó không phải nàng
Ta không hề đi
Ai đi, ai lại
Không có người đi
Cũng không chỗ đến.

Nàng hã̃y hiể̃u kỹ:
 Sắc như chùm bọt
 Ý như bong bóng
 Tưởng như lửa sáng
 Hành như cây chuối
 Thức như huyễn hóa
 Các căn vô lực
 Hình thể nhân nhau
 Giống như hoa hợp.
 Biết đời vô thường
 Thí như ngựa hoang
 Tôi, ta không có
 Cũng không bền chắc
 Hợp thì có ly
 Nàng nên biết rõ.”
 Thái tử tự nghĩ:
 “Nên ta ra đời.”

M

Phẩm 9: BIỂU HIỆN LO SỢ

Vua thương Thái tử buồn
 Khuyên nên đi du ngoạn
 Mới ra khỏi cửa thành
 Mặt trời mọc mây tan
 Ngài ngự xe bảy báu
 Các đức tướng trang nghiêm.
 Tướng theo hầu sang trọng
 Như trăng và các sao
 Công đức thật đầy đủ
 Hình dung rất nhiệm mầu.
 Vua truyền khắp trong nước
 Đẹp đi già, bệnh, chết
 Kẻ nghèo cùng khổn khó
 Chớ để bày bên đường,

Nơi nơi phải trang hoàng
 Nhiều lọng báu, cờ phướn
 Lầu gác, các phụ nữ
 Giống như thành Thiên cung
 Trang hoàng thật lộng lẫy
 Không ai không vui mừng.
 Nhân dân đều ca vịnh
 Cả nước tiếng vọng vang
 Như nước thu về biển
 Người chen lấn để xem
 Điểm trang và ăn mặc
 Chưa xong đã vội đi
 Hoặc chưa kịp sửa soạn
 Nghe tiếng đã chạy đi.
 Các lầu gác, lan can
 Đầy nghẹt người và người
 Hoặc đầu thân lơ lửng
 Giống như các hoa rũ
 Hoặc khom mình lễ bái
 Người người khen ngợi rằng:
 “Sẽ làm Thầy dẫn đường.”
 Tung các hoa hương, chuỗi
 Thấy vậy đều kinh ngạc
 Họ truyền bảo nhau là:
 “Đây là thần gì vậy?”
 Hoặc nói: Từ trời xuống
 Hoặc rằng: Chính Đế Thích!
 Hoặc: Ma vương, Phạm vương!
 Hoài nghi, mừng hớn hở
 Ca ngợi đủ mọi cách.
 Các trời thấy Thái tử
 Cùng tùy tùng ra đi
 Giống như trời Đế Thích

Khi đi ra dạo chơi.
 Khi đó trời Tịnh cư
 Muốn giáng xuống điềm lành
 Như Phật xưa hiện điềm
 Khuyên xuất gia học đạo
 Trời liền hóa người bệnh
 Nằm thở bên lê đường
 Mắt vàng, sắc nhợt nhạt
 Khí thể, miệng khô khan
 Thân sưng, bụng phình trướng
 Rịn ra chất bất tịnh
 Trây trét khắp thân thể.
 Bồ-tát mắt nhìn qua
 Hỏi rằng: “Vật gì thế?
 Gớm ghê khó thể nhìn!”
 Người hầu liền đáp lại:
 “Uống ăn không giờ giấc
 Bốn đại không hòa thuận
 Đó gọi là người bệnh!”
 Bồ-tát lại hỏi rằng:
 “Xét ra chẳng chữa phân!”
 Kẻ hầu liền đáp lại:
 “Đúng vậy không chữa ai!
 Ở đời không ai khỏi
 Nguy ách về bệnh tật
 Bốn trăm lẻ bốn bệnh
 Là đại hoạn thế gian
 Ngài cũng không tránh khỏi
 Chỗ đại biến khổ nần.”
 Thái tử dừng xa giá
 Lo rầu thảm thương than
 Nghe “bệnh” lòng đau đớn
 Như voi bị trúng tên
 Gặp bệnh lòng xúc động

Lệnh người hầu quay xe.
Lòng dạ đầy hoảng sợ
Như trâu sợ sấm to
Nghe tiếng sấm sợ hãi
Hoảng hốt thân chẳng yên.
Sau đó lại đi dạo
Trời hóa làm người già
Đầu như tơ trắng toát
Da thịt khô nhăn nheo
Run như cành trong nước
Thân còng như cung trượng.
Thái tử thấy liền hỏi:
“Đó gọi là người gì?
Sinh ra là như vậy
Hay có biến đổi chăng?”
Người hầu nhân đó đáp:
“Từ đầu thân thọ thai
Khởi lên như chùm bọt
Duyên khởi năm thể hiện
Phân hiện thành sáu căn
Sau đó mới sinh ra,
Nhỏ uống sữa mẹ sống
Lớn dần ăn ngũ cốc
Lần theo đất mà đi
Ban đầu nói như chim
Thế rồi đứng, đi, chạy
Thể mạo hình dung thành
Các căn dần thành thực
Cho nên gọi là già.
Đó là sứ trời gọi
Bày thức tỉnh chúng sinh
Thân suy hết mừng, thắm!
Như hoa bị sương độc

Mặt như trăng bị khuyết
 Tâm như trời bị che
 Sức tráng niên khô kiệt
 Như nước rỉ cát khô
 Trộm chí, tư, tài, người.
 Vô hình đến như giặc
 Tâm não mất nghe biết
 Giống lửa đồng đốt dầm
 Đè nén như ép dầu
 Uống tinh khí của thân
 Hủy hoại thân đổi khác
 Đó được gọi là già.”
 Thái tử nhìn hồi lâu
 Bèn buồn bã than dài:
 “Ngọn núi lớn già, bệnh
 Nghiền mạnh nát chúng sinh
 Khấp đời gặp khổ nạn
 Ý thỏa thích sao đành
 Phải tìm cách thoát khỏi
 Như tránh bọn cướp hại.”
 Sau đó, lại du ngoạn
 Trời hóa thành người chết
 Họ hàng theo xe tang
 Xõa tóc kêu khóc vang
 Hỏi rằng: “Đây là gì?
 Trình ta cho thật lòng.”
 Bấy giờ những người hầu
 Tâu Ngài đầy đủ rằng:
 “Ngày qua đến già suy
 Đau đớn tinh cạn vơi
 Chiếc cửa bén tám tiết
 Cất cửa cây sống đời.
 Chiếc búa sắc ngày tháng
 Ngày đêm thường đốn chặt

Gặp gỡ gió vô thường
Lướt theo lật ngã nghiêng
Chia lìa với mẹ cha
Riêng mình đi đường mê,
Vợ con và anh em
Không người thân nương cậy
Không còn phương cách cứu
Vây quanh mà than khóc
Mến mộ buồn tiếc thương
Khen đức lúc còn sống.
“Ta cũng sẽ như thế!”
Đều chết, Ngài đừng nghi
“Ta cũng lìa người thân”
Ngài chắc sẽ chia lìa!
Cuộc đời bị chết buộc
Làm sao yên nói cười?
Vì không biết hổ thẹn
Nên sống chết bao lần.
Con đường dài đêm ngày
Ngày tháng trôi không dừng
Già, bệnh, chết rất độc
Hàm răng, sắc lo buồn
Bị lưỡi bốn mùa liếm
Đi đêm chốn hiểm nguy
Tất cả không ai khỏi.
Chết như rồng nuốt chửng
Làm tan nát khắp nơi
Hủy diệt đến tận cùng
Đều được như mong muốn
Nuốt hết, thiêu cháy cùng
Đuổi hết, bẻ gãy hết
Không có gì ngăn chặn
Ngài nên hiểu là chết!”

Nghe rồi sợ hãi nói:
 “Ở đời vui cười được
 Vàng đá cười đó chẳng?”
 Thái tử lo âu bước
 Nhớ chết như nước sôi
 Giống như sư tử mạnh
 Ở rừng giập lửa đồng
 Nghĩ muốn được lìa khỏi
 Lửa già, bệnh, chết hừng
 Thuận đạo niệm không quên
 Tìm cách để thoát khỏi.
 Trời hóa làm Phạm chí
 Hình tiêu tụy hiện ra
 Mày râu dài, tóc rối
 Mặc áo da nai thô
 Tay cầm bình nước rửa
 Lại cầm gậy dò đường.
 Bồ-tát nhân đó hỏi:
 “Ngài tu pháp thuật gì?”
 Liền đáp lời Thái tử
 “Xin nghe điều tôi nguyện
 Không lo già, bệnh, chết
 Nơi đó gọi là trời!
 Nay ở đây gieo mầm
 Sinh thiên: Hoa to lớn
 Cầu an vui khoái lạc
 Sinh cõi trời mạnh nha.”
 Thái tử khen cho rằng:
 “Người này thấy kế sáng
 Bảo rằng trời khỏi hoạn
 Cũng là điều ta thích
 Tâm còn nghi một điều
 Là thường hằng mãi chẳng?
 Nếu ắt thường an vui

Nên nguyện sinh cõi trời.”
 Trời ở trên gọi lành
 Khen Thái tử tâm tịnh
 Trên trời tuy vui sướng
 Nhưng chết sẽ bị đọa
 Hưởng phước lành an vui
 Nhưng không còn dài mãi
 Phước hết liền bị đọa
 Phải chịu khổ ba đường.
 Mặt trời ngàn ánh sáng
 Phước hết đọa tối tăm
 Trăng tròn chiếu sáng rõ
 Trăng lặn không còn sáng
 Phạm, Thích, vô số trời
 Tuy thật ngôi trời vinh
 Lại là vật đáng thương
 Thân quý đói ăn xin.
 Xưa vì Phật Bảo Đảnh
 Thắp đèn suốt bảy ngày
 Mới phát tâm cầu Phật
 Lập nguyện rất vững chắc
 Tức thời ma run rẩy
 Giống như là cây chuối
 Cũng làm cung điện chúng
 Chấn động không được an
 Được ba cõi tôn kính
 Nay không nên bỏ quên.
 Đối với vô số Phật
 Tu biết bao nhọc nhằn
 Xưa vì Thí An Phật
 Xây tháp lớn bảy báu
 Giống như núi Tu-di
 Đứng sừng trên mặt đất,

Dâng Định Quang bảy hoa
 Thọ ký sẽ thành Phật,
 Tung hoa vàng cúng Phật
 Suốt đời nguyện Đại thừa.
 Lại xây cất chùa miếu
 Dâng hoa sen cúng Phật
 Và vô số Phật khác
 Bày các báu, hoa hương
 Dùng hoa trời cúng dường
 Vô số Phật Năng Nhân,
 Lại cùng Phật Hiện Nghĩa
 Trọn đời dâng hoa hương.
 Ca ngợi Phật Phương Diện
 Cho đến trong bảy ngày
 Cúng dường Phật Vô Hiện
 Trọn cả cuộc đời mình.
 Lại cúng Phật Đảnh Vương
 Y phục bằng bảy báu
 Bố thí Phật Vô Lậu
 Mong muốn làm Sa-môn.
 Vào thời Phật Lý Quang
 Vào đạo, giữ pháp tịnh,
 Lại thời Phật Vô Hại
 Cạo tóc làm Sa-môn,
 Đối mấy ngàn Đức Phật
 Giữ siêng năng cung kính.
 Có đời gặp hổ đói
 Bố thí, cho vợ con
 Bỏ mắt, thân, da, thịt
 Tay, chân, lòng vẫn an
 Như thế không kể xiết
 Thí đâu có hàng ngàn
 Khi đang bố thí đó
 Ba ngàn cõi rung chuyển.

Khoảng thời gian nói thế
Hiện chết cõi trời đọa
Người sau buồn luyến tiếc
Xoay vần mền thương nhau,
Dưới hiện tám địa ngục
Đều có mười sáu ngục
Bỗng vang lên tiếng lớn:
“Khấp đời đều sẽ chết!”
Theo đó lần tiến lên...
Thích nữ tên là Nai
Thấy Thái tử như trời
Nói tiếng lớn như vậy:
“Là cha, chẳng lo lắng
Là mẹ rất an vui
Chồng được như người ấy
Vợ như được vô vi.”
Như mây sấm từ trời
Tiếng vào tai Thái tử
Mới nghe tiếng vô vi
Như mệt được nghỉ ngơi
Các căn đã đầy đủ
Như hiểu được trong lòng
Lấy chuỗi báu của mình
Xa ném vào cổ nàng.
Vì nghe vui vô vi
Không tà dục trong lòng.
Tâm vui hướng vô vi
Bỗng thấy hóa Sa-môn
Uy nghi giới vắng lặng
Cầm bát, mặc ca-sa
Thái tử bảo người hầu
Quay xe đến gặp nhau.
Thái tử hỏi Sa-môn

Liền lên tiếng râu rắng:
 “Sáu căn không các lậu
 Lìa nhà, xa lìa nạn
 Núi rừng sống nhàn nhã
 Chỗ tịnh nghỉ qua đêm
 Xin ăn tự nuôi sống
 Ngài muốn học điều này.
 Tôi, được gọi Sa-môn
 Vì mong cầu giải thoát
 Ý yêu, ghét dứt hết
 Điều các căn, tâm tịnh
 Xả tôi, ta không chấp
 Bỏ tất cả các việc,
 Ngồi xe cộ của mình
 Tay cầm cung trí tuệ
 Lập nhiều các phương tiện
 Muốn trừ diệt ma binh.
 Nguyện không lửa, không đất
 Không nước, không gió mây
 Không trời, trăng, các sao
 Không hư vô, hết hoạn
 Không già, chết, lo buồn
 Cũng không buồn chia ly
 Cam lộ dứt trừ hẳn
 Tôi nguyện được chỗ này!”
 Nói lời này vừa dứt
 Trước Thái tử biến mất.
 Thái tử bước khoan thai
 Ánh sáng chói ngời đất
 Trở lại vườn du ngoạn
 Tâm vắng lặng an định
 Ý suy nghĩ bao điều
 Phương tiện các việc thiện.

Phẩm 10: DƯỚI BÓNG CÂY DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Vào lúc ấy, Bồ-tát
 Tâm buồn thảm trở về
 Về đến vườn du ngoạn
 Đức sáng như vua trời
 Đứng đầu các Tiên thánh
 Không bị nữ sắc mê.
 Bấy giờ thấy nông phu
 Đang ra công cày bừa
 Xén chết bao trùng đất
 Liền sinh tâm thương xót
 Như thương yêu con đở
 Bùn nguội mà than dài.
 Cách cây đó không xa
 Kho tàng bỗng hiện ra
 Một do-tuần vương vức
 Ánh bảy báu sáng lòe.
 Tướng hầu vui hơn hờ
 Lấy vật báu, sách, vàng
 Trên khắc tên vua xưa
 Vật ấy, vua ấy làm
 Thái tử xem chữ khắc
 Biết vua Chuyển luân xưa
 Tám muôn bốn ngàn đời
 Xoay vần nhau truyền thừa.
 Ngài nhìn đống bảy báu
 Như nhìn thấy rắn độc
 Ngoái nhìn dáng hoa sáng
 Cúi mình lễ người xưa.
 Lệ tuôn rèm mi biếc
 Rơi đầy dáng mặt hoa
 Đưa mắt lành nhìn khắp
 Ngược nhìn trời bao la

Tiếng Phạm âm buồn bã
 Bảo người đứng chung quanh:
 “Những người họ Thích xưa
 Kiêu mạn một đời hùng
 Bỏ nước ngôi báu trời
 Một mình đến phương nào?
 Thân nhọc nhằn khắp nơi
 Chứa nhóm nhiều vô số
 Kho báu trong đất nước
 Chử xưa, không có chủ.”
 Tâm nghĩ đến vô thường
 Đến dưới gốc Diêm-phù
 Liền đưa tay vàng chói
 Đặt lên đui sắc vàng
 Ngồi tư duy không động
 Gồm ý chuyên nhất định
 Quán sinh diệt hợp tan
 Đợi chứng nhất định trụ
 Như số cát các sông
 Chư Phật ý bất cộng.
 Sông chín nẻo chảy đục
 Nhờ ngọc mà lắng trong
 Đối tất cả chúng sinh
 Tâm Từ trong khoảnh khắc
 Phước vô hạn vô lượng
 Tâm Từ thương chúng sinh
 Lại khởi tâm thương xót
 Muốn an các khổ nản
 Xét kỹ thấy tất cả
 Bình đẳng đạt Sơ thiên.
 Bỏ các pháp ác dục
 Liền được niềm hân hoan
 Cho đến Thiền thứ tư
 Được vô lượng thanh tịnh.

Khi ngày đã xế chiều
Cây cối bóng ngả dài
Chỉ bóng cây Diêm-phù
Như lọng che Thái tử
Như người biết ân dưỡng
Theo báo đáp không màng
Bóng chẳng lia Thái tử
Như báo đáp không rời.
Vua họ Thích nghe vậy
Vội đến như sư tử
Thấy Thái tử dưới cây
Như mặt trời trong mây
Tình vui mừng hơn hở
Ngạc nhiên không kể xiết
Mắt lành nhìn rơi lệ
Lẽ chân, tiếng buồn than
Dùng vô lượng ý kính
Như thế, giờ lại lễ
Nguyện đất nước có đức
Đừng sinh tâm bỏ đi
Khắp nơi mừng hơn hở
Giống như cầu phước trời
Mong chớ bỏ ngu mê
Mắt phước rơi tối tăm.
Con là đức thế gian
Làm rạng rỡ người trước
Chỗ dựa của tất cả
Người hùng trong họ Thích,
Là thân mạng của ta
Các Thiên nữ cõi dục
Chúng sinh cõi Phạm thiên
Tự tại ban lệnh khắp
Đừng đoạt mạng chúng ta

Giống như vua địch mạnh.”
 Vua yêu con bất giác
 Buồn thảm trở về cung
 Vua trở về không lâu
 Thái tử liền xuất định
 Nghe trên không có tiếng
 Trời thứ nhất thưa rằng:
 “Đạo Sư của trời, người
 Xin nghe chúng tôi nói:
 Xin Ngài hãy ra đời!
 Từ vô số kiếp nay
 Danh, sắc chia hai chi
 Trùm khắp trong năm đường
 Mâm gốc đến ba cõi
 Rất lớn và vững chắc
 Nay đem cày trí tuệ
 Lật gốc cây sinh tử
 Ái sâu: Ao, vực rộng
 Loạn tưởng như cá lội
 Mê che lấp kéo lôi
 Sóng ganh giận cuộn cuộn.”
 Trời thứ hai lại thưa:
 “Với ý kính thanh tịnh
 Thuyền nổi hãy nương tiến
 Vượt bờ biển trần lao.”
 Trời thứ ba tiếp lời:
 “Gieo giống núi kiêu mạn
 Hầm tà kiến sâu thẳm
 Ganh giận không có bờ
 Sông và hang bệnh, chết
 Chênh vênh và khúc khuỷu
 Dùng chày Kim cang tuệ
 Đập tan các núi khổ.”
 Nghe xong Ngài đứng dậy

Như núi vàng sáng rực
Bước hùng thật ung dung
Tiếng vang như sấm động
Mắt như lá sen xanh
Khuôn mặt như trăng đầy
Chán nhà ưa vô vi.
Ý chỉ muốn lìa dục
Như sư tử bị tên
Đau đớn trở về cung
Đến thẳng cung vương phụ.
Trước điện vua Bạch Tịnh
Quỳ chấp tay tỵ tâu:
“Xin nghe con trình tấu
Con muốn được xuất gia
Tu theo hạnh Thánh xưa!
Có hợp ắt có tan
Đâu ai còn mãi được”.
Vua nghe lời tâu lên
Lòng như trăng nước động
Nghẹn ngào không nói được
Hồi lâu mới nói rằng:
“Con chớ có ý này!
Ra đi chưa phải lúc
Tuổi trẻ sức sung mãn
Không nên ở núi rừng
Mà chính là lúc ta
Bỏ ngôi vào đạo pháp.
Con là người có đức
Xứng đáng ngồi trên ngai
Đất nước hy vọng con
Làm vua Thánh chuyển luân
Họ Thích vinh nhờ con
Con không nên thiên vị.”

Ngài dùng lời tha thiết
Mà đáp lời vua cha:
“Con xin cha bốn điều
Bảo đảm cho con được:
Khiến thân không tật bệnh,
Già không đoạt tuổi trẻ,
Chết là nạn cuộc đời
Khiến không cướp mạng sống,
Việc thành không hư hoại.
Bốn sự việc như thế
Nếu bảo đảm chắc chắn
Con ở không lo lắng
Không đi vào núi rừng
Thảnh thơi cai trị nước!”
Vua rằng: “Bốn việc này
Không thể bảo đảm được
Nhưng con phải ở ngôi
Không thì, không thuận lý.
Ở ngôi vẫn tu pháp
Đến được đạo vô vi
Mũ bảy báu đội đầu
Y phục quý sáng thân
Các vẻ đẹp tự nhiên
Như vua trời cõi Dục
Đều ngồi trên ngôi vua
Đều đến chỗ giải thoát.
Có vua tên Lực Thắng
Có vua tên Bất Mê
Có vua tên Thức Tri
Có vua tên Vũ Lực
Các ngài đều ở ngôi
Đều được giải thoát diệt.
Như thế nên ở lại
Được cả hai không mất

Được tự tại trong lòng
Và đối với đất nước
Không thể bị bỏ phế
Ắt sẽ mau thành tựu.
Ta nguyện đem ngự xa
Ngũ phục trao cho con
Tắm con, lọng báu che
Rồi ta vào núi rừng.”
Thái tử giữ khiêm kính
Mà đáp lời vua cha:
“Nếu không thể bảo đảm
Xin cha chớ cản ngăn
Dù nhà là vàng ròng
Lửa cháy cũng phải tránh
Kẻ trí không nên ngăn
Gặp kiếp tai tránh lửa.
Nên biết nhà vàng ròng
Ở chung với tự tại
Tuy ba lửa cháy nhanh
Mà sao không bỏ chạy?
Lại có ao tắm trong
Hoa sen nở đầy khắp
Có nhiều quả túc trùng
Không thể bỏ đi sao?
Tay cầm chiếc cung cũ
Dùng sức mạnh lợi ích
Bắn bằng tên bệnh khổ
Phát ra trọn không mất,
Rơi vào vòng túc đối
Diêm vương thường săn bắt
Ai ngu mà đứng chờ?
Có thể nhằm bắn ta!
Nếu có kẻ sợ không

Tìm phương tiện trốn chạy
 Đến chỗ thấy hư không
 Sợ, không biết nẻo về.
 Như thế trong năm đường
 Vô thường khắp tất cả
 Muốn đến nơi Vô úy
 Vậy chẳng nên cản ngăn.”
 Đến đây vua họ Thích
 Im lặng không đáp nữa
 Tự thân dắt tay con
 Dẫn dụ muốn rời khỏi
 Liền ra lệnh các quan
 Thêm kỹ nhạc giữ chân.
 Lúc bấy giờ Thái tử
 Vào cung tự nghỉ ngơi.

M

Phẩm 11: XUẤT GIA

Vào lúc này Thái tử
 Tâm sầu lo tiêu tụy
 Lại đến chỗ vua cha
 Hết lòng xin xuất gia.
 “Nếu cha thấy thương xót
 Xin xem đời nhiều động
 Có hợp nào chẳng tan
 Khó giữ được lâu dài,
 Xin cha cho con đến
 Chỗ núi rừng Tiên nhân
 Ở đó tu khổ hạnh
 Mở rộng đường giải thoát.
 Không còn nguyện nào khác
 Vượt lên trên nguyện này
 Nếu xét thấy thương xót
 Xin cha cho phép con.”

Bấy giờ vua Bạch Tịnh
 Đưa tay màu cánh sen
 Cầm lấy tay Thái tử
 Giọng buồn gọi ngài đến
 Lệ rơi nhìn chăm chăm
 Hồi lâu rồi than dài
 Sau đó mới thốt lên
 Lời chua cay đau khổ:
 “Xin con hãy buông bỏ
 Chớ giữ mãi ý định
 Nay con chưa nên vậy,
 Núi rừng hãy chờ lúc
 Tâm hãy hưởng vinh hoa.
 Chưa từng trải cần khổ
 Bị các dục cướp đoạt
 Như xe không người lái
 Nay chính là ta đó.
 Núi rừng hãy chờ lúc
 Nên đem ngôi vua báu
 Đến lượt trao con rồi
 Nước thơm con tắm rửa
 Đem mũ báu tiến trao
 Ta mừng không lo lắng
 Vào núi rừng không lo
 Mong con nhận quán đảnh
 Tiến bước lên ngôi vua
 Trao cho, ngắm nhìn con
 Lòng ta thật hãnh diện.”
 Từ ân ái sinh ra
 Nước mắt chứa lâu ngày
 Lệ tràn mi thấm ướt
 Để lấp van người trước.

Thái tử nghe lệnh vua như thế

Dùng lời sâu sắc đáp vua rằng:
 “Con xét biết lòng vua thương xót
 Con cũng kính yêu quý trọng người
 Nếu muốn chạy khỏi ngôi nhà cháy
 Có người thân nào không cho ra
 Vì thân ái nên đều bị đốt
 Điều nào tốt đẹp? Nghĩ đi cha!
 Nay con muốn tránh lửa vô thường
 Kẻ trí không nên để bị thiêu
 Chỉ mong muốn cho khỏi bị đốt
 Xin cha cho con vào núi rừng.
 Ai không muốn ở gần thân thuộc
 Ở mãi bên nhau chẳng biệt ly
 Cùng những người thân thương mến nhau
 Thần chết không thắng thần chia lìa
 Vậy xin Thích vương hãy tha thứ
 Không phải là con không luyến thương
 Mà do vô thường không tự tại
 Cho nên ý quyết cầu Nê-hoàn.
 Tất cả các người thân đời trước
 Con có mặt, cha đều có mặt
 Nay con có ích gì cho họ
 Oan đối xưa như gió thoảng mây.”
 Vua sắc rằng: “Chưa phải lúc đi
 Nếu khi chết đến có thể tránh
 Lửa tuy chưa rục, có chỗ cháy
 Phải diệt sớm cho sau khỏi bị.”
 “Vương vị người đem ủy thác trao
 Kia không chỗ nhờ, không chỗ cầu
 Như mang đá nặng lội qua sông
 Vì vậy chẳng nên nhận ngôi vua.”

Vua nghe Thái tử nói
 Lời lẽ rất thẳng ngay
 Lời con không thể đáp

Không còn lý ngăn được
Liên ra lệnh các quan
Giữ Thái tử trong cung
Tặng thêm các kỹ nhạc
Chớ để ngài sầu thương.
Sau đó không lâu
Ngày đã về chiều
Thái tử vào cung
Như trăng vào mây
Ngồi xem kỹ nhạc
Như voi bị giam
Nhàm chán kỹ nhạc
Khước từ không xem
Trong lòng phiền muộn
Bèn bỏ đi nghỉ.
Tỉnh giấc thức dậy
Thấy thể nữ ngủ
Chuỗi ngọc vung vãi
Bỏ rơi nhạc khí
Áo quần xốc xếch
Bao điều bày phơi
Nước miếng chảy ra
Cổ ngực dơ bẩn
Sấp ngửa, há miệng
Trông thật khó coi.
Hoặc có thể nữ
Ôm nhạc khí ngủ
Hoặc gối đầu nhau
Hoặc riêng cúi mình,
Hoặc có thể nữ
Đứng thẳng mà ngủ
Kẹp rơi tóc xoắn
Giống như đuôi công

Hoặc có thể nữ
Ngửa mặt mà ngủ
Giống như vị quan
Ngước nhìn các sao.
Thấy như vậy rồi
Thái tử không vui
Nhìn kỹ thể nữ
Rồi tự suy nghĩ
Bùi ngùi thở than
Rúng động trong lòng
Trong cung mà tưởng
Như gò mộ hoang.
Các cô gái đẹp
Tư dung mỹ miều
Thái tử lo sợ
Như voi gặp lửa.
Đáng đẹp thể nữ
Bị giặc ngủ trộm
Quên mất ý tứ
Nhạc khí lẫn lộn.
Tánh người nữ yếu
Thường hay mắc cỡ
Bị con voi ngủ
Chà đạp dày vò
Như cây hoa đẹp
Cành lá sum suê
Chợt gặp voi đói
Nhỏ đập nát tan.
Sinh tử nguy hại
Xem thường phá khuấy
Hiểm nguy đối trá
Không bạn thân cũ.
Họ hiện còn sống
Hình thể như vậy

*Hoặc với thân ấy
Không biết thẹn thùng
Bỗng té xuống đất
Vẻ đẹp mất tan
Cái nạn ngủ nghỉ
Mắt kia ngang tàng
Khi đang ngủ nghỉ
Hình thể khó coi
Nếu phải chết đi
Thân giống cái gì?
Chính thân thể đó
Chính các căn này
Bị lọng ngủ che
Đến nỗi đổi thay
Như mất cơ quan
Không thể tìm lại,
Thất thế thì nằm
Như đóng đất cỏ
Từ lâu xa nay
Si lực rất mạnh
Phủ che tai mắt
Khiến cho điếc, đui.
Thân thể dơ bẩn
Hiển bày thấy được
Che lớp da mỏng
Không thể hay biết.
Tất cả thế gian
Gặp đầy khốn ách
Không nơi nương cậy
Như bánh xe quay
Duyên cấu trần lao
Bị chìm đắm mãi,
Như con voi lớn*

Chìm xuống vực sâu
Ta nay không thể
Liên lụy vào đó
Mành lưới trần lao
Tự đem buộc vây
Cho nên ghét chúng
Dục dơ năm ái
Bỏ nơi hỗn tạp
Riêng vào núi vắng.
Vì gốc lành xưa
Thôi thúc tỉnh giấc
Thái tử quyết tâm
Muốn ra sinh tử:
Giờ Ta xuất gia
Nay đã đến rồi
Chẳng nên ở lâu
Sinh tử đáng sợ
Cho nên hôm nay
Phải vào núi rừng.
Dù biết sinh tử
Khi cháy lửa bùng
Ta tự quán sát
Có thể kham nhận
Bốn đại chưa rã
Phải sớm trốn đi.
Các trời, người biết
Tâm Thái tử tịnh
Khi đó Tịnh cư
Liên xuống nhân gian
Làm các thị vệ
Ngủ say mê man
Tức thời mở hết
Các cửa cung thành.
Mỗi khi mở cửa

Như lúc bình thường
Tiếng mở vang vọng
Cách một do-diên
Trời mở các cửa
Vắng lặng không tiếng.
Trời khuyên Thái tử
Các thứ công đức
Các trời hơn hờ
Tâm rất vui mừng
Vì Thái tử hiện
Các thứ điềm lành.
Trời tung hoa thơm
Liên tục không ngừng
Trổi nhạc, ca vịnh
Vang lừng hư không.
Thấy điềm tốt lành
Các trời khuyên giúp
Tâm rất vui mừng
Nhân đó nghĩ rằng:
Người yêu dòng họ
Không thể lìa bỏ
Trâu mao quý đuôi
Bị lửa thiêu đốt.
Ngài liền ngồi dậy
Ý đã quyết định
Đổi thể nữ đẹp
Cung báu, ao tắm
Giống như nhận chúa
Bỏ ao hoa sen,
Thái tử cũng vậy
Không hề đấm luyến.
Lần này cuối cùng
Ta cùng nữ nhân

Lần này cuối cùng
Ta ngủ lại cung.
Hư không có thể
Phá làm trăm phần
Ta không hề đấm
Ái dục cõi trần.
Liên ra khỏi cung
Như sư tử chúa
Xé tan lưới chắc
Một mình riêng bước
Ngài xé lưới chắc
Cũng giống như vậy.
Ngài liền tìm cách
Gọi Xa-nặc ra
Dùng lời dịu ngọt
Bảo Xa-nặc rằng:
“Mau dẫn ngựa giỏi,
Kiên-trắc lại đây!”
Các trời mê hoặc
Tâm ý Xa-nặc
Nên chọn ngựa trắng
Như ngựa đầu đàn
Yên cương giá ngự
Chuẩn bị trang nghiêm
Giống như hạc trắng
Lẩn trong mây chớp.
Bấy giờ Thái tử
Tay xoa đầu ngựa
Dùng lời êm dịu
Nói với ngựa rằng:
“Ta có nguyện lớn
Nhờ vả đến người.
Đã sống cùng nhau
Như bạn hiền thiện

*Chắc thích điều lành
Khiến ta chẳng ngại.
Muốn xông vào trận
Vượt đến bờ kia
Đây là lần cuối
Phụng sự cho ta,
Đêm nay nhờ người
Mang nặng lần cuối
Sau này ta chẳng
Nhọc nhằn đến người
Ta đây lần cuối
Nhờ người đưa thôi.”
Thái tử nói rồi
Liên lên lưng ngựa
Như trời mới mọc
Ở trên sườn núi
Ngài trên ngựa trắng
Uy đức vọi vọi
Như trăng mùa thu
Nương mây trắng bay.
Bốn thứ quý thần
Muốn cho chóng mau
Tiếp nâng chân ngựa
Khiến rất khéo léo
Bốn vua tỵ cúi
Đi trước dẫn đường
Các trời tiếp bước
Sáng như ban ngày.
Trời, Rồng, Quỷ, Thần
Và các Tiên thánh
Đồng thanh khen rằng:
“Hạnh nguyện vô ngại
Sở dĩ xả bỏ*

Thiên hạ bốn phương
 Cung báu, thân thuộc
 Để nguyện chóng thành.”
 Thái tử liền ra
 Bên ngoài cung thành
 Chấn động rõ ràng
 Vui tuyên nói rằng:
 “Tu-di núi chúa
 Còn có thể tan
 Miệng có thể thổi
 Làm cho sụp đổ
 Nếu ta không thể
 Chứng thành Phật đạo
 Quyết không về lại
 Thành nhuộm máu tanh.”
 Như luồng gió mạnh
 Thổi đùa mây nổi
 Chỉ trong giây lát
 Ra khỏi cõi Thích,
 Một thoáng nghĩ ngợi
 Tức thời đến nơi
 Như mặt trời chéch
 Núi Nhạc, non Tây
 Ngài liền xuống ngựa
 Vào trong núi rừng
 Lòng đầy mừng vui
 Việc lớn đã làm.

M

Phẩm 12: XA-NẶC

Bỏ-tát lòng Từ khắp
 Rèm mi màu xanh biếc
 Vừa rơi lệ vừa nói

Hết lòng với Xa-nặc
 “Bỏ bao vàng, chuỗi ngọc
 Rút kiếm như rắn vung
 Tự cắt tóc trên đầu
 Trời kính mang tóc đi.

Cõi anh lạc báu trao Xa-nặc”
 Ý kính quỳ xa và bảo rằng:
 “Đem bảo châu này dâng chúa thượng
 Lòng thành khải tấu chớ lo lắng
 Có tâm sợ chết thật khổ lắm
 Mới làm Vương phụ mất chỗ nhờ
 Chuta về dưới gối đền ân dưỡng
 Đã khiến Mẹ hiền sinh cõi trời.

Chuta tròn cha con
 Trả ân nuôi dưỡng
 Sợ chết đau khổ
 Vào non diệt ý
 Biết sinh tử ác
 Rất nhiều sự việc.
 Tính ta vốn điều
 Buộc lòng trái lệnh
 Như cha từ ái
 Mà thương xót ta
 Ta cũng từ kính
 Tôn trọng cha già.
 Nay người, Xa-nặc
 Nên hiểu nghĩa này
 Sao còn phiền lụy,
 Giải bày rộng rãi
 Thông thả dồi dào
 Những lúc vui sướng
 Bận lành, họ hàng
 Rất là dễ được,

Gặp khi hoạn nạn
Bạn lành khó gặp
Hay đem điều lành
Giúp người gian nan,
Hoặc có tội tớ
Chẳng mong ân ái
Khổ nhọc phục dịch
Không thể kham chịu.
Như người Xa-nặc
Có thể chịu ân
Hoạn nạn có khanh
Cũng khó gặp được.
Phàm người ở đời
Trong lúc vui sướng
Xa lánh người ngoài
Về đây làm bạn,
Người gặp khốn đốn
Trong lúc khổ nàn
Cốt nhục sâu dày
Cũng chẳng ngó ngang.
Ta xét trước đây
Dòng họ Thích này
Tiếng vang bốn cõi
Phong tục nhà riêng
Những người trước ta
Vào núi rừng tu
Các Thích tử cũng
Không nên cười ta.
Đem tài bố thí
Rất nhiều người làm
Không ai có thể
Pháp lành thí khắp,
Hay đem pháp lành
Thí, cho rộng rãi

Trong vô số kiếp
Thật khó gặp gỡ.
Như khanh, Xa-nặc
Nay trở về nhà
Tâu với vua cha
Quyết đoán của ta:
Người đời nhờ biết
Dứt bỏ ái dắm
Ái dắm đã dứt
Thì không còn lo.
Ta thấy khắp đời
Đều chìm đắm cả
Khổ não lo lắng
Vực sâu, biển khơi,
Sở dĩ bỏ nhà
Muốn dứt già, bệnh
Chẳng nên nào nhau
Thêm nhiều lo khổ.
Người sống trên đất
Thường theo đuổi người
Khổ già, bệnh, chết
Rất là tệ hại,
Ai mở tâm được
Tin chẳng lo sợ
Vung dao ác tặc
Đuổi người chạy đi.
Nếu chẳng tự khuyên
Mở ý xa lìa
Gia đình thân tộc
Ân ái dắm nhiễm
Ắt sẽ gặp phải
Hoạn nạn chia ly
Chết không hề lựa

Sang hèn, hiền ngu.
Bà con ân ái hợp
Ắt sẽ phải chia lìa
Sau chẳng sớm cầu độ?
Không còn chết chia lìa
Nếu vua mang ý này:
Con chửa đến lúc tu
Làm lành đâu đợi lúc
Mạng như đuốc gặp gió.
Cạn tình với vua cha
Xa quỳ, chấp tay tâu:
“Thế gian gặp khổ lớn
Không người nghĩ thoát khổ
Con đã thoát già, bệnh
Đạt được sự vui nhất
Đến Thích hưởng năm dục
Không bằng con thọ vui.
Sở dĩ là thân tộc
Mong sau được lợi lớn
Muốn khiến mọi chúng sinh
Diệt hẳn ghét, lìa yêu.
Khanh biết ta vốn hiền
Vua cha yêu ta lắm
Xa-nặc hãy tìm cách
Can vua, giải lo buồn.”
Xa-nặc nghe lời dạy
Ngạc nhiên, lòng buồn bã
Sợ hãi run bần bật
Tim như bị tên độc
Mưa lệ rơi lả chả
Quỳ thẳng, khóc than nói:
“Vì sao dòng Chuyển luân
Nay tiêu hết bởi Ngài
Miệng Ngài thường hay nói:

Cho đi, cho nữa đi!
Nay lại đi ăn xin
Sao chẳng thẹn với đời?
Ngài tính nhu, thân đẹp
Nay lại ăn mặc xấu
Vốn như hoa sen nở
Nay lại tướng lửa thui
Giờ Ngài hãy mau bỏ
Tâm kỳ lạ đó thôi!
Rắn độc vào ở nhà
Phải tìm đuổi nó ra!
Nay không xét ý vua
Chẳng nghĩ lòng vua buồn
Chẳng lo vua phiền não
Như ngày mất ánh dương,
Chẳng nghĩ sẽ có việc
Con đức hạnh dịu dàng
Mong đúng thời mưa thấm
Lại đổ lửa dòng Thích.
Cha hiền từ như thế
Đem lòng tốt nuôi Ngài
Bỗng rời bỏ vua cha
Như khinh thường, mất thiện.
Dì nuôi dưỡng như mẹ
Quan hệ như thân sinh
Xin Ngài chớ bỏ quên
Như tâm kẻ phản phúc.
Các thân tộc như thế
Và anh em, xóm làng
Xin chớ bỏ hội ấy
Như kẻ tiếc tài sản.
Ngài già biệt thành rồi
Người trong nước buồn lo

Như rồng gặp chim vàng
Cả nước động như thế.
Khi Ngài sinh khắp nước
Tốt lành như cõi trời
Nay Ngài bỏ vào núi
Đau khổ như đọa ngục.
Trước ban đức cho nước
Như ngày đông trời ấm
Sau ban lửa lo buồn
Như lửa hạ lan ra.
Ôi! Khổ thay! Vô đức
Xét là trời làm mê
Đem ngựa lại cho Ngài
Khiến cả nước buồn lo;
Đem nước mắt cho dân
Lòng lo, miệng khẩn cầu
Từ vua đến trai gái
Mây lo sâu che phủ.
Tiên sư dạy lễ nghi
Phải thương khắp chúng sinh
Buồn cha mẹ, nòi giống
Mình giữ đạo gì đây?
Voi ngựa cúng cả ngàn
Nếu thương xót chúng sinh
Ví như lương hai đức
Phước lành nặng muôn ức.
Nay vua cầu con quý
Thân già nặng lo buồn
Làm liều không suy nghĩ
Như voi hoang mất con,
Khóc thương mắt mờ đỏ
Mất ngủ đổi dung nhan
Nay vua buồn than thở
Như chim núi mất con:

“Ta còn sống làm gì
 Mất đi con thân đức
 Do con, bị phiền não.”
 Vua sẽ nói như vậy.
 Mặt vua đầy u thâm
 Nay sao nở trái đường
 Khi ngủ nghỉ tại cung
 Trưởng báu nệm êm dịu
 Bao gối quý thêu đẹp
 Năm âm đồ giấc nồng
 Nay gối tay, trải cỏ
 Chìm hốt ngủ sao yên?
 Nếu người nghe hỏi thế
 Dù tâm bằng kim cương
 Lòng họ cũng phải xé
 Huống bà con, người quen.”
 “Người chớ bỏ chí ta
 Người hầu ta lao nhọc
 Về đi! Ngựa Kiên-trắc!
 Ta ở lại núi rừng.”
 Ngựa nghe Thái tử nói
 Mất rơi lệ như mưa
 Quỳ xuống đất hí thảm
 Lưỡi liếm chân thiết tha.
 Dùng tay, tướng trăm phước
 Thái tử xoa đầu ngựa
 Giống như hiểu bạn tốt
 Rằng: “Biết người siêng mà!”
 Xa-nặc tâu Thái tử:
 “Đã quyết ý bỏ nước
 Chớ bắt tôi trở lại
 Xa Ngài sống làm gì,
 Nhớ Ngài tâm nóng bức

Lòng nào trở về nhà?
 Bỏ Ngài chốn hoang vắng
 Làm sao tự vui riêng?"
 "Ngươi hãy dẫn ngựa về
 Có thể còn gặp Ta
 Việc thành sẽ về nước
 Không thành, nguyện chết khô."
 Xa-nặc khóc trở về
 Dắt ngựa theo ven đường
 Ngoảnh nhìn không biết chán
 Dẫm đất cứng trở về.
 Ngài bỏ nhà xuất gia
 Nguyện đến chỗ bất động
 Muốn tất cả chúng sinh
 Điều kịp về nơi đó.

M

Phẩm 13: VUA BÌNH-SA THƯA HỎI

Bấy giờ Xa-nặc
 Dẫn ngựa đi rồi
 Tâm ngài vắng lặng
 Bước đi khoan thai
 Như Sư tử chúa
 Xé tan các lưới
 Chuyên tâm một hướng
 Vui sống núi rừng.
 Thân hình vùi vợi
 Mắt sáng nhìn khắp
 Vào trong rừng cây
 Như trời vào mây
 Tuy bước một mình
 Đức như đại chúng
 Trong mang đầy lành
 Phước hiện ra ngoài.

Vừa đi vừa tự nghĩ:
 Không nên mặc lụa là.
 Bỗng thấy Đế Thích hóa
 Thợ săn mặc ca-sa.
 Thái tử nhân đó nói:
 “Ngươi chớ mặc đồ này
 Áo lụa vàng ta đổi
 Lấy ca-sa của ngươi.”
 Thợ săn liền cởi trao
 Chân ca-sa mặc lan
 Đổi xong, hiện Đế Thích
 Bỗng nhiên bay lên trời.
 Thái tử mặc ca-sa
 Thân hình tươi sáng ra
 Như trăng thu tròn sáng
 Mây tía vây chung quanh.
 Rừng rậm có Phạm chí
 Ở ẩn học Thần tiên
 Thấy Thái tử đi đến
 Trong lòng đều ngạc nhiên,
 Ngắm nhìn kỹ Thái tử
 Không thể vẽ lại Ngài
 Hoài nghi một hồi lâu
 Tự lại cùng bàn tán
 “Phải chăng là Bắc đẩu
 Thứ tám, ngoài bảy sao”
 Hoặc nói: “Ngủ trên ngựa
 Xuống đi xem thế gian.”
 Hoặc nói: “Nhìn thân Ngài
 Nhất định là đức thần
 Hoặc là vua mặt trời
 Hoặc vua mặt trăng xuống.”
 Trong số đó có một

Phạm chí thông đạt nói:
 “Chắc không phải trời Phạm
 Tự xuống đến rừng này.
 Do Phạm chí chúng ta
 Giữ hành thuần thực nên
 Muốn nguyện cầu ta thỏa
 Nên đi đến rừng này.”
 Đã bàn luận như thế
 Đồng thanh bảo nhau xong
 Thân nặng nề Phạm chí
 Bỗng nhiên liền nhẹ tênh.
 Bồ-tát hỏi Phạm chí:
 Họ tu đạo thuật gì?
 Nên học hay không nên?
 Có một Phạm chí đáp:
 “Hay thay! Ngài đức mẫu
 Ý quyết rất sâu xa
 Sức trai tráng trẻ đẹp
 Biết sinh tử dục như
 Xin phải xem xét kỹ
 Đạo Nê-hoàn sinh Thiên
 Người ưa thích diệt độ
 Đó đáng gọi là người.
 Nếu lòng đã quyết định
 Bậc ưa thích vô vi
 Hãy mau mau đi đến
 Chốn rừng núi thanh tịnh
 Ở đó có vị tiên
 Tên là Vô Bất Đạt
 Ông được mắt nhìn kỹ
 Quán thấy gốc Nê-hoàn.
 Như nay ta quán sát
 Xét kỹ ý của Ngài
 Điều ông ấy tu học

Phải chăng hợp ý Ngài?
 Mặt như vàng trăng tròn
 Lưỡi như cánh hoa sen,
 Chắc chắn sẽ uống hết
 Biển trí tuệ sâu xa.”
 Nhìn Bồ-tát cất bước
 Như vua trăng xuống trần
 Bấy giờ các Phạm chí
 Đều khen: “Chưa từng có!”
 Tâm đều sinh hớn hở
 Như biển sâu dậy sóng
 Trong lòng vui hớn hở
 Như đêm tối, trăng soi.
 Thái tử thấy bọn họ
 Sợ học nhiều vô ngần
 Bộc lộ các thân hình
 Lòng thương xót mới than:
 “Sao ác thật quá lắm
 Bị ngu si mê hoặc
 Thế gian đáng thương xót
 Mê lầm buộc vào khổ.”
 Tâm nghĩ không tôi, ta
 Giống như voi đầu đàn
 Bỗng nhiên thấy sợ hãi.
 Ra khỏi rừng lửa hừng
 Ánh sáng màu vàng chói
 Chiếu ngời mé cây rừng
 Như mặt trời mùa thu
 Lướt đi trên mây xanh.
 Nhìn sông Hằng cuộn cuộn
 Chảy về biển mênh mông
 Dùng bầy ngỗng trời trắng
 Làm chuỗi ngọc trắng trong.

Dùng thể sóng nhồi lớn
 Làm vòng xuyên ngọc báu
 Đến bên cạnh sông Hằng
 Giống như vua thần biển
 Dùng trăm phước đức tướng
 Trang nghiêm khắp thân Ngài.
 Vào ở trong sông Hằng
 Các dòng đều lắng trong
 Tất cả thân dưới sông
 Theo xuống nghinh tiếp Ngài.
 Trải qua trong chốc lát
 Như bầy nhạn đầu đàn
 Khi qua khỏi sông Hằng
 Biết nên đi đúng thời
 Bỏ đi ý cống cao
 Vào cung vua khát thực,
 Mặc y phục Sa-môn
 Ca-sa màu mộc lan
 Giữ các căn vắng lặng
 Bước đi đúng oai nghi.
 Thấy thể tướng Thái tử
 Công đức cao vời vợi
 Y vắng lặng đang mặc
 Màu hợp hạnh sạch trong,
 Nhân dân đều ngạc nhiên
 Trỗi lên niềm vui mừng
 Ngắm kỹ thân Bồ-tát
 Đôi mắt nhìn không rời
 Nhóm lại xem Bồ-tát
 Tâm họ không nhàm chán.
 Công đức đời trước đủ
 Các tướng đều cụ túc
 Giống như hoa sen màu
 Đủ màu ngàn loại bông

Mọi người đều thưởng ngoạn
Như ong nhóm hoa sen
Chỗ đã do đích đến.
Mọi người đều đi theo
Như các căn của người
Theo tâm chạy xoay vòng,
Nhân đó truyền gọi nhau
Khen ngợi công đức Ngài
Lời rằng: Xem người ấy
Của báu trong loài người.
Ngắm kỹ đôi mắt Ngài
Vẻ mặt đẹp tuyệt vời
Ví như đồng vàng báu
Trong đó có báu xanh.
Được ánh sáng bao quanh
Tướng đức gom nhóm thành
Dung mạo rất hòa hợp
Tướng tốt đều đầy đủ
Như thu hút mọi người
Mọi mắt hướng theo Ngài
Chăm chăm nhìn ngắm mãi
Mà không thấy thỏa mãn,
Giống như gập bão tuyết
Lạnh cóng như cắt da
Mọi người tranh tới trước
Như được sưởi lửa ấm.
Các cô gái quý tộc
Đều vội ra khỏi nhà
Như trong đám mây nổi
Rực rỡ phát ánh chớp
Thí như cây Vô ưu
Cành hoa lá sum suê
Bị gió thổi oằn xuống

Cúi lễ Đức Thích-ca.
 Đứa bé trên tay mẹ
 Miệng liền rời vú mẹ
 Mãi mê nhìn Bồ-tát
 Quên cả việc đòi bú.
 Người dân trong toàn thành
 Đều tranh nhau khen ngợi,
 Đều nói rằng đẹp quá
 Tốt quá, xinh xắn quá.
 Khi ấy có người nói
 Lại có người vội nói
 Như ăn bánh ngào mật
 Người ngon, kẻ không ngon
 Nhưng hình tướng Thái tử
 Nếu khen riêng một việc
 Một lời không nói đủ.
 Các đức khéo chứa nhóm
 Xét kỹ các biểu hiện
 Các lành đều hiển lộ
 Dùng trang điểm thân thể
 Người sướng mắt, thỏa lòng.
 Các hoa làm đẹp Ngài
 Thơm dịu cảm tâm người
 Giống như tiết dương xuân
 Rực rỡ và sáng ngời.
 Hạnh quả thời xa xưa
 Mà sao không lòng Từ!
 Đáng vẻ trời đầy đủ
 Không làm vua mặt đất
 Tài năng ai cũng rõ
 Mà đi xin người khác.
 Ai bố thí người đó?
 Tính ra không thể bàn.
 Bây giờ vua nước ấy

Hiệu là vua Bình-sa
 Ở trên cao quan sát
 Xa thấy Thái tử đi
 Ngài liền hỏi các quan:
 “Người đi kia là ai?”
 Dung mạo rất tươi sáng
 Mà mặc y màu xấu.”
 Quan theo hầu liền tâu
 Nói rõ dòng họ người
 Vua truyền quan hầu cận:
 “Xem đi về nơi nào?”
 Ăn xong, ở ngoài thành
 Lên núi Bàn tháp cao
 Ánh sáng chiếu rực rỡ
 Như mặt trời lên non.
 Bấy giờ vua Bình-sa
 Cùng tùy tùng theo lên
 Vua đến núi Bàn tháp
 Phục sức, hình dung đẹp
 Người hầu cầm lọng quý
 Bước sư tử khoan thai,
 Vua bèn xuống xe báu
 Bước từng bước lên núi
 Thấy Ngài ngồi một mình
 Các căn đều vắng lặng
 Ví như vầng trăng tròn
 Vầng vặc giữa vầng mây
 Như sắc tượng các pháp
 Bỗng nhiên hóa hiện ra,
 Ý rất đổi kinh ngạc
 Bèn bảo các quan rằng:
 “Người có hình mạo đó
 Đáng đáp rất dễ thương”

Nay đây phải giữ gìn
 Trở thành đức lành lớn.
 Nay xem các lành đó
 Mềm mại mà dịu dàng
 Nhìn qua tướng tốt ấy
 Chỉ Phật mới có thôi!”
 Dứt bỏ tâm kiêu mạn
 Khiêm cung làm lễ Ngài
 Nhà vua nhân lúc đó
 Bèn hỏi han Bồ-tát
 Vua với ý thanh tịnh
 Ngồi lên tảng đá xanh
 Liền thưa hỏi Bồ-tát
 Nhân đó nói kệ rằng:
 “Tổ tiên của Thái tử
 Xuất từ vua mặt trời
 Đang lúc tuổi trai trẻ
 Hình dung chiếu sáng ngời
 Chẳng rõ duyên cớ gì
 Mà khởi phát ý này:
 Khất thực để tự cứu
 Chẳng chịu ngồi ngôi vua.
 Dáng đẹp rất rực rỡ
 Đã chứa lành nhiều rồi
 Giống như cây Diêm-phù
 Hoa lá đẹp sum suê
 Mặc áo ca-sa này
 Giống như dùng cỏ bọc
 Như hoa cây sợ tuyết
 Không dám phô vẻ đẹp.
 Thái tử nên phục sức
 Các vật báu cõi trời
 Nay y màu xấu này
 Lạ thường chẳng xứng đâu!

*Nếu có vật thanh khiết
Có chút dơ bám vào
Thì hiện ra lỗ lộ
Không cách gì bôi bỏ.
Cánh tay dài rất đẹp
Giống như cột vàng tía
Nên trang sức bầy báu
Nên cầm chiếc cung đẹp
Có đôi tay như thế
Chỉ dùng để bố thí
Chẳng nên dùng tay ấy
Theo người để xin ăn.
Nếu Ngài giữ khiêm kính
Chẳng nhận ngôi vua cha
Nay ta rất yêu kính
Mời Ngài đến nước hèn
Hưởng của nước Ma-kiệt
Có tất cả vinh hoa
Nếu muốn khắp đất đai
Kẻ hèn sẽ đỡ đần.
Như đức tướng của Ngài
Nhận cõi trời xứng hơn
Chỉ dùng tay nắm giữ
Cõi trời đâu nhọc gì?
Như nay trời Đế Thích
Còn ra làm tôi người
Huống chi trên đất này
Như các vua chúng ta.
Ta không chán pháp lành
Cũng không lo giữ nghĩa
Chưa phải lúc bỏ nhà
Lòng ta có ngờ này:
Như mới đầu trai trẻ*

Qua rồi chí yếu kém
 Đã điều phục các căn
 Như dằm ngựa dễ vằn
 Tu tuệ, tự giữ giới
 Mặt mũi các hạnh lành
 Phát hiện hạnh đời trước
 Kịp gặp gốc thiện xưa,
 Qua thời gian lớn khôn
 Đó là Pháp đáng kính
 Tuổi cao ý đã điều
 Không đuổi theo các dục
 Vì vậy nên không thể
 Làm khổ cực thân thể.
 Nay đã được phước lành
 Nên thuận lý an hưởng
 Sáu căn nên hưởng dục
 Như nước đầy phải thoát,
 Sau đó mới đi tìm
 Pháp giải thoát cam lộ.
 Dung mạo Ngài sáng ngời
 Vượt qua ánh mặt trời
 Đức Ngài đã vượt khỏi
 Người đời và các trời
 Từ xưa chưa từng nghe
 Và cũng chưa từng thấy.
 Hình mạo Ngài như vậy
 Người xem đều ngạc nhiên
 Như nay thấy phong cách,
 Hành động của Thái tử
 Lại xét ý chí Ngài
 Mạnh mẽ và vững chắc
 Giống như đá vệt sâu
 Bầy cá lội dưới ấy
 Ở trên tuy không hiện

Xem xao động biết ngay.
 Nay thấy các khuôn phép
 Tiềm ẩn trong thân này
 Quyết định soi sáng rõ
 Chỉ bày ngôi Thánh vương.
 Sự nhiệm mầu như thế
 Người phước mỏng không có
 Danh hiệu thật tốt đẹp
 Không về, không là con.
 Dù khiến tâm nghi ngại
 Trở về thẹn tông môn
 Đã mặc áo Sa-môn
 Vì sao lại bỏ đi?
 Các đời vua trước kia
 Đến các vua sau này
 Tuổi trẻ chuộng ngôi vị
 Đến già đều bỏ nhà”
 Bình-sa nói việc đó.
 Dẫn nhiều việc so sánh
 Chua cay lại không thiếu
 Thân khiêm, lời kính bày
 Xem ra ý Bồ-tát
 Như núi Thái không lay
 Giữ lành nhìn lạng lẽ
 Tịnh tâm nghe đáp lời.



PHẬT BỔN HẠNH KINH
(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)
QUYỂN 3

Phẩm 14: THUYẾT PHÁP CHO VUA BÌNH-SA

*Ý như mây tốt lành
Sấp mưa xuống cam lộ
Dùng lời lẽ sâu xa
Tiếng trời Phạm trong trẻo
Lại còn dùng tám thứ
Âm hưởng rất dịu ngọt
Và từ ngữ đẹp đẽ
Thấm đượm vua Bình-sa
Biết rõ đủ ý vua
Chánh trực nên trong sạch
Tâm Từ ái cung kính
Đầy ấp ở trong lòng.
Nay vua tuy đang ở
Đời trược loạn, mặt suy
Dùng thiện tự chế ngự
Vượt trên vua cõi trời
Thấy tịnh ý của con
Trong lòng ý suốt trong
Như ngày sương u ám
Hoa nở biết trời mọc.
Tuy làm ân cho người ngu
Thì ân ấy cũng như không
Thí chút lành cho người hiền
Ân đó ngày càng thêm dày
Nay thấy vua rất lạ lùng*

Chẳng hề mê đắm vương vị
 Phong tư kiêu ngạo che lấp
 Chủ đất kia đều mê hoặc
 Nếu người trí được tài sản
 Không cho của cải là trọng
 Thân tâm thường như hoa lửa
 Người trí từ thân chọn yếu.
 Chúng sinh lên trời
 Rất được lợi lớn
 Các chủ cõi đất
 Dùng chánh pháp trị.
 Vua của chánh pháp
 Thuận lý trị đời
 Tất cả dân chúng
 Điều theo chánh chân.
 Nếu có của báu
 Trước xét chỗ cần
 Nếu lại rời bỏ
 Sau không tâm hờn
 Giống như từ lạc
 Vớt lấy bỏ đi
 Nước còn đổ bỏ
 Cũng không tâm hận.
 Nghinh tiếp lẫn nhau
 Dùng lễ đối khách
 Ra ân trọng hậu
 Dùng nghĩa bạn lành
 Nay tôi sẽ lấy.
 Ân bạn đáp đền
 Ý muốn can ngăn
 Mở lòng khéo nghe:
 “Tất cả chúng sinh
 Mạng như sương mai

Nay tôi tất cả
Đều vì đời sau
Giống như lửa mạnh
Được bơ càng nhiều
Và đốt cây cỏ
Không hề thỏa mãn.
Tâm thương và ghét
Bởi do ngu si
Đều còn mê lầm
Dẫu uống thuốc hay
Bệnh tật già nua
Ngọn lửa chết chóc
Năm đường thiêu đốt
Đắm không thoát lậu.
Nay tôi đã biết
Sức mạnh lửa hừng
Nay muốn tìm cách
Thoát khỏi họa này
Cho nên rời bỏ
Họ hàng, người quen.
Ái dục như độc
Vì sao không lìa?
Tôi đã không sợ
Các rắn độc này
Mưa đá lửa dữ
Bệnh nặng gió mạnh,
Cũng lại chẳng sợ
Giặc cướp vung đao
Chỉ sợ ân ái
Thường chịu sinh tử.
Mê theo ái dục
Không hề thỏa mãn
Các trời cũng vậy
Huống người thế gian.

Tất cả thế gian
Mong cầu không chán
Như lửa đã cháy
Cũng lại nhằm chán
Đất đai được khắp
Ngang bằng biển lớn
Lại tham muốn vượt
Muốn đến bờ kia
Tất cả mong cầu
Không hề thỏa mãn
Giống như các dòng
Trở về biển cả.
Bảy ngày mưa bão
Cho đến đầu gối
Hàng phục khắp nơi
Trên đến cõi trời,
Tuổi thọ cõi trời
Lâu bảy kiếp rưỡi
Vua thánh Đánh Sinh
Dục không thỏa mãn
Lại có vua thánh
Hưởng phước lộc trời
Khi ngôi trời thoái
Sợ A-tu-luân
Kiêu mạn liền thạnh.
Tiên nhân đảm đương
Trụ tà không chán
Từ trời đọa xuống.
Có vua Mãn Duy
Lên đến cõi trời
Được thể nữ trời
Đem thân hình đến
Phạm đến Thần tiên

Tinh xá Kim bảo
Vì tham diệt vong
Liên hóa thành tro.
Có vua Trọng Đảm
Đem binh lên trời
Lại từ cõi trời
Đem Thiên nữ về
Do Thiên nữ đó
Tự phải chết đi.
Chúng sinh như thế
Không nhàm nên chết
Nổi tiếng tệ ác
Cung mạnh tên nhanh.
Xả bỏ ngôi vua
Vào rừng học Tiên
Tâm không thích ứng
Thân phải làm việc
Giết hại kẻ khác
Thân cũng chết đi.
Cô gái tên Hiền
Các vua tranh nhau
Dấy các thứ binh
Đối trận chiến đấu
Do vì ái dục
Sinh khởi tranh chấp
Phải bỏ ái dục
Như bỏ kẻ thù.
Các dòng họ vua
Ganh tị tàn hại
Giết hết Sát-lợi
Hai trăm mười người
Liệt sĩ thuở trước
Tâm sân làm hại
Nên bỏ tâm ác

Như rắn lột vỏ.
Nói nhận nói hạc
Do đó tranh chấp
Đi đến giết hại
Cho đến số ức
Ngu si tranh chấp
Khởi đầu việc nhỏ
Phải bỏ ngu si
Tự bỏ bệnh tối.
Hai vua thuở trước
Tranh chấp ao thơm
Cống cao ôm giữ
Giết hại lẫn nhau
Dùng gậy sắt đập
Bể nát cả đầu
Phải bỏ kiêu mạn
Như mây che phủ.
Lại như liệt sĩ
Có sức mạnh nhanh
Do vì tham ái
Đoạt thể nữ người
Vì do yếu đuối
Đến nỗi phải chết
Như sợ chết nên
Phải bỏ yêu đắm.
Hai A-tu-luân
Do nữ sắc chết
Vì tham nữ sắc
Nghe tiếng phải chết.
Trên không bay liệng
Vương tử Tân Đầu
Ham hai mùi ấy
Đều phải tán mạng.

Xưa vua Y Tương
Vì mũi tham hương
Phạm trời Cát tường
Đến nỗi tiêu mạng,
Xưa vua Ân Đâu
Thân ưa mềm mại
Tham đắm không chán
Đâu vỡ mà chết,
Họ đều do dục
Sáu căn buông lung
Như biển chứa dòng
Không bao giờ chán.
Miệng cá Ma-kiệt
Còn có thể đầy
Sáu căn thọ dục
Khó mà đầy đủ
Tham lam như vậ
Còn dư khó kể
Sáu căn chưa đủ
Gặp nhiều gian nan
Như vua đã nói
Trước mặt sáu căn
Đâu ai thỏa mãn
Nên xét điều ấy.
Vua đem lòng kính
Các nước mời nhau
Xét ra ngôi vua
Cũng không thuần vui
Toàn việc khiến người
Được rất vui sướng
Nhưng sau vui đó
Chịu nhiều gian nan.
Chiếc áo dày ấm
Hợp rét mùa đông

Đến khi hè nóng
Trở lại thành nạn
Người đói được ăn
Cho là no vui
Nếu buộc ăn nữa
Ắt thành rất khổ;
Như ao sen tốt
Trong có tíc trùng
Như rừng cây hoa
Sư tử ở trong
Nhà bằng vàng báu
Lửa cháy tươi bời
Ngôi vua cũng vậy
Mời nhau làm chi?
Cá thấy đớp mồi
Chẳng biết lữi câu
Giống như dùng mật
Bôi lên dao kiếm
Chiếc ngai vua này
Như cùm bảy báu
Nhìn tuy vui mắt
Thân tâm rất khổ
Dáng dấp vương giả
Ăn mặc như trời
Cỡi xe đất nước
Như lao ngục thôi.
Làm vua trọng trách
Nặng hơn núi Thái
Khổ như ngựa đấu
Người xem rất vui.
Nước lửa, gió mưa
Dịch bệnh, đói nghèo
Trộm cắp, giặc cướp

Nước địch xâm lăng
Biên giới đồn thủ
Xâm đoạt tổn hao
Các gian nan ấy
Riêng lòng vua đau
Đêm ngày lo lắng
Ngủ chẳng được an
Nghĩ tìm phương cách
Trừ hoạn nước non,
Tâm ôm lòng nghi
Chẳng tin thần dân
Như đến nơi độc
Được người cho ăn.
Dù cho vua ấy
Chủ vô số thành
Nơi vua ấy ở
Chỉ trong một thành
Ngủ trong một cung
Ngồi chỉ một ghế
Vinh nhục vô kể
Lo nhọc rất nhiều,
Áo che một thân
Ăn nuôi một thân
Ra đi dạo chơi
Chỉ ngồi một xe
Vật vua ăn uống
Tốn chẳng là bao
Kỳ dư tạo vẻ
Giúp cho kiêu sa
Nhà vua chỉ dùng
Tự tại làm vui.
Vui đó cũng lại
Lẫn nhiều khổ nguy
Giống như ở chỗ

Kiểm nhọn là xe
Xử sự bất minh
Tổn thương mình thôi!
Ví như nhà đẹp
Trang hoàng lộng lẫy
Chứa nhiều rắn độc
Đây dẫy trong đó
Ngắm thì khoái mắt
Chạm vào độc hại.
Tôi vì có đó
Chẳng thích ngôi vua
Cũng vì có đó
Không nên thọ nhận.
Sinh tử khó giữ
Giống như huyễn hóa
Đâu hay việc trước
Rong ruổi về đâu?
Tôi vì có đó
Không nghe vua can
Vua bảo “Bỏ nhà”
Chưa phải là lúc
Giờ nghe cho kỹ
Tôi trả lời vua:
Tha hồ uống ăn
Chẳng chút lo toan
Cái chết ập đến
Bằng rất nhiều cách.
Thuộc dòng Cam Giá
Hiệu là Bạch Tịnh
Vua nên biết đó
Chính là vua cha
Tôi muốn thoát khổ
Nên bỏ ngôi vua

Muốn tìm ra cách
Lập ra pháp lành
Không sợ diệt độ
Mãi cầu bậc nhất
Thường ra rời mãi
Sinh già bệnh chết
Muốn cầu cam lộ
Chỗ giữ gìn được
Cho nên chẳng nở
Gặp gỡ các dục.
Giống như thú hoang
Khát nước đi tìm
Nỗi khát mệt nhọc
Chạy trong mê man
Bỗng gặp thợ săn
Đuổi theo bắn giết
Chẳng thương thú khát
Liên giết chết nó.
Thế gian cũng vậy
Tình cảnh đời nghèo
Mê hoặc muôn mối
Chẳng lo chết đến
Tự vui, khoái ý
Mặc tình uống ăn
Không nghĩ làm việc
Sẽ có bại hoại.
Già đến bức mình
Như cung giương mạnh
Bệnh tật hại người
Mau hơn tên nhanh
Chết đến bức mạng
Như thợ săn vậy,
Ý ngu mê lầm
Làm sao đợi lúc

*Hoặc đêm, hoặc ngày
Khi thức, khi ngủ
Dưới nước, trên khô
Tất cả mọi người
Chết không sống lại
Vùn vụt rất mau.
Giống như tánh nước
Vào miệng Ma-kiệt
Ánh sáng đèn pháp
Sáng rực tuyệt vời
Thêm lòng tinh tấn
Cho thêm dầu mỡ.
Người làm việc lành
Vui vẻ qua đi
Hành trang khi chết
Đều đã đầy đủ
Như dâng hoa đẹp
Màu sắc tươi sáng
Kẻ chí ưa lành
Dâng lên tháp tượng.
Nếu ngày sau thấy
Hoa bị héo khô
Đã được hoa mới
Lòng tràn sướng vui
Như người mình đạt
Đi lại ít thôi.
Điều hòa thân mạng
Hợp với pháp lành
Tự thấy thân mình
Mục nát đến nơi
Tự điều lo nghĩ
Thường lấy làm vui
Giống như giặc ác*

Phá ngục trốn đi
Đến nơi hoang vắng.
Trong cái đầm lớn
Trong rừng lau sậy
Hồ sỏi nhơn nhơ
Mê lầm rong rêu
Bị nóng khát bức
Theo sau năm kẻ
Vác đao đuổi theo
Kinh hoàng, sợ hãi
Trốn chạy hiểm nghèo
Trước bỗng lại có
Voi say hung dữ
Băng lên phía trước
Muốn giày xéo chết,
Người kia không có
Chiến cụ, gậy đao
Không mang lương thực
Không giày dép bao
Nhìn quanh bốn phía
Không nơi cậy nhờ
Lòng dạ rối loạn
Không còn biết chi.
Giờ ta cố vì
Nhà vua dẫn dụ
Muốn ngài hiểu rõ
Con đường tử sinh.
Đại vương nên hiểu
Sinh tử như thế
Phải rõ chúng sinh
Như giặc vượt ngục,
Biết rõ đầm rộng
Dụ cho ba đường
Cọp, sói, thú dữ

*Biết là trần lao.
Ruổi theo cực nhọc
Nóng khát tiêu tụy
Thì nên biết đó:
Ngu si, ghét, yêu.
Kiếm bèn trí tuệ
Rộng “Thí” tư lương
Lọng chánh pháp lớn
Mang giày giới cấm
Như sĩ phu ấy
Nghèo thiếu hạnh này
Chẳng gieo đức ấy
Dụ này như thế
Trước có voi say
Cuồng bạo hung ác
Phải biết như vậy.
Cái chết ở đời
Vào lúc bấy giờ
Không có chỗ nương
Chỉ biết cậy trông
Giữ giới, làm lành.
Vua nên hồi ý
Che chở nhân dân
Cứu giúp nguy ách
Giống như con đò
Lòng Từ ban khắp
Xem dân như con.
Vua phải giữ nước
Giống như giữ cung
Như có sâu bọ
Tìm cách diệt thối
Thân mau chóng trốn
Không gặp mưa rơi*

*Đại vương cũng phải
Như vậy tránh đi
Không gặp tướng ác
Để tự cứu mình.”*

M

Phẩm 15: KHÔNG ĐỒNG Ý A-LAN

*Bồ-tát như thế
Mày rộng tay dài
Khoan thai điềm đạ
Như sư tử đi
Đến A-lan hỏi
Xuất ly tử sinh
Ý muốn dứt bỏ
Cửa ải tử sinh.
Xa thấy A-lan
Cùng với môn đồ
Đang ngồi nhóm họp
Giảng nói sách Phạm
Bồ-tát đức trọng
Ví như vua trời
Nghinh tiếp thăm hỏi
Cùng ngồi đàm luận.
Ngồi trong chốc lát
Nhìn nhau ý lành
Lòng Từ Bồ-tát
An ủi A-lan.
A-lan đáp rằng:
“Đức hóa đã lâu
Sở dĩ xuất gia
Vì không tôn vinh
Xé toang lưới ái
Mê đắm trôi buộc
Cường tráng mạnh mẽ*

*Giống như voi lớn,
Vứt bỏ tôn hiệu
Ngôi vua chuyển luân
Ví như người trí
Vứt bỏ cơm độc
Xưa vua Chuyển luân
Không phải là lạ.
Trẻ qua, già suy
Bỏ nhà vào rừng
Bèn trao ngôi vua
Lại cho Thái tử
Giống như hoa héo
Chuyển trao cho người.
Giờ ta còn nghi
Ngài khỏe đẹp xinh
Sáu căn ham muốn
Chưa được đầy đủ
Nên nhận rộng rãi
Tự nhiên vinh lạc
Bỏ hiệu đẹp này
Ai chẳng nghi ngờ?
Muốn biết Thái tử
Xác thật việc này
Ắt sẽ trở thành
Pháp khí to lớn
Dùng đức tinh tấn
Tìm thuyền trí tuệ
Sẽ mau vượt qua
Biển lớn sinh tử”.
Bấy giờ, Bồ-tát
Nghe A-lan nói
Mỉm cười hoan hỷ
Mà trả lời rằng:*

“Việc ta chưa thành
Nên ta đến đây
Giờ ông tự giữ
Việc chắc sẽ thành
Giống như trong tối
Bỗng thấy ánh sáng
Như kẻ lạc lối
Được người dẫn đường
Như muốn qua sông
Gặp người đưa đò
Nên ta đến xin
Tôn người làm thầy
Rủ lòng đoái tưởng
Xin được chỉ dạy
Nhận làm đệ tử
Xin thờ làm thầy.
Khổ, già, bệnh, chết
Phải độ từ đâu?
Xin dùng lý đó
Mà chỉ dạy cho”.

Bấy giờ A-lan
Là người dẫn đường
Rằng: “Nghe cho kỹ
Pháp Phạm chí ta:
Sinh tử xoay vần
Quanh quẩn trở lại
Trên dưới đảo lộn
Như bánh xe quay
Có tám việc riêng
Gọi là nội pháp
Lại có mười sáu
Các việc nghi loạn
Do đó phải biết
Người ấy ý mạnh

Tất cả thế gian
Nhân đây sinh diệt.
Năm tính như vậy
Thức đăm thứ sáu
Ý là thứ bảy
Do dự thứ tám
Hễ có năm căn
Lại có năm dục
Lại còn phải biết
Có sáu lầm loạn
Nếu hiểu điều ấy
Gọi là biết nghiệp.
Xích tiên cho ngôi
Đều cùng hay biết
Phạm thiên hiệu là
Nhất Thiết Phổ Tri
Nếu xét biết thế
Gọi nghiệp Nê-hoàn
Gốc sinh tử thực
Lôi kéo trói buộc
Chỉ biết rõ đó
Còn lại bất định.
Bọn ta ở đây
Tìm cách cầu giác
Là Nê-hoàn ta
Ngài muốn được giác
Hoặc có người trí
Gọi là Nê-hoàn
Hoặc gọi Thiên báo
Gọi đó Nê-hoàn
Nay bảo nhau xong
Ra nẻo sinh tử
Hợp ý phải siêng

Như bệnh tìm thuốc.
Tiên xưa thù thắng
Vị tên Tri Túc
Vị tên Định Hành
Bạo lâu lộ hình
Bọn họ đều từ
Đạo hành hằng ngày
Lại nữa còn có
Người cầu giải thoát.”
Bấy giờ Bồ-tát
Nghe lời ấy rồi
Trong lòng ngẫm nghĩ
Xét đầu mối việc
Bồ-tát nhiều kiếp
Trí tuệ giác được
Biết lỗi ấy rồi
Liên bảo Phạm chí:
‘Đã nghe ông nói
Trí tuệ sâu xa
Gọi là “nghiệp giác”
Ra khỏi sinh tử
Như ta đã biết
Việc này không thể
Như có hạt giống
Ắt phải sinh sôi
Các căn khác nhau
Gọi đó giải thoát
Nếu gặp được duyên
Trở lại buộc ràng,
Đất, nước, thời tiết
Lại không hạt giống
Làm sao sinh được
Nhân duyên lẫn lộn
Giống cùng duyên đối

Gặp gỡ nhau rồi
Ắt sẽ sinh lại.
Ta biết như vậy
Làm sạch như bột
Tuổi thọ kéo dài
Ý gọi giải thoát
Bảo đó Nê-hoàn.”
Bồ-tát không chịu
Pháp của A-lan
Bấy giờ lại đến
Hỏi pháp Ca-lan
Nói nghe tám ý
Bồ-tát hiểu ngay
Vi thức cố đấm
Biết có lầm này
Hiểu được ý kia
Đó ắt trái pháp
Vì vậy Bồ-tát
Bỏ pháp Ca-lan.
Khi ấy Ngài đến
Sông Ni-liên-thiền
Tu trì tịnh hạnh
Tìm chỗ ngồi thiền
Thân màu vàng ròng
Ánh sáng chiếu soi
Giống như hoa sen
Sáng đến tận ngày.
Ngày ăn hạt mè
Nửa hạt gạo thô
Ngày ngày càng giảm
Thân thể khô gầy
Máu trong thân cạn
Mỡ thịt khô khan

Khí lực suy yếu
Hình thể mòn mỏi
Chúng sinh khắp đời
Không thể chịu đựng
Khốn khổ như vậy.
Suốt trong sáu năm
Bồ-tát phơi lòng
Thân hình như thế
Mà chưa uống được
Thuốc pháp cam lộ
Tâm chột lui sụt
Đạo đức không thể
Xưa, cõi Diêm-phù
Nhớ lại ý lành
Cũng không thể dùng
Thân thể ốm gầy
Và những việc ấy
Mà tự thành đạo!
Các trời trên không
Khuyên nên ăn uống
Sức khỏe đầy đủ
Mới đắc đạo được
Ý luôn tôn trọng
Như núi Tu-di
Ý mong cầu Phật
Việc rất quan trọng
Ý tuy vững chắc
Cứng như kim cương
Ăn uống không đủ
Thân khó đảm đương.
Hiểu như vậy rồi
Bồ-tát đứng lên
Ăn uống trở lại
Nuôi dưỡng bản thân.

Năm người hầu hạ
 Thấy Bồ-tát ăn
 Bèn bỏ ra đi
 Nơi khác cầu nhàn.
 Bấy giờ bèn nhận
 Cháo sữa cam lộ
 Cửa hai cô gái
 Hoan hỷ cúng dường
 Sau đó liền đến
 Cây đạo nhiệm mầu
 Khoan thai cất bước
 Quyết thoát sinh tử
 Nghiêm sức lồng lộng
 Công đức chứa nhóm
 Láy chân chạm đất
 Liền rung chuyển mạnh.
 Bấy giờ Đại-lê
 Là Rồng đầu đàn
 Nghe tiếng chân chạm
 Làm đất rung chuyển
 Tâm sinh ngờ vực
 Tự suy nghĩ kỹ
 Lâu mới nghe được
 Tiếng rung chuyển này.
 Là người dẫn đường
 Thầy của các thầy
 Khi chân chạm đất
 Mới rung chuyển thế
 Thân đất vui mừng
 Nhún nhảy như múa
 Tiếng động êm êm
 Như là bông xả
 Bạc Thầy dẫn đường

Sắp xuất hiện ra
Đất rung ì ầm
Hớn hở như cười.
Vì tiếng rung chuyển
Từ nước hiện lên
Thân thể to lớn
Như ngọn núi đen
Các thứ châu báu
Chuỗi ngọc nghiêm thân
Giống như mây đen
Có ánh chớp lóe
Biến hóa nhiều đầu
Trùm khắp không trung
Thân phát ánh sáng
Như khói lửa bùng
Giống như mây nước
Đến gần mặt trời.
Rộng dùng thân ấy
Lạy chân Bồ-tát
Đứng lên cung kính
Chấp tay khen rằng:
“Con thấy Phật trước
Lúc sắp ra đời
Điềm lành ngày nay
Như Phật thuở xưa
Từ Phật Duy Vệ
Cho đến Ca-diếp
Mắt thấy sáu Phật
Điềm Phật ra đời
Nay vị thứ bảy
Hiện điềm lành này
Như xem tướng sáng
Sáng tỏ cõi đời
Hôm nay chắc chắn

Được uống cam lộ.
Nay thấy Ngài đi
Bước đi từng bước
Khi đất này ứng
Chấn động nhẹ nhàng
Ánh sáng khác thường
Vượt hơn mặt trời
Hôm nay điều nguyện
Chắc được đầy đủ,
Nhìn bầy chim xanh
Bay vờn lấy nhau
Như trong mây biếc
Hiện ánh mặt trời
Dem tiếng từ ái
Kính thân Bồ-tát
Hôm nay chắc chắn
Sẽ thành Phật đạo.
Hôm nay nhìn thấy
Khí thuận gió lành
Các dòng nước trong
Trên không trong sáng
Chim hòa điệu hát
Tiếng hát dịu dàng
Hôm nay Thập Lực
Thành Nhất Thiết Trí.
Xem thân Bồ-tát
Như núi vàng chói
Các thứ vật báu
Dùng để trang điểm
Nhìn thân Bồ-tát
Tướng tốt tự nhiên
Hôm nay chắc chắn
Sẽ thành Phật đạo.

Vàng viên quang tròn
Ở ngay chính giữa
Chói lòa như nhật
Năm màu rực rỡ
Như nay dứt bỏ
U ám cõi đời
Còn không lâu nữa
Mặt trời Phật hiện.
Rừng cây lay động
Tung khắp hoa đẹp
Tất cả các hoa
Đồng thời nở ra
Cây vô tâm cũng
Nghiêng như có lòng
Oằn xuống cúi chào
Hôm nay ắt được
Tất cả làm lễ
Như ngó sen trắng
Nở lúc không trăng
Ánh mặt trời chiếu
Thì hoa nở sen
Nay Bồ-tát hiện.
Ánh mặt trời Phật
Lòng trời, người mở
Như hoa mừng vui
Như nay quan sát
Tướng đã hiện rồi
Rất khó gặp được
Hoa Ưu-đàm nở
Hoa đã khó gặp
Phật càng khó hơn
Hai điều khó gặp
Nay hiện thế gian
Bây giờ sẽ lấy

Tên bèn trí tuệ
 Làm trần lao sợ
 Vua, tướng, quân sĩ
 Đã truy đuổi kịp
 Đến chỗ Phật xưa
 Hôm nay chắc chắn
 Được uống cam lộ
 Như nay quán sát
 Quyết định giới răn
 Nghiêm thân đẹp đẽ
 Tám mươi vẻ đẹp
 Điều soi các trời
 Hiện trong thân Ngài
 Hôm nay sẽ được
 Người, trời lễ bái”.
 Rộng Lê cứ thế
 Khen Bồ-tát rồi
 Qua suối vượt lên
 Đi đến cây đạo
 Xa thấy cây đẹp
 Như ở cõi trời
 Trang nghiêm không khác
 Cây trời ngày xưa.
 Mang cỏ Cát tường
 Đến để hiến dâng
 Bồ-tát liền hỏi:
 “Tên người là gì?”
 Người thấy nói rằng:
 “Tên là Cát Tường!”
 Bồ-tát tự nghĩ:
 “Ta ắt cát tường.”
 Ngài liền theo đó
 Nhận cỏ dịu mềm

Trái tòa Kim cang
 Cỏ đều ngay ngắn
 Ngồi kiết già phu
 Ý chí vững vàng
 Trong dùng tâm thức
 Xét kỹ quyết định:
 Không vượt cõi ma
 Các dục trần nhọc
 Ngồi đây không dậy
 Cũng chẳng uống ăn
 Dù cho bản tánh
 Bốn đại mất đi
 Trời, trăng rơi xuống
 Tu-di bay lên
 Các việc như thế
 Có thể đổi thay
 Chút ta chẳng trái
 Bỏ thế nguyện này.
 Phát thế nguyện xong
 Các trời rất mừng.
 Bồ-tát nảy ý
 Muốn hàng Ma vương
 Như chẳng vừa ý
 Ngoại đạo, dị học
 Như làm trời, người
 Các Rồng khen ngợi
 Nguyện khiến chúng sinh
 Được sự khen ngợi
 Chúng sinh mười phương
 Được như mình nguyện.

M

Phẩm 16: HÀNG MA

Bấy giờ Bồ-tát ngồi

Trên chiếc tòa Kim cang
 Xây dựng tâm vững chắc
 Thế giới Tam thiên rung
 Địa thần mừng hớn hở
 Từng hồi rung chuyển mạnh
 Ma trời thấy đất rung
 Thắc mắc vì sao thế.
 Quan đứng đầu của ma
 Tên gọi là Ngôn Từ
 Tâm cung kính cúi mình
 Tâu với chúa ma rằng:
 “Xin nghe điều thần biết:
 Chúa công đức nhiều đời
 Thái tử vua Bạch Tịnh
 Cõi tịnh tu hạnh lành
 Nay sắp thành đại đạo
 Không vua trời, cõi Dục
 Muốn phá thành sở dục
 Ổ khóa của các cửa
 Ất vượt trên cõi vua
 Sẽ độ các chúng sinh
 Mở rộng cửa Nê-hoàn
 Bánh xe chuyển cam lộ.”
 Vua ma nghe lời đó
 Ngồi yên lòng buồn rầu.
 Ba con gái đến hỏi
 Con cả tên Danh Ái
 Con thứ tên Chí Duyệt
 Con út tên Loạn Lạc
 Hỏi vua sao rầu rĩ.
 Vua đáp lời ba cô:
 “Kia có Tiên Đại Thánh
 Mặc áo giáp quyết định

Tay cầm cung trí tuệ
 Tên vô thường bắn ta
 Muốn hàng cõi Dục ta.
 Nếu thắng, ở trên ta
 Thì cõi ta trống không
 Khiến người khinh chổng ta.
 Như vua mạnh ở gần
 Bị nước địch xâm chiếm
 Nên nay các thân thuộc
 Các con, nữ lực sĩ
 Hãy tìm mọi cách ngăn
 Hãy đến làm trở ngại
 Làm chí kia tiêu tan
 Như đắp đê ngăn nước.”
 Bấy giờ ba ma nữ
 Bèn đến chỗ cây đao
 Muốn tỏ thế lực mình
 Của con gái người, trời
 Phơi bày vẻ kiêu diễm
 Mê hoặc loạn tình người
 Muốn hoại ý chí Ngài
 Hiện hết sức quyến rũ
 Thân biến thành nhiều tướng
 Biến hóa thật mau chóng
 Giống như chớp trong mây
 Không phút giây nào dừng.
 Bô-tát quán xét kỹ
 Da, tóc, chuỗi ngọc mang
 Y phục đẹp che phủ
 Giống như nhà chứa xương
 Tràn đầy nước thối bẩn
 Mở ra khiến người khinh
 Vậy sao lừa người đời?
 Bọc bằng da mỏng manh

Kẻ ngu si mê hoặc
 Nhìn kỹ bọn ma nữ
 Hình thể già tiêu tụy
 Như hoa bị sương pha.
 Vua ma thấy gái già
 Lòng giận như lửa bùng
 Lại gọi ma bên cạnh
 Bảo tập hợp đại quân
 Đến cố ngăn Thích tử:
 “Nay chưa động cõi ta
 Chưa được mắt nhìn kỹ
 Nên thường đến não loạn
 Nếu hôm nay thành đạo
 Thì có thể thắng ta
 Mau triệu gấp binh mã
 Ta sẽ tự xông pha.”
 Mũ báu, mặt trời sáng
 Nghiêm chỉnh đội trên đầu
 Lên đến đỉnh Tu-di
 Giáp kim cang mặc vào
 Như ánh mặt trời sáng
 Chiếu rọi đám mây thuta
 Xe kim cang ngàn bánh
 Mỗi bánh ngàn nan hoa
 Xe dùng ngàn thốt ngựa,
 Ma vương ngồi xe báu
 Rất thênh thang sáng loáng
 Như mặt trời trong lửa
 Cung hoa một do-tuần
 Tay cầm năm tên nhọn
 Lọng báu như trăng sáng
 Để mê hoặc thế gian;
 Lọng che mấy do-tuần

Quanh treo linh bảy báu
 Cờ cao mở miệng lớn.
 Giống như cá Ma-kiệt
 Khi muốn nuốt nước biển
 Ma vương ra như vậy
 Các ma chúng cùng theo
 Có đến tám mươi ức
 Đi đến bên cây đạo.
 Bồ-tát ngồi trên hoa
 Giống như vua trời Phạm
 Đức vắng lặng đầy khắp
 Ánh sáng chiếu rực rỡ
 Như chứa vàng ngọc báu
 Ma cầm cung tay trái
 Từ ống vàng rút tên
 Liền nói với Bồ-tát:
 “Dòng Sát-lợi, đứng lên
 Tại vì sao sợ chết,
 Bỏ ngôi vị Đế vương?

Tướng Ngài đẹp đẽ phải cầm cung
 Đáng hưởng vinh hoa ở thế gian
 Đường của vua xưa danh tiếng khắp
 Ngài đáng được hưởng sự khoái lạc
 Nên hưởng lộc đời đất nước hiến
 Khấp sai thiên hạ không chừa ai.
 Bắt đầu dòng Cam Giá Thánh vương
 Về hưởng vinh hoa bỏ khát cầu
 Nếu không đứng dậy, tự suy nghĩ
 Chớ tự trái với thệ nguyện xưa
 Năm mũi tên ta không thể kháng
 Phá xuyên mọi thuẫn rất bền chắc
 Mê người chẳng khác hoa tiết xuân
 Còn hơn cắt hoa để dưới nắng
 Yêu mến đời như trời đổ mưa

Dục như chim công gặp mây mưa
 Dục làm thất chí, không hổ thẹn
 Giúp tăng ganh mạn, riêng lánh đời
 Ngoại đạo thuật cao, làm hung chú
 Được thắng nên họ riêng lánh đời,
 Dục đả cả trời lẫn người đời
 Giác ngộ lời nói, bỏ ngủ nghỉ
 Sức khỏe vô song, thế lực mạnh
 Ái dục vô hình hoại các hình
 Hoặc dùng lửa ái đốt chết giới
 Vua xưa soi đó, mòn tiêu mất
 Danh tiếng tài sản của vua mất
 Hoặc dục trên đời hướng gì nay.”
 Lúc ấy Ma vương nói lời này
 Không hề lay động ý Bồ-tát.
 Liên phát cung ra bắn tên mau
 Hiện các mê hoặc biến gái đẹp
 Thấy Bồ-tát ngồi chẳng nghiêng chao
 Vững bền như núi, nghi ngờ nói:
 “Thiên tử an tường như núi Vua
 Dùng tên nữ bắn liền rung động
 Hóa hiện bốn mặt để đón rước
 Hiện không tự khinh cùng gặp nhau
 Tưởng nay Thái tử chẳng biết tên
 Nếu con thất chí tên ta lạc
 Chẳng nên lấy dục hóa làm tên
 Chẳng cần lời cung kính hòa nhã
 Thì nên khinh rẻ, không nên kính
 Dùng thế đại quân mà khủng bố.”
 Ma vương khởi ý nghĩ binh chúng
 Kêu to thối hận các cõi ma
 Tập họp biết bao nhiêu số thân
 Tạo nên sợ hãi động trời đất

Việc quan trọng như các núi Tuyết
 Các vui tạo ra vẻ đáng yêu
 A-lạc, chủ ba hai cõi trời
 Làm trời Đế Thích ngồi trên voi
 Hóa thân ngàn mắt, mặc giáp ngọc
 Cầm chày Kim cang ngàn cạnh sắc
 Hợp theo vô số làm trời sợ.
 Tám ức binh voi theo nhau đến
 Xe bạc rất to trang hoàng đẹp
 Ngồi ngàn ngựa trắng, tướng theo trắng
 Giáp ngọc trắng lòa, mây trắng che
 Tự hóa thân mình có trăm đầu
 Dẫn các rồng trắng binh chúng lớn
 Mười hai muôn ức làm quân sĩ.
 Chính thủy thần vương tên Hòa Luân
 Chấn đất kéo về các núi thăm
 Các báu vàng, lưu ly cõi trời
 Minh châu trang sức châu, thân thể
 Mặc giáp lưu ly hoa lúa vàng
 Tay phải cầm chiếc gậy Kim cang
 Ngồi ngàn sư tử các báu rồng
 Cỡi xe lưu ly màu như nhật
 Cùng vô số ức thân Dạ-xoa
 Quân Tỳ-sa-môn như nước dũ
 Vô Khốc, Uy Nộ và Tiên Thời
 Vũ Lập, Nhật Nguyệt, thần Phong Hỏa
 Hoa Chiếu, Diệu Mã, Kiếm Kim cang
 Hiền Tài, Hậu Vụ và Chánh Hạnh
 Vô số các đại Thiên thần này
 Ngồi xe voi rồng và ngồi cọp
 Xe giá ngàn ngựa, ngàn sư tử
 Hoặc lại có chiếc xe ngàn hổ
 Hoặc lại có xe ngàn chim công
 Xe lừa, lạc đà, nghé, trâu, dê

Hoặç ngòì xe mây, ngòì cây núi
 Hoặç ngòì trên rồng và rắn ðộc
 Hoặç miệng phun lửa, mũi phun lửa
 Mắtt tai phun lửa, ðầu lửa cháy
 Phun nhằmm vật gì ðều thành lửa
 Bốc cháy lẫylừng như kiếptận.
 Hoặç hóa như trời, hoặç như trắng
 Hóah như núi lớn có ðòì cánh
 Hoặç hóa tối tắmm như mây ðen
 Ánh chớp, sắmm rềnn, sáng rựct rờ
 Như thế vô số ðây không gian.
 Hoặç hóa voi ðen như Tu-di
 Ngòì voi lớn này, cầm cung lớn
 Hướng về Bồ-tát muốnn ðốt cháy
 Hoặç hóa ðầu heo, chân lạc ðà
 Hóah ðầu voi, gấu biếnn vô số
 Hóah thân rất lớn làm ðầu voi
 Ngà chĩa lên trời như núi hiếmm.
 Hoặç hóa sư tử và ðầu ngựa
 Hóah ra ðầu hổ, cá Ma-kiệt;
 Hoặç hóah hai, ba, bốn năm ðầu
 Sáu, bảy, tám, chín cho ðến mườì.
 Hoặç hóah trăm ðầu, trăm cánh tay
 Trắmm chân, trắmm mắtt thật ðáng sợ
 Biếtt bao biếnn hóah ðến ngàn ðầu
 Ngàn mắtt, ngàn tay, phắtt ra lửa
 Tiếng xe, tiếng ngựa, voi rồng kêu.
 Trống va, ngọc chắmm vang trời ðắtt
 Hoặç cầm cung tên, kich, mâu, ðao.
 Hoặç ðòì núi, cây, chàyy Kim cang
 Vũ khí trong tay chúng ðều lao
 Núi, cây chàyy cứng cùng mườì ðá
 Ðứct Bồ-tát biếnn hóah phắtt ra

Các mưa báu hoa vàng, hoa bạc.
 Hóa gái đen thành như núi mây
 Cầm đồ yêu chú mê Bồ-tát
 Lại tự mê cuồng, không biết chi
 Phá khí cụ cầm, vật cúng tan
 Hoặc quỳ xuống đất, hét vang trời
 Hư không sấm động rung chuyển đất,
 Hoặc mang da rắn biết bao hình
 Mắt, tai, mũi, miệng tuôn ra rắn
 Lại cỡi lên nhau giận dữ tranh
 Hoặc có ngựa hí, hoặc sói tru
 Nhưng tâm Bồ-tát không tăng giảm
 Giống như lửa đóm tranh mặt trời.
 Có một vị trời bảo Ma vương:
 “Người nhìn kỹ, bậc Tiên thánh này
 Trong thân soi hiện cả cung trời
 Nhật, nguyệt, năm sao và các sao
 Thiết vi, Tu-di, sông, biển, vực
 Phạm vương, Đế Thích, bốn vua núi
 Tất cả soi hiện thân Bồ-tát
 Giống như khắp đời hiện trong trăng”.
 Bấy giờ, vua ma càng thêm giận
 Phóng ngay vũ khí, lửa ái dục
 Đất trời bùng cháy không thể biết.
 Bồ-tát liền phóng Cam lộ quán
 Hóa ra mây mưa tắt lửa dục
 Ái liền sợ uy đức Bồ-tát
 Trời An tường đến, tà quỷ lui.
 Vua ma liền phát giận sân độc
 Như vờn họa hại hóa hổ mang
 Trên đất khắp nơi đầy rắn độc
 Quán quanh cây đạo bao khắp cùng
 Bồ-tát liền khởi tâm đại bi
 Hóa thành điềm lành, rắn thoái lui.

Vua ma lại khởi tâm ngu si
 Bồ-tát tính duyên ngược đắc thắng.
 Vua ma lại bắn tên ganh tị
 Tên là ác khẩu hóa thành rỗng
 Bồ-tát lại bắn tên đại bi
 Hóa làm chim vàng đuổi lui rỗng.
 Vua ma lại khởi tâm kiêu mạn
 Phát tên Phạm thủ hóa thành voi
 Bồ-tát lại buông phát Thập lực
 Hóa thành sư tử, voi lui đi.
 Vua ma lại phóng vọng ngôn phát
 Tên là Điều hí, hóa thành gió
 Bồ-tát liền buông chí thành phát
 Bẻ gãy tên ma hóa thành núi.
 Vua ma lại phóng xan tham phát
 Phát tên Lậu ác hóa thành sương
 Bồ-tát liền buông tuệ thí phát
 Hóa mây mưa nhẹ thổi tan mù.
 Vua ma lại phóng ám cái phát
 Tên là Thùy miên, biến thành mây
 Bồ-tát liền buông ngũ tịnh phát
 Hóa thành gió mạnh xua tan mây.
 Vua ma liền phóng phát tà kiến
 Hóa thành tăm tối che thế gian
 Bồ-tát liền buông chánh kiến phát
 Hóa thành mặt trời trừ tối ma.
 Bồ-tát mặc áo đại nhẫn nhục
 Đứng trên đất giời thật đầy đủ
 Đeo tràng hoa đẹp bảy giác ý
 Chuỗi châu tẩn định rất nhiệm mầu!
 Tay cầm cung Từ, tên Phạm tịch
 Từ trong ống ý rút tên ra
 Vừa buông một phát đều đượ thắng

Như A-tu-luân thắng người xưa.
 Ma biến nhiều thứ để gây sợ
 Tâm định Bồ-tát chẳng lung lay.
 Bấy giờ Tịnh cư thiên trên trời
 Vâng giữ pháp thành Phật quá khứ
 Thương, ghét của tâm đã bỏ hết
 Ở trên hư không thấy Bồ-tát
 Khi ấy các trời bảo vua Ma:
 “Xin ma Ba-tuần nghe cho kỹ
 Bảo cho Ba-tuần sao lại nhọc?
 Bỏ công uống phí vậy sao đành!
 Bỏ đi ác ý, tâm vắng lặng
 Vì sao làm kinh hoàng Bồ-tát.
 Người ấy không ai lay động được
 Như dùng miệng thổi núi Tu-di
 Nên dùng từ ái, bảo vua ma
 Tự yêu, chớ xúc nhiễu Bồ-tát!
 Mọi vật còn bỏ được bản tính:
 Gió bỏ tánh động, lửa bỏ nóng
 Đất bỏ hầm sâu, nước bỏ ướt
 Tối không tránh sáng, nhật không soi
 Trăng còn có thể đi trên đất
 Tu-di bay bổng, biển thành bờ,
 Vô số kiếp xưa tu đức nghiệp
 Không bao giờ bỏ quyết tâm thể
 Như quyết định ấy, như tinh tấn
 Như ghét, như thương xót chúng sinh
 Pháp hội đông đầy các trời, người
 Được uống nước cam lộ chánh pháp
 Phát tâm cầu nguyện an chúng sinh
 Tự nhiên phát tâm thương thế gian
 Bỏ nguyện không thành không đứng dậy.
 Mặt trời mọc, tìm tối sao được
 Bồ-tát đại bi thương thế gian

Hoạn nạn trần lao bị xé tan
 Gom nhóm thuốc hay các thứ pháp
 Ba mươi bảy món chất cao thân
 Dục được khắp đời hòa thuốc thần.
 Này ma, người làm chớ quấy ngăn
 Tất cả rơi vào đường mê hoặc
 Muốn dùng chánh dẫn không vững chắc
 Đời ngu tối tăm, bỏ bơ dầu
 Tất cả ngọn đèn sáng trí tuệ
 Lửa lớn trước sân Phật đã đốt
 Này ma chớ diệt, hãy lui ngay!
 Thấy thế gian này chìm mất hết
 Xuống biển trần lao không bến bờ
 Để độ tất cả người chìm đắm
 Vì sao ác trái với hạnh lành?
 Ban đầu phát căn lành vững chắc
 Xây dựng thân cây đại nhĩn nhục
 Cành nhánh ý chí rất to lớn
 Hoa giữ giới cấm rất tươi đẹp
 Cây đại trí tuệ nay sắp mọc
 Sẽ thành thực trái ngọt chánh pháp.
 Này ma người chớ làm trở ngại
 Cây bền vững chắc sắp mọc lên
 Trước nay giống Phật trồng nhiều lắm
 Giờ đây là lúc nở bày ra
 Nay ngôi tòa này là xứng đáng
 Như các Phật quá khứ trước kia.
 Tòa ấy đức danh là Địa Tể
 Là nơi vô số ức người ưa
 Khắp cõi đất này không còn chỗ
 Ý rất tôn trọng, đáng vượt hơn”.
 Vua ma nghe vậy buồn rầu nói:
 “Bồ-tát nhìn tôi có sức mạnh

Muốn thiêu trời đất cho tiêu hết
 Nuốt được Thiết vi khắp mặt đất”.
 Nhân đó Bồ-tát hỏi vua ma:
 “Tu tập hạnh gì được sức mạnh?”
 Đáp rằng: “Nhà tôi mở cửa lớn
 Danh đức vang khắp đâu cũng biết”.
 Rằng: “Cúng một đời đức lớn vậy
 Ba-tuần người hãy nghe lời ta
 Ta thờ cúng trong vô số kiếp
 Khắp cõi đất này, trên hư không”.
 Ma nói: “Ta làm, người biết rõ
 Người làm ai chứng nhận cho đây?”
 Bồ-tát bảo: “Ma hãy lắng nghe
 Rồi ta mình chứng hạnh ta ngay!”
 Bấy giờ từ tay sáng Bồ-tát
 Phát ra mây đỏ chiếu sáng người
 Từ áo ca-sa xuất tay đó
 Bàn tay nhiệm mầu đã bày phơi
 Sự chứa nhóm hạnh lành đời trước
 Tay có bánh xe ngàn cãm mầu
 Bảo vua ma rồi, tay chạm đất:
 “Hạnh ta người biết, đất làm chứng?”
 Khi ấy, thân đất liền hiện thân
 Nói lớn rằng: “Tôi chứng, tôi chứng!”
 Bấy giờ, đất mở cửa cúng lớn
 Tiếng tám bậc nhất đâu cũng nghe
 Lại được gọi là “Đa kim thí”
 Lại đem cho ngựa số vô vàn
 Thường được no đủ đây đất này
 Lại mưa bảy báu no thế gian.
 Nơi đây đầu thí hàng ngàn cái
 Có chỗ cho: non nước, vợ con...
 Đây lột da cho, đây thí thịt
 Chỗ này cho máu, chỗ xương tủy

Ở đất này thí vô số thân
 Cho đời các thân không trái nghịch”.
 Mặt đất làm chứng hiện trở lại
 Đất liền rung chuyển tiếng âm vang
 Thế giới Tam thiên rung sáu cách
 Đánh tan ma chúa cùng ma quân
 Ngả nghiêng lẫn trốn, ngã dẫy đất.
 Khắp cõi không trung lớn tiếng rằng:
 “Thái tử họ Thích đều thắng oán
 Đã thắng ma oán, các trần lao.
 Cờ lớn vua ma liền gãy đổ
 Ma lui, ma bại tiếng vang khắp”.
 Đã thắng vua ma, chứng định ý
 Định ý nghĩ sâu các Phật sự
 Đức nặng, thần đất không hơn được
 Tâm vui hơn hờ, đất rung chuyển.
 Bồ-tát liền bảo thần đất rằng:
 “Động hay không động đều do người
 Hãy định, chớ động trong giây lát
 Ta làm chỗ nương người không nương
 Lâu rồi người gánh chịu vô số
 Người hại mẹ cha, kẻ dối vua
 Vượt mức khuynh tà, theo tội lỗi.
 Đào hết căn lành, làm việc ác
 Uống độc đảo kiến, rơi chỗ tối
 Khổ nguy gánh nặng, địa ngục phần
 Đã thắng việc này, lại nhẫn nhục
 Ta mới bỏ ngay khổ gánh nặng.”
 Bấy giờ, hiện quán các thiên na
 Đối với các thiên được rất tự tại
 Nhớ nghĩ lâu xa, việc mới làm
 Trải xem đời trước như hôm qua.
 Đến nửa đêm dùng mặt trời quán

Nhìn rõ tất cả như gương sáng
 Soi sáng rõ chúng sinh năm đường
 Không hề chắc thật như cây chuối.
 Ngay trong đêm ấy đến canh ba
 Tư duy quán chiếu ý nhiệm mầu:
 Tất cả thế gian các khổ nhóm
 Sinh, già, bệnh, chết phải chia lìa
 Tối tăm che khuất đường xuất ly
 Không tránh hăm hố, cũng như mù?
 Bỏ-tát suy tìm nguồn sinh tử
 Xét sự sinh diệt đều rõ ràng
 Tâm lại sinh niệm lại suy nghĩ:
 Già từ đâu đến, từ đâu chết?
 Lại sinh chánh niệm duyên theo sinh
 Nhân già có bệnh, do bệnh chết
 Hễ ai có đầu thì có khổ
 Như cây đã mọc tất phải đổ,
 Lại nghĩ nguồn gốc từ đâu có
 Biết các thứ lành, thọ duyên đối
 Thọ từ đâu sinh, từ ái có
 Xét nguyên nhân ái, từ giác biết
 Giác biết nguyên nhân từ xúc sinh
 Duyên theo xúc ấy có các căn
 Bởi do sáu nhập duyên danh sắc
 Duyên của danh sắc là nhân duyên
 Duyên như vậy từ dưới đến trên
 Do si sinh khởi nguồn sống chết.
 Si diệt rồi thì tất cả diệt
 Si, nguồn sinh tử đã tiêu rồi
 Biết rõ gốc khởi mười hai duyên
 Điều nên giác biết, giác biết kỹ
 Đường tám Hiền thánh là bậc nhất
 Trước đó chánh kiến như nhận xét
 Thấy không tôi, ta, hết ba cõi.

Lửa tuệ đốt khô đâm trần lao
 Phân tách việc này rồi tự bảo
 Rằng: “Điều nên giác đã giác biết
 Ta đã bằng kịp Tiên thánh trước
 Chư Phật Thế Tôn thực hành đạo.”
 Đến đêm hôm ấy vào canh ba
 Mặt trời soi khắp đạo tràng bày
 Chúng sinh nghỉ ngơi, cảnh vắng lặng
 Nhất Thiết Trí thành Phật đạo trên
 “Ta đã bằng kịp Tiên thánh trước
 Chư Phật Thế Tôn thực hành đạo.”
 Chứng xong cõi Phật cao nhất rồi
 Thế giới Tam thiên rung sáu cách
 Các trời chen chặt đầy hư không
 Vui mừng tung hoa khắp mặt đất
 Vàng bạc, chiên-đàn vung khắp nơi
 Ý trời tạo hoa khắp nơi nơi.
 Tràn đầy khắp đất, không trung chặt
 Từ không kết ái, mưa hoa trời
 Kỹ nhạc không trở tự nhiên vang
 Các trời trở nhạc khắp hư không
 Trời ứng vui mừng đời được hưởng.
 Thần đất, thần không đều hơn hờ
 Thần lửa vui mừng tự nhiên cháy
 Sóng biển, vực sâu vang tiếng mâu,
 Các vị thần cây đều dâng hoa
 Tu-di, các núi đều làm lễ
 Khổ địa ngục ngừng, ngạ quỷ no
 Chúng sinh thương nhau hết thù hận.
 Thân Phật phát ánh sáng chánh pháp
 Bốn bên, trên, dưới khắp mười phương
 Biến hiện ra các thứ hình tượng
 Nên trước làm cho giác ngộ khắp

Đường tám Hiền thánh bắt đầu hiện
 Như cờ không người dẫn các đường
 Đó có hoa mẫu tên Chư giác
 Nói các giác lại hiện cây rừng
 Ba mươi bảy phẩm số khác nhau
 Điều tự hiện hình như nói nghĩa
 Hoặc rất nhiều màu trắng, xanh, vàng
 Ánh sáng như vậy, nói pháp âm
 Mặt trời Phật soi sáng thế gian
 Ánh sáng đó được xem xét kỹ.
 Phật liền thu lại ánh sáng thân
 Không ăn bảy ngày, ngồi vui pháp
 Bây giờ, Thế Tôn nói kệ này:
 “Vui thay: Phước báo diệu nguyện thành
 Mau chóng chứng thành Tối thượng tịch
 An vui mãi mãi không còn khổ.
 Vua ma thấy vậy cùng tộ đến
 Mỗi mỗi hiện hình muốn phá ta
 Không bao giờ động tâm ta được
 Dùng sức công đức hàng phục ma”.



PHẬT BỔN HẠNH KINH
(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)
QUYỂN 4

Phẩm 17: ĐỘ NĂM TỶ-KHEO

*Kính thuận Đức Phật
Ý không sai biệt
Ta thương các thầy
Khiến lia tội lỗi.
Phật ở cõi thế
Ban rải điều lành
Tâm Từ bình đẳng
Giống như con đò
Kia có khinh mạn
Những người hầu thầy
Người ấy chịu tội
Như trái lời cha.
Bấy giờ, năm người
Đồng thanh nói rằng:
“Tu hành khổ nhọc
Còn không chế lòng
Tìm an, lui sụt
Buông lung các căn
Do đâu đắc đạo?
Xin giải tỏ tường
Cũng như có kẻ
Ép cát tìm dầu
Không bao giờ được
Tốn sức uổng công,*

Như vắt sữa trâu
Bỏ vú, vắt sừng
Hành động lạ đó
Chẳng được sữa đâu!
Nhân ánh đèn sáng
Xua tan tối tăm
Chẳng dùng nước mài
Làm sao dao bén
Ngu si tăm tối
Quá dày như thế
Dùng đèn trí tuệ
Sao trừ được đây!
Giống như lửa mạnh
Được gió thổi lên
Đốt cháy củi khô
Không bao giờ tắt”.
Người tâm buông lung
Mê đắm sáu dục
Hạnh như trần lao
Không thể tồn diệt
Lửa hừng tuy tắt
Còn lại chút tàn
Cũng không hề bỏ
Tánh cháy của nó
Ý tuy tinh vi
Còn có dư thức
Biết hữu, biết khổ
Mới rõ đế này
Nên cầu vô sinh
Không già, không bệnh
Lại không có chết
Đất, nước, gió, lửa
Không trước, không sau
Không giữa, không lay

*Nghĩ tìm chỗ này
Biết diệt, vượt khổ
Tám đường Hiền thánh
Có thể đến được
Cho nên đạo giác
Và các phương tiện,
Không thể biết rõ
Tám đường Thánh hiền
Nên mê cõi thế
Điên đảo xoay vần.
Phải biết khổ đó
Tuần tự tu hành
Trước dứt gốc khổ
Dục ân ái buộc
Thêm siêng tu tập
Tám đường Hiền thánh,
Phải dùng Nê-hoàn
Vắng lặng làm chứng
Nên giác ngộ khổ
Dứt đắm ái dục
Lấy diệt làm chứng.
Người tu đường Thánh
Nhân đó lập hạnh
Việc ấy đủ thành
Bấy giờ Ta sẽ
Mắt nhìn suốt thông
Thấu đạt bốn Đế
Đem bốn Đế này
Vì năm người ấy
Tâm mình mở bày
Dùng chày Kim cang
Trí tuệ chánh pháp
Đập núi trần lao*

Cửa năm vị ấy.
 Ước tính lúc mới
 Rõ chánh pháp để
 Tám muôn vị trời
 Liền được giải thoát
 Trời, Rồng, Thần, Quỷ
 Trên đất đều khen
 Quay bánh xe pháp
 Sao quá nhanh thế
 Khéo tu giới cấm
 Cắt căn quá dày
 Điều khiến vắng lặng
 Vòng khắp không chừa
 Siêng năng chí niệm
 Tụ tại trung ương
 Vì trời, người quay
 Bánh xe chưa quay
 Tiếng quỷ thần khen
 Lên đến cõi trời
 Khắp cùng cõi trời
 Cho đến cung Phạm
 Chư Thiên đều được
 Nghe âm thanh ấy
 Nhân đó phát tâm
 Đi đến chỗ Phật.
 Lúc sắp bắt đầu
 Quay bánh xe pháp
 Trời, Rồng, Người, Quỷ
 Thần biển đều mừng
 Liền mưa hoa trời
 Không thể kể xiết
 Chúng sinh được nhờ
 Từ khổ được an.
 Trời Phạm thỉnh Phật

Quay bánh xe pháp
 Chúng sinh được độ
 Đến nay không dứt
 Các phước báo ấy
 Đều quy Phạm thiên
 Nên đã được hiệu
 “Phước Phạm” bậc nhất.
 Lúc bắt đầu quay
 Bánh xe chánh pháp
 Phật dùng cam lộ
 Cho năm người uống
 Nguyện cho chúng sinh
 Mau quay bánh xe
 Như Phật Thế Tôn
 Nói pháp độ người.

M

Phẩm 18: ĐỘ BẢO XUNG

Đã lâu vô số kiếp
 Chứa nhóm được gốc lành
 Điều nguyện xưa được thành
 Trước trao cho năm người
 Giống như việc thờ lửa
 Được dầu càng cháy mạnh
 Lửa Phật còn vượt hơn
 Ánh sáng soi cùng khắp.
 Ra khỏi vực năm đường
 Liên hóa độ năm người
 Trước cùng năm Sa-môn
 Đức lực thắng năm căn
 Phật như trăng tròn hiện
 Cùng với các đệ tử
 Như năm ngôi sao sáng

Cùng vầng trăng ngao du.
 Ở thành Ba-la-nại
 Có con Đại trưởng giả
 Tánh nhân từ thương xót
 Tên gọi là Bảo Xưng
 Nhà ở như cung trời
 Người hầu như Thiên nữ
 Kỹ nhạc ngừng giây lát
 Xưng và các cô ngủ
 Phước đời trước theo đến
 Được uống thuốc cam lộ,
 Đời trước thấy thầy chết
 Từ bi trong khoảnh khắc
 Việc thiện xưa theo đến
 Buồn bã, tỉnh ngủ ra
 Thấy các cô như chết
 Nhà ở như gò mả
 Lòng chàng buồn thê thảm
 Giơ tay buồn than rằng:
 “Nay ta gặp ách nạn
 Sống trong khổ hoạn lớn
 Tự nhiên sinh tâm lành
 Chỉ an vui vô vi
 Dục lạc khó giữ lâu
 Vui mừng tan phút chốc
 Theo đường nào chạy trốn
 Tự nấu thân ở đâu?
 Không gặp lửa vô thường
 Nơi không có sợ hãi
 Ở đời, ai đáng nương?
 Ta phải nương vào đâu
 Ai sẽ được cứu vớt
 Từ bùn sâu ái dục?”
 Bấy giờ bỏ ái dục

Từ từ rời giường bấu
Rồi mang giấy bấu sang
Giá trị trăm ngàn lượng
Cửa nhà và cửa thành
Nửa đêm tự nhiên mở
Sáng tỏ như ban ngày.
Lòng kia thấy ngờ vực
Các trời ở trên không
Từ ái nói khuyến khích:
“Ngài mạnh dạn đến mau
Chớ chậm chạp trễ nãi
Cách nay không xa đâu
Phật, Bạc Thầy thế gian
Đang đứng đợi chờ nhau
Như trâu mẹ tìm nghé
Nay Ngài sẽ xây dựng
Được lợi lớn vô cực.
Dâm dục như bầy cá
Lướt trong sóng mê hoặc
Để vượt lên tinh tấn
Lên bè cây bặc nhất
Vượt qua các biển khổ
Ất hẹn ở hôm nay.”
Lúc ấy chàng Bảo Xưng
Bùi ngùi khóc cất bước
Xa đưa tay hướng Phật
Cất tiếng buồn than rằng:
“Thưa Ngài con hôm nay,
Khốn khổ già, bệnh, chết
Xin cho con quy y
Giúp con khỏi khổ ấy.”
Phật dùng tiếng Phạm âm
Mềm dịu từ xa gọi:

“Ở nơi này có chỗ
 An tĩnh không khổ hoạn
 Có tám đường Hiền thánh
 Vắng lặng rất thanh tịnh
 Hãy mau đến chỗ Ta
 Ta làm chỗ quy y”.
 Bảo Xưng nghe lời này
 Lòng tràn đầy mừng rỡ
 Như gặp nắng sớm mai
 Đắm mình trong ao sạch
 Theo tiếng đến chỗ Phật
 Cúi lạy dưới chân Phật,
 Ví như cây hoa mẫu
 Bị gió mạnh thổi ngã
 Thân trang sức anh lạc
 Tâm thân nhiên không đắm
 Túc phước nay đến rồi
 Rốt ráo chứng La-hán.
 Phật biết lòng Bảo Xưng
 Trong thẹn thân anh lạc
 Việc Sa-môn đều thành
 Nhân đó bảo ông ấy:
 “Trang sức trong thuần thiện
 Bạc nhất thắng các căn
 Đó gọi thành pháp Ta
 Chẳng cần nhờ ngoại phục
 Có nội tâm ngay thẳng
 Trong ngoài thuận tương ứng
 Cửa đạo đã mở rộng
 Không thể cậy ăn mặc”.
 Nhờ công đức Bảo Xưng
 Bốn người bạn được độ
 Mãn Thành cùng Vô Cơ
 Ngưu Tư và Thiện Dữ

Giúp năm mươi đồng tử
 Được độ thoát các khổ.
 Đầu tiên bên Thế Tôn
 Có sáu mươi La-hán.
 Phật dùng tiếng Phạm thiên
 Bảo các đệ tử rằng:
 “Các người đã thoát khổ
 Được yên ổn mát mẻ
 Chúng sinh chìm ái dục
 Chịu khổ đáng thương xót
 Các người phải thương xót
 Đi các nơi hóa độ.”
 Phân bố, sai môn đồ
 Rồi một mình bước đi
 Bèn đến đầm Dã tượng
 Nhân đó tìm chỗ nghỉ
 Hiện thân quang sáng ngời
 Hàng phục rồng độc hại
 Hiện thân tức biến hóa
 Các thứ đẹp kỳ lạ.
 Phật đã hết kiêu mạn
 Lại hóa các kiêu mạn
 Đầu tiên độ Ca-diếp
 Người ở đầm Dã tượng,
 Sau đó thứ lớp độ
 Độ hai em Ca-diếp
 Môn đồ ba vị đây
 Ngàn người thành Vô trước.
 Phật cùng ba vị ấy
 Công đức thật vòi vọi
 Phép tắc và tuệ thí
 Cấm giới, oai nghi tốt
 Ngàn đệ tử theo chân

Gọi Thầy trong các thầy,
 Thương xót vua Ma-kiệt
 Đi đến thành Vương xá
 Có người túc đức đang
 Thống lĩnh nước Ma-kiệt
 Dùng thiện ngự ngôi vua
 Đức lành hơn chúng sinh
 Nghe Phật, Bạc Đại Thánh
 Đến trong đất nước này
 Nghe liền sinh vui mừng
 Nghiêm chỉnh đi đón Phật
 Vua đích thân tụt ra
 Cùng rất đông quân lính.
 Dung nghi vua Bình-sa
 Khác hơn trong các vua
 Như Đế Thích, các trời
 Đều ra khỏi cung trời
 Nghiêm oai nghi dẫn đường
 Khi đến gặp trời Phạm,
 Cùng các vị trọng thần
 Mới vừa ra khỏi thành
 Giữ đúng theo oai nghi
 Vua Chuyển luân ra ngoài
 Cùng bề tôi ra đi
 Trước sau đều dẫn đường
 Nghiêm sức hơn thế gian
 Nhiệm mầu không gì sánh
 Voi, ngựa, xe, tùy tùng
 Tiếng vang đến tận mây.
 Phụ nữ ra đường xem
 Phục sức như chói sáng
 Ra khỏi các cửa thành
 Ngã tư đường tắc nghẽn
 Như các hang trên non

Nước mưa thu tuôn chảy.
 Bậc hùng trong các vua
 Đi gần đến chỗ Phật
 Phật phóng ánh sáng vàng
 Chiếu sáng giữa các cây
 Bằng oai thần Thế Tôn
 Khiến đẫm sáng sắc vàng
 Vua ngạc nhiên vui mừng
 Quay bảo vị quan hầu:
 “Nghe tiếng, nhìn sắc vàng
 Nghi lễ rất tương ứng
 Ta nhìn ngắm kỹ càng
 Quả thật vật báu màu
 Là biển cả trí tuệ
 Kho báu các điềm lành
 Xa ngắm trông hình dung
 Phật hiện bày tướng lành”
 Vua không kiềm vui mừng
 Liền bước xuống xe báu
 Như nhật ra khỏi mây
 Lặn xuống ở non Tây
 Năm uy nghi bỏ hết;
 Vua bước đến chỗ Phật
 Năm vóc lễ dưới chân
 Thật hết lòng cung kính
 Chắp tay ngược nhìn Phật
 Ý nhiệm mầu không chán
 Tâm mừng kính vô lượng
 Toàn thân đều nổi ốc
 Lễ xong về chỗ ngồi
 Nhất tâm nhìn kỹ Phật
 Hình dung càng đẹp hơn
 Giống như núi Tu-di

Ba lần tự xưng hiệu
 Nhân đó bạch Phật rằng:
 “Nay chiêm ngưỡng thân Phật
 Lòng không hề biết chán
 Phật ra đời kỳ lạ
 Làm chỗ nương ba cõi
 Nay vui mừng hơn hở
 Tâm tình trụ an nhàn
 Mau bỏ ngôi Thánh vương
 Sớm tìm lấy chân đế
 Được trời, người kính trọng
 Thật đáng tuyên giáo pháp
 Độ mình đến an tịnh
 Chúng sinh nguyện tròn đầy
 Nay lễ dưới chân Phật
 Thân quy mạng Thế Tôn!”
 Vua ngồi ở trước Phật
 Lại tự kìm chế hơn
 Dán mắt nhìn Đức Phật
 Như ong hướng cây hoa
 Chăm chăm không động nổi
 Khao khát muốn nghe kinh.
 Phật dùng tám thứ tiếng
 Nói pháp rộng vua nghe:
 “Các căn và tâm ý
 Sáu tình duyên khởi sắc
 Sinh diệt, không ngừng nghỉ
 Giống như chùm bọt nước
 Sự sinh diệt các căn
 Vua nên biết cho kỹ.
 Như gieo giống xuống đất
 Chắc chắn sẽ nảy mầm
 Mầm nào sinh giống ấy
 Vua nên biết xét mầm

Bóng nào thì hình ấy
Các tình ý như thế
Sự điên đảo sinh tử
Tướng nhân duyên sinh diệt.”
Vua nghe pháp sâu ấy
Tâm liền sinh sợ hãi
Thoát khỏi vực sinh tử
Được mắt tuệ thanh tịnh.
Mười hai ngàn thị vệ
Đều mong được giải thoát
Trên tám vạn vị trời
Đều được thuốc cam lộ.
Bấy giờ Phật Thánh Sư
Dừng nghỉ khu vườn Trúc
Lòng thương xót chúng sinh
Ngày đêm phát ánh sáng.
Tỳ-kheo tên Mã Sư
Thuận oai nghi đứng dậy
Lên tiếng bạch Đức Phật
Muốn vào thành khát thực
Phật cho phép ra đi
Nếu chợt gặp dị học
Phải dùng kế Tứ đế
Thứ lớp mà giải thích.
Nghe lời Thánh Sư dạy
Cung kính mà thực hành
Vì thân bốn đại này
Đi đến thành Vương xá
Tâm vắng lặng mà đi
Mắt nhìn không lia trước.
Ngoại học rất thông minh
Tên gọi là Thọ Huấn
Thấy oai nghi đẹp lạ

Tâm cung kính đến hỏi:
 “Qua oai nghi vắng lặng
 Chỉ nêu bày ý ấy
 Núi báu lạ nào đây?
 Vì vị thầy trên hết
 Ngài là viên ngọc gì
 Từ núi nào mà ra?
 Từ cây trí tuệ nào?
 Chỉ hoa tươi xinh đẹp
 Nhờ mặt trời nào đó
 Nơi ánh sáng chiếu ra
 Ao tuệ trong nào vậy
 Bèn sinh phù dung ấy?
 Thầy ngài dạy gì vậy
 Là ai được chỉ bày?”.
 “Có vua dòng Cam Giá
 Con vua dòng họ Thích
 Bỏ nhà tu thành Phật
 Là Bạc Thầy thế gian
 Ngài nên biết thầy tôi
 Thầy trời, người, Thánh hiền
 Tôi mới bắt đầu học
 Tuổi đạo còn rất trẻ
 Phật pháp thì sâu rộng
 Nói ra rất tinh vi
 Nay sẽ xin nói lại
 Lời dạy của Bạc Thầy:
 Hiểu khổ, biết gốc khổ
 Lại biết khổ diệt trừ
 Đó là đạo diệt khổ
 Thánh Sư thường giảng nói.”
 Ngài nghe bốn câu ấy
 Tâm liền ngừng dứt ngay
 Ưu-bà-thế lập tức

Được mắt tuệ thanh tịnh,
 Nhân vì Mục-kiền-liên
 Lại nói khắp bốn câu
 Liền đó thấy dấu đạo
 Đều đi đến chỗ Phật
 Với năm trăm đồ chúng
 Cúi đầu kính lễ Phật
 Cát tiếng khen Sa-môn
 Oai nghi liền đầy đủ.
 Hai vị trước thấy đạo
 Đều chứng quả La-hán
 Một vị trí bậc nhất
 Một vị giỏi thần thông
 Hai vị hầu Thế Tôn
 Như tả, hữu hai tay
 Chung sức giúp Đức Phật
 Như vua giỏi, tôi hay.
 Có một người quý tộc
 Tên là Lạc Thọ Sinh
 Bỏ màu vàng đẹp đẽ
 Cạo tóc mặc ca-sa
 Nơi đồng hoang Đa tử
 Thấy Phật bày bốn hạnh
 Mời đầu được thấy Phật
 Bậc Thầy Nhất Thiết Trí
 Chắp tay để trên đỉnh
 Xa cúi đầu lễ Phật:
 “Phật là Thầy của ta
 Ta là đệ tử Phật.”
 Phật dùng tiếng trời Phạm
 Từ tâm bảo ông rằng:
 “Làng thay! Hiền minh sĩ
 Vừa lúc gặp tốt lành”

Phật thuận theo bốn hạnh
 Giảng nói pháp sâu mầu
 Tiêu diệt nhóm trần lao
 Tức thời được chứng quả.
 Cùng ba đệ tử Thánh
 Nhất thiết trí sáng ngời
 Như đêm rằm trăng tỏ
 Cùng ba sao sáng trời.
 Vừa từ nước Xá-vệ
 Phụng sứ đến Vương xá
 Cửa báu ư bố thí
 Tên gọi là Tu-đạt
 Vừa nghe đến danh Phật
 Vui hớn hở vô cùng
 Toàn thân đều nổi ốc
 Đêm dài không ngủ được
 Nửa đêm đến chỗ Phật
 Liền đến được gặp Phật
 Năm vóc lễ chân Phật
 Lòng tràn đầy hân hoan.
 “Ngươi vì ư đạo pháp
 Bỏ đi ngủ nghỉ ư?
 Đêm vui đến chỗ Ta
 Chắc chắn được báo tốt
 Giữ giới và trí tuệ
 Vinh dự sinh lên trời
 Vết nhơ của dâm dục
 Nói rộng ngần ấy pháp
 Như tấm nỉ sạch đẹp
 Nhuộm màu vào rất tươi”.
 Khi trưởng giả Tu-đạt
 Chịu vào ao Nê-hoàn
 Phát nguyện lâu cầu Phật
 Muốn Ngài sinh ra đời

Độ thoát chúng sinh khổ
 Lời thệ nay đã trọn
 Từ sinh tử khổ ách
 Độ vô số chúng sinh
 Dẫn đi đường bằng phẳng
 Đến tận thành Nê-hoàn
 Như điều sở nguyện ấy
 Mỗi mỗi được theo ý.
 Người được độ từ xưa
 Đều uống vị cam lộ
 Thấy đều được yên ổn
 Chẳng rơi chốn nguy nan
 Người nghe xong tu học
 Sẽ vào thành Nê-hoàn.

M

Phẩm 19: QUẢNG ĐỘ

Một mình độ tất cả
 Riêng là Thầy thế gian
 Dẫn dắt cả trời, người
 Hiệu Phật trời trong trời
 Đêm dài trong trần lao
 Sống lâu với người ngủ
 Đánh lên trống chánh pháp
 Để độ người đáng độ,
 Năm gò đã vun đắp
 Trong thành La-duyệt-kỳ
 Độ vương đệ Lê Hắc
 Cùng với tám muôn người
 Trưởng giả hiệu Dũng Mãnh
 Bỏ sển che mắt kia.
 Trước hóa độ Viêm Quang
 Và độ ông Kỳ-vực

Ở trong thành Vương xá
 Thuộc nhà Ca-la-vệ
 Thế Tôn sáng hơn nhật
 Dùng lửa định đốt Phật
 Mưa pháp rửa sạch tâm
 Lửa ba cấu lấy lừng
 Cơm độc và bụi tối
 Cùng lúc đều tiêu tan.
 Trong nước lớn Tỳ-đề
 Đạt sĩ như Phạm thiên
 Độ Phạm chí nổi tiếng
 Tên là Phạm Ma Du,
 Vua nước lớn Hương Trì
 Mắt như cánh sen xanh
 Giải thích cho sáu pháp
 Giác ngộ Chánh kiến đấng.
 Có núi tên Đạo thuật
 Hiện bày như núi vàng
 Tâm tịnh có trí tuệ
 Tắm gội giải thoát tục
 Có mười sáu Phạm chí
 Tên là Độ Bỉ Ngạn
 Và hơn sáu muôn người
 Đồng thời đều chứng đạo.
 Bây giờ các ruộng phước
 Kéo đến ở trong nhóm.
 Lúc ấy, trong nhóm kia
 Có Phạm chí cao sang
 Danh lừng tên Hắc Xỉ
 Muốn làm lễ tế trời
 Xé lưới nghi cúng tế
 Đứng giữa con đường chính
 Bây giờ núi Tỳ-đề
 Trong hang động Đấng Thích

Phật ở trong động ấy
Bất động như Thái sơn
Nhạc trời vang vọng khắp
Ca tụng Phật giác ngộ
Đem cam lộ thanh tịnh
Cho vua Đế Thích uống.
Ôm hại nhiều tức giận
Cơn gió nhanh dữ dội
Trán bằng ngón tay nhỏ
Mê hoặc chạy như điên
Hại như vua Diêm-ma
Phạm chí Ương-quật-ma
Dùng thần túc điều hóa
Kẻ hung bạo khó điều.
Lại ở cõi An cư
Phạm chí tên Giới Thận
Bị dây nghi trói buộc
Dứt bỏ sự nghi ngờ
Cùng ba trăm đệ tử
Từ khổ được giải thoát
Cắt bỏ mọi trần lao
Khiến cho không còn sót.
Trên đầu lửa cháy bùng
Trong miệng cũng phun lửa
Dưới môi ngậm giận tức
Ném vào lửa bùng cháy
Toàn thân lửa hừng hực
Giống như kiếp thiêu tận
Dùng lời dập tắt lửa
Quý thần A-lạp kia.
Thân lớn như mây xanh
Chớp sáng lòa loang lổ
Thân cũng lớn như thế

Trang sức chuỗi ngọc vàng
 Muốn hại phun khí độc
 Sấm chớp mưa đá dày
 Hiện thần lực phút chốc
 Diệt rỗng độc không mầm.
 Ở trong thôn Đại Trạch
 Hóa đồng tử Bang Thủ
 Trước độ Thiện Hôn Miên
 Dã thành hóa Thủ Thụ.
 Câu-thiểm-ni dã giúp
 Vô Úy và Linh Giả.
 Ở trong thành La-duyệt
 Hóa Phạm chí Vô Hiền
 Duy-da-ly dã độ
 La sát ăn thịt ác
 Quỷ thần dữ Diệp Nhĩ
 Điều hóa độ giải thoát.
 Sức sư tử dã xuống
 Hóa độ bốn ngàn người
 Hóa độ Kiếp-tân-nâu
 Và bốn ngàn đồng tử.
 Núi Súc phồn hoang vu
 Độ thái tử Đạo Đức
 Địa thời độ Bạch Chuyển
 Sở Sinh độ Tế Sứ
 Lui lại ở Song lâm
 Đến nghe ở Xá-vệ
 Độ Phạm chí Vô Úy
 Và vô số đại chúng
 Lại độ Ưu-ba-tiên
 Năm trăm tướng theo hầu
 Lại độ Thính Thọ thấy
 Và năm trăm Phạm chí.
 Hóa đệ tử Bất Lan

Có năm trăm người buồn.
Độ họ Thích năm trăm
Đều cho làm Sa-môn
Ở tại thôn Thanh lâm
Hóa độ hai trăm người
Vô Trì độ hai trăm
Hội Đồng độ năm trăm,
Lại ở thôn Úc truyền
Hóa độ tám mươi người
Ở Tử Mãn sáu trăm
Tùy-đề năm mươi người.
Các trời, bốn vua trời
Sức mạnh giúp thế gian
Thế lực như nước cuốn
Sân hận như sóng tràn
Do đó vượt chú giáo
Nói cho bốn Thánh đế
Cuối cùng được giải thoát.
Đường Bát chánh lập ra
Cho bậc Hiền sĩ thấy
Hai mươi tám quỷ thần
Tướng quân hung tộ ác
Quấy nhiễu hồn phách người
Quỷ thần ở núi Tuyết
Thụ Mao nhiều tức giận
Thích Mao rất tộ ác
Phật dứt sự sân hại.
Nữ thần mẹ các quỷ
Tên gọi là Thủ Khứ
Ăn trẻ con còn ẵm
Rất nhiều của thế gian
Lại rất yêu con út
Phật bắt nhốt trong bát

Quý mẹ tìm mọi cách
 Cống cuồng đến chỗ Phật
 Phật hỏi: “Người thương con?
 Người đời cũng thương con!
 Nếu người không giết hại
 Ta sẽ chỉ người con!”
 Liên vâng dạy, thọ giới
 Không giết, giữ lòng Từ
 Cùng con quy y Phật
 Như sóng về biển sâu
 Dẫn rất nhiều nam nữ
 Quý nam, nữ cũng đông
 Các nam, nữ cháu, chất
 Vô số đầy đăm hoang.
 Trong vườn cây Kỳ-đà
 Hóa độ mẹ con quý
 Và vô số chúng theo.
 Phật trao cho chánh pháp
 Sa-môn nước Tùy-đề
 Độ thoát bốn mươi người
 Sa-môn ở khắp nơi
 Lại độ ba trăm người.
 Độ Phạm chí Thốc Phát
 Và bốn ngàn đồ chúng
 Có Phạm chí Dũng Tiến
 Lại độ cả ngàn người.
 Như độ Xá-lợi-phất
 Vô số người tinh tấn
 Dùng cách độ Bàn-đặc
 Dịu ngọt dạy cũng nhiều.
 Lại như pháp An tường
 Độ vô số người lành,
 Cách độ La-tuần-nhu
 Độ những người bạc phước,

Như cách độ Hiền Lương
 Độ vô số người sang,
 Như cách độ Xí Phương
 Độ vô số kẻ hèn,
 Như cách độ Ca-diếp
 Độ nhiều kẻ điều lương,
 Như độ Ca-lâu-đà
 Độ nhiều người buông lung,
 Như cách độ Thiện Trừ
 Hóa độ vô số người,
 Dùng cách độ quý tánh
 Cũng độ vô số người,
 Như cách độ Chiêm-ba
 Độ những người xem tướng,
 So sánh như Ca-diếp
 Hóa kẻ biết tiếp lời.
 Trong cửa thành Xá-vệ
 Gặp năm trăm đệ học
 Phương tiện độ thoát chúng
 Bằng lửa bao chung quanh.
 Hiện thần tức biến hóa
 Độ Uất-trì Ca-diếp,
 Dùng uy thần hàng phục
 Phạm chí tên Khoái Đế
 Thấm Đế cùng An Tiệm
 Cả vua rồng Vô Miêu
 Cùng trưởng giả Ngôn Đàm
 Điều hóa độ nhanh chóng.
 Hoặc như Ương-quật-ma
 Buông dao đượ hóa độ
 Như độ vua Hương Trì
 Đón rước độ Phiền Ý.
 Dùng ngàn ấy cách thức

Tiếp độ Kỳ-đệ-nan
 Độ Phạm chí Nhân Đầu,
 Phật từ nhân hóa ra
 Biến hóa làm thân nai
 Tế độ người thợ săn.
 Năm trăm người họ Thích
 Hóa tên họ thành hoa.
 Hóa say như Úc-già
 Độ nghiêm sức như lụa
 Để độ người kiêu mạn
 Cứu những kẻ kiêu sa
 Độ Ca-diếp khó động
 Nghịch chẳng chịu thí kia.
 Dùng ngàn ấy cách thức
 Đi điều độ chúng sinh
 Trường Xỉ cùng Hắc Tử
 Và tạo tác Kết Bình
 Quỷ thần ác các nước
 Phật đã giáo hóa rồi.
 Thượng thăng cùng Thâm Áo
 Và hình tượng Giang Thy
 Đến thần quỷ Lao Sơn
 Hóa độ Phổ Quảng sơn
 Độ quỷ Minh Châu Xỉ
 Quỷ Hoa Xỉ thứ hai
 Ngàn mắt và mắt xanh
 Pháp Độ cùng Xích Sắc
 Anh Nhĩ và Hoa Nhĩ
 Đại lực rất cống cao
 Ở trong hang núi sâu
 Hóa độ các quỷ thần.
 Phật đến nước Đại hống
 Độ các Ưu-bà-tắc
 Lập ra Bất hoàn đạo,

Trăm năm mười người phạm
 Có hai trăm năm mười
 Chúng được Bất hoàn đạo
 Có cả năm trăm người
 Được đạo Tu-đà-hoàn
 Sở Hương và Hỷ Thán
 Thân giả, Lạc Hoa Môn
 Thính Thiện Tính và Vụ
 Kết Thiện Lai, Sung Dật
 Xứng Mãn và Thiện Giác
 Trọng Ấn Quang mỉm cười
 Ngưu Thắng, Khiết Tường Cảnh
 Vị Phát, cùng Tuyên Tác
 Các La-hán như thế
 Năm trăm vị cùng hàng
 Nói lược mối manh ấy
 Đã độ nhiều không lường.
 Hoặc dạy lời mềm mỏng
 Hoặc dùng lời thô thiển
 Hoặc dùng cương nhu điều
 Phật hết lòng giáo hóa.
 Ông Điều-đạt buông lung
 Voi say ở Vương xá
 Phật giáo hóa người mê
 Voi say tên Tài thủ.
 Bấy giờ ngoài cửa thành
 Phật hiện sư tử mãnh
 Voi mắt lành nhìn Phật
 Được thọ ký thành Phật.
 Trong hang động Đế Thích
 Hàng phục trâu đực dữ
 Loài nhạn chốn hoang vắng
 Vì hạ sinh giống trời.

Trong thành Bất cụ kia
Hai cọp con mới sinh
Được từ tâm của Phật
Cùng hàng ngàn chim bay.
Anh vũ và chim công
Sói, beo cùng Duy-la
Rắn độc, rùa, ba ba
Chim sáo và Xa lập
Bồ câu cùng chim quạ
Và đến cả ẻnh ương
Bọn chúng được nương nhờ
Đều được sinh cõi trời.
Lõa hình xuống sông biển
Bơi được đến bờ kia
Mặt trời ngàn ánh sáng
Có thể dùng tay che
Các kinh Phật nghĩa sâu
Câu nhiệm mầu rộng lớn
Tất cả các Thánh sư
Không có người hiểu hết!
Vô số chư Thiên vui
Vô lượng các Thánh thần
Vô biên thần hư không
Thần đất, núi vô vàn
Vô số thân cây, nước
Vô số trời và người
Hóa độ vô số biên
Nguyện đời trước đã đủ.
Như Phật được đủ nguyện
Thầy của Thánh, người, trời
Người, trời cũng sung mãn
Nguyện lành đã mong cầu.
Cũng nguyện khiến tất cả
Loài chúng sinh hữu hình

Người tu học kinh này
 Giúp vào thành Nê-hoàn.
 Các trời, thần chấp nhạc
 Rồng, Quỷ, A-tu-luân
 Tất cả nghe kinh Phật
 Được uống thuốc cam lộ.
 Người gặp Phật được độ
 Thế gian nay vẫn có
 Các vị ấy giữ nước
 Tai họa tiêu trừ hẳn.

M

Phẩm 20: HIỆN ĐẠI THÂN BIẾN

Vua trong các trời
 Cùng với các trời
 Thắng kẻ thù mạnh
 Các A-tu-luân
 Tiếng tăm, thế lực
 Đồn vang khắp nơi
 Ngồi giường yên ổn
 Lòng vui vô lượng
 Dem pháp nhiệm mầu
 Thuốc thần cam lộ
 Người trời tôn kính
 Rất tự no đủ
 Giống như Thiên đế
 Ngồi trên giường an,
 Phạm chí thấy Phật
 Ngồi yên như thế
 Tâm không hoan hỷ
 Không được nghỉ ngơi
 Nên sinh ganh ghét
 Trong lòng phiền não

Nhân cùng nhóm họp
Ở trong rừng cây
Cùng bàn nghĩa rộng
Luận thuyết với Phật.
Vì sao người ấy
Riêng hiển trên đời
Danh đức vang xa
Vượt trên chúng ta
Và đem người đời
Vào đường Thánh hiền
Khiến pháp Phạm chí
Thành bị coi thường.
Nếu danh đức ấy
Càng lâu càng thêm
Danh tiếng chúng ta
Sẽ bị tiêu tan,
Danh tiếng chúng ta
Nếu bị tiêu vong
Thì làm sao được
Cúng dường an vui.
Nên phải cố gắng
Suy nghĩ tìm cách
Chỉ dòng họ Thích
Được kính cúng dường
Nếu xô ngã được
Chống được việc trên
Thì sẽ mất hết
Cúng dường, tiếng khen.
Tất cả suy nghĩ
Tìm lỗi xấu Phật
Có người lên tiếng
Chê bai dung nhan
Có người khen ngợi
Lời lẽ thanh tịnh

*Hoặc lại thán vịnh
Tướng tốt của Ngài
Những lời như thế
Lẫn lộn không đồng
Để mà xưng dương
Công đức Thế Tôn.
Bấy giờ, trong ấy
Có vị Phạm chí
Bảo mọi người rằng:
“Nghe lời của ta:
Lúc mẹ sinh Phật
Từ hông phải ra
Mẹ không còn nữa
Vết thương vỡ da
Khó động đại địa
Rung chuyển sáu cách
Nhạc trời nhiệm mầu
Tự nhiên tấu vang
Tự nhiên không trung
Mưa các hoa trời
Lúa vàng, lúa bạc
Các thứ hương thơm
Lúc đó mặt trời
Sáng hơn ngày thường
Hoa rơi giống như
Màn trướng nhiều màu
Các trời khua đánh
Chuông báu, trống vàng
Mây lành nhuần thấm
Như rủ ân trạch
Trời, trăng, đèn, đuốc
Đều mất ánh sáng
Khắp đời mừng rỡ*

Như được chỗ nương.
 Sinh ra ở giữa
 Rừng cây nhiệm mầu
 Lúc từ hông sinh
 Như trời ra mây
 Trong khoảng thời gian
 Rơi chưa tới đất
 Tay Thiên để đỡ
 Cung kính đứng hầu
 Lúc Thái tử sinh
 Hiện bày những điềm
 Kỳ lạ như thế
 Không thể nghĩ bàn
 Trời đất vì đó
 Cảm động chứng tri.
 Từ đấy khắp đời
 Vang danh độ thế
 Cẩn cầu chút ít
 Giải thoát cho đời
 Khởi bản trần lao
 Rắn độc hại người
 Đứng ra xứng với
 Ngôi vua chuyển luân
 Bỏ vui chẳng đoái
 Siêng cầu Nê-hoàn
 Chẳng bị mê hoặc
 Cái mà trẻ mê
 Nghĩ già, bệnh, chết
 Thương tổn tình ấy
 Bỏ nhà vào rừng
 Hạnh sạch, lòng dưng
 Tiếng tốt khen ngợi
 Người ấy ai hơn
 Đệ tử người ấy

Theo tốt, làm lành
Vì thế cho nên
Được đời cúng dường
Ca-diếp, Mục-liên
Và Xá-lợi-phất
Mà còn khuất phục
Ai dám chẳng theo
Ba vương xả bỏ
Ngôi vua tốt đẹp
Giữ oai nghi mẫu
Của vị Sa-môn.
Ngoài ra vô số
Người hiền lành tốt
Theo về họ Thích
Dạy bảo khuyên răn
Phật ở cõi thế
Đã được hài hòa
Hoặc nhân đệ tử
Hoặc dùng đức mình
Nên tìm mọi cách
Sớm khuất phục người
Như “vua bệnh nặng”
Nghĩ cách dứt trừ.
Nay bọn tà kiến
Vết xấu chưa hiện
Người chưa giác ngộ
Tóc để bù xù
Cũng chưa khởi cười
Thân hình bôi tro
Năm thể lỏa lồ
Lễ tiết như thế
Hiện việc trở làm
Không thể thắng được,

Dùng lời khẩu biện
Trao đổi luận đàm
Tinh tế khéo léo
Thì không sợ gì
Hiền thiện đông đảo
Cùng với Ca-diếp
Trực tình chất trực
Tên là Thẩm Đế
Thân thể cường tráng
Vòi vọi đáng sợ
Sở học thông suốt
Minh đạt hơn thầy
Coi người thế học
Khác gì cỏ hôi
Lại tự kiêu căng
Ý thường tìm địch
Lời lẽ phục chúng
Như vị khách say
Được đến với Phật
Đều lay dưới đất
Khác nào như voi
Gặp sư tử mạnh.
Ta còn một cách
Có thể thắng Phật
May ra dùng nó
Hàng phục được Phật
Nếu giờ có thể
Chắc sẽ thắng nó
Thì danh đáng kể
Lại thêm lợi dưỡng
Chỉ việc thỉnh Phật
Xin hiện thân thông.
Tính không háo thắng
Lại ưa then thùng

Thường dạy đệ tử
Không hiện thân túc
Nếu không hiện biến
Thì thua chúng ta”.
Nghe vậy mừng rỡ,
Lại cùng nhau khen
Sau đó giải tán
Trở về lều hang.
Đêm ấy ma trời
Đến với đệ học
Muốn dùng oai thần
Khiến ý vui mừng
Tất cả mọi người
Đều đến hang kia
Tự biến hình dáng
Như đệ tử kia
Tự gieo thân thể
Dưới chân Bất Lan:
“Con đây chính thật
Đệ tử Thánh Sư”
Lại còn đi đến
Chỗ năm người khác
Đi đến khắp cả
Đối gạt sáu người.
Dùng thân túc ấy
Khiến họ ngạc nhiên
Phạm chí vui mừng
Cho chắc chắn thắng.
Các Phạm chí thấy
Vào lúc sáng sớm
Nhóm họp nhau lại
Đến cửa cung vua
Tới trước mặt vua

Là quan Minh ti
Bày tỏ đầy đủ
Sứ vào tâu vua:
“Các vị Phạm chí
Đại Bà-la-môn
Đều đã nuôi lớn
Trí tuệ nhiều đời
Nay đến ngoài cửa
Xin gặp đại vương
Như bậc Thiên tiên
Đến cửa Đế Thích.”
Vua nói: “Ta nghe!
Các Phạm chí này
Muốn tranh với Phật
Bày công đức mình
Ganh ghét với Phật
Tướng tốt, đức lành
Như A-tu-luân
Ganh sáng mặt trăng.”
Các quan tâu vua
Bọn ấy nhóm họp
Lớn tiếng reo hò
Muốn cùng đối địch
Giống như bầy gấu
Trâu đực, hổ, voi
Như bị sư tử
Chận dưới hang rôi.
Vua liền cho phép
Các Phạm chí hiện
Ngồi đó chờ đợi
Kính lễ dung nhan
Ý lành chiêm ngưỡng
Từ tốn nói rằng:
“Các thầy sao lại

*Khổ thân, nhọc lòng?”
Các Phạm chí thầy
Đưa tay phải lên
Cùng lúc nói rằng:
“Khải bạch Thiên vương
Người trí tuệ đạt
Ứng hầu đức vua
Như bậc Thiên tiên
Yết kiến Phạm thiên
Phạm thiên lập vua
Chỉ dùng một phép
Ở tại thế gian
Chứng minh việc người
Chỉ việc lượng định
Đúng pháp hay không?
Lập nên ngôi vua
Thì đã lo lường
Từ xưa đến nay
Chưa từng nghe thấy
Thuở đời trước đây
Còn chẳng như vậy.
Nhìn các Phạm chí
Các công đức lành
Như đối nước vua
Được phước cúng dường
Nguyện theo ý ấy
Có ý đến đây
Giờ có nguyện nhỏ
Tấu bạch vua trời:
Xin muốn cùng với
Sa-môn Cù-đàm
Đều ở trước vua
Sánh lực thần thông*

Ngài thân xem xét
Người trí tuệ lớn
Có thần lực lớn
Công đức vượt hơn
Sau đó có thể
Hiểu biết rõ ràng
Người được đắc thắng
Vua thỉnh làm thầy”.
Hồi lâu vua bèn
Bảo các Phạm chí:
“Hiện minh cạnh tranh
Lý chẳng yên lòng
Vàng còn trong quặng
Tranh với vàng ròng
Cho nên kẻ sáng
Không nên cạnh tranh”.
Bấy giờ Phạm chí
Lại tâu vua rằng:
“Xin vua soi xét
Đối các nhân ấy
Không còn phải tránh
Những con đường ấy
Đối pháp lành mình
Siêng năng suy nghĩ
Xả bỏ sách xưa
Hang động đã ở
Lại còn xả bỏ
Phạm chí tiên sư
Đột nhiên trở về
Pháp luật Cù-đàm
Giống như nước biển
Vào miệng Ma-kiệt”.
Nói sự lý ấy
Và còn vô số

Những lời lẽ hay
Bức thiết trình tấu.
Vua do đó nhìn
Các quan đứng hầu
Bèn giao việc này
Cho Lê Sư Đạt
Nhưng Lê Sư Đạt
Từ tốn nói rằng:
“Nay có một việc
Xin đều lắng nghe
Hiền dùng ý lành
Cào gãi vết ghẻ
Thì dùng lược mềm
Dứt hết gốc bệnh,
Sư tử hổ lang
Hổ mang độc hại
Lại cùng ngủ chung.
Người trí phải tỉnh
Nay Phật ngồi thiền
Nhập thiền vắng lặng
Các Ngài không nên
Vô sự giác ngộ
Giống như chim thước
Tranh với chim vàng,
Nước dẫu chân trâu
Sánh với biển xanh,
Lửa con đom đóm
Tranh sáng mặt trời,
Đống tro bón ruộng
Muốn sánh Tu-di,
Muốn cùng ánh sáng
Mặt trời cạnh tranh,
Lại muốn sánh tròn

Cùng với mặt trăng,
Muốn cùng Đế Thích
Cùng nhau chiếu sáng.
Lại mời trời Phạm
Hiển bày thần túc
Các loài thấp kém
Như quỷ đói đến
Cùng với các ngài
Muốn đấu thần lực.
Các ngài thỉnh Phật
Cũng giống như thế
Người thông đạt nào
Mà tin việc này
Nay đây các ngài
Có các đệ tử
Khéo tự giữ gìn
Đối dòng họ Thích
Như cá Ma-kiệt
Khi đã ngủ say
Chớ nên gọi thức
Dậy nuốt tôi đi!”
Nhà vua cho phép
Điều Phạm chí tâu
Vua cho kỳ hạn
Hẹn bảy ngày sau.
Vua liền vội vã
Đến gặp Như Lai
Hướng về Đức Phật
Thưa rõ việc này:
“Con với pháp Phật
Không hề nhàm chán
Nghe nhận chánh điển
Nhiệm mầu của Ngài
Lòng ham các lành

*Không có dứt bắt.
Nay suy xét kỹ
Thế Tôn đức lành
Ngài vô số kiếp
Hạnh chứa như sông
Công đức đời này
Tràn đầy như biển
Giống như ngày đêm
Nổi mây mưa lớn
Nước mới vào biển
Càng đầy tràn thêm.
Đức Phật, Thế Tôn
Biển lớn vô lượng
Các Phạm chí thấy
To lớn tràn đầy
Liên muốn dùng tay
Tiếp lấy đổ hết.
Tát nước biển đầy
Muốn cho khô cạn.
Các Phạm chí hèn
Ở vườn Kỳ thọ
Vào bảy ngày sau
Đấu lực thần thông
Vua đã hứa khả
Những điều họ tau
Bọn họ cùng con
Đã kết thề sâu
Thoái chí không mất
Kính bạch Thế Tôn”.
Ngu tình có lỗi
Tội lớn như non
Thể vua vốn trắng
Người to lạ thường*

*Khen oai đức Phật
Bổn nhiên nhỏ nhắn.
Một đệ tử Phật
Tên gọi Mục-liên
Quyè thẳng chấp tay
Đến bạch Phật rằng:
“Phật, trời trong trời
Thầy các Thánh chúng
Xin hãy vắng lặng
Việc này giao phó
Kẻ hèn khuất phục
Bọn dị học này”.
Như chim cánh vàng
Đến các rồng biển
Phật dùng Phạm âm
Mà bảo họ rằng:
“Vì họ mời Ta
Nên Ta phải đến.”
Vua nghe Phật hứa
Vui mừng hớn hở
Nhân đó lên tiếng
Mà nói lời rằng:
“Mọi người trên đất
Và trên hư không
Trời, Rồng, Thần, Quỷ
Nghe lệnh ta truyền
Các loài đắp đổi
Phải bảo với nhau
Núi to, biển lớn
Không trung, trên trời
Mời nhau hội lại
Xem đức danh xưng
Phải đến chớ nghi
Các hội khắp đời!”*

Bấy giờ hội ấy
Đã đến bảy ngày
Nơi vườn Kỳ thọ
Điềm lành ứng hiện
Đem các nước hương
Tươi vấy, tắm gội
Hoa màu đủ loại
Rải khắp trên đất.
Loài trông thấy được
Hiện trong hư không
Các trời lữ lượt
Cùng các Thiên nữ
Các cây báu màu
Hiện trong không trung
Các cờ phướn báu
Đầy khắp hư không
Lọng phát, châu rủ
Đủ các loại hương
Anh lạc các trời
Tràng hoa rợp mắt
Các báu chứa nhóm
Hiện khắp nơi
Của báu các trời
Chất đầy không trung.
Trên trời, dưới đất
Ai cũng hơn hở
Nên nhóm họp lại
Xem thần biến hiện
Người, trời tụ lại
Như biển mênh mông
Ví như nước thu
Xuôi về biển Đông.
Bấy giờ, có vị

Trời tên Xứng Linh
Xem hết các chỗ
Đâu cũng vui mừng
Từ trời đáp xuống
Đầu lễ chân Phật
Có tâm cung kính
Bạch Đức Phật rằng:
“Hôm nay con sẽ
Khác hơn mọi khi
Siêng năng thờ phụng
Đức Phật, Thế Tôn
Như có thuở trước
Cho người điều lành
Thì kia thêm báo
Dùng lành đón họ
Thế Tôn thương khắp
Thêm cho thế gian
Lần lượt vì họ
Chúng sinh nương tựa.
Như nay quan sát
Phật trời trong trời
Đức Phật ra đời
Riêng chỉ vì con
Tự nghĩ thân con
Làm vua nước lớn
Thân mình đời trước
Làm việc lành, dữ
Duyên này lại trải
Trong gian nan nhiều
Như từ cõi trời
Đọa xuống địa ngục
Chặt đến tận khuỷu
Cả hai tay con
Tiện đến đầu gối

*Của cả hai chân.
Giống như hàng thị
Dùng cách mổ dê
Ra từng chi thể
Khiến đều tan rã.
Khi ấy Thế Tôn
Đến làm thầy con
Nhờ Phật, Thế Tôn
Lại thọ sinh mạng
Khi Phật vì con
Nói pháp nhiệm mầu
Liên đó kiến lập
Chúng A-na-hàm
Riêng một mình con
Thắng được dị học
Dùng sức thần thông
Hàng phục ngoại đạo.”
Đích thân Thế Tôn
Khen đệ tử ấy
Dùng trí Nhất thiết
Tiên liệu rõ ràng
Nay phải phụng thờ
Thêm chút nhọc nhằn
Để cho đời sau
Lấy làm việc nhớ
Phạm chí về sau
Nghe lời bàn này
Không còn dám nữa
Đòi đấu thần thông.
Phật dùng thần túc
Bổng bay lên không
Rời trong khoảnh khắc
Đến tận núi Tuyết*

Trong khe núi sâu
Thấy cây đẹp kia
Hương trời các báu
Nhiệm màu trang nghiêm
Nhổ lấy cây lớn
Tàng rộng do-diên
Dùng tay nâng bổng
Giống như lọng báu.
Bấy giờ Đức Phật
Ngồi trên tòa báu
Thì các trời lấy
Các thứ lụa trời
Trang hoàng cây báu
Thật rất đáng ưa
Bấy giờ phát ra
Vô lượng ánh sáng,
Ví như mây tan
Nhật bỗng hiện rõ
Màu vàng rực rỡ
Sáng màu bạch ngân
Ánh sáng chói lợi
Sáng khắp thế gian
Tự nhiên hoa sen
Từ đất hiện lên
Hoa sen ngàn cánh
Bằng các báu trời
Cành hoa bằng chất
Litu ly xanh biếc
Tòa cao ngà voi
Trên đài hoa sen
Bằng vàng cõi trời
Lưới ngọc sáng lòa
Là thí chủ Phật
Đẹp không gì bằng.

*Phật bước khoan thai
Lên tòa báu trời
Ở trên hoa sen
Như vua Phạm thiên
Ánh sáng thân Phật
Còn vượt hơn nhiều
Trời, trăng, châu sáng
Không thể so sánh.
Tay phát ánh sáng
Chiếu sáng thế gian
Đèn trí Nhất thiết
Sáng soi thế gian
Giống như hoa sen
Chẳng dính nước bụi.
Chúng sinh nhìn Phật
Vây nhiễu chung quanh
Như ong vờn hoa
Để mà hút mật
Nhìn mãi mặt Phật
Mà không thấy đủ,
Sai sứ đến mời
Các sư ngoại đạo
Tâm trí chẳng muốn
Đến trong chúng hội
Thời Phật mới bảo
Vớ trời và người
Rằng: “Họ không chịu
Đến trong hội này”.
Bấy giờ thân thông
Tất cả Thánh trí
Duyên chúng sinh rớt
Người đáng được độ
Liền dùng mắt Phật*

Quán sát mười phương
 Muốn từ sinh tử
 Độ khắp chúng sinh
 Đất liền nứt ra
 Ngục khổ đều hiện
 Như há miệng lớn
 Muốn nuốt thế gian.
 Chúng sinh sợ hãi
 Trong tâm run rẩy
 Như thuyền khách buôn
 Gặp miệng Ma-kiệt
 Đức Phật liền gọi:
 “Đại Mục-kiền-liên
 Nói cho chúng sinh
 Các địa ngục này!
 Đau này như thế!
 Khổ ấy như vậy!
 Phạm các tội ấy
 Thì đọa ngục này!”
 Mục-liên trên không
 Lớn tiếng giải bày
 Biến mười tám ngục
 Nói về tội báo
 Thời, chúng sinh đều
 Biết việc đã làm
 Phải đọa nơi ấy
 Hoặc sinh chỗ này.
 Tất cả chúng sinh
 Tâm đều hướng Phật
 Không nương nơi khác
 Chỉ quy Tam tôn.
 Chúng sinh chuyên tâm
 Một bề không động
 Bông đứt trời buộc

Thế rồi biến hiện
Nơi tòa báu Phật
Bốn góc hóa hiện
Mỗi góc bốn Phật
Ngồi hoa sen báu
Nhân đó chuyển biến
Vô số chư Phật
Ngồi hoa sen báu
Đầy khắp hư không.
Ánh sáng chư Phật
Chiếu sáng mười phương
Thân hoặc ra nước
Như mưa trong mây
Hoặc lại biến hiện
Nước, lửa đều tuôn
Tràn khắp không gian
Hóa hiện như vậy.
Bấy giờ Phật hiện
Thần biến như vậy
Đến trời hai tám
Trời Vô kết ái
Chư Phật đầy khắp
Tam thiên thế giới
Chúng sinh xa gần
Thấy Phật tại chỗ
Chư Phật Thế Tôn
Ngồi trên hoa sen
Sáng ngời thần đức
Tất cả đầy đủ
Công đức lồng lộng
Giống như núi báu
Bốn núi trang nghiêm
Sáng rỡ ở đời.

Như vua trời Phạm
 Khi từ hoa ra
 Ngồi trên hoa sen
 Oai nghi đầy đủ
 Chỉ Phật Thế Tôn
 Hàng phục ma binh
 Ngồi trên hoa sen
 Đức hơn trời Phạm.
 Tất cả chúng sinh
 Xoay vần bảo nhau:
 Từng ấy số kiếp
 Trăm ngàn muôn ức
 Vô số lượng kiếp
 Chứa nhóm công đức
 Kho Nhất thiết trí
 Hôm nay phát ra
 Giống như thuở xưa
 Vào lúc kiếp sơ
 Bốn loài chúng sinh
 Từ miệng Phạm ra
 Nay Phật xuất hiện
 Như trời Phạm xưa
 Từ miệng Phật ra
 Vô lượng Đức Phật.
 Từ xưa đến nay
 Chúng sinh nhớ nghĩ
 Cho thế giới này
 Chỉ có một Phật
 Nhờ ánh sáng Phật
 Nuôi dưỡng các lành.
 Vô số Đức Phật
 Là chỗ đời nương
 Đèn lớn của Phật
 Thắp sáng thế gian

Ánh sáng soi suốt
Chúng sinh ba cõi
Thế gian không còn
Ngu si tối tăm.
Nhất thiết trí sáng
Ngu si diệt hết
Ánh sáng màu xanh
Sáng rỡ hư không
Ngồi ở trên hoa
Sen báu ngàn cánh
Phật hiện phước báo
Đầy thế giới này
Giống như biển lớn
Bảy báu tràn đầy.
Phật hiện chúng hội
Đều mang tâm lành
Liên dùng âm thanh
Tiếng Phạm thanh tịnh
Dịu dàng sâu xa
Và các âm thanh
Rộng vì chúng sinh
Nói pháp mẫu nhiệm:
“Ba cõi như thế
Vô thường mong manh
Vô ngã, khổ, không
Diệt, vô vi an”.
Khi Phật nói pháp
Sâu xa như thế
Tiếng vang khắp cả
Tam thiên thế giới
Hàng ức chúng sinh
Phát tâm đại đạo,
Lại còn vô số

Phát Duyên giác thừa
 Hàng ức chúng sinh
 Đạo tích được thành
 Ngoại đạo dị học
 Bỏ các tà kiến.
 Khi ấy Phật liền
 Thu lại uy thần
 Ở trước chúng hội
 Hiển nhiên lên trời
 Ở cung Đạo-lợi
 Nói pháp mẹ nghe
 Dem thuốc cam lộ
 Cho người, trời uống.
 Sở dĩ Phật thắng
 Được các Phạm chí
 Thân thông biến hóa
 Oai đức tướng tốt
 Đây khắp tất cả
 Các loài chúng sinh
 Điều uống thuốc pháp
 Cam lộ trong lành.
 Hôm nay ở đây
 Ông hiện thân thông
 Hóa độ vô lượng
 Vô số chúng sinh.
 Các Thiên thần ấy
 Nghe được danh Phật
 Nghĩ ân Đức Phật
 Giúp đỡ thế gian
 Kia nghe điều đó
 Tăng thêm công đức
 Duyên giống lành ấy
 Đối ruộng phước Phật
 Thoát được oan đối

*Khổ não sinh tử
 Nhân đó vào thành
 Nê-hoàn an vui.*

M

Phẩm (17*): CHUYỂN PHÁP LUÂN

**(Phẩm này là một dị bản dùng để tham chiếu với phẩm 17: ĐỘ
 Năm Tỳ-kheo ở đầu quyển IV)**

*Nguyện thành, lòng vui mừng
 Hân hoan dưới cây chóa
 Ngồi nhìn cây bảy ngày
 Không ăn, đầy vui mừng
 Như vua mới lên ngôi
 Tuần xét kho báu mâu
 Kho mâu Phật cũng vậy.
 Trước xem xét các pháp
 Dùng mắt Phật nhìn khắp
 Thấy rõ hết thế gian
 Biết đời theo tà đạo
 Thuyết mê của Lục sư
 Pháp mâu nhiệm khó hiểu
 Người ngu hiểu Nê-hoàn
 Giác các giác bậc nhất
 Ý muốn vào vắng lặng.
 Trời Phạm thần diệu nhất
 Phương tiện thấy thẳng ngay
 Biết Phật đời trước thệ
 Phát tâm muốn xuống trần
 Dùng thiện làm ích đời
 Lời mâu thỉnh mưa pháp
 Mền dạ như mặt nhật
 Hiện hiện xuống cõi trần
 Liền đến trước Đức Phật*

Cúi đầu lễ chân Phật
Đứng bên Phật rất sáng
Như gió thổi cây vàng
Mắt lành nhìn không chán
Cung kính bạch Phật rằng:
“Xin nhớ thế quả cảm
Thí cam lộ cho đời.
Người đời như sen
Hoa đẹp tuyệt trần
Nở ngang mặt nước
Hoặc khỏi mặt nước
Chúng sinh kính ngưỡng
Mặt trời Phật xuất
Mong ngày tâm mở
Như hoa trong ao
Ngoài Phật Thế Tôn
Không ai có thể
Từ ngục sinh tử
Vớt chúng sinh lên
Cũng giống như vua
Chuyển luân thuở xưa
Cứu chúng sinh khổ
Dùng mười hạnh lành
Đã khuấy lên được
Biển sâu trí tuệ
Được loại thuốc pháp
Cam lộ thần kỳ
Muốn dùng trị dứt
Bệnh khổ chúng sinh.
Nên mở tuệ thí
Chia thuốc cam lộ
Ngài đã qua được
Các biển khổ sâu
Xin dùng thuyền pháp

Độ các chúng sinh
Như người đi buôn
Chìm đắm biển khơi
Tìm cách cứu giúp
Như thuyền trưởng tài
Bệnh khổ trần lao
Rất là tệ ác
Chúng sinh bệnh lâu
Không gặp thầy giỏi
Y Vương tối thượng
Xuất hiện ra đời
Nay nên trao cho
Thuốc hay, pháp thần.
“Tưởng khói” như mây
Lọng che rất dày
Lửa dâm hừng hực
Đốt cháy trời, người
Ngài đã no đủ
Nên thương chúng sinh
Xin dùng nước pháp
Cho tất cả no.
Ngài đã trừ diệt
Tất cả ngu tối
Lòng sáng trí tuệ
Như cây đèn lớn
Ngu tối che lấp
Con mắt thế gian
Xin ban đèn pháp
Soi sáng tâm ngu.
Ngài đã được uống
Phật trước có dạy
Dòng sông lời nói
Như bậc Tiên xưa

Xin từ miệng mầu
Thương xót ban ra
Lời nói thanh tịnh.
Như nước sông Hằng
Núi cống cao mạn
Rất cao hiểm trở
Dùng chày tuệ cứng
Đập nát không còn
Xin lại nguyện dùng
Chày pháp tuệ này
Đem cho chúng sinh
Đập núi mạn nát.
Tâm tính nhiễu động
Nay đã điều phục
Trói dùng dây tuệ
Xem xét rõ ràng
Nguyện ban cõi thế
Ý điều thanh tịnh.
Trí tuệ vững chắc
Sợi dây trói buộc
Người tâm nhân từ
Ban cho lòng Từ
Chúng sinh từ lâu
Rơi vào đường tà
Bậc thầy dẫn đường
Nay đã ra đời
Xin dẫn đời khởi
Đồng rộng sinh tử.
Sau Phật Ca-diếp
Đời đều tối tăm
Chìm đắm mê hoặc
Đêm dài trần lao
Cúi xin Thế Tôn
Đánh chuông trống lớn

Chánh pháp vang lên
Thức tỉnh giấc nồng”.
Bậc Phạm thế gian
Nhận lời Phạm thiên
Âm tịnh nhiệm mầu
Sẽ nói giáo pháp.
Phạm thiên được nghe
Hết sức vui mừng
Lẽ dưới chân Phật
Rồi bay lên không.
Bấy giờ các lành
Pháp khí bậc nhất
Hiệu là Phước điền
Công đức thế gian
Phật nhận tất cả
Chúng sinh cúng dường.
Bốn vua liền đến
Hiến dâng bốn bát
Đức Phật liền dùng
Năng lực thần thông
Hai tay ép lại
Hợp thành một bát
Bấy giờ liền nhận.
Hai người đi buôn
Trước thọ năm giới
Làm Thanh tín sĩ
Nhân đó phát tâm
Sẽ nói pháp rộng.
Mắt Phật mới nhìn
Người đáng được độ
Thì A-lan mắt
Đã qua bảy ngày
Thấy Uất-đầu-la

Đã chết đêm qua
 Nhân đó lại nhớ
 Năm người thị giả
 Nay muốn vì họ
 Dứt tối đêm dài.
 Phật đến thành lớn
 Nước Ba-la-nại
 Uy nghi, khoan thai
 Như sư tử bước
 Việc làm đã xong
 Tướng tốt hiện rõ
 Tuy đi một mình
 Đức như đông đảo.
 Có một đạt sĩ
 Tên là Ni-kiền
 Giữa đường gặp gỡ
 Hết sức ngạc nhiên,
 Xem tướng đoán mộng
 Biết được lành dữ
 Tám thứ sách đời
 Minh ông nổi tiếng
 Thấy đức tướng Phật
 Xem xét kỹ càng
 Khiêm tốn, cung kính
 Mềm mỏng bạch Phật:
 “Trong các đấm nhiễm
 Mà không đấm nhiễm
 Trong các căn động
 Vững lặng không lay
 Nhìn thấy tướng mặt
 Trong tâm nghi ngờ
 Có lẽ không trí
 Minh đạt đầy đủ
 Nhìn kỹ tướng mặt

Sáng đẹp trong suốt
Chế ngự các căn
Việc làm tự tại
Quan sát nghi dung
Việc làm đã xong
Ai là thầy đó
Xin nói thật lòng!”
Bấy giờ Phật dùng
Âm thanh thanh tịnh:
“Trên trời, dưới thế
Ta không có thầy
Ta chẳng đến thầy
Tự nhiên giác ngộ
Ta chứng Phật đạo
Ông sẽ biết được.
Tự xưng là Phật
Đã thắng được tà
Ni-kiền như thế
Nên giác đã giác
Tất cả điều thắng
Đều đã thắng xong
Do điều thắng đó
Thành Nhất thiết trí.
Nay trước đi đến
Thành Ba-la-nại
Ta muốn ở đó
Đánh trống pháp lớn
Vì đời khổ não
Xây dựng pháp lành
Khấp mời nhóm hội
Làm thượng khách pháp”.
Chỉ an thân mình
Đó không là lạ

Cứu giúp khổ nhọc
Một thân mình khổ
Rộng vì chúng sinh
Mà cầu điều lành
Công đức người ấy
Không thể tính lường.
Nếu dùng một thân
Vớt đưa đến bờ
Nếu lại thấy kẻ
Bị nước cuốn đi
Không khởi tâm Từ
Cứu người đang trôi
Bọn đó không thể
Xưng là đạo sĩ.
Nếu lại có được
Kho tàng trân báu
Không giúp người nghèo
Vậy là không được.
Tay cầm thuốc hay
Người sẵn sóc bệnh
Không cứu giúp bệnh
Cho quà ích gì?
Nếu thấy người mê
Bị đi lạc đường
Không chỉ đường chánh
Không gọi Đạo sư.
Nếu lại thấy người
Bị rắn độc cắn
Không cho họ chú
Dùng người làm gì.
Như tự đốt đèn
Có chỗ soi thấy
Do đó không thể
Đặt ân ở đây!

Phật dùng từ lành
Giáo hóa mọi loài
Nói pháp người nghe
Không sinh cống cao
Trong cây bảo đảm
Chắc chắn có lửa
Trong không có gió
Trong đất có nước
Chư Phật cũng vậy
Ắt có đạo thánh
Chúng được dưới cây.
Ba-la-nại nói
Tức thời khen lớn:
“Sâu xa không bì.”
Ni-kiền khen xong
Thuận đường ra đi
Tâm vui mừng bước
Chốc chốc quay nhìn
Mắt lành nhìn Phật
Mà không thỏa mãn
Phật thuận đường đi
Đến Ba-la-nại
Chim bay vui vẻ,
Ở trong vườn nai
Ánh sáng rực rỡ
Sáng chói thế gian
Như vua mặt trời
Vào vườn Mê hoặc.
Ức Bảo, Ý Hảo
Biên Phương thứ ba
Thứ tư Mã Thị
Hiền Cư thứ năm
Lúc ấy năm người

Xa thấy Phật đến
 Cùng nhau bàn luận
 Nói với nhau là:
 “Người ưa nghĩa đến
 Chính ông Cù-dàm
 Lui mất chí gốc
 Đạo thuật không thành
 Không đáng đón rước
 Cũng không lễ bái
 Thệ gốc đã mất
 Không nên cung kính”.
 Giao kết thế rồi
 Ngồi yên không động.
 Nói xong khoảnh khắc
 Phật liền đi đến
 Bỗng nhiên bất giác
 Làm trái giao kết
 Giống như thân đất
 Nâng cho đứng dậy
 Có người đón rước
 Người tiếp lấy y
 Người đỡ bình bát
 Người xếp chỗ ngồi
 Bằng hình thức ấy
 Phụng kính Thế Tôn
 Vẫn không bỏ được
 Lời đùa thế tục
 Nhân đó Phật bảo:
 “Đạo sĩ không thể
 Trước Phật không nên
 Kiêu mạn bất kính”.



PHẬT BỔN HẠNH KINH
(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)
QUYỂN 5

**Phẩm 21: PHẬT LÊN CUNG TRỜI ĐAO-LỢI VÌ MẪU THÂN
THUYẾT PHÁP**

*Đem cam lộ chánh pháp
Làm người đời no lòng
Gieo hạt giống giải thoát
Đều được hưởng quả báo.
Công đức Phật như nhật
Chánh pháp như ánh sáng
Giới phẩm như nước trong
Có ra từ suối trời
Mẹ như sen báu mẫu
Và hoa rừng cây trời
Sắp đến kỳ nở rộ
Nên Phật lên Đao-lợi.
Ánh mặt trời chiếu sáng
Đêm trăng tỏ ngời ngời
Phật soi trời thế gian
Ngần ấy trang nghiêm đẹp
Vua mặt trời nghĩ rằng:
Vua mặt trời đến nơi
Vì đời kính ý trời
Cúi đầu lễ chân Phật.
Vua mặt trăng nghi ngờ
Bỏ chỗ thấy thật sáng
Ánh sáng trăng tối đẹp*

Quy về trăng tuệ người
 Vắng lặng hơn trời Phạm
 Chiếu dịu như Thiên đế
 Sâu xa hơn biển cả
 Bất động núi Tu-di.
 Cây các báu vua trời
 Tên là Thế trú độ
 Ngồi dưới vầng ánh sáng
 Núi vàng bóng cây báu
 Thấy mẹ hoàng hậu mẫu
 Trông quả phước thành thực
 Hoặc có nơi nên trông
 Hoặc có nơi nên bỏ
 Dùng đức thanh tịnh Phật
 Mặt chiếu như châu sáng
 Người thấy tâm thanh tịnh
 Nước báu dưới nước trong.
 Khi ấy Phật Thế Tôn
 Dùng tiếng Phạm trong trẻo
 Mưa thuốc pháp cam lộ
 Đối Từ mẫu thuyết pháp:
 “Rơi vào khổ chia lìa
 Sinh thiên có họa ấy
 Tham cầu nhiều cũng chết
 Đó là khổ thế gian.
 Địa ngục nấu, thiêu đốt
 Quỷ đói khát cháy khô
 Súc sinh ăn nuốt nhau
 Năm căn khổ không yên
 Ở nơi chỗ thọ thân
 Các khổ thường theo
 Muốn rời các khổ não.
 Chỉ có diệt, vô vi
 Nên biết khổ ba cõi

Như vết thương nhiễm trùng
 Còn hơn nung sắt áp
 Không thể trị vết thương
 Thế gian khổ như vậy.
 Biết nhân duyên khổ sinh
 Biết chỗ khổ kia diệt
 Biết lý do khổ tan
 Biết khổ năm ấm thanh
 Biết lý do trần lao
 Biết chỗ trần lao diệt
 Diệt đó gọi vô vi.
 Cho nên đường diệt ấy
 Gọi là Bát Thánh hiền
 Các độc trần lao đó
 Đều cháy tiêu không còn
 Sinh tử rất đáng sợ
 Tiến lui không đáng nương,
 Như mặt nạ con hát
 Cởi ra rồi đeo vào.
 Hoặc uống cam lộ trời
 Lại uống nước đồng sôi
 Hoặc ăn cam lộ trời
 Lại ăn hòn sắt nóng
 Hoặc lại đến nhà trời
 Hoặc kéo xe sắt đốt
 Hoặc vua hoặc hành khát
 Quỷ đói rồi súc sinh
 Duyên trước đã chỉ định
 Chạy nhảy như đánh cầu
 Lên xuống khắp ba cõi
 Chọn từ có đến không.”
 Nghe nói pháp ấy rồi
 Người mẹ diệu vua trời

Tám mươi tám lao kết
 Tâm người đều diệt hết
 Ý an trụ pháp mâu
 Lại khiến ba cấu sạch
 Đốt tan trần lao mạnh
 Hoàng hậu chứng tam đạo.
 Trong đại hội vô số
 Hoa sen cõi trời, người
 Đều nở ra cùng lúc
 Như hoa gặp mặt trời.
 Bấy giờ hoàng hậu dậy
 Với lòng đầy vui mừng
 Như vàng dương qua núi
 Ánh sáng càng sáng trưng
 Với lòng thương kính Phật
 Lẽ chân rồi bạch rằng:
 “Xưa nay mẹ chưa từng
 Được con dâng trọng cúng
 Vô số kiếp nhờ đất
 Lòng chưa từng thỏa mãn
 Thiên dục chẳng đầy đủ
 Không như nay đầy đủ
 Biết đủ khiến ta đủ
 Dứt đấm không còn mê
 Nhất thiết trí Ta ngộ
 Không mầm dứt giống ngã.
 Bấy giờ vô số trời
 Nghe đại pháp nhiệm mâu
 Liền gieo giống đức lành
 Gieo giống Phật thanh khiết.

M

Phẩm 22: NHỚ XỬA

Bấy giờ, Thiên Trung Thiên
 Thầy các trời, người đời
 Trong cõi nước Đại vương
 Quốc độ Ma-kiệt-đà
 Dừng chân ở vườn Trúc
 Nhớ lại đời xa xưa
 Ánh sáng càng tỏa đẹp
 Giống như đèn lửa mạnh.
 Em Phật tánh nhân từ
 Tên gọi là A-nan
 Thấy ánh Phật rực rỡ
 Liền đi đến chỗ Phật
 Chắp tay quỳ gối phải
 Cung kính bạch Phật rằng:
 “Xin Đấng trời trong trời
 Giải quyết tâm con nghi
 Chưa từng thấy ánh sáng
 Như ánh sáng hôm nay
 Xin Đấng Nhất Thiết Trí
 Nói nguyên nhân sáng này”.
 Bấy giờ Đức Phật dùng
 Tám tiếng mâu bảo rằng:
 “Nay lắng nghe Ta nói
 Nhân duyên ánh sáng này
 Ta tự nhớ đời trước
 Thí vô số chúng sinh
 Cúng dường hàng ngàn Phật
 Đủ mọi thứ cần dùng
 Học vô số thánh điển
 Cúng tế nhiều vô vàn
 Đại thí nhiều vô kể
 Người thí khó kể hơn.
 Nhớ lại thời quá khứ

Voi lớn như núi trắng
Thế lực hơn kẻ địch
Ta dùng để bố thí
Hai con lòng yêu mến
Dùng ban bố cho người
Chân lông đều ra máu.
Thời, Ta tên Thâm Ái
Voi, ngựa, xe, con gái
Các thứ đều bố thí,
Thí tám muôn bốn ngàn
Trâu đực vàng, sừng vàng
Thúng vàng đựng lúa bạc
Đã thỏa mãn bao dung.
Ta tên là Tri Thời
Đại thí mười hai năm
Bà-la-môn tặc
Đến xin đầu của ta
Bấy giờ các vị trời
Muốn cố ngăn Phạm chí
Ta hiểu dụ các trời
Chớ trái với bốn nguyện.
Thời, vua tên Nguyệt Quang
Ta tràn đầy sở nguyện
Lại có Bà-la-môn
Đến xin mắt của Ta
Ta liền cho không trái
Đôi mắt ta mến yêu
Vì vua tên Thiện Mục
Nhân đó phát nguyện lớn
Nay đem mắt thí cho
Nguyện sau thành tuệ sáng.
Lại vào thời điểm khác
Bồ câu bay đến Ta
Bị chim ưng đuổi bắt

Bay đáp trên gối Ta
Ta cắt thịt trong thân
Thỏa mãn theo ý chim
Để đổi bỏ câu khời
Bị chim ưng ăn thịt.
Ta đã vì người bệnh
Cắt thịt trên thân mình
Hăm một ngày ăn thịt
Bệnh nặng kia đã lành.
Lại vì vua Phổ Thí
Tên là Đại Lực Sĩ
Xưa, trừ bệnh chúng sinh
Nay diệt tan trần lao.
Lại, thuở đời quá khứ
Ta đem thân cho người
Cho cả con yêu dấu
Cho luôn người bạn đời
Giao cho Ta người ác
Bảo Ta phải sát hại
Thời Ta tên Diễm Nguyệt
Không giết chết mạng mình
Còn lột da bố thí
Quần thân làm bắc đèn
Đồng thời đốt bắc đèn
Toàn thân đều bốc cháy.
Vua tên Kiên Kim Cang
Chịu đau không ai bằng
Chỉ vì cầu một nguyện:
Giở chân liền thành Phật
Dem thân cho cọp sói
Đất rung chuyển sáu cách
Nhờ tâm mạnh mẽ ấy
Nên vượt qua chín kiếp.

Từng một lần khéo thí
 Chúa bốn biển, thế gian.
 Xưa làm vua Chuyển luân
 Danh hiệu là Đại Thiên
 Kiến lập phong giáo vua
 Trị bằng mười hạnh lành
 Xả bỏ cả bốn cõi
 Xuất gia tu tịnh hạnh.
 Lại vị vua Phổ Địa
 Danh hiệu là Tôn Đế
 Bấy giờ, trên đất lập
 Tám muôn bốn ngàn thành
 Vì các ngôi thành ấy
 Đặt để cảnh giới rồi
 Tám muôn bốn ngàn vua
 Điều cạo đầu bỏ ngôi.
 Từng vì vua Đa Cầu
 Ham muốn mê cuồng loạn
 Vượt qua cả biển lớn
 Tìm đất đai nhân dân,
 Thời, Ta làm Phạm chí
 Đại trí tên Thượng Độ
 Dem thuận lý dạy vua
 Khiến vua chánh ý chí.
 Từng làm voi đầu đàn
 Như mặt trời xinh đẹp
 Sáu ngà, rất đáng yêu
 Bóng loáng có ánh sáng
 Thợ săn tham ngà đẹp
 Bắn tên trúng vào tim
 Voi tự nhỏ ngà cho
 Lòng không chút giận hờn.
 Vua Tịnh Thí săn bắn
 Nhân đến trong rừng sâu

Chận hai con nai chúa
 Giấu ở trong hang sâu
 Vì nai mẹ có thai
 Nai chúa xin chết thay
 Súc sinh nơi hoang dã
 Lại không sợ tai nạn.
 Có nước bỗng giết hại
 Cha mẹ và người già
 Ta tuân phụng hiếu dưỡng
 Đào hang cứu mẹ cha
 Trời trên không hỏi nghĩa
 Cha dạy Ta đáp lời:
 Dứt đảo kiến chúng sinh
 Giúp không đọa địa ngục.
 Trăn lớn ngăn người buôn
 Vây bọn họ vào trong
 Túc duyên Ta khi ấy
 Sinh làm sư tử chúa
 Sai voi dùng sức mạnh
 Đạp cho trăn chết ngay
 Cứu năm trăm người khách
 Yên ổn trở về nhà.”
 Lúc bấy giờ, Phật nói:
 “Kinh Sinh năm trăm chương
 Cõi Tam thiên đại thiên
 Điều rung chuyển sáu cách
 Có ức loài chúng sinh
 Điều phát tâm đại đạo,
 Lại có ức chúng sinh
 Điều chứng bốn đạo quả
 Kể hiền trí trên đời
 Không thể nói rằng lạ.
 Bồ-tát phát mạnh mẽ

Thí xả thân mạng mình
 Theo ý người cầu xin
 Không bao giờ trái ý,
 Công đức được tự tại
 Muôn vật và thân mạng
 Gom thọ mạng ngăn ngừa
 Đó mới là điều lạ.
 Bị trần lao trời buộc
 Tâm ác đầy mê hoặc
 Dùng năng lực từ bi
 Ngăn cản tâm ác kia
 Bỏ được điều yêu thích
 Của báu và thân mạng.
 Chúng sinh có tài giỏi
 Đời có người tự tại
 Ngay khi ta làm ác
 Phải tự chế không làm,
 Ngày đêm làm các lành
 Để lòng mình nghĩ ngợi
 Nhờ đó tự khuyến tấn
 Chí nguyện trong Phật đạo.

M

Phẩm 23: ĐI ĐẾN DUY-DA-LY

Đời thông suốt hết cả
 Sở nguyện đều thành tựu
 Thương xót các chúng sinh
 Như người thương con một
 Giống như vua Chuyển luân
 Dạy bảo ai chẳng theo
 Chán ngán năm thứ dục
 Muốn vào hang pháp tuệ,
 Thế Tôn cũng như thế
 Mở bày làm Phật sự

Siêng nhọc rộng hóa độ
 Mọi việc đều rớt ráo
 Vào đời ác sinh tử
 Thuận theo sinh diệt kia
 Muốn vào Đại vô vi
 Dứt ý định, vắng lặng.
 Thời, thành Duy-da-ly
 Có quỷ hút tinh người
 Vào thành gây dịch bệnh
 Bức bách nhiều hại đời.
 Bấy giờ Duy-da-ly
 Dịch mạnh như lửa hừng
 Vua, đại thần trong nước
 Nhóm họp, cùng luận bàn
 Lửa lớn của dịch khí
 Đang thiêu đốt muôn dân
 Đề cùng nhau nghĩ cách
 Làm sao trừ nạn này.
 Có trưởng giả Tài Minh
 Thanh tín bậc nhất thừa:
 “Thấy đời không còn ai
 Chỉ Phật đáng nương cậy.”
 Vua sai Thanh tín sĩ
 Tài Minh làm người sứ.
 Trưởng giả, Thanh tín sĩ
 Đề chấp tay hướng về
 Gieo năm vốc sát đất
 Cùng xa vọng bạch Phật:
 “Xin cứu giúp thế gian
 Nguyên cứu giúp đất nước
 Như người lạnh cần lửa
 Bệnh nặng xin thuốc hay
 Như tối mong ánh sáng

Lạc lối được dẫn đường
 Chúng con cầu Thế Tôn
 Muốn xem vui người, trời”.
 Sứ đến chỗ Đức Phật
 Phật liền nhận lời mời
 Nay bỏ nhà giác biết
 Trời người nghĩ rồi động
 Ở trên không trời bảo:
 “Với vua Vị Sinh Oán
 Vì sao không lo lắng
 Nay phải rời Đức Phật.”
 Vua nghe trời dạy bảo
 Trong lòng chợt kinh hãi
 Ý buồn râu lên tiếng:
 “Tâm chúng sinh tối tăm
 Ai đem đá mài tuệ
 Đến mài tâm u tối?
 Tội lỗi của trần lao
 Oan trái ở đời trước
 Chúng sinh tội lỗi nhiều
 Ai sẽ cứu nhẹ được?
 Chúng ta bế tắc lâu
 Trong ngục tù sinh tử
 Ai sẽ đem chìa khóa
 Mở ngục cho chúng ta?
 Chúng ta lâu bực lộ
 Lòng khát ái ánh dương
 Ai sẽ thí chánh pháp
 Trăng trong, ngọc giải khát?”
 Nhân đó vua ra lệnh
 Mau đến gặp Đức Phật
 Nhân thỉnh Phật ngày mai
 Vào cung thọ trai tăng
 Lệnh nhà bếp chuẩn bị

Trăm món ăn thịnh soạn.
Phật hứa ở trong cung
Nhận vua thỉnh một tháng.
Sửa sang bảy con đường
Cho đến tận sông Hằng
Đường bài trí màn trướng
Trang sức như cõi trời
Các hoa thơm nhiều màu
Tung rải khắp mặt đất,
Người nhóm như nước dâng
Tràn đầy như biển cả
Ngọc sáng dùng trang sức
Màu sáng như trăng tròn.
Vua phục sức ngồi xe
Cung kính đến thỉnh Phật
Không bao lâu Phật đã
Đến bên bờ sông Hằng.
Vua lại dâng lên Phật
Năm trăm lọng bảy báu
Vua người dâng năm trăm
Vua rồng dâng một ngàn
Vua trời dâng năm trăm
Duy-da-ly năm trăm
Vì che chở khắp trần
Nên nhận dâng lọng báu
Nhận hết các lọng báu
Chỉ để một che dùng.
Bấy giờ Đức Thế Tôn
Cùng với chúng đệ tử
Hai ngàn năm trăm vị
Liên vượt qua sông Hằng
Các vua Duy-da-ly
Hết lòng yêu kính Phật

Cung cấp mọi cần dùng
Theo thứ lớp đến nước.
Đức Phật liền đi vào
Thành lớn Duy-da-ly
Dùng tám âm thanh Phạm
Thanh tịnh rất nhiệm màu
Phật nói một bài kệ:
“Này, các loài chúng sinh
Ở trên không, dưới đất
Hãy thương xót chúng sinh
Dùng nước từ thanh tịnh
Mà vấy tưới đất đai
Bị nóng khát ép ngặt
Được nước mát đủ đầy.”
Từ mây lành của Phật
Mưa xuống lời ngọt ngon
Cả thành đều no đủ
Dứt trừ nạn độc hại.
Bấy giờ Đức Phật liền
Đi ra ngoài cửa thành
Phật cùng các Sa-môn
Từ từ đi quanh thành
Che chở hiện điềm lành
Chú nguyện mãi an ổn
Cả nước được che chở
An vui không thể lường.
Thời, trưởng giả Tài Minh
Thỉnh Phật và đệ tử
Thọ bữa cơm thịnh soạn
Kính yêu hết mọi bề,
Đức Phật giảng nói rộng
Chánh pháp rất sâu xa
Tiếng sư tử ban xuống
Bốn ngàn người đắc đạo.

Phật cùng chúng đệ tử
Đi đến rừng Nai nữ
Nai nữ vừa nghe tin
Vội đến gặp Như Lai
Đến cửa liền xuống xe,
Anh lạc như mây sấm
Mới vào vườn cây đẹp
Giống như trời Cát tường
Đi bộ khoan thai đến
Như sông chảy theo dòng
Dung nhan như ánh xuân
Như khóm hoa phù dung
Đem theo các Thiên nữ
Dáng điêm tô ngời ngời
Đi trong rừng cây ấy
Làm động mắt trời, đất.
Đức Thế Tôn nhìn thấy
Mành lưới của vua ma
Mắt nhìn sắc đẹp kia
Phá hoại giới hạnh người
Phật dùng âm thanh Phạm
Bảo các thầy Sa-môn:
“Giờ Nai nữ đến đây
Các thầy hãy nhiếp tâm
Chỉ các thầy giữ chặt
Cung tinh tấn trong tay
Dùng mũi tên chánh trực
Dây cung tuệ căng ngay
Đều mặc giáp định ý
Tự cởi xe giữ giới
Đều đem ý từ quán
Vào mắt chống sắc tà.
Các thầy hãy xét kỹ

Con gái thế nào đây?
Người nữ dâu chính đáng
Mượn bề ngoài mê hoặc
Như đồng sắt mạ vàng
Da mỏng như cánh ruồi
Nếu không dùng phủ lên
Đó chỉ là bị thịt.
Nên phải biết rõ hơn
Ghèn, nước mắt, nước mũi
Nếu chẳng lau sạch đi
Và chất bẩn trên thân
Chẳng lấy nước rửa đi
Máu mủ và phân dãi
Đồn lại ở một nơi
Nhìn đó mà suy gẫm
Ý dục diệt không sinh.
Các thầy tự quán sát
Nhà xương đó đáng ghê!
Dùng gân quắn ràng rịt
Ngoài dùng thịt tô bồi.
Quần áo phục sức che
Như người vẽ tranh tường
Hãy tự quán sát đó
Chớ để nó mê hoặc.
Thận trọng giữ tâm ý
Về sau được lợi ích
Trước không điều phục tâm
Sau không thể điều phục,
Theo tà mất đường chánh
Mê hoặc lạc xoay vần
Giống như ngựa quan huyện
Luyện chạy vòng cuối cùng.
Mắt ta nhìn sắc đẹp
Tâm theo mắt mê say

Ngắm nhìn trong lẫn ngoài
 Ngu nhiễm, tuệ xa rời.”
 Thời, Phật đem lời này
 Răn các đệ tử trẻ
 Họ liền tự nhiếp tâm
 Một lòng nhìn Như Lai.
 Nại nữ xa thấy Phật
 Tướng đẹp đẽ sáng chói
 Vòi vọi giữa rừng cây
 Như nhật ra khỏi mây
 Tâm cung kính nhìn Phật
 Tâm thanh tịnh nhiệm màu
 Như cây nhiều hoa quả
 Bị gió thổi quăn nghiêng
 Như thế lễ chân Phật
 Chắp tay tâm cung kính
 Lui về chỗ ngồi xuống
 Đức Phật bảo nàng ngay:
 “Tâm cô ham buông lung
 Cô tâm lành đến Ta
 Tin ưa pháp chân chánh
 Lợi này rất khó gặp.
 Người nam tin ưa pháp
 Đó không phải điều lạ
 Ý nam tuy sâu nặng,
 Trần lao còn bớt nhe,
 Người nữ thường quanh quẩn
 Trong trần lao ái dục
 Ý hẹp hòi, khinh tháo
 Mê đắm sáu thứ dục.
 Tâm người nghĩ đến đạo
 Đó là đáng quý nhất
 Tất cả đời vô thường

Không nên cậy ta đây!
 Bệnh tật lẩn yên ổn
 Già hủ hoại dung nhan
 Cướp đoạt mạng sống người
 Ưa pháp không hoạn nạn
 Người nữ nhiều tham ganh
 Gặp không mừng, oán ghét
 Tâm người nữ mê đắm
 Không thích rời mình thích.
 Để chịu thân người nữ
 Ất có hai não trên
 Vì những ý nghĩa đó
 Người phải siêng thờ pháp.”
 Tính Nại nữ yếu mềm
 Trong tâm rất hổ thẹn
 Được khuyên theo chánh pháp
 Hết dạ kính Thế Tôn
 Liền quỳ thẳng chấp tay
 Bước ra bạch Phật rằng:
 “Xin Phật rủ lòng thương
 Mai nhận con cúng dường.”
 Phật biết tâm nàng ấy
 Rất thanh tịnh vui mừng
 Nên im lặng nhận thỉnh.
 Cô bèn từ giã về
 Gieo năm vóc sát đất
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Chán ghét thân người nữ
 Hổ thẹn quay trở về.
 Sau khi Phật nhận lời
 Nàng Nại nữ mời thỉnh
 Người dân Duy-da-la
 Đều đi đến chỗ Phật
 Ngựa trắng, lọng xe trắng

Y phục đều lụa trắng
 Các trang sức đều trắng
 Uy nghi thật đáng nhìn
 Màu xanh, vàng, đỏ, đen
 Đủ loại khác biệt nhau
 Nghiêm túc đến chỗ Phật,
 Như các trời Đao-lợi
 Họ cũng đều thỉnh Phật
 Phật nói đã thọ thỉnh
 Phật nhận Nại nữ thỉnh
 Họ đành phải ôm hận.
 Bấy giờ Phật vì họ
 Nói rộng pháp nhiệm mầu
 Cam lộ không tổn giảm
 Diệt trừ các khổ hoạn
 Vì họ lược giải bày
 Pháp bốn Đế chân thật
 Vô số các Ly-kiến
 Điều uống thuốc cam lộ.
 Bấy giờ Phật sẽ đến
 Độ vô số Ly-kiến
 Và rồi từ giã họ
 Tâm đều mang chánh pháp
 Như độ người mạnh mẽ
 Khổ địa ngục thoát rồi
 Và vô số chúng sinh
 Điều gieo giống sinh Thiên.

M

Phẩm 24: TÁN THÁN PHẬT ĐỊNH QUANG

Trông trăm phước đời trước
 Ngàn núi cao không cùng
 Dòng sông của trí tuệ

Rất sâu khó đo lường,
Lời nói người gió thoảng
Không thể làm chao động
Ngồi định như núi Thái
Nhưng không thể chuyển dời
Giống như đám mây đen
Chớp lóe sáng rạng ngời
Cầm lọng đẹp bằng báu
Xoay vùn trên không trung.
Thời, A-nan thấy vậy
Điềm lành chưa từng thấy
Tâm vui mừng hơn hở
Quy thỉnh bạch Phật rằng:
“Các thứ hoa trời
Rất đẹp nhiệm màu
Nếu như có tâm
Đến cúng dường Phật
Giống như rừng cây
Gặp bầy ngựa hoang
Như trên núi tuyết
Nhiều cây hoa thơm.
Mặt như màu hoa
Sen có ngàn cánh
Nước bắn thế tục
Không làm nhiễm dơ.
Rất khó thấy nghe
Như hoa Ưu-bát
Xin Phật giảng nói
Điềm lành hoa này.”
Phật dùng tiếng Phạm
Thanh tịnh nhiệm màu
Làm cho chúng sinh
Giác ngộ đầy đủ
Mở khắp Tam thiên

Đại thiên thế giới
Dùng tâm Từ hòa
Bảo A-nan rằng:
“Về thuở quá khứ
Vô số kiếp xưa
Vô lượng đức lành
Trang nghiêm tướng tốt
Giống như đuốc sáng
Xua tan tối tăm
Dùng chánh pháp sáng
Dứt tối ngu si,
Thuở ấy có Phật
Hiệu là Định Quang
Thầy của các Thánh
Tam thiên thế giới,
Tất cả trí tuệ
Giống như biển lớn
Tâm như hư không
Không gì chướng ngại.
Cội gốc “sáu độ”
Sâu xa vững chắc,
Thân cây “mười lực”
Rất là cứng chắc
Bốn điều không sợ
Là bốn phía cây
Có ba mươi hai
Nhánh cây tướng tốt,
Ba trí đạt khắp
Chồi đốt nhiệm mầu
Tám mươi tướng tốt
Lá đẹp mềm mại
Tì bì che bóng
Rất là mát mẻ.

Cành hoa giác ý
Giới cấm đức thơm
Lời nói nở hoa
Hiện đài bốn đế
Chứng bốn thứ đạo
Quả rất thơm ngon.
Trời người ưa pháp
Giống như ong nhóm
Để hút tinh túy
Vị hoa cây Phật;
Họ nghe hoa thơm
Ăn quả cây ấy
Vì vị giải thoát
No đủ tràn đầy.
Bởi đời quá khứ
Nguyện cầu việc Phật
Siêng tu chẳng trễ
Hiện báo đời sau
Hiện ra báo ứng
Được uống thuốc pháp
No đủ tất cả
Nước mật cam lộ
Đói khát lùi xa.
Phát nguyện muốn tìm
Ý từ bi lớn
Nhân đó muốn đến
Thành lớn Hoa nghiêm,
Lúc vừa dở chân
Đạp cửa cổng thành
Bấy giờ thần đất
Cung kính gánh vác
Tam thiên đại thiên
Thế giới của Phật
Rung chuyển sáu lần

Chấn động cả lên.
Mưa hoa lấp đất
Chấn động cả lên
Chư Thiên đầy trời
Trên không tấu nhạc
Rền như tiếng sấm,
Thiên nữ trên không
Tấu nhạc đàn ca
Khen Phật nhiều kiếp
Tướng đẹp, công đức.
Chim thú vui mừng
Cùng nhau hát vang
Chén bát chạm nhau
Thành tiếng ca vang
Phật cùng đệ tử
Uy nghi khoan thai
Như vầng trăng rằm
Các sao vây quanh
Trăm tướng phước đức
Rực rỡ như tranh
Luân tướng nhiệm màu
Ngàn nan hoa thành
Chân đạp xuống đất
Dấu vết như ấn
Bánh xe ngàn cãm
Nhiệm màu sáng rực.
Điều ngự ngựa sáu cãm
Ngồi trên xe sáu độ
Kiệu bố thí, giữ giới
Rương từ nhà hoan hỷ
Dùng định ý điều ngự
Ngọn cờ lớn Bát chánh
Bánh xe tuệ vắng lặng

Lọng Tứ đẳng đại Từ
 Đội mũ Nhất thiết trí
 Chuỗi ngọc Giác ý ngời
 Đại bi rất mau chóng
 Thành ấp bày vô vi.
 Giảng nói pháp nhiệm mầu
 Để điều hòa chúng sinh
 Hành đạo rất tốt đẹp
 Ngàn mặt trời cùng mọc.
 Trời mới mọc sườn núi
 Trong ao hoa sen nở
 Thời, Phật Định Quang cũng
 Ngộ hoa tâm chúng sinh.
 Lúc ấy Phật nghĩ rằng:
 Chúng sinh không thấy suốt
 Hóa thành thể lưu ly
 Giúp chúng sinh thấy suốt;
 Mọi người xa thấy Phật
 Mỗi mỗi như nhìn gương
 Người nhóm họp đầy đường
 Động nước, rung bốn biển.
 Bấy giờ, có Phạm chí
 Người thông minh trí tuệ
 Dòng họ quý cao sang
 Danh hiệu là Thiện Tư
 Vừa nghe nói hiệu Phật
 Hớn hở mình nổi ốc
 Như bị móc giữ lại
 Điều lìa tục xuất gia
 Nhiều kiếp chứa công đức
 Gốc lành khiến đến nơi
 Giác ngộ Nhất thiết trí.
 Như hoa thấy ánh dương
 Khi gặp được ánh sáng

Như trời ra khỏi mây
Vua Kim Cang dòng Thánh
Ngắm nhìn không thỏa mãn!
Thấy Phật vui hơn hở
Đức lực liền thanh tịnh.
Nghĩ gặp Phật ra đời
Lấy gì cúng dường Ngài
Khi thấy người con gái
Xách một bình nước thơm
Có bảy cành sen xanh
Như Thất giác tuệ đủ
Nhờ phước đức đời trước
Bình hóa thành lưu ly
Thấy hoa mừng chấp tay
Đến gặp nàng hỏi rằng:
“Chỉ nhìn núi phước đức
Đồ châu báu lạ lùng
Riêng vì khắp chúng sinh
Khổ ách độ trở về
Kính, nhờn dứt cả hai
Nguyện ta trở lại không.
Đời trước đã cúng dường
Nay ta cũng nên cúng
Xin cô cho ta hoa
Để ta dâng lên Phật,
Giá bao nhiêu tùy ý
Với Phật nay chưa tròn
Xin cô giúp làm phước.
Phát tâm tịnh hướng Phật
Theo ý thỏa cầu xin
Phật tựa ngọc Như ý
Nguyện gì được tùy ý”.
Cô gái bán bảy bông

Mỉm cười đáp lại rằng:
 “Giá hoa này đắt lắm
 Liệu ngài mua được chăng?”
 Đáp rằng: “Tùy cô bán!”
 Rằng: “Mỗi hoa một trăm!”
 Rằng: “Cho ta hoa ấy
 Còn giá tùy ý cô!”
 Nhân nhìn bên trái nói
 E thẹn mà đáp rằng:
 “Tôi cũng muốn dâng hoa
 Lên cúng dường Đức Phật!”
 Ta khiêm tốn đáp lại:
 “Cô tự ra giá hoa
 Phật không nhận hư dưỡng
 Cô thành thật không dối!”
 Nàng đáp: “Sẽ cho hoa
 Nếu hứa làm chồng ta”.
 Đáp rằng: “Cô thói xấu
 Trái tâm nguyện cầu đạo”.
 Nàng chấp tay đáp rằng:
 “Không dám trái lòng ngài
 Nay sẽ lập thệ nguyện
 Bồ thí chẳng dám trái?”
 Liền lấy giá ấy
 Cho năm cành hoa
 Giữ lại hai cành
 Để kết thệ nguyện.
 Bấy giờ Bồ-tát
 Được bảy cành hoa
 Rồi liền lập lên
 Quyết định nguyện là:
 “Như nay Đức Phật
 Cứu giúp thế gian
 Nguyện con đời sau

Được đạo như Phật.”
Phát xong nguyện lớn
Liên tung hoa lên
Hóa thành lọng hoa
Ở trên hư không,
Ánh sáng Đức Phật
Chói như mặt trời
Lọng hoa sen xanh
Như mây lành nổi.
Phật vừa đi tới
Lọng cũng theo Ngài
Phật sáng như nhật
Lọng như mây xanh.
Bồ-tát thấy biến
Hớn hở vui mừng
Năm vóc sát đất
Tự lễ chân Phật,
Tức thời xóa tóc
Trải ra trên đất
Phật dùng tâm Từ
Bước đi trên tóc.
Tướng chân chiếu sáng
Như hoa sen hồng
Ở trên tóc ấy
Chân tóc sáng bừng
Như trên sen xanh
Nở hoa sen hồng.
Đức Phật thương xót
Dùng chân trên tóc
Phật dùng Thánh đạt
Tất cả tâm ý
Biết rõ Bồ-tát
Sức tâm mạnh mẽ,

Thời Phật mỉm cười
 Ánh sáng năm màu
 Từ trong miệng ra
 Biết bao màu sắc.
 Thị giả Đức Phật
 Quỳ thẳng chấp tay
 Bước đến bạch Phật:
 “Khi không nhân duyên
 Các Phật không cười
 Vì sao Phật vui?
 Cúi xin Thế Tôn
 Nói rõ việc ấy”.
 Phật dùng Phạm âm
 Âm vang như tiếng
 Sóng biển thanh tịnh
 Bảo thị giả rằng:
 “Như Ta ở đời
 Ra đời làm Phật
 Từ che muôn loài
 Giúp chúng sinh khổ,
 Người cũng sẽ thành
 Người dẫn thế gian
 Ở trong cõi khổ
 Trần lao lấy lừng.
 Khi trăm tuổi thọ
 Trong họ Thích-ca
 Sẽ thành Phật đạo
 Hiệu là Năng Nhu”.
 Nhận xong lời quyết
 Vui mừng vô lượng
 Được sức vui mừng
 Bay bổng lên không
 Thân nhẹ, tâm mạnh
 Xuống lên như sóng.

Như trăng tròn sáng
Sóng biển lớn dậy
Hu không có thể
Hiện hình xuống đất
Hoặc đất có thể
Bay bổng lên không
Bốn đại có thể
Bỏ đi bản tính
Lời quyết của Phật
Không bao giờ đổi.
Diện mạo Đức Phật
Như trăng tròn đầy
Miệng nói những lời
Mát mẻ sáng suốt
Diệt mất thế gian
Cháy tiêu rất nóng
Giống như mùa hạ
Gặp đêm trăng rằm.
Kinh sách ngoại đạo
Trong rỗng, ngoài lừa
Ngu mê lừa gạt
Tất cả thế gian,
Phật nói pháp sáng
Thanh tịnh thái bình
Vào thành Nê-hoàn
Giống như về nhà.
Vì các điều ấy
Khen tặng hoa đẹp
Tung rải khen ngợi
Thân được ngợi ca,
Hoa diệu ý trời
Lúa thóc bạc vàng
Tung rải trên Phật

Phủ khắp mặt đất
Chưa rơi xuống đất
Hóa thành lọng hoa
Che ở trên Phật
Tới lui đều theo
Như mặt trời sáng
Hai mặt trời soi
Sen xanh khắp nơi
Như mây xanh nổi.
Từ không trung xuống
Niềm vui càng thêm
Lại tự gieo mình
Quy mạng Như Lai
Tóc kia vẫn ở
Dưới chân Thế Tôn
Tự nhiên tung rải
Phủ khắp mặt đất.
Các ông nên biết
Đâu phải ai khác
Lúc ấy Thiện Tư
Chính là Ta đây.
Dùng tâm Từ kính
Rải hoa cúng Phật
Nay thành Phật rồi
Làm Thầy mọi người
Bởi nhờ Phật ấy
Lọng hoa che Ta
Phát khởi ý Ta
Nhớ lại hạnh xưa
Làm các điều lành
Được báo như thế
Không bao giờ mất
Phải biết việc ấy!
Bấy giờ ai nấy

*Chia phần tóc Ta
Giành nhau nhận lấy
Kẻ ít, người nhiều
Bọn họ đều được
Phật độ cho trước
Vào thành vô vi
Nê-hoàn vắng lặng.
Thời, người được tóc
Hơn bốn mươi người.
Người nước Tùy-đề
Sa-môn giữ giới
Đều thành La-hán
Đầy đủ sáu thông
Lập nên pháp lành
Nhiệm mầu bậc nhất.
Như Phật quá khứ
Hiệu là Định Quang
Đầy đủ lời nguyện
Phạm chí Thiện Tư
Như kia mừng rỡ
Bay lên hư không
Thời Phật lại ban
Cho trí tuệ lớn
Chúng sinh nghe rồi
Đều dốc lòng tin
Tìm mọi phương cách
Ban rải đức lành
Bố thí giữ giới
Trí tuệ siêng tu
Di-lặc ra đời
Hiện phước báo ấy.*

M

Phẩm 25: HÀNG VOI

Khi ấy Thế Tôn
 Đến thành Vương xá
 Làm phước chúng sinh
 Mặt đất chuyển động
 Chư Phật điềm lành
 Cảm biến lạ lùng
 Khi sắp vào thành
 Điều hiển hiện lên.
 Bấy giờ Điều-đạt
 Có tâm độc hại
 Biết Phật vào thành
 Liền hiện điềm lành
 Vội vàng tìm đến
 Vua A-xà-thế
 Đối trá dụ dỗ
 Xúi bảo ác nghịch:
 “Tôi sẽ giết Phật
 Ngài soán ngôi cha
 Cả hai huy hoàng
 Giống như trời, trăng.”
 Vua nghe theo lời nguy
 Cho voi uống rượu say
 Voi điên vì say rượu
 Kêu rống như sấm rền
 Tức thời thả voi say
 Chạy nhanh về phía Phật,
 Như một cơn gió dữ
 Muốn dập tắt đèn Phật
 Giống như gió kiếp tận
 Muốn hoại diệt thế gian
 Khỏe như chim cánh vàng
 Giận như vua Diêm-la
 Tâm Phật vững không lay

Không bị voi làm động
Giống như núi Ma-la
Chẳng bị gió biển lay.
Xông đến trước mặt Phật
Quy xuống lễ chân Ngài
Nhiếp phục tâm sát đất
Như bụi gặp mưa lớn
Như từ trong mây đỏ
Mặt trời chiếu sáng rõ
Rực rỡ như sao rơi
Rớt xuống đỉnh núi lạ,
Từ trong mây ca-sa
Tay phải phóng ánh sáng
Rọi sáng ngời voi lớn
Như nhật chiếu núi đen
Tay đức tướng sờ voi
Voi tức thời tỉnh ngộ
Giống như đuốc sáng hiện
Đêm tối càng rút ngắn.
Voi bàng hoàng tỉnh ngộ
Ý liền được yên ổn
Giống như chú thần tiên
Trừ nọc rắn hổ mang
Voi tức thời khắc phục
Quy dưới chân Thế Tôn.
Phật hiển hiện ánh sáng
Như mặt trời lộ dạng
Thời, điều hóa voi say
Dạy bảo gieo gốc lành
Kẻ nên độ đã độ
Liền trở về tinh xá.
Bấy giờ, trong thành ấy
Có một kẻ danh gia

Tuổi trẻ tính mềm mỏng
 Chí thông minh lanh lợi
 Dốc tìn, làm điều lành
 Yêu kính pháp giới luật
 Tôn trọng thầy, thờ Phật
 Tên gọi là Cao Độ.
 Điều-đạt tìm đến gặp
 Dụ bằng những ngôn từ:
 “Hãy chịu nghe lời ta
 Ất hậu tướng sẽ chờ
 Tước vị cao hiển hách
 Vinh lộc tăng thêm nhiều
 Nếu nghe theo lời ta
 Về sau sẽ làm vua”.
 Thời, Hiền sĩ Cao Độ
 Nghe Điều-đạt nói càn
 Liền dùng lời chánh pháp
 Đáp lời Điều-đạt rằng:
 “Hãy lắng nghe ta nói
 Khen ngợi đức thờ Thầy!”
 Tức thời quay lưng lại
 Hướng về phía Đức Phật
 Gối bên phải sát đất
 Chắp tay, tâm cung kính
 Cúi mình, đầu mặt lễ
 Cao Độ bèn khen rằng:
 “Đã độ đến cùng cực
 Vượt biển các khổ não
 Đã được Thập Lực độ
 Cứu chúng sinh không mệt
 Ngày đêm không dừng nghỉ
 Dẫn người lập căn lành
 Bạc Thầy ta phụng thờ
 Hiệu là Phật Thế Tôn.

Ta chẳng thờ Thầy khác
Chỗ khác không nương được
Nên không nghe lời khác
Ông nên biết rõ đó”.
Khi ấy Điều-đạt ác
Trong tâm rất giận tức
Hai bàn tay nắm chặt
Cúi đầu bỏ ra về
Tâu vua lời siểm mị
Để gièm pha Cao Độ.
Vua ra lệnh quan hầu
Người có tâm hung ác
Trao hẳn chuỗi ngọc báu
Giá mấy ngàn lượng vàng
Rằng: “Người phải bí mật
Đem chuỗi báu này sang
Ném vào nhà Cao Độ
Chớ để người khác biết.”
Đêm tối, tên đó đến
Làm theo đúng lời vua.
Người nhà ấy sáng sớm
Được chuỗi ngọc báu kia
Liên trao cho gia chủ.
Gia chủ rất vui mừng
Sai người mời chồng đến
Đem chuỗi báu khoe chồng
Cao Độ thấy chuỗi báu
Rất sợ và than dài
Dùng những lời chua xót
Mà bảo vợ mình rằng:
“Của được không này độc
Đem ác gia hại người
Điều-đạt tìm mọi cách

Muốn hoại diệt ta thôi!
 Đem qua ném chuổi báu
 Vào trong nhà cửa ta.”
 Ông ngồi buồn giây lát
 Quan đến cửa rồi kia
 Chúng lấy chuổi báu ấy
 Đeo vào cổ Cao Độ
 Lập tức tâu vua rằng
 Rằng: “Cao Độ trộm đây!”
 Vua ra lệnh các quan:
 “Xử phân theo phép nước”.
 Sai quan là tên ác
 Như sứ giả Thái sơn
 Mắt đỏ cầm binh trượng
 Hình dung như ngục tốt
 Đều mặc áo màu đen
 Máu tô đỏ thân mình.
 Tội chém đầu bị kết
 Sắp đến nơi hành hình
 Trống đánh vang như sấm
 Tiếng thổi ốc chấn động
 Buộc chuông trên búi tóc
 Ngựa, lừa đưa khởi thành.
 Đến nơi ban thức ăn
 Cho người sắp hành hình
 Thời, Điều-đạt sai người
 Cho người nhà kia hay:
 “Hãy đến quy phục ta
 Sẽ giúp cho được sống.”
 Thân thuộc vây chung quanh
 Đều cất tiếng kêu gào
 Tiếng vang xa khắp chốn
 Khiến nơi xử Cao Độ
 Người tụ lại vô số

Vang vọng đến thành kia.
Đến nhà Nhất thiết trí
An trụ tâm Đại từ
Đi bằng giày Đại bi
Ngày đêm đi tìm kiếm
Mê hoặc trong năm đường
Lạc lối trong suối hang
Như bà mẹ thương con
Muốn cứu ghé đờn cô.
Thời, Phật bảo A-nan:
“Ông hãy đi vào thành
Rao khắp mọi đường phố
Lớn tiếng nói kệ này:
Ngày hôm nay Cao Độ
Xuất gia ra khỏi ngục!
Làm Sa-môn bậc nhất
Uống nước thuốc cam lộ”.
Khi ấy, có Phạm chí
Nghe được lời A-nan
Về nói bạn đồng tu:
“Cớ sao lại nói dối?”
Người đạt trong Phạm chí
Liên cất tiếng đáp rằng:
“Lửa có thể thành nước
Cam lộ thành thuốc độc
Bốn đại lại có thể
Bỏ bản tính của nó
Lời dạy của Đức Phật
Không bao giờ đổi thay!”
Bấy giờ con Cao Độ
Còn thơ đại đáng thương
Níu cổ cha mình xuống
Kêu khóc mãi không ngừng:

“Xin cha rủ lòng thương
 Tự nguyện theo cạp sói!
 Điều chúng sinh quý trọng
 Chỉ mạng người khó được
 Nếu lệnh quan phải giết
 Xin chết thay cho cha!
 Không nên quy thú về
 Với Điều-đạt hung tàn.”
 Cao Độ chí mạnh mẽ
 Bảo với con mình rằng:
 “Nguyện bỏ thân mạng mình
 Không bao giờ lìa Phật.”
 Vợ ông vội chạy đến
 Xoa tóc buồn kêu khóc
 Máu lệ rơi lã chã
 Thấm ướt áo ngực nàng
 Kêu than khổ sở rằng:
 “Chồng tôi người nhân từ
 Đã cùng nhau ăn ở
 Vì sao bỗng chia lìa
 Xưa có thệ nguyện rằng
 Không bao giờ lìa nhau
 Nay hiện như xa lạ
 Giống như khách qua đường?
 Tại sao không thương tưởng.
 Thiếp chỉ có một con
 Xin đoái hoài tiện thiếp
 Thương xót con mồ cô
 Ngoài mặt giả vờ hướng
 Về Điều-đạt cứu mạng
 Trong lòng luôn dốc lòng
 Lén tôn Phật làm Thầy!”
 Hồi lâu Cao Độ nói
 Đáp lời vợ mình rằng:

“Hãy nghe ta sẽ nói
 Quyết định trong tâm ta
 Cõi Tam thiên đại thiên
 Tối Tôn đáng nương cậy
 Ta đã tự quy Phật
 Vì sao lại sợ chết?
 Ta đã tự quy Phật
 Núi Tu-di các báu
 Sao lại quy thấp kém
 Nương tựa đồng phân hôi?
 Ta đã tự quy Phật
 Giữa đội ánh thái dương
 Thì sao lại phải bỏ
 Để theo lửa đóm thường?
 Ta đã tự quy Phật
 Loài vua chim cánh vàng
 Thì sao lại phải bỏ
 Về theo con quạ nhỏ?
 Ta vốn phát thệ nguyện
 Muốn uống nước biển cả
 Nay nước chân trâu này
 Ta sao hết khát được?
 Ta nay tự quy Phật
 Đức tướng tốt các pháp
 Làm sao đi đến với
 Kẻ làm ác thấp kém?”
 Vợ đáp lời chồng rằng:
 “Phải cứu giúp mạng sống
 Hiện chàng với Điều-đạt
 Hãy nhớ lại tình xưa”.
 Ông liền đáp lời vợ:
 “Thà gặp độc hại như
 Kiếm, măng xà, rắn độc...

Lửa oán đốt cháy rụi
 Nhưng vẫn còn tìm cách
 Thuốc hay trí tuệ trừ
 Không bao giờ gần gũi
 Bọn ác, tâm dơ bẩn
 Cùng bọn xấu ô nhiễm
 Hoại ý lành của người
 Phật dạy không theo chúng
 Kéo đến ngục Vô trạch”.
 Liền đem Cao Độ đến
 Nơi gò mộ rừng cây
 Liền phát tâm Từ bi
 Cấm giới ân cần Phật
 Ngục tốt bèn rút kiếm
 Định hành hình Cao Độ
 Kiếm bén không hại được
 Thân hiền sĩ Cao Độ.
 Lính về tâu vua rằng:
 “Kiếm bén không đả thương
 Thân hiền sĩ Cao Độ”.
 Vua lệnh tìm cách khác
 Điều-đạt bèn thêm rằng:
 “Hãy xỏ vào chiếc gậy
 Trói lại bằng da sống
 Rồi dựng ở ven đường
 Hành hình theo lời bàn”
 Cao Độ lòng niệm Phật
 Phật như chim cánh vàng
 Bay đến bên gò mộ
 Phật dùng tám thứ tiếng
 Mà bảo Cao Độ rằng:
 “Nay Ta cứu ông khỏi
 Độc hại khổ ách này”.
 Lòng Từ bi của Phật

Pháp cam lộ thanh tịnh
 Thứ lớp vì Cao Độ
 Giảng nói bốn Thánh đế
 Cao Độ liền chứng được
 Đạo quả A-la-hán
 Lập tức dùng sáu thông
 Nhẹ nhàng bay lên trời
 Trước mặt A-xà-thế
 Ở giữa cõi hư không
 Hiện các thứ thần biến
 Cả đại chúng đều thấy,
 Nói pháp mâu vua nghe
 Nói cho vua biết là:
 “Ta chính là Cao Độ
 Vua nên hối việc mình.”
 Vua nghe Cao Độ nói
 Lăn ra đất mê man
 Người đứng quanh vẩy nước
 Hồi lâu tỉnh dậy nghĩ:
 Điều chẳng đáng sợ hãi
 Kẻ thù, lửa dữ hừng
 Cũng không sợ quỷ mị
 Và rồng dữ hung ác
 Tâm như gương kiếm bén
 Miệng nói lời như mật
 Lời cùng việc trái nhau
 Phải thuận bạn ác này!
 Điều-đạt vẻ ngoài thân
 Chính là kẻ thù ta
 Hiện như cờ chánh pháp
 Dẫn ta vào đường ác
 Tự thiêu khiến không còn
 Dùng hư vọng đốt ta.

Chao ôi! Sao khổ quá
 Gặp phải bạn xấu ác!
 Ta làm bạn với nó
 Gạt cha soán đoạt ngôi
 Cho voi uống rượu say
 Thả ra hại Như Lai.
 Dạy ta điều ác nghịch
 Lăn đá hại thân Phật
 Nghe lời bạn xấu ác
 Trái nghịch Phật, Thánh Sư.
 Nhà vua liền buồn thảm
 Cúi dưới chân Cao Đệ
 Xin dứt trừ tội nặng
 “Vì nương tựa bạn ác
 Ta từ nay về sau
 Sẽ làm đệ tử Phật
 Kính Phật làm bậc Thầy
 Xa lìa bạn xấu ác!”
 Phật dùng sức thần thông
 Điều phục voi say cuồng
 Hóa độ vào đường chánh
 Gieo trồng gốc căn lành
 Như cứu hiền Cao Đệ
 Khởi nạn khổ cọc cây
 Uống thuốc hay cam lộ
 Các khổ độc dứt hết
 Vua nghe vậy vâng làm
 Dốc lòng hướng về Phật
 Vâng làm nhân duyên lành
 Đều khiến các khổ dứt.

M

Phẩm 26: MA KHUYÊN XẢ THỌ MẠNG

Như nhật mới mọc

Lộ ở sườn non
Bóng tối tiêu tan
Phóng ánh rực rỡ
Chánh pháp chói lợi
Phật, trời trong trời
Sáng sạch không nơ
Ban dạy lời nói.
Tâm ngu si tối tăm
Như khe động thâm u
Mặt trời sáng rực rỡ
Xua hết nguồn tối mù
Như trời trong không mây
Ánh mặt trời chiếu khắp
Chỗ Phật đến giáo hóa
Ai cũng được cứu độ.
Giống như núi vàng lớn
Cúng tế đốt lửa lớn
Như cá ghét ánh sáng
Làm nước cạn trần lao,
Vua trần lao cõi Dục
Tên gọi là Tệ Ma
Kéo đến chỗ Đức Phật
Liên nói những lời này:
'Xưa, Phật ngồi tĩnh tọa
Bên sông Ni-liên-thiên
Lúc ấy, Ta nói rằng:
Những lời đầu tiên nhất
Việc có thể làm được
Việc ấy đã làm xong
Đã có thể giác ngộ
Đạt "Vô hữu dư" rồi.
Sở nguyện đã đầy đủ
Nay xả bỏ tuổi thọ.

Khi ấy đáp lại ma
 Phật quyết định dạy rằng:
 “Vì nay Ta chưa có
 Bốn bộ đại đệ tử
 Và lại chưa thông suốt
 Mắt trí tuệ mở mang
 Xây dựng bày Phật sự
 Chỗ đáng được tôn trọng
 Chẳng phải ít phương tiện
 Nên vội vàng đuổi kịp
 Tối tăm, chưa sáng sửa
 Ánh quang chưa chiếu sáng.
 Mặt trời chưa qua trọn
 Không thể lại lặn mất,
 Biển khơi, vũng nước chứa
 Rong và A-tu-luân,
 Như người dùng mình trần
 Muốn vượt qua biển lớn,
 Như muốn dùng cánh muỗi
 Che mười phương hư không,
 Hoặc như con kiến nhỏ
 Muốn đấu cùng sư tử,
 Nếu lại có ý muốn
 Một lúc uống hết đi
 Vô lượng vũng nước lớn
 Cạn hết không còn dư;
 Hoặc muốn dùng hơi miệng
 Thổi núi báu Tu-di
 Cho rơi rời tan nát
 Đều trở thành bụi nhỏ,
 Vũng ao nước tràn đầy
 Núi Tu-di báu lớn
 Sư tử, biển, hư không
 Việc ấy có thể làm

Ao công đức của Phật
Tu-di, biển, hư không
Mười phương trời, người đời
Không có thể đo lường.
Cho nên, lúc ấy Ta
Nói với ma như thế.
Nay chẳng cần khuyên Ta
Khi quyết nói diệt độ
Như nay tiện bày tỏ
Chí sở nguyện tâm người”.
Nên theo đó mà nói
Ma liền bạch Phật rằng:
Các đệ tử của Phật
Nay đều thành hiền lương
Giữ giới cấm tinh tấn
Sáng ngời thành La-hán
Thân đứng ở trên đất
Đưa tay bắt mặt trời
Biến hiện thân to lớn
Lớn đến trời Vô kết
Từ trong sinh tử lớn
Đoạt chúng sinh của ta.
Ta ra khỏi giới, nhập
Vô vi như về nhà
Thế Tôn Nhất Thiết Trí
Việc làm nào cũng xong
Tiếng tăm như biển cả
Vang đồn khắp mười phương
Thế Tôn, Thánh không sánh
Dùng mười lực của Phật
Ngồi ở dưới cây đạo
Mặc giáp nhẫn vững bền
Dùng tay giữ vững chắc

Chiếc cung cứng đại Từ
 Bắn ra tên trí tuệ
 Sắc bén thật nhanh chóng.
 Ta và mười tám ức
 Các tướng quân vua ma
 Vừa bắn một phát tuệ
 Đánh bại binh chúng ta
 Như liệt sĩ đời xưa
 Một mình đấu đại quân
 Vừa bắn một phát nhọn
 Thắng Bàn Đạp đại quân,
 Ghét, yêu hai nhỏ lớn
 Đều diệt hết không còn.
 Voi say hàng phục tâm
 Khiến được điều phục hẳn
 Dùng long lớn đại pháp
 Che những người đáng độ
 Khiến tất cả chúng sinh
 Tránh được mưa trần lao,
 Hủy bỏ miệng tham ăn
 Tâm lấp đầy không chán
 Tính lừng xăng điên đảo
 Như đánh A-tu-luân,
 Dùng cày tuệ cứng chắc
 Trên hết và bậc nhất
 Cày những mảnh đất rộng
 Lật ra gốc ngu si
 Rồi đem cây đại pháp
 Chân chánh và nhiệm mầu
 Xuống trồng ở cõi thế.
 Hương hoa ngát chúng sinh
 Giáng hiện ở trong biển
 Sinh tử rộng mênh mông
 Dùng ý thân không vô

Ngọc chánh pháp kêu vang
Ở tại trong cõi Dục
Bị buộc ràng trong ái
Là bờ lũy sinh tử
Rất vững chắc khó qua.
Thế Tôn như lực sĩ
Mở cửa cho thoát ra
Được an trụ cồn bãi
Quý báu và vô lậu.
Thế Tôn nằm nghỉ ở
Ao trí tuệ rộng lớn
Trong ao mọc đóa hoa
Sen chánh pháp nhiệm màu
Hương thơm ngọt không sánh
Cảm động tâm trời người
Nhóm đến nhận dạy bảo
Như ong hút mật hoa.
Dùng hình tướng sư tử
Mạnh mẽ của Phật-đà
Nguyện điều phục khó phục
Trần lao A-tu-luân
Đã diệt hết thế gian
Lực sĩ của sinh tử
Hơn khắp cả ba cõi.
Thế Tôn là bậc nhất
Có người dùng bú sữa
Lớn lên của thế gian
Có người dùng biến hóa
Thần biến rất khéo léo
Đối các trời, người đời
Được tốt đẹp bậc nhất.
Dùng hạnh lành của mình
Riêng bày ở trên đời

Nay chính là đúng lúc
 Xả thọ mạng thế gian.”
 Khi Phật nghe những lời
 Khuyến khích của vua ma
 Phật liền dùng tiếng Phạm
 Mà bảo vua ma rằng:
 “Nay ma sẽ vui mừng
 Ất không còn lo âu
 Sau đây, chẳng bao lâu
 Ba tháng Ta xả thọ
 Nên bỏ lòng nôn nóng
 Nguyện người đã thỏa rồi”.
 Nghe Phật nói thế ấy
 Vua ma rất mừng vui
 Tức thời ở trước Phật
 Liền lập tức biến mất.
 Bấy giờ Thế Tôn liền
 Định ý trong giây lát
 Giác ý cùng trí tuệ
 Sau đó liền tán ý
 Phóng xả thần thông trước
 Tuổi thọ dài vô hạn;
 Thánh dùng sức thần thông
 Tuổi thọ còn ba tháng
 Thế Tôn đã phóng xả
 Trường thọ dài vô hạn.
 Thân đất liền kinh hãi
 Rung chuyển mạnh sáu lần
 Bốn phương đều mưa rơi
 Sét đánh, lửa khắp nơi
 Giống như lúc kiếp tận,
 Tu-di mưa lửa đui
 Sét đánh mau liên tục
 Đây khắp cả hư không

*Giống như lúc kiếp tận
Mất đất lửa thiêu đốt.
Đức Phật trời trong trời
Liên nói bài kệ rằng:
“Như xe bị gãy trục
Gắng sức chở thân này.”
Bấy giờ A-nan thấy
Điềm xấu ác lạ lùng
Tâm hoài nghi rúng động
Đến Phật hỏi duyên ấy.
Thời, Phật bảo A-nan
Rằng: “Ta xả thọ mạng
Cho nên đất rung chuyển
Nên hiện điềm xấu này.”
Khi A-nan nghe Phật
Dạy những lời như vậy
Liên gieo mình xuống đất
Như cây chiêm-đàn đổ,
Lỡ chân lông toàn thân
Tất cả đều ra máu
Lòng mang nặng đón đau
Mặt đầy máu nghẹn ngào
Một là tôn làm thầy
Hai là tình anh em
Tình nghĩa nặng chưa hết,
Đau đón tâm mê man
Trừu mến nhìn Đức Phật
Hồi lâu mới nói được
Lời chua cay khổ sở
Luyến mến đầy buồn bã:
“Than ôi! Sao ác khổ?
Vô thường quá mau chóng
Ngọn đèn ánh sáng Phật*

Bỗng nhiên sắp hoại diệt
Như trời lạnh được lửa
Lúc nóng hạn gặp mưa
Mệt được dù che nắng
Ai chẳng mong nương tựa.
Chúng sinh đáng thương xót
Đang mê hoặc lạc đường
Ở trong sinh tử lớn
Ruộng hoang rộng vô biên
Chỉ người con đường lành
Xét kỹ biết đường chân.
Thầy dẫn đường ba cõi
Sao bỏ đời nhanh chóng?
Thấy chúng sinh khắp đời
Bị lửa ái thiêu đốt
Quanh đường dài mỗi nhọc
Hạn khát đã lâu rồi
Ao ngọt làm nước giải
Vị nước rất ngon mát
Ao mát mẻ trên hết
Bỗng nhiên sắp khô cạn.
Ba đời quá khứ, lai
Hiện tại đều thấu suốt
Tâm vào pháp nhiệm mầu
Khuôn mặt của trí tuệ
Cõi Tam thiên thế giới
Như nhìn gương sáng sạch
Mất đời bỗng mờ tối
Còn nỗi đau nào hơn!
Chúng sinh dốc lòng tin
Rễ mầm mới sinh được
Như có cái dần lớn
Hay có cái đã thành
Các giống loại như thế

Khát cầu mây mưa Phật
Những chồi vừa thành ấy
Bỗng gặp hạn thiêu đốt.
Thế Tôn bốn mươi thứ
Lửa trí tuệ sáng lâu
Đỉnh lớn Nhất thiết trí
Chiếu khắp cõi Tam thiên
Chiếu hiện sáng rực rỡ
Mất tất cả chúng sinh
Chúng sinh sao đáng thương
Sẽ lại rơi vào tối?
Biển sâu của tuệ giác
Rộng lớn và sâu xa
Phật riêng trước hóa độ
Đoái thương xót chúng sinh
Nay sắp bỏ thế gian
Chúng con nương cậy ai?
Như cha nghiêm, mẹ hiền
Xa con vạn dặm trường
Thương khắp mọi chúng sinh
Bầu sữa lành rất đầy
Nước sữa của chánh pháp
Rất đầy đủ ngọt ngon,
Đức Thế Tôn đại từ
Như trâu mới sinh con
Nay bỏ ghé cô độc
Chúng con sắp hạn khô.
Mê hoặc lâu lạc đường
Trong năm hang âm u
Chúng sinh đáng được độ
Như ghé con cô đơn.
Thế Tôn tìm khắp nơi
Như mẹ hiền tìm con

Nay ai sẽ tìm kiếm?
 Chúng con sao đáng thương
 Sầu này bỗng nhiên gặp
 Sau tiếp tục lại đến?
 Ngày đêm cùng đun đống
 Xoay vòng như bánh xe
 Ngày đêm như hai tay
 Phương tiện không dừng nghỉ
 Múc nước mạng vô thường
 Uống vào chẳng thỏa mãn.
 Tâm con mê man lắm
 Không hề hay biết gì!
 Lòng là nhóm kim cương
 Nhẫn được, không tan hoại
 Thường theo hầu Đức Phật
 Cũng như bóng với hình
 Hình bỗng nhiên sắp diệt
 Bóng sẽ nương vào đâu?
 Con nay sẽ lìa bỏ
 Đức Phật, trời trong trời
 Như thân lìa thọ mạng
 Tên mình cũng chẳng còn
 Oán đối vô thường trước
 Sao không theo đuổi con?
 Thọ đã rời thân ấy
 Sao khoảnh khắc còn đây?
 Ngài ở giữa chúng hội
 Từng lời nói như sau:
 Có ai chứng Đạo đế
 Bốn Thần túc đầy đủ
 Tuổi thọ đến một kiếp
 Hoặc có thể vượt hơn.
 Thần lực đạo của Phật
 Tự tại không chướng ngại

Đòi chỉ nương vào Phật
 Nay xin Phật trụ thế
 Vì thương xót chúng sinh.
 Mong sống lâu hơn kiếp
 Nguyện Ngài rủ lòng thương
 Thương xót các chúng sinh
 Mà kéo dài thọ mạng
 Người chửa độ còn nhiều.”
 Bấy giờ Phật Thế Tôn
 Thấy A-nan buồn khổ
 Quá tiêu tụy như thế,
 Ngài rủ lòng an ủi
 Phật Thế Tôn đại Từ
 Nói lời thương tràn trề:
 “Ông quán kỹ tự nhiên
 Đòi động, quy diệt tận
 Tất cả việc thế gian
 Nhất định phải như thế
 Cái gì có thành lập
 Nhất định phải hoại thôi
 Cái gì có thành lập
 Thì phải có đầu đuôi
 Không bao giờ phát tâm
 Cầu về thành Nê-hoàn.
 Ta trước vì các ông
 Giảng nói các giáo pháp
 Lời dạy người làm thầy
 Không còn giấu điều gì.
 Thân Ta như trụ lại
 Và sau khi độ đời
 Các ông siêng thờ pháp
 Dùng thân Ta làm gì!
 Cần nỗ lực tinh tấn

Suốt đời giữ giới cấm
 Phương tiện cầu tuệ giác
 Gấp như cứu cháy đầu.
 Đạo phẩm để tu hành
 Gồm có ba mươi bảy
 Phải mau lập phương tiện
 Khiến tâm được giải thông,
 Cội gốc các điều lành
 Điều sẽ từ đó sinh
 Dùng diệt định giữ gìn
 Ràng buộc lòng voi say
 Dùng móc sắt trí tuệ
 Chế ngự khiến trở về,
 Dùng chánh để quán kỹ
 Trói không cho buông lung
 Diệt tâm khiến định tĩnh
 Mất từ bi trí tuệ
 Các ông phải nhờ đó
 Nhìn thấy pháp thân Ta.
 Kia có thấy được Ta
 Chính là thân chánh pháp
 Ta hiện tại ở đời
 Thường thấy Ta không rời
 Nay Ta vì các ông
 Cho đến đời tương lai
 Nguyên biến cây khổ độc
 Thành ra quả ngọt ngon.
 Trước phải siêng uống ăn
 Tinh túy hoa giác ý
 Chứng thành bốn đạo quả
 No đủ cõi thế gian
 Ngoài tục học Thánh hiền
 Luôn không đợi giác rõ.
 Hậu Vân và Thượng Thế

*Khiết Trì cùng Ái Sinh
Trời Ngã khiết an tường
Lực Lự và vua trời
Họ đều không đạt đạo
Ta giúp các ông giác
Họ đều không thể biết.
Đầu mối ra khỏi đời
Chỗ ngoại sư ngừng nghỉ
Gặp mê hoặc lại rơi
Chỉ có Phật Thế Tôn
Vô ngại rất linh tuệ.
Cho nên ở trong hữu
Dứt sạch gốc trần lao
Giống như thầy thuốc giỏi
Có tám phương thuốc hay
Ta đã riêng phân biệt
Các loại thuốc hay này
Người nặng về tham dâm
“Quán ác lộ” là thuốc
Dùng “từ” dứt tức giận
Đem “tuệ” bỏ ngu si.
Như trước kia A-nan
Những điều ông bày tỏ
Xin Phật thọ một kiếp
Hoặc lâu hơn một kiếp
Hãy quán Phật quá khứ
Tùy theo hạnh đời trước
Không trọn đời thượng thọ
Thọ bốn trong năm phân
Ta làm gì ở với
Vỏ rắn này lâu hơn?
Kéo mạnh không trở lại
Duyên cừ oán hết rồi*

Nhà hư mục nghiêng ngã
 Hồ mang rất đáng sợ!
 A-nan chẳng nên vội
 Bỏ thân này trốn lánh?
 Người tìm nước trong lửa
 Tìm vàng ở trong sắt
 Từ cành hoa sen hồng
 Muốn được gậy Kim cang!
 Từ trong đồ xấu độc
 Muốn tìm thuốc cam lộ
 Cùng kẻ điên tìm kế
 Từ kẻ oán tìm thương
 Trong địa ngục tìm thuốc
 Trong nhà xí tìm thơm
 Muốn giáo huấn khỉ vượn
 Làm cho không lảng xãng
 Nhà mục nát, tường rêu
 Xây thành bằng cát ướt.
 Chùm bọt trên mặt nước
 Đền trước gió đầu bên
 Như chén nung gặp nước
 Khó thể giữ lâu bền,
 Mỏng manh còn hơn thế
 Không mạnh chóng tiêu tan
 Phải giác biết như thế
 Sẽ được thân bốn đại.
 Sao thấy được chánh đế
 Mặc tình cho thân này
 Vì chúng sinh ngu si
 Thỏa mãn không lo buồn?
 Thấy người khác bị chết
 Chẳng nghĩ mình sẽ vậy
 Buông lung không cần thiết
 Hao tổn thọ mạng này.

*Không hề lập phương tiện
Cầu gốc lành cho mình
Nên giác biết như thế
Thế gian đều vô thường
Trời, đất, báu, đá núi
Đều sẽ trở về diệt,
Biển cả, vũng, ao nước
Chẳng lâu đều khô cạn
Núi Tu-di châu báu
Cũng ắt sẽ sụp đổ.*



PHẬT BỔN HẠNH KINH

(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)

QUYỂN 6

Phẩm 27: ĐIỀU-ĐẠT VÀO ĐỊA NGỤC

Phật, Bạc Thầy trời người
 Thân tâm đều thanh tịnh
 Thương người xuống sông tắm
 Mặc áo tắm đứng trong.
 Bấy giờ, Phật Thế Tôn
 Bèn xuống dòng sông trong
 Giống như vua mặt trời
 Tắm ở ao Thiên hoa,
 Cũng như cột kim cương
 Dùng báu màu trang hoàng,
 Như Thiên sư điêu khắc
 Các tướng đều sáng đủ
 Thân hình Phật Thế Tôn
 Cũng xinh đẹp như thế.
 Do hạnh lành đời trước
 Thọ giới đã tạo thành
 Trăm tướng phước đức đủ
 Thiện đời trước in rõ,
 Hoặc như ngón tay đẹp
 Hoặc như phát âm thanh
 Để nói hạnh lành xưa.
 Hình tướng Phật như thế
 Trùng trên không, dưới nước...
 Nhìn đều sinh ngạc nhiên
 Điều tự bỏ hờn oán

Đối nhau bằng tâm Từ
 Chẳng ăn thịt nhau nữa
 Mắt đấm nhìn Thế Tôn
 Ngắm ngài không thỏa mãn.
 Thời, Phật bảo A-nan:
 “Xem các loài vật ấy
 Đều cùng nhìn tướng Phật
 Tuy trùng thú không tuệ
 Không phân biệt lành, dữ
 Quán thân tướng Phật đẹp
 Như nhìn ảnh trong gương
 Đã gieo giống gốc lành”.
 A-nan bạch Phật rằng:
 “Thưa hãy xem Điều-đạt
 Đốt cháy bản thân mình
 Người họ Thích siêng tu
 Học pháp nương hư không
 Được vua A-xà-thế
 Thờ làm thầy trên hết
 Thọ ân sủng vô cùng
 Cung kính như hiền tài
 Không xét nhân do đâu
 Muốn biến thành kẻ ác?”
 Thời, Phật bảo A-nan:
 “Bố thí khắp, học rộng
 Tịnh hạnh, siêng tự giữ
 Tâm luôn nghĩ việc ác
 Chắc chắn không thể giữ.
 Tâm ác, quen các ác
 Quên mất hạnh lành ấy
 Tự như cội gốc lành
 Người ngu được vinh lộc
 Tự rất lấy làm mừng

Chỉ chuốc lấy tỵ sát
Như con la có mang
Do đó tỵ tiêu diệt,
Cội gốc các điều lành
Không còn mảy may thiện
Cứu ra bỏ không đành
Có thể giúp ra khỏi.
Lòng ta thương chúng sinh
Lòng Từ đối tất cả
Lên núi, vào hỏa ngục
Cứu những người khổ ách
Không tiếc thân mạng mình.
La-vân là con Ta
Điều-đạt lẫn đá hại
Thương cả hai như nhau.
Không lâu ở Vương xá
Hạnh ác đã đầy đầy
Điều-đạt bị bệnh nặng
Chữa trị bằng mọi cách
Rồi lại bảo đệ tử:
“Nay nên đem ta sang
Chỗ vua nước Ma-kiệt
Là bạn thân của ta.”
Bấy giờ, các đệ tử
Tìm cách cách đưa ông
Kiệu ba bậc ấy gầy
Té rơi gối bị thương
Lại thay kiệu ngồi khác.
Kiệu đến cửa cung vua
Đi đường gặp nhiều thứ
Các diêm hiện chẳng lành;
Trâu đực rống lên đón
Vừa húc đất vừa đi
Chân sau hất tung đất

Bốc bụi bắn lên người,
Đàn quạ gọi ở trên
Giống như tiếng nói người
Rằng: “Mitu đồ của ông
Chẳng làm người hài lòng”.
Đến cửa liền tâu vua
Vua ra lệnh cho quan:
“Người ác gần cửa tử
Lại đến mê hoặc nhau
Hấn dùng ác đốt ta
Trở lại tự thiêu đốt
Như mưa đá hại vật
Làm tiêu mất tất cả
Trở lại tội chúng sinh
Chúng ta không nên thấy.
Người thân không màng đến
Mọi người đã bỏ rơi
Chống báng Phật Thế Tôn
Vì tế trời Cát tường
Nếu vào ngục Vô trạch
Sợ liên lụy chúng ta.
Có người kính trọng ta
Các khanh tự yêu mạng
Thì mau phải ra khỏi
Ác lại gặp đây rồi.
Ta thường khen Phật đức
Theo cầu nguyện thầy trời
Thề rằng nơi sinh ra
Không ở chung bạn ác,
Quan hầu lệnh thị vệ
Mau đuổi những người tội.”
Tâm Điều-đạt đua nịnh
Khoe với các đệ tử:

“Như ta tự suy nghĩ
 Chỉ Phật với ta thân
 Có thể cứu nạn vậy
 Ngoài ra không nhờ ai
 Mau đem ta đến Phật.”
 Lá rụng trở về cội
 Như hạt rơi đất mọc
 Đất nuôi dưỡng, cứu mang
 Các đệ tử cho rằng
 Thầy làm lẫn vô cùng
 Có ác ý đối Phật
 Phạm các thứ tội lỗi.
 Điều-đạt nghi sợ nói:
 “Ta tuy trái phạm Phật
 Không hề bỏ người ác
 Vì người lành không nhờ.”
 Bấy giờ đệ tử hẳn
 Thấy thầy như vậy thì
 Vì sợ Điều-đạt nên
 Vội lên kiệu ra đi.
 Chấn động thành Vương xá
 Mọi người tụ lại xem
 Thời, đuổi theo Điều-đạt
 Mới giải được hoài nghi
 Thấy Điều-đạt gặp nạn
 Nhan sắc rất tiều tụy
 Thường làm ác bất kể
 Nên nay gặp họa thôi.
 Như tàu biển sắp lật
 Vào miệng cá Ma-kiệt,
 Giống như cờ lớn đổ
 Sắp rơi trên mặt đất,
 Thí như mỡ dè nhà
 Dù phước trời đều ứng

Điều-đạt nguy như thế
Đi vào miệng cửa tử.
Như nhật trùm bóng núi
Mau dần che mặt đất
Điều-đạt hành ám xấu
Theo đuổi phủ không khắp,
Các người xem trong thành
Thấy điềm ứng như thế
Mọi người chuyên nhau nói:
“Trên đất nặng oán thù
Thường làm ác với Phật
Mặt dày không thẹn ư?
Làm sao mà gặp Phật?
Trong có tráo trở đây
Chứa nhóm sự hao tổn
Vậy không nên nhìn coi.”
Có người rất kinh sợ
Hoặc có người xót thương
Có người rơi nước mắt
Có người đứng lặng nhìn
Có người khen ngợi Phật
Công đức tâm Từ bi
Nên mới dung thọ được
Kẻ độc ác như vậy.
Đệ tử hấn mệt nhọc
Dừng lại nghỉ, thở than
Sự mang nặng đất ấy
Làm sao kham nổi được.
Vừa dừng lại giây lát
Mọi người đã bao quanh
Màu vẻ chết đã ứng
Dần dần vì đó hiện
Phút chốc đất chấn động

Tiếng vang khắp cõi nước:
 “Ta chẳng thắng người ác
 Như giác ngộ cõi đời.”
 Bấy giờ, trong hư không
 Có tiếng sấm chấn động
 Lại có biết bao thứ
 Âm hưởng ác đáng sợ
 Các trời bảo thần đất:
 “Hạnh ác đã đến gần
 Nên đất động lên tiếng
 Bày duyên đối xấu ác
 Không thắng ác hạnh kia.”
 A-nan bạch Phật rằng:
 “Điều-đạt đã đến rồi
 Xin được gặp Thế Tôn!”
 Thời, Phật dùng tiếng Phạm
 Mà bảo A-nan là:
 “Điều-đạt tội rất nặng
 Không thể đến gặp Ta
 Dù gió tỳ-lam thổi
 Cũng không thể lay động
 Dù cho rồng đất dẫn
 Rồng tuyệt nhiên không lay.”
 Phật nói lời quyết định:
 “Điều-đạt không gặp Ta”
 Tức thời run xuất hạn
 Nhan sắc liền biến xấu
 Giống như chim cánh vàng
 Muốn bắt rồng chúa ăn
 Vì chết đã tìm bắt
 Run rẩy không tự dừng
 Gặp sứ Diêm vương triều
 Sợ hãi không biết gì,
 Đất nứt như miệng cá

Trong đó lửa đỏ ngời
Há miệng rất đáng sợ
Như muốn nuốt Điều-đạt.
Lửa cháy bốc như lửa
Hừng hực liếm thiêu thân
Bị lửa nóng trói buộc
Lôi cuốn đến đường ác
Giơ cao cả hai tay
Lớn tiếng xưng danh Phật
Gọi rằng: “Trời trong trời
Chỗ chúng sinh cậy nương
Thường có tâm thương xót
Đối tất cả chúng sinh.
Con tuy ngu, nhiều lỗi
Nhân từ chẳng biến đổi
Như núi chúa Tu-di
Gió không thể thổi ngã
Lòng Từ ái vô lượng
Soi sáng đời xưng hô.
Nếu được Ngài soi chiếu
Mong đợi chút dừng nghỉ
Để ngộ cõi Tam thiên.
Lên tiếng Phạm âm vang
Duyên tiếng màu sâu này
Được thoát khổ địa ngục
Nguyện được Phật Thế Tôn
Đất bụi bám chân Ngài
Dem đội trên đỉnh đầu
Hoặc sẽ được cứu giúp.
Thế Tôn không tự đến
Xin sai đệ tử khác
Ca-diếp, A-na-luật
Xá-lợi-phất, Mục-liên

Cầu được các vị ấy.
 Còn hiền đệ A-nan
 Tình cốt nhục dòng họ
 Làm sao bỏ nhau được
 Anh em cùng khổ nã
 Chúng Tăng cũng như vậy
 Từ vua đến các quan
 Người quen và họ hàng
 Chỉ trừ có kẻ ác
 Không bao giờ bỏ con
 Không ai rời một chút
 Như bóng mãi theo hình.”
 Người đông đầy mặt đất
 Các trời chật hư không
 Đều đứng xem Điều-đạt
 Lăn lóc trong khổ đau
 Giống như hai lực sĩ
 Cùng giao đấu với nhau
 Lực sĩ đối duyên trước
 Trong chúng bắt Điều-đạt
 Trời, người đồng thanh kêu:
 “Vinh Lộc nay ở đâu?
 Báo lành dữ rõ ràng
 Bị lửa kéo dắt đi.”
 Bấy giờ vô số người
 Bỗng sợ ác đối này
 Phật còn không cứu được
 Huống chi là người khác
 Xưng Phật cúi mình lễ
 Hết lòng tự quy y
 Chưa kịp nói nửa lời
 Liền bị lửa bủa vây
 Lửa như dáng Anh lạc
 Lan khắp cả thân thể

Bồng nhiên liền biến mất
 Như cá đoi nuốt mồi
 Chợt đến ngục Vô-trạch.
 Bấy giờ quỷ ngục tốt
 Đầu cháy rất đáng sợ
 Sức mạnh, thân như núi
 Tâm độc, rất tức giận
 Vội vã liền tìm đến
 Lùng bắt mang đi mất,
 Như chim vàng bắt rồng
 Dùng dây sắt cháy nóng
 Trói ngược cả hai tay
 Lôi đi chửi thậm tệ
 Đem đến tâu Diêm-la
 Rằng: “Đây vật tệ ác
 Hung bạo ở thế gian
 Mang hờn ghen, nịnh hót
 Nghịch chánh lý, ác hung
 Nhớ ác, không phản tỉnh
 Không từ, chuyên làm ác
 Chủ tâm tìm hay dở
 Không thẹn, kết oán thù
 Độc chuyên quyền, cậy thế.
 Thác loạn vượt chân lý
 Chánh pháp nói phi pháp.
 Phi pháp nói chánh pháp
 Sông hay vắng lặng kia
 Thể báu tuệ tràn đầy
 Phật như núi Tu-di
 Y lẫn đá muốn giết.
 Nước định ý thanh tịnh
 Các biển, vực Thánh hiền
 Vốn lặng trong lại sâu

Hấn quậy dơ bẩn lên.
 Vô tội sinh oán sát
 Tỳ-kheo-ni Liên Hoa
 Nhỏ hết cội gốc lành
 Đều khiến không còn sót.
 Tối như đồng sương phủ
 Các lành ngày một tổn
 Ví như trăng lặn mất
 Tan chuyển vận tối tăm
 Chứa tội đất đã nuốt
 Nay đến miệng ác đối
 Vua nên xử tội ấy
 Tội nặng không thể tha”.
 Vua nghe ngục tốt tâu
 Phải dùng pháp xử đoán
 Vua nổi giận nhểc mắng
 Cùng dạy bảo rõ ràng:
 “Ôi! Người dòng giàu sang
 Làm những việc thấp kém
 Con cháu vua Cam Giá
 Người đã làm tan hoang.
 Phải chững người điên dại
 Gây ra tội lớn lao
 Không uống pháp cam lộ
 Tự nuốt độc hại kia
 Làm việc hung ác ấy
 Muốn cắn gậy ta ư?
 Muốn nuốt chày Thiên đế
 Hay muốn nắm hư không?
 Người bị dục trói buộc
 Tính tháo lộng như gió
 Dem dục làm việc ấy
 Nên hết lòng làm ác.
 Người muốn dùng bàn tay

Mà che ánh dương Phật
 Lại muốn dùng ngón tay
 Nâng Tu-di của Phật
 Người muốn uống biển cả
 Khiến cạn hết không còn
 Việc đến tự cột chặt.”
 Nói rồi sai ngục tốt
 Bèn làm việc đáng làm
 Quỷ tốt lớn tiếng hét
 Người tội đều kinh hãi
 Tự nói chuyện với nhau:
 “Nay kẻ làm ác đến
 Nhờ duyên vật ác này
 Sẽ lợi ích chúng ta
 Bao nhiêu thứ khổ đau
 Đều đến trong hội này
 Cùng trị vật ác độc,
 Lột da, đâm mài giã
 Thái thịt bỏ cối nghiền
 Tiêu tan thân thể ấy.”
 Quỷ tốt như nói trên
 Độc trị khiến đầy đủ
 Ép ngắt các khổ đau
 Quỷ ngục dùng lửa đốt
 Cây sắt banh miệng ra
 Đồng sôi rót vào miệng
 Phải nuốt hòn sắt nóng.
 Các địa ngục Đô hợp
 Ở trong đó khổ sở
 Đi đến ngục Vô trạch
 Gia hại Điều-đạt kia.
 Ngục Vô trạch thiêu đốt
 Cùng người tội phải chịu

Tội riêng của Điều-đạt
 Tranh nhau mà hiện ra.
 Núi Kim cang đảo lộn
 Lửa trào càng nóng hơn
 Rớt trên đầu Điều-đạt
 Khiến thân nát như bụi,
 Núi như biết giận dữ
 Thường tự đứng, tự ngã
 Âm thanh như xướng họa
 Đập nát xương cốt kia.
 Người tội nghe tiếng ấy
 Đều sợ hãi kinh hoàng
 Bốn phía chạy tứ tán
 Không còn đất lánh thân
 Che mặt mày, vổ đất
 La lớn, bảo nhau rằng:
 “Làm ác sao quá đỗi!
 Khiến đều chịu khổ đau
 Điều ác nay đã đến
 Vác nặng rất ương đối
 Do chúng sinh ác này
 Làm chúng ta thêm đau.”
 Điều-đạt đau đớn quá
 Bảo các người tội rằng:
 “Đau đớn ở cùng khắp
 Đau riêng một mình ta?”
 Các quỷ coi giữ ngục
 Đều mắng Điều-đạt là:
 “Hãy nghe tội ác người
 Kẻ bạo ngược tàn độc
 Thuốc của Nhất Thiết Trí
 Tuệ pháp báu rất nhiều.
 Mười tám hang núi Phật
 Ao vực của từ bi

Núi Phật mâu như thế
 Người dùng núi mà ném
 Vì thế mắc tội lỗi
 Các núi mưa trên người.”
 Tự nhiên núi Kim cang
 Mưa trên đầu Điều-đạt
 Núi cao, chày cháy bỏng
 Rơi như mưa không dứt
 Làm thân hấn nát vụn
 Rồi sống lại như cũ
 Bấy giờ lại kêu la
 Kinh động trong địa ngục.
 Voi đá có trăm chân
 Như núi một do-diên
 Đen như mây mù tối
 Nhanh hơn gió kiếp tận
 Kêu thét như sấm động
 Điều-đạt thấy kinh hoàng
 Gào thét lớn thất thanh
 Liền nói lên lời này:
 “Các người sao ác quá
 Dùng voi ép bức ta!
 Đến muốn khùng bố chết
 Nay đến dày xéo nhau”.
 Quỷ địa ngục hỏi hấn:
 “Biết đáp người hay không?
 Người dùng voi khùng bố
 Nên bị tội voi dày.”
 Trong giây lát lại có
 Quỷ ngục thân bằng sắt
 Hình dáng lớn như núi
 Mang chày sắt cháy hồng
 Một do-tuần vuông vức

Đi đến chỗ Điều-đạt
 Dỡ năm trăm chày sắt
 Giáng xuống đầu Điều-đạt
 Giã nát thân Điều-đạt
 Giống như kiến con nhỏ.
 Quỷ ngục, giận mắng rằng:
 “Nói sao hết tội này
 Người phá người đắc đạo
 Cô Liên Hoa là đầu
 Đã phạm tội lỗi này
 Nay chày giã đầu người
 Lại có xe sắt chày
 Trâu kéo thân than đỏ
 Tay chân buộc xe sắt
 Phân ra làm hai phần
 Đánh xe đi hai ngã
 Xé tan thân Điều-đạt
 Mỗi xe chia thân ấy
 Đau đớn không nói được.
 Quỷ địa ngục lại mắng:
 “Nay xe mới xé người
 Phân ra làm hai mảnh
 Đúng ra xé thân người
 Tám mươi sáu ngàn muôn
 Thánh chúng người chê bai
 Chia rẽ làm hai bộ
 Nên nay xẻ thân người.”
 Tiếng Điều-đạt vọng đến
 Ngục Hồng hoa xa xôi
 Cù-hòa-ly nghe tiếng
 Liền tìm đến mắng rằng:
 “Thà gặp lửa dữ đốt
 Kiếm bén độc bên trong
 Hồ mang, trăn, ác độc

Đừng gặp bạn ác tà.
 Tìm phương tiện cứu giúp
 Có thể thoát tội này
 Bạn ác không phương tiện
 Nên địa ngục đành chịu
 Bị quỷ giữ ngục kia
 Không đợi đường giải thoát.
 Có bốn thứ phương tiện
 Thuật ấy lại không làm
 Tổn hại danh xưng
 Như ngày cạn nước
 Tiêu các hạnh lành
 Như lửa cháy đồng
 Hại trí tuệ sáng
 Như hoa gặp sương
 Bẩn hoại mùi hương
 Giới cấm tâm tịnh
 Che lấp ánh sáng tâm
 Như trăng lúc nguyệt thực.
 Điều-đạt gốc là bạn
 Đối ta bằng oán độc
 Ngục tốt gia độc trị
 Cát tiếng kêu đau đớn”
 Điều-đạt nghe tiếng hỏi:
 “Tiếng Cù-hòa-ly ư?”
 Ngục tốt mắng ngược lại:
 “Đó là lửa địa ngục
 Đã vào trong tội lỗi
 Lại phải hỏi làm gì?
 Do người người bạn ác
 Cuồng đặt ngục Hồng hoa
 Vì tà đạo, phản nghịch
 Hâm gian nan phải sa.

Người là lái tàu ác
 Dắt vào dòng nước ngược
 Trước, sau quanh quẩn mãi
 Vĩnh viễn không lối ra”.
 Điều-đạt đau đớn nói:
 “Cù-hòa-ly đã đến
 Còn các bạn thân khác
 Đều đến địa ngục chăng?
 Bạn ác sao quá vậy?
 Dẫn ta vào đường ác
 Đến ở trong địa ngục
 Mà cũng dẫn ta theo.”
 Mục-liên, đê tử Phật
 Thân thông được tự tại
 Xót thương ba đường ác
 Nhân đi gặp Điều-đạt
 Thấy vua A-xà-thế
 Vua cúi đầu cung kính
 Lễ chân Mục-kiền-liên
 Sau đó bèn hỏi rằng:
 “Được đi xem đường ác
 Nguyên xin thầy nói cho
 Việc thấy Điều-đạt ác
 Chịu thứ khổ đau nào?”
 Mục-liên đáp vua rằng:
 “Khổ đau Điều-đạt chịu
 Nỗi đau khổ đầy đủ
 Không thể nói hết đâu!
 Có tám địa ngục lớn
 Ngục có mười sáu thành
 Trăm hai mươi tám ngục
 Hợp chung các khổ ấy,
 Chỉ riêng ngục A-tỳ
 Dụ khổ các ngục này

Khổ không an giây lát
Nên gọi ngục Vô-trạch
Chịu khổ rất tệ ác
Thống khổ chồng chất lên
Lụi đền trả tội khác
Không bao giờ ngừng nghỉ.
Mười sáu ngục lửa cháy
Vây đốt thân người tội
Bị các tên đau khổ
Bắn trúng đích không chừa.
Lúc ấy, vua Diêm-ma
Trách Điều-đạt đủ điều
Ngục tốt lại mắng nhiếc
Thấy đều tâu với vua.”
Vua nghe lòng bỗng sợ
Toàn thân đều nổi ốc
Kinh sợ hướng Mục-liên
Chấp tay và cúi mình,
Lòng vua liền héo rũ
Như hoa gặp lửa hừng
Mặt nước mắt ràn rụa
Như hoa sen gặp mưa
Vừa bi thương vừa sợ
Hướng về Mục-kiền-liên
Tự trách mình từ trước
Làm nhiều việc bất thiện
Nếu lòng biết hổ thẹn
Tránh xa bạn ác rồi
Nay ăn năn ngàn muôn
Như roi thúc ngựa hay.
Ý giống như dầu mè
Gặp thơm thì bèn thơm
Gặp hôi thì chịu hôi

Tâm ông cũng như thế.
 Mục-liên tâu vua rằng:
 “Biết hối hận bậc nhất
 Hối trách bệnh đã thấm
 Thuốc hay Phật chữa khỏi.”
 Vua nghe ngài dạy bảo
 Rất sợ hãi địa ngục
 Xin nương nhờ Đức Phật
 Như bệnh theo thầy hay
 Lệnh lập lầu quán báu
 Trang hoàng bằng ngọc quý
 Như điện Thiện pháp trời
 Bốn bên có lan can
 Bốn phía thêm thang báu
 Bốn phía bốn ao tắm
 Hoa bằng bốn chất báu
 Các thứ đẹp nhiệm màu.
 Ở trên có cây báu
 Các vua đều kỹ xảo
 Cung Đế Thích, Đạo-lợi
 Như cây Trú độ trời
 Lập tòa cao bên dưới
 Như vua trời Đạo-lợi
 Ở dưới cây Trú độ
 Tòa đại ngự Đế Thích
 Vua thỉnh Phật vào cung
 Phật ra như mặt trời
 Phát ngàn ánh sáng màu
 Vua đích thân ra đón
 Cờ, phướn, lọng bốn báu
 Hoa hương các kỹ nhạc
 Đủ thứ báu nhiệm màu
 Thành kính dâng lên Phật,
 Tức thời đánh tất cả

*Hai mươi ức cái trống
Các trời đều tung hoa
Như mưa che khắp đất.
Phật tức thời đi đến
Lên điện ngôi tòa cao
Giống như vua trời Phạm
Ngôi cung Phạm bậc nhất.
Vua vô vàn ý kính
Hình dung rất đẹp lành
Như mặt cung điện trời
Ở bên núi Tu-di
Tay cầm bình nước vàng
Rót rửa tay Như Lai
Tay ngó sen của Phật
Tương bánh xe sáng ngời.
Vua tự dâng thức ăn
Món ăn ngon trăm vị
Rất thơm ngon, thanh tịnh
Như món ăn trời dâng.
Phật cùng các đệ tử
Sau khi thọ trai xong
Súc miệng, rửa bình bát
Thanh tịnh như ý Phật.
Lầu quán, điện cao vời
Chúng sinh nhiều vô số
Như các trời ngắm Phật.
Ở cung Trú độ thọ
Vua trời lòng sầu thảm
Cùng các trời đi đến
Tự quán sẽ bị đọa
Thọ thân trong thai lừa
Vua sầu thảm như vậy
Nhìn kỹ khổ địa ngục.*

Đại Quốc vương Ma-kiệt
 Cùng các vị thể nữ
 Phục sức rất đẹp đẽ
 Sáng chói như ánh chớp
 Theo bên vua mà đến
 Cung kính lễ Thế Tôn
 Hoặc cầm các hoa báu
 Hoặc cầm hoa vàng bạc
 Lúa vàng hoặc lúa bạc
 Đủ các thứ châu báu;
 Lại có các thể nữ
 Tay cầm đồ vàng bạc
 Điều đưng đầy nước thơm
 Và bình báu cát tường
 Chứa nước thơm dang tiếng
 Vẩy sạch đất bụi bặm
 Biết bao hoa nhiều màu
 Tung rải khắp mặt đất
 Dem y phục nổi tiếng
 Chuỗi ngọc báu đủ loại
 Điều cỡi ra dâng cúng
 Chất gom đầy mặt đất.
 Vua cùng với đại chúng
 Gieo mình trước Như Lai:
 “Phật tử giúp chúng sinh
 Xin rủ thương loài ác.”
 Phật thấy các trời người
 Lòng đều sinh lo sợ
 Đại chúng số ngàn ức
 Điều mong muốn được độ
 Tức thời nói họ nghe
 Pháp yếu rất sâu nhiệm
 Nước cam lộ bốn đế
 Pháp quyết định giải thoát.

*Có sáu ức chúng sinh
Hiểu để thấy dấu đạo
Vô số chúng sinh khác
Đều phát tâm đại đạo.*

M

Phẩm 28: HIỆN NHỮ BỘ LỰC

*Phật nhập vào Vô dư
Diệt đau đớn của thân
Cùng đệ tử La-hán
Rời thành Duy-da-ly
Đi qua các làng xóm
Khoan thai theo thứ lớp
Giác ngộ các chúng sinh
Khiến trồng gốc đức lành
Vì vô số chúng sinh
Hiển bày hạnh lành xưa
Độ thoát vô lượng số
Khiến uống vị cam lộ.
Lên đến thành Thành hữu
Nơi Lực sĩ sinh ra
Cùng với các đệ tử
Dừng nghỉ tại xứ ấy.
Cách nơi ấy không xa
Thành Câu-di-na-kiệt
Trong cửa thành có núi
Năm trăm Lực sĩ nhóm
Cùng họp lại bàn luận:
“Núi này chướng ra thành
Nên cùng hợp sức dời
Tổ chúng ta mạnh hơn
Để tiếng tăm đời sau*

Trùm khắp cả bốn phương
 Sức tinh tấn đầy đủ
 Không lúc nào đứt đoạn”.
 Bàn rồi bèn ra thành
 Dem voi, ngựa, trâu xanh
 Mang dây thừng, cây gỗ
 Cùng nhau đến dưới núi
 Lập ra đủ mọi cách
 Cột núi vào con vật
 Tay thì nắm dây kéo
 Dùng cây gỗ đẩy bồi
 Cùng nhau lớn tiếng hô
 Đồng thời xuất toàn lực
 Tiếng lớn vang cả nước
 Không thể lay động núi.
 Phật dẫn các đệ tử
 Thứ lớp đến chỗ này
 Các Lục sĩ thấy Phật
 Tỏa ánh sáng màu vàng
 Như ngàn mặt trời mọc
 Ba mươi hai tướng mầu,
 Thấy Phật họ mừng rỡ
 Bỏ núi, đến chỗ Phật
 Cung kính làm lễ Phật
 Đi quanh phải ba vòng
 Phật nhân đó hỏi họ:
 “Vì sao các tráng sĩ
 Nhóm họp ở đây thế?”
 Họ cùng bạch Phật rằng:
 “Chúng con sống ở đây
 Thuộc dòng họ Lục sĩ
 Núi này cản cửa thành
 Chúng con cùng họ bàn
 Muốn dời ngọn núi ấy

Khiến đường vào thành phẳng.
 Hầu để tiếng mai hậu
 Hiển bày sức Lực sĩ
 Nên dùng voi, gia súc
 Và hết sức lực mình
 Đã tận dụng phương tiện
 Mà núi vẫn không lay”.
 Phật cùng với đại chúng
 Đi đến chân núi này
 Thu gọn lại y phục
 Dùng tay trái nhắc núi
 Để vào bàn tay phải
 Rồi ném lên hư không
 Lên mãi tận trời Phạm.
 Trong núi phát tiếng nói:
 “Thế gian đều vô thường
 Các pháp đều vô ngã
 Chỉ vô vi diệt khổ.”
 Núi từ trên hạ xuống
 Trở về tay phải Phật
 Phật dùng miệng thổi tan
 Nát vụn ra thành bụi
 Rồi lại gom nhóm lại
 Trở lại ngọn núi cũ
 Dem dời đến chỗ khác
 Bấy giờ các Lực sĩ
 Thấy Thế Tôn Đại sĩ
 Lòng vô vàn mừng rỡ
 Toàn thân đều nổi ốc
 Lòng thêm cung kính Phật
 Đến làm lễ chân Phật
 Quỳ xuống, chấp tay bạch:
 “Thưa Đấng Trời trong trời

Sức lực dùng vừa rồi
 Là năng lực Nhũ bộ
 Là năng lực thân thông
 Hay định lực của đạo?”
 Phật bảo các tráng sĩ:
 “Lắng nghe lời Ta nói
 Tay trái Ta nhắc núi
 Đặt trong bàn tay phải
 Ném lên hư không ấy
 Là năng lực Nhũ bộ
 Lên đến tận trời Phạm
 Trong núi phát tiếng nói
 Thế gian đều vô thường
 Tất cả đều vô ngã
 Riêng vô vi diệt khổ.”
 Lại chấp tay bạch rằng:
 “Xin Đấng Trời trong trời
 Hoan hỷ giảng nói lại
 Sức bú mớm cha mẹ
 Thì có hạn lượng thôi.”
 Phật bảo các Lực sĩ:
 “Các người có muốn nghe
 Sức Nhũ bộ Phật chăng?”
 Đáp rằng: “Dạ muốn nghe!
 Sức Nhũ bộ Thế Tôn”.
 Phật dạy: “Hãy nghe đây!
 Sức mười con trâu thường
 Bằng một con trâu xanh,
 Sức mười con trâu xanh
 Bằng một con trâu mao,
 Sức mười con trâu mao
 Bằng một con độc giác,
 Sức mười con độc giác
 Bằng một con voi thường,

Súc mùi con voi thường
 Bằng một voi sổ sinh,
 Súc mùi voi sổ sinh
 Bằng một con tả tượng,
 Súc mùi con tả tượng
 Bằng một con hương tượng,
 Súc mùi con hương tượng
 Bằng một đại đức tượng,
 Súc mùi đại đức tượng
 Bằng một voi ngà chà,
 Súc mùi voi ngà chà
 Bằng súc một long tượng,
 Như súc mùi long tượng
 Bằng lực sĩ vai rộng,
 Mùi lực sĩ vai rộng
 Bằng súc một Thiên tiết,
 Mùi lực sĩ Thiên tiết
 Bằng một trời Sĩ thừa,
 Ba trăm hai mươi sĩ
 Bằng một lông tay Phật.
 Súc bú mớm cha mẹ
 Súc bú mớm của Phật
 Trạng thái giống như vậy.
 Các Đức Phật quá khứ
 Và các Phật vị lai
 Và hiện nay như Ta
 Tất cả đều bình đẳng;
 Bình đẳng âm thanh xưng
 Bình đẳng lượng tướng tốt
 Bình đẳng phước báo ứng
 Bình đẳng giác trí tuệ
 Bình đẳng giới định ý
 Chỉ hai việc không bình

Hình tướng và tuổi thọ”.
 Bấy giờ các Lục sĩ
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Chắp tay bạch Phật rằng:
 “Nay thấy sức bú mớm
 Cha mẹ của Thế Tôn
 Nguyện rủ lòng xót thương
 Giảng nói chúng con nghe
 Phước lực công đức Phật”.
 Phật bảo các Lục sĩ:
 “Người muốn nghe, lắng tai!”
 “Thưa chúng con muốn nghe”
 Phật bảo các Lục sĩ:
 “Khấp cả Diêm-phù-đê
 Sức phước đức chúng sinh
 Sánh với một phía thành,
 Sức Chuyển luân thánh vương
 Sức phước đức gốc lành
 Gấp thêm trăm và gấp ngàn
 Không được so sánh nhau.
 Vua Chuyển luân hai phương
 Vua Chuyển luân ba phương
 Vua Chuyển luân bốn phương,
 Thiết luân một phương hiện
 Đồng luân hai phương hiện
 Ngân luân ba phương hiện
 Kim luân bốn phương hiện
 Bánh xe có ngàn cãm
 Bảy báu xen lẫn nhau
 Chiếu sáng như mặt trời.
 Sức phước đức hai phương
 Ví như trước đã bồi
 Vua phước lực ba phương
 Cũng dụ kiến hiểu vậy

Phước lực vua bốn phương
 Dụ để chúng sinh hiểu,
 Sức phước đức chúng sinh
 Trăm lần, ngàn muôn lần
 Kể sức công đức ấy
 Không bao giờ ví được.
 Giả sử khiến bốn cõi
 Tất cả loài chúng sinh
 Đều là vua Chuyển luân
 Hợp sức phước đức này
 Tất cả sức công đức
 Của bốn vị vua trời
 Trăm ngàn, hàng ức muôn
 Không bao giờ ví được.
 Người khắp bốn vua trời
 Đều làm bốn vua trời
 So sánh sức phước đức
 Của vua trời Đế Thích
 Trăm ngàn, hàng ức muôn
 Không thể ví dụ được.
 Các vị trời Đạo-lợi
 Đức như trời Đế Thích
 Không sánh vua trời Diệm
 Tất cả sức công đức
 Trăm ngàn muôn ức lần
 Không thể ví dụ được.
 Giả sử các trời Diệm
 Phước như vua trời Diệm
 Không sánh sức phước đức
 Của vị vua trời Gia.
 Nếu có sức phước đức
 Khiến các trời Đâu-thuật
 Đức như vua trời này

Không sánh sức công đức
 Của vua trời Hóa lạc.
 Đức của vua Hóa lạc
 Không sánh sức phước đức
 Vua trời Ứng hóa thanh.
 Các trời Ứng hóa thanh
 Phước lực như vua trời
 Không sánh sức công đức
 Của Phạm thiên bậc nhất.
 Giả sử các trời Phạm
 Như Phạm lực bậc nhất
 Sức công đức không bằng
 Với vị trời Đại Phạm.
 Vô số không thể kể
 Không bằng sức công đức
 Của một vị Duyên giác
 Trăm ngàn muôn vạn ức
 Không thể nào ví dụ.
 Tam thiên đại thiên giới
 Tất cả loài chúng sinh
 Đức lực như Duyên giác
 Không bằng một Bồ-tát.
 Tất cả sức phước đức
 Loài chúng sinh mười phương
 Đều khiến thành Bồ-tát
 Sức phước đức đầy đủ
 Không được sức công đức
 Của một tướng Đức Phật
 Trăm ngàn muôn ức ức
 Không thể nào ví dụ.
 Chư Phật ở quá khứ
 Cùng chư Phật vị lai
 Và Ta trong hiện tại
 Đức lực đều bình đẳng

Âm bằng, xưng lượng bằng
 Tướng bằng, phước đức bằng
 Các pháp báo ứng bằng
 Chỉ tuổi thọ không đồng.”
 Bấy giờ các Lục sĩ
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Quỳ thẳng, chấp tay bạch:
 “Bạch Đấng Trời trong trời
 Đã thấy sức bú mớm
 Nghe đủ sức phước đức
 Cúi xin được nghe lại
 Sức trí tuệ của Phật.”
 Phật bảo các Lục sĩ:
 “Người thích nghe, lắng tâm
 Nay Ta sẽ nói đủ
 Sức trí tuệ của Phật.
 Cõi Diêm-phù-đề này
 Rộng bảy ngàn do-diên
 Hình đất có ba góc:
 Phương Tây Cù-da-ni
 Rộng tám ngàn do-diên
 Hình đất là vuông vức.
 Phương Đông Phất-vu-đãi
 Rộng chín ngàn do-diên
 Hình đất như trăng khuyết.
 Phương Bắc Uất-đơn-việt
 Rộng một muôn do-tuần
 Địa hình như trăng tròn.
 Địa vực bốn phương ấy
 Các cỏ cây, tre trúc
 Đều dùng để làm bút,
 Nước tất cả biển lớn
 Sâu rộng dài ba trăm

Ba mươi sáu muôn dặm
 Dừng nước hòa làm mực.
 Núi Tu-di vào đất
 Dưới đến mé kim cang
 Cũng lại có ba trăm
 Ba mươi sáu muôn dặm
 Ngang mặt nước trở lên
 Cũng lại có ba trăm.
 Ba mươi sáu muôn dặm
 Bốn phương bốn báu thành
 Phương Bắc bằng vàng ròng
 Phương Đông bằng bạc trắng
 Phương Nam lưu ly xanh
 Phương Tây bằng thủy tinh
 Giống như núi Tu-di
 Đều khiến thành lụa trắng
 Viết hết bút cây cối
 Cạn hết nước các biển
 Ghi hết lụa trắng này
 Không tả hết trí tuệ
 Đệ tử Xá-lợi-phất
 Nhật nguyệt sáng soi chiếu.
 Ngàn cõi nước như thế
 Ngàn mặt trời, mặt trăng
 Bốn ngàn các địa vực
 Ngàn Đông, Tây, Nam, Bắc
 Ngàn núi chúa Tu-di
 Và bốn ngàn vua trời
 Ngàn Đế Thích Dao-lợi
 Ngàn vua trời Đâu-thuật
 Ngàn vua trời cõi Diệm
 Ngàn vua trời Hóa lạc
 Ngàn trời Hóa tự tại
 Và ngàn các vua trời

Gọi là ngàn thế giới
 Ngàn thế giới như vậy
 Đó gọi là tiểu thiên,
 Ngàn ngàn tiểu thiên giới
 Gọi đệ nhị trung thiên,
 Đệ nhị trung thiên ấy
 Đủ số một ngàn ngàn
 Thì đó gọi tên là
 Cõi Tam thiên đại thiên.
 Giả sử cõi Tam thiên
 Đại thiên thế giới ấy
 Tất cả loài chúng sinh
 Tuệ như Xá-lợi-phất
 Dem sánh trí tuệ Phật
 Gấp trăm và gấp ngàn
 Muôn muôn ức ức lần
 Không thể tính, thí dụ
 Sức tuệ Phật như thế.
 Các Phật thời quá khứ
 Và các Phật vị lai
 Như Ta là hiện tại
 Tất cả đều bình đẳng
 Bằng âm, bằng danh xưng
 Bằng đức, bằng tướng hảo
 Bình đẳng các báo ứng.”
 Bấy giờ các Lục sĩ
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Chắp tay, bạch Phật rằng:
 “Bạch Đấng Trời trong trời
 Đã thấy sức bú mớm
 Nghe sức tuệ công đức.
 Cúi xin Ngài giải thích
 Sức thần túc của Phật.”

Phật bảo các lực sĩ:
 “Người thích nghe, lắng lòng.”
 “Thưa vâng, xin muốn nghe.”
 Phật bảo các tráng sĩ:
 “Xưa lương thực thiếu thốn
 Người dân đều nghèo đói
 Các đệ tử khát thực
 Không thể tự nuôi thân
 Ngồi thiền ý không định
 Không thể tu pháp lành,
 Thời đệ tử Mục-liên
 Bèn tìm đến chỗ Ta
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Rồi lui sang một bên
 Chắp tay bạch Phật rằng:
 “Nhớ xưa nghe Phật dạy
 Đất này đều ăn được
 Vì chúng sinh bạc phước
 Đất màu mỡ chìm xuống
 Sỏi, đá, cát nổi lên
 Như con nay biết rõ
 Đất màu mỡ ở dưới
 Chúng sinh đáng thương xót!
 Nay muốn lấy đất này
 Đảo trên đem xuống dưới
 Đảo dưới đem lên trên.”
 Ta liền quở Mục-liên:
 “Chớ nhọc làm việc ấy
 Chúng sinh này đời trước
 Không tu các gốc lành
 Không có công đức kia
 Xứng ăn đất màu mỡ.”
 Đệ tử Mục-kiền-liên
 Dùng tay trái nâng lên

Đất Tam thiên thế giới
 Đặt trong bàn tay phải
 Mang để ở cõi khác
 Tất cả loài chúng sinh
 Không loài nào hay biết
 Cũng không tâm sợ hãi.
 Cõi Tam thiên đại thiên
 Thế giới như thế ấy
 Tam thiên thế giới này
 Đầy các loại chúng sinh
 Thần lực như Mục-liên
 So thần lực Phật thân
 Thì trăm ngàn muôn ức
 Không thể ví dụ được.
 Dù chúng sinh mười phương
 Thần lực như Duyên giác
 Thần lực các đệ tử
 Và thần lực Phật thân
 So sánh ý lực Phật
 Trăm, ngàn muôn ức lần
 Vô lượng không tính kể
 Không thể ví dụ được.”
 Bấy giờ, các Lực sĩ
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Chắp tay bạch Phật rằng:
 “Bạch Đấng Trời trong trời
 Đã thấy sức bú mớm
 Sức thần túc phước tuệ
 Xin nói sức định ý
 Giải thích cảnh giới ấy”
 Phật bảo các Lực sĩ:
 “Người thích nghe, lắng tâm.”
 “Thưa, chúng con xin nghe!”

Phật bảo các Lục sĩ:
 “Bốn phía núi Tu-di
 Các rồng bay lên không
 Đồng thời tuôn mưa lớn.
 Khắp cùng bốn thiên hạ
 Nước ở bốn phương ấy
 Đều chảy vào biển cả
 Phật đều phân biệt biết
 Các giọt nước mưa này:
 Trước rơi xuống nơi nào
 Vùng nào, làng xóm nào
 Nhà nào, vườn ruộng nào
 Cây nào, cành nhánh nào
 Hoa nào và trái nào?
 Vì chảy vào biển cả
 Cửa bốn phương vực này
 Tất cả nước đã có
 Sức định ý của Phật
 Đều phân biệt biết được
 Nguồn gốc các giọt nước
 Từ nơi nó đã sa.
 Đó là định ý Phật
 Sức thần rất nhiệm mầu.
 Các Phật đời quá khứ
 Các Phật đời vị lai
 Như nay Ta nói pháp
 Tất cả đều bình đẳng
 Bằng âm, bằng xưng lượng
 Bằng đức, bằng tướng tốt
 Bình đẳng pháp báo ứng
 Chỉ hai việc không bằng
 Hình thể và tuổi thọ.
 Tại sao lại không bằng?
 Lúc người đời sống lâu

Vì thân người cao lớn
 Phật cũng tùy thế tục
 Sống lâu, thân cao lớn.
 Người đời mạng chết yếu
 Thân hình xấu, nhỏ con
 Nên các Phật ra đời
 Có hai điều không bằng.”
 Phật bảo các lực sĩ:
 “Ta đã vì các ông
 Giảng nói giải thích đủ
 Sức bú mớm của Phật
 Sức phước đức, trí tuệ
 Sức thần thông định ý
 Các năng lực đã nói
 Vào chiều tối hôm nay
 Bị sức mạnh vô thường
 Sẽ kích phá hoại diệt.
 Những người như vậy thấy
 Thế gian là vô thường
 Tất cả loại có hình
 Đều là pháp chia lìa
 Diệt vong và tan hoại
 Có thành ắt có hoại
 Có sinh phải có chết
 Có nhóm phải có tan
 Có đứng phải có rơi.”
 Phật vì các Lực sĩ
 Nhân đó nói yếu kệ:
 “Hữu vi là vô thường
 Sinh khởi là diệt tận
 Các hưng suy tự nhiên
 Siêng cầu an vắng lặng.
 Hữu vi là vô thường

Sinh khởi là diệt tận
 Phật là Bạc Tối Tôn
 Tuổi thọ cũng chung tận.
 Đời sống ngắn ngủi ấy
 Như mộng bỗng trôi qua
 Buông lung không siêng tu
 Ngu này đáng thương xót.
 Như nước trên núi cao
 Chảy nhanh không trở lại.
 Mạng người cũng như thế
 Đã qua không trở lại.
 Như cung bắn tên rồi
 Đã đi không quy về
 Mạng người cũng như thế
 Đã đi không trở lại.
 Nguồn gốc của các khổ
 Phải siêng cầu diệt khổ
 Biết tám đường Hiền thánh,
 Uống cam lộ ngọt ngon.”
 Lúc Phật nói kệ xong
 Cõi Tam thiên đại thiên
 Đất rung chuyển sáu cách
 Vô số các vị trời
 Bỗng rời cung điện mình
 Đến đây lấp không gian
 Mưa các hương hoa trời
 Bột vàng, bạc, chiên-đàn
 Chư Thiên trỗi kỹ nhạc.
 Phạm thiên lễ chân Phật
 Chắp tay ở trước Phật
 Nhân đó nói kệ rằng:
 “Các Phật khó gặp gỡ
 Ý Chánh Giác khó có
 Như hoa Ưu-đàm-bát

*Phật lại còn khó hơn.
Thích Sư Tử trên người
Khỏe mạnh càng khó gặp
Cùng các chúng trời người
Nay chấp tay kính lễ.”
Trời Đế Thích khi ấy
Bước đến lễ chân Phật
Quyể thẳng ở trước Phật
Nhân nói bài tụng này:
“Khiến con được mắt tịnh
Sáng soi đuốc pháp đây
Đóng kín cửa đường tà
Không sợ rơi đường ác,
Thầy Đại Bi cõi thế
Vì thương xót chúng sinh
Nên cùng các chúng trời
Ở trước chấp tay lễ.”
Thời, sáu muôn vị trời
Thấy để được dấu đạo
Lễ Phật, nhiều ba vòng
Rồi trở về cõi trời.
Lúc ấy người trong hội
Quy mạng Đấng Tam Tôn
Phật pháp các Hiền thánh
Từ đây đến cuối đời
Giữ giới, tu mười lành
Xuất gia, rời thế tục
Thọ giới làm Sa-môn
Thấy để, chúng vắng lặng
Trở về đạo Bất hoàn
Hoặc thành Vô trước chân
Hoặc phát ý Duyên giác
Hoặc phát tâm Đại đạo*

Vô hạn không thể lường.
Lại có loài chúng sinh
Chưa từng có gốc lành
Chỉ mới phát tâm đạo
Vô số các chúng sinh
Nhớ Phật, thầy trời người
Siêng nhiếp thân, miệng, ý
Nay sẽ về vô vi
Thấy rồi! Quá kinh sợ!
Tu hành lia các khổ
Thân người rất khó được
Như cứu lửa trên đầu
Nhân đó làm điều lành
Siêng tu không biếng nhác
Lìa khỏi các khổ nã
Được vô vi mát mẻ.



PHẬT BỔN HẠNH KINH
(PHẬT BỔN HẠNH TÁN TRUYỆN)
QUYỂN 7

Phẩm 29: ĐẠI DIỆT

*Thời, Phật cùng đại chúng
Đi đến rừng Song thọ
Phật sai A-nan đến
Song thọ bày giường nằm
Thế Tôn liền lên võng
Nằm nghiêng hông bên phải
Mặt hướng về phương Tây
Đầu hướng Bắc, gác chân.
Thời Hiền giả Tu-bạt
Tu nhân, dứt tháo tánh
Muốn gặp Phật xin độ
Đến thưa với A-nan:
“Tôi biết Thầy trời người
Sắp đến lúc Niết-bàn
Nên nay đến khó gặp
Biết rõ tất cả pháp
Nay muốn xin làm lễ
Làm sao dứt gốc khổ?
Nếu nay không được gặp
Như mặt trời vào tối
Xin A-nan thông báo”.
Tâm A-nan buồn phiền
Liền bảo với Tu-bạt:
“Giờ không phải lúc gặp”*

Phật dùng Nhất thiết trí
 Chiếu suốt người đáng độ
 Tướng mạo trăm phước đức
 Tâm Từ nhìn Tu-bạt
 Phật dùng lời êm dịu
 Bảo với A-nan rằng:
 “Hãy cho người đó vào
 Ta ra đời vì thiện”.
 Tu-bạt được thỏa nguyện
 Rất vui mừng hơn hở
 Liên đến chỗ Đức Phật
 Nhất định được giải thoát.
 Lúc bấy giờ, Tu-bạt
 Khiêm kính tôn Phật đức
 Cúi mình làm lễ Phật
 Từ tốn bạch Thế Tôn:
 “Thầy trước biết thế gian
 Rằng Ngài từ đắc đạo
 Minh đã được giải thoát
 Lại còn độ chúng sinh
 Nguyện gặp xin chỉ bày
 May ra được giác ngộ
 Nên đến lễ kính Ngài
 Chẳng dám xưng trí lực”.
 Phật thấy Tu-bạt đến
 Với lòng rất kính vui
 Đem đường Hiền thánh nói
 Diệt khổ, bày vô vi.
 Bấy giờ Tu-bạt nghe
 Tức thời được giải thoát
 Ý tà mê giác ngộ
 Liên được đạo, giải thoát
 Kiến chấp điên đảo xưa.
 Vì từ sinh tử mê

Sáu mươi hai đảo kiến
 Bị thế tục nhận chìm
 Vị ấy hết không thừa.
 Bạch y được đấng đạo
 Lậu hết thành La-hán
 Vượt bờ, không lại qua.
 Biết Phật sắp ra đi
 Sinh yêu thương khắp đời
 Khát ái, cả hai diệt
 Diệt ý, các khổ kết
 Hiểu những điều Phật nói
 Lời dạy sâu chân chánh
 Để dứt tâm nhiễm đắm
 Tâm định không còn lậu,
 Biết sinh tử cõi thế
 Tu-bạt tư duy kỹ
 Cho thế gian đoạn diệt
 Nhãn kiến này trừ ngay.
 Đời vốn là diệt vong
 Ý biết như vậy rồi
 Thế gian có thường kiến
 Tà nghi chợt dứt bỏ
 Điều chấp giữ trước đây,
 Bỏ tà kiến điên đảo
 Nghe lời Phật chân thiện
 Mở từ tâm thọ trì.
 Nhân vì ở đời trước
 Các căn lành đã tu
 Nguyên vào thành Nê-hoàn
 Nên mau chóng giải thoát,
 Đã được lành vô vi
 Trừ tối, giác chánh chân
 Hiểu mãi pháp cam lộ

Trừ hết các trần lao.
 Thời, thấy Phật Thế Tôn.
 Muốn bỏ vào vắng lặng
 Với lòng Từ nhìn Phật
 Trong tâm liền nghĩ rằng:
 “Đáng lẽ ta không nên
 Nhìn Phật xả thọ mạng
 Đuốc sáng khắp thế gian
 Chỗ chúng sinh nương tựa
 Ban lành cho tất cả.
 Con nguyện xả thân trước
 Xin Đấng Trời trong trời
 Ngưng xả thọ giây lát”.
 Thiện tâm phát vô lượng
 Năm vóc gieo xuống đất
 Cúi đầu lễ chân Phật
 Sinh tâm định như núi
 Tức thời liền chóng diệt
 Giống như mây lớn giăng
 Mưa cam lộ tuôn khắp
 Tất ngấm lửa đồng nhỏ.
 Phật truyền bảo Tỳ-kheo
 Cúng dường thân Tu-bạt
 Đệ tử Phật sau rốt
 Độ vào thành Nê-hoàn.
 Nhân đó tựa hông phải
 Nằm lên trên giường đây
 Muốn xả bỏ thân Phật
 Đã hết số tuổi thọ.
 Lúc ấy vào đầu đêm
 Trăng sao dần bớt sáng
 Chìm thú trong rừng lặng
 Phật bảo các đệ tử:
 “Các thầy kính trọng giới

Như ngọn đèn tôn sư
 Sau khi Ta rời thế
 Thuận theo chớ trái phạm
 Nhiếp tịnh thân, miệng, ý
 Xả lợi cầu an ổn
 Ruộng vườn, chứa tôi tớ;
 Không kho lẫm, làm vườn
 Không trồng các cây cối
 Cũng chớ gây tổn thương.
 Không được vì thân mình
 Xây vách cao, tường nổi
 Không ngược xem lịch số
 Không hòa hợp thuốc thang
 Biết thời hạn, tiết thực
 Sửa mình, không mong kính.
 Không tự giấu lỗi xấu
 Không sống bằng bùa chú
 Không làm sứ cho vua
 Không xem tướng, tốt xấu.
 Sau các thầy sẽ đủ
 Y thực và thuốc thang
 Thường nhiếp tâm biết đủ
 Chịu khổ, giữ tiết hạn
 Các thầy chỉ siêng năng
 Vâng giữ giới cấm này
 Cội gốc giới Cụ túc
 Nê-hoàn đều chuyên chở.
 Từ đó sinh định tuệ
 Giới cấm đủ hài hòa
 Giữ gìn cho đầy đủ
 Trí tuệ càng tăng thêm.
 Dứt bỏ các trần lao
 Duyên này đến Nê-hoàn.

Lời này ẩn phong giới
Vì người biết giữ giới
Giới ấy đủ không thiếu
Đầy đủ không sai sót
Thì kia lành thanh tịnh
Thoát trần lao vắng lặng.
Người không có giới cấm
Thì không phải Sa-môn
Vì lập giới cấm địa
Thành Sa-môn khéo mầu.
Đã đầy đủ tịnh giới
Tâm không theo các dục
Cố gắng giữ tâm trụ
Nhẫn nhục, không khởi sân,
Như trâu đành bỏ cỏ
Buông lung nghĩ theo tà
Sai mất giới cấm tịnh
Điên đảo rất suy hao.
Nếu gặp phải giặc dữ
Một đời thân chịu khổ
Nếu chạy theo các dục
Đời này và đời sau
Chịu đủ các khổ độc,
Cho nên chớ theo dục
Kẻ mừng khi được dục
Sau ắt gặp khổ to.
Người không nên sợ hãi
Lửa hừng hực đốt cháy
Chớ sợ hổ mang độc
Và giặc ác hung bạo
Hại đoạt mạng con người
Phải sợ ý ngu si
Như ngu thấy núi mật
Không nghĩ nạn nát thân.

Như voi say không móc
Nhảy nhót như khỉ vượn
Tâm ngày đêm theo dục
Không theo các pháp mẫu
Người không dứt tâm ấy
Chân chẳng được nghỉ ngơi.
Đã điều phục được tâm
Chẳng tà lệch Nê-hoàn.
Được ăn như uống thuốc
Không nên nghĩ chán ưa
Có được thức ăn ngon
Cũng cho thân khỏi đói.
Cũng như ong hút hoa
Lấy tinh vị của hoa
Xin ăn nên vừa phải
Không để mất kính tin
Không phiền người ưa thí
Chớ nên chứa để nhiều
Kẻ cho nhiều thì chán
Chứa của nhiều thì mệt.
Các thầy ngày đêm siêng
Phương tiện nên gắng lên
Chớ buông lung ngủ nghỉ
Tổn hao mạng khó được
Khắp đời bị chết thiêu
Ai suốt đêm ngủ yên
Kẻ thù luôn vây hãm
Khủng bố đâu yên được.
Nên bỏ cấu trần lao
Được ngủ yên đêm dài
Trần lao che yên ngủ
Tĩnh ngủ diệt trần lao.
Hổ thẹn là y phục

Chuỗi ngọc móc giữ voi
Người không tâm hổ thẹn
Các đức lành bỏ đi
Người có tâm hổ thẹn
Đó mới gọi là người
Mặt dày không biết thẹn
Thì đó là súc vật.
Nếu cắt rời chi thể
Tâm cũng không rối loạn
Cũng không trái giới cấm
Miệng chửi mắng tục tằn
Thì giới là nhân nhục
Sức mạnh giới là đây.
Không nhịn lời thô tục
Không được rớt giải thoát
Mất tên pháp nhưế hoại
Lòng lành vui kẻ thù
Không nên thuận tâm độc
Phải dừng lại cho mau
Kẻ thù của các lành
Không gì qua tức giận
Mau mau đừng bị dụ
Hoại giới, hủy lòng nhân.
Tại gia nhiều ái dắm
Tội lỗi sân không nặng
Giữ giới sân càng nặng
Như nước lạnh ra lửa
Cạo tóc mặc pháp y
Ôm bát đi khát thực
Oai nghi gương cho đời
Không nên có tâm sân.
Mạn tăng thì lành giảm
Người tại gia còn vậy
Huống xuất gia lìa dắm

Người điều phục tâm định
Pháp trung bình chánh chân
Không hề có tà ngụy
Chánh pháp tạo việc lành
Tà ngụy là dối lừa.
Chứa của, Thánh buồn lo
Ít muốn là lìa khổ
Cho nên đệ tử Ta
Ít cầu thêm các lành.
Các thầy phải biết đủ
Đó là tâm an định
Biết đủ, nhân gian vui
Kẻ tham, sinh khổ nài
Giàu, tham lam thành nghèo
Nghèo, biết đủ thành giàu
Tham rong ruổi không chán
Người biết đủ được thương.
Người muốn cầu giải thoát
Không nương chỗ ồn náo
Trời Đế Thích sẽ xuống
Kính lễ Bạc độc cư
Các thầy bỏ thân ái
Khổ thân ái dừng ngay
Bỏ nhà luyến thân ái
Như voi già sa lầy.
Người ý chí tinh tấn
Mọi việc không nghi nan
Tính nước tuy mềm mại
Chảy hoài xuyên thủng đá
Kéo lửa mà ngưng nghỉ
Không thể được lửa đâu!
Siêng kéo thì tìm lửa
Tinh tấn gặp lửa mau

Nên phải lập tinh tấn
Hướng về cửa Nê-hoàn.
Tà trái đạo vô vi
Các thầy chớ nên làm
Giữ chí không lâm loạn
Các tà không được vào.
Bạn Sa-môn giữ chí
Thất chí mất các lành
Chí mặc giáp trượng đủ
Địch đâu thể thắng được
Lòng chuyên mặc giáp đức
Trần lao không thể thắng.
Người chuyên tinh định ý
Hiểu rõ đời tử sinh
Cho nên phải định ý
Định ý, khổ không sinh,
Như muốn qua dòng nước
Nương cầu nổi bắc sang
Muốn qua tất cả khổ
Định ý, thuyền bậc nhất.
Nếu các thầy lia tuệ
Nay cố bày thế pháp
Có vậy thì được độ
Pháp ngoài thì không thích
Không gọi là bỏ nhà
Giáp, thuốc hay lợi khí
Thuyền bè qua sông nước
Tuệ đưa qua sinh tử.
Cho nên thường nghe pháp
Phải theo lời dạy pháp
Bậc tuệ có chánh kiến
Người không tuệ tối tăm.
Tâm chạy theo trần lao
Sẽ không được giải thoát

Người xét muốn cầu độ
 Siêng dốt bỏ trần lao
 Sa-môn phải điều tâm
 Dốt bỏ tâm buông lung
 Tâm vua trời điều lạc
 A-tu-luân thì không.
 Ta dạy các thầy thiện
 Các thầy phải siêng tu
 Lập ra nhiều phương tiện
 Để giúp đến Nê-hoàn.
 Giữa núi non vắng lặng
 Nhà rảnh rang rừng sâu
 Ở đó tu định ý
 Ta đi không hận lòng.
 Thầy thuốc đem hết thuật
 Hòa hợp nhiều thuốc thang
 Người bệnh uống được khỏi
 Thuốc không uống tại mình;
 Đạo Sư dẫn đường chánh
 Người theo không lo lắng
 Người sai lầm bị tổn
 Chẳng đoái hoài các nạn.
 Ta đã vì các thầy
 Giảng nói bốn Chánh đế
 Kẻ còn nghi thì hỏi
 Nay là lúc hỏi han.”
 Lúc Phật lệnh như vậy
 Đệ tử lắng không thưa
 A-na-luật nghĩ biết
 Ở giữa đại chúng thưa:
 “Mặt trời có thể lạnh
 Trăng có thể nóng lên
 Bốn đế chân chánh này

Không bao giờ sai chạy.
 Khổ đế, khổ bức bách
 Duyên ái thì khổ sinh
 Lời các Phật nói ra
 Diệt tận đế, diệt ái
 Tám đường chánh cam lộ
 Vắng lặng là Nê-hoàn.
 Biết chúng Sa-môn này
 Phật cuối cùng đã độ
 Người chửa độ trong hội
 Trẻ già mới vào đạo
 Phật nói sơ La-hán
 Như đường tối sáng lò
 Họ đã được giải thoát
 Ra khỏi vòng sống chết
 Họ đều mang bi hận
 Thầy diệt sao quá nhanh.”
 Phật nghe lời chánh đế
 Của Na-luật như vậy
 Muốn kiên định ý chúng
 Từ bi nói lời này:
 “Giả sử có kiếp thọ
 Rồi cũng sẽ cùng tận
 Ta đem lành ban đủ
 Sống lâu để làm gì?
 Trên trời và dưới thế
 Kẻ đáng độ đã độ
 Nửa độ, nửa bày đạo
 Chuyển giáo pháp được trụ.
 Các thầy phải tự chế
 Không cần nhớ nghĩ ta
 Chỉ siêng nói phương tiện
 Không gặp khổ chia lìa,
 Dùng đèn tuệ trừ tối

*Biết đời không bền chắc
Rũ trợn lòng vui vẻ
Giống như hết hoạn nạn.
Người trí thoát hung suy
Xa lìa kẻ tệ ác
Bỏ được hai họa ấy
Thì đâu có âu lo?
Các thầy siêng tu thiện
Tất cả rồi sẽ chết
Ta vào thành Nê-hoàn
Bây giờ đã đến lúc
Bấy giờ hành xả thọ
Là lời cuối của Ta”.
Lúc ấy Phật tư duy
Thiền ly dục bậc nhất
Xuất thiền bậc nhất rồi
Tư duy thiền đệ nhị
Trải bốn thiền như thế
Như thế trải qua khắp
Qua lại trong chín thiền
Thuận nghịch tận đầu mối.
Thế Tôn, Trời trong trời
Trở lại thiền bậc nhất
Ra khỏi thiền bậc nhất
Trở lại đến Tứ thiền
Khi Phật tư duy kỹ
Nghịch thuận trải thiền quán
Lại từ đây xuất thiền
Ý Ngài hơi chấn động
Sau đó xả thọ hành
Chợt vào thành Nê-hoàn.
Phật vừa xả thọ hành
Đất rung chuyển sáu cách*

Không trung có đước lớn
 Như kiếp tận lửa cháy
 Bốn phương lửa cháy lớn
 Giống như A-tu-la
 Đốt trời, rừng, cây, đằm
 Gọi là Ái Tận Lạc
 Mưa đá to cõi ấy
 Chớp sáng như phun lửa
 Khấp đời như lửa lớn
 Sấm rền rất đáng sợ
 Gió bụi mù nổi lên
 Cây gãy, núi băng đổ
 Giống như gió kiếp tận
 Gãy đổ nát vô hạn.
 Mặt trời không ánh sáng
 Trăng sao đều tối đen
 Nhật nguyệt đều không sáng
 Giống như bị phủ bùn
 Đông, Tây không phân biệt
 Không biết được ngày đêm
 Thế gian tối trùm khắp
 Sông nước chảy ngược dòng.
 Phật nằm bên Song lâm
 Buồn cảm hoa rơi rụng
 Sông ngòi nước đều nóng
 Giống như nồi nước sôi
 Song thọ vì đó héo
 Nghiêng che thân Thế Tôn.
 Vua rồng năm đầu lớn
 Đau buồn thân buông dài
 Hoặc buồn bã nhìn Phật
 Khóc lóc mắt đều đỏ
 Tức thời phun hơi nóng
 Xông hơi độc không lường

Đốt nóng cổ họng ấy
 Như nhả hoạn trong lòng
 Thấy đời đều vô thường
 Tự ngăn, trở ưu sầu
 Tự ý vua theo đến
 Niệm Phật ngăn khóc gào.
 Các vua trời Tịnh cư
 Hiểu đạo, tâm điều định
 Lặng yên không khóc gào
 Thương đời hoặc sinh diệt
 Thần Chấp lạc bậc nhất
 Thần Đại lực Long vương
 Thiên thần Ái trọng pháp
 Bi cảm chặt hư không
 Khấp nơi buồn che kín
 Thảm thương chướng khắp cùng
 Tiếng lớn của các loại
 Đây khắp cả thế gian.
 Ma đã được toại nguyện
 Cùng ác binh vui mừng
 Vũ điệu như sấm động
 Đủ loại tiếng lớn vang
 Kêu to truyền lệnh rằng:
 “Cường địch chúa ta vong
 Từ nay ai có thể
 Vượt qua cảnh giới này.”
 Cây Phật đức gãy đổ
 Như voi lớn gãy ngà
 Như núi cao sụp đổ
 Trâu lớn sừng rơi rồi.
 Nay Phật xả thọ mạng
 Các trời, người thế gian
 Không còn chỗ quy ngưỡng

Mất cây nương như vậy.
 Như hư không không nhật
 Như nước mất kho tàng
 Như ao hoa phủ sương
 Các hoa đều tổn thương,
 Thế Tôn xả thân mạng
 Lặng ẩn vào Nê-hoàn
 Tất cả loài hữu hình
 Không khỏi mất tinh vinh.

M

Phẩm 30: THÂN VÔ VI

Khi ấy từ không trung
 Cung báu trời chiếu sáng
 Dùng xe ngàn voi chở
 Lơ lửng ở trên trời
 Lòng kính chăm nhìn Phật
 Thân hình xả thọ năm
 Cảm động mà buồn than
 Liên nói lời già từ
 Rằng: “Ở nơi sinh tử
 Tất cả đều vô thường
 Mới sinh ra hưng thịnh
 Rồi suy tổn diệt vong
 Quanh quẩn tìm vui sướng
 Các nỗi khổ liên sinh
 Đều diệt hết các khổ
 Vui vô vi bậc nhất
 Các thứ củi sinh tử
 Đốt cháy không còn dư.
 Lửa tuệ, khói danh đức
 Cùng khắp trời, thế gian
 Nước vô thường chọt đến
 Diệt ánh sáng của Phật

Giống như lửa đồng mạnh
 Chợt gặp trận mưa lớn.”
 Lại có đấng Thiên tiên
 Tâm mẫn thiện điều lương
 Cư trú cung Tịnh cư
 Thanh tịnh dứt các dục
 Nhìn Phật rất ái kính
 Gào khóc như mây mưa
 Lòng nặng như Tu-di
 Liền nói lời như vậy:
 “Thế gian không hề có
 Người sinh mà không tử
 Xưa nay chưa từng có
 Người sinh mãi còn hoài
 Thượng, trung, hạ thông suốt
 Nhất định ai cũng hay
 Ngài còn không được khởi
 Thì ai được sống hoài.
 Ngài dẫn đường cõi thế
 Dứt tà, bày đường chân
 Mắt tuệ là bậc nhất
 Nhìn đời khắp dưới trên
 Đời tuệ diệt như vậy
 Sẽ lại trụ đường tà
 Giống như mù không mắt
 Lạc mất đường bằng phẳng”.
 Đệ tử có mắt trời
 Tên là A-na-luật
 Lòng yêu ghét đã hết
 Dứt sinh tử, trần lao
 Thấy Phật đã diệt độ
 Thế gian sẽ tối tăm
 Các căn đều vắng lặng

Liền khen lời như vậy:
 “Ở trong đại sinh tử
 Tuệ nghĩa không được thông
 Thế gian như hơi sương
 Giấy lát không còn hiện
 Chày vô thường cứng chắc
 Đập Tu-di báu Phật
 Bỗng nhiên đổ nát hết
 Nay rơi xuống mặt đất.
 Thế gian sao khinh bạc
 Không một chỗ đáng nương
 Lao xao không vững chắc
 Xao động hợp lại tan
 Pháp khắp đời diệt vong
 Không tôi ta, như mộng.
 Phật Sư Tử hàng phục
 Voi trần lao tự ngã
 Chưa đuổi kịp dấu đạo
 Sao không sợ việc ấy?
 Xem đời không chỗ nương
 Như chùy bột sương mai.
 Phật hiệu Thiên Nhân Sư
 Trụ lớn bằng kim cang
 Bỗng nhiên ngã xuống đất
 Sức lực ở tại đâu?
 Sáu giống sinh năm nhánh
 Một mầm năm thứ quả
 Điều tưới ba cây này
 Ý nhọc bền khó chặt,
 Voi sức mạnh của Phật
 Bỗng hủy cây trần lao
 Tan nát không còn nữa
 Sau đó tự đổ nhào.”
 Thiên Mục cầm kim cang

Vua trời mong trời mưa
 Thiết lập ra chánh pháp
 Dứt khổ ấy mát mẻ
 Đức xưng càng rộng lớn
 Trùm khắp cả thế gian:
 “Thầy các bậc Thánh hiền
 Vắng lặng mà diệt ẩn
 Đức danh vang cùng khắp
 Thấm nhuần pháp nhiệm mầu.
 Giống như mưa mùa thu
 Nước sông về tràn đầy
 Thiên Sư thương cứu giúp
 Tự ý vua về theo
 Trao cho đạo vô vi
 Ẩn thân như trời lặn
 Nổi mây giáng mưa ấy
 Thu đông mưa tuyết sương
 Cháy hừng hực lửa mạnh
 Sao còn bị diệt vong?
 Như tế xong lửa tắt
 Nay lửa thầy các trời
 Diệt tan lặng không sáng
 Thế gian còn tăm tối
 Dứt hy vọng giải thoát
 Trái bổn nguyện mất vui
 Đức lành tốt lưu truyền
 Vang khắp cả mười phương.
 Mang bốn tâm Đại từ
 Thương chúng như con đở
 Ai cũng được lành ấy
 Vì sao vắng lặng diệt?
 Được đạo mầu không đấm
 Sở sinh của các Phật

Các pháp lành vô ngại
 Vắng lặng mà tự giác
 Dùng thân tức nhẹ nâng
 Biết thân là khổ nàn
 Do vậy phải mau chóng
 Xả thân an vô vi
 Trừ hết tâm u tối,
 Như ánh sáng mặt trời
 Dứt bỏ tâm dâm cấu
 Như mưa bụi đất trôi
 Không còn gặp các khổ
 Không bị phiền não bức.
 Đã độ rộng vô biên
 Biển sâu không đáy bờ
 Xuất hiện ra nơi đời
 Dứt các khổ độc hại
 Xót thương cõi thế gian
 Mong cầu được vắng lặng.
 Các tướng đẹp rực rỡ
 Lặng như vua Phạm thiên
 Trí tuệ lớn đầy đủ
 Làm Thầy của trời, người
 Dùng lành chuyển chúng sinh
 Dứt trần lao lìa ác,
 Ngày đêm thêm các lành
 Như mặt trăng mới mọc
 Thường nuôi lớn các lành
 Đức xứng rộng khắp nơi
 Khi tại gia đã hiểu
 Huống gì xuất gia rồi.
 Thuở xa xưa đã thệ
 Sẽ chiến đấu trần lao
 Xót thương kẻ nghèo hèn
 Thệ nguyện đã tràn đầy

Phật dùng tâm bình đẳng
 Ăn không từ vị dở
 Cũng không hề tham đắm
 Đối với các vị ngon.
 Tuệ thí khó xả bỏ
 Người không thể xả bỏ
 Không nhận lấy của người
 Cũng không cầu lợi ích
 Tướng tốt đại danh xưng
 Tự nhiên như tiếng vang
 Rộng chọn các ý lành
 Quyết định đối đức lành
 Nên hiện tướng mạo đẹp.
 Người thấy dứt ba cấu
 Nói ra thành pháp luật
 Nuôi lớn lành chúng sinh
 Dùng tướng sáng nhện nhục
 Kẻ oán là trần lao
 Chứa công đức vô lượng
 Cũng không khởi vô thường.
 Nhiều đời chứa công đức
 Được báo không hạn lượng
 Quyết định được chánh đạo
 Như củi hết lửa tắt
 Chỉ chúng sinh đường lành
 Chặt hết rừng trần lao
 Chế ngự được tất cả
 Sự trói buộc sinh tử.
 Bỏ tám thẳng, năm đường.
 Nhìn thấy rõ ba đường
 Chặt ba xét rõ ba
 Nhân được ba mắt tịnh,
 Ăn một biết rõ một

Đợi một đến bảy lớp
 Tan hết không còn dư
 Là thế đối vô ngại
 Đem cam lộ cho đời
 Lời nói dứt giận dữ
 Dùng lành thắm chúng sinh
 Người khó ngộ ở đời.
 Thường trồng các gốc lành
 Không đem ác cho người
 Dựng cao cờ Chánh pháp
 Đối tất cả thế gian,
 Vườn Nai chuyển pháp luân
 Khắp thế gian vui mừng
 Thành tựu các giải thoát
 Dứt bỏ các tự ái.
 Thấy điều chưa từng thấy
 Khắp hợp với thanh tịnh
 Biết những việc khó biết
 Các pháp chưa từng biết,
 Dạy đời là vô thường
 Nơi sinh đến có khổ
 Dạy đời là vô ngã
 Không mê hoặc dài kia,
 Dựng cờ phướn Chánh pháp
 Xô ngã núi cống cao
 Giống như cột bảy báu
 Đổ ngã khi cúng tế.
 Mặt hỷ lòng không hận.
 Không vui với lời khen
 Chán sinh Thiên thọ phước
 Phương tiện cầu bất sinh
 Tự vượt biển sinh tử
 Lại độ thoát tất cả
 Tự dùng tuệ để giác

Lại giác ngộ chúng sinh.
Như mây nhuần khi giác
Như hoa lá núi rừng
Kiến giải như nhật xuất
Rồi trao cho chánh kiến
Tuy sinh ở thế gian
Nhưng không nhiễm việc đời
Từng trải đường hiểm đời
Nhưng không cùng chung đường.
Tâm không hề phạm lỗi
Được đạo lành còn diệt
Khấp đời gặp gian nan
Không chỗ nương, đáng thương
Ngu si che mắt họ
Không hề được đoái hoài,
Không nghĩ lập phương tiện
Cầu ra khỏi sinh tử
Khổ sinh, già, bệnh, chết
Ép bức đời không khỏi
Chỉ Phật cứu được khổ
Trao cho uống cam lộ.
Thuở xưa binh Thiên ma
Không thể thắng Thiên sư
Tự nhiên sức vô thường
Vô thường chợt thắng sư!
Tai Thế Tôn nghe được
Tiếng Tam thiên thế giới
Sức thần túc thẳng giáng
Cho đến trời Phạm cư,
Biết tâm niệm chúng sinh
Cho đến ngục Vô trạch
Các sinh tử khởi diệt
Đều xét để thấy rõ.

Thiên Sư từ mới sinh
Xoay vẫn khắp các nẻo
Nhớ rõ như mắt thấy
Tận cội nguồn tử sinh
Đầy đủ tuệ sáu thông
Có đủ giác quyết định
Nay đều vứt bỏ hết
Bỏ thân còn thọ hành.
Ái đời theo sinh tử
Ai nói pháp khiến dứt?
Người đời ngu không trí
Ai sẽ đem tuệ giác?
Như xe không người lái
Thuyền bè không kẻ chèo
Bệnh nặng rời thầy thuốc
Làm sao tự giữ gìn?
Như lời không thành tín
Không giác ý cầu trí
Vương giả mất nghi vệ
Làm lành không nhẫn nhục
Đã lia bốn việc ấy
Công kia không hiển bày.
Nay Phật bỏ cõi thế
Không giúp việc khó thành
Như tháng năm, tháng sáu
Trời trong, không gió mây
Nắng quá thiêu rụi cỏ
Cho đến các côn trùng.
Những chúng sinh đáng độ
Nay sẽ đều gặp nạn
Thế Tôn xả thọ mạng
Sao mà đau khổ quá!”
Thời, các trời buồn bã
Thương xót nói lời này

Dâm, nộ, si giảm bớt
 Khen thầy dứt sinh tử
 Đệ tử chừa giải thoát
 Thì bi thiết khóc gào.
 Người đã được giải thoát
 Nghĩ kỹ sự hưng suy
 Tiếng tăm vang các nước
 Các lực sĩ Câu-di
 Buồn bã vội vàng đến
 Nhóm trong rừng Song thọ
 Bi thương tự gieo mình
 Khen các công đức Phật
 Tiếng than rất đau buồn
 Như ngỗng gặp điều hâu.
 Đến thấy Phật mất sáng
 Vắng lặng không biết gì
 Họ đồng thanh gào khóc
 Oằn oại như cá cạn.
 Thấy Phật nằm yên nghỉ
 Chi thể đều duỗi ngay
 Như vua Chuyển luân mất
 Các nước đều than khóc
 Nhân dân nhiều vô số
 Ra thành đến chỗ Phật;
 Đủ già trẻ, bé lớn
 Tâm buồn đau cuồng loạn
 Hoặc xé rách y phục
 Đau đớn miệng cắn răng
 Hoặc tự bứt đầu tóc
 Cào cấu cả mặt mày.
 Lại có vô số người
 Áo nã tự gieo mình
 Đắm ngực mà kêu trời

*Khen Phật đức vô lượng:
“Than ôi! Thầy trời người
Nơi chúng sinh nương tựa
Sao bỏ đi nhanh chóng?
Dứt hẳn không còn mong!”
Đại chúng buồn than khóc
Không còn sức chịu đựng
Vua của các lực sĩ
Đau đớn gào than rằng:
“Thầy giác ngộ thế pháp
Đã nằm không còn dậy
Giống như đại quân bãi
Cờ lớn không còn hiện
Việc phải làm đã làm
Nên giác Phật đã giác
Ở đời giống như mắt
Nay bỗng chợt nhắm mãi.
Phật là cầu độ khổ
Để giúp người qua sông
Cầu lớn bỗng bị gãy
Lấy gì qua khổ đau?
Ánh tuệ Phật chiếu sáng
Lòng tử, tình tấn người.
Xưa mặt trời Phật hiện
Làm sáng khắp đất trời
Nay ánh sáng tiềm ẩn
Ở núi lớn vô vi
Thế gian rồi lại sẽ
Chìm vào mãi tối tăm.”
Hoặc buồn bã nói sảng
Hoặc sầu muộn nhìn chằm
Hoặc khóc đến tắt tiếng
Hoặc úp mặt dưới đất
Chúng sinh ôm nhiều não*

Tướng gào khóc không đồng
 Nhưng ai cũng luyến mộ
 Đau đớn lòng nóng bỏng,
 Rồi xe kiệu trang trí
 Bằng bảy báu, ngà voi
 Các lực sĩ nâng Phật
 Đặt lên kiệu báu này.
 Hương hoa đủ thứ quý
 Biết bao thức diệu kỳ
 Các lực sĩ kêu khóc
 Cúng dường xá-lợi Phật.
 Các thiếu nữ quý tộc
 Thân đẹp, tay mảnh mai
 Tay cầm màn bảy báu
 Đẹp đẽ như lụa trời
 Lọng báu xen châu sáng
 Hoặc cầm báu rủ châu
 Hoặc cầm quạt bằng báu
 Cúng dường xá-lợi Phật.
 Các lực sĩ nâng kiệu
 Kêu khóc mắt đỏ hoe
 Trên không tiếng sấm vang
 Vui xứng tai vừa ý.
 Trời tung các hoa ý
 Liên tục như mưa sa
 Hoa trời rơi xuống đất
 Tươi như vừa nở ra.
 Các trời chật hư không
 Các báu cúng dường Phật
 Nói những lời buồn khổ
 Khen ngợi công đức Phật.
 Các thần nữ Chấp nhạc
 Vẩy nước thơm chiên-đàn

Tung y báu, Anh lạc
 Cúng dường xá-lợi Phật.
 Các lực sĩ nâng kiệu
 Rước đến tận trong thành
 Trời người cung kính lễ
 Theo luyến mộ, khóc than.
 Cờ phướn báu bằng lụa
 Trang hoàng thành quách kia
 Hương hoa và kỹ nhạc
 Cúng dường xá-lợi Phật.
 Cúng dường nâng kiệu báu
 Theo cửa Tây ra thành
 Đến Tây thành liền qua
 Đáy nước dòng sông báu
 Lên dưới cội Cam thọ
 Dùng các thứ gỗ thơm
 Chặt thành giàn củi lớn
 Và nhiều loại hương thơm
 Hoa hương biết bao loại
 Và các thứ trạch hương.
 Mọi người đều cầm đuốc
 Châm giàn hỏa thiêu Phật
 Ba lần đốt giàn hỏa
 Lửa không chịu bùng lên
 Mọi người đều nghi hoặc
 Không biết được nguyên nhân.
 Đại Ca-diếp không xa
 Nhớ thương đến thăm Phật
 Do vậy mà lửa đốt
 Cùng thổi không bùng lên.
 Khi Ca-diếp vội đến
 Kính lễ Đức Phật xong
 Khi ấy giàn hỏa Phật
 Liền tự nhiên cháy bùng,

Trần lao không tổn Phật
 Nay bị lửa cháy thiêu
 Cơ thể tuy cháy hết
 Xương như cũ không tiêu.
 Bấy giờ các lực sĩ
 Đem sữa tưới tắt lửa
 Dùng nước thơm rửa xương
 Bình vàng đựng xá-lợi,
 Như Thiên đế ngày trước
 Muốn đốt núi Kim cang
 Do ông công đức lớn
 Nên lửa không thể đốt
 Nay dù lửa thật dữ
 Không thể đốt xương Phật.
 Các lực sĩ xoay vần
 Nói dụ này bảo nhau:
 “Bốn tâm bình đẳng sinh
 Dập tắt lửa dâm dục
 Xương Phật mát mẻ lặng
 Lòng chúng ta cháy tiêu.
 Các trời, thần, lực sĩ
 Không thể thắng thân Phật
 Nay bỗng gặp vô thường
 Chúng ta gánh vác làm
 Sức Phật mạnh không sánh
 Tiếng vang khắp mười phương
 Tại sao phải hoảng hốt?”
 Đầy ở trong bình vàng
 Phật sáng như mặt trời
 Chưa từng có cống cao
 Gặp phải lửa vô thường
 Chỉ để lại xương thần
 Dùng chà tuệ Kim cang

Đập vỡ núi trần lao
 Gặp khổ không xả nhãn,
 Tâm vững chắc không động
 Nhỏ hết các góc khổ
 Dứt, không còn thọ thân
 Thân nhiệm mầu như vậy
 Mãi mãi ở trong lửa.
 Nơi lực sĩ thường đến
 Lực phục khiến người khóc
 Người nào đến quy phục
 An ủi làm người vui
 Giả sử gặp gian nan
 Đủ sức không than khóc
 Tự nghĩ công đức Phật
 Kêu khóc nhận xá-lợi.
 Có sức mạnh vũ dũng
 Chí tự đại tinh ròng
 Kêu khóc trở vào thành
 Dứt cống cao, khiêm nhượng
 Phướn lọng bày đại diện
 Làm tòa cao bảy báu
 Đặt xá-lợi lên đó
 Mọi người lễ cúng dường.

M

Phẩm 31: TÁM VUA CHIA XÁ-LỢI

Các lực sĩ bi cảm
 Ở tại trên điện vua
 Cúng dường xá-lợi Phật
 Như thế qua nhiều ngày
 Bảy vua các nước gần
 Mỗi vua sai sứ sang
 Điều cùng đồng một lúc
 Đến họp nhau dưới thành.

Họ thông báo lệnh vua
Cho các lực sĩ nghe
Họ giải bày cung kính
Xin được chia xá-lợi.
Các lực sĩ đáp rằng:
“Phật diệt độ nước tôi
Tự cúng dường xá-lợi
Không thể chia người khác.”
Bấy giờ sứ các nước
Nghe rồi đến phản đối.
Lực sĩ giữ xá-lợi
Lại ý sức mạnh mình
Nếu sứ không chịu về
Thì sẽ dùng uy lực
Trong tâm đều cống cao
Không chịu chia xá-lợi.
Các sứ về phục mạng
Các vua đều sinh tâm
Tức thời dấy binh chúng
Đến thành kia rất mau
Dùng vô số binh chúng
Bao vây thành Lực sĩ.
Quân tiến vào thành ấỵ
Như mưa dòn sóng dữ.
Nhân dân vào thành chống
Ai cũng đều sợ hãi
Dân chúng rất đông đúc
Thành không thể dung chứa.
Quân lính vua bầy nước
Tiếng voi rống, ngựa hí
Chấn động cả thành quách
Dân chiến đấu như sóng.
Bấy giờ quân bầy vua

Đều ở bộ phận mình
Tinh luyện rất mạnh mẽ
Chiến sĩ và ngựa voi...
Bấy giờ vua bầy nước
Ra sức bày trận đồ
Bốn thứ binh chiến đấu
Bộ binh, voi, ngựa, xe.
Lực sĩ cũng bố trận
Trên thành để chống cự
Sửa sang lại hào rãnh
Lấp kín các cửa thành
Liên bèn đều xây dựng
Cờ quân trận đại hành
Các thường dân trong nước
Ai cũng đều sợ hãi.
Bấy giờ vua bầy nước
Bàn nhau đồng một lòng
Cùng với vô số binh
Đủ khí giới bén nhọn
Giống như bảy ngôi sao
Đồng xuất hiện trong đêm,
Binh chúng của bầy vua
Cùng lúc đến dưới thành
Người đông bụi vàng dậy
Che kín cả mắt người
Mùi thối của voi chết
Nghẹt mũi không thở được,
Tiếng trống, còi vang dậy
Điếc tai không còn nghe,
Trẻ em và phụ nữ
Đều hoảng sợ, thất sắc.
Đối hỏa công, đối địch
Nước đồng, sắt đang sôi
Đội mũ trụ, mặc giáp...

Trang bị chờ chiến đấu
 Voi ngựa đều mặc giáp
 Đội chiến trận chỉnh tề
 Lực sĩ thà mất mạng
 Không chịu chia xá-lợi
 Dù thành có bị diệt
 Vẫn chiến đấu ngoan cường.
 Các Lực sĩ một dạ
 Quyết định đánh không lui
 Đều đứng ở trên thành
 Từ lâu chắn cách địch
 Thấy các vua ngoài thành
 Quân binh nhiều vô số
 Thế quân có uy thế
 Đồng thời reo hò vang,
 Tiếng hò reo cùng lúc
 Tiếng vang cả đất trời
 Rút kiếm múa sáng ngời
 Lấp lánh như mặt trời
 Hoặc lao đi mạnh mẽ
 Nhắm thành vội đến nơi
 Quân ngoài thấy lực sĩ
 Chuẩn bị tự sửa soạn
 Quyết định muốn chiến đấu
 Không có ý thoái lui
 Họ đều cùng giã biệt
 Vợ con để lên đường.
 Vợ con các chiến sĩ
 Đều sợ hãi trong lòng
 Lại có các cha mẹ
 Tâm rất yêu thương con
 Thấy con mặc áo giáp
 Sắp sửa ra chiến trường

Đều rơi lệ kêu khóc
 Chú cây, thỉnh thần kỳ.
 Con thấy cha mẹ buồn
 Tâm đều sinh nghi ngờ.
 Hoặc có các phụ nữ
 Lặng lẽ lòng buồn bã
 Hoặc giữ cung tên chồng
 Khóc ngăn không cho đi
 Thấy vợ con kêu khóc
 Lòng quả cảm hăng say
 Họ giết lấy cung tên
 Quyết chiến đấu không nghi.
 Các Lược sĩ tự cậy
 Ý quyết muốn chiến đấu
 Như chứa rắn trong bình
 Lòng giận dữ lấy lừng
 Tâm ý đều quyết định
 Hẳn muốn đánh không nghi.
 Bầy vua cùng bày bố
 Đối trận sẽ đương đầu
 Điều sửa soạn chiến đấu
 Dùng lính bốn thứ binh
 Binh voi và binh ngựa
 Xa binh cùng bộ binh.
 Có Phạm chí quý tộc
 Tên là Hương Thảo Tánh
 Tuệ rộng lớn, nhân từ
 Can ngăn các vua rằng:
 “Xem uy thế các vua
 Kiểm bén, lợi khí đầy
 Muốn hàng phục địch mạnh
 Diệt hết cả thành này.
 Người trong thành tự giữ
 Không dễ dàng thắng được

Các Lực sĩ trong thành
 Đều cùng đồng một lòng
 Như nay lại vây hãm
 Ý hẳn muốn chiến thắng.
 Cúi xin các đại vương
 Thu về lại thiên uy.
 Xét trong thành ấy có
 Người làm lành điều lương
 Các vua đều chung nhau
 Tội gì chuốc thêm phiền
 Dùng sức mạnh chiến đấu
 Phần thắng không riêng ai.
 Như khi bị vây hãm
 Phương tiện thắng địch ngoài
 Rắn độc tự cứu mạng
 Vào hang sâu ẩn mình
 Vô cơ thọc hang sâu
 Chết hoặc bị nọc độc!
 Tự biết có uy thế
 Có thể làm chúng sợ
 Nhóm họp vào thành trốn
 Vững chắc tu giữ mình
 Tuy vốn sức yếu kém
 Vào thành sức thành mạnh
 Như đèn lửa sắp tắt
 Thêm củ dầu lại cháy.
 Nếu trong thành kia có
 Bạc thần chân giữ giới
 Dùng giới đức lớn ấy
 Địch ngoài tự tiêu tan.
 Như xưa vua Trọng Oán
 Đốc hết sức toàn quân
 Vua Thanh Minh có đức

Thắng kẻ địch bên ngoài,
 Các vua đời quá khứ
 Dùng sức mở cõi bờ
 Tình kia muốn buông thả
 Tiếng tăm mình vang xa
 Vua ăn lộc chợt mất
 Như trâu uống nước băng.
 Các vua đều đã qua
 Vậy nên phải nghĩ kỹ
 Lý chân chính thế gian
 Lập phương tiện hòa đồng
 Được xá-lợi là quý!
 Dùng sức tên thắng địch
 Sinh thù nghịch lại phiền
 Dùng hòa thuận dễ thắng
 Không bao giờ sinh phản.
 Tuy nói là ngu dại
 Thật không thể nhận nạt
 Các vua tuy sức mạnh
 Tiêu diệt được địch yếu
 Nhưng đã kính trọng Phật
 Phụng pháp là trên hết.
 Nay nên nhớ nghĩ Phật
 Thực hành hạnh nhẫn nhục.”
 Bấy giờ Phạm chí kia
 Đề nghị nhận biết được
 Lời hòa thuận chân chánh
 Tâm Từ ngăn các vua
 Các vua đều hồi tâm
 Tâm mạnh mẽ sôi sục.
 Bấy giờ các vua bèn
 Thuận đáp Phạm chí rằng:
 “Lời nói thật đúng lúc
 Hòa thuận biết phương tiện

Nay đã nói lý lành
 Đôn hậu và trước sau
 Ông nên biết chúng tôi
 Sức tâm ngộ pháp lành
 Trong tâm có mong cầu
 Không nhọc việc thế tục
 Hoặc dùng nguyện, dùng sức
 Hoặc dùng tức giận hờn
 Đã tranh nay chiến đấu
 Cả hai sẽ đối đầu.
 Nay ý của chúng ta
 Chỉ cầu công đức Phật
 Chăm gầy tìm xá-lợi
 Không tham tài bảo nước.
 Xưa kia các liệt sĩ
 Cống cao tự đại gây
 Chiến tranh ở rừng tiên
 Tử thương khó kể xiết,
 Phật dạy khắp thế gian
 Diệt trần lao tự đại
 Thì sao chẳng vì Phật
 Yêu mạng mỏng manh chi?
 Xưa kia các tiên đế
 Mê đắm sắc hiên nữ
 Bị hiên nữ mê hoặc
 Khởi binh chinh phạt nhau
 Các vua chết vô số,
 Phật dạy răn thế gian
 Dứt bỏ ý tham dâm
 Sao ta chẳng vì Phật
 Yêu mạng mỏng manh chi?
 Trước đây có huynh đệ
 Ngu ganh khởi tranh giành

Trở lại chém giết nhau
 Chết hết không còn ai,
 Phật xuất hiện ở đời
 Dứt trừ tâm ngu ganh
 Thì sao không vì Phật
 Mà tiếc mạng không tranh?
 Xưa, lược sĩ Thủ Tý
 Ôm hiểm, kết sân giận
 Liền dùng đến võ lược
 Muốn diệt các dòng vua,
 Phật xuất hiện ở đời
 Dứt bỏ hết nhuế hại
 Chúng ta vì Đức Phật
 Yêu mạng này làm chi?
 Xưa kia, Hoa Thượng Tử
 Hiệu là Thập Đầu Thần
 Khư khư đâm sắc dục
 Duyên tan mất thân mạng,
 Phật xuất hiện thế gian
 Mở tất cả kết buộc
 Chúng ta vì Đức Phật
 Tiếc mạng này làm gì?
 Xưa kia những kẻ ngu
 Ngu giành nước có trùng
 Vì hấn ngu si quá
 Muốn trùng giết hại nhau,
 Phật xuất hiện ở đời
 Dứt tất cả ngu si
 Chúng ta vì Đức Phật
 Ngu yêu thân làm gì?
 Xưa nay ngu không đạt
 Giành các vật hôi nhơ
 Không một chút bền chắc
 Hại nhau không tính kể,

Phật ra đời trừ loạn
 Chúng ta vì Đức Phật
 Sẽ đấu với Diêm-la
 Đâu giống đời đánh nhau
 Tâm chúng ta bền vững
 Không vì nghi chiến đấu!
 Xin phiến ngài vào thành
 Đến chỗ các lực sĩ
 Hết lòng tìm cách để
 Dem ý ta trần tình
 Việc này xin giao ngài.
 Nếu nhất định chiến đấu
 Chúng ta mài tên bén
 Quyết tâm sẽ giao chiến.
 Nghe ngài nói pháp lành
 Lời nói thật chánh chân
 Nơi tâm liền hư mất
 Tâm ác độc giận sân
 Như rắn độc bị chú
 Độc hại diệt không còn.”
 Lúc bấy giờ, Phạm chí
 Vâng giáo lệnh các vua
 Liền đi vào trong thành
 Đến chỗ các lực sĩ
 Xin gặp các lực sĩ
 Quý trọng người có thể
 Liền dùng ý khiêm nhường
 Nói giáo lệnh các vua:
 “Bình các vua ngoài thành
 Điều sửa soạn khí giới
 Đội mũ sắt, mặc giáp
 Sáng rỡ như mặt trời
 Phát tâm đồng lên tiếng

*Phải dùng hết võ lực!
Ý mạnh như sư tử
Giương mắt hướng nhìn thành
San sát cùng phô trương
Cung, tên mạ vàng báu
Ý mạnh không mệt mỏi
Ngày đêm không cởi giáp
Tâm bỗng chợt nhớ về
Pháp từ mình của Phật
Nên dùng nghĩa nhường nhau
Chứ không sợ đánh nhau
Không vì tranh đất đai
Kéo đến dưới thành này!
Không tham lam tự đại
Đến không vì giận hờn
Vì kính công đức Phật
Mà đến thành này vậy.
Khách vì nghĩa lành đến
Người chủ nên kính đãi
Phật là thầy tất cả
Chúng ta đồng kính thờ,
Muốn cúng dường xá-lợi
Nên họ đến thành này
Cũng vì pháp huynh đệ
May được chia xá-lợi
Khiến chúng sinh khắp nơi
Thấy đều được cúng dường.
Người sễn tiếc tài sản
Thì không lấy làm xấu
Người sễn tiếc pháp lành
Đó mới đáng hổ thẹn,
Nếu yêu tiếc tài vật
Sẽ bị gọi như xấu
Dứt sễn tiếc làm lành*

Được Thánh hiền khen ngợi.
Nếu nhất định các ngài
Không chịu chia xá-lợi
Thì nay nên rời thành
Để cùng khách đấu tranh
Ở trong thành đóng cửa
Không xuất chiến phân tranh
Thì đó không phải vua
Không quý, không dũng sĩ.
Ý các vua ngoài thành
Đều hướng về đây nói
Bọn họ có tâm tốt
Nghĩa tình hai bên bằng,
Lại có ý riêng tư
Muốn hướng về các vua
Mong các ngài lắng nghe
Xin nói pháp chân chánh
Xin các ngài chớ nên
Nhất định chiến đấu nhau
Xưa nay trong chiến đấu
Không lợi, không nghĩa nhân.
Phật, Thầy trời thường khen
Đức nhẫn nhục bậc nhất
Nay vì sao các ngài
Giận bưng bưng đòi chiến
Vì sáu đục gây chiến
Vì của báu tranh giành?
Nếu vì vậy mà tranh
Sự lý còn thông cảm
Vì lý do phước đức
Và pháp lành ngợi khen
Nếu cùng gây oán hờn
Thì nghĩa này phải xét!

Thường dùng tâm Từ bi
 Tính điều hòa yên ổn
 Đạo giáo Phật, Thầy trời
 Lòng Từ hộ chúng sinh
 Còn giết hại chúng sinh
 Mà kính thờ Thế Tôn
 Thì không có nghĩa lợi
 Việc này không nên vậy.
 Các ngài nên mở ý
 Chia xá-lợi các vua
 Pháp lành nên truyền bá
 Nhân kia không làm trước
 Nếu có thể làm được
 Thì không có chiến tranh
 Sẽ được hai nghĩa lành
 Phước đức và tiếng tăm.
 Kia có, chỉ mình thấy
 Rồi chánh, theo đường tà
 Người lành tìm mọi cách
 Phải dấn vào đường chánh
 Các vua tìm nhiều cách
 Muốn xây dựng pháp lành
 Muốn dân dấn thế gian
 Đến con đường người trời.
 Thế Tôn thường khen ngợi:
 Các thí, thí pháp hơn
 Hễ đến là làm thầy
 Chỗ khen của người trời.
 Xem khắp các thế gian
 Không ít người thí tài
 Người đem pháp bố thí
 Thì khi có, khi không
 Pháp thí được khen rộng
 Yên ổn khắp thế gian.”

Các chúng lược sĩ ấy
 Nghe lời pháp lành này
 Trong lòng thấy hổ thẹn
 Lặng nhìn nhau dăm dăm
 Rồi dùng lời ái kính
 Nói với Phạm chí rằng:
 “Ngài bày phương tiện khéo
 Thân yêu kính mọi người
 Vì Phạm chí không dối
 Siêng xây dựng pháp lành
 Hàng phục được chúng tôi
 Vào đường người làm lành,
 Như cỡi ngựa không điều
 Không cho vào chiến trường
 Bèn có thể theo ý
 Như thầy đã mở bày
 Rất thương, rất kính tin
 Chúng ta đáng theo vậy
 Chợt bỏ lời khéo can
 Trung thứ, chính thực ấy
 Việc bại gặp gian nan
 Về sau hối không kịp.”
 Tức thời lấy bình vàng
 Đem chia xá-lợi Phật
 Làm tám phần riêng biệt
 Sao cho thật đều nhau.
 Bấy giờ các lược sĩ
 Lấy một phần trong đó
 Trao bảy phần còn lại
 Cho bảy vị quốc vương.
 Khi ấy các lược sĩ
 Đãi các vua như khách
 Các vua được xá-lợi

Buồn vui trở về nước.
 Lúc đó vua bầy nước
 Mỗi vị ở nước mình
 Cho quân xây tháp thần
 Cao đến tận chân mây.
 Phạm chí Thảo Hương Tánh
 Muốn xây tháp chỗ mình
 Liền xin các lực sĩ
 Chiếu bình dựng xá-lợi.
 Các Phạm chí trong nước
 Xin tro than Thế Tôn
 Cùng nhau gom nhóm lại
 Cung kính xây tháp thần.
 Các vua ban đầu xây
 Tám tháp thần xá-lợi
 Ở cõi Diêm-phù-đề
 Đúc vôi vọi như núi,
 Phạm chí đã xây dựng
 Tháp bình vàng thứ chín
 Là tháp tro than Phật
 Đủ mười thứ nguy nga.
 Vô số các vị trời
 Các vua, các Phạm chí
 Đầu ngày đêm siêng năng
 Ca ngợi lễ tháp Phật
 Hoa hương, phướn lọng báu
 Bày biện cúng dường tháp
 Trang hoàng tháp tốt đẹp.
 Như hương xông sườn núi
 Các làng, nước gần bên
 Vô số người nhóm họp
 Hoặc vui buồn kêu khóc
 Lễ bái, kính tháp thần
 Họ cùng theo luyến mộ

Nhớ thương công đức Phật.
 Đau khổ buồn đắng cay
 Mất hẳn sao khổ quá?
 Ban điều lành cho đời
 Chỗ chúng sinh tựa nương
 Dẫn lối người lạc đường
 Bệnh nặng thầy thuốc hay.
 Nắng xuân cho người lạnh
 Ao mát cho người nóng
 Che chở cho ba cõi
 Bỗng nhiên vắng lặng rồi!
 Ba cõi mất che chở
 Không chỗ nương, đáng thương!
 Sẽ quên mất đường chánh
 Theo tà gặp gian nan
 Đời mất chánh nghiêng tà
 Trôi dạt ba đường ác
 Đời còn ai sức mạnh
 Chế ngự được khiến về?
 Các chúng sinh thế gian
 Bị ngu si che mắt
 Lửa tham dâm, giận tức
 Bị kiến chấp thiêu đốt,
 Mọi chúng sinh trên đời
 Bị bệnh nặng trần lao
 Thế Tôn tâm Từ khắp
 Thầy thuốc hay ba cõi.
 Mặt trời Phật sáng chói
 Khi Ngài mới xuất hiện
 Phát ánh sáng rực rỡ
 Soi Tam thiên thế giới
 Mở bày khắp cõi đời
 Hoa sen của trời, người

Giống như hoa các ao
 Nhờ ánh trời mà nở.
 Các trời và người đời
 Cùng các đại quốc vương
 Buồn khóc than, luyến tiếc
 Nhìn tháp khen Phật đức:
 “Ôi! Bậc che chở đời
 Thầy từ bi bậc nhất!
 Chợt bỏ lại chúng sinh
 Ra đi sao nhanh quá!
 Ánh sáng mặt trời Phật
 Bỗng nhiên sao vụt tắt
 Sương ngu phủ kín đời
 Sẽ từ đâu thấy rõ?
 Ai thương dẫn chúng sinh
 Bày con đường chánh đế
 Để đến thành Nê-hoàn
 Vắng lặng không lo sợ?”

M

Khi lược sĩ Mật Tích
 Rộng vì các trời người
 Lân lượt nói pháp này
 Tuyên dương đức hạnh Phật
 Các trời nghe lời nói
 Bỗng khắp mình nổi ốc
 Suy nghĩ lý đã nói
 Nhớ nghĩ công đức Phật.
 “Chứa nhóm gốc các lành
 Vô hạn, không thể lượng
 Khó mà tính số kiếp
 Đã chứa nhóm hạnh lành,
 Hành sáu độ vô cực
 Như ao sâu, biển cả

*Các báu đức tướng, tuệ
Sung mãn và đầy tràn.
Nay trong hiện kiếp này
Ngàn Bồ-tát ra đời
Giả sử các La-hán
Tuệ như Xá-lợi-phất
Trọn kiếp khen Phật đức
Cũng không thể nào hết
Hướng ta trí nông cạn
Bày kiến văn hạn hẹp.
Thời, người trời trong hội
Nghe ngài nói pháp xong
Trong lòng chợt tỏ ngộ
Như tận mặt thấy Phật.
Mọi người đều cảm thương
Bùi ngùi luyến nhớ Phật
Chí nguyện theo Đại thừa
Dốc lòng tâm vững chắc
Cúi đầu quy mạng Phật
Rồi bỗng nhiên bay đi.*



SỐ 194

NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH

*Hán dịch: Đời Phù Tần, Tam tạng Pháp sư
Tăng-già-bạt-trùng, nước Kế tân.*

BÀI TỰA

Ngài Tăng-già-la-sát là người nước Tu-lại. Sau khi Đức Phật nhập diệt bảy trăm năm, ngài sinh ở nước ấy, xuất gia học đạo, du hành, giáo hóa các nước và đến lãnh thổ nước Kiên-đà-việt làm thầy của vua Chân-đà-kế-nị. Ngài là bậc cao minh tuyệt thế, có nhiều dịch thuật và sáng tác. Tại nước đó, ngài tập thành các kinh “Tu hành kinh” và “Đại đạo địa kinh”. Ngài lại trước tác Hiến chương của kinh này: “Đức Thế Tôn từ khi mới thành đạo đến khi nhập diệt, chỗ hành hóa không luận lớn nhỏ phải tùy việc mà diễn bày, việc du hành giáo hóa, kiết hạ an cư không việc gì mà không rõ ràng rành mạch. Tuy bốn hạnh độ đời đã được các kinh ghi chép rõ ràng, nhưng việc Phật đi, Phật ở vẫn còn là điều bí ẩn. Nay xem kinh này chỗ hiểu biết sẽ được tăng rất nhiều! Lúc sắp tịch diệt, ta đã lập nguyện rằng nếu ta đạt năng lực của bậc Đại sĩ, lời thật chẳng dối, thì sẽ đứng dưới cây, tay cầm trang kinh mà bỏ thân mạng, dù dùng sức mạnh của con voi lớn cũng không thể làm lay chuyển mảy lông và ngay khi trà-tỳ sẽ không thể làm cháy được kinh này. Sau đó ta đứng mà thị tịch. Vua Kế-nị tự thân đến vẫn không thể làm lay động, bèn dùng voi lớn kéo cũng chẳng xô dịch được, đến lúc trà-tỳ lửa đốt

mà kinh không bị tổn hại. Ta bay lên cung trời Đâu-thuật, cùng đàm đạo với Đại sĩ Di-lặc, là vị Phật sắp bỏ xứ vào thời Hiền kiếp thứ tám”.

Vào năm thứ hai mươi niên hiệu Kiến nguyên, Sa-môn Tăng-già-bạt-trường, người nước Kế tân mang bản kinh này đến Trường an, Thái thú Võ Oai là Triệu Văn Nghiệp xin phép được xuất bản. Ngài Phật Niệm phiên dịch, ngài Tuệ Trung làm bút thọ, chính lúc đó ngài Mộ Dung gặp nạn ở ngoài thành, tất nhiên dịch phẩm không hoàn thành. Tôi cùng với Pháp Hòa đối chiếu để kiểm định, đến ngày 30 tháng 11 mới xong. Năm ấy xuất bản sáu mươi quyển kinh Trung A-hàm, bốn mươi sáu quyển kinh Tăng nhất A-hàm, trong lúc đánh trống, gõ mõ để phổ cáo, xuất bản hơn một trăm quyển kinh này. Dù lúc cùng lời hay khi thông lý vẫn mặc nhiên không sửa đổi, há chẳng phải là bút tích của Tiên sư đó sao?

M

NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH

QUYỂN 1

Bấy giờ, lúc mới tu hành Bồ-tát vì thương xót thế gian nên phát tâm cầu đạo; vì xuất gia cho nên thực hành nhẫn nhục, vì tâm bất tương ứng¹ nên đạt Tâm tam-muội; vì đoạn trừ vô trí nên hành trí tuệ Kim cang; vì trừ bỏ sự đùa giỡn, hành chân đế nên từ bỏ ý ô uế; vì trực hạnh nên hành khổ hạnh; vì có lòng Từ hiếu với cha mẹ nên kiên cố không bỏ thế nguyện; vì ly dục nên làm theo điều nhiều ích; vì đã niệm báo ân cầu giải thoát nên mặc áo ca-sa; vì muốn tịch tĩnh ở nơi núi rừng nên không để ý mọi việc; vì hành giả tìm hiểu nơi người thân nên biết thân mình là sự trôi buộc; vì miệng thực hành không nói dối nên đối với tất cả gốc khổ, ý không niệm nhưng không xả hiện hữu vậy.

Lại nữa, như khi Bồ-tát thực hành trí tuệ, nhờ những điều đã biết nên gọi là trí tuệ. Trong tất cả việc làm của Ngài, đối với chúng sinh không thâm hiểu nghĩa lý của đêm dài sinh tử, Ngài khuyến hóa, phân biệt bằng trí tuệ xác quyết của Ngài: “Đây là sâu, đây là cạn, thanh tịnh, nhiều lợi ích; đây là ác, đây là xấu, nên thân cận thiện tri thức”. Pháp ấy không loạn, vô lượng vô hạn, cũng không tăng giảm, giống như mọi vật khi bị gươm, kích đâm chặt đều đứt, trí tuệ của Ngài cũng như vậy. Vì hiển bày đệ nhất nghĩa nên Ngài có trí tuệ sáng suốt; vì ý tự ngã tối tăm, bế tắc nên Ngài mở bày cái thấy sáng suốt tương ứng với Ngài; nhờ có các hạnh nên căn môn đầy đủ; vì không khiếm nhược nên Ngài hiện oai lực của mình; vì muốn đoạn tài nghiệp bất thiện nên hiện ra có tài nghiệp; vì trân bảo

¹ Tâm bất tương ứng: Theo Luận Khởi Tín, thể của tâm động tĩnh theo căn bản vô minh nên sinh nghiệp, chuyển hiện thành ba tế tướng. Tâm bất tương ứng là tâm vi tế mà Tâm vương và Tâm sở chẳng tương ứng.

là không thể nắm bắt được cho nên hiện ra trên bảo như vậy; vì đoạn mạng cho nên hiện ra thọ mạng; vì đoạn các kết sử cho nên ra sức quán sát việc lâu xa. Ngài phân biệt các việc ấy cho chúng sinh khiến tất cả họ đều hiểu rõ hoàn toàn, cứu họ khỏi bị nguy khốn; vì chúng sinh ưu sầu cho nên làm khởi tâm hoan hỷ; vì để tâm ý vắng lặng, không khởi cho nên lia pháp ác mà thành tựu pháp thiện, bỏ tà theo chánh, nhờ vậy cho nên Ngài thành tựu sức trí tuệ; vì sự sinh tử cho nên muốn đoạn vọng kiến, đến chỗ giải thoát; vì đạo khắp thế gian cho nên tu hành tất cả cảnh giới, đạt trí tuệ viên mãn hoàn toàn, do vậy đạt đến Vô vi Niết-bàn.

*Khéo đứng không di động
Không có sợ sinh tử
Liên đến cõi Bất hoàn
Tiêu diệt hết ba cõi.
Cả trăm kiếp tu hành
Muốn thanh tịnh chúng sinh
Không có tưởng ba đời
Cũng không có hy vọng.*

Đó là lúc Bồ-tát tu hành chân lý. Tên của chân lý đó là tâm không hư vọng, không nói hai lời, thường vui thích việc đó; cũng không có bỉ thử, luôn luôn vui thích sự thật ấy. Trong lúc thức hay ngủ, chưa từng đùa giỡn, cũng không thích nói dối.

Lại nghe: Ngày xưa có một vị vua tên là Tu-đà-ma, ở trong cung chế ra loại trống pháp để thống lãnh bốn cõi, khi đánh lên thì quần thần, nhân dân đều nghe thấy. Vị vua phước đức ấy muốn đi đến ao nước để tắm rửa, liền lên xe Vũ bảo ra khỏi thành. Bấy giờ có một Bà-la-môn nhan sắc đoan chánh, thông minh trí tuệ, muốn đến chỗ vua để xin châu báu. Bà-la-môn liền tâu với vua, tự xưng tên họ và đưa tay cầu xin. Vua nghe xong, hoan hỷ trả lời:

–Hãy khoan! Nay Tôn giả, chờ ta về nước sẽ cứu tế cho. Phàm phép vua không nói hai lời.

Nhà vua liền đến ao nước tắm rửa; tắm rửa xong trở về nước. Khi ấy có con quỷ có cánh tên Yết-ma-sa-ba-la, hiện tướng khủng bố, tay nắm thân vua làm nhà vua rơi lệ. Lúc đó quỷ quán thấy tâm

của nhà vua như vậy, liền hỏi:

–Đại vương, vì sao ông lại khóc, và có tâm ưu sầu thế kia?

Bấy giờ Bồ-tát trả lời:

–Ta không lo tưởng cho thân này, chỉ vì ta có hứa cho một vị Bà-la-môn của báu nên mới ôm lòng sầu lo như vậy.

Con quỉ nói với nhà vua:

–Tôi chưa bao giờ nghe chuyện hết sức kỳ quặc như vậy, thế gian rất hiếm có! Nếu vì nhân dân của ông, vậy tôi cũng đến để xem thử. Nay nếu tôi thả ông ra, ông có trở lại chăng?

Bấy giờ vua hết sức sung sướng. Con quỉ vỗ đôi cánh bay lên hư không, quán xét lời nói của vua, liền thả vua ra.

Bồ-tát trở về nước, hoan hỷ lấy tài vật cho vị Bà-la-môn kia thật chẳng dối gạt; bố thí không hối hận đúng như lời đã nói.

Sau đó vị quốc vương trở lại chỗ con quỉ, tự xưng tên họ và nói:

–Ta đã đến đây.

Bấy giờ con quỉ thấy tướng mạo của nhà vua liền rất kinh sợ, vì vua đã nói lời thành thật nên nhan sắc của vua không thay đổi, trừ bỏ sân hận, không có ý sát hại. Nó thốt lên:

–Thật là chuyện hết sức kỳ lạ, ta chưa từng nghe thấy bao giờ!

Và nói bài kệ:

*Tôi thà uống chất độc
Thà nuốt nước đồng sôi
Dao bén cắt thân thể
Sao dám hại Pháp vương?
Phước xưa sinh vương tộc
Xét đức không ai bằng
Dũng mãnh, thật chẳng dối
Rất xứng làm Quốc vương.
Nay tôi phải tôn kính
Theo Ngài không sát hại
Hối cải, tu thiện hạnh
Chúng sinh được an lành.*

Khi Bồ-tát tu hạnh nhu hòa, tâm Ngài nhu hòa, có danh tiếng tốt, lời nói không thô bạo; vì muốn cầu pháp nên luôn phòng hộ ý, chưa từng sinh lòng oán ác, không sinh hy vọng, miệng không nói lời ác; vì người ngu si nên hiện tướng trí tuệ; vì trừ tâm cấu uế nên ai cũng khen ngợi, không có ý tưởng tự cao, không tùy thuận các điều hư huyền; tất cả đều nhờ chư Phật ủng hộ nên đạt được đức như vậy. Ngài cũng không có điều gian ngụy, những ô uế như vậy thấy đều tránh xa. Ngài có được tâm nhu hòa, thiện căn vốn đầy đủ, nên mọi người đều mến yêu. Ngài không tiếc thân mạng nên thần tiên đều khen ngợi. Với sự nhu hòa như thế thì có thể quán biết quả báo thiện ác của Ngài. Trí tuệ công đức của Ngài đầy đủ như đã nói trên, gốc thiện cũng không đoạn mất khi bản cùng. Ngài bố thí vàng bạc, châu báu để trừ bỏ các ô uế. Năm Ngài lên mười tuổi, gặp phải ách nạn, dù tự tại làm theo ý muốn nhưng Ngài cũng không sát sinh. Thân tạo nghiệp lành, tâm sinh của cải, miệng thì truyền giáo. Khi hành động tạo nghiệp, Ngài trừ khử những điều ô uế ngăn che.

Bấy giờ, này các Tỳ-kheo, Ngài đã dừng nghỉ sự tồn tại của thân thế gian, những ý tưởng sở hữu đã chấm dứt hoàn toàn, nhờ đã chấm dứt hoàn toàn nên xa lìa sự nhiễm trước mà đời trước đã tạo ra. Nhiễm trước đã đoạn, đã hết, nên không tạo ra nữa, nên đoạn trừ gốc khổ, hết sự bại hoại.

Ngài trụ trong pháp thâm diệu ấy đã tu tập và tuyên thuyết pháp như thế giống như tay cầm bánh xe sáu tháng mà không giải đãi.

Các Đức Phật Thế Tôn đều đã biết rõ, đều đã thành tựu hết, liền nói bài kệ:

*Không tạo ý dua nịnh
Biết rõ nghiệp tà pháp
Vốn không tạo nghiệp ấy
Luôn quán sát như vậy.
Ý dũng mãnh như biển
Nhu hòa không thô bạo
Đầu mặt xin đánh lễ
Bạc Vô Trước hy hữu.*

Lúc Bồ-tát từ hiếu đối với cha mẹ, tâm Ngài có niệm báo ân, cung kính vâng lời, xa điều ác, theo điều thiện, tùy thời cung cấp, nửa đêm thức dậy thăm dò ý cha mẹ, không việc gì mà không làm. Những điều cha mẹ giáo huấn, ngăn cấm, chưa từng vi phạm. Ngài có tâm nhu hòa như vậy cho nên mới có việc làm như vậy. Tâm Ngài đã tu hành, thường tự quán sát nên làm việc gì, nghe những điều cha mẹ giáo huấn liền biết rõ; tâm thường hoan hỷ, ái kính tất cả; nhớ nghĩ, biết rõ tâm của cha mẹ nên thường nghĩ việc muốn báo ân; không bao giờ có lời nói thô bạo.

Lại nghe, ngày xưa khi Ngài chưa thành Bồ-tát, còn làm đại tượng vương, đoan chánh vô song, đầu, mắt, da, lông thầy đều đoan chánh, ai xem cũng không chán. Tai dày, sung mãn hơn các con voi khác, ngà dài, chân ngay thẳng, có tâm vui thích, môi răng đều đỏ, đầu tai tròn trịa; hình thể tròn đầy cân đối vô cùng to lớn, cao rộng giống như hòn núi cao, bước đi chững chạc, bảy chỗ (trên thân) đầy đặn giống như hoa sen xanh, bước đi vững vàng không có trở ngại, do long nữ sinh ra, rong chơi trong núi đẫm, sắc như tuyết trắng. Khi bị thợ săn bắt được dắt đi, cây cối, núi rừng bấy giờ thầy đều nghiêng mình buồn thảm, nước tự dâng lên chỗ voi ở, thợ săn đem các món ngon ngọt đến, nhưng voi cũng không chịu ăn. Bấy giờ người huấn luyện voi đến trước, quỳ dài chấp tay nói với con voi ấy bằng bài kệ:

*Tôi vốn tạo căn lành
Mời voi thân đến đây
Sao lại không chịu ăn
Như có tâm oán hận?*

Bấy giờ voi thân liền nói kệ đáp lại:

*Mẹ tôi bị mù mắt
Già yếu thêm sầu não
Nhớ mẹ không thể ăn
Cho nên xin tha mạng.*

–Ồ trong núi sâu kia, mẹ tôi không ăn, đói khát, chắc chắn sẽ

bị chết. Thật là thống khổ! Mẹ con nay phải ly biệt. Vì sự sầu lo ấy nên tôi không thể ăn, cũng không thể uống được. Không có quả ngon để dâng cho mẹ tôi, như vậy, cả tôi và mẹ tôi đều chết.

Voi thần nói những lời chua xót ấy xong, người thợ săn liền hoan hỷ thả voi ra.

Bấy giờ, ở nước Câu-tát-la có một vị học sĩ ẩn cư tên Diễm Thí. Vị này tu hành Thập thiện đầy đủ công đức, ôm bát đi lấy nước. Khi ấy quốc vương nước Câu-tát-la xuất hành để đi săn, đuổi theo con nai từ trong núi phóng ra, nhà vua liền buông tên, lỡ bắn trúng Diễm Thí. Bấy giờ Diễm Thí kêu la, lo cho cha mẹ, nói:

–Tôi giống như con chim mà không có hai cánh, cha mẹ tôi tuổi già, mù lòa không thấy đường, nay tôi bị trúng tên độc ắt sẽ chết. Cha mẹ tôi đang tu Tứ đẳng tâm.

Liền nói bài kệ:

*Lo cha mẹ tôi già
Mắt mờ không thể thấy
Khi cha mẹ sinh con
Muốn được nhờ sức con.
Tự giác và giác tha
Tất cả đồng tự tướng
Như nghe thanh, thấy sắc
Người trí ý tự dừng
Tối thắng thương chúng sinh
Đều đưa đến đạo tràng
Phát khởi tâm diệt độ
Nghĩa tối diệu thế gian.*

Khi mới phát tâm, người được gọi là Bồ-tát phải có những hạnh nguyện như vậy:

Tiêu diệt vô minh và các thứ ngăn che, tất cả vô minh đều làm cho trở thành hữu minh. Ngoại trừ người có tuệ giác, chúng sinh nào không có khả năng để loại bỏ vô minh muốn hiện bày hữu minh phải dùng trí tuệ tu hành. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà hành hạnh Đại từ.

Xót thương thế gian nên phát tâm hướng về đạo; vì tất cả chúng

sinh đều bị ái nhiễm, không thể tự đảm đương việc lớn, ngoại trừ bậc Tuệ giác. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị sắc tướng, bị dục ái trói buộc không người nào có thể giải thoát khỏi chúng, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị hai niệm căm ghét, oán hờn cùng nhau trói buộc làm cho mê mờ nhưng không ai có thể biết được điều ấy ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị gánh nặng khổ, bị khổ làm hại, không ai có thể vượt qua gánh nặng khổ ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh thường ôm lòng sợ hãi, trăm thứ khổ cùng lúc ập đến không ai có thể trừ được sự sợ hãi ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh gặp phải mất mùa đói kém, khát ái không chán, không ai có thể giải trừ được nạn đói kém ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị bệnh khổ bức bách, một bệnh chuyển động thì trăm thứ bệnh tăng, không ai có thể thoát khỏi bệnh ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị sinh, già, bệnh, chết thường theo đuổi thân mà bị tai họa, không ai có thể thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết để đạt được Vô vi, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh chấp đắm tư tưởng hiện hữu, thường còn trước các sự việc tạp nhạp ở đời, không ai có thể trừ được sự tạp nhạp đó, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh có việc không làm được nên tâm tánh hoang mang, hỗn loạn, không ai có thể làm việc ấy rất ráo được, ngoại trừ người

trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh tham đắm một chút mùi vị mà phải trải qua các thứ khổ không ai có thể thoát khỏi khổ não ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh thường ôm lòng do dự, mong mỗi bỏ chánh, theo tà, không ai có thể đoạn trừ sự hồ nghi ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh có nhiều kiến chấp, không ai có thể nhỏ hết các kiến chấp ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị chìm đắm trong đám bụi trần không thể vượt đến bờ giải thoát, không ai có thể đạt đến bờ giải thoát, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị ba thứ lửa cháy lớn thiêu đốt, không ai có thể thoát khỏi chúng, cũng không thể dùng mưa pháp để tiêu diệt chúng, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị luân chuyển trong vòng sinh tử, không bao giờ dừng nghỉ, cũng không ai có thể đạt đến bờ giải thoát, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị hành động ô uế, nhiễm trước làm tăng trưởng gốc sinh, không ai có thể thoát khỏi sự sinh tử ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh thân thì bị sự hiểm nghèo lớn, tay thì vịn dây nguy khốn, không ai có thể thoát khỏi sợi dây nguy khốn ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh như tầm ăn dâu bị hành xua đuổi bức bách, không ai có thể thoát khỏi dòng thác ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh khởi ra niềm sầu bi với sinh tử, nhưng thường ôm

lòng hy vọng, cũng không ai có thể làm cho nó ngừng lại, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh hưởng tới ác đạo, thường có tưởng dục hạnh, không ai có thể ở yên trong chánh đạo, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh tự ở trong đêm dài tăm tối không có trí tuệ, không ai có thể thoát khỏi con đường tà ấy, để được chánh trí, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh không quán chiếu để thấy cứu cánh, thấy chân lý Hiền thánh, không ai có thể làm cho mình thấy được chân lý Hiền thánh, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh bị chìm đắm trong đêm dài sinh tử, không ai có thể thoát khỏi sự chìm đắm ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh không có nhàn tịnh và những nơi tương ứng với nhàn tịnh, không ai có thể đến được chốn nhàn tịnh ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh mãi mãi bị nhiễm trước bởi tham đắm kết sử, không ai có thể diệt trừ được kết sử ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh gặp khổ nạn, tâm tánh rối ren, không ai có thể làm cho họ đến được chỗ giải thoát, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh cho dục là thanh tịnh, bên trong đầy đầy hôi thối, không ai có thể thoát khỏi ái dục ấy, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh cho dục là vui nên bị các ấm làm khổ hoạn, không ai có thể hiểu được Đệ nhất nghĩa để đạt đến Niết-bàn, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi

tâm Đại từ.

Chúng sinh chấp trước tưởng “Hữu thường”, cho là không đời đổi, không ai có thể chỉ ra con đường Niết-bàn, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh cứ lo toan tính ngã tướng mà không hiểu pháp số, không ai có thể phân biệt pháp, ngoại trừ người trí. Bồ-tát quán sát như thế nên đối với chúng sinh mà khởi tâm Đại từ.

Chúng sinh không được cứu chữa khỏi họa chán ghét Niết-bàn giống như loài chó thường giữ thầy chết, chạy Đông chạy Tây không bao giờ dừng nghỉ. Mối họa mà người ngu si làm nay cũng như vậy, không khác gì con chó ấy, tự mình không có tánh hạnh, cứ chạy Đông chạy Tây mà không hiểu ý nghĩa Niết-bàn, lại bị ám cái ngăn che không thể quán sát. Bồ-tát khởi ý dũng mãnh làm cho chúng sinh đạt được đạo Niết-bàn, liền nói bài kệ:

*Có nhiều loại chúng sinh
Lưu chuyển trong sinh tử
Quán khổ gian nan ấy
An ổn đến Niết-bàn
Bị mây ám ngăn che
Sống tối tăm, mờ昧
Bậc trí hiện thế gian
Trừ mây, ánh sáng hiện.*

Khi Bồ-tát thực hành hạnh bố thí ấy, ban đầu dấy lên pháp tưởng, dùng đồ ăn ngon ngọt, thơm ngon để làm lợi ích chúng sinh tùy thời cung cấp, cùng tương ứng với Đệ nhất nghĩa, tâm không tham tiếc mùi vị, thành tựu tròn đầy, trừ bỏ các trói buộc, cũng không xa lìa, không trái với người xin, khi cho xong không có tâm hối tiếc. Tất cả đều do trước kia Ngài đã làm các công đức bố thí khiến cho tâm không còn bị trói buộc. Ngài vì chúng sinh mà gánh vác trọng trách, khiến họ đều bỏ hết kết sử như việc bố thí ngày hôm nay. Ngài đã thành tựu điều nguyện ước của mình, muốn cho những mong cầu của chúng sinh đều được thành tựu. Từ nhỏ đến lớn Ngài không có ý gây tổn hại, kham nhẫn các thứ ô uế, tai họa, mà hành công đức bố thí, dần dần đạo đức càng dày, làm Bậc thuyềnsư

để dẫn đường cho dân chúng. Ngài không bao giờ rời bỏ hạnh bố thí, thường ưa ban bố; bên trong thì tự thanh tịnh, bên ngoài hiện tướng ô uế; không trái nghịch tất cả, nghĩa là đối với tất cả chúng sinh trừ bỏ tâm kiêu mạn, không có tâm lưỡi biếng, tâm bố thí tăng trưởng, sắc diện vui vẻ, không có oán hận; không tự khen mình, cũng không tự hạ mình. Yêu thích chúng sinh, tất cả những gì Ngài sở hữu đều đem bố thí. Việc đáng làm đã làm xong nên tập hợp nhân dân bố thí không kể xiết mà vẫn không có tâm hối tiếc; tâm ý vui vẻ, khen ngợi quả báo bố thí sâu xa. Ngài lấy vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, xe cộ, nam nữ, thành quách... tất cả đều đem bố thí. Tâm Ngài không xan tham, tật đố, chỉ có lòng yêu thương kẻ được thí và muốn làm cho họ sung mãn, tròn đầy theo ý nguyện của họ, muốn cho quả báo kẻ được thí đều được kiên cố, muốn làm cho kẻ đi thuyền được đến bờ. Ngài vì người được bố thí ấy cho nên làm đầy đủ các việc nghĩa ấy, và quán sát quả báo của sự bố thí mà trừ bỏ các kết sử, trừ bỏ sự tham đắm của chúng sinh khiến cho họ không còn tà kiến, trừ khử xan tham, tùy thời sinh sống. Họ nhờ mưa pháp thấm nhuần cho nên đều quy mạng.

*Thí vàng bạc, trân bảo
 Ngọc xa cừ, mã não
 Chiêm ngưỡng không nhàm chán
 Nay lay Đấng Thích Tôn.
 Voi, ngựa và vàng ròng
 Sắc tốt đẹp đệ nhất
 Hay thí, nhan sắc tươi
 Quy mạng Bạc Giải thoát.
 Xe báu là thứ nhất
 Ngọc Anh lạc trân bảo
 Nhan sắc thật tươi vui
 Vợ con và nam nữ
 Bát vàng chứa đầy bạc
 Hoặc là chứa đầy vàng
 Người dùng hoan hỷ thí*

Ai hơn Tỳ-sa-môn?
 Hòa nhã tự bố thí
 Như quả rất tốt tươi
 Hoan hỷ mà tuệ thí
 Đầy tràn cả ba cõi.
 Nam nữ thật mỹ miều
 Vợ, thân và đầu mắt
 Bố thí hết cho đời
 Ai thí bằng vị ấy?
 Đàn thí không gì hơn
 Trời người không sánh kịp
 Giống như Thượng Nhân kia
 Tâm như biển không đáy.

Khi Bồ-tát tu giới, với vị ấy giới chẳng phải là vô giới và những việc mà thân, khẩu làm, những điều mà tâm ý khởi đều là pháp cam lộ, giống như hoa quả kia nhờ vun đắp gốc rễ tất sẽ sinh quả tốt; và với vị ấy năng lực có được đều là những việc con người làm. Mọi người sát sinh, không cho mà lấy, dâm dật và các thứ buông lung, còn Bồ-tát thì không uống rượu, đối với các giới, trí tuệ thấy đều đầy đủ, trừ bỏ tà giới, ở nơi đạo tràng thường hành Tam-muội; xa lìa việc phạm giới, cũng không có ý sát hại; thọ nhận đồ tín thí cúng dường, tâm vật đều thanh tịnh, với mùi vị nồng nàn cũng không vi phạm, nội tâm không khiếm khuyết, bỏ ý niệm sở hữu, cũng không bày vẽ; y cứ theo cái nhìn không hư hại, không ước trước nên không tạo quả ô uế mới mà trồng giống thiện mới, ngủ hay thức đều không buồn lo, cho nên dù vị ấy có mang hình tướng chúng sinh vẫn là tối đệ nhất. Do công đức ấy nên hương lành bay xa. Ngài nhờ thọ dụng của tín thí không tạo tác nên ý luôn kiên cố; nhờ các căn đầy đủ nên không bị tán hoại; nhờ trí tuệ vững chắc không lay động nên không có gì mà không hủy hoại được. Do vậy vị ấy có sự tăng ích, do vậy vị ấy có thể mang vác gánh nặng khổ não. Vị ấy nhờ có thiện pháp cho nên bất cứ ở đâu cũng không sâu nã, cũng không nhiễm trước. Vì hình dáng cho nên có phục sức, bởi vậy vị ấy có tài bảo vô hạn, vô lượng, vô cùng tận.

Từ lúc Ngài mới phát tâm vẫn chưa từng thay đổi, hối hận, huống chi những giới cấm của Bồ-tát đã thành tựu? Bây giờ liền nói kệ:

*Trên, dưới và bốn phương
 Các cõi nghe hương giới
 Tất cả đều đầy đủ
 Là dục là tối thượng.
 Gần gũi thiện tri thức
 Bạc thiện tạo công đức
 Sắc đẹp không ai bằng
 Giới hương, phước đệ nhất.
 Các uế đều tiêu trừ
 Biết ngã là vô ngã
 Đắc quả sau bảy đời
 Con nay xin đành lễ.*

Lại nữa, khi Bồ-tát thực hành tinh tấn, duyên với các pháp tâm vị ấy vẫn thường nhiên, cũng không giải đãi nên việc xuất gia không bị chướng ngại. Vị ấy vì chúng sinh nên xuất gia, và do không dao động nên có lực duyên làm cho tất cả chúng sinh có sức tinh tấn ấy; do không thể hơn nên có tâm nhẫn; do có điều tăng ích nên thị hiện ở đời; do có công đức nên thị hiện làm chúng sinh; do nhiếp tâm ý nên tâm vị ấy không dao động; và làm thuyên sự hướng dẫn tất cả được đến bờ bên kia. Vị ấy nhờ định cho nên không loạn, nếu có người khởi ý đi theo tất sẽ được độ. Ngài vì họ mà làm cho sở nguyện của họ được thành tựu. Ngài vì muốn thành đạo nên bố thí voi, ngựa, xe báu.

Khi Bồ-tát ở trong chúng sinh có sự tinh tấn ấy, ai nghe danh tiếng tinh tấn của Ngài liền phát tâm đến với đạo. Những công đức mà một đời đã làm không thể tính lường, huống chi là công đức mà Đức Như Lai đã tạo trong vô số a-tăng-kỳ kiếp? Lúc Ngài ngồi nghiêm trang ở đạo tràng hàng phục ngoại đạo, trải qua sinh tử nhờ tâm ý tinh tấn nên Ngài trừ hết các ưu sầu.

Hạnh tinh tấn tối thượng

www.daitangkinh.org

*Cúi lạy Đấng Pháp Vương
Do Phật khéo tự giác
Nay lễ Bạc Vô Đẳng.
Ngài tối tôn đệ nhất
Tiếng trống pháp vang xa
Với tự giác, giác tha
Thế nên quy mạng lễ.*

Lại khi Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, tâm Ngài không sợ hãi, không có niệm hoảng sợ, không có nhiễm ô, không quán xem quả báo của kẻ khác. Ngài có năng lực hộ trì cho chúng sinh, thường xa lìa điều ác, tâm tánh luôn luôn kiên cường, tự xét lỗi mình. Tất cả chúng sinh đều ôm lòng sợ hãi thì làm cho họ không sợ hãi, chỉ cho họ tu giới luật; cũng vì tất cả chúng sinh hàng phục điều thô ác, bỏ lời nói bất thiện, thương yêu chúng sinh. Ngài không hề có hạn lượng trong việc y theo ngôn ngữ của chúng sinh để thuyết giảng đưa người nghe pháp đến với chân lý, vi diệu đệ nhất. Giống như hoa trái không phải là không thể nở hoa vì bị gió thổi, mà ở nơi thâm sơn cùng cốc ta vẫn hái được những đóa hoa đủ màu, hương thơm ngát, pháp âm phước đức của Ngài tất cả chúng sinh đều thích nghe. Giống như ong chúa hút nhụy hoa dùng để làm mật nên các ong con cũng đều làm mật như thế; các nguồn suối nơi nơi chảy tràn nên các vườn Na-đà vui sướng không gì bằng, Ngài dù bị chửi mắng cũng đều nhẫn được. Với các người cầu mong chú thuật thì Ngài chỉ sự tầm quý cho họ. Chúng sinh tu hành bị ách nạn thì được Ngài cứu độ, nên gọi là Nhẫn nhục Tiên nhân.

Bấy giờ, vua Ca-lam-phù đi vào núi sâu muốn săn hươu nai. Vừa vào trong núi thấy vị Tiên nhân Nhẫn nhục ấy, liền đến trước quỳ hỏi:

–Ngài ở trong núi sâu này để cầu đạo gì?

Vị tiên đáp:

–Cầu tu đạo nhẫn nhục.

Bấy giờ nhà vua không tự quán sát, cũng không quán sát các hạnh, muốn thử Tiên nhân, liền nói:

–Nay tôi sẽ chặt đứt tay chân Ngài.

Nhà vua liền chặt tay chân của vị Tiên nhân ấy, lại hỏi:

–Nay Ngài cầu đạo gì?

Tiên nhân đáp:

–Tôi cầu đạo nhẫn nhục.

Và Tiên nhân khen ngợi đức tính nhẫn nhục. Đại vương càng thêm giận dữ, muốn giết Tiên nhân. Bấy giờ Tiên nhân đã bị chặt đứt tay chân, liền thề nguyện:

–Hãy khiến cho ta đời đời đừng sân hận, cũng không có tâm sân hận đối với vị Đại vương này mà sẽ làm cho ông này hiểu rõ tất cả pháp đều là hư không.

Có vị Tiên khác đến chỗ vị Tiên ấy hỏi:

–Tại sao Thần tiên không khởi tâm sân hận đối với vị vua kia?

Vị Tiên tu nhẫn nhục đáp:

–Như khi thực hành nhẫn nhục này, có năng lực đại nhẫn nhục này, nên ở mọi thời khắc không khởi ý sân hận, và do quán như vậy thì sắc mặt cũng không thay đổi.

Bấy giờ, Hộ Thế tứ vương đi đến chỗ của vị Tiên nhân ấy, Đề-đâu-lại-tra, đầu mặt đánh lễ Tiên nhân hỏi:

–Nay con muốn giết vua Ca-lam-phù, có nên chăng?

Vị ấy nói như vậy xong, Tiên nhân im lặng không đáp. Khi ấy Đệ nhị Thiên vương lại hỏi:

–Nay tôi sẽ giết sạch trai gái, già trẻ và nhân dân trong thành quách này được chăng?

Nói như vậy xong, Tiên nhân vẫn im lặng không đáp.

Bấy giờ vua Tỳ-lâu-bì-xoa lại hỏi:

–Tôi đem tất cả nhân dân trong nước này giết hết, xin Ngài cho phép.

Bấy giờ Tiên nhân vẫn im lặng không đáp. Tỳ-sa-môn vương hỏi:

–Tôi muốn đem cảnh giới nước này đến phương khác, xin Ngài chấp thuận.

Bấy giờ Tiên nhân hoan hỷ khen ngợi đức tính nhẫn nhục, liền nói bài kệ:

*Chặt đầu, mắt, tay, chân
Không khởi tâm oán hận
Tất cả đều đem cho
Hướng chi chống thế gian?*

Bấy giờ Hộ thế Thiên vương lại hỏi:

–Vậy ý muốn của Tiên nhân như thế nào? Mong cầu điều gì?

Tiên nhân đáp:

*Muốn để cho thân vua
Không bị báo ác hạnh
Vua ấy tuy hung tàn
Lo người không tự lo.*

Như khi Bồ-tát tu hành Tam-muội, giả sử lúc nhập Tam-muội ấy tâm có đối tượng để duyên thì không bao giờ quên mất cũng không phóng dật chỉ giữ tâm chuyên nhất; hoặc lại không ân cần tìm cầu phương tiện cũng không thọ các hành, tuy hiểu các pháp vị nhưng không đắm vào pháp, nội tâm vị ấy cũng không có kết sử. Ngài trú trong Tam-muội thanh tịnh không tỳ vết nên có thể hàng phục kẻ địch bên ngoài mà không khiếp nhược, và do nhất tâm nên hiểu được khí vị của Tam-muội đó; tâm không đắm trước nên chế ngự được căn tánh; do tâm chưa từng giải đãi nên thành tựu các hành, chứng đắc Tam-muội, căn tánh hoan hỷ, tinh tấn không dờ, niệm không tán loạn; trọn kiếp tu hành, rõ biết đạo phẩm, tâm niệm hoan hỷ, đạt được dũng mãnh, tất cả đều nhờ vào trí tuệ mà dần dần đạt được hoan hỷ, an lạc.

Tuy nhiên khi Bồ-tát hành Tam-muội ấy thì sẽ khởi Tam-muội thiện hạnh; khi đã đạt được Tam-muội thì mọi thiện hạnh lúc đi, lúc đứng chưa từng quên mất. Vị ấy nhờ có hạnh này nên thiện pháp đầy đủ; nhờ khởi các thiện hạnh nên những điều mong cầu đều hiện ra trước mắt. Giả sử tâm có sâu muộn thì dần dần sẽ chế ngự tâm ấy khiến cho không xao lãng thiện hạnh. Khi tư duy tăng trưởng thì càng tăng thêm điều thiện; nếu tâm phóng dật thì hướng tâm tư duy thiện pháp; nếu tâm bị ưu sầu trói buộc liền có thể tư duy về pháp thiện giải thoát ấy. Khi mọi trạng thái oai nghi của mình đều hoàn thiện, vị ấy liền vì người diễn thuyết về loạn tưởng, các bệnh cấu ố

và các loại Tam-muội khác. Đó là các Tam-muội với đầy đủ công đức. Đó là các hạnh Tam-muội mà kết quả tối thiện, giống như cây cối xanh tươi là biểu hiện của sự giải thoát thanh tịnh và các màu sắc khác như xanh, vàng, đen, trắng là đều tùy theo sự đến đi không bị chướng ngại của Tam-muội ấy. Nếu dùng năng lực Tam-muội như sức hỏa quang của mặt trời thì không nơi nào mà không được chiếu soi; người đắc Thiên nhãn cũng lại như thế rõ thấu đêm ngày; người đắc Thiên nhĩ năng lực cũng vậy nghe được cùng khắp.

Vị Bồ-tát chứng được Tam-muội vô hạn vô lượng, không thể luận bàn ấy đều nhờ năng lực Tam-muội, cũng nhờ tư duy, nhờ không giải đãi, nhờ trí tuệ sáng suốt, biết nắm, biết buông thả, cũng nhờ mong cầu Tam-muội, nhờ xa lìa tưởng ác, nhờ năng lực thuận nghịch của Tam-muội. Các tướng như vậy đều là từ Tam-muội này sinh ra. Vị ấy dùng pháp môn tổng trì để thành tựu Tam-muội, với việc chọn pháp tu thích hợp mà không mệt mỏi, chán nản, không tìm cầu phương tiện Tam-muội không kiên cố để tu tập chánh định; vì tất cả dục cho nên chế ngự tâm ý, khéo hộ trì tư duy cũng không tán loạn, tùy ý tự tại, không nói lỗi của người, vô lượng, vô hạn không có cùng tận; ở trong Tam-muội hiện tại đoạn trừ nghi hoặc, phóng vô số ánh sáng, nương vào tất cả thiện pháp làm thanh tịnh tất cả kết sử, luôn luôn tu tập Tam-muội, nương nơi các thiện pháp.

Do vậy nên nói bài kệ này:

*Được tâm giải thoát ấy
Tam-muội không chướng ngại
Ban đầu vào đại hải
Nước xoáy khó kiếm chế.
Nếu trong ý có dục
Tâm cũng không chuyển dời
Muốn đoạn cảnh giới nước
Đều là gốc muôn hạnh.
Ta suốt trọn trăm năm
Gánh cha mẹ mà đi
Nguyện Ta vẫn không mỏi*

*Để báo ân cha mẹ,
Được che chở mẹ cha
Chỉ nơi cha mẹ thọ
Ai biết rõ như vậy
Là hy hữu thế gian.*

Bấy giờ, khi Bồ-tát thực hành tâm kiên cố, nhiếp tâm giải thoát, có phương tiện như vậy, và có tâm ý dũng mãnh thì những việc mà vị ấy làm đều không ngăn ngại, cũng không bị người khác ngăn cấm, cho nên phải cầu phương tiện.

Xưa kia ông A-lan-ca-lan khởi các thiền định, rồi xả các thiền ấy, lại cầu đạo Vô thượng của Tam-da-tam Phật, liền đến một nơi cách nửa do-tuần về phía Nam. Khi đến chỗ vắng vẻ ấy hành các thứ khổ hạnh, ăn trái cây, uống nước, mặc áo da đen, ở dưới gốc cây, ngồi kiết già, hoặc có lúc uống nước, hoặc có khi ăn trái cây, hoặc có khi nhịn đói, tu những khổ hạnh như vậy, nằm trên cỏ, hoặc lấy tro phủ lên, ưa thích ở đấy suốt ba đêm mà nhan sắc vẫn không thay đổi, trong chín ngày lễ bái thờ lửa. Những người phóng dật nghe theo lời dạy của vị ấy, hoặc khi thờ trời, đầu mắt dần dần suy yếu, xương tay lộ ra, hoặc đứng một chân, thân thể cong lại, mà không có tâm trộm cắp chỉ lấy pháp tự vui. Lúc ấy, Ngài khổ hạnh cầu đạo cũng không ăn uống, da xương liền nhau, thân hình khác ngày trước, thân đen xám, sắc mặt vàng vọt, giống như đàn không hầu bên trong trống rỗng; gân cốt đều hiện ra, có trăm thứ biến hóa, không thể quán sát, tướng mạo của tuổi thanh xuân vĩnh viễn không còn nữa; ví như voi già không được cho ăn, ngồi nằm đi đứng đều không có sức lực, cũng không thể nói năng, tuy có tham sống nhưng không tồn tại bao lâu.

Ngay sau đó, Thiên sứ đã đến chỗ Ngài hiển bày phương tiện, có không biết bao nhiêu cách biến hóa như thế. Ngài vì pháp cho nên lúc thức hay ngủ cũng không đánh mất khí tiết của mình; vì cầu giải thoát như vậy nên không tiếc thân này. Bấy giờ Ngài liền nói kệ:

*Dù ta bị hư nát
Thân người thành trăm mảnh*

*Tâm vẫn không sân hận,
Muôn loài sinh không khác
Trong ý nào có tham.
Khổ nào nhiều vô số
Nếu chấp có ngã tưởng
Ngủ với chết đâu khác.*

Bấy giờ Bồ-tát tu hạnh Đa văn. Người được gọi danh tiếng là dùng tâm vắng lặng đệ nhất để tự tán dương đức của mình, và được mọi người kính hầu, tâm tánh không loạn nên những điều nghe được có thể thọ trì không xao lãng. Bồ-tát nhờ quán sát nghĩa ấy nên tâm trừ bỏ được kiêu mạn, có hạnh nghiệp và trí tuệ cùng tương ứng với nhau như thế. Nay những việc nghe biết đều nhờ có trí tuệ không giải đãi, cung kính sư trưởng, mong được tự tại; với người đối khổ thì khởi lòng Từ bi, hàng phục ngoại đạo, không bị chướng ngại, cũng không có cấu uế; ở nơi quốc độ khác hiện thân hành đạo, không bị ái dục nhiễm trước, khởi ý phương tiện muốn đem lại giải thoát cho thế nhân.

Bấy giờ Bồ-tát có tâm Từ, Nhất thiết trí như vậy đều do phương tiện khởi ra.

Do vậy nên nói kệ:

*Ngài nghe nhiều tiếng tốt
Sắc mặt vẫn không đổi
Vật kiên cố cũng hư
Hướng thân Ta ngày nay.
Ban đầu thọ pháp này
Có đức tin Thế Tôn
Liền sinh trí tuệ lớn
Trừ bỏ các kết sử.*

Khi Bồ-tát làm việc ân đức, Ngài phân biệt ân đức không lãng quên nên có được trí tuệ. Vì muốn báo đáp ân kia nên Ngài tạo chút công đức trọn không quên mất, cũng không cùng tận, giống như gieo ít hạt lúa mà suốt đời vẫn không bỏ qua.

Xưa kia Bồ-tát muốn cầu đạo Vô thượng, ở một chỗ nhàn tịnh,

có con chim Bồ-tát Anh vũ thường ở trên cây ấy. Bấy giờ gió thổi làm các cây cọ vào nhau phát ra lửa; lửa cháy càng lúc càng mạnh, cháy tới hang núi; các cây xanh đều bị lửa thiêu rụi. Lúc ấy lửa đã tuôn khói cuộn cuộn rất mãnh liệt không thể diệt được, giống như ánh sáng mặt trời, khói bụi bay lên, các cây lớn nhỏ đều bị thiêu sạch, tựa như lúc trời đất tan hoại. Người thấy, nghe hiện tượng ấy bỗng chốc đều hoảng hốt, các vật đều bị đốt hết, cây cối đều bị cháy sạch.

Khi ấy Bồ-tát là thân chim Anh vũ, trong một đêm liền nghĩ như vậy: “Giống như chim bay đậu trên cây này còn có tâm báo ân, ta cũng vậy”, liền khởi lên ý báo ân: “Huống chi nay chúng ta luôn ở nơi đây mà không thể dập tắt lửa này sao? Nay đã đúng lúc ta hiện oai lực của mình”. Nó bay vào đại dương lấy hai cánh đựng nước đem về rưới đám lửa ấy, hoặc dùng cánh rưới, hoặc dùng miệng phun bên Đông, bên Tây. Bấy giờ có một vị thần nói bài kệ:

*Lửa ấy hết sức mạnh
Mây khói khó thể gần
Tuy người có thiện tâm
Cũng không thể dập tắt.*

Bồ-tát Anh vũ nói với vị thần đó:

*Tôi ở trong núi này
Chưa từng quên ân ấy
Sao lại phải bỏ đi
Mặc lửa đốt rừng cây.
Nay tôi có sức lực
Ý muốn dập tắt lửa,
Ở núi này sao chẳng
Muốn được báo ân này?*

Thọ thần lại nói bài kệ:

*Chim này có ân từ
Màu sắc thật đoan chánh
Đó là ứng nhân pháp
Thế gian rất hy hữu.*

Bấy giờ vị Thiên thần suy nghĩ, liền nói với chim Bồ-tát Anh vũ:

*Biết người có từ ân
 Vì người, ta dập lửa
 Thương người có tâm này
 Ta diệt lửa tức khắc.
 Bấy giờ có mây lớn
 Vì thương chim Anh vũ
 Nay ta dập lửa kia
 Khiến người được thỏa nguyện.*

Bậc sẽ thành Đẳng Chánh Giác liền nói bài kệ:

*Như Lai vào lúc đó
 Do có tâm Từ ân
 Các Ngài sinh hoan hỷ
 Bậc trời, người cúng dường.
 Để đến được bờ giác
 Xa lìa sinh, lão, bệnh,
 Tín tâm phải kiên định
 Mới thống nhiếp mười phương.*

Bấy giờ, Bồ-tát mặc áo ca-sa là vì làm mô phạm cho người đời, vì làm cho chúng sinh bỏ tục theo đạo, vì làm cái lọng lớn che mát thế gian. Thế là Ngài bỏ quốc vương, vợ con, xuất gia học đạo để vượt qua các nghi hoặc.

Khi Bồ-tát đắp y ca-sa có công đức tăng ích như thế. Ta từng nghe thời quá khứ, Đức Tam-da-tam Phật dạy vườn xem hoa quả sầm uất và muốn được xuất gia. Dân chúng dạo chơi trong vườn ấy thấy Phật xuất thế ngắm nhìn không chán. Dân chúng tập hợp đông đảo trong vườn ấy mà không có tiếng ồn. Trước vị mặc áo ca-sa, ba màu trong sáng, tất cả đều lắng tai nghe lời giải thoát, âm thanh nhu hòa, và vì tuổi thọ hữu hạn nên cùng nhau đều tự quy y Phật. Ngài vì tất cả chúng sinh khổ cho nên chế ngự sân hận. Người sân hận sắc mặt như đồng đỏ, hơi thở dồn dập như thể khói, gió nổi lên. Phật

thấy sắc như vậy liền nói:

–Hãy cùng tâm Ta tương ứng, khi Ta khởi tâm này thì được giải thoát.

Bấy giờ vì giữ gìn ca-sa có các công đức và xả các uế tạp, Ngài liền nói bài kệ:

*Cũng không tự biết tên
Cùng việc ấy tương ứng
Cũng không khéo tắm giặt
Hàng phục nên đến đây.
Sớm thâu nhiếp quả ấy
Tự cắt không hối tiếc
Miệng dạy lời nói lành
Ắt phải tự bại hoại.
Tuy lại quán như vậy
Cùng Ta nói nghĩa này
Ta sẽ bố thí chúng
Nhãn sự khổ nã này.*

Khi đã cắt bỏ thân thể để hàng phục tâm mình, liền nói lời ấy bằng bài kệ:

*Đừng làm các khổ hoạn
Với xan tật như thế
Quả này tuy rất nhỏ
Ác báo không thể lường.*

Bấy giờ Bồ-tát ưa thích chỗ nhàn tịnh nên ở tại khu vườn kia mà quán chiếu, thanh tịnh không náo loạn cũng không có các sự duyên. Ai đến chỗ ấy đều sợ hãi, nhưng đó là chỗ vị ấy ưa thích.

Ta từng nghe: Có một vị tiên đã đạt chỗ cực diệu, không đâu sánh bằng (*chỗ ở của Tiên nhân được rộng nói như trên*). Các sự duyên mà vị ấy có đều bị diệt tận nên vị ấy rời khỏi khu vườn ấy ra đi. Lúc ấy Bồ-tát chưa đạt quả A-duy-tam Phật còn là thân con thỏ nường tựa nơi chỗ ở của vị tiên, thấy vị tiên xuống núi, liền dùng kệ nói với Tiên nhân:

Thân người ở thế gian

*Vi diệu không gì bằng
 Đã được sinh ở đời
 Nên ở nơi rừng núi.
 Lành thay! Này Tiên nhân,
 Gần gũi bậc thiện căn
 Không có các uế ác
 Tự mình điều phục tâm
 Tâm sát hại khởi lên
 Tự biết phải hạn chế
 Có thể tự nhiếp phục
 Không còn tưởng cảnh giới.*

–Tiên nhân, ngài đã bỏ cảnh giới đáng được có. Chúng ta xuất gia là vì cầu đạo giải thoát, tâm ý đã quyết, không bỏ vị cam lộ, hãy bỏ tâm mong cầu, vì các công đức nên cùng ở chốn núi rừng. Ngài có tâm chánh định không loạn động và đã ở chốn núi rừng này thì phải nên ưa thích nó. Như mặt trăng chiếu ban đêm, mặt trời chiếu ban ngày, bậc Năng nhân có ân từ nên ở nơi núi rừng này. Tiên nhân lúc còn trẻ đã sống trong núi rừng này, năm nay tuổi tác già nua, vì cố gì mà bỏ chốn này đi?

Khi ấy vị tiên bèn nói:

–Ta nên tự điều phục tâm mình trở lại!

Bồ-tát hoan hỷ nói:

–Nếu Tiên nhân bỏ đi thì ai có thể thích sống ở đây được?

Bồ-tát liền nói kệ này:

*Nay Ta không có đậu
 Lúa, thóc và ngũ cốc
 Tâm đã tự điều phục
 Nguyện ở núi rừng này.*

Bấy giờ Ngài thành Bạc A-duy-tam Phật liền ở tại núi ấy soi sáng thế gian và ưa chốn an nhàn ấy, vì vậy thường ở núi rừng, rồi nói kệ này:

Cảnh giới thật rõ ràng

*Núi rừng, hành nghiệp khổ
 Thường thích chỗ nhàn tịnh
 Tự thân tu tư duy.
 Thân công đức giải thoát
 Tâm ý thường vui tươi
 Trí tuệ rất vi diệu
 Nên sống gần núi rừng.*

Bồ-tát có tâm thân hữu này, thường mang tâm Từ, sống tỉnh giác, sống như thật như những điều Ngài đã được nghe trong khoảng không bao la nơi núi rừng... như Khế kinh đã nói liền khởi niệm: “Núi rừng này không có các quả, các pháp giải thoát, chỉ nhờ tu hạnh nhẫn mới được pháp giải thoát”. Lúc ấy Bồ-tát suốt đêm hành từ tâm và các pháp giải thoát, không xúc nhiều dân chúng ở đó. Ngay khi Ngài thẳng thân ngồi tư duy không di động thì có một ổ chim ở trên đầu. Ngài biết con chim ở trên đầu đang ấp trứng, luôn lo sợ trứng rớt nên thân không lay động. Lúc ấy Ngài liền quán sát và hành pháp xả thân bất động ngay tại đó, do sức ân cần của Ngài nên làm chim kia được an lạc. Ít lâu sau chim con đã mọc đủ lông cánh nhưng chưa thể bay được, nên Ngài vẫn ngồi yên không bỏ đi. Nay Ngài hành tâm Từ này dù có gặp điều gì lạ vẫn không sợ hãi. Chúng sinh chưa bao giờ làm như thế, chỉ tự biết điều tiện lợi cho mình. Do vậy nên nói kệ:

*Vị hay biết việc này
 Vĩ đại trong loài người
 Không xúc nhiều kẻ khác
 Đức độ ấy ai hơn?
 Cho nên Đức Thế Tôn
 Có sức Thần đệ nhất
 Nên ở nơi đạo tràng
 Tự đầy đủ công đức.*

Bấy giờ, khi Bồ-tát thực hành lòng Từ, vì tự Ngài có sức mạnh nên có thể gánh vác gánh nặng cầu đạt mục đích: “Ta sẽ độ thoát làm tăng trưởng công đức cho tất cả chúng sinh; với người không có năng lực thoát khổ thì Ta trừ diệt ưu sầu ở đời; với người không ai

cứu hộ Ta vì họ làm người cứu hộ; người không hy vọng làm cho họ hy vọng; người không sức mạnh làm cho họ có sức mạnh; với người có tật bệnh làm y vương cho họ; với người già cả chỉ cho họ tâm hồn trẻ trung; với người trẻ trung, ta chỉ cho họ cách sống có năng lực”.

Từng nghe: Khi Đức Thế Tôn hành đạo, có vô số Tỳ-kheo vây quanh trước sau. Lúc viên quán bị lửa cháy, các Tỳ-kheo thấy khói lửa bốc cháy, họ đều chạy đến chỗ Thế Tôn, hoặc có người tán thán Thế Tôn, hoặc đến đứng trước Phật. Các Tỳ-kheo ấy đứng trước Đức Như Lai quán sát Ngài. Bấy giờ Ngài liền nói kệ:

*Như Ta, chẳng ai bằng
Ba đời, công đức đủ
Do nói lời thành thật
Điều ác mau chấm dứt.*

Ngài nói kệ vừa xong, đám lửa ấy liền dập tắt. Bấy giờ các Tỳ-kheo khen là chưa từng có, đều là nhờ ân lực của Thế Tôn. Họ hoan hỷ đối với Như Lai, mọi người đều khen bài kệ này là chưa từng có.

Đức Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta tuy ở nơi vắng vẻ, an nhàn nhưng có đủ các loại cảnh giới, với rất nhiều hình thức. Lúc đó, Ta chưa thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, tên là Chấc-cốc-la-cù. Ta từ lúc ra đời đến lớn, luôn tự tại, ưa bố thí cho mọi người, để cầu hạnh vi diệu. Thời đó, dân chúng nước Trại trà rất thịnh vượng, đất đai phì nhiêu, có nhiều rừng trúc, lan, cây cối, núi cao. Khi ấy các khu rừng bị lửa cháy dữ dội, dần dần lửa lan đến núi đằm. *(Những biến cố như vậy đã được nói rộng trong Kế kinh).*

Bấy giờ có bầy chim đến khu rừng sinh con. Các con chim non ấy chưa có lông cánh, hoặc có con có cánh thì sống còn, hoặc có con rơi xuống đất, hoặc có con bẻ đầu, sút đuôi, chúng cũng không thể bay được, hoặc có con bị đói khát, thấy lửa cháy dữ dội chúng đều muốn bay thoát. Ngay lúc ấy thấy ngọn lửa này, Ta nghĩ cũng không giữ được thân mình, nhưng nhờ công đức trong vô số trăm ngàn kiếp khởi tâm hộ trì chúng sinh. Lúc đó Ta phát nguyện thanh tịnh khiến những chúng sinh kia thoát khỏi đại họa ấy. Ta bèn dập tắt ngọn lửa

và ngọn lửa liền tắt. Thuở trước nhờ hành tâm Từ mà nơi quốc độ kia Ta đã dập tắt được ngọn lửa dữ; huống chi ngày nay Ta đã thành tựu tâm đại bi nên ngay đây lửa sẽ bị dập tắt.

Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Do từ thuở thiếu thời
Đã quán pháp vô thường
Tất cả đều hư hoại
Nên thương xót chúng sinh.*

Ngọn lửa ấy liền được dập tắt. Khi lửa tắt chưa lâu, ta dùng trí tuệ sáng suốt để diệt trừ lửa tham ưu ở đời.

Bấy giờ Bồ-tát vì việc lớn sinh tử, nên muốn ra đời để cứu độ chúng sinh, quán sát nguồn gốc sinh ra khổ.

Từng nghe: Ở chốn núi rừng vắng vẻ có các con quạ, nai, bò câu, rắn sống ở đấy. Nơi đó có một vị Tiên nhân Bồ-tát thường sống bằng hoa quả, nước suối. Bấy giờ con quạ đến bên vị tiên hỏi:

– Thế gian có cái gì khổ?

Khi ấy con quạ lại nói:

– Cái đói là khổ nhất. Nhưng do nhân duyên gì mà có nỗi khổ ấy? Tất cả chúng tôi sẽ tự trình bày ý kiến của mình: thân thể mệt mỏi, bị đốt cháy, các căn bất định, miệng không thể nói, tai không thể nghe, thường ôm lòng suy nghĩ, cho nên đói là khổ nhất. Gặp khổ hoạn này thân như bị lửa đốt, do bị đói khát nên bệnh ấy khó trị dứt, tướng khổ liên tục, đều là do có cái khổ như thế.

Lúc đó con nai lên tiếng:

– Sợ hãi là khổ. Những yếu tố đem đến sợ hãi là thân ở riêng một mình gặp phải người thợ săn nên thường ôm lòng sợ hãi; thân tâm ô uế nhưng thường sợ mất thân này; lại sợ thợ săn muốn giết hại mình. Thân này đâu có bền chắc gì, nó ở trong vô thường, dong ruổi Đông, Tây. Sợ sợ hãi ấy do đâu sinh ra? Và thường khởi niệm: tất cả những sở hữu ấy đều là hành nghiệp, nên xả ly tất cả thân. Vì tất cả chúng ta có thân này nên thường ôm lòng sợ hãi, không an ổn dù trong khoảnh khắc, đều do chúng ta đã tạo cái khổ bại hoại này nên có sự sợ hãi như vậy. Do đó, sợ hãi là khổ.

Chim bồ câu liền nói:

–Dục là khổ nhất, tức là tâm chìm trong cảnh vui tịnh lạc, tư duy như thế sẽ không thoát khỏi tai họa của dục. Dục ấy giống như lửa, giống như dầu bơ đựng vào hủ nhưng bị lửa dữ đốt cháy, nếu có nói điều gì đều bị đốt nhiễm trong tâm. Lửa dục cũng vậy, vì tâm nhiễm trước dục nên thiêu đốt hình hài, tăng thêm sự trói buộc. Trong vô số kiếp bị dục mê hoặc, hội họp đốt cháy thân thể người. Vì vậy, dục là khổ nhất.

Con rắn liền nói:

–Sân hận là khổ nhất. Cái gọi là sân hận đó làm thương hại mạng người, nó không có lớn nhỏ, làm tăng thêm các gốc tội, làm cho thân thể, nhan sắc thường bị biến đổi; hễ động tâm là có ý sát hại, trở thành đỏ mắt, bức xúc, nghiêng răng, nhìn mọi người một cách hằn học, lắc đầu, động thân, thở dài, mửa chất độc, thân thể, da thịt đỏ rực một màu sân hận, tất cả mọi người đều không muốn nhìn, thường nằm trong hang, đói cũng sân, no cũng sân, mắt nhìn không thiện cảm, có sự biến hoại như vậy giống như lửa thiêu đốt núi đẫm; lửa sân hận này cũng lại như thế. Vì vậy cho nên sân hận là khổ.

Bấy giờ Bồ-tát với trí tuệ thâm thâm tư duy việc ấy, liền nói bài kệ:

*Tất cả đều là khổ
Do gần gũi với sắc
Thọ sinh tất phải khổ
Nay hãy nghe ta nói
Giống như tai họa lớn
Khổ nào không hạn lượng
Tất cả do nhân sinh
Nên sinh chẳng phải thật.*

Nếu có người đã thành Bồ-tát đạo rồi, lưu chuyển trong sinh tử, lấy tâm Từ bi hoan hỷ để che chở thương yêu tất cả chúng sinh, nhờ trí tuệ bén nhạy nên không bị chướng ngại, có ý dũng mãnh tu Nhất thiết trí, không có tâm giải đãi nên khi giáo hóa không có sự hoài nghi, thường có cái nhìn bình đẳng nên chí tánh kiên cố không có trở ngại, được khí vị ấy nên không mất ý chí, có năng lực để đảm nhận

việc phân biệt các pháp không bị lệch lạc. Vị ấy thành bậc Đại trí tuệ, tâm bố thí giải thoát không thay đổi, hối hận. Bố thí tất cả như quốc vương Thấp-tỳ thường tu tịnh hạnh, chưa từng giải đãi; như vua Ma-ha-đề-bì có đầy đủ nhân lực; như Thần tiên nhân giữ giới không khiếm khuyết; như học sĩ Bồ-lại-đa vui thích xuất gia nhan sắc hòa duyệt, hoặc lại được ái kính mà tâm ý không nhiễm trước; như vua Đại-tu-đạt-thí-na du hành giáo hóa nhân gian; như vua Cù-tần-đa yêu thích chánh pháp; như Uất-đa-la-ma-nạp thích ở chỗ vắng vẻ an nhàn, dùng tiếng kỹ nhạc mà thấu triệt được lý đạo; như Bồ-tát Thiện Giác ở trong đại chúng cất tiếng sư tử rống, tất cả vị ấy đều được giải thoát, đều đến cảnh giới Niết-bàn; các công đức đầy đủ ấy sẽ thành tựu, với đạo càng tăng thêm đức độ viên thành Bồ-tát hạnh. Bây giờ liền nói bài kệ:

*Càng không ý giết hại
Bồ-tát công đức tịnh
Chí tánh đã kiên cố
Như mặt trời chiếu soi
Yêu thích pháp như thế
Phước điền không ướ trước
Thương xót người thế gian
Nên nói Như thị nhiếp.*

Bấy giờ Bồ-tát không có tâm sợ hãi, từ cung trời Đâu-thuật giáng thân, quán các hành hữu vi là vô thường, tâm không loạn tưởng, thường tự quán sát, biết mình từ đâu sinh đến, cũng lại tự biết không còn thọ thai nữa; tâm trụ trong chân đế cứu cánh không nhiễm trước. Lúc vào trong thai mẹ, an trụ trong đó cũng không loạn tưởng, quán sát phạm giới là ác hạnh, giữ giới là thanh tịnh không bị nhiễm trước. Lúc ở trong thai, không hạnh nào mà không thanh tịnh, giống như hoa sen không bị nhiễm bùn, ở đó khởi nhiều tâm đạo. Có trí tuệ này nên được các Thiên tử thường hộ vệ. Chư Thiên của cõi trời Đâu-thuật liền đến ở lại hộ vệ, hiện ở trong các tướng dâm, bất tịnh mà vẫn thích tu phạm hạnh. Từ lúc Bồ-tát nhập thai vào bụng mẹ, thân của phu nhân chưa hề ô uế đều nhờ giới hạnh của Bồ-tát hết sức thanh tịnh, tâm không có ý làm thương hại chúng sinh, lập

nguyện hành bố thí, chí thành quán sát kỹ, muốn đi xuất gia. Thiên tử Đại Tôn Diệu Thân đều phò trì để thai được thanh tịnh không bị nã hại. Nếu nhấc chân thì đi bảy bước. Khi Bồ-tát khởi ý muốn xuất gia liền quán xem bốn phương, nay phải đi phương nào để thoát hết khổ hay muốn có nước thơm để tắm gội thì tự nhiên có ao nước thơm, tất cả những điều ấy đều do công đức đời trước mà có. Trời mưa hoa Ưu-bát, hoa Câu-văn-la để cúng Đức Như Lai.

Do vậy nên nói kệ:

*Siêng tu vô số kiếp
 Vì cứu khổ chúng sinh
 Luân chuyển không hạn lượng
 Trời người được yên ổn
 Thường có kỹ nhạc trời
 Điều khiến tâm hoan hỷ
 Làn hương bay đến trước
 Hàng phục các oán ma.*

Khi Bồ-tát từ cung trời Đâu-thuật giáng thân, chúng Phạm thiên đều đến hầu hạ, Thiên chúng và nhân dân vây quanh Đức Thế Tôn, đó là tướng thứ nhất; hoặc Bồ-tát từ cung trời Đâu-thuật giáng thân, quả đất bị chấn động mạnh; hoặc khi Đức Thế Tôn giác ngộ, các trần lao của chúng sinh không có tạp uế. Điềm lành được ứng hiện đầu tiên này là quả đất bị chấn động mạnh; là các trần lao của chúng sinh vĩnh viễn không sinh ra nữa, là sự an lạc tối thắng. Hoặc khi Bồ-tát từ cung trời Đâu-thuật giáng thân thì có luồng ánh sáng lớn chiếu khắp thế gian, đó là tướng ánh sáng trí tuệ đầu tiên được ứng hiện. Làm cho các nơi u ám đều thấy ánh sáng, đó cũng là tướng trí tuệ. Hoặc lúc Bồ-tát mới sinh, cất chân đi bảy bước, đó là hiện điềm lành của bảy giác ý. Khi Bồ-tát quán sát bốn phương, đó là điềm lành của Tứ hiền Thánh đế. Khi Bồ-tát mỉm cười, đó là hiện tướng điềm lành cứu hộ chúng sinh. Khi Bồ-tát nằm mộng thấy thế giới này là cái giường, núi Tu-di là gối, tay chân duỗi ra ngoài bốn biển, đó là niệm tưởng về thế gian hữu thường, đó là hiện điềm lành pháp vị cam lộ. Ngài lại nằm mộng thấy cây Đề-lệ-ca mọc trên rốn, lá che khắp cả

ba ngàn thế giới, đó là hiện điềm lành đạo tràng, trời người tôn kính. Ngài lại mộng thấy nhiều con chim bay chung quanh Ngài, đều đồng một màu, đó là hiện điềm lành chúng thành tựu. Ngài lại mộng thấy con trùng thân trắng đầu đen, đó là hiện điềm lành chúng Ưu bà tắc thành tựu. Ngài lại mộng thấy đi trên đỉnh núi, là được điềm lành được lợi không xan tham.

Bấy giờ liền nói kệ:

*Hiện điềm lành hy hữu
 Nhờ ngài công đức đủ
 Đã khởi tất phải diệt
 Khổ vui cũng đổi thay
 Thấy điềm kia hoan hỷ
 Ất có Phật ra đời
 Như trời trong không mây
 Không còn các trần lao.*

Bấy giờ tâm ý của Bồ-tát không gì có thể làm lay động như đã nói, như mặt trăng mới mọc ở chốn tối tăm, mọi người đều kính mến, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy muốn được xuất gia. Khi Bồ-tát khởi tâm ấy liền có ba cảm thọ lạc cuối cùng. Từ giường cao bước xuống, lúc ấy Ngài khởi ý này: “Đó là sàng tòa cao rộng nhất”. Khi Bồ-tát ra khỏi cửa thành, Ngài khởi niệm: “Ta không đắc đạo, trọn đời không trở về”. Bồ-tát cởi râu chuỗi Anh lạc trao cho Xa-nặc, khi ấy Bồ-tát lại nghĩ: “Cái y báu này là vật sở hữu cuối cùng của Ta”. Bồ-tát lấy ngựa trao cho Xa-nặc, Ngài cũng nghĩ: “Đây là con ngựa Ta cởi cuối cùng”. Bấy giờ Bồ-tát tay phải cầm dao tự cắt tóc mình và khởi niệm: “Đây là râu tóc cuối cùng của Ta”. Bồ-tát lấy y báu đổi da nai để làm ca-sa, khi ấy Bồ-tát nghĩ: “Đây là y phục Ta nên mặc”. Hoặc Bồ-tát ngồi nơi đạo tràng và nghĩ: “Ta không bỏ thế ngồi kiết già. Nếu chưa đạt được Nhất thiết trí, Ta sẽ không bao giờ rời khỏi tòa này”.

Do vậy nên nói kệ:

*Tích đức từng chút một
 Sẽ được vô lượng phước
 Như nước cứ nhỏ mãi*

*Tất thành dòng sông lớn
 Quán xem bao nhiêu loại
 Hạnh hữu vi đã tạo
 Nên ăn vị cam lộ
 Tiêu diệt các độc ác.*

Khi Bạc Nhất Thiết Trí thành Đẳng Chánh Giác, Ngài quán thế gian là vô thường, khổ, không. Ngài đã thành Đẳng Chánh Giác nên không có các phiền não. Do nhân duyên thành Đẳng Chánh Giác nên những phiền não khởi lên thấy đều tiêu diệt. Ngài biết rõ tất cả cái chết cùng với sự sống xoay vần tương quan với nhau. Bấy giờ Ngài phân biệt bằng nhãn thức nên có sự giác tri như vậy, cao hay thấp tùy theo sự tạo tác của chúng sinh mà có cảnh giới ấy. Trí tuệ viên thành và không có nghi hoặc đối với nguồn gốc nhân duyên của sự giác tri kia. Sự giác ngộ ấy không có giới hạn. Lúc ấy trí tuệ Ngài phát sinh, biết rõ Đạo lưu truyền khắp thế gian, biết rõ Đạo bất di bất dịch. Bấy giờ Ngài vượt qua tất cả khổ, và phân biệt rõ ràng từng cảnh giới một. Hoặc nơi một kiếp, hoặc trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, tâm ý lưu chuyển nhưng không hề di dời, ý không nhiễm trước cũng không nao loạn, trí tuệ vô lượng nhưng cũng không bỏ trí tuệ, ý khéo phân biệt, du hí trong cảnh giới để cầu phương tiện, được quả báo vô lượng, đầy đủ trí tuệ, và tất cả đều không chướng ngại.

Do vậy nên nói kệ:

*Biết tất cả vật
 Cũng là vô lượng
 Tối, đi xoay vần
 Không bị chướng ngại
 Đều rõ tất cả.
 Sở quán tối thắng
 Trừ khổ ba cõi
 Chiếu soi thế gian
 Ai phân biệt được?
 Chỉ Phật mới hiểu.
 Muốn cầu vi diệu*

*Phải cầu Như Lai
 Như Lai tùy thời
 Cho họ tương ứng
 Sẽ được thành tựu
 Không còn thoái chuyển.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn độc hành, không có bạn lữ, cũng không có bậc Thầy. Bậc Công Đức vô lượng muốn dạy dỗ chúng sinh đối với Phật pháp đều thành tựu Nhất thiết trí, thành tựu Đẳng chánh giác. Bậc Tối Tôn vi diệu không ai bằng biết rõ căn bản thú hưởng của các trần lao, tất cả đều thành tựu, ý niệm không dời, dùng trí tuệ phân biệt tất cả pháp độ; chuyển hóa các kết sử trở nên vi diệu bậc nhất, xương thuyết tất cả hành cho nên gọi là Nhất thiết trí. Khi đã có Nhất thiết trí, giữ tâm chuyên nhất, hiểu tất cả pháp, đoạn trừ tất cả kết sử cho nên gọi là Nhất thiết diệt; trừ bỏ hữu ái và vô ái, cũng không có bạn lữ, thành tựu tất cả công đức, trí tuệ bình đẳng cứu hộ tất cả chúng sinh như cha mẹ thương con, dần dần thành tựu công đức lực. Vì không tham lam, kiêu mạn cho nên gọi là tối thắng; vì hiển bày tám Hiền thánh đạo mà chuyển pháp luân. Ví như cái bóng không ở trước mặt trời mà ở trước bóng tối, cũng vậy tất cả kết sử không thể cùng tương ứng với đạo cho nên Ngài chuyển pháp luân.

Do vậy nên nói kệ:

*Đây đủ các công đức
 Cũng không có hạn lượng
 Sắc Ngài khó nghĩ lường
 Đây đủ tất cả tướng
 Giống như mặt trăng sáng
 Chiếu soi trong đêm đen
 Biển cả nhóm châu báu
 Đức Thích chủng cũng vậy.*

Quán các duyên khởi xong, Ngài đạt được trí tuệ hiểu rõ hoàn toàn mười hai nhân duyên. Trí và ý của chúng sinh do khởi ái nhiễm với bụi trần dày đặc nên để chúng giống ruồi trong tâm thức; hoặc do khởi trí hữu lậu, tạo ra các nghiệp khổ nên cần đạt đạo xuất thế. Do biết rõ đục và biết diệt trừ các kết sử nên không có tưởng khổ

vui, không có tưởng dừng nghỉ. Bởi trí vô ngã nên được tăng thêm lợi ích; bởi trí tương ứng với thức nên thân tâm rỗng rang; trí muốn hàng phục nên có ý chí mạnh mẽ; tâm này bị nhiễm trước nên khởi ý nương tựa trí, tự mình tỉnh ngộ, quyết định diệt các kết sử; khởi trí tuệ sáng muốn điều phục kết sử; khởi trí Hữu tức muốn đến được bờ giác; khởi trí Khinh cử nhẹ nhàng để tự phù hợp với sự giác ngộ của chính mình; dùng chân lý để truyền dạy cho chúng sinh nên khởi trí Diệt tận; nhờ tư duy chân lý ấy mà có các thiên vi diệu; nhờ tư duy ấy mà khởi trí Độ bỉ ngạn; tâm vị ấy có được hy vọng và những người khác cũng có hy vọng đều được thấy dấu đạo. Ý có chỗ y cứ nên đạt được trí tuệ, tứ đại ở trong trạng thái dừng nghỉ, tư duy làm cho các tướng loại đều hướng đến bờ giác; được trí Thiên nhĩ bình đẳng vượt đến cảnh giới giải thoát, hạnh chuyên nhất bình đẳng vượt đến bờ kia; được trí Thiên tử, y vào thức ấy muốn có trí phân biệt, biết ý nghĩ trong tâm trí người khác, khiến tất cả đều tu hành, đều thanh tịnh. Vì muốn hóa độ chúng sinh nên tự ngộ được Túc mạng trí; vì tướng thiện ấy cho nên thị hiện tứ đại; được trí Thiên nhãn trong tâm liền biết, quán sát giới thanh tịnh; được trí Thệ nguyện, có công đức của bậc đại thần tiên, nhờ chủng tử Tam-muội sinh ra ấy nên đạt đến các cảnh giới Tam-muội. Vì muốn mãi ích lợi, làm cho chúng sinh hoan hỷ liền được trí Cứu cánh.

Do vậy nên nói kệ:

*Mỗi mỗi người nghĩ đến
Thân cận thị hiện ngay
Để phân biệt các pháp
Hiển bày Đại thần tiên.
Nên biết rõ nghiệp lực
Để bỏ các trần cái
Đạt được tâm quán sát
Lành thay, Bậc Thượng Nhân!*

Ngài sống như thật mà không có ái dục, không tương ứng với ái dục; cũng không sân hận và không có ý sát hại; cũng không ngu si, biết rõ căn bệnh ngu si; cũng không dua nịnh, thường hay nhu hòa;

cũng không tự khen mình, thường dạy điều lành; cũng không chấp tướng, trừ bỏ tướng mong cầu; cũng không có tâm bỉ thử, không làm thương hại người khác, tự được giải thoát; cũng không dục vọng, có tâm thương xót, làm việc gì cũng thành tựu, không những có tâm Từ mà có cả tâm Bi; không có tư tưởng tạp uế mà có tâm che chở; muốn độ thoát cho tất cả chúng sinh nên có tâm không, cấm giới đầy đủ nên có tâm vô nguyện, trí tuệ thấm nhuần nên có tâm vô tướng, cũng không nhiễm trước, cũng không vui chơi nhưng vì người thế gian nên không lìa sự vui chơi, tránh các ác nghiệp nên thuyết pháp giáo hóa; thành tựu cấm giới nên không có khiếm khuyết; thành tựu Định tam-muội nên không lay động; thành tựu trí tuệ đều đến bờ giác, đầy đủ mười lực nên không ai hơn được; đắc bốn Vô sở úy nên không có tâm khiếm nhược, đi một mình trong ba cõi, ở trong đại chúng mà cất tiếng rống sư tử.

Do vậy nên nói kệ:

*Giống như đại hải kia
Rộng lớn rất vi diệu
Mười lực, Nhất thiết đức
Cảnh quán của Trí nhân
Giống như biển lớn ấy
Khi sóng lớn lay động
Có người đến bờ kia
Công đức đó không lường.*



NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH

QUYỂN 2

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy làm thế nào để phân biệt thành trì của sự sinh?

“Đó là đoạn tận sinh và vô sinh để lấp bỏ hào rãnh, vượt qua bờ huyết và các rào giậu. Ái dục là do sự ngu si nhiễm trước kiên cố mà có. Ngu si là thành trì không tầm không quý, bị bao quanh bởi các dấu tích, không có chỗ hở. Ngũ cái là cửa ngăn che chúng sinh; ái dục chở đầy trên xe sân hận, với vô số chủng loại bao quanh, dựng tràng kiêu mạn, thổi loa tối tăm, chạy Đông rảo Tây, bị các thứ tà kiến quán thân, tự chịu sự lôi kéo”, nên tư duy một cách rõ ràng như vậy.

Chúng sinh có các viên quán hết sức vi diệu, tâm ý vui thích nên ưa đến chỗ đó; hoặc gặp chốn mất mùa đói kém làm thương nhân ra đi tìm cầu sự sung sướng, và vượt qua các cảnh giới đến nơi cần đến, được quả lợi dưỡng, giải thoát. Gặp ách nạn nóng lạnh, nắng, gió mưa dữ dội, sinh, lão, bệnh, tử cũng có khổ não đó. Nếu như lệ thuộc vào sinh tử, cuốn theo các thú hưởng thì giống như chiếc thuyền kia trôi theo dòng nước hoặc Đông, hoặc Tây. Ở trong sinh tử đó mà tác ý như vậy thì nghi hoặc khó có thể thâm nhập, và không cùng hòa hợp cũng không thể tranh đấu. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Tam-muội quán chiếu, với năng lực như thế khó có thể làm trở ngại, đến cảnh giới ấy mọi sinh tử đều diệt tận, tất cả lợi lạc tốt đẹp không có các hành hữu vi.

Do vậy nên nói kệ:

*Sinh nơi có các tướng
Phải trải qua ách nạn,
Trong hào đầy huyết kia
Như biển sâu không đáy,*

www.daitangkinh.org

*Tiếng vang dội ba đời
Bị thành ngu vây kín,
Đức Thế Tôn quán chiếu
Dùng quyền trí tận trừ.*

Khi ấy Đức Thế Tôn dạy làm thế nào để hàng phục các ma?

Đó là tẩm mình trong ao tám Giải thoát, khéo thực hành không để nhiễm trước, dần dần đến cửa giải thoát; khéo tuyên nói giáo pháp vô thượng giáo hóa chúng sinh khiến cho an trụ nên danh tiếng đồn xa. Mặc áo hổ thẹn, lấy pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện làm mũ áo, nhẫn lực đầy đủ, nhan sắc thường vui vẻ, diện mạo tròn đầy, hiển bày tám con đường của Hiền thánh. Tuy có nhiều thứ hương thơm xông ướp các loại y phục, nhưng vốn vẫn biết kết sử là uế trước, nên cỡi xe cấm giới, Chánh kiến dẫn đầu, cùng các công đức vây quanh, dùng năng lực trí tuệ điều khiển chiếc xe, chuyên niệm không dao động và lấy điều thiện giác ngộ chúng sinh.

Ba cõi nghe lời dạy ấy đều làm theo bốn hạnh: lấy sự đình chỉ ý làm áo giáp, tay cầm pháp tràng, múa đao trí tuệ; dùng ý tưởng thiện làm phát trần; dùng Thập lực, Vô sở úy để thổi pháp loa; nhờ năng lực thần túc mà ở ba ngàn đời đều được tự tại, lại khéo phân biệt Thất tài, Tứ biện tài không thể cùng tận. Nếu kết sử khởi lên thì có thể làm chúng tiêu diệt, và bố thí sự nghiệp của cải gấp trăm ngàn vạn lần không thể tính kể. Giống như voi lớn trang nghiêm thân mình, Ngài nhiếp thủ chúng sinh ở an nơi thiện nghiệp, dùng tâm Sư tử phấn tấn không khiếp nhược để khai mở pháp môn, hoặc hiện tướng sợ hãi, hoặc hiện tướng dũng mãnh, tâm không sân hận thu được tài bảo lớn. Giống như quỷ La-sát nhe nanh múa vuốt, biến hóa ra các hình dạng như vậy không khác gì quyến thuộc của chúng. Hoặc hiện hồ ly, hoặc hiện chúng ma, hoặc hiện đầu sư tử mình hổ, hoặc Thất-bộ-xà, hoặc đứng thẳng mà muốn giết hại, lửa sân bùng bùng, hoặc công núi, phun lửa bao nhiêu là biến hóa, hoặc hiện thân chó ôm lòng kiêu mạn, hoặc một thân hai đầu, hoặc le lưỡi trợn mắt, hoặc mình dài cổ ngắn, hoặc hình chim Kim sí, hoặc tay cầm dao gậy, hoặc cầm bánh xe, cầm chày, hoặc sư tử rống muốn giết hại người. Hiện những sự biến hóa quái dị như vậy, hoặc hiện hình dạng

con trâu lông đuôi dài, hình Cưu-bàn-trà tay cầm ngọn lửa lớn, mình mặc áo giáp, mắt đỏ phóng nguồn ánh sáng phóng vào ngọn lửa lớn, tìm mọi phương tiện để giết hại nhau. Các La-sát kia đều có hai cánh, đánh các thứ trống, nhiều loại âm thanh tràn ngập hư không, có những cái linh đeo ở cổ giống như để ếm quỷ, hoặc hình đồng tử tay cầm bánh xe sắt, những hình tướng ác độc có rất nhiều dạng, giống như Thần biển tay cầm mặt trời, mặt trăng, dùng dao trí tuệ để hàng phục các oán địch ấy.

Do vậy nên nói kệ:

*Hết kết, không sợ hãi
Luôn luôn được an lạc
Biến các thứ hình sắc
Với sắc tướng vô cùng.
Biến hóa ra như vậy
Bởi do đã tạo nghiệp
Tay cầm dao trí tuệ
Liên hàng phục các oán.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy vượt khỏi sông tro như thế nào?

Vượt khỏi sông tro là khi trừ bỏ được tâm mong cầu và sân nhuế. Tư duy sông tro kia đều là những thứ bất tịnh, các loại tướng đều phải từ bỏ. Nhờ đó, các loại tâm tướng kia đều vĩnh viễn đoạn tận, không còn nữa, ngoại trừ sự quan sát vi diệu. Do hạnh nghiệp đã tạo đời trước nên không thể vượt khỏi biển sinh tử, dù hợp lại cũng khó qua. Những điều mà tâm ý ưa thích giống như hai loại cỏ già-xá và cứu-xá, bị trôi theo dòng nước chảy; chấm dứt mong cầu, đốn bỏ cội ưu sầu ở hai bên bờ sông xanh rì cỏ.

Các nghiệp mà thân đã tạo là như vậy: Cây cối sầm uất là các tiếng khóc lóc; trăm ngàn loại hạnh bất thiện đã tạo là tay cầm đá, cũng đều là việc làm bất thiện. Giống như trong biển có trùng lại đến cầu mong chỗ an vui nên bị các đục xoay vần làm tổn hại đến cảnh giới. Giận dữ bưng bưng, mắt như đồng đỏ; tâm muốn tu thanh tịnh nhưng đục tướng tràn đầy tạo thành sông tro và các hầm hố hiểm trở. Sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngọt và sự xúc chạm

trơn mịn đều là lưới gươm hữu lậu đầy khắp mặt đất, và có cái đầm lớn âm u không có ánh sáng, nước theo dòng chảy lên xuống nên gọi là sông.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng chư vị Bồ-tát tuy ở trong sinh tử vô lượng nhưng đều muốn lìa xa, liền khởi tâm: “Sông tro này hết sức hiểm trở, gai góc mọc đầy, vô cùng u ám không có ánh sáng, như thế mà các người ấy cứ mãi trôi lăn! Do vậy, Ta nay quyết phải đoạn trừ dòng sông ấy”. Khi phát lời thệ nguyện như thế rồi, liền tìm cầu phương tiện. Dùng pháp nhẫn làm phép tắc cho thế gian; cùng tạo thêm các phương tiện khác như: thọ trì cấm giới, dùng đó làm nơi chốn an lạc; dùng bốn Hiền thánh để để quan sát bốn phương, phân biệt quyết định; dùng các pháp vô lậu để xem bờ sinh tử cheo leo trên núi đá. Sau khi đã chiếm cứ bờ sinh tử rồi liền đạt được thiện nghiệp, đẳng nghiệp, đẳng phương tiện, và các Tam-muội an lạc; với tám Hiền thánh đạo thấy đều phân biệt. Đã muốn đến bờ giác tất phải nhờ Thần túc lực, Ngũ căn, và muốn được Vô sở úy thì phải nhờ có chốn Niết-bàn; an trụ nơi Tam-muội cùng các thiền giải thoát ấy, phân biệt biết rõ trăm hoa tươi tốt không ra khỏi Vô vi.

Khi ấy Đức Thế Tôn vì nói Khế kinh nên theo dấu của Phật Định Quang, Phật Nhất Thiết Hoa Vô Thượng, Phật Tỳ-bà-thi mà sinh nơi chủng tánh dòng tộc như các Ngài để đảm đương việc thuyết pháp.

Do vậy nên nói kệ:

*Dù có sức vô hạn
Vẫn ôm lòng sợ hãi
Sông tro sâu không đáy
Kẻ ngu mãi vui đùa.
Bấy giờ dùng lực Phật
Cứu vớt người chìm đắm
Đưa đến chỗ an ổn
Dạy pháp yếu cho người.*

Thệ nguyện của vị Đại thương nhân đã thành tựu nên tâm tánh rất nhu hòa y theo các thứ công đức để tự trang nghiêm thân mình, giáo hóa phù hợp theo thời. Và vì chúng sinh quán sát cội rễ

của các kết sử nên được trí tuệ hàng phục các kết sử xấu ác ấy; lại khéo tùy thời nên trí được thành tựu, khéo quán các căn nguyên nên pháp thường vi diệu; khéo nương tựu bậc trí, khéo tham vấn bậc trí để thành tựu cung kính nhẫn; khéo nói nghĩa lý của pháp đệ nhất. Thuyết pháp nghĩa biện khéo thành tựu, trí cứu cánh của Hiền thánh được thành tựu, pháp biện được thành tựu gọi là Nghĩa biện. Danh thân, Cú thân, Vị thân đều là dùng để phân biệt nhiều loại âm thanh. Sự khéo léo nghĩa biện kia giống như Danh thân, Cú thân và Vị thân này đều hướng tới cái thiện. Âm hưởng biện tài khéo hơn ba thứ biện tài này và cùng tương ứng với Tam-muội giải thoát, quay về với đạo, khéo biết lòng người. Khi trí được thành tựu rồi thì nếu có truyền trao quyết định điều gì cũng không dao động. Trước hết tham vấn ý nghĩa để thuyết pháp vô ngại, để rồi làm cho tâm đều hướng đến một con đường trí tuệ. Ngài đều đã thành tựu sự truyền thọ, thành tựu trí quyết định và thành tựu Vô xứ trí nên khéo khởi sinh tất cả các pháp.

Do vậy nên nói kệ:

*Có hiện trí tuệ báu
Cũng nói các nghĩa biện
Đạm bạc, không bằng Phật
Công đức cũng vô song.
Vốn bỏ tâm khứ lai
An lành hành tịnh tuệ
Để cứu nghiệp thế tục
Vì đời mở cam lộ.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy nên thuyết pháp như thế nào?

Đó là theo sự yêu cầu trước mà đều làm cho sung mãn. Vì thuyết nghĩa của các đức giải thoát như thật không dối, đầy đủ pháp vị, nên tùy từng trường hợp dần dần ban cho nghĩa tương ứng, khoảng giữa đều phân biệt, trước sau cùng tương ứng, bao nhiêu loại cảnh giới đều tùy thuận ý mà thuyết pháp phù hợp với người đối diện. Với các pháp nghĩa thì có ý dừng mãi, lại có các trí biến hóa được quả thật nên phân biệt pháp giới không có hạn lượng. Nhất thiết trí khởi

lên pháp như vậy cũng không ý lại; đã loại trừ sự mong cầu giác ngộ pháp hạnh nghiệp cũng không tự khen mình. Thuyết pháp cho chúng sinh nên giải trừ các chứng bệnh cả gốc lẫn ngọn; thành tựu ba ý chỉ không ôm lòng mong cầu; nhiếp thủ mọi người khen là chưa từng có; khéo an trụ làm chỗ cho trời, người cung kính cúng dường.

Do vậy nên nói kệ:

*Như người diệt tận pháp
Miệng tuyên lời tối thắng
Khéo thuyết hạnh kiên cố
Trí tuệ thấy vô lượng.
Ngài như vị cam lộ
Ngoài không dính bụi dơ
Trong giữ sạch uest trước
Cũng không các ác hoạn.*

Ngài không có ước trước, trừ bỏ ngu si, căn ý thanh tịnh. Do xả ly việc bên ngoài nên thành tựu Phật nhãn, ý không vướng mắc cũng không có tỳ vết; do không có tạo tác tâm ý lỗi lầm trong quá khứ nên được vắng bật. Tất cả đều bình đẳng, tâm không dao động nên đạt Đệ nhất nghĩa. Khổ hạnh một đời, hay khổ hạnh nhiều đời cũng không có các tướng. Ở trong hàng Thanh văn hoặc dùng Thiên nhĩ nghe tiếng. Ngài ở trong thế tục không chấp thủ nên đạt được trí tuệ biết rõ tâm trí người khác và không bị lao khổ bởi các loại hạnh hữu vi. Vì chúng sinh Ngài tự phân biệt biết rõ các việc làm trong vô số đời trước. Nếu nay Ngài vui thích với tất cả hoạt khởi của sắc, hoặc dùng Thiên nhãn để quán sắc, các niệm tưởng cũng không dời, không động. Đối với các kết sử đã diệt Ngài quán chúng đều là phi nghĩa. Với thế nguyện tu khổ hạnh Ngài cũng không khởi niệm mong cầu nhờ chúng mà tâm được định tĩnh, thanh tịnh. Tâm dục nhiễm đã hoàn toàn vắng lặng nên trí của Ngài không còn chấp mê phân biệt theo trần thức. Ngài tự thân thể đạt, nương tựa Thắng nghĩa Niết-bàn (*Đệ nhất nghĩa đế*) để quảng truyền chánh pháp tại thế gian.

Do vậy nên nói kệ:

Ý không có ngu si

*Vãng lặng không tạo tác
 Ý nghiệp Phật toàn giác
 Cho nên con quy mạng
 Vì chúng nhân thuyết pháp
 Thanh tịnh không ướ trước
 Du hóa giỡn vườn, quán
 Và các chốn ẩn học.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy phước điền có nghĩa là:

Nương theo phước điền ấy nên có hy vọng, cũng như căn cứ vào lúa mạch mà nói một khu đất là ruộng lúa mạch hay ruộng lúa tẻ. Đức Phật Thế Tôn cũng như thế, y cứ theo phước đức nên gọi là Phước điền, cũng chính vì vậy nên Phật mới được gọi là Bạc Phước Điền. Ngài đã thực hành trăm ngàn hạnh nên thành tựu được phước điền ấy. Thánh Tuệ căn của Ngài, nơi phát khởi mọi hành nghiệp và tư duy đã giải thoát hoàn toàn. Ngài dùng thẳng trí ấy thuyết pháp, không khởi niệm tưởng diệt, cũng không có tâm phân biệt, trừ bỏ đoạn diệt các kiến thủ, không có các tưởng kiến ấy, tâm chí luôn bình đẳng. Do tâm chí bình đẳng nên pháp ngữ vi diệu của Ngài đều là thiện, không ác; âm thanh cũng không nhiễm ô. Thân Ngài đã thành tựu các việc ấy cũng không có tai họa, bệnh tật. Ngài đã thành tựu đức bình đẳng với tất cả các kiến sinh ra và với lời nói nên thành tựu được mạng căn. Do tâm thường trú trong hỷ lạc nên trong bất cứ thời nào cũng là toàn diệu, không phân biệt cao thấp. Phật là tối thượng, là bậc nhất trong tất cả chúng hội.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật, phước điền bậc nhất
 Vô số kiếp thanh tịnh
 Kẻ ngu không quán sát
 Rơi vào chốn mê mờ.
 Với người khéo tin theo
 Thọ sinh có thể diệt
 Nay trú niệm an ổn
 Về sau tất an lạc.*

Lại nói:

Phật xuất hiện ở thế gian là vô cùng hy hữu, giống như hoa Ưu-đàm-bát cực hiếm, hết sức diệu kỳ. Ngài gánh vác tất cả khổ đau cho chúng sinh nên được ngợi khen là chưa từng có. Thế Tôn xuất hiện giữa thế gian tinh cần lao nhọc như thế. Vì có sự hy hữu ấy nên việc Ngài thị hiện giữa đời cũng rất đặc biệt, khác thường, không ai sánh bằng, vì đạo lớn mà Ngài sinh, không giống như Bích-chi-phật... sinh. Do Phật không phân biệt nên mới sinh như thế, giống như vầng thái dương xuất hiện không phân biệt hầm hố hay đất bằng đều soi chiếu tất cả. Vì có Đại trí tuệ như vậy nên Phật mới là phước điền cực tịnh chiếu soi, làm phát sinh và tăng trưởng lợi ích cho chúng sinh Thiên như vậy. Các thiện hạnh đã đạt được như vậy nên Ngài xuất hiện tại thế gian truyền bá giảng dạy chánh pháp đem lại lợi ích cho muôn loại chúng sinh, đoạn trừ vĩnh viễn màn vô minh tăm tối ngăn che. Phật muốn lưu bố đạo giải thoát sinh tử ở thế gian để muôn loài theo đó tu tập và cũng muốn cho loại chúng sinh hữu hình đều được trang nghiêm. Khi ấy chúng sinh được thấm nhuần mưa pháp. Chúng hội bậc nhất đạt thành giải thoát tương ứng bởi do thấy chân lý nên các niệm ác vắng lặng. Phật nghĩ đến muôn loại chúng sinh nên thuyết pháp vị, làm cây cầu để cứu độ họ.

Do vậy nên nói kệ:

*Nếu có chúng sinh nào
 Quán sát Đức Như Lai
 Điều phát tâm hoan hỷ
 Được xa lìa tai hoạ,
 Là chúng hội an lạc
 Hưởng phước vi diệu nhất
 Thăng tới đạo Niết-bàn
 Tịch tịnh được giải thoát.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn giảng về sự giải thoát của Ngài:

Do tâm Ngài không tương ứng với ái dục, các triền cái nên gọi là giải thoát. Trong vô số kiếp từ vô thủy Ngài luôn tinh tấn tu tập, không hề giải đãi nên được vô lượng, vô biên công đức thanh tịnh

không tỳ vết, không đoạn trừ nhân duyên phân biệt của cảnh giới giải thoát, cũng không khởi tưởng chấp pháp, sở nguyện luôn đầy đủ và không có tâm ganh ghét, đoạn tận hoàn toàn các cấu nhiễm, vượt thoát các ràng buộc của nghiệp trần, nhờ trí nên không ở trong sinh tử cũng không xả bỏ sinh tử, có trí tuệ giải thoát khỏi mọi phân biệt, giống như trăng mùa thu soi sáng nơi tăm tối, làm cho tất cả đều được sáng bừng, lại chẳng khác dòng nước thấm nhuần cây cối làm chúng nở hoa theo đúng thời; cũng giống như dòng nước tuôn chảy, tùy theo dòng xoay chuyển mà sinh ra bọt nổi, cho đến cuối dòng đều tan mất. Thế Tôn cũng như thế, đã chứng Vô dư Niết-bàn, giải thoát dòng nước xoáy.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật hay diệt các ác
Đạt giải thoát tối diệu
Trừ tối, soi sáng khắp
Như trăng sáng trời sao,
Đêm ngày không thay đổi
Thường trụ không lay động
Đã được pháp giải thoát
Trí tuệ chiếu thế gian.*

Lúc đó Đức Thế Tôn giảng về Tận trí của Ngài:

“Ta đã chứng Phân biệt tận trí, đã trừ Khổ, Tập, đã chứng đắc Diệt và tu hành Đạo đúng như lời khen ngợi.” Những công hạnh tu tập của Ngài đều để xét tìm tận nguồn gốc và trị lành căn bệnh dâm, nộ, kiêu mạn, dùng trí bình đẳng để diệt trừ dâm dục. Đó là trí như thật không hư dối của Niết-bàn. Ví như có người đang chịu các khổ não không thể thoát được, cũng không thể trị dứt nguồn gốc của căn bệnh hiện tại nên luôn nhớ nghĩ đến cảnh giới vi diệu. Cũng như thế, tất cả chúng sinh đều nên tu tập đoạn trừ hết các kết sử và dứt tận ấm cái. Ví như vị lực sĩ bị các căn bệnh không thể chịu được, chưa tìm ra phương thuốc nên không thể trị dứt bệnh được. Tai họa của dâm, nộ, si cũng như thế, chỉ dùng Tận trí mới khiến cho chúng sinh được hoan hỷ. Giống như một người luôn sợ chỗ hiểm nạn, bản thân

có các thứ bệnh tật khổ não, gặp được một ao nước tắm trong sạch không có bụi nhơ, hai bên bờ ao có gió mát thổi đến, nhìn xuống tận đáy nước thấy cá, rỗng bơi đùa; trời xanh trong vắt không một bóng mây che; hoa Ưu-bát, hoa Câu-văn-đà nở đầy khắp ao, cành lá hoa quả đều sinh trong nước, lại có các loại cây vi diệu mọc trong đó, nếu ai thấy được đều sinh tâm hoan hỷ. Do vậy người ấy ở trong ao ấy tắm rửa, tẩy trừ các khổ não, lại cũng không cảm thấy đói khát, sau khi tắm xong được hoan hỷ an lạc, trong ao tắm đó lại có luồng khí nhẹ từ đáy ao thổi lên. Trong lúc quan sát, người ấy hoặc ngồi hoặc nằm trong ao đó. Thế Tôn cũng như thế, những dâm, nộ, si đã tạo đều đã trừ hết; trong cội nguồn sinh tử, hiện ra ao tắm như vậy. Thế Tôn đã bạt trừ hết khổ não cho chúng sinh trong ba cõi, làm chiếc cầu để đưa họ sang bờ giải thoát như thế nào? Phật đã dùng đẳng kiến (*cái thấy bình đẳng*) giống như ao tắm mát mẻ; tâm chánh định bình đẳng thanh tịnh, ý chí bình đẳng kiên cố, không chuyển dời giống như các loài cá, rỗng được giải thoát kia; từ dung Phật không có gì so sánh bằng, giống như hoa Ưu-bát, hoa Câu-văn-đà ngấm mãi không chán. Trí tuệ Phật như đám mây dày, Tam-muội của thế tục không để trong tâm, nên được đại chúng vây quanh. Nếu ai tắm trong ao ấy thì được hoan hỷ, nhẹ nhàng vô cùng. Tắm rửa trong ao tắm pháp, nếu uống nước trong đó thì các thứ dâm, nộ, si đều được trừ sạch hoàn toàn, cũng không gặp các tai họa hay đói khát. Người ấy thành tựu pháp như vậy.

Thế Tôn lại dùng pháp ấy tuệ thí, đưa tất cả chúng sinh đến Niết-bàn, việc cần làm đã làm xong, tâm không sợ hãi, đạt đến chỗ giải thoát an ổn, tâm an lạc dẫn tới cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Và cũng khiến chúng sinh theo thiện pháp. Lúc bấy giờ Đức Phật Thế Tôn an tọa không động.

Do vậy nên nói kệ:

*Ngày đêm Phật hồng hóa
Muốn khiến chúng sinh an
Tâm giải thoát, hoan hỷ
Vắng hẳn mọi khổ sầu.
Phải sống mãi trong đời*

*Họa tai luôn bức bách
Cần theo Khổ tận trí
Lìa dục đến với Đạo.*

Lúc ấy Thế Tôn dạy về Vô sinh trí mà Ngài đã thân chứng:

Bậc đạt được Vô sinh trí là người đã hoàn toàn biết rõ: “Ta đã thấu đáo hoàn toàn Khổ; Khổ đã hết thì Tập cũng không còn; hiểu rõ Tập đã hết nên không còn phải tu tập để hiểu rõ chúng nữa; Ta đã tu tập Đạo viên mãn nên không còn phải tu Đạo nữa”. Hiểu rõ như vậy nên gọi là Trí vô sinh. Cho nên Trí vô sinh là trí đại công đức, là trí giác ngộ khởi lên khi đã diệt trừ hoàn toàn cội nguồn sinh tử. Giống như gieo lúa giống phải tùy thời tưới nước, nhờ đầy đủ nước đúng thời hạn cây mạ lớn dần tươi tốt, cỏ dại không sinh. Đức Thế Tôn cũng như thế, hạt giống của thức bị lửa trí tuệ thiêu đốt, nên mỗi thức dần dần chuyển thành trí vô dục, tận trừ mọi thức xứ (ý *niệm phân biệt*), cội nguồn của sinh tử và cũng không thường trụ trong các hành (*tạo tác*) đã qua. Ở trong trí ấy khởi lên tâm ô nhiễm là việc không thể có. Các ý niệm tạo tác (*ý nghiệp*) trong tâm cũng không còn tạo tác nữa.

Do vậy nên nói kệ:

*Ai khởi Vô sinh trí
Chư Phật đều ủng hộ
Biết rõ nguồn gốc khổ
Vượt khổ nào, họa tai.
Trí ấy không khiếp nhọc
Thanh tịnh không tỳ vết
An tọa nơi đạo tràng
Ý không sinh không diệt.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn truyền giảng giới pháp, độ cho tất cả nhân dân trong các thành ấp, thôn xóm đều vâng giữ đầy đủ giới cấm. Người vi phạm là người không vâng giữ cấm giới, người diệt trừ tâm ác là người vâng giữ giới luật và thực hành theo Thập thiện hạnh (*Mười hạnh lành*). Ngài độ cho tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh, đều có công đức như nhau. Ngài đã thành tựu các công

đức như vậy. Ở trong chúng có công đức ấy, không ai có niệm loạn tưởng. Trong chúng có người siêng năng nỗ lực tu hành, theo thế nguyện trước kia Ngài đều hộ trì cho họ đạt được kết quả. Với người không hoan hỷ thì Ngài đều khiến cho hoan hỷ. Với những người hoan hỷ do đã tạo các công đức trong các đời chư Phật quá khứ, Ngài nhắc lại để khuyến tấn họ tu hành.

Bậc Vị Tăng Hữu ra đời, có công đức giải thoát, hàng phục ngoại đạo, đối với người biết tầm quý thì làm cho họ được an ổn. Do giữ gìn oai nghi phạm hạnh nên họ đều tận trừ các lậu hoặc ngay trong khi Phật thuyết pháp, tâm đoạn tận gốc rễ và cành nhánh lậu hoặc khiến chúng không còn sinh lại nữa, tất cả đều đạt đạo. Lời Ngài dạy khiến cho phạm hạnh được tồn tại lâu dài, trời người được an ổn. Lời Ngài giáo giới, chúng sinh đều thọ trì đọc tụng.

Các Tỳ-kheo tùy theo chỗ phạm đều tránh xa. Sau khi giáo giới xong, Phật đã khuyến tấn đệ tử cần nỗ lực giữ gìn cấm giới như chim Khổng tước giữ gìn bộ lông, như loài trâu bảo vệ đuôi của nó.

Do vậy nên nói kệ:

*Như Lai chế cấm giới
 Vì pháp mà truyền dạy
 Giữ giới vui đệ nhất
 Giống như đội mào trời.
 Nếu ai sống trong giới
 Được chánh định Tam-muội
 Chớ nên phạm giới pháp
 Như biển không vượt bờ.*

Lúc ấy, Đức Thế Tôn có tướng đầu vi diệu bậc nhất, kiên cố, không khuyết lậu, khiến chúng sinh ngắm nhìn mãi không chán, không ai có thể ngăn cản phá hoại được. Đầu Ngài đầy đặn như chiếc lọng tròn, tướng nhục kế của Ngài là tối trắng, tướng ấy không ai có thể thấy được cũng không ai có thể có được. Tóc và lông mày của Phật rất vi diệu, mọc rất khéo, phân biệt rất rõ ràng. Tóc ấy mịn màng, ánh lên sắc xanh biếc vô cùng kỳ diệu.

Do vậy nên nói kệ:

*Thích, Phạm và nhân loại
Đến chiêm ngưỡng Ngài sinh
Phật ở trên tất cả
Không ai thấy danh Ngài.
Ngài vốn không kinh mạn
Đản sinh dòng Thích vương
Bởi do quả báu ấy
Nên được tướng Đảnh thượng.*

Thở ấy, tóc của Đức Thế Tôn rất vi diệu, rất đẹp, mỗi sợi tóc đều nhẹ và mềm mại, không so le cũng không rối loạn, đều bằng nhau và xoắn theo phía phải như đường xoắn của vỏ ốc, có đầy đủ các tướng lành. Các sợi tóc mềm nhẹ ánh lên ánh sáng rực rỡ trong lành, nhẹ chiếu soi, không ánh sáng nào sánh bằng, giống như loại tơ nhẹ và mềm nhất, không có gì có thể mềm nhẹ hơn, cũng không thể làm hư hoại được. Những ai thấy qua tướng ấy đều được phước an ổn bậc nhất. Tóc ấy lại có đầy đủ tất cả các loại hương công đức lành xông ướp. Có được tướng như vậy là do Ngài đã tu tập đầy đủ các hạnh, thành tựu trí tuệ Vô thượng Đẳng chánh giác.

Do vậy nên nói kệ:

*Mềm nhẹ, không dài ngắn
Tóc có sắc biếc xanh
Dung nhan Phật thanh tịnh
Như trăng sáng đêm thanh,
Các làn hương thoảng xa
Thường thức đều phân biệt
Theo gió hương nhẹ tỏa
Như mùi hương chiên-đàn.*

Vầng trán của Đức Thế Tôn như vậy: Bền chắc như kim cương, bằng phẳng, thẳng ngay cũng không có dấu nhăn gập. Ai nhìn thấy đều sinh tâm hoan hỷ, ngắm mãi không bao giờ chán. Vầng trán ấy không có một vết dơ, không trắng cũng không đen, rất đầy đặn bởi vì hành nghiệp của Ngài không có khuyết lậu, ai thấy cũng hân hoan, không sinh ý tưởng ác hại. Mắt Thế Tôn thanh tịnh, không có

tỳ vết, mọi người trông thấy đều được tất cả sự tốt lành. Như Lai đã tu tập viên mãn vô số trăm ngàn công hạnh nên về sau mới được tướng vàng trán lành ấy.

Khi đó liền nói bài kệ:

*Rất vi diệu thanh tịnh
Thoát hẳn các hạnh ác
Trán Phật khó nghĩ bàn
Như ngà voi trong sáng.
Chính Ngài đã từng dạy
Trán Như Lai tuyệt đẹp
Thanh tịnh như hư không
Ai thấy cũng hoan hỷ.*

Bấy giờ Đức Như Lai có tướng lông trắng giữa đôi chân mày, nơi phát ra ánh sáng rực rỡ nhất trên dung nhan của Ngài. Chòm lông ấy trắng tuyền như màu sữa trâu; như lụa the trắng nõn; như màu tuyết trắng; như mặt trời mới ló dạng; như hoa Câu-văn-đà. Sắc rất trắng không có gì sánh bằng; như ánh trăng mùa thu vô cùng trong sáng. Chòm lông ấy xoắn vòng theo phía phải, không quá cao cũng không quá thấp, không làm chướng ngại mắt. Ai thấy được tướng ấy sẽ không vướng phải các loại bệnh. Mỗi sợi đều dài bằng khuỷu tay. Chòm lông đó có ánh sáng cực kỳ vi diệu, không thể nghĩ bàn, bao nhiêu luồng ánh sáng từ đó phóng ra đều thấu về nơi phát xuất. Tất cả sự vi diệu ấy đều do công đức xưa kia Ngài đã tạo, giống như sự vi diệu của khuôn mặt. Thế Tôn ở trong đại chúng mà tuyên nói giáo pháp.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật tu vô số hạnh
Nên được tướng lông trắng
Đó là ruộng phước tốt
Là quả báo bốn hạnh,
Không thô cũng không tế
Cuốn theo phải rất đẹp
Bề dài bằng khuỷu tay
Ba đời đều thấy rõ*

*Tướng giữa mây Như Lai
 Thanh tịnh không tỳ vết
 Giống như núi An minh
 Đứng đầu trong các núi.
 Tự tại trong các pháp
 Làm chúng sinh thanh tịnh
 Cũng như tướng mặt tròn
 Tướng giữa mây tuyệt đẹp.
 Sắc ấy do hành tạo
 Giải thoát không gì hơn
 Đã diệt ý cấu uế
 Chúng sinh đồng thanh tịnh.*

Đức Thế Tôn có đôi mắt sáng trong, tuyệt đẹp như sắc hoa trăm cánh, mỗi cánh đều tách rời, không chỗ u tối nào mà không chiếu sáng; xanh biếc như màu trời, như sắc hoa Ưu-bát¹, hoa Văn-đà-la. Đôi lông mi của Ngài trắng tuyền bậc nhất, không có gì sánh bằng, như mắt chim ưng chúa không khác. Mắt Ngài ngắm nhìn thấy rõ ràng tất cả quốc độ ở bốn phương, cũng thấy và phân biệt rõ tất cả những loại vật có hình tướng trong các quốc độ ấy. Đôi mắt Ngài không có dục cũng không hiểm ác, không giận dữ cũng không tương ứng với giận dữ. Ngài quán sát những hành động thiện ác của chúng sinh trong các quốc độ đó, nếu có những việc vi diệu Ngài có thể thấy rất rõ ràng, cũng không có tâm sợ hãi hoảng hốt. Do tu hạnh từ bi nên Ngài luôn có cái nhìn yêu thương, không tà kiến, luôn hoan hỷ không nhầm chán trong việc hộ trì các thiện pháp, phân biệt rõ ràng chi tiết và truyền bá các pháp ấy cho tất cả chúng sinh trong mọi quốc độ. Đôi mắt Ngài không có bất cứ sự xấu xa nào, không giải đãi và có năng lực thấy biết như thế.

Do vậy nên nói kệ:

¹. Ưu-bát: Gọi đủ là Ưu-bát-la (Sanskrit: Utpala, Pāli:Uppala), còn phiên âm là Ô-bát-la, Âu-bát-la, Ưu-bát-lạt, là tên một loại hoa, dịch là Thanh liên hoa (Hoa sen xanh).

*Mắt Phật đẹp, cực sáng
 Không có gì ngại chướng
 Đã tạo trăm phước đức
 Sau mới thành Như Lai.
 Thiệt pháp rất thanh tịnh
 Cũng không có khổ não
 Sắc mặt như Thiên vương
 Là cam lộ xuất hiện,
 Pháp tướng cũng đầy đủ
 Cũng không có khổ họa
 Cũng như tấm gương sáng
 Hiện khuôn mặt ở trong.
 Chúng sinh nhìn thấy Ngài
 Ngắm mãi không nhàm chán
 Sau khi thành Chánh giác
 Diễn thuyết pháp cam lộ.*

Đức Thế Tôn có tướng mũi vi diệu như thế là do trong vô số trăm ngàn kiếp sinh ra, với tất cả các loại trí tuệ Ngài đều phân biệt rõ; ở trong chốn sinh tử, Ngài đã nhổ gai ái tình, lòng mong vượt đến bờ bên kia, muốn chặt đứt tất cả gai ái dục. Vì người thế gian nên Ngài siêng tu tập các khổ hạnh như thế, dùng tuệ để thí pháp hay lấy giới độ thoát cho người. Lời Ngài dạy từ xưa đến nay đều đầy đủ tất cả nghĩa lý, không ướ tạt, nhằm trị lành các ung nhọt, phiền não, giống như ánh quang của đồng vàng là sáng bạc nhất. Tâm Ngài luôn vui thích mong đạt được giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, không hề đối trá nên Ngài đã hiển bày, truyền dạy rộng tất cả hạnh tu thiết yếu mà Ngài đã tu tập.

Do vậy nên nói kệ:

*Vi diệu không ướ tạt
 Mũi Phật đẹp bậc nhất
 Giống như chim Anh vũ
 Nên chúng sinh quy mạng.
 Đối trước tôn nhan Ngài
 Mọi người đều kính ngưỡng*

Mũi Như Lai tối thượng

Như hoa Lại-tân-đà.

Đức Thế Tôn có bộ răng như sau: Không sứt mẻ, thẳng đều, không cao thấp, tựa như màu vỏ ốc, màu tuyết lại cũng như màu hoa Câu-văn-đà-la. Răng Ngài có đầy đủ các điều tốt đẹp, màu trắng tuyền, vô cùng trong sạch, có hào quang sáng, đều đã thoát khỏi các ác hạnh, giống như ngọc kim cương cứng chắc không thể bị phá hoại, làm hư hại. Răng của Như Lai có bốn mươi cái, hàm trên và hàm dưới đều có bốn răng cấm. Hàm răng trên có tướng bánh xe ngàn cây tằm.

Do vậy nên nói kệ:

Răng Như Lai thẳng đều

Thuyết pháp rất vi diệu

Đều đặn không dư thiếu

Giống hoa Ba-đề-lặc,

Sắc đẹp không thay đổi

Mắt lành sáng trong ngần

Răng vuông đủ bốn mươi

Trong các đức của Ngài.

Đức Thế Tôn có tướng lưỡi rộng, dài như thế là do Ngài chưa từng nói dối. Lưỡi Ngài có màu tươi đẹp, không thể hư hoại giống như hoa của cây A-thư-già (*hoa Vô ưu*), lại như cánh hoa sen rất trơn mịn, mềm mại. Ngài cũng không nói lời thô ác, thêu dệt, đã trừ bỏ các tai họa của dâm, nộ, si nên sinh vào chỗ tốt lành, vui sướng an lạc mà thành tựu cấm giới. Các lời Ngài dạy khiến cho mọi chúng sinh đều được giải thoát, lấy Pháp trí để tế độ kẻ bần cùng. Ngài đã được giải thoát đối với vị ngọt của dâm, nộ, si; tất cả đều do bốn hạnh của Ngài tạo ra. Tướng lưỡi của Như Lai vô cùng vi diệu, khi đưa lưỡi ra lưỡi ấy che trùm cả mặt.

Do vậy nên nói kệ:

Trăm phước đức tu tập

Lưỡi Như Lai bậc nhất

*Răng môi đều ngay thẳng
 Thường nói pháp cam lộ.
 Ném được tất cả vị
 Đồ ngon hay không ngon
 Điều phân biệt tinh tường
 Rõ ràng không lẫn lộn.*

Đức Như Lai có những ngôn giáo như sau: Khi dạy về các pháp hữu lậu, tu thiện, âm thanh Ngài nói ra không thô lậu, ngôn từ và các đức khác đều đầy đủ vô lượng công đức. Khi dạy về các pháp hữu thường, vô thường, tâm chí Ngài không khiếm nhược; lời giảng lại vô cùng sâu xa vi diệu bậc nhất. Những lời Ngài giảng dạy hoàn toàn không gây ra phiền não, mọi nghĩa lý đều tương ứng với duyên khởi trong quá khứ và hiện tại, khéo phân biệt pháp, tùy thời dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh, tuyệt không có lòng sân hận. Ngài tự trang nghiêm thân, tâm ý trú trong định làm vui, cúng dường bậc trí, khen ngợi người danh tiếng đều tùy theo từng tướng loại của chúng sinh, tựa như loài chim Hồng ưa thích vực sâu, ao nước. Nếu có chúng sinh gặp phải trăm ngàn khổ não Ngài đều cứu độ, làm cho tất cả muôn loài đều được hoan hỷ. Với chúng sinh đang ở trong vòng sinh, già, bệnh, chết, Ngài đều độ được giải thoát. Ngài không có tưởng mong cầu được hạnh tối thắng. Tâm Ngài tự tại không buộc ràng, thực hành các hạnh lành trong hiện tại nên đạt được hạnh giải thoát hy hữu. Cũng như người dùng thuyền qua biển không hề sợ hãi, Ngài đã vượt qua tất cả sinh tử nên được ca ngợi là Bạc Thiên Đức. Công đức Ngài vi diệu nên khi thọ mạng chấm dứt, tâm ý Ngài đạt đến cảnh giới Niết-bàn, được pháp cam lộ, diệt tận cội nguồn của tất cả sinh tử, giảng dạy hướng dẫn rõ các pháp thiện ác, người nghe không có tâm sợ hãi, như ánh sáng không ngăn ngại.

Do vậy nên nói kệ:

*Lấy chánh pháp chỉ đường
 Cúng dường công hạnh Phật
 Dùng nhẫn làm sức mạnh
 Như nhụy nở hoa khai,
 Pháp cam lộ tròn đủ*

*Người si ám não phiền
Hưởng được pháp vị ấy
Vượt thoát vùng sinh tử.*

Đức Thế Tôn có giọng nói như sau: Âm thanh trong các lời nói của Ngài có đầy đủ công đức, không thô lậu, giống như tiếng chim Yết-tỳ hết sức vi diệu, âm thanh vang xa khắp bốn phương, mọi người nối tiếp nhau đều nghe được lời Ngài dạy. Ở trong các loại chúng sinh Ngài có năng lực ấy; Ngài không rời khỏi chúng nhưng muôn loài đều nghe được thanh âm thanh tịnh. Tất cả công đức đó đều do công hạnh xưa của Ngài tạo ra. Thanh âm của Ngài như tiếng Phạm âm, như tiếng hót của chim Loan phượng. Vào lúc đó, mọi người đều được nghe năm loại âm thanh thậm thâm vi diệu của Ngài. Có khi Ngài dùng lời dạy răn để hàng phục chúng ngoại đạo, như trường hợp cải hóa con rồng dữ làm cho nó thay đổi tập tánh cũ. Từ quá khứ xa xưa Ngài đã có sắc diện rất mỹ diệu, không bao giờ lộ vẻ khiếp sợ, yếu hèn như thế. Nếu dùng nhục nhãn xem xét cũng có thể thấy rõ. Tâm Ngài định tĩnh, không tham trước, không tương ứng với các vị ngọt của dục. Nội tâm Ngài luôn trụ trong định không nhàm chán cho là đủ, không xung động, cũng không tương ứng với sân hận. Đó đều là do quả báo công đức tu tập của Ngài mà có, cho nên nói: “Vị Sa-môn an lạc có tâm như vậy, y cứ theo tâm đó sẽ có năm loại âm thanh như thế. Đã từng nghe tiếng nước chảy xong lòng hoan hỷ, huống chi nay được nghe lời dạy Phật làm tăng trưởng lợi ích cho căn lành, chúng sinh nghe thanh âm của Ngài sinh tâm hoan hỷ, càng được lợi ích giải thoát”.

Do vậy nên nói kệ:

*Thanh âm Phật nhu hòa
Tâm Phật luôn tịnh lạc
Khéo tin đến nghe pháp
Công đức vô hạn lượng.
Chúng sinh nghe pháp âm
Từ bốn hạnh Phật xuất
Có thể biết Phật âm*

Vượt năm trăm Không tước.

Đức Thế Tôn có dung nhan như vậy: Vô cùng thanh tịnh, không có vết dơ, hết sức trang nghiêm, đẹp đẽ không gì sánh bằng. Đôi mắt Ngài lành đẹp, mọi người nhìn ngắm mãi không chán, trái tai thả xuống, môi có màu đỏ hồng như vàng ròng của cõi trời, răng trắng tinh vi diệu không gì hơn, khuôn mặt Ngài đầy đặn, không một vết dơ, cũng không sọc lở. Gương mặt Ngài không có nét sầu lo hay khổ não, ai nhìn thấy cũng đều hoan hỷ, công đức ấy không thể kể hết. Do công hạnh tu tập trong quá khứ nên có được mùi hương thơm bậc nhất. Dung nhan Ngài như vầng trăng tròn trong lành, không uestrực, đáng tôn kính nhất. Khi Ngài ngồi kiết già thuyết pháp cho đại chúng, người ngồi trước hay sau đều thấy được mặt Ngài. Khi tọa thiền xong, việc đầu tiên của Ngài luôn là thuyết pháp cho đại chúng.

Do vậy nên nói kệ:

*Muôn loài đều vui sướng
Mong thấy sắc diện Phật
Do ngắm diện Thế Tôn
Như vầng sáng trăng rằm
Được lợi vui đệ nhất
Không ai bằng Như Lai
Ngày rằm trăng tròn sáng
Nên nói như diện Phật.*

Đức Thế Tôn có tướng đầu như sau: Do thiện sinh, kiên cố, trang nghiêm, đẹp đẽ không ai sánh bằng, không cao cũng không thấp, cân đối với thân, nhan sắc bậc nhất. Như sức của trời Na-la-diên², không thể diệt tận, nơi tướng đầu của Ngài phát ra quang sắc màu hoàng kim vô cùng mỹ diệu, cực kỳ trong lành, tất cả đều không chướng ngại.

Do vậy nên nói kệ:

² Chánh văn: 那羅延天八臂 (Na-la-diên thiên Bát tý), Bát tý thiên 八臂天 : Thiên thần tám tay, chỉ trời Na-la-diên. Tuệ Lâm Âm Nghĩa, Q.6: “Bát tý thiên, đó là chỉ trời Na-la-diên”.

Tròn đầy rất vi diệu
 Tích công hạnh nhiều đời
 Nên được tướng đầu kia
 Đứng đầu trong dòng Thích.
 Không gì làm xâm hại
 Nơi Như Lai phát ý
 Muôn loài trong ba cõi
 Tán thán đức tướng Phật.

Đức Thế Tôn có tướng cánh tay như sau: Do thiện sinh, không ai sánh bằng tựa như núi Tu-di. Vai Ngài cũng đẹp vi diệu, không ai bằng, không cao không thấp, vô cùng mềm mại mịn màng giống như loại danh mộc bậc nhất Ta-lô, mềm mại vi tế, không thể bị tổn hại; lại tựa như hoa Chiêm-bạc mềm mại vi tế, không thô kệch. Trên cánh tay Ngài sinh ra các sợi lông mềm màu xanh biếc, mỗi sợi đều cuốn theo phía phải, rất mềm mại mượt mà, bất cứ ai thấy cũng đều khởi tâm hoan hỷ. Khi Ngài duỗi cánh tay cực diệu ấy ra là hàng phục loài ma, có địa thần chứng biết.

Do vậy nên nói kệ:

Như cây Thế-già-cừu
 Hàng phục các ma chúng
 Lại như chày Kim cang
 Cho nên quy mạng Phật.
 Là Đạo Sư ba cõi
 Là nguồn sáng chánh pháp
 Tâm Phật không hạn lượng
 Nên theo Bạc Tối Thắng.

Đức Thế Tôn có tướng bàn tay như sau: Hết sức mềm mại, mịn màng, mỹ diệu không ai sánh bằng, cũng không ai phá hoại được, không nứt mẻ, tròn đầy như đỉnh núi cao. Lòng bàn tay Ngài có tướng Thiên bức luân (*bánh xe ngàn căm*), giữa các ngón tay có làn da mỏng dính liền, móng tay rất trắng sạch như mặt trời chiếu sáng, như hoa Ưu-bát đã nở tung, cánh hoa rất mềm mại. Khi Ngài thuyết pháp, chúng sinh đến nghe, không ai mà không được độ thoát, lời nói của

Ngài luôn tùy thời, đúng với bốn hạnh. Khi Ngài mở bàn tay phát ra ánh sáng chiếu suốt. Nếu có chúng sinh nào tìm theo ánh sáng từ bi ấy đi đến đều được độ thoát. Ngài giảng dạy, phân biệt rõ để chúng sinh bỏ ác theo thiện, thuyết pháp về bốn hạnh tiền thân để họ luôn được từ bi, hoan hỷ và phát khởi lòng mong cầu trừ bỏ ác hạnh, tu tập các thiện hạnh. Ngài dạy chúng sinh: “Tất cả đều là khổ, chớ theo duyên trần cấu nhiễm, nên nhàm chán tai họa sinh tử”. Ngài khiến cho chúng sinh thanh tịnh, khởi lòng mong cầu trừ bỏ mọi sự huyễn hoặc. Xưa kia khi Ngài ngồi thiền, tất cả chúng ma cõi trên các loại xe cộ do la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, trâu bò, sư tử, chó, heo, dê kéo đến chỗ Ngài; hoặc mang đầu ngựa thân người và các thứ hình dạng khác, cầm đao, mang cung tên, đánh chuông, vỗ trống, làm đủ hình thức ma quái muốn đến hại Đức Phật. Lúc đó Đức Thế Tôn lấy ngón tay chỉ xuống đất, núi cao, rừng rậm, thành quách, khe suối, ao tắm, các nguồn nước đều hiện ra đầy dẫy trên bảo, hoặc hiện ra đầy vàng trong bát. Như vị lực sĩ dùng tay gõ vào bát ấy liền phát ra âm thanh, tay Ngài đã vận chuyển bánh xe pháp hết sức vi diệu, không ai sánh bằng.

Lúc bấy giờ, chúng ma cúi lạy Đức Phật xong liền nói bài kệ:

*Nghiệp thanh tịnh đệ nhất
Chuyển pháp luân vô thượng
Tay Như Lai vi diệu
Rất đẹp không ai bằng.
Tay Ngài chuyển pháp luân
Pháp luân ở một chỗ
Không thấy chỗ trụ xứ
Không thấy người chuyển pháp.
Khi Ngài chuyển pháp luân
Thuyết pháp theo căn tánh
Nhờ Ngài chuyển pháp luân
Chúng sinh được an lạc.*

Đức Thế Tôn có thân tướng như sau: Thật cân đối ngay thẳng, không khuyết lậu, đầy đủ giới tướng, bộ ngực như ngực sư tử, công đức tròn đầy, toàn thân cân xứng, màu da như sắc hoa Ưu-bát, cũng không bại hoại. Khi Ngài kinh hành luôn nghiêng về bên phải. Thân

Ngài không cao cũng không thấp, hết sức mềm mại, vi diệu. Lòng trên da Ngài đều xoay theo phía phải, vi diệu gấp bội, không có gì sánh bằng, luôn tỏa ra mùi thơm như mùi hương của hoa Chiêm-bạc-ca. Ngài không trẻ cũng không già, trên thân Ngài không có điểm nào không cân xứng. Ngài không tương ứng với sân hận. Các căn trên thân đầy đủ, là thân hy hữu ở thế gian. Thân kim cang của Ngài rất kiên cố, rất vi diệu; hành tướng không chậm cũng không gấp, phân biệt rõ với chúng sinh. Bất cứ ai thấy thân tướng Ngài đều phát tâm hoan hỷ, ngắm mãi không chán. Thân Ngài cao bảy thước, sừng sững như núi An minh. Ở trong đại chúng, Ngài như voi chúa giữa đàn voi, là Bạc Đệ Nhất, giống như vua Na-la-diên, không có thứ gì có thể làm tổn hại.

Do vậy nên nói kệ:

*Tu hành trong trăm kiếp
Tối Thượng giữa chúng nhân
Nay Ngài được sắc thân
Không ai có thể sánh.
Đã diệt dâm, nộ, si
Vĩnh viễn không còn ác
Cho nên nay đành lễ
Sau khiến con như Phật.
Nếu khởi dâm, nộ, si
Liên tiêu diệt tức khắc
Chiêm ngưỡng dung nhan Phật
Thân con hết nạn khổ.*

Đức Thế Tôn có phần trên của bụng như sau: Trên dưới cân đối đẹp đẽ, vi diệu không ai bằng, không có chỗ nào không bằng phẳng, khiến mọi người nhìn thấy đều hoan hỷ.

Do vậy nên nói kệ:

*Bụng trên Phật lành đẹp
Bạc nhất không gì hơn
Nếu có ai nhìn thấy
Tâm không còn cấu phiền.*

www.daitangkinh.org

*Sinh lông mềm vi diệu
 Khi đứng ánh sắc vàng
 Lại không thọ các loài
 Quán sắc tối diệu ấy.*

Đức Thế Tôn có vùng bụng dưới thế này: Tròn đầy dần lên đến bụng trên, thon nhỏ tương xứng với thân, giống như bụng của loài nai, có ánh sáng lành thanh tịnh, không ai bằng.

Do vậy nên nói kệ:

*Bụng Như Lai vi diệu
 Sắc đẹp không ai bằng
 Xem xét tất cả tướng
 Từng tướng đẹp khó lường,
 Phải biết tướng diệu ấy
 Được thế gian ngợi khen
 Về sau sẽ diệt độ
 Cho nên quy mạng lễ.*

Đức Thế Tôn có đôi chân như vậy: Bước đi an lành, đứng vững vàng, nghiêm trang, không dao động, vô cùng vi diệu. Ngón chân của Ngài dài, da mịn màng, có đầy đủ trăm phước tướng. Đó là do nhờ Ngài đã tu khổ hạnh nên sau mới được như thế. Ngài vì muốn độ thoát cho người thế gian nên đã đi đến đạo tràng. Những người nghe pháp âm của Ngài tựa như được nghe tiếng của Long vương, mắt dõi nhìn chăm chú, không di động. Ánh sáng công đức của Bạc Chánh Đẳng Giác gấp trăm ngàn lần ánh sáng vi diệu của ngọc anh lạc, ánh sáng ấy không có gì sánh bằng. Do công đức xưa nay của Ngài như thế, nên con cúi lạy dâng kệ:

*Niệm ái không xâm hại
 Nay cúi lạy chân Ngài
 Cũng lạy Như Lai đánh
 Phật giải thoát chúng sinh.
 Nếu ai có niềm tin
 Đó là người tối thắng
 Chân Phật đẹp mịn, trắng
 Cho nên con quy mạng.*

Đức Phật có tướng pháp luân như vậy: Rất tròn, không tạp uest, cũng không thô lậu. Tướng ấy rất vi diệu, có hình bánh xe đủ ngàn cãm đều đặn. Thân Ngài đầy đủ các căn. Do Ngài đã tạo các hạnh nghiệp lớn nên được tướng Chuyển luân thánh vương có bốn đức vang lừng: 1. Đầy đủ cảnh giới; 2. Tâm không khiếm nhược; 3. Có năng lực như A-tu-luân lấy tay che khuất ánh sáng của mặt trăng; 4. Khi Phật chuyển pháp luân liền có ánh sáng lớn xuất hiện. Giống như vào tiết xuân, không gian không bụi bặm, bầu trời cũng không có mây che, vào lúc nửa đêm, vầng trăng không bị mây che khuất, phóng luồng ánh sáng lớn, ánh sáng ấy cũng như thế. Chuyển luân thánh vương vốn không có tướng ấy của Đức Như Lai.

Do vậy nên nói kệ:

*Người đời thọ trăm tuổi
Thường là thế ra đi
Phật có tướng chuyển luân
Như hoa sen nở rộ
Cũng như núi An minh
Cao vượt là bậc nhất
Xưa Như Lai gieo phước
Tu tập nên được vậy.
Trời Đế Thích rời cung
Đến thỉnh: Nay đến thời
Chư Thiên đồng tán dương
Như Lai chuyển chánh pháp.
Nếu ai biết tướng ấy
Dẫu chỉ nhìn thoáng qua
Đều có một tâm niệm
Không ai hơn Đức Phật.
Chí tâm Phật vững bền
Phóng quang chiếu muôn nơi
Như vầng dương soi sáng
Độ tận khắp muôn loài.*

Đức Thế Tôn có tướng đi như thế này: Ngài bước chân phải

chạm đất thì động tác ấy không chậm không mau, bước đi ngay thẳng cũng chẳng vội vàng, chẳng khác gì voi chúa bước đi vững vàng. Thân của Đức Thế Tôn không lay động giống như vị Thiên Na-la-diên. Đức Thế Tôn đối với người cao làm cho họ thấy mình là thấp, đối với người thấp chỉ cho họ thấy mình là cao. Những người có nhà nhỏ thì tự nhiên thành rộng lớn. Thân của Đức Như Lai chưa từng cúi xuống bởi do trong các đời trước Ngài không có tâm kiêu mạn. Các loại nhạc khí không đánh mà tự kêu, các loại côn trùng đều được an ổn, đều do đời trước Ngài đã tu hành Từ tâm.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật có đại thân diệu
 Vô úy có đức này
 Tướng đi sắc tốt lành
 Điều phục người ngang ngược.
 Nhờ Ngài bỏ kiêu mạn
 Tự ngộ Tối chánh giác
 Vi diệu không ai dục
 Nên được tướng đi đẹp.*

Đức Thế Tôn có dấu chân như vậy: Tướng bánh xe ngàn căm hiện ra rất vi diệu, các đức tướng ấy mỹ diệu đầy đủ, không ai sánh bằng. Ở trong nhân gian Ngài là đấng bậc nhất đem lại nhiều sự hoan hỷ. Tất cả đều do Ngài đã tạo phước trong trăm ngàn kiếp mà có. Ngài không có tâm thô lậu vì đã trừ bỏ dâm, nộ, si. Công hạnh trong quá khứ của Ngài không đối trá, không có các điều ác, không tương ứng với si mê, không tạo hạnh si mê. Ngài có danh tiếng như vậy, chí tánh ngay thẳng, làm mà không có tâm mong cầu, ý đã diệt mọi niệm nghi ngờ, trừ bỏ các niệm mong cầu nên việc làm không khuyết lậu, tâm không phân biệt, công đức trùm khắp, thành tựu trọn vẹn thập lực, trừ tất cả tai họa.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật có đức tướng ấy
 Do các hạnh đã làm
 Phân biệt tâm, nghiệp, hành
 Như mặt trời chiếu sáng*

*Bánh xe hiện trên đất
 Tâm ý thấy rõ ràng
 Nên tự quy y Phật
 Như dấu chân in đất.*

Đức Thế Tôn có nụ cười như sau: Do nhân duyên xưa, Ngài đã tu tập hạnh yêu thương chúng sinh, nên mới có nụ cười như thế. Khi Đức Thế Tôn cười, ai nghe được liền sinh tâm hoan hỷ, nhu hòa, nhẹ nhàng, vi diệu, thanh tịnh bậc nhất; người nào thấy Phật mỉm cười tâm niệm vắng bật trần cấu, được tâm thanh tịnh không tỳ vết. Đó là do Ngài tu hành không nói lời hư dối. Như loại hoa Ưu-bát, Chiêm-bặc có đầy đủ các thứ hương thơm, Ngài phân biệt rõ các pháp, truyền giảng pháp cam lộ khắp thế gian; lời pháp có đầy đủ ánh sáng trí tuệ, vi diệu bậc nhất. Khi ấy Đức Thế Tôn từ thân phóng luồng hào quang lớn màu hoàng kim giống như ba lớp núi cao vây quanh, hiện thân ở cõi trời Sắc cứu cánh. Những vị có niềm tin ở cung trời đó, vâng theo lời giáo giới của Như Lai, không hề trái phạm và dần dần truyền bảo lại cho nhau nên tất cả đều hoan hỷ đối với Đức Phật. Thế Tôn lúc ấy đã tạo bốn hạnh như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Miệng thuyết ánh sáng giới
 Tỏa màu sắc vàng xanh
 Xuất từ thân Như Lai
 Trời người đều dâng cúng.
 Bạch hào tướng Như Lai
 Ba đời không ai sánh
 Đến trời Sắc cứu cánh
 Đều vân tập chỗ Phật.*

Đức Thế Tôn có hào quang như vậy: Đều là do công hạnh trong quá khứ của Ngài tạo ra nên phía sau thân Ngài có ánh sáng ấy. Ánh quang đó vô cùng đẹp đẽ, trong lành, là ánh sáng giải thoát tối thượng. Ai nhìn thấy hào quang từ thân Ngài cũng đều sinh tâm hoan hỷ. Thân Ngài có đầy đủ các loại ánh sáng của ngọc Anh lạc, các thứ bụi bặm, ô uế của La-hầu, A-tu-luân không thể làm chướng ngại

vì Ngài đã giải thoát ngũ kết³, trừ bỏ ngu si. Khi ấy, Đức Thế Tôn đã hiển bày, giảng dạy pháp cam lộ, khiến cho chúng sinh gặp được pháp vị ấy tự nhiên đạt được thần túc không thể nghĩ bàn.

Do vậy nên nói kệ:

*Thân Ngài khéo giải thoát
Không có gì ngăn ngại
Đạt thập lực phóng quang
Kẻ ngu không thể thấy.
Như Lai có thần túc
Thị hiện bằng chúng sinh
Ánh quang vượt thái dương
Nên cúi lạy tướng sáng.*

Đức Thế Tôn đáp y như sau: Không cao, không thấp, tùy thời đáp y để diệt trừ cỏ ô uế, nguồn gốc của sinh tử. Ngài không mặc y phục theo cảnh vui tươi nên đi đến chỗ nào mọi người đều hoan hỷ. Vì có thật quả như vậy nên y phục Ngài luôn tươi sáng. Tôn giả Nan-đà và các Tỳ-kheo ở bên Thế Tôn thấy Thế Tôn đáp y Tăng-già-lê, không gì có thể làm cho y của Ngài dơ được. Khi ấy Tôn giả Nan-đà khen là việc hy hữu nên đến bạch Đức Thế Tôn để muốn biết cách đáp pháp y. Đức Thế Tôn dạy:

–Vì sao thế Nan-đà? Nếu chẳng phải Như Lai từ xưa đã rời khỏi vòng thế gian sinh tử triền miên thì làm sao Như Lai diệt trừ hoàn toàn vĩnh viễn các cấu uế dâm, nộ, si cho chúng sinh. Như Lai đã tùy theo căn tánh, sở nguyện của họ để dạy bảo nên mới thành tựu công đức như vậy; dù có gió bão thổi mạnh cũng không làm cho y Như Lai bay được, bụi trần cũng không làm ô nhiễm được.

Do vậy nên nói kệ:

*Y Như Lai đã đáp
Tự che cả thân hình*

³. Ngũ kết: 五結 : Năm kết, chỉ năm loại vọng hoặc giống như dây rợ trói buộc, làm cho chúng sinh trôi lăm trong ba cõi, gồm: 1. Tham kết; 2. Sân kết; 3. Mạn kết; 4. Đố kết; 5. San kết (tức là các phiền não: tham lam, nóng giận, kiêu mạn, ghen ghét, bồng sến).

*Như sen không nhiễm bùn
 Y này cũng như vậy,
 Hoặc gió bão thổi lên
 Sức cuồng phong dữ dội
 Muốn y Như Lai động
 Đấng Thập Lực ai hơn?*

Khi Đức Thế Tôn đi khát thực như sau: Ngài không phân biệt kẻ ty tiện hay người giàu sang, đều khát thực bình đẳng, không có tà mạng, không cúi xuống làm các nghề trồng trọt, làm thuốc... để kiếm sống; không ngưỡng lên trời coi sao, bói quẻ để kiếm miếng cơm manh áo; không lấy lòng thí chủ để họ sai khiến mà kiếm miếng ăn, không dùng chú thuật huyền hoặc xem bốn phương để kiếm ăn; không cày cấy làm kế sinh nhai. Bởi vì Ngài đi khát thực là để cứu độ chúng sinh nên không có ý mong cầu, tham trước sự ăn uống. Khi Đức Thế Tôn ăn, Ngài quán sát rõ việc ăn uống không phải vì để vui sướng, cho nên không bị nhiễm trước. Khi thọ nhận vật thực của tín thí, Ngài cũng không tham trước, không khởi ý dâm, nộ, si, cũng không mê hoặc vì Ngài đã diệt trừ tâm mê hoặc, xả ly tâm nhiễm trước, không tương ứng với tâm nhiễm trước; trú trong tâm xả nên dục ái không làm trở ngại được, luôn vui thích lấy thiền lạc làm món ăn, cũng không niệm ngã tưởng, hoàn toàn xả ly khổ, thấy rõ ngã là phi nghĩa, thân này chắc chắn sẽ đoạn diệt nên hiểu rõ và xả ly ba việc. Ngài đã thanh tịnh, không có dâm, nộ, si, vì sao nay còn ăn uống? Vì Ngài muốn hiện rõ thân này là không bền chắc, là nơi chất chứa càng lúc càng nhiều bệnh tật. Nếu không còn hơi ấm, thân này sẽ chết cho nên Ngài không sinh loạn tưởng, tu tập phạm hạnh, truyền bá chánh pháp. Thân Ngài chỉ phải chịu các bệnh do hành nghiệp quá khứ, không tạo ra nghiệp bệnh mới. Đức Thế Tôn thọ nhận vật thực của tín thí vì muốn làm lợi ích cho người đời để họ được quả báo, thân họ được an ổn.

Do vậy nên nói kệ:

*Khất thực khắp mọi nhà
 Muốn họ được chánh pháp*

www.daitangkinh.org

*Ngài ở nơi vườn quán
 Như loài ong hút hoa
 Không lựa ngon hay dở
 Không sinh ý khen chê
 Uống ăn không chướng ngại
 Vì thoát niệm tham cầu.*

Đức Thế Tôn có sàng tọa như vậy: Thường ngồi ở trong hang núi, nơi đất trống, ở vườn quán, cạnh dòng sông, khe suối, nơi có các loại hoa quả sum sê, vui thích không gì sánh bằng; nơi không có người, một lòng cầu giải thoát các điều ác, tâm không bị phiền não ngăn che; ở nơi không có người đặt chân đến. Ngài không có sự sợ hãi, lìa bỏ sự say đắm sắc, thường thích tịch tĩnh. Ngài thuyết pháp cho chúng sinh, *nói rộng như trong Khế kinh*.

Do vậy nên nói kệ:

*Vườn rừng đầy hoa quả
 Rợp nở hoa Mạn-na
 Ý vui thích nhàn tịnh
 Chốn hoa lá biếc xanh
 Chí quyết cầu giải thoát
 Nên ngự vùng tịch thanh
 Thân trụ chốn tịnh nhàn
 Không tiếng không loạn tưởng.*

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng cỏ trái trên mặt đất, tòa cỏ ấy không có một mảy bụi trần cũng không huy hoàng tráng lệ. Cỏ ấy vô cùng mịn màng, mềm mại, đẹp đẽ vi diệu. Nếu ai thấy được tòa cỏ ấy sẽ ngắm nhìn mãi không chán và đều y cứ theo đó quán sát, suy tư bằng niệm không phân biệt cao thấp. Danh sắc lục nhập luôn hiện ra không cùng tận, chỉ vì hàng phục chúng nên Ngài dùng cỏ trái trên đất. Khi trái cỏ để ngồi, lòng Ngài không có dục tưởng; khi lấy cỏ làm nệm, tâm Ngài cũng không có kết sử; thân tâm Ngài hoàn toàn thanh tịnh. Chư Phật trong quá khứ tạo công đức cũng không nhiếp thủ, không buộc ràng trong niệm ham cầu chứng quả, bao nhiêu công đức đều hồi hướng cho muôn loài, tâm không phiền não, không sinh ra cỏ kết sử. Thân Ngài tề chỉnh, tâm không tán loạn, thân cận với

chúng sinh mà không bị ấm cái ngăn che, chứng được Tam-muội, Thần thông. Khi nghỉ, Ngài đặt hông phải xuống đất nằm ngủ, không lâu sau đã đứng dậy kinh hành, tu tập. Ngài vì trú trong Vô giác tam-muội nên nằm hông phải sát đất, vì muốn hàng phục oán địch nên ngồi trên tòa Sư tử. Ngài thị hiện vận loại áo tơ mịn năm màu, hiện tướng không phải Sa-môn chân chánh để tu tập phạm hạnh mà không nhiễm trước hình sắc, thân cận với chúng sinh để cầu tâm giải thoát.

Do vậy nên nói kệ:

*Chúng sinh không căn lành
 Nhờ công đức họ Thích
 Đã tạo tâm hạnh lành
 Tâm vốn tự giác tri.
 Lành thay! Pháp giải thoát
 Không có ai hơn Phật
 Nay đệ tử Như Lai
 Lấy cỏ trừ dục ái.*

Lúc bấy giờ Thế Tôn dạy biết rõ các căn như thế nào?

Đức Phật dạy rằng trong quá khứ Ngài đã tu tập các căn ấy với các tính chất của chúng. Vì đạo nên Ngài khởi sinh căn ấy để hàng phục sự điên đảo của dục, yếu tố làm cho các căn thuận dòng tương ứng với sinh tử. Các căn ấy nương theo các duyên khác khởi lên hạnh bất tịnh. Các căn đó tham đắm thế gian và nhiễm trước dục lạc. Các căn ấy làm khởi lên các phiền não và làm cho tất cả kết sử lớn mạnh. Các căn ấy theo đuổi thân làm chúng sinh lưu chuyển mãi không bao giờ dừng nghỉ. Các căn ấy không thành tựu nghĩa lớn giải thoát. Các căn ấy đầy mê hoặc, trải qua các cảnh giới. Các căn ấy giống như kiếm nhọn làm thương tổn thân thể. Các căn ấy gây ra khổ não, giống như ghẻ lở, làm chảy ra các kết sử. Các căn ấy giống như người bệnh, không có sức lực. Chúng không bao giờ nhàm chán, biết đủ, luôn mãi mong cầu. Các căn ấy không bao giờ dừng nghỉ, luôn luôn khởi ra các kết sử. Các căn ấy giống như thuốc độc, không cắt đứt được gốc khổ. Các căn ấy không nghe lời dạy bảo, cùng

tương ứng với các điều ác. Các căn ấy không giấu kín, bị cảnh giới gươm đao trói buộc. Các căn ấy không được phòng hộ, có tính chất bất toàn. Các căn ấy không có tâm, trôi lăn theo cảnh giới. Các căn ấy không tu hành nên bị lửa dục đốt cháy mãi chạy theo các cảnh giới. Các căn ấy có các khổ não rong chơi theo các cảnh giới khác làm cho tất cả thân tâm khổ não.

Do vậy nên nói kệ:

*Căn trong các cảnh giới
Bị điều ác chế ngự
Tâm thường bị thiêu đốt
Tợ như hòn sắt nung.
Như Lai dạy, lành thay!
Đưa đến chỗ an ổn
Họa các căn không còn
Thiết gì các cảnh giới?*

Thế Tôn dạy biết rõ tâm như thế nào?

Ngài dạy rằng tâm nương theo cảnh giới mà phát sinh và lớn dần. Tâm ấy loạn tưởng, không định giống như gió dữ. Tâm ấy không nhằm chán duyên ác nên gặp phải tai ương. Tâm ấy rong ruổi xa xôi giống như mộng tưởng. Tâm ấy tham đắm với cảnh giới giống như con khỉ. Tâm ấy chạy theo các thứ tham trước một cách tự nhiên giống như cánh con chim Khổng tước luôn theo bên mình. Tâm ấy rong chạy xa vởi, suy tư về tiền tài sự nghiệp. Tâm ấy khởi lên các triền cái mê ám cũng như ngựa hoang không dừng nghỉ. Tâm ấy khó chế ngự vì luôn chạy theo các cảnh giới. Tâm ấy giống như vị vua thường làm theo ý mình.

Do vậy nên nói kệ:

*Rất thâm diệu đệ nhất
Tâm trí không hạn lượng
Dạ-xoa, Tu-kiền-đạp
Ba đời không tự giác.
Tâm được tự tại rồi
Tự nhiên có niệm ấy
Thế gian không ánh sáng*

Như Lai chiếu pháp quang.

Đức Thế Tôn đã giảng dạy nên giác ngộ về thế gian như thế nào?

Ngài dạy rằng thế gian không phải là nơi để nương tựa vì luôn tham đắm tự thân. Tâm không nên nương tựa, tham đắm cảnh giới ở thế gian này. Trong thế gian này nghiệp ác luôn nương tựa các loại tà kiến như vậy. Những điều ấy được tạo ra một cách tự nhiên trong cõi thế gian. Người sống trong thế gian này thường rơi vào đường tà, trôi lăn trong ác đạo. Người thế gian sống trong cảnh ác như loài khỉ. Thế gian này bị ngũ âm che lấp nên tối tăm, không ánh sáng. Thế gian này mù lòa tăm tối, không thể khởi lên con mắt trí tuệ. Thế gian này bị đói khát vì luôn khát ái không biết chán. Thế gian này bị các thứ kết sử trói buộc một cách mãnh liệt. Thế gian này có ít vị ngọt, giống như loài ong hút mật hoa. Không thể nương tựa vào thế gian này vì nó sẽ bị tan hoại. Thế gian này là cuộc viễn du, người đời cỡi xe mà đi. Thế gian này bị trói buộc, phải sống trong sinh tử. Thế gian này dẫn đến các thứ khổ não, sinh, già, bệnh, chết. Thế gian này chẳng vi diệu, chắc chắn phải tan hoại. Thế gian này không được cứu giúp, bảo vệ nên bị sự thống khổ bức bách. Thế gian này chẳng phải do ta làm ra, chắc chắn phải bỏ ta ra đi. Thế gian này là một bộ máy do các bộ phận xoay chuyển, nương nhau mà tồn tại. Trong cõi thế gian này, mọi hành nghiệp đều dẫn đến ác xứ. Thế gian này như trò huyễn hóa hiện ra sắc tướng. Thế gian này không có lợi ích, mọi vật sinh ra đều tan hoại. Thế gian này dễ duôi, cấu thả, không phải là nơi để nương tựa. Thế gian này khó có cảnh giới giác ngộ.

Do vậy nên nói kệ:

*Chúng sinh bị khổ não
Nên quán đời không thật
Lấy trí tuệ cầu đạo
Cần thấy thân cận xứ.
Từ nhỏ tăng lớn dần
Niệm ái dục thân mạng*

www.daitangkinh.org

*Thân này chắc tan hoại
Nên tịch diệt là vui.*

Đức Phật dạy ở trong đời này vượt khỏi con đường lầy lội như thế nào?

Giống như hạt sen ở trong ao, mầm mộng sinh ra dần dần lớn lên trong nước, thân này cũng như vậy, khi chết theo thức vãng sinh, bị hành nghiệp hữu vi đã tạo vây quanh, nhờ gió lửa mà thành, bị tưới ướt bởi nước kiêu mạn. Sau khi chết, ở trong thân trung ấm mầm sống lại sinh ra. Giống như mầm sen sinh trưởng, cũng vậy, vì mầm sống đã sinh nên thân này chẳng đoạn diệt cũng chẳng thường trú. Giống như một người trước thấy mầm sen, cũng thế, chúng sinh bị trói buộc nên cho rằng thân này không đoạn diệt mà luôn trường tồn. Giống như mặt đất bị gió thổi, cũng vậy, thân tứ đại kiên cố nhận các khổ não và nương theo điều ấy nên tất cả chúng sinh đều cho đó là tự nhiên. Giống như loại hoa sen tự nhiên không hư hoại là do sinh ra mầm mộng vì vậy tất cả chẳng có gì là tự nhiên có. Tập hợp các ý nghĩa đó để dụ cho thân tứ đại này khi bị gió thổi thì không còn tái tạo lại được nữa, do vậy cần phải xả ly đối với tất cả pháp. Giống như các bước phát triển của sự sinh trưởng kia, cũng vậy, pháp này tương tự như hạt giống, mầm mộng của hoa sen và cũng như thế, tướng của Bạc Đại nhân thì không thể hủy hoại, những gì do chân tánh tạo ra giống như hạt sen sinh mầm mộng. Vì vậy trong vô số kiếp sống cũng không có sự sinh. Giống như mầm mộng kia khi sinh ra, không phải từ đâu mà đến, thân này cũng thế không đến không đi. Giống như khi hoa úa tàn thì không biết chỗ dừng nghỉ, thân này cũng vậy không có trụ xứ. Giống như mầm mộng kia đồng phát triển, dần dần nở hoa, thân này cũng vậy, không phân biệt cao thấp. Như mầm của hoa sen chắc chắn phải tăng trưởng dần dần, thân này cũng vậy, mầm mộng vốn đã sinh ra trong bào thai thì sẽ dần dần lớn lên. Giống như hoa sen lá xanh mơn mớn, thật đáng yêu, thân này cũng vậy các hành nghiệp đã tạo thật đáng yêu, đáng kính. Giống như khi hoa sen đã đến độ héo tàn, thân này cũng vậy, khi sắp chết, tóc, lông, móng, răng và năm căn đều sẽ rơi rụng, suy yếu; sáu tình suy hao, ý căn tán loạn, rời bỏ thân này tựa như hoa sen kia chắc

chấn phải héo úa. Giống như dưới ánh sáng mặt trời, sắc hương của hoa rất đẹp, thơm, ong chúa hết sức vui thích bay lượn xung quanh, thân này cũng vậy, khi mới sinh ra, tứ đại như ánh sáng mặt trời chiếu soi, thai thành hình có sự nhận biết cùng loại với thức, vì vậy cùng kiêu mạn đồng nương nhau, khởi sinh niệm hết sức ái kính thân này; ở trong cảnh sinh tử đối khát cho dục là vui. Người ngu si luôn có tưởng điên đảo như vậy, thân này cũng thế, trong tất cả mọi thời không thoát khỏi già chết. Giống như hoa sen khi tàn úa không còn sức sống bị gió mạnh thổi phải rơi rụng tất cả, cánh nhụy hoa đều rời rã không có nơi để duyên theo, không có ong bu quanh, cũng không còn hương sắc, không còn làm người ta yêu thích, thân này cũng thế, ở trong cõi thế mạng sống dần dần suy giảm không còn sức lực. Người nào thọ mạng dài lâu thì các bộ phận trong và ngoài đều bị suy yếu, sức thanh tráng không còn, và đều phải tiêu hoại. Giống như hoa sen cánh rụng, nhụy tàn, cành khô héo, thân này khi ấy sẽ không còn răng tóc, không còn thấy, nghe, ngửi, nếm, không còn nhanh nhẹn, cũng không còn vui thích gì nữa. Khi thân già yếu, tánh kiêu mạn đều hết sạch, cũng không còn đấm trước vị ngon, vượt qua tình ý đam mê sắc dục; da mỗi, mặt nhăn, không còn nét trai tráng. Bất cứ ai khi thân thể già yếu sẽ không còn yêu đấm các loại sắc bại hoại nữa. Loài người dù nam hay nữ đều do đấm trước nó nên bị nó làm hại. Giống như thân cây khô mục, không còn hương vị, tất cả bộ phận đều phải tan rã, thân này cũng vậy, khi mạng căn chấm dứt đều sẽ được chôn vùi trong lòng đất. Giống như hạt sen kia, sau khi đủ duyên lại sinh ra mầm mộng, thân tướng này cũng vậy, luôn luôn thọ hữu. Giống như cành hoa héo tàn kia, chúng sinh cũng như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Cho nên phải bỏ hữu
Cũng nên quán hoa ấy
Như thân trong bào thai
Cần siêng cầu tịch diệt.
Muốn cầu mầm mộng sống
Biết vui, không, vô hữu*

*Muốn được đến bỉ ngạn
Phải do tự ý cầu.*

Đức Thế Tôn dạy về biển có nghĩa là gì?

Nghĩa ấy là độ chúng sinh đến bỉ ngạn là bậc nhất, tư duy để làm tăng trưởng công đức vô lượng, thanh tịnh không tỳ vết, có đại trí tuệ, giải thoát, không có tâm oán hận. Nhờ không lia thiện căn, khéo giác quán nên được giải thoát là bậc nhất, danh tiếng đồn xa, trí tuệ trùm khắp, các loại hương thơm lan xa tựa như cội cây tươi tốt; đã tu tập đạt được thất giác ý, khéo phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã; phước trí đầy đủ, thường nhập Tam-muội, không có loạn tâm, khuyến trợ chúng sinh, làm cho họ phát tâm thiện, hay thành tựu tất cả các loại Tam-muội, là bậc Tối đệ nhất trong chúng Hữu học và Vô học, truyền bá chánh pháp chưa từng mệt mỏi, hóa độ một cách bình đẳng; nói lời chân chánh, nhu hòa, thanh tịnh không lỗi lầm, không có dâm, nộ, si, có công đức đứng đầu trong đại chúng, trải rộng lòng Từ đến tất cả chúng sinh khiến họ được an vui, tịch tĩnh; truyền dạy về các cảnh giới khiến tâm họ luôn được cung kính, được công đức vô cùng tận. Ngay từ quá khứ xa xưa, trong chín mươi một kiếp, Đức Thế Tôn dần dần thành tựu đức ấy, ngộ được tất cả nghiệp sâu xa, muốn cho tất cả chúng sinh đồng hưởng một vị ấy nên Ngài đúng thời thuyết pháp luôn phù hợp với căn tánh của họ. Ngài có đầy đủ mười lực và tất cả pháp đức quý giá, y cứ theo bốn môn vô úy để đình chỉ và trú trong bốn đại; vì tất cả muôn loài thuyết pháp không lựa chọn cao thấp, đã độ đời bằng tám pháp (*Bát chánh đạo*), không có tâm tăng giảm.

Do vậy nên nói kệ:

*Cho nên phải cầu độ
Ân cần với Đạo Sư
Biển Như Lai mệnh mông
Nên chấp tay lễ Phật.
Ngài đã đạt giải thoát
Phước đức thật vô cùng
Chúng sinh thọ khổ, vui
Nên cầu chỗ an ổn.*

Vì sao nói Như Lai là chiếc thuyền?

Đó là nói các quả báo chắc thật do Ngài đã khéo tạo. Ngài đã tích tập các hạnh lành, không vi phạm, không thoái thất cũng không hề thiếu sót, đầy đủ các hạnh, chấm dứt vĩnh viễn các điều ác. Ngài dùng cấm giới làm pháp cam lộ tối thượng để phòng hộ thân, không chấp tướng đoạn diệt hay thường trụ, đã an trú trong tịch tịnh, đã đạt được giải thoát hoàn toàn, thường yêu thích nhẫn, không khởi tâm sân hận, phân biệt năm căn, chánh kiến bình đẳng, không có dị tướng; có đầy đủ các loại Tam-muội chánh định thanh tịnh, giải thoát Không, Vô nguyện, Vô tướng; tâm luôn biết tầm quý, không còn do dự. Đối với các loại pháp hành thiền định Tam-muội như thiền tịnh về tứ đẳng (tứ Vô thượng tâm), định vô sắc, Ngài đều phân biệt không hạn lượng, quán các pháp là bất tịnh, ô nhiễm nên được Nhẫn trí tối thượng luôn hiện tiền. Đối với dâm dục, Ngài tuệ quán, thấy rõ tất cả đều là bất tịnh nên thường có niệm xa lìa. Ngài dùng tâm chánh định vững chắc như kim cương để truyền bá chánh pháp, vì muốn cứu độ chúng sinh nên dùng vô số phương tiện. Ngài dùng tâm ý giác ngộ tương ứng với trí tu hành đạo giải thoát, không có tai họa, sinh, lão, bệnh, tử nhưng vì muốn cứu độ chúng sinh nên thọ thai. Công hạnh của Ngài đầy đủ trong suốt ba đời, không có gì có thể cản trở phá hoại. Ngài không ưa thích tất cả việc thế tục, quán tất cả tướng đều khởi tâm mong được xả ly. Ngài có tâm bất động, không tăng giảm như thế nên có năng lực độ thoát tất cả chúng sinh, lấy Thập lực làm thuyền bè cứu độ chúng sinh, đưa họ thoát khỏi đê mê dài sinh tử đến bờ bên kia. Tâm Ngài luôn quán niệm cứu độ muôn loài mà không nghĩ đến thân mình. Ngài là bậc Thanh văn đệ nhất thể nhập, biết rõ ràng tất cả các pháp muội, đã tu tập nhiều pháp quán tưởng nên được cúng dường phan gấm, lọng hoa. Ngài dùng ba Tam-muội (*Không, Vô tướng, Vô nguyện tam-muội*) làm Pháp ấn, dùng chiêm-đàn lạnh xoa thân, dùng năm phép thần thông quán thấy rõ, các loại sắc hương ở khắp nơi, lấy bốn Vô sở úy làm tù và, trống, chuông, đầy đủ không thiếu sót, tuệ quán vô thường, khổ, không, vô ngã, muốn được thoát ly khỏi biển sinh tử, hàng phục làm cho tan rã

bè lũ ma quân, đạt đến Niết-bàn giải thoát. Ngài phân biệt tất cả pháp tướng, không thọ cũng không xả ly, viễn ly được thức xứ, tâm không còn niệm khổ, vui; đạt đến Niết-bàn. Ngài cỡi xe phước đức vì bốn bộ chúng làm cho họ được sự hoan hỷ tối thắng; dùng thuyền bè của thân, khẩu, ý thiện và Thập lực để chuyên chở chúng sinh đến với tất cả pháp lành, đạt được Niết-bàn.

Do vậy nên nói kệ:

*Khổ hạnh vô số kiếp
Nên tạo thuyền phước đức
Khéo đến chốn an ổn
Vì cứu hộ ba đời
Tâm Ngài luôn hoan hỷ
Thoát vượt bờ tử sinh
Tất cả việc đã xong
Diệt tận được an lạc.*

Đức Như Lai được gọi là vắng thái dương như vậy: Đó là nói Như Lai tu tập trọn vẹn thiền tứ Đăng tâm (*Từ, Bi, Hỷ, Xả*) không thiếu sót, không có ác hạnh, khéo phòng hộ bằng tất cả giới, tiếng tăm vang dội khắp nơi nên muôn loài đều kính ngưỡng và khiến họ đạt được sự an lạc tịch tịnh, tâm họ được hoan hỷ. Trong vô số trăm ngàn kiếp, Ngài đã tu tập Khổ, Tập, Tận, Đạo, ngộ được Đệ nhất nghĩa; dùng trí tuệ chiếu sáng, phá trừ màn tối ngu si, tiêu diệt khổ đau, du hóa trong chúng sinh khắp nơi làm cho họ đều thành tựu Thập lực, được tâm ý dũng mãnh vô úy. Trong ba ngàn đời Ngài đều phá ma, thương xót hộ trì cho người chưa được độ, trí không thể phá hoại.

Lúc bấy giờ, đối với hạng người đó, Thế Tôn hiện ra như ánh sáng vắng thái dương, đầy đủ hạnh vô lậu, cỡi xe Đại thừa, hóa độ bình đẳng, không sợ hãi như gió lộng thổi buồm. Do các suy niệm hóa độ của Ngài đều tương ứng với chúng sinh trong hiện tại nên khi Thế Tôn lấy tâm đẳng chí (*chánh định*) hóa độ chúng sinh đều khiến họ đạt được trọn vẹn Tam-muội (*chánh định*). Ngài luôn suy tư đến tất cả muôn loài nên chúng sinh trong ba đời đều theo hộ vệ, đều vắng theo ý giáo của Ngài, không có lòng dục, nộ, si, kiêu mạn, trừ

bỏ các kết sử; các chúng trời người đã tận trừ ngũ cái (*năm pháp ngăn che các điều thiện*) đều đem hoa đến cúng dường. Ngài giảng dạy giáo pháp làm họ sinh đức tin thánh thiện và đều khiến cho tâm họ tỏ ngộ, không có trần cấu, các kết sử không làm ngăn ngại. Đức Thế Tôn là ánh sáng của vầng dương như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Đã đầy đủ trăm trí
Toàn hảo với chúng sinh
Hiện ánh quang ba đời
Nên lay bậc ánh sáng.
Trăm kiếp vô số hạnh
Diệt ngu si tối tăm
Đã vượt qua bờ kia
Nên lễ Đấng Tuệ Nhật.*

Vì sao có hình tượng hoa sen của Như Lai?

Đó là nói về các công đức bậc nhất đã thành tựu của Ngài. Ngài do có đức tin nên đã vượt thoát khỏi ba cõi, trí tuệ bình đẳng thanh tịnh của Ngài phổ biến khắp muôn loài chúng sinh. Ngài nhờ sức mạnh tinh tấn nên được giải thoát, do tiêu diệt màn mây mù, vui trong thiền định nên được giải thoát, niệm giải thoát không có các tướng, nhờ thiền quán nên chấm dứt các thứ tai họa ô uế, cũng không khởi lên dị ý, tu tập thành tựu trọn vẹn đầy đủ đẳng kiến và biết rõ như vậy, hương giới định của Ngài tỏa ngát bốn phương, dùng ánh sáng thanh tịnh chiếu khắp muôn loại chúng sinh tựa như loài ong hút bao nhiêu loại mật đều phân biệt được; được giải thoát hoàn toàn khỏi tam hữu. Đối với tất cả chúng sinh có lòng tin tưởng, mong cầu, Ngài dùng các phương tiện để làm cho họ được an ổn, tuệ quán sâu xa không nhầm chán, tất cả căn không khuyết lậu. Ngài làm chấm dứt các tai họa dâm, nộ, si trong tâm chúng sinh, làm cho không còn bốc cháy nữa, trở thành vô cùng thanh tịnh, nhu thuận và được độ thoát.

Do vậy nên nói kệ:

Ngài sinh ra thanh tịnh

www.daitangkinh.org

*Cúng dường hoa khó sánh
 Đủ vô số công đức
 Thật vi diệu tối thượng
 Muốn được vui tịch tĩnh
 Chúng sinh được thanh tịnh
 Giác ngộ, tỏ muôn loài
 Nên gọi Thường Hữu Thanh
 Những điều tán thán Ngài
 Cùng thế gian tương ứng
 Sắc vi diệu bậc nhất
 Hương lành thật vi diệu
 Tối Thượng giữa loài người
 Được thế nhân ngợi khen
 Nay con cúi đầu lạy
 Bạc Thánh vô nhiễm trước.*

Bạc Nhất Thiết Trí có hình tượng mây như vậy: Đó là nói trong chín mươi mốt kiếp Ngài đã tu tập tư duy và dùng thần lực chế ngự các pháp bất tịnh nên lời nói ra không có sai khác, sạch hết ái dục, không còn sầu lo; ở trong Tam-muội đến được bỉ ngạn; vì tất cả chúng sinh dùng tâm đại từ bi làm cho họ đạt được đầy đủ phước đức và khiến cho họ đạt được tịch tịnh; dùng quán tâm mà quán chúng sinh. Trong ba đời đối với nhân dân và các chúng A-tu-luân, quỷ thần, Ngài đều thực hành lòng Từ, làm cho họ được thanh tịnh, mát mẻ, được vào cửa giải thoát, đến nơi rốt ráo. Ngài lại dùng ánh sáng trí tuệ tẩy rửa làm cho thanh tịnh chúng nhân, từ người nam đến người nữ đều được thiện lợi. Ngài du hành hóa độ chúng sinh nên thành tựu các hạnh nghiệp, được pháp thậm thâm, biết rõ căn tánh thiện của chúng sinh nên trồng căn lành. Với chúng sinh đói khát vị ngọt cam lộ, Ngài lo họ không được độ thoát, lấy pháp tu hành khiến chúng sinh giác ngộ tất cả hành hữu vi đều vô thường, khổ, không, tất cả pháp là vô ngã, Niết-bàn là vui đệ nhất, bình đẳng độ thoát sự khổ vui ấy, khéo phân biệt được đầy đủ ngôn ngữ. Ngài ở trong các chúng khen ngợi pháp lành, trồng gốc giải thoát; các pháp dâm, nộ, si, kiêu mạn đều lìa bỏ, dùng tâm kim cương vô úy, độ thoát tai họa

cần khổ của chúng sinh. Trong các chúng khác Ngài trao truyền chánh pháp. Đối với những người có tánh hung tợn, Bạc Nhất Thiết Trí làm cho họ thương yêu tất cả. Ngài tuệ thí cho tất cả chúng sinh mà không đả trước cho nên phải chấp tay đánh lễ Bạc ban mưa pháp cam lộ.

Do vậy nên nói kệ:

*Công đức hiện chói sáng
Mây thập lực vô song
Nên phát tâm hoan hỷ
Bạc thuyết pháp trừ khát.
Đã được Vô sở úy
Là mây Nhất thiết trí
Hàng phục chúng ngoại đạo
Cho nên uống cam lộ.*

Đức Thế Tôn nói về ngọn lửa như vậy: Đó là nói tâm hạnh mong cầu của Ngài làm cho tất cả chúng sinh đang mong cầu hỷ lạc, giải thoát, đạt được bốn tâm bình đẳng, mọi sở cầu đều được thành tựu, đầy đủ Đệ nhất nghĩa cùng tương ứng với trí, có được thần lực chánh định toàn biến, các thứ danh văn và các căn lực đều đầy đủ, có được sức Tam-muội thậm thâm, với trăm ngàn vô số loại căn, giới và trong tất cả pháp được tự tại. Bạc Tối Tôn ba đời có oai thần thập lực nên được tâm vô sở úy, là Bạc Giải Thoát Tối Thượng, là Bạc đã đạt được ánh sáng đệ nhất, không tịch đệ nhất. Do có đức như vậy nên Ngài truyền bá giáo pháp sâu xa, dạy bảo chúng sinh thực hành nhẫn nhục. Lời Ngài không có sân hận, êm dịu, không làm thương tổn ai, diệt trừ tất cả kết sử nên hàng đệ tử hữu học và vô học trong bốn bộ chúng của Ngài đã khéo tu hành. Ngài đã chỉ dạy, truyền trao chánh pháp cần khổ như thế nên công đức của Ngài thật vô lượng, thành tựu trí tuệ, hưởng đến Niết-bàn, được cúng dường, tôn trọng bậc nhất. Ngài làm tươi mát cho chúng sinh nên phải chấp tay đánh lễ ngọn lửa của Phật.

Do vậy nên nói kệ:

Hay thiêu đốt cỏ cây

www.daitangkinh.org

*Khó thể ngăn được lửa
 Lửa Phật vì điều nhất
 Cho nên cần đánh lễ.
 Lửa Phật đã trừ tận
 Không còn sinh khổ, vui
 Vì Phật có công đức
 Lưu truyền khắp thế gian.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn trụ tại khu viên quán rất thanh nhã, thành tựu cấm giới. Nơi đó không có năm triền cái, cũng không có đá, cát ô uế, cũng không có núi non nên với tất cả các pháp căn bản Ngài đều tự tại, tâm đại từ bi thanh tịnh, không có cấu uế; tâm Ngài vô cùng hỷ lạc, thẳng đến giải thoát. Ngài có công đức tư duy như thế nên thuần thực các hạnh, mọi việc làm đều có sức dũng mãnh, thành tựu căn bản thiện và đạt tâm bất động đối với pháp nhãn; có cái nhìn bình đẳng không còn nghi ngờ, tám Hiền thánh đạo đều đầy đủ nên được các sự cúng dường. Ngài đã thực hành vô số hạnh không thể kể hết, thành tựu trọn vẹn các pháp giới, định thập lực không còn nghi ngờ; đã giải thoát khỏi ám cái (*phiền não ngăn che thiện pháp*), được thanh tịnh theo thệ nguyện đã phát. Như một cội cây có cành, lá, quả tươi tốt đúng thời nở nhụy khai hoa, các pháp ấy sinh ra như trăm ngàn cội cây trong khu rừng Tam-muội đều đồng loạt đơm hoa, kết trái sinh tươi. Ngài thấy bình đẳng, không tà kiến, tự thân lạc trú trong thiền vô sắc, luôn từ bi hoan hỷ cứu độ chúng sinh. Ngài ngụ trong khu viên quán ấy phân biệt thất giác ý (thất giác chi), nội tâm an tịnh chứng đệ nhất quả Thanh văn, luôn biết tầm quý, thường niệm tuệ thí. Do Ngài mong cầu xuất ly nên có đám mây mát mẻ ấy. Ngài nỗ lực tận trừ các kết sử, dũng mãnh mong được giải thoát, công đức không thể hủy hoại; thiện pháp tập trung nơi Ngài. Ngài diệt trừ dâm, nộ, si cho chúng sinh để họ đạt được Vô sở úy như các vị A-nhã-câu-lân, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ca-chiên-diên Tử, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la, Nan-đà, Ly Việt. Trong khu vườn Thanh văn, Ngài là vua của chúng Thanh văn, công đức không ai sánh bằng; Ngài là ao tắm thanh tịnh, ban bố các pháp thiện mà ba đời đều tán thán cho tất cả chúng sinh cho nên

phải chấp tay đánh lễ.

Do vậy nên nói kệ:

*Ba đời hồng thiện pháp
 Vì chúng sinh gieo mầm
 Hoa giác ý điểm thân
 Thành tựu quả giải thoát.
 Vua của chúng Thanh văn
 Sinh công đức toàn tịnh
 Luôn mong cầu giải thoát
 Tất đạt chốn an lạc.*

Đức Thế Tôn tuệ quán Không như sau: Ý đồng một sắc trải rộng vô biên nên gọi là Không, đoạn các ái dục tất cả đều không trụ, dùng quả báo của trí, thấm nhuần tất cả, không có các kết sử, cũng không có các triền cái, lấy Tam-muội chánh thọ độ các trần cấu, thấy rõ con đường quan trọng để giải thoát sinh tử. Như trăng thanh tịnh phát ra ánh sáng lành, Ngài đã tạo vô lượng công đức, ý nghiệp luôn chuyên nhất, trọn đời tu phạm hạnh, tâm thường hoan hỷ, mắt trí tuệ thanh tịnh nên cảnh giới cũng thanh tịnh. Do Ngài đã đoạn các kết sử nên không có tâm đắm trước; vì đã đạt tâm đại từ nên không trụ tất cả pháp; vì ý phân biệt rõ nên mọi việc làm đều được thành tựu; vì được cúng dường nên không nhiễm kết sử; do y cứ vào tâm ấy nên Ngài không bị tịnh hay bất tịnh làm nhiễm ô tâm; nường tựa chúng Thanh văn nên được các loại chim vây quanh; do chỉ quán đầy đủ nên có sự vi diệu không cùng tận; do Ngài an trụ trong rừng Tam-muội được nên các tinh tú xoay quanh; do dùng chánh pháp để hàng phục ngoại đạo nên khó có thể trừ lượng. Cần quán như thế, giống như một người hoan hỷ vì hành nghiệp của mình đã thành tựu trọn vẹn, chắc chắn không còn tâm nghi ngờ, không thoái chuyển tâm giải thoát, giác ngộ.

Do vậy nên nói kệ:

*Niệm hoan hỷ ái lạc
 Vãng bất các trần cấu
 Nếu có bao nhiêu sắc*

www.daitangkinh.org

*Đều có thể phân biệt.
 Tâm bình đẳng độ sinh
 Con nay mong tán thán
 Ngài đã đến bờ kia
 Không có tâm hỷ lạc.*

Đức Thế Tôn có pháp luân như vậy: Ý Ngài an tĩnh, vắng lặng, đầy đủ căn, lực, giác ý không khuyết lậu, nên tất cả đều tự trang nghiêm. Ngài lấy các pháp tứ Thần túc tối thượng, tứ Ý đoạn (*tứ Chánh căn*) khéo trang nghiêm thân, miệng khéo thuyết giáo truyền bá, thông đạt thất giác ý, đẳng kiến nên được giải thoát; nhờ chỉ quán nên tâm không có si ái, đã đạt Tam-muội ấy nên được tâm Vô sở úy; vì rống lên tiếng rống sư tử nên không còn sợ hãi; biện tài vô ngại, được tín hoan hỷ, tinh tấn không có niệm giải đãi; đã qua mọi cảnh giới nên được trí tuệ giải thoát; dạo qua cảnh giới của ma mà không có dục ái; công đức đầy đủ, tiêu diệt các đường ác; với quả tam thừa vi diệu khéo thành tựu đệ nhất; diệt các chúng ma, tam dục⁴ vĩnh viễn chấm dứt; các sự cầu lo khổ não vĩnh viễn chấm dứt không còn, cũng không có tâm hữu ái, cũng không có ngũ cái, cũng không có tâm ô nhiễm, cái gì nương nơi thân đều xả ly hết; trừ bỏ tâm nghi ngờ, không ám độn, si mê, có giác có quán cũng không kiêu mạn; tùy thời thuyết pháp, không điên đảo, có oai lực vĩnh viễn trừ hết tà kiến, đưa đến hoan hỷ, diệt trừ kết sử, hàng phục chúng ma.

Do vậy nên nói kệ:

*Được mọi người cúng dường
 Độ muôn loài chúng sinh
 Che chở người cô thế
 Chuyển Pháp luân trước ma
 Pháp ấy thật tối thắng
 Trời người đều tán dương*

⁴. Tam dục 三欲 : 1. Hình mạo dục, 2. Tư thái dục, 3. Tế xúc dục. Lòng dục khởi lên khi nhìn thấy đam mê trước hình tướng dung mạo, tư thế thái độ của người khác hoặc khởi lên do tiếp xúc sờ, chạm vào thân người khác.

*Danh tiếng Ngài vang lừng
Bậc thuyết pháp tối thượng.*

Đức Thế Tôn nhờ loại Kim cang gì mà hàng phục được các ma?

Là do lúc bấy giờ Thế Tôn cỡi xe cấm giới, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn, có các lực nhẫn nhục, dùng đám mây lớn làm dù lọng thanh tịnh; lấy không kết sử, vô dục để phòng hộ tâm, luôn giữ cái nhìn bình đẳng; nhờ Tứ thiền mà tham ái và ngã mạn được giải thoát thanh tịnh, đẳng chí, đẳng ngữ đều được thanh tịnh; lấy trí biện tài và thần túc để trang nghiêm. Ngài tự giữ tâm ý chuyên nhất nên giải thoát hoàn toàn khỏi dâm, nộ, si; dùng giác ý, giải thoát làm ngọn đuốc sáng; đầy đủ tất cả pháp, không có tam ái; vượt thoát mọi kết sử, không sức mạnh nào có thể phá hoại; đến được biển Niết-bàn không có tai họa thế tục; dùng trí tuệ kim cang, lại dùng trí nghiệp diệt trừ các đường ác nên được giải thoát, đầy đủ Thập lực và Tứ vô sở úy. Xưa kia Ngài đã tu tập hàng phục các ma, việc làm ấy không hề tan hoại, tất cả các loại chúng hữu tình đều được độ thoát, diệt trừ các chúng ma mà không đấm trước.

Do vậy nên nói kệ:

*Ma quân đến khủng bố
Ý tinh tấn kim cang
Hàng phục bè lũ ma
Các chúng sinh có tướng
Nhờ hành Tam-muội này
Và các trần cấu khác
Kết sử đều đoạn trừ
Nên cúi lạy Mâu-ni.*

Vì sao nói Đức Thế Tôn dùng mưa pháp để tưới ướt chúng sinh?

Đó là vì Thế Tôn chuyển pháp luân bất tử, ở giữa tám bộ chúng tán thán pháp ấy, những pháp mà trong trăm kiếp Ngài đã tu hành cầu thiện hạnh. Ngài đã an trụ tâm Từ chuyển pháp thanh tịnh, kiên cố như thế; là pháp kiên cố của bậc Hiền thánh, là pháp từ trong tâm sở quán của Bậc xuất trần nên có đại oai thần, không đấm trước, lại

do lực của nhân trí nên tất cả pháp ấy đều đưa đến cửa giải thoát kiên cố. Ví như ngọc anh lạc và các loại bảo vật quý giá, bồn nguyện của Ngài đã viên thành. Ngài phương tiện trụ ở tịnh xứ vi diệu phương Đông, ngồi trang nghiêm dưới tàng cây Bối-đa⁵ hưởng về phương Đông thiền quán, chư Thiên hiện ra đầy hư không. Khi ấy Đức Phật rất vi diệu, chư Thiên ở giữa hư không vô cùng hoan hỷ, tung rải hoa xuống cúng dường, tán thán. Khi Ngài thiền quán, chúng A-tu-luân và các thần tiên nghe đức của Ngài như vậy: “Thuở xưa Đức Phật đã tạo tràng hoa sen cực đẹp dâng cúng và tán thán Phật Định Quang, Phật Tùy Diệp, nên ở trong đại chúng tâm Ngài được tự tại bậc nhất.”

Lúc đó Đức Thế Tôn Thích-ca Văn là Bạc Nhất Thiết Trí, được chúng chư Thiên hoan hỷ, tất cả đều do công đức xưa kia Đức Phật đã tạo. Như Chuyển luân thánh vương được tự tại đối với cảnh giới, Đức Thế Tôn cũng như vậy, ở trong các pháp vô lậu, Ngài đã được tự tại. Giống như Chuyển luân thánh vương ở trong cảnh giới tự tại, có thể làm chấm dứt sự đấu tranh của muôn loại chúng sinh, Đức Phật Thế Tôn cũng như thế, nếu có chúng sinh nào trong chúng Thanh văn có tâm hồ nghi đối với chánh pháp, Ngài làm cho đều đoạn trừ. Giống như vua Chuyển luân thánh vương có nhiều cửa báu có thể đem bố thí cho tất cả những người nghèo khó, Đức Phật cũng như vậy, với những chúng sinh thiếu cửa báu Hiền thánh, Ngài liền đem Thất (thánh) tài mà tuệ thí cho. Giống như Chuyển luân thánh vương dẫn dắt chúng sinh, chỉ cho họ chánh pháp, Đức Thế Tôn cũng như thế, chỉ dạy cho chúng sinh đến đạo Niết-bàn. Giống như Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở thế gian, những chúng sinh bị nhốt trong lao ngục đều được thả ra; Đức Phật Thế Tôn cũng như vậy, khi xuất hiện ở thế gian, chúng sinh ở trong lao ngục sinh tử đều được giải thoát.

Do vậy nên nói kệ:

Phật, Pháp Vương đệ nhất

⁵. Bối-đa 具多 viết đủ là Bối-đa-la 具多羅 (S: Pattra): nghĩa là cây Đa-la (Tala).

*Không ai quý hơn Ngài
Thương xót khắp chúng sinh
Phật che chở ba cõi.
Đáng thờ đáng cung kính
Độ người chưa được độ
Công đức Phật thậm thâm
Giác ngộ người si ám.*

Đức Thế Tôn có thành trì như thế nào?

Thành trì đó chính là thiền định, trí tuệ của bốn quả Hiền thánh. Ở trên nền đất giới định, tướng thiện lành, hạnh vô vi, lấy trí tuệ làm thành quách, lấy Tam-muội để đuổi quân địch, lấy cửa giải thoát làm cửa thành, lấy đẳng kiến (*cái thấy bình đẳng*) làm đường, lấy niệm làm tường vách, lấy tâm định tĩnh làm hào, lấy ngũ căn làm nhà, lấy thiền làm phòng ở, lấy tâm quý tự ngăn che và chỉ đường, lấy thần túc du hành không bị chướng ngại, lấy hoa giác ý để tự trang sức, lấy quả chân thật làm bước đi, lấy quả thứ nhất của hiền thánh để tự vui thích, rất an ổn, dạy bảo chúng sinh khiến họ đều được tế độ như Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và vô số chúng đệ tử có tâm thiện. Ngài thường du hành giáo hóa đầy đủ điều lành, khiến chúng sinh được giác ngộ. Ngài ở trong ao đó tắm rửa, lấy giới làm hương xoa thân, lấy trí tuệ biện tài làm pháp phục để trang nghiêm thân, lấy Tam tam-muội (*Không, Vô tướng, Vô nguyện*) làm món ăn, lấy pháp vị làm nước uống, đầy đủ bảy món báu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì đại chúng Hữu học và Vô học đang vây quanh, muốn cho họ đến Niết-bàn, đến chỗ vô úy, cũng không thoái chuyển, vô dục; đối với chúng sinh Ngài làm cho họ có đầy đủ pháp lực Vô sở úy, khi thọ các ẩm không đấm trước trần cấu.

Do vậy nên nói kệ:

*Các ác đã chấm dứt
Giới pháp Phật chế đặt
Khiến chúng sinh thanh tịnh
Pháp Đấng Thập Lực tuyên
Ở trong thành của Phật*

*Luôn sợ sinh, già, bệnh
Không đến được Niết-bàn
Đều do chúng sinh khổ.*



NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH

QUYỂN 3

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói về đạo tích như thế nào?

Khi đó Thế Tôn dạy về đạo tích như vậy:

Giống như con đường lớn của vua đi gọi đó là vương lộ, đối với tinh tú thì gọi là đường đi của tinh tú. Đạo tích ấy cũng thế, con đường đi đến Niết-bàn nên gọi là đạo lộ Niết-bàn. Đó là con đường chắc thật đưa đến đẳng kiến (*chánh kiến*), đẳng chí (*chánh định*), đẳng ngữ (*chánh ngữ*), đẳng mạng (*chánh mạng*), đẳng phương tiện (*phương tiện bình đẳng*) không khuyết lậu, đẳng niệm (*chánh niệm*) vô lượng, đẳng tam-muội, sắc không đối khác. Duyên theo đạo tích ấy, nếu gặp sắc, không khởi ý dâm dục cũng không có trần cấu, vĩnh viễn không khởi kết sử nữa, không ái trước với sắc, cũng không có các gai nhọn (*niệm dục*), do tâm mong cầu diệt ái nên cũng không vương bùn lầy, vì muốn trừ bỏ tà kiến nên đầy đủ đẳng kiến, vì diệt hoàn toàn các kết sử nên chúng không còn khởi lên nữa, do có quả vi diệu ấy nên hiện các thứ nghĩa, vì muốn trừ bỏ tâm vọng cầu cho nên không có các tướng, vì muốn cầu sự an lạc của con đường thoát ly sinh tử nên các quả thành tựu, vì không chấp vào con đường đưa đến giải thoát nên bình đẳng độ chúng hữu tình, vì Ngài đã trải qua con đường ấy nên đó là đạo lộ duy nhất, không có đạo lộ thứ hai, là duyên đưa tất cả chúng sinh đến được Đệ nhất nghĩa xứ. Khi đã một lần tự thệ nguyện đến với đạo thì gọi là Nhất nhập.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đã dùng đệ nhất biện luận để ngộ đạo. Do tự thân Ngài ngộ được nên con đường đó không bại hoại, nhờ đã tu tập các nghiệp tối thắng nên Ngài không có loạn tướng, đã được quả báo, được các căn lành, có năng lực giác ngộ cho chúng sinh nên Thế Tôn đã dạy về con đường đó đưa chúng sinh đến giải thoát.

Do vậy nên nói kệ:

*Hưng khởi cho muôn loài
 Bằng đạo pháp cam lộ
 Phật có công đức này
 Là Đệ nhất thế gian.
 Con nay đã tự đượ
 Đủ giới cấm trong lành.
 Thuyết pháp vì Thiên nhân
 Cho nên con đành lễ.*

Đức Thế Tôn biết nay cần phải giáo hóa Ương-quật-man. Vào thời bấy giờ Thế Tôn không cần biện luận với hạng người ác tri thức, mà họ lại tự giác đến với đạo. Chỉ còn có một người, khi anh ta đi đến đâu là máu chảy ngập đường, mọi người đều biết tiếng, chim quạ, chim Thửu các nơi đều bay theo anh ta để ăn thịt xác chết. Bước đi của Ương-quật-man nhanh như gió. Khi anh ta dõ chân lên, mọi loài cầm thú đều kinh hoàng bay chạy trốn.

Lúc ấy Ương-quật-man ở trong vườn Xà-lê nhìn ngó khắp nơi chẳng thấy ai, chỉ thấy Đức Thế Tôn có thân tướng vô cùng đẹp đẽ, trang nghiêm, tỏa ánh sáng màu vàng tía, lưng Ngài thẳng đứng, thân thể rất nhẹ nhàng, nghiêm trang, cất bước đi rất thông thả. Ương-quật-man vội dùng hết sức đuổi theo sau Đức Phật. Khi ấy Thế Tôn vẫn bước đi thông thả nhưng anh ta không thể nào đuổi kịp. Bấy giờ Thế Tôn liền biến mặt đất trở thành hầm hố gai góc. Chính do điều này nên Ương-quật-man không thể đuổi kịp Ngài. (Có thuyết nói: “Chân Ngài bước nhẹ trên mặt đất nên anh ta không thể theo kịp Đức Thế Tôn”. Cũng có thuyết nói: “Ngài hóa thân từ đại thành vô sắc nên mắt anh ta không thể thấy đượ”. Hoặ có thuyết nói: “Công đức của Phật không thể nghĩ lường, dù sức của Ương-quật-man có bằng sức của voi dữ cũng không thể địch nổi. Bởi vì oai lực của Phật không thể nghĩ bàn, giả sử có trăm ngàn con thần long có sức mạnh của thần Na-la-diên cũng không thể đến gần Đức Như Lai đượ”.)

Khi ấy Ương-quật-man khen ngợi:

–Thật là việc chưa từng có.

Rồi thưa với Đức Phật:

– Ý đó của Ngài thật là kỳ diệu.

Ngay khi ấy tâm Ương-quật-man không còn ý tưởng giận dữ, giết hại, liền suy nghĩ: “Đây là ân đức của ai? Vị ấy chắc hẳn là Bạc Thân nhân. Trong đời ác thế này ta lại gặp được điều tốt lành, thật giống như đói khát mà được ăn uống và tâm ta lại sinh ra ý niệm yêu thương. Thế nhưng ta không thể chạy theo kịp Ngài. Vị ấy chắc chắn là Bạc Thiện tri thức. Nay ta đã quá mệt mỏi nên đứng lại.”

Từ xa anh ta nói với Thế Tôn:

*Hãy vì thân của con
Bạc thế gian khó gặp
Nay con thấy đức Ngài
Xin dừng lại giây lát.*

Đức Thế Tôn bảo rằng:

– TỰ người không dừng, lại bảo Ta dừng lại.

Khi ấy Ương-quật-man thưa với Đức Phật:

*Chính Sa-môn không dừng
Tôi đứng, bảo không đứng
Sao bảo tôi không dừng
Xin Thế Tôn nói rõ.*

Bấy giờ Đức Phật bảo:

*Không làm ác là đứng
Luôn trì giới, giúp người
Như đệ tử Ca-diếp
Cho nên người không dừng.*

Do có chút ít hạnh nghiệp xưa kia nên các ý niệm ác trong tâm Ương-quật-man như tâm sát hại vĩnh viễn đoạn trừ. Anh ta liền buông kiếm, cởi bỏ các binh khí đang mang, đứng sang một bên, thưa với Đức Phật:

*Nay Ngài là Thầy con
Được gặp Bạc Thánh Sư
Con xin làm đệ tử
Quyết không phạm giới cấm.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng:

–Thiện lai Tỳ-kheo.

Rồi Ngài nói kệ:

*Giống như lòng đại dương
Cũng sinh khói lửa nóng
Ai chưa được hàng phục
Nay nên nghe Ta dạy:
Ai đã khéo hàng phục
Thanh tịnh được độ thoát
Đã là đệ tử Ta
Như vậy không thọ hữu.
Kẻ mọi người hãi kinh
Và các thần, yêu quái
Nơi ở của quỷ thần
Bậc Thắng Nhân đến đó.*

Bấy giờ quỷ A-la-bà nghe quỷ Yết-đà-phi thuật lại bài kệ trên liền bừng bừng tức giận, sắc mặt biến đổi, lửa sân hận nổi lên, mắt đỏ ngầu như đồng đỏ, hét gào như tiếng sấm vang, giận dữ vô cùng, lắc đầu, bậm môi, toàn thân rung động, hét lớn:

–Ở thế gian này, ta không thấy ai có thể đến chỗ ở của ta được.

Nhưng rồi lòng y sinh hồ nghi: “Tại sao người ấy lại đến được chỗ ta?”. Lúc đó, hai vị quỷ thần tên Bà-đa và Lê-hê-ma-phi-đà là thượng thủ trong chúng (*hai vị quỷ thiện*) liền bảo vị đại quỷ thần kia:

–Ngài chớ nên nói lời ấy. Đức Phật Thế Tôn có thể hàng phục người chưa hàng phục. Người có thể làm cho chúng sinh đạt được đạo vô thượng, khiến cho chúng sinh hữu hình được ủng hộ. Ngài làm như vậy là không phù hợp với phước điền. Nay ngài nói lời thô ác ấy là không phù hợp với Thế Tôn.

Khi ấy quỷ A-la-bà càng tức giận bừng bừng hơn nữa, hơi thở dồn dập giống như lửa nóng, trông rất hung ác, rời khỏi ma giới đến chỗ Thế Tôn. Do tâm tràn ngập giận dữ nên thân thể y trở thành đen đúa, sắc mặt thay đổi không giống lúc bình thường, há miệng nhe bốn chiếc răng, tóc vàng chấy như màu vàng ròng xõa xuống tận

đất, máu trong người ứa ra, chảy ướt đầm làm ô uế thân hình, khoác trên thân bằng các loại da sư tử, da voi, da trâu; vòng hoa lớn trên đầu y tựa như vòng lửa lớn nóng bức, tay cầm dao kiếm san bằng mặt đất, phá non, dời núi rừng, chặt cây để đi; hoặc kéo mây lớn che khuất ánh sáng mặt trời, từ hư không làm mưa sấm tuôn nước xuống, tiếng sấm vang rền khắp nơi, đến chỗ Đức Phật muốn làm hại Ngài. Các loại cây cối đều bị thiêu rụi, đen cháy. Quỷ vương tay cầm bánh xe tạo ra sấm sét liên hồi, lòng căm hận giận dữ quán sát Như Lai. Đại quỷ A-la-bà đã hiện ra các loại biến hóa như thế để mong hại Như Lai.

Bấy giờ Đức Phật nói kệ:

*Chúng sinh lòng sợ hãi
 Tâm Ta không di động
 Ta đạt pháp giải thoát
 Không còn tâm hoảng kinh.
 Ở trong lửa không sợ
 Ta cũng không sợ nước
 Kẻ tâm đầy niệm ác
 Làm sao hại được Ta?*

Khi ấy quỷ A-la-bà nghe bài kệ của Thế Tôn nói xong liền tự suy nghĩ, biết rằng không thể đến gần nơi của Bạc Vô Úy để phá hoại, nên tuôn xuống một trận mưa đá lên Như Lai, nhưng tất cả hạt mưa đá không rơi xuống đất mà mỗi hạt mưa đều tản ra chỗ khác, hoặc có hạt mưa nào rơi trên thân Như Lai đều hóa thành những bông hoa Mạn-đà-la.

Lúc bấy giờ đại quỷ vương được thấy năng lực của Như Lai liền khen là chưa từng có, khởi tâm hoan hỷ, đến chỗ Đức Phật bảo:

–Sa-môn mau ra ngoài.

Đức Thế Tôn liền đi ra. Khi ấy vị đại quỷ ấy muốn thử Thế Tôn, nên lại nói:

–Sa-môn hãy vào lại.

Nhưng Thế Tôn vẫn không có tâm oán hận, liền trở vào trong. Ngài ra vào như vậy đến ba lần, như trong Khế kinh đã rộng nói.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Chư Phạm thiên, Đế Thích
Không động sợi lông Ta
Huống chi sức của người
Làm sao hại Ta được?
Nay người bỏ sân hận
Có điều nghi cứ hỏi
Có điều do dự gì
Ta sẽ tuần tự giảng.*

Lúc đó đại quý kia liền hỏi:

–Con người vì sao là tối thượng...? Như trong Khế kinh đã rộng nói.

Thế Tôn liền giảng dạy. Ngay trong thời pháp, quý vương ở chỗ Đức Phật phát tâm hoan hỷ, nói kệ:

*Chưa từng thấy có người
Như vị Sa-môn ấy
Ai bỏ được đại hải
Lấy vũng nước chân trâu
Ngài đã vì thân con
Mà nói pháp chân thật
Ai không uống vị này
Sẽ bỏ qua diệu pháp.
Ngài như vị lực sĩ
Thấy người bị đắm chìm
Cứu kẻ đó thoát nạn
Đưa đến bờ vô vi.
Sắc đẹp không ai bằng
Được người trí tôn ngưỡng
Chính do có nghĩa này
Nên nói ra pháp ấy.
Con nay quy y Phật
Tam bảo là tối tôn
Vì vậy người nguyện cầu
Tất cả được tế độ.*

Nghe như vậy, đại thần Ngũ Địa ở thành La-duyệt thuộc nước Ma-kiệt, là người có thể lực lớn, hay cứu giúp người dân, có tài sản sung túc, đất đai phì nhiêu. Tất cả bậc hiền nhân trong nước không ai bằng ông; ăn toàn các thức ăn thượng vị, ba việc (*ăn, mặc, ngủ*) đầy đủ, cũng không có các phiền não, tựa như khu vườn Hoan hỷ của trời Đế Thích, là bậc nhất trong các cõi trời.

Lúc bấy giờ Đức Phật Thế Tôn là Bạc Tối thắng, không ai sánh bằng. Khi ấy Điều-đạt luôn ôm lòng sân hận đối với Thế Tôn, không ngớt làm các việc phi pháp. Do sân hận, Điều-đạt leo lên núi Kỳ-xà-quật, nơi có nhiều viên quán, cây cối rậm rạp, suối khe trong mát, tay cầm đá dự tính ném vào Đức Phật. Khi Như Lai đi tới, ông liền ném đá. Lúc đó viên đá kia không hiểu vì sao bỗng nhiên có năng lực tự kiềm chế từ từ rơi xuống đất. Do Điều-đạt làm việc phi nghĩa nên tất cả chúng quỷ thần đã giữ viên đá lại không muốn cho nó rơi xuống đất. Quỷ Kim-tỳ-la, đang ở trong núi Kỳ-xà-quật cũng dùng sức của mình giữ viên đá lại. Thấy viên đá sắp rơi xuống, vị quỷ ấy thầm nghĩ: “Đây chính là nghiệp ác. Tuy nhiên chúng Dạ-xoa của ta phải lấy thân mình để hứng lấy viên đá kia để Đức Thế Tôn được hoàn toàn an lạc. Vậy ta nên làm việc ấy”, liền nói bài kệ:

*Tâm thanh tịnh không uế
Nên khởi theo việc nghĩa
Nay ta thà mất mạng
Không để hại Thế Tôn.*

Bấy giờ Điều-đạt liền dùng đá ném Đức Thế Tôn. Vị quỷ ấy ở trên núi dùng tay đỡ lấy viên đá, có một mảnh rơi xuống trúng Như Lai làm cho ngón chân Ngài chảy máu. Do việc làm ấy nên Điều-đạt chịu vô lượng tội, thọ lấy quả báo phải rơi vào địa ngục.

Ngày khi viên đá rơi xuống đất, các vị trời ở cõi Tam thập tam thiên rải hoa cúng dường Đức Phật với tâm niệm không, giải thoát. Lúc bấy giờ hoa tung xuống đầy khắp hư không. Đức Phật trụ ở giảng đường Thọ hóa, dưới cội Trú đạt thọ ở cõi trời thứ Ba mươi ba, phát ra một luồng ánh sáng chiếu khắp nơi; ánh sáng ấy không có lòng kiêu mạn, thương yêu tất cả chúng sinh.

Khi Phạm chí Phả-la-đọa dùng năm trăm việc để chửi mắng hay khi Tôn giả Xá-lợi-phất và chúng Tỳ-kheo khất sĩ tán thán, lúc ấy Như Lai dù bị hủy nhục vẫn không vì việc đó mà buồn, hoặc được khen ngợi vẫn không lấy đó làm vui. Khi đó Ngài nói kệ:

*Chịu khổ, tâm không dòi
Như An minh bất động
Định ý, thật vững vàng
Cho nên lễ bặc Thánh.
Phật vì các chúng sinh
Tạo công đức vô lượng
Như cha hiền yêu con
Có ai không lễ bái.*

Từng nghe như vậy: Đức Thế Tôn ở tại nước Ma-kiệt. Bấy giờ Thế Tôn đầy đủ vô lượng công đức, đến giờ đắp y ôm bát cùng đại chúng có các căn vây quanh, nội tĩnh nhất tâm, không chút nào loạn, bước đi vững vàng, thong thả hướng dẫn vô số các vị Tỳ-kheo, sắp đi vào thành. Ngay lúc bấy giờ đức vua nước Ma-kiệt có một con voi tên Đàn-na-ba-la, thân hình rất đẹp, trên đầu nổi lên ba ngón thịt, tiếng rống trong trẻo, vang dội, ý dục hoành hành, khó ai có thể chế ngự được. Mỗi khi nghe tiếng lạ hay tự quay đầu nhìn thấy bóng của chính mình, nó đều sinh giận dữ, điên cuồng. Không ai có thể quản thúc nên nó càng hoành hành theo ý thích. Khi chiến đấu nó không mất sức, cũng không hề yếu đi chút nào.

Bấy giờ Thế Tôn liền đi vào thành. Trong thành ấy có đầy đủ lầu gác, tường hào để ngăn chặn quân địch. Đông đảo nhân dân trong thành có người buồn lo, hoặc có người vui mừng đều sợ Như Lai bị hại, nên muốn chạy đến gần Đức Phật. Khi ấy Đề-bà-đạt-đa cho con voi uống rượu say rồi thả ra. Sau khi thả voi ra, Đề-đạt-liên nói kệ:

*Tự xưng có sức thần
Và thân có mười lực
Hôm nay đã đúng thời
Bị tiêu diệt ở đây.*

Bấy giờ Thế Tôn không hề sợ hãi, liền nói kệ:

*Có ngàn Y-la-bát (Long vương)
Cũng không thắng được Ta
Hướng chi trùng nhỏ này
Muốn hại Bạc Cao Tột.*

Ngay khi ấy tâm Ngài không loạn tưởng liền nói tiếp bài kệ:

*Sức mạnh của vô dục
Chúng sinh có dục tâm
Ta đã trừ dục báo
Tâm không hề loạn tưởng.*

Lại nói tiếp bài kệ:

*Nay chỉ Ta phá hoại
Voi lớn rất kiên cố
Nay Ta hàng phục nó
Bạc Vô Thượng ngàn đời.*

Lúc ấy con voi Đàn-đà-ba-la nhìn kỹ thấy sắc thân Như Lai bỗng trở thành màu đen, lại thấy Ngài thành một con voi có cánh, có đuôi, thân hình to lớn đồ sộ, nên chạy đuổi theo Đức Phật. Bấy giờ các Tỳ-kheo nhờ thần lực và theo lời dạy của Như Lai nên tránh con voi ác liền chạy ra xa chỗ Đức Phật. Chỉ có Tôn giả A-nan là còn đứng sau Như Lai, vì Tôn giả trong vô số đời luôn theo cạnh Đức Phật nên hôm nay tuy không tự nhớ việc tiền thân nhưng vẫn không xa rời Ngài.

Khi đó voi Đàn-na-ba-la bị lửa sân hận thiêu đốt dữ dội thân tâm nên muốn hại Đức Phật. Như trong Khế kinh đã rộng nói, lúc ấy lửa sân hận trong tâm nó từ từ lắng xuống. Đức Phật dùng bàn tay có tướng bánh xe hết sức vi diệu, tối thượng đặt lên đầu voi với lòng Từ bi, không có tâm sân hận. Con voi nghe Thế Tôn dạy liền rơi nước mắt, gục đầu, mặt trên chân Như Lai, lấy lưỡi liếm chân Ngài, không di động. Tâm nó lúc ấy rất run sợ, toàn thân bỗng nhiên không còn chút sức lực nào. Một lúc sau Thế Tôn dùng lời Bạc Thánh nói kệ:

*Tâm không dục, kiêu mạn
Thế Tôn không trần cấu
Khi phát tâm Từ bi
Chắc chắn sinh Thiên xứ.*

Bấy giờ Thế Tôn dùng thanh âm ấy làm cho con voi càng hoan hỷ, sắc mặt vui tươi. Nó liền cúi đầu dùng trán và vòi chạm vào chân Như Lai rồi quay về. Đông đảo nhân dân thấy việc ấy cho là việc chưa từng có. Do voi đã được hàng phục khiến lòng họ rất vui mừng không còn tâm sợ hãi, đều vui vẻ, phát tâm kính tín Đức Phật. Khi đó Thế Tôn liền nói kệ:

*Tâm như núi bất động
Càng phải thắng giặc hờn
Lấy đó thắng kẻ thù
Như rồng Y-la-bát,
Có công đức như vậy
Sức lực không ai bằng
Bậc Hùng Sư giữa đời
Tất cả nên cúi lạy.
Như thế khắp muôn loài
Sẽ không có si tâm
Ba cõi phục danh Phật
Giác ý không ai bằng.
Chúng sinh được như thế
Cũng không còn họa thân
Tâm ý đã toàn tịch
Đức kiên cố vang xa
Trí sáng như ngọc châu
Tâm tịnh không đắm trước
Đây đủ cả mười lực
Cho nên phải đánh lễ.*

Lúc bấy giờ, quốc vương xứ Ma-kiệt tâm ý tịch tịnh, mọi việc làm đều đã thành tựu tự tự như vầng nguyệt trên không, không vướng bụi trần. Vua có bảy món báu đều là châu ngọc quý giá, không có trần cấu, sáng ngời như vật báu của Long vương Y-la-bát. Vua đi đâu

đều có mây bay theo sau, có các loại ngọc anh lạc để trang nghiêm thân. Những ai đã nghe danh vua tướng như con voi thần ấy du hành, luôn kính trọng tôn quý cũng không hồ nghi. Bốn loại binh chủng theo hộ vệ và nhân dân cũng tự vây quanh nhà vua. Đức vua ở trên lưng con voi ấy đốt lửa, voi liền lấy vòi quấn giữ lấy đuốc.

Bấy giờ Thế Tôn đang ngự trong thành La-duyệt-kỳ. Đức vua muốn được diện kiến Đức Phật nên liền đi đến chỗ Ngài. Từ xa Thế Tôn cũng đã thấy nhà vua đang thống lĩnh vô số quan lính và nhân dân vây quanh đi đến. Lúc ấy vua suy nghĩ: “Ta từ xa đến đây cần phải tự giữ mình”. Nghĩ thế rồi, vua liền truyền triệu Kỳ-bà đến bảo:

–Người không hại ta chứ?

Bấy giờ nhà vua trong khoảnh khắc đi đến nơi, nhìn thấy nhan sắc vô cùng rạng rỡ, tươi đẹp, khác hẳn mọi người của Đức Phật như hoa trái tươi tốt, cũng không dính bụi bặm, tam nghiệp thanh tịnh cụ túc giống như ong chúa. Khi ấy ở trong tinh xá, các Tỳ-kheo Tăng im lặng trước sau vây quanh Đức Phật không một tiếng động. Nhà vua muốn từ xa ngắm Đức Phật; sau khi ngắm rất kỹ, vua quay lại phía Kỳ-bà bảo:

–Vật ở ngay giữa đỉnh đầu Ngài gọi là gì?

Lúc đó Kỳ-bà tâu với vua:

–Đó gọi là nhục kế.

Nhà vua lại hỏi:

–Nhục kế ấy tự nhiên có hay chẳng phải tự nhiên mà có?

Kỳ-bà tâu vua:

–Tướng ấy là do thành quả công hạnh của Đức Phật đã gieo, chứ không phải ngày nay mới tạo ra.

Vua lại hỏi:

–Lại do quả báo gì mà Ngài thành Bồ-tát? Có phải là Ngài đã chọn chỗ sinh, thọ thai, tu hành, thành thân Phật đều do công hạnh quá khứ... như trong Khế kinh đã rộng nói.

Lúc đó vua liền nói bài tụng:

Tợ như mặt trời sáng

*Dẫu có bao tướng đẹp
 Không gì hơn nhục kế
 Huống chi các tướng khác.
 Nhan sắc Ngài hòa duyệt
 Bạc Nặng Nhân vô úy
 Đã phóng ánh sáng này
 Chiếu khắp mười phương cõi.*

Nói xong, nhà vua liền đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật bảo Kỳ-bà:

–Tại sao nhà vua lại nói lời ấy?

Kỳ-bà tâu với vua:

–Ở đây nếu đại vương có thể điều phục được tánh kiêu mạn thì đại vương sẽ được sinh vào chỗ giàu sang. Người có tánh kiêu mạn phải sinh đến chỗ ty tiện.

Khi ấy nhà vua tự định tĩnh, suy tư lời ấy, rồi cất tiếng nói:

–Đây là ruộng phước, ta nên thực hành theo nghiệp này chăng? Nhưng ta là bậc tôn quý, sao lại phải hưởng đến vị ấy lẽ bái? Vị ấy không có phục sức, còn ta thì mặc áo vua, đội mũ trời. Tuy nhiên thân vị ấy rất trang nghiêm, tâm vị ấy đã định tĩnh, các tướng đầy đủ, không có xấu xa thô lậu. Tướng của vị ấy rất vi diệu giống như ngọn núi không thể chuyển dời.

Nói xong, nhà vua sinh tâm hoan hỷ, toàn thân rung động đi vào cửa tinh xá. Do khởi lên tâm giải thoát nên mọi dục niệm của vua đều không còn, vua cúi đầu mặt sát đất lạy dưới chân Thế Tôn, thưa:

–Giống như Thế Tôn đã thành tựu tất cả, thân tâm đoan chánh, đẹp đẽ, cúi mong Đức Phật và chư Tỳ-kheo Tăng hãy khiến cho thái tử Ưu-đà-da-ba-đà-la của con cũng được như vậy.

Sau đó nhà vua liền thưa hỏi pháp nghĩa. Đức Phật giảng dạy, vua nghe xong hoan hỷ, và nói bài kệ:

*Như biển không bờ ngăn
 Gió thổi nên nước động
 Bạc Thánh Tôn bất động
 Ngài là Đấng Thượng Nhân.*

*Đế Thích, chúng Phạm thiên
Tất cả đến đánh lễ
Con nay xin tôn kính
Tự quy y Thế Tôn.*

Bấy giờ Phạm chí Xà-đề-tô-ni giống như hoa trắng tinh muồn cỡi xe ngựa cùng các đệ tử vây quanh, rời nước Xá-vệ, đến thi tài với Đức Phật nên mới đến chỗ để xe, đánh xe ngựa ra đi. Đến chỗ Đức Phật, ông liền xuống xe, đi bộ vào trong vườn, ngồi xuống một bên cùng Đức Như Lai thông thả đàm luận nghĩa lý.

Lúc đó Phạm chí thấy trong chỗ ở của Thế Tôn không có vật gì và thấy sắc diện của Như Lai hết sức vi diệu không ai sánh bằng, cũng không có nét khiếm nhược, có tướng của Chuyển luân thánh vương. Phạm chí đưa mắt ngắm thân tướng của Đức Phật, suy tư, biết rõ như thế. Vị ấy biết rõ pháp của Thế Tôn thậm thâm vi diệu, phạm hạnh của Ngài cũng cao tột, có đại công đức như thế nên được người trí khen ngợi. Đức Phật nói:

–Ái dục không bền chắc, là không, là hư vọng.

Vị Phạm chí liền hỏi:

–Vì sao Thế Tôn biết được, là do tu tập phạm hạnh mà biết hay chẳng phải tu tập phạm hạnh mà biết và có các căn vững vàng, trí tuệ không thể lường được như vậy?

Bấy giờ Thế Tôn bảo:

–Nếu Ta nói tất cả lời thì lời ấy cũng không có khuyết lậu, chẳng phải không có sức mạnh và không có các hành bởi Ta đã tu phạm hạnh rất thanh tịnh, không tỳ vết. Nếu có người lập lại lời Ta nói thì phải hỏi lại rằng: “Như trong Khế kinh đã rộng nói, nghĩa ấy như thế nào?”

Phạm chí Xà-đề-thư-ni lại hỏi Thế Tôn:

–Sao gọi là khuyết? Sao gọi là lậu? Sao gọi là hành? Sao gọi là chẳng phải không có sức mạnh? Sao gọi là các hạnh rất thanh tịnh, có phạm hạnh ấy không ai sánh bằng?

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo:

–Này Bà-la-môn, khi đó ông nên suy tư như vậy, tâm luôn

mong cầu xúc ái, thọ lạc, nếu có phạm hạnh thì khi mất quán sắc sẽ tự giác ngộ hiểu rõ khổ, lạc. Như thế là phạm hạnh, người sơ học nên cầu phạm hạnh như vậy. Nếu khởi lên ý tưởng đắm trước thì gọi là khuyết. Chấp vào các điều ấy gọi là lậu. Ý giác tri gọi là có sức mạnh. Tâm thanh tịnh, dong ruổi trong ái dục nên khởi lên ý bất tịnh, gọi là cấu uế của phạm hạnh. Cho nên phạm hạnh được *nói rộng như trong Khế kinh*. Đây Bà-la-môn, theo chỗ quán niệm của Ta, thân này là tấm da bao phủ mọi thứ bất tịnh bên trong, ý tưởng đi tìm chọn lựa, yêu thích hình sắc đáng yêu trong thân của Ta đã chấm dứt. Ta lại dùng mắt để quán sắc hay sao? Hơn nữa, đây Bà-la-môn, Ta xem xúc (cánh lạc) cũng không có hành, há lại có lạc xúc tức là tâm nhiễm dục mê đắm lạc xúc, thọ lãnh sự trơn mịn ấy sao? Đây Bà-la-môn, Ta quán tất cả pháp đều là vô thường, há lại sinh ý nhiễm đắm theo tham dục vô độ sao? Đây Bà-la-môn, Ta cũng không quán các pháp ấy là nam hay nữ, Ta đều phân biệt rõ, làm sao phải khởi lên dục tưởng với người nữ rồi chạy theo mê đắm họ. Lại nữa, đây Bà-la-môn, nếu tâm không có dục tưởng với người nam, lại không tương ứng với tướng của người nữ, luôn chánh trực mà khởi lên dục tưởng được sao? Đây Bà-la-môn, cũng như tâm đã vượt khỏi mọi hữu hạn, được giải thoát sinh tử, an lạc, sao phải nhớ lại những việc đã tạo từ trước?

Sau đó, đây Bà-la-môn, nếu có chúng sinh có tâm bất chánh muốn diệt trừ phiền não khổ đau nên xuất gia học đạo, dùng tâm ấy thệ nguyện tu phạm hạnh thì do có bẫy việc nên không tương ứng với phạm hạnh không khuyết lậu, cũng không có các hành... *nói rộng như trong Khế kinh*. Lại nữa, đây Bà-la-môn, chúng sinh luôn có tâm loạn tưởng, mê đắm không lìa ái dục. Các chúng sinh ấy cần phải quán như thế nào? Nếu họ có các niệm tưởng thanh tịnh, luôn thấy rõ thân này là chỗ chứa đầy vật hôi thối thì dục tâm liền hết. Đây Bà-la-môn, giống như có người lấy nước hòa với sữa thì người ấy biết rõ trong nước có sữa, tâm nhiễm đắm, hòa theo ái dục cũng như thế. Lúc đó cần quán sát để thấy rõ thân này do gân cốt nối liền, bên trong chứa đầy vật hôi thối, vậy có gì để tham luyến. Đây Bà-la-môn, cũng như muốn cho trẻ con uống thuốc, trước tiên cho nó uống

vị ngọt rồi sau mới cho uống thuốc đắng. Tâm này cũng vậy, vì nhiễm đắm ái dục nên khởi ra dục tưởng, chịu đựng vô số trăm ngàn loại khổ do dục đưa đến. Giống như trâu con mới chết, trâu mẹ thấy bộ da của con nên vú có nhiều sữa (*khi trâu con mới sinh bị chết, người ta lấy bộ da độn cỏ theo hình của trâu con để trước trâu mẹ, trâu mẹ nghĩ rằng con đang sống nên bầu sữa không cạn*), tâm ái dục cũng như thế. Đã trải qua các cảnh giới sinh tử vậy mà khi quán sát tướng mạo lại ngay lập tức khởi lên ý nhiễm trước. Nay Bà-la-môn, giống như người đói khát mộng thấy được đồ ăn ngon ngọt, khi ăn xong liền vui mừng nhảy nhót, nhưng người đó vẫn hoàn đói khát. Tâm ái dục cũng vậy, những kẻ ngu si tham đắm dục lạc cũng như người nằm mộng ấy không khác. Tâm họ hòa hợp với ái dục nên họ không thể nào hưởng theo thiện hạnh, hoặc khởi dục tưởng với người nam, người nữ, hoặc có các dị tưởng khác.

Bấy giờ liền nói bài kệ này:

*Đó chẳng phải chân pháp
Sao lại tham dục, sân
Phạm chí nên khéo quán
Gốc khổ khó nhổ sạch.
Thân cận đạo giải thoát
Nên đoạn ý ái dục
Tu tập tám Thánh đạo
Mới đến được thiện xứ.*

Lúc bấy giờ có năm người từ xa trông thấy Như Lai, liền bảo nhau:

– Vị ấy đang đi tới đây. Trước đây vị ấy tu tập khổ hạnh nhưng nay không còn tu tập nữa. Vị ấy có kiến văn quảng bác nhưng không có tâm kham nhẫn với các việc khó và các giới cấm, tâm ý phóng túng, uống ăn tùy thích; đã tinh cần tu tập khổ hạnh nhưng do tâm mê hoặc nên chưa thể thành đạo... *nói rộng như trong Khế kinh.*

Khi ấy Thế Tôn suy nghĩ: “Những người ngu si mê hoặc này thật đáng thương, suy nghĩ thật nông cạn. Do thế không có tâm cung

kính đối với Như Lai”. Sau khi Thế Tôn đi đến chỗ họ, Ngài ngồi xuống tại một chỗ sạch sẽ. Do nhân duyên gì mà Ngài đến? Là vì Ngài muốn điều trị căn bệnh của họ. Khi ấy Thế Tôn bảo với năm vị ấy:

– Vì sao các người nói lời ấy?

Sau đó Ngài cùng họ đi khát thực và giảng nói pháp thậm thâm cho họ. Lúc ấy cả năm người không ai hiểu được lời Ngài dạy vì pháp ấy rất khó có thể nhận thức, hiểu rõ được.

Lúc ấy họ thưa với Thế Tôn:

– Ngài vốn sáu năm tinh cần, khổ nhọc học đạo, mỗi ngày ăn một hạt mè hay một hạt lúa mà còn không đắc đạo. Huống chi ngày nay Ngài ăn uống tùy thích các thứ ngon ngọt, mặc y phục quý giá, tự phóng tâm theo dục để nuôi dưỡng tấm thân mà còn tự tiện nói là đã đắc đạo sao?

Thế Tôn liền bảo:

– Nay các Tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Các ông hãy quán sát xem sắc diện của Như Lai có biến đổi không? Các căn và tâm của Ta đều vắng lặng, dung mạo đoan chánh. Sắc diện của Ta hiện nay như vậy so với trước kia chẳng lẽ không khác nhau sao, không thù thắng hơn trước sao?

Các vị ấy đáp:

– Dung mạo của Ngài như hiện nay thật đoan chánh không ai sánh bằng.

Đức Thế Tôn bảo:

– Nếu xưa kia Ta không đạt được pháp cam lộ ấy thì có ai trong Tam thiên thế giới này có thể đạt được pháp cam lộ. Ta cũng từng nghe các vị trời, A-tu-luân ở trong biển lớn, tận đáy núi Tu-di mà được pháp cam lộ. Sự giác ngộ của Ta cũng vậy, Ta ở trong ba ngàn thế giới này, dùng tâm dũng mãnh mà đắc pháp trí cam lộ. Sự giác ngộ ấy là tối diệu, tối thắng, là việc hy hữu ở thế gian. Trong trăm ngàn kiếp, Ta đã tu tập các công hạnh, tâm định tĩnh vi diệu nhất, xa lìa danh sắc, giải thoát tự tại, thể đạt pháp vị cam lộ thậm thâm. Ta đã vì chúng sinh mà nói pháp ấy, vô cùng siêng năng, khổ nhọc chưa từng sinh tâm mệt mỏi. Vì tất cả kết sử nên Ta không khởi trần lao,

vì muốn khai mở tâm trí nên Ta ở trong thai mẹ, vì sự sinh tử ấy nên tu tập tìm ra tận cội nguồn sinh tử, vì không diệt nên không thể tận, vì hữu thường nên pháp ấy là vô lượng, vì không buồn lo, sầu muộn nên luôn an lạc, vì muốn diệt trừ các kết sử nên không tạo nghiệp mới. Chư Phật đều khen ngợi các công đức đã thành tựu của Ta. Nhưng Ta đã tinh cần tu tập khổ hạnh là vì tất cả muôn loài chúng sinh, nên nay Ta thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn từ thân tỏa ra vầng sáng rộng bảy thước, dung sắc như núi An minh, được ba đời tôn trọng; Bạc Nhất Thiết Trí đã thuyết pháp không chướng ngại. “Này các Tỳ-kheo; như thế chính là gốc của khổ, như thế là thành tựu quả Vô thượng Chánh giác...” *như trong Khế kinh đã rộng nói*. Lúc ấy trời người đều tán thán Thế Tôn, ánh quang minh chiếu sáng vô cùng tận. Khi ấy ánh dương quang bị che khuất do chư Thiên xuất hiện. Các vị ấy hoặc thân mặc y phục vi diệu, hoặc vận thiên y khi đến chỗ Đức Thế Tôn, đều cỡi các loại mào trời với nhiều sắc màu khác nhau xuống, hoặc cỡi các chuỗi ngọc Anh lạc bỏ xuống đất; tất cả đều đang khát ngưỡng pháp vị cam lộ của Đức Phật. Lúc đó họ liền nói kệ:

*Thế Tôn, Bạc Vô Sinh
Lợi ích chúng trời, người
Nên uống vị cam lộ
Quyết không còn đói khát.
Hôm nay Đấng Thập lực
Khi sinh đời ngợi khen
Uống pháp vị thâm diệu
Đã được giải thoát giới.*

Bấy giờ Thế Tôn dạy:

–Các vị phải thực tập quán sát chân lý về khổ như sau: Sự khổ đau khi mới thọ thai là từ đâu sinh ra? Là vì khi đó chúng sinh mãi ở trong chỗ u tối không thấy được ánh sáng cho nên nói sinh là rất khổ. Khi quán nỗi khổ đau của tướng sinh này là sự đau khổ triền miên, khó thể nào kham nhẫn nổi, luôn là khổ nghiệp nên cần nỗ lực tu tập thoát khỏi nó. Lại có nỗi khổ do lòng mong cầu, ý không nhàm chán

và biết đủ; tâm luôn mong cầu mà không được nên sinh ra khổ, hy vọng mà không thành nên khổ. Tâm suy nghĩ nhiều phương cách, mong muốn giữ gìn tất cả những gì mình yêu thích không bị mất, đến khi chúng lần lượt mất đi thì sinh ra đau khổ, tâm tràn đầy phiền não. Ta đã giải thoát nỗi khổ ấy. Lại có khổ nạn do tranh đấu với người trong, kẻ ngoài. Khi thân quyến, họ hàng bị chết, tài sản bị mất, tâm tiếc nhớ không nguôi cho nên gọi là khổ. Tâm không lìa ái dục, bị các kết sử sai khiến cho nên sinh ra khổ. Dục là khổ bậc nhất. Do tâm chưa diệt trừ dục nên sinh ra sân hận là khổ. Do không diệt trừ ác nghiệp nên ngu si là khổ bậc nhất. Vì không có ánh sáng trí tuệ chiếu soi nên sinh tâm kiêu mạn là khổ. Do ý cuồng phóng nên sinh niệm tự cao tự đại là khổ. Vì không có ý kính trên nhường dưới nên kết bạn luôn bị khổ, vì tâm tham luyến, cố chấp nên ái là rất khổ. Đắm trước vị ngọt của dục không dứt nên bị tham lam, tật đố làm khổ. Vì tâm không khai mở, không giữ giới nên khổ. Do tâm luôn thay đổi hối hận cho nên sợ kiến là khổ. Vì không ngộ chân lý nên tâm tư buộc ràng, tham luyến sắc tự thân là khổ. Vì tâm không có chỗ nương tựa nên khổ. Vì tâm cầu quả báo nên khổ. Các loài thảo mộc và tứ đại tạo thành thân này, chúng cùng nhau trói buộc, sinh ra các nhân duyên, sự khổ của tứ đại bên trong thân này thật vô cùng quái dị; do các ấm tự nhiên níu kéo nên sinh ra khổ. Các ấm là khổ; chúng sinh do không lìa các sở y (năm ấm) nên thân này là khổ; chạy theo sắc bên ngoài nên bị nó hành hạ, khổ đau. Do thân này bị thiêu đốt nên bị lạc thống (thọ) làm khổ, do khổ mà sinh. Do duyên theo cảnh giới nên sinh chấp tướng không khổ không lạc nên khổ. Tưởng là khổ bậc nhất. Do chúng sinh có hành nên thức là rất khổ. Thân này duyên vào năm ấm mà sinh. Đến khi già thì các căn suy yếu nên bệnh là rất khổ. Bốn đại không hòa hợp nên chết là rất khổ, lại phải thọ lãnh thân hình khác. Gặp điều mà mình oán ghét là khổ. Tâm muốn gần gũi với nhau hay mong muốn điều gì mà không được thì vô cùng đau khổ.

Nói tóm lại thân ngũ ấm là khổ vì phải chịu gánh nặng, bị đọa vào ác xứ. Cõi địa ngục là khổ vì bị thiêu đốt thân hình; cõi súc sinh là khổ do các loài ăn nuốt lẫn nhau; cõi ngạ quỷ là khổ, vì bị đói

khát bức bách thân thể; thân người là khổ vì có đủ các loại việc làm phi pháp; cõi trời là khổ vì khi hết phước chắc chắn phải bị đọa lạc, tùy theo cảnh giới mà đọa vào ba đường ác. Dục giới là khổ vì bị ái dục trói buộc; Sắc giới, Vô sắc giới cũng như vô hữu trí, tất cả đều là khổ. Như vậy là ba nỗi khổ bức bách chúng sinh đều nhiếp trì trong đó.

Bấy giờ do thân hành, ý hành, hoặc chỉ do tâm hành mà tạo khổ. Những gì do hành tạo ra đều là khổ. Các sự khổ đau như thế không bao giờ dừng nghỉ, nối tiếp duyên với nhau sinh khởi không cùng tận. Các vị cần biết rõ sắc thân như thế là do ngu si tạo ra. Bạc Tu-đà-hoàn đã dùng trí tuệ hiểu rõ ràng nguồn gốc sinh tử. Bạc Tư-đà-hàm chỉ còn một ít như mảy lông ý niệm sinh tử, khổ đau. Bạc A-na-hàm thì trừ hết. Đến quả vị A-la-hán thì chấm dứt hoàn toàn đau khổ, dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp thế gian.

Lúc đó Đức Thế Tôn, Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác vì che chở cho tất cả muôn loài chúng sinh liền nói kệ:

*Vô số trăm loại hạnh
Thường tạo nghiệp khổ não
Vì ôm giữ sắc thân
Nay cần phải tuệ quán
Sắc thân vốn vô thường
Hiểu nó vốn là không
Tự nhiên an lập pháp
Cần luôn tự giác tri.*

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại giảng:

– Vì sao lại sinh ra sự khổ ấy?

Đó là do cảnh giới của tự tướng (các căn đều duyên theo cảnh giới riêng biệt), cả năm căn đều có đủ đặc tính ấy. Nếu cảnh giới tự tướng (thức xứ) của vị ấy tương ứng với trí hồi chuyển (trí giác ngộ ly trần) thì sẽ được thuần tịnh. Kẻ ngu si không hiểu rõ, không tương ứng với trí tuệ gặp người lợi căn lại cho là mù lòa tăm tối. Đức Thế Tôn cùng các bậc Thanh văn vốn đã tạo công hạnh, tu tập các căn lành hòa hợp, tương ứng với trí tuệ, thẩm sát, thấu tỏ hoàn toàn chân

lý của khổ.

Cần phải quán sát nỗi khổ sinh tử ấy như thế nào?

Biết chân lý về khổ nên quán tất cả đều là vô thường, tâm luôn kiên trì, không xả bỏ, chuyên nhất như thế, ở trong khổ mà quán khổ. Pháp quán ấy rất vi diệu. Quán không đối với khổ nên tâm vượt thoát khổ là sự vi diệu đầu tiên. Khi quán khổ là không thì tâm tự nhiên thấy rõ khổ đau đều là pháp nhân duyên sinh. Quán khổ là vô ngã nên do trí quán mà thành tựu đức tin. Đầu tiên có tâm tôn thờ pháp nên khéo tăng trưởng lợi ích, luôn luôn tìm cầu pháp môn tu tập để đạt đẳng trí mà không mong đợi có công đức, rừng Tam-muội không khuyết lậu, vĩnh viễn đoạn tận với trần lao bên ngoài, cũng không đấm trước; vì dùng tâm nội quán nên trừ bỏ hết trần cấu. Khi đó, vị ấy không có tâm chán ghét đối với tất cả cảnh giới khổ, nội tâm dứt trừ niệm hữu ái, không sợ hãi, cũng không cuồng phóng, loạn tưởng; sắc diện hòa nhã, an vui, tự quán cảnh giới; ở trong cảnh giới ấy đạt được trí tuệ, thấp lên ngọn đèn sáng lớn cho ba cõi, đoạn tận mọi kết sử, niệm dục hại cho chúng sinh trong cõi ác; vì chúng sinh nên không có tâm phân biệt, cũng không giải đãi; có trí phân biệt chương cú, đạt được pháp giải thoát. Do Như Lai đã giải thoát hoàn toàn sinh tử nên lưu chuyển trong bốn cảnh giới. Như Lai vì muốn chiếu sáng cho chúng sinh nên tinh cần tu tập tất cả mọi khổ hạnh mà không trụ pháp nào, tâm cũng không điên đảo. Bậc đã trừ bỏ mọi điên đảo rất khó suy lường.

Do vậy nên nói kệ:

*Khi thấu tỏ khổ đau
Niệm thanh tịnh vô cùng
Không dục, rất tươi sáng
Được người đời ngợi khen.
Trí quán khổ như thế
Thân tâm đều an lạc
Thế Tôn, Đấng Thập Lực
Cứu chúng sinh ở đời
Nếu ai trì giới Phật
Lợi ích luôn tăng trưởng.*

*Giữ chí như Kim cương
Tích quán tất cả không
Nếu nhỏ gốc rễ ái
Sẽ không còn khổ sâu
Nên lễ Bạc Định Tâm
Đáng Tối Thắng Vô Thượng.*

Vì sao cần phải quán sát Đức Thế Tôn?

Đó là vì Thế Tôn có trí tuệ vô lậu như vậy: Thế Tôn có năng lực quán thấy tất cả xứ sở, Ngài vì đời nên quán thấy thế gian đầy ánh sáng. Việc Ngài ở thế gian tu khổ hạnh đều phải quán sát rõ ràng. Đối với Thế Tôn, chính Ngài đã dùng tâm Từ bi quán chúng sinh, muốn cho họ được an ổn nên tinh cần tu tập vô lượng khổ hạnh. Theo việc tu khổ hạnh của Ngài như thế, cần tự quán thấy rõ các pháp hạnh khác của Ngài. Cần thấy rõ Đức Như Lai ở trong đại chúng đã thuyết pháp vi diệu, khiến cho chánh pháp nghĩa được truyền bá khắp nơi, chúng sinh đều hiểu được pháp. Nếu ai có pháp nhân thanh tịnh sẽ quán thấy pháp thân của Thế Tôn không có chúng sinh tưởng. Nếu đã quán như thế cũng không thuyết cấm giới.

Từng nghe Tôn giả Ưu-ba-tư cùng người đệ tử tên Bát-ma-ca, du hành đến nước Ma-thâu-la. Khi đến đó, Bát-ma-ca ôm y cầm bát, ... *như Khế kinh đã nói rõ*. Mọi người chưa bao giờ thấy một Sa-môn nên không hiểu được oai nghi của vị ấy. Vị ấy đi vào thôn của các cô dâm nữ. Một dâm nữ thấy vị Tỳ-kheo ấy trẻ đẹp, trang nghiêm, thân không trần cấu, lòng rất vui mừng, dục vọng khởi lên mãnh liệt. Khi vào nhà dâm nữ, vị Tỳ-kheo quán kết sử như thế nên không muốn tạo ra ràng buộc. Do tâm chuyên chú vào pháp giải thoát niệm ước trước nên liền đắc đạo quả. Bấy giờ vị Tỳ-kheo cất tiếng nói kệ:

*Dục giống như thuốc độc
Dục là hạnh bất tịnh
Dục là sắc dâm hoại
Đưa người vào đường ác.*

Nói kệ xong, vị Tỳ-kheo liền quay gót bỏ đi. Nàng dâm nữ lúc

www.daitangkinh.org

ấy ý dục bưng chày, liền dùng chú thuật Chiên-đà-lê để ràng buộc vị Tỳ-kheo. Nàng đọc chú Chiên-đà-lê với mục đích như thế. Bấy giờ nhờ chú Chiên-đà-lê thân của nàng trở nên xinh đẹp. Nàng hóa ra một khu nhà lộng lẫy nằm trên đường vị Tỳ-kheo trở về. Nàng ngấm nhìn khu nhà ấy, thầm nghĩ: “Nơi đây thật không khác gì cung điện của trời Đế Thích; nhà cửa cao rộng, không gì sánh bằng; đồ nằm ngồi rất đẹp, có vô số tấm thảm trải trên sàn; trên chiếc giường nằm kia, chằm nệm được thêu rất tinh xảo, đẹp đẽ. Trên đất có các loại kỳ hoa dị thảo đang tỏa hương thơm mọc đầy chung quanh và vô số hoa sen xanh thơm ngát mọc ở giữa”. Sau khi suy nghĩ như thế, nàng liền kết thân chú, nói với vị Tỳ-kheo:

–Nơi đây thật vô cùng tươi xinh, đẹp đẽ, chúng ta hãy cùng nhau hoan lạc.

Khi ấy Tỳ-kheo Bát-mặc bảo:

–Ta xem xét kỹ nơi này lại quán thấy khác.

Chiên-đà-lê hỏi:

–Khác như thế nào?

Bát-mặc liền nói kệ:

*Ta quán xem quả thật
Dục là khổ đệ nhất
Chết phải vào địa ngục
Chịu vạc sôi khổ não.*

Lúc ấy Chiên-đà-lê nói:

–Thôi đi! Nay vị Tỳ-kheo, đừng nói với tôi lời ấy!

Tỳ-kheo Bát-mặc nói:

–Lời nàng nói thật là ngu si, muốn làm mê hoặc ta. Ta không thuận theo ý của người đâu.

Chiên-đà-lê thấy vậy liền hóa làm một hầm lửa lớn không có bụi bặm. Khi ấy Tỳ-kheo Bát-mặc bảo:

–Ta đã thấy hầm lửa ấy.

Chiên-đà-lê liền nói:

–Nếu không muốn gần gũi nữ nhân, vậy thì hãy nhảy vào hầm lửa này mà chết đi.

Khi ấy vị Tỳ-kheo suy nghĩ: “Ngọn lửa ấy tuy rất đáng sợ

nhưng nếu ta tránh ngọn lửa ấy mà gần gũi với dục thì dục còn cháy dữ hơn ngọn lửa lớn. Nếu ta phạm dục về sau phải bị tội báo vô lượng. Thà hôm nay ta nhảy vào hầm lửa ấy mà không phạm dục. Vả lại Thầy ta thần thông không ai bằng, làm sao ta có thể trái lời thầy dạy? Do vậy ta thà nhảy vào lửa mà chết chứ quyết không phạm dục mà sống. Ta đã bỏ cả hai việc, cơ sao nay lại phạm vào giới cấm mà chư Phật ba đời đã tạo lập? Vì thế ta sẽ nhảy vào hầm lửa mà chết”. Suy nghĩ như thế rồi, vị Tỳ-kheo muốn đem y Tăng-già-lê và bình bát cho người khác. Chiên-đà-lê thấy thế liền hỏi:

–Ngài dùng y bát này để làm gì?

Tỳ-kheo Bát-mặc đáp:

*Nay chúng đồng phạm hạnh
 Nhận y bát ta cho
 Các vị khi tụ tập
 Nhớ lời ta bảo rằng:
 “Tỳ-kheo tên Bát-mặc
 Gặp chỗ ách nạn ấy
 Nhảy hầm lửa mà chết
 Tâm không nhiễm ái dục”.*

Cho đến... hai người ấy đồng xuất gia học đạo, nói rộng như trong *Khế kinh*. Lúc ấy họ nói kệ:

*Người tu thiện tuy ít
 Nghĩ nhớ mãi không quên
 Tâm cũng không thọ dục
 Vì muốn độ muôn loài
 Cửa pháp lại rộng mở
 Thế Tôn rất vi diệu
 Tạo công đức ra sao
 Bạc trí tùy thời thuyết.*

Vì sao khi Thế Tôn đi đứng qua lại đều biết rõ nguồn gốc sinh khởi của thân?

Đó là vì trong lời dạy bình đẳng của Ngài có hai loại công

đức: Thân công đức và tâm giác ngộ. Đó là hai loại gió. Bậc có hình thể thân như gió là bậc Tỉnh thức, biết rõ các ái niệm sinh ra trong tâm, giống như đóa hoa tươi đẹp, tinh khiết đang nở. Giống như gió, tâm của vị ấy đã giải thoát nên mọi việc làm đều rất thù thắng. Giống như tuyết tạo thành nước, tâm của vị ấy cũng như vậy, nhiếp trì các cảnh giới trong và ngoài; khi có luồng gió mát thổi, tâm ý biết rõ, gìn giữ tất cả (chủng tử) mà không phá hoại. Thân ấy có sáu căn nhận biết cảnh, bị bốn đại bên ngoài sai sử, căn lực bị bốn đại trói buộc. Khi có gió nhẹ thổi, trí tuệ dần dần sinh, cũng như khi thân Thế Tôn cất chân lên đều do công đức của bốn hạnh, không mất tướng Phạm hạnh đã tu tập từ xưa. Xương gót chân khi bước tới bước lui đều có lửa bốc lên; tất cả khớp xương gấp lại hay duỗi ra, mạch đập nhanh hay chậm đều theo ý muốn. Lại nữa, khi quan sát mắt nhắm, mở tùy ý; các căn trong thân đều an lạc, thân dần dần nóng lên theo bước chân thân đi lại. Hoặc lại khi ăn nuốt, các khớp xương cong hay thẳng, mở hay đóng đều do hình thể tạo ra, và theo ý muốn của tâm ý. Thân ấy y cứ vào phong ấm mà trừ bỏ, luồng gió điên đảo cũng thổi làm rãng, môi suy yếu. Tất cả pháp chủng tử đều do ý tạo nhưng phong ấm trong thân là mạnh hơn cả nên mọi người đều có lời nói và tiếng vang như vậy. Lời họ nói không có phước đức vì sao lại không bị trói buộc? Còn lời Ta nói có động cơ là thân bên ngoài đang có sự tan hoại, bên trong thân có các tâm hành. Khi thân tâm không tạo tác liền được an lạc, liền được trưởng dưỡng, giống như bậc trí nhìn chiếc xe biết ngay sức chở của nó. Thân này đã duyên với pháp hào quý như vậy. Khi thân này duyên với trần nên có các tưởng. Do vậy nên nói kệ:

*Thân này rất kỳ đặc
 Hiểu thân không, vô trí
 Xoay vần nương tựa nhau
 Bộ máy rất trọng yếu.
 Không khởi ý xúc nhiễm
 Thân ý đã nương nhau
 Có các việc như vậy*

Huyền hoặc rất vi tế.

Bấy giờ Thế Tôn tu tập phạm hạnh, vì sao thanh tịnh không loạn, không theo người khác để học, du hành một mình không bạn lữ?

Đối với loài người, Ngài có công đức oai nghi hết sức vi diệu, không đấm trước với tất cả chúng sinh, những nghiệp đã làm không ai bì kịp, vô số chúng sinh đều nương tựa vào tất cả pháp vi diệu. Vì tự thân Ngài ngộ pháp nên không gì có thể phá hoại trí tuệ toàn giác của Ngài, thành đạo lớn giải thoát theo ý muốn; quả vị chắc thật, có đầy đủ các công đức. Chúng Thanh văn tụ hội quanh Ngài đều có tất cả công đức, tất cả đều vi diệu. Trong chúng hội lúc bấy giờ, Thế Tôn là bậc có tướng tốt, có các đức vi diệu bậc nhất. Ngài trừ tối tăm cho đời mà không nhiễm đấm; cả ba đời đều không nhiễm đấm, đoạn các kết sử, được tâm đại từ bi, không loạn tưởng. Ngài đã vượt qua chốn lo âu sợ hãi, đến chỗ an ổn. Tâm Ngài đã hàng phục mọi ý niệm sinh tử. Ngài tự chứng ngộ và truyền trao, giảng dạy giác ngộ cho thế gian.

Do vậy nên nói kệ:

*Phạm hạnh rất vi diệu
Thành tựu đức từ bi
Nếu ai nghe Ngài dạy
Trời người đều lễ bái.
Trọn lòng theo chánh pháp
Nhất định được an lạc
Chắc chắn thành Hiền thánh
Nên chấp tay lễ Phật.*

Bấy giờ Thế Tôn, Bậc Chánh Giác Vô Thượng có tâm nhẫn nhục rất vi diệu, trừ các kết sử cũng không còn đấm trước. Sự giác ngộ của Ngài vượt thắng gió, lửa không thể đốt cháy. Ngài cũng đạt đức thù thắng vô úy, làm cho chúng sinh muôn loài giải thoát khỏi gánh nặng, có công đức thậm thâm không thể nghĩ bàn, giống như chúa sơn lâm không có tâm khiếp nhược. Sắc diện luôn hòa duyệt, vì chúng ngoại học nên đã tu tập không đấm trước, giống như hoa sen

không bị ô nhiễm. Do tự thân nương tựa pháp nên tự tu tập diệt trừ phiền não, có năng lực biết rõ mọi tâm ý mong cầu của chúng sinh. Do bạt trừ các kết sử nên pháp ấy rất vi diệu, Ngài đã trải qua vô lượng kiếp đều vâng giữ diệu pháp. Trong tất cả chúng sinh, nếu có ai tự phát nguyện mong cầu diệu pháp thì nên kính lạy Bạc Phước Điền tối thượng, bậc Quân vương tối thắng hay bảo hộ nhân dân. Công đức của Ngài thật khó thấy, vì nghĩa ấy rất thậm thâm. Giống như xả bỏ các pháp ô uế, mặt trăng là bậc nhất; phân biệt các pháp, Tỳ-sa-môn là bậc nhất; trong tất cả thanh âm hào hùng, tiếng rống của sư tử là bậc nhất; trong tất cả những vị có tâm tăng thượng cầu học, vì muốn trồng ruộng lúa tốt nên xả bỏ tất cả phước nghiệp, Thích Đề-hoàn Nhân là bậc nhất; với tất cả thế gian công đức của Phật là bậc nhất; con đường Niết-bàn mà Ngài đã chỉ bày cũng là tối thắng. Lòng Từ hộ, sự giải thoát khỏi các trói buộc cho tất cả chúng sinh của Thế Tôn thật là vi diệu.

Do vậy nên nói kệ:

*Công đức của Như Lai
Tung rải khắp tất cả
Sống trong dòng họ Thích
Như biển toàn báu vật.
Phật pháp đã giảng truyền
Sung mãn khắp ba cõi
Muốn đến được giải thoát
Phải theo học Như Lai.*

Lúc bấy giờ, trong cõi người Thế Tôn là Bạc Hùng Sư đã đạt Nhất thiết trí, nhan sắc luôn hòa duyệt. Công đức thuyết pháp của Ngài không ai sánh bằng. Pháp ngữ của Phật có đủ bốn loại công đức: lời nói rất trong lành, xa lìa sự thô ác; thân tâm chánh trực, đầy đủ các trí; mắt luôn khởi lên sự thanh tịnh, phân biệt các pháp, xưng dương công đức. Pháp ấy kẻ trí khó biết như mưa cam lộ, khó có thể cản trở phá hoại. Ngài có đầy đủ mười lực, dũng mãnh siêu việt thế gian, trí quán rõ thú hưởng của tất cả chúng sinh nên đến cứu độ. Ngài đã tu tập Tứ đẳng tâm, đại từ bi, thiền định, giải thoát chưa từng thiếu sót, cũng không nhiễm vị ngọt của ái dục, luôn quán niệm

trước khi thọ thực, đạt tâm vô sở úy, hàng phục các chúng khác. Giống như khi sư tử, nai chúa kêu rống, mọi loài ai nghe tiếng ấy đều bỏ chạy tứ tán, loài ở trong hang chạy về hang, loài ở trong lỗ chạy về lỗ, loài chim bay vút lên không, pháp ngữ của Ngài cũng như vậy. Khi nghe tiếng vô thường những kẻ phàm phu ưa thích trường thọ đều ôm lòng sợ hãi, do kiến chấp với thân nên đều bỏ chạy trốn, tựa như rống, voi nghe tiếng rống của sư tử, bất giác hoảng hốt giật đứt dây cương, xiềng xích bỏ chạy. Chư Thiên cõi Sắc giới có tâm mong cầu thọ mạng dài lâu cũng như vậy, nghe dạy về vô thường, do say đắm dục lạc nên đều sinh tâm luyến ái.

Thế Tôn như sư tử, nai chúa, tâm Ngài hoàn toàn không sợ hãi. Ngài đã thành tựu đạo quả không thoái chuyển. Ai thấy Ngài cũng đều hoan hỷ, được tâm chỉ quán vi diệu, có trí biết rõ công đức của Ngài.

Do vậy nên nói kệ rằng:

*Giống như sư tử rống
 Muôn loài nghe kinh hãi
 Dùng trí phân biệt pháp
 Mỗi pháp có tên riêng,
 Cõi sinh tử hãi hùng
 Công đức Phật thậm thâm
 Cho nên lay Sư tử
 Sư tử, vua tối thượng.*

Bấy giờ Thế Tôn là Voi chúa ở nhân gian, có đầy đủ tất cả trí tuệ, tất cả thân phần trên thân của Ngài đều tương xứng với đầu. Đó gọi là đầu trí tuệ. Nhân trí tuệ mà có niệm, niệm là đầu, nương vào chỉ quán là bụng, lấy tâm tịch tịnh giải thoát để hướng dẫn nên Ngài không có thầy mà tự nhiên thành tựu đầy đủ; lấy tín căn làm diệu pháp, dùng tín lực để buộc tâm, dùng năng lực phòng hộ thanh tịnh như vậy làm răng, trừ bỏ đường ác; tâm tầm quý là sự giàu có nên nhờ đó có thân vi diệu. Pháp thân Phật viên mãn, không có tâm ác hại nên Ngài tu tập phạm hạnh đến cõi nguồn cứu cánh, tâm dũng mãnh bất thoái cầu tìm pháp môn tu tập. Tất cả các kiếp sống của

Ngài đều vi diệu, giống như núi An minh không ai hơn được công đức của Ngài. Ngài tu tập thiền định giống như dao bén, tâm ý tự tại thể đạt bảy pháp giác chi, vô thường, khổ, không; hành quán tất cả pháp đều là vô ngã, Niết-bàn là Diệt tịnh. Ngài đã hành trì theo diệu pháp nên đạt Thập lực uy dũng, ai thấy Ngài cũng đều hoan hỷ. Vì đã tu tập diệt trừ tâm kiêu mạn nên Ngài được quả giải thoát, tỏ ngộ chánh pháp, không còn nghi ngờ, đấm trước với ý nghiệp đã tạo. Ngài đã ăn quả cam lộ giải thoát; người đã ăn quả cam lộ sẽ được lợi dưỡng, trừ bỏ các uế trước, được món ăn cũng không dự trữ. Trong chín mươi mốt kiếp, Ngài đã khéo tự hàng phục nên bây giờ có tâm định tĩnh, không loạn động.

Do vậy nên nói kệ:

*Hòa duyệt, không loạn tưởng
Định ý rất thanh tịnh
Cúi lạy vô lượng đức
Bậc Tượng Vương, Thắng Nhân.
Công đức độ muôn loài
Tận trừ các sắc tưởng
Mắt sạch không cấu trần
Lạy Bậc Tối Thắng Giác.*

Đức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã có công đức như vậy, tự giác tri như vậy, sự thậm thâm rất vi diệu, không ai sánh bằng như vậy. Ngài đã ở trong thế gian, tự giác ngộ các pháp. Giả sử có người phỉ báng Ngài:

–Nếu vị ấy có tánh còn tương ưng với thanh trần thì như thế vẫn còn tâm hữu dư (phiền não).

Hoặc như có kẻ bảo:

–Nếu có các Sa-môn xuất gia hoặc Bà-la-môn thông minh biệt tuệ, hoặc ở trên cõi trời, hoặc thiên ma ở Dục giới, hoặc Phạm thiên ở cõi Sắc giới vi diệu thuyết pháp như vậy, ta cũng không thấy tướng của họ, cũng không có nhân duyên như họ đã nói. Hoặc những vị trời ở Vô sắc giới, vì sao họ chẳng phải Bậc Đẳng Chánh Giác mà cũng nói như vậy?

Như Khế kinh đã rộng nói, họ đều được Đức Phật thuyết pháp,

đưa đến chỗ an ổn mà tự vui thích, chính vì Bạc Đẳng Chánh Giác đã đến chỗ vô úy, như các Bạc Vô Trước khác. Thế Tôn rất mầu nhiệm; tâm Ngài không đả trước, không dao động, không bị lệ thuộc, lời cuốn theo danh xưng mà chuyển pháp luân thanh tịnh. Pháp mà Đức Thế Tôn thanh tịnh đang chuyển vận chính là tám đạo phẩm của hiền thánh. Nếu có người hỏi: “Ngài ở nơi đâu chuyển pháp luân?” Cần trả lời rằng: “Ngài ở trong chúng ấy chuyển vi diệu pháp, ở ngay trong chúng ấy cất tiếng sư tử rống không sợ hãi chứ không trụ Không xứ để chuyển pháp luân”. Lại nói thêm rằng: “Vì muốn hàng phục chúng kia nên trước tiên Ngài không sợ hãi”.

Kinh viết “Các lậu chưa hết”, nghĩa ấy thế nào? Đó là nói ai còn chướng lậu trong tâm thì còn các niệm sợ hãi. Nếu đoạn tận thì trí tuệ được đầy đủ.

Lại nữa trong kinh viết “Ta đã nói đạo pháp lần thứ hai, lần thứ ba”. Điều này có ý nghĩa gì? Đó là vì Ngài xác chứng chân lý. Ngài vì chúng sinh nguyện cầu nên nói như thế để làm cho tâm họ thâm nhập pháp, đến lần thứ ba, thứ tư thì tâm thông tỏ pháp hoàn toàn. Người tu tập có mười hạng. Người nào đã tu hành ở trước mọi người không sợ hãi. Nếu ai không có tâm cung kính, kẻ như vậy không có oai nghi nên ở trong đại chúng ôm lòng sợ hãi. Lại nữa, có hạng người tuy có tâm cung kính, có trí tuệ sáng suốt như thật, có oai nghi, nhưng vẫn còn tâm sợ hãi. Lại có hạng người tuy có tâm cung kính với mọi người, ở trong chúng tâm không sợ hãi nhưng với giáo nghĩa lại ngu si. Có hạng người tuy có tâm tôn thờ, cung kính cúng dường nhưng không siêng năng tu tập. Có hạng người tuy siêng năng tu tập nhưng cũng không được dài lâu nên trong tâm vẫn sợ hãi. Có hạng người tuy tu hành dài lâu nhưng ý không muốn cho mau có kết quả nên trong lòng vẫn còn sợ hãi. Có hạng người tuy có ý mong cầu đắc quả nhưng lại không thân cận bậc hiền trí, do đó trong tâm vẫn lo sợ. Có hạng người tuy thân cận bậc Thánh nhưng không thật lòng nương tựa nên tâm niệm vẫn lo sợ. Có hạng người tuy ý nương theo pháp thiện nhưng tự thân không thực hành pháp thiện ấy nên ở trong chúng vẫn có tâm sợ hãi. Hoặc có hạng người có tâm truyền bá thiện

pháp nhưng không có phương tiện thiện xảo nên ở trong chúng vẫn có tâm sợ hãi.

Đức Thế Tôn khi còn là Bồ- tát, tôn thờ thầy dạy và đại chúng, làm lọng báu kiên cố cho ba cõi. Từ thuở Phật Định Quang đến nay, Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác đã trải qua vô số kiếp tu tập hết sức thanh tịnh, không tỳ vết, không chỗ tối tăm nào mà Ngài không rọi ánh hào quang đến. Nhờ tâm giác ngộ ấy nên Ngài có thân tướng và sở hành thành tựu như vậy. Vì nương theo con đường ấy nên suốt chín mươi một kiếp Ngài đã lập hạnh. Lúc ấy Đức Thế Tôn khởi trí tuệ siêu việt nên được giác ngộ, đạt danh hiệu Phật. Do tương ứng với trí tuệ nên tâm ý Ngài hoàn toàn giác ngộ. Ngài y cứ theo ý thiện ấy nên tất cả mọi việc làm đều thành tựu; tâm hoàn toàn không đắm trước. Ngài là Bạc Vô Nhiễm đệ nhất. Ngài cũng không có tâm sợ hãi, do vậy nên Thế Tôn là Bạc Thường Trụ vĩnh viễn trong Chánh định tam-muội. Ngài là Bạc Thắng Trí, là Bạc Tối Thượng giữa vô lượng chúng sinh ở thế gian. Cần quán sát như vậy. Nếu có ai nạn vấn, Ngài giảng dạy rõ ràng không do dự, văn tự đầy đủ, không thiếu sót.

Do vậy nên nói kệ:

*Như bạc Sư tử chúa
Muốn đến viên quán kia
Muôn thú đều sợ hãi
Chạy trốn khắp Đông, Tây
Bạc Vô Trước cũng vậy
Dũng mãnh trước chúng nhân
Chẳng vui trong sinh tử
Truyền pháp độ trời, người.*

Bấy giờ Thế Tôn quán tất cả người thế gian giống như cây cỏ. Cần hiểu ý đó như thế nào? Người mới sinh ra có năm hạnh, giống như cây cỏ bên ngoài. Có năm loại gì trong thân? Lại nữa, vì sao Thế Tôn dạy thân ấy nối kết nương nhau phát triển, sinh ra các thứ trói buộc với khổ đế mà cần phải đoạn trừ? Bên ngoài cũng sinh ra năm chủng hạnh. Thế Tôn đã quán nguồn gốc khổ đều do nương theo bên ngoài mà sinh ra. Vậy quán khổ đau sinh ra trong tâm như

thế nào? Có kinh nói rằng: “Ở trong nội thức xứ... nên có sự quán ấy”. Như vậy là tâm duyên với cảnh ngoài, tùy theo chủng loại mà sinh ra. Trong kinh lại nói: “Như mặt trời, mặt trăng không đồng thời hiện ánh sáng, chúng đều nương nhau”. Có thuyết nói: “Nương theo cảnh ngoài cũng sinh khổ đau”, nghĩa ấy thế nào?

Đáp rằng: “Thân chúng sinh hiện tại nếu không nương vào việc thọ thực để sinh trưởng an ổn sẽ bị nước trôi, bị lửa cháy, hoặc bị gió thổi, giống như cây cối từ đất sinh ra, tùy theo gió mà lay động. Theo đó mà biết rõ. Thân tiếp xúc, lỗ tai nghe tiếng, lúc đó sinh ra nhận thức, biết rằng: “Đó là vật trơn mịn”. Nếu mãi duyên theo ngoại cảnh, kẻ ấy chẳng phải là người trí vậy. Như thế loạn tưởng là kết quả sinh ra do ngoại cảnh. Tất cả đều do nội tâm quán sát, duyên với ngoại cảnh.

Trong chúng có vị nói: “Nếu vậy thì tuyệt đối không tư duy sắc tưởng sao?” Không nên quán như vậy. Như khi quán sát tứ đại, cảnh giới như thế nào đều quán sát đúng như thế. Tuy nhiên khi mắt nhìn một cảnh thì nhãn thức lại sinh biết bao quả; do lấy thức làm đầu nên sinh cái biết sai lầm. Đối với lý này lại có ý kiến nói rằng: “Ngoại cảnh cũng sinh tạo bao nhiêu quả”. Giống như màu sắc nửa xanh nửa vàng, giống như đồng một gốc cây mà lại sinh bao nhiêu quả củ, mùa thu thì không có quả, hoặc tùy thời mà sinh quả. Đó là quá trình sinh diệt của cây kia. Cũng như thế, thân chính là cội gốc, căn là cành lá, giống như cảnh giới Tam-muội cho nên thức sinh ra quả là chính. Nên giác tri như thế, lấy con mắt dụ như cội cây kia.

Lại hỏi: “Nếu thức của mắt có năng lực nhiếp thọ sắc, nhưng nhãn căn lại chính là sắc, vậy thì làm sao được?”. Như đã nói đó là nói về sự quán chiếu. Cái nhìn của mắt rất vi diệu. Khi mắt nhìn, cảnh sắc hiện ra đúng như thật. Nhưng khi cảnh sắc tái hiện trong tâm thì đó gọi là thức sinh ra chủng tử rồi dần dần tăng trưởng. Ngay trong cái nhìn ấy, các chủng tử sinh ra mà thành quả. Ví như tùy thời mà cây bị héo, quả của cây ấy không có sở nhân... để có quả. Đó là do tâm cấu nhiễm. Do vậy, Thế Tôn đã dạy: “Nhãn thức có năng lực biết rõ tất cả” và “Nhãn thức không ở khoảng giữa (căn và trần),

giống như mắt duyên với sắc kia nên sinh ra quả ấy. Như vậy là do duyên với ý thức mà có cội cây sinh tử. Nhân thức ấy là dẫn đầu”. Trong kinh có viết: “Giống như khi bào thai lớn dần, nhân thức trong thai nhi được sinh ra. Do vậy mà có nhân thức”. Trong kinh có viết: “Nếu không có thân căn, nhân thức không tồn tại mà mất đi. Tuy nhiên nhân căn không thể tạo ra nhân thức. Vì sao vậy? Hoặc là vì trong tâm có sẵn các chủng tử xưa mà không phải do căn nương theo ngoại cảnh sinh ra, hoặc là có quả đồng ảnh. Thế nhưng vì sao nói tất cả các chủng tử đều do thân căn tạo ra? Là vì các chủng tử trong quá khứ không thể nương vào căn mà có. Cây cỏ nếu không có gốc rễ sẽ bị úa tàn. Lại nữa nên biết, ngoại cảnh sắc là vô tình, nhưng nội tâm là hữu tình”. Trong kinh có viết: “Tại sao có tình, có tướng lại có thật quả? Giống như khi mắt nhìn thấy đóa hoa thật ở bên ngoài, chủng tử (*hình ảnh đóa hoa*) trong tâm cũng như vậy. Chính vì vậy mà nói thật quả hiện ra không chướng ngại trong tâm các loại hữu tình hoặc các loài có tướng.”

“Vì sao cần phải có niệm?” Trong kinh nói như vậy, nghĩa ấy thế nào? Hoặc có chỗ nói: “Chủng tử ấy có đặc tính vô trụ”.

Đáp rằng: Giống như tâm vô trụ liền có sự thanh tịnh, không phân biệt sự sai lầm ngoại sắc nên có nhân duyên ấy. Trong kinh lại nói: “Thân tứ đại tăng thượng, có quả như cảnh sở y”. Chủng tử ấy chẳng giống như vậy. Lại nữa nên biết, hành nghiệp đã tạo không nương theo ngoại cảnh mà hiện ra, giống như khi tâm không có ý niệm với chủng tử có tên gọi là “cây”, nên khi mắt nhìn thấy cây thì gọi nó chẳng phải là cây.

Trong kinh có viết: “Tại sao đất đá nắm giữ tất cả không bị tan hoại? Vì đất đá cũng có khí ấm, nếu nương tựa vào đất thì có tướng kiên cố. Khi bị gió thổi thì có thể biết được điều ấy. Tâm này cũng vậy. Tuy nhiên cây cối thảo được trên đất lại có tính vô thường, đoạn tuyệt, tan hoại. Phải luôn luôn quán sát như vậy. Với các pháp nhân duyên vô thường, khổ, không, vô ngã cũng quán như thế. Tuy vậy khi quán không với ngoại cảnh thì không nên có tâm chấp thủ, với chúng sinh cũng như vậy, khi nội quán vô ngã cũng như thế. Huống chi chấp thủ với các tư tưởng. Các tư tưởng ấy đều là ở bên

ngoài giống như hạt giống khi gặp ẩm thấp liền sinh cây. Thân chúng sinh cũng vậy. Những gì do ý căn sở tạo cũng giống như pháp mà thân tâm nương tựa đều là pháp vô thường. Các pháp đó đều là pháp không nên nương tựa, giống như tuổi thọ là nhờ hơi ấm, mạng căn và thức. Thân này cũng vậy, không có bắt đầu và kết thúc.”

*Quán chí tánh chúng sinh
Bên ngoài đến cỏ cây
Là không, không thật quả
Với pháp nên phân biệt.
Pháp ấy vốn tan hoại
Với thân luôn tư duy
Để diệt trần lao kết
Năm căn vĩnh viễn diệt.*

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp tu khổ hạnh tinh cần nên nhàm chán thân thể, tâm vui thích trụ nơi tịch tịnh, thờ lửa không giải đãi, được đồ chúng vây quanh. Y Tăng-ca-lê của ngài cũ rách, tóc và móng tay rất dài. Các căn thuần thực, nội tâm đã hàng phục dâm. Các pháp tu kinh hành, quán niệm ngài đã biết rõ, thích ở chỗ an nhàn, danh tiếng đồn xa, cho nên Tôn giả được tâm đại từ bi, vượt hơn các bậc tôn đức khác, được người trời cúng dường. Ngài là bậc đại phước điền nên mọi người càng thêm cung kính lễ bái. Những ai gặp khốn đều được ngài độ thoát, được ngài giảng dạy chánh pháp nên vượt khỏi sinh tử. Ngài đem lại sự hoan lạc, ủng hộ che chở chúng sinh như thờ cha mẹ không khác. Tâm hạnh cúng dường của Ngài như ngọn núi bất động. Lúc bấy giờ, Tôn giả với tâm vô cùng hoan hỷ, muốn nhìn thấy, chiêm ngưỡng Như Lai, muốn được đến chỗ độc cư an nhàn vắng vẻ và vì muốn được nghe pháp lạ nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi Tôn giả đầu mặt lạy dưới chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn khen ngợi đức tính thiếu dục, liền bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Này Ca-diếp, ông tuổi cao, thân thể suy yếu, không còn khỏe mạnh như lúc thiếu niên nữa. Thân già yếu thì không còn khả năng

chịu đựng, dần dần suy yếu, ý chí mạnh mẽ không còn như trước, không thể đỡ chiếc y bá nạp quá nặng. Ta nghĩ hiện nay tuổi ông đã cao, khó có thể vận chiếc y nặng đó. Có các trưởng giả mang y đến cúng dường thì hãy nên thọ nhận.

Khi ấy Tôn giả Đại Ca-diếp với tâm tưởng vô cùng cung kính đối với Như Lai, liền từ tòa ngồi đứng dậy, quỳ thẳng bạch Đức Thế Tôn:

– Sinh tử lâu dài đều có nghĩa không chân thật, thọ nhận niềm vui ấy chính là khổ nên tâm con thường sầu lo. Với các vị quý tộc trưởng giả, con cũng không thích đến nhà họ, tự thân con đã ở nơi không tịch và khen ngợi đức tính không tịch, tự mình thiếu dục và khen ngợi đức tính thiếu dục. Tuy thế, xin Đức Thế Tôn và chư Thiên chứng tri, nay con đối với quả đời này hoặc có lực hay không có lực, con đều có thể đầu đội, vai mang. Huống chi nay thân con không có dâm, nộ, si; tâm kiêu mạn đã hết sạch, thanh tịnh không tỳ vết, xuất ly thế gian, không tương ứng với thế gian. Con đã được những điều như vậy, hôm nay vì sao con lại phải bỏ y phục thô xấu này?

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo:

– Vì sao ông lại tu tập pháp đó... *nói rộng như trong Khế kinh.*

Lúc ấy Tôn giả Đại Ca-diếp thưa:

– Vì hai nghĩa nên con thường trú ở nơi tịch tĩnh và hay khen ngợi đức nhàn cư. Một là con tự ở trong pháp ấy mong được an lạc, hai là vì người đời sau nên làm gương sáng, truyền bá đức như vậy để họ theo đó siêng tu khổ hạnh.

Đức Thế Tôn liền bảo:

– Lành thay, lành thay! Nay Đại Ca-diếp, ông phải thường ưa thích sự nhàn cư... *Nói rộng như trong Khế kinh.*

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

*Người được tự tại gì
Mà lại tu khổ hạnh?
Thanh tịnh không phiền nã
Như trăng sáng giữa sao
Như nay không còn nghi*

*Ông có đức lớn ấy
Nên giữ vững chánh pháp
Trừ sạch mọi nhiễm ô.*

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất tự nương nơi trí tuệ rất thâm, không ngần mé, như biển rộng không bờ, có năng lực luận bàn cùng kẻ ngoại học và đều hàng phục tất cả, xưng dương thiện pháp, mà không làm mất lòng đối phương. Đối với ái dục, ngài đã được giải thoát, ý đã biết rõ sinh tử, đã chấm dứt nguyên nhân làm luân hồi trong các thú. Lúc bấy giờ Tôn giả đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy dưới chân Đức Phật thưa:

–Tâm con đã thông suốt, có niềm tin bất động đối với chân lý. Trước đây con đã từng theo các chúng ngoại đạo dị học. Nay con đến đây là muốn được uống nước cam lộ để trừ tất cả trói buộc, ý của con cũng không đắm trước đối với chỗ ở của mình. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp nghĩa giải thoát để trừ tai họa khổ não. Thế Tôn thuyết nghĩa như vậy xong, các kẻ phàm phu đều ôm lòng sầu lo, học giả cũng sầu muộn, lo lắng, nhưng những vị có đức tin đều muốn được nghe.

Khi ấy Thế Tôn tư duy trong giây lát rồi bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Các hành này đều là hữu vi.

Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất, bậc luôn thích ở chỗ không tịch, lạc trú trong pháp, đánh lễ pháp, nhiễu quanh ba vòng, đứng ngay thẳng quán sát thân tướng của Như Lai, rồi đi vào thôn Na-la-đà, lấy cỏ trải trên đất, nhập vào tam-muội Sư tử phấn tấn. Sau khi đã nhập vào định ấy, Tôn giả theo phương tiện nhập diệt của Như Lai nhập Niết-bàn ngay tại đó. Sa-di Quân Đầu, người luôn theo cung phụng, hầu hạ Tôn giả Xá-lợi-phất để tu tập và cùng Tôn giả chuyển pháp luân vô thượng, hành Phật sự, là bậc Thanh văn lớn, mọi người đều cúng dường, đem xá-lợi, bình bát và ba pháp y của Tôn giả Xá-lợi-phất dâng lên Như Lai rồi đến chỗ Tôn giả A-nan thưa:

–Vị thầy mà con tôn thờ nay đã diệt độ!

Tôn giả A-nan hỏi Sa-di Quân Đầu:

–Thầy của ông là ai? Tên là gì?

Thưa:

–Thầy của con tên là Ưu-ba-đề-xá, nay đã nhập Niết-bàn. Đó chính là Tôn giả Xá-lợi-phất.

Khi ấy Tôn giả A-nan nghe lời ấy xong, ôm lòng sầu lo, bị lưới ngu si bao phủ, bị tâm ý thương nhớ Tôn giả Xá-lợi-phất mê hoặc, không còn hay biết gì nữa. Một lát sau, khi cơn sầu muộn đã lắng đọng, Tôn giả bèn dẫn Sa-di Quân Đầu đi đến chỗ Đức Phật, thưa lại đầy đủ lời trên với Đức Thế Tôn:

–Hôm nay thân con thật không an lạc bởi vì con vừa nghe tin Tôn giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn, *nói rộng như trong Khế kinh*.

Thế Tôn bảo:

–Thân trì giới của vị ấy mà lại mất sao? Và những pháp được Ta giác ngộ vị ấy cũng đem theo mất sao? Đó chỉ là Tứ ý chỉ (*bốn thân tức*)..., *nói rộng như trong Khế kinh*. Thế nhưng, này A-nan, các hành không thể bảo trì lâu dài được, tất cả đều phải tan hoại. Này A-nan, các hành là vô thường, không tồn tại mãi mãi, nhưng không phải vì vậy mà không quán sát thiện hạnh.

Này A-nan, các hành không phải là vật có thể nương tựa. Này A-nan, nó làm khởi lên khổ, vui, ôm ấp tưởng điên đảo. Này A-nan, hành là vô ngã, không được tự tại. Này A-nan, các hành khó có thể xả bỏ, thường thọ hữu giáo. Này A-nan, các hành có sự nguy hại, đều là không tịch. Này A-nan, nên xa lìa các hành, vì nó khởi lên các tưởng khổ lạc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Sa-di Quân Đầu:

–Người hãy đem các vật của Tôn giả Xá-lợi-phất để trong bàn tay của Ta.

Sa-di Quân Đầu liền dâng lên cho Đức Phật. Lúc ấy Thế Tôn duỗi cánh tay màu vàng ròng rất mềm dịu nhận lấy. Khi Thế Tôn nhận xá-lợi, Ngài rất thanh tịnh, không tỳ vết, tâm ý hoan hỷ, ai thấy cũng vui mừng, đem để ở chỗ kín đáo.

Ngay khi ấy Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông hãy đánh lễ xá-lợi của Tôn giả Xá-lợi-phất, rồi mọi người hãy tán thán để mọi người khắp nơi được

nghe tên của vị ấy. Vị ấy là bậc tối tôn, tối diệu trong hàng Thanh văn. Chỉ còn lại xá-lợi này, ngoài ra tất cả thân của vị ấy đều đã biến mất. Các loài hữu tình đều muốn niềm vui ấy, Tôn giả đã hiện thân tức trừ bỏ thân cấu trược. Lại nữa, vị ấy lại có ánh sáng trí tuệ trùm khắp tất cả. Nếu ai đang mang sắc thân này, phải nên lễ bái trí tuệ của Tôn giả. Vị ấy có danh xưng, có năng lực làm sung mãn tất cả thế gian. Đó là Tôn giả Xá-lợi-phất. Tôn giả ở trong ba cõi thân được tự tại, được hương lành huân ướp, cho nên cần phải lễ bái vị có công đức như vậy. Tôn giả có nhiều công đức thấp sáng trí tuệ cho đời. Các ông nên học tập để được giải thoát đến bờ bên kia.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cũng sắp xả bỏ thọ mạng. Khi đó mặt đất chấn động lớn, bốn phương sấm chớp nổi lên, chư Thiên đứng đầy kín hư không ca xướng kỹ nhạc, có một luồng ánh sáng lớn chiếu sáng khắp nơi, mây và sương mù bao phủ đất trời, làm cho lửa cháy vẫn không thấy ánh sáng, vang lên lời truyền như thế này đi khắp nơi: “Bậc Nhất Thiết Trí sắp sửa diệt độ”.

Vào lúc sáng sớm, Tôn giả A-nan từ tòa đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lay dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên thưa hỏi Đức Phật:

–Do nhân duyên gì khiến cho mặt đất chấn động mạnh, mà tâm Thế Tôn vẫn không dao động?

Đức Thế Tôn liền bảo:

–Này A-nan, có tám nguyên nhân khiến cho mặt đất chấn động mạnh. Lại nữa, này A-nan, nếu có vị Thanh văn đệ nhất Bát-niết-bàn, Đức Như Lai cũng sẽ nhập Bát-niết-bàn, nên có điềm lành như vậy.

Tôn giả A-nan bạch Đức Phật:

–Hôm nay Đức Thế Tôn cũng sẽ xả bỏ thọ mạng sao?

Thế Tôn đáp:

–Đúng vậy, này A-nan, Ta cũng sẽ xả bỏ thọ mạng.

Vừa nghe xong, Tôn giả A-nan ngã quy xuống đất... nói rộng như trong Khế kinh, thưa với Thế Tôn:

–Chính con nghe từ kim khẩu Như Lai nói rằng: “Nếu có các

Tỳ-kheo tu tứ thiên thần túc, có thể sống ở đời một kiếp cho đến vô số kiếp”... *nói rộng như trong Khế kinh.*

Khi ấy Thế Tôn tâm ý không lay động, giáo huấn A-nan như vậy:

–Thế nào A-nan, chẳng phải Ta đã hai, ba lần bảo với ông rồi sao?

Bấy giờ Tôn giả A-nan biết Thế Tôn không bao giờ nói hai lời, nên Tôn giả đứng lặng im, nội tâm giống như ghe thuyền bị vỡ đắm trong biển lớn không làm sao có thể đến bờ bên kia được. Tôn giả thưa với Thế Tôn:

–Từ thuở Đức Tỳ Diệt Thế Tôn đến nay, trong cảnh giới của Bạc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ấy nhân dân đều có thọ mạng dài lâu. Nay trong cảnh giới này, Như Lai đã tu hành rất tinh cần, khó nhọc, tinh cần truyền bá chánh pháp không hạn lượng. Nhưng hiện nay thọ mạng của chúng sinh còn quá ngắn, Thế Tôn vẫn chưa hoàn tất việc giáo hóa chúng sinh?

Khi ấy Thế Tôn bảo:

–Nay ông làm thế nào để thế gian được hòa bình, thịnh vượng, không có sự sợ hãi khổ nạn? Khi có vị Pháp vương xuất thế, vị Chuyển luân thánh vương lấy pháp để giáo hóa cai trị, cây cối thảo dược không sao kể hết, tất cả kẻ bị giam cầm trong lao ngục, đều được phóng thích. Lại nữa, trong cảnh giới địa ngục, nếu như có bậc Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì những ai bị giam hãm trong lao ngục đều được giải thoát, không bị các khổ ách. Ngài có ân từ đối với chúng sinh ấy. Vì sao nói là Ngài có ân từ đối với chúng sinh?

Tôn giả A-nan thưa với Đức Phật:

–Bậc Đệ nhất Pháp vương là Đấng Vô Thượng, xuất hiện ở thế gian. Những ai gặp nguy ách khổ não, Ngài có năng lực làm cho họ giải thoát khỏi khổ não.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, cũng như thời thái bình có bậc Chuyển luân thánh vương, thời Đức Phật Tỳ Diệt xuất thế cũng như vậy, những kẻ bị giam cầm trong lao ngục kiên cố đều được độ thoát. Này A-nan, nay

Ta xuất hiện ở thế gian có thọ mạng rất ngắn. Các chúng sinh ấy, do sinh trong kiếp đao kiếm; ác kiếp ấy có các kết sử sâu dày, chưa thể lìa khỏi kết sử ấy. Họ nương theo các loại tà kiến nên bị tà kiến trói buộc, do có dục phi pháp nên bị dục trói buộc, nên bị sinh ngay vào các đường ác ở thế gian như vậy. Do cuộc đời ác trước, rất ít được giáo hóa, nên họ cần phải siêng tu hạnh này.

Này A-nan, xưa kia, khi chưa đắc đạo Ta mang thân là khỉ. Ta đã không tiếc thân mạng, khiến cho đồng loại của Ta đều được độ thoát, không ai mà không được độ. Lại nữa, khi xưa lúc Ta làm thân sư tử Ta đã giúp cho đoàn đoàn thương nhân vượt qua đường hiểm nạn, Ta đã tu tập phạm hạnh rất dài lâu. Bấy giờ, này A-nan, trong các cảnh giới Ta sinh đến không có chúng sinh nào không thấm nhuần ân đức của Ta. Này A-nan, lúc Ta làm thân người ở tại nước Ma-kiệt đã cứu độ mọi người; lại khi Ta làm chim Thanh tước đã độ thoát vô số thương nhân; Ta lại làm đại Tiên nhân độ thoát vô số Phạm thiên. Ngay lúc tám tuổi, Ta đã phát thệ nguyện, ý không thoái chuyển, thân mặc áo cỏ, tinh cần tu tập khổ hạnh, ở nơi nhàn tịnh để tu hành, đều được hộ trì. Thế nào A-nan, khi Ta ở tại cõi thế gian mê hoặc, bị khô hạn không mưa này, Thích Đề-hoàn Nhân liền cho đổ mưa. Lúc ấy, này A-nan, khi chưa sinh, Ta đã thương yêu chúng sinh như con một.

Lại nữa, này A-nan, Ta vì tất cả chúng sinh nên trong một kiếp thay họ chịu nỗi khổ đau trong địa ngục, vì các chúng sinh mà chịu sự khổ não như vậy. Lại nữa, này A-nan, nay thân của Ta do cha mẹ sinh ra, không có kẻ oán thù nào có thể hại thân Ta được, hoàn toàn không thể có việc đó. Thân Ta là Kim cang tam-muội, có trí phân biệt các loại Tam-muội. Sau khi Ta diệt độ, nếu ai cúng dường xá-lợi dù nhỏ bằng hạt cải thì công đức ấy cũng lớn vô cùng.

Lúc đó Thế Tôn liền nói kệ:

*Xưa tâm phát đến nay
Sở hành là bậc nhất
Đạt quả Vô thượng nhân
Không ai so sánh được,*

*Với cha mẹ vợ con
Giữa đời luôn tự tại
Dẫu thân thọ theo ý
Mạng chung cần bỏ thân.*

Thế Tôn liền bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan, nay ông hãy vì Như Lai đến giữa hai cây Ta-la...
nói rộng như trong Khế kinh.

Bấy giờ Tôn giả A-nan, vâng lời Phật dạy, liền suy nghĩ: “Hôm nay Đức Thế Tôn Niết-bàn thật sao?”. Lòng Tôn giả trĩu nặng đau khổ, buồn phiền nhưng không dám trái lời Phật dạy, sợ hãi đi đến chỗ giữa đôi cây ấy. Đó đều là do túc mạng theo đuổi, nên Tôn giả mới cần khổ như vậy, muốn trình bày ý nghĩ của mình nhưng lại ngại phải làm sao để trình bày suy nghĩ đó. Sau khi làm xong, Tôn giả liền thưa với Đức Phật:

–Con đã làm xong.

Khi ấy Thế Tôn đi đến chỗ đó. Lúc Thế Tôn vừa cất bước muốn đi, tâm ý của Tôn giả A-nan như bị thiêu đốt mãnh liệt, khởi sinh ý niệm này: “Đây là huyền mộng hay là sự thật?”. Tôn giả suy tư, do dự như vậy xong, nội tâm liền trở lại định tĩnh, suy nghĩ: “Đó gọi là vô thường. Chúng sinh xoay chuyển, không thoát khỏi tai họa ấy”.

Lúc bấy giờ Thế Tôn chậm rãi đi đến giữa hai cội cây, khoảng không phía trên có chư Thiên đứng đầy kín; có vị xướng nhạc ca hát, sắc diện không thay đổi; có vị thì than khóc, rơi lệ. Lúc đó nhiều vô số các vị A-tu-luân có lòng cung kính và mong muốn nghe pháp, cất tiếng nói kệ:

*Bậc Tôn Quý đệ nhất
Vì muôn loài chúng sinh
Pháp Phật cũng vô thượng
Nay Ngài sắp Niết-bàn.*

Khi ấy Thế Tôn đi đến an tọa giữa hai cội cây. Chúng chư Thiên ở chỗ ấy cùng bảo nhau:

–Bậc Nhất Thiết Trí ở tại thế gian ác loạn này sắp diệt độ. Vì sao Ngài lại bỏ tất cả muôn loài mà diệt độ?

Liên nói kệ rằng:

*Vì pháp nghĩa thậm thâm
Mau đạt pháp cam lộ
Thế Tôn có lực ấy
Nhưng nay sắp diệt độ.
Như bánh xe Kim cương
Chúng sinh đều tán thán
Bánh xe có thể hư
Thân Thế Tôn khó hoại.*

Lúc đó Đức Thế Tôn ngự giữa hai cội cây, sức tinh tấn vô cùng kiên cố, vững vàng, hoàn toàn trú tâm nội quán về vô thường, thấy rõ kể tuổi trẻ thanh tráng đều phải theo luật vô thường chết đi, chư Phật Thế Tôn cũng diệt độ, tai họa ấy thật là khổ não, liền nói kệ này rằng:

*Tư duy kỹ vô thường
Có thân, có luân chuyển
Thân vui trong trói buộc
Nhận các họa khổ não.*

Trong chúng hội ấy có vị nói kệ:

*Khởi thủy sinh là khổ
Do ấm mà có danh
Không sinh thì không hoại
Có ai thoát nạn này?*

Trong chúng lại có người nói kệ vì nguồn gốc mà khởi sinh vô thường.

*Xưa kia khởi niệm giác
Tất cả niệm đều thành
Ngài có sắc như thế
Chư Phật không thường trụ.*

Rồi họ suy nghĩ: “Hôm nay chúng ta nên tu nghiệp gì? Nay Thế Tôn thuyết bài pháp ấy lần cuối cùng. Vì vậy chúng ta cần phải chuyên tâm khẩn thiết lắng nghe, chúng ta cũng không thể giữ được

Bậc Phước ấy mà nên phát tâm hoan hỷ”.

Bấy giờ, ở trong vườn Bà-la, tất cả chư Thiên đều đánh lễ Đức Thế Tôn, tung xuống vô số hoa Mạn-đà-la. Tất cả đều than khóc, rơi lệ nói bài kệ này:

*Ai quán sát Như Lai
Ngày đêm không giải đãi
Khi Ngài sắp diệt độ
Bỏ thân tứ đại này
Ngài có đức cần khổ
Chưa từng ngược chánh pháp
Để vượt biển sinh tử
Nay phải bỏ ấm, nhập.*

Lúc bấy giờ, khi Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, ai có nghi vấn gì, hãy đến hỏi ngay.

Cho đến câu: Vì sao tất cả hành đều không tịnh, không thường.
Thưa Tôn giả A-na-luật, Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn thật sao?

Khi đó các vị Mật tích Kim cang lực sĩ đứng sau Đức Như Lai quan sát nhan sắc, gân cốt chi tiết trong người của Ngài, thấy tất cả đều kiên cố, Thế Tôn có thể kham nhẫn được, cũng còn đủ sức để thuyết pháp vi diệu. Họ liền khóc lóc mà nói kệ:

*Vô cấu không tỳ vết
Thế gian mất lọng che
Thân sắc như vàng tía
Nay Ngài sắp bỏ thân.
Giống như ở thế gian
Tuổi già thì phải chết
Thích-ca Văn, họ Thích
Vô tướng tịch diệt mãi.*

Trong chúng có vị nói:

–Thôi đi! Thôi đi! Đừng nói lời đó.

Rồi vị ấy lòng đầy ảo não, cất tiếng bảo:

–Tôi nhớ rằng Thế Tôn từ cõi trời Đâu-thuật giáng thần, sinh

xuống nhân gian, nhờ Ngài có ngàn vạn chư Thiên, nương công đức của Ngài mà họ đều mặc áo xanh, có sức oai thần uy không thể phá hoại; có năm trăm vị đạt được quả bất thoái chuyển; lại có mười hai vị đại quý thân, ai thấy cũng đều hoảng sợ, đều muốn đến hộ vệ Như Lai. Họ tư duy như thế, bèn nói: “Mỗi chi thể của Đức Như Lai đều phát ra ánh sáng, bảo chúng tôi hãy truyền lệnh cho chư Thiên rằng: “Bảo thần hộ thể đến đây”. Các thần hộ thể đều nói rằng: “Chúng tôi xin hoan hỷ tôn thờ cúng dường như khi Ngài còn ở trong thai, trong khi mộng寐 cũng không xa lìa.” Chúng ta ở trong thế gian là chúng sinh bị nhiễm trước sâu dày, do đó mà có tướng khổ, vui; có tướng cha và mẹ, có tướng tất cả thế gian đều là vi diệu, vô thượng; do hộ thể tạo ra nên tướng có anh em; vì thọ nhận của tín thí nên tướng là phước điền; vì tâm không tà vạy nên tướng tâm đã được chế ngự; muốn vượt qua vòng (sinh tử) nên tướng có bậc Thuyền sư; vì bất khả đắc nên tướng có được của báu; vì được tâm đại từ bi nên tướng là che chở được thế gian. Như thân kim cang của tôi ngày nay, không thể phá hoại thành trăm mảnh được. *Có chỗ nói:* “Thân này chắc chắn phải có quả báo. Vì sao vậy? Vì cúng dường Như Lai vậy”.

Bấy giờ Mật Tích Kim cang lực sĩ liền nói:

–Các vị nghĩ sao về việc này? Khi Thái tử cỡi xe ngựa ra khỏi thành. Con ngựa ấy khi trở về bảy ngày không ăn rồi sinh lên cõi Tam thập tam thiên. Huống chi nay chúng ta tôn thờ vâng học theo lời dạy của Như Lai; có vị nghe, có vị đọc tụng, tất cả đều học tập để độ thoát vô lượng chúng sinh. Nếu đã có được biển châu báu thì chúng ta phải mong cầu chứ?

Khi ấy có hai vị Hiền thánh trong chúng lực sĩ Mật Tích Kim cang luận thuyết nói kệ:

*Ở chốn Thần long này
Kim cang hiện trong biển
Phải hộ trì thế nào
Pháp âm Sư tử ấy.*

Rồi họ suy tư, lại nói kệ:

www.daitangkinh.org

*Giống như biển sâu kia
Không ai hơn Phật lực
Tu tinh tấn giữa đời
Đức lớn không bờ bến.*

Bấy giờ Thế Tôn chuyển pháp luân ở nước Ba-la-nại. Khi Ngài sơ chuyển pháp luân đã đem lại rất nhiều lợi ích cho chúng sinh. Ngài tọa hạ an cư tại đó làm lợi ích cho Quốc vương nước Ma-kiệt. Năm hạ thứ hai, thứ ba và thứ tư, Ngài thuyết pháp ở đỉnh núi Linh thúu, hạ lần thứ năm ở Tỳ-thư-ly, hạ thứ sáu thuyết pháp ở núi Ma-câu-la cho mẹ Ngài nghe, hạ thứ bảy ở cung trời thứ ba mươi ba, hạ thứ tám ở cõi quỷ thần, hạ thứ chín ở nước Câu-khố-tỳ, hạ thứ mười ở trong núi Chi-đề, hạ thứ mười một lại ở cõi quỷ thần, hạ thứ mười hai ở tịnh xứ của Ba-già-đà, hạ thứ mười ba lại ở cõi quỷ thần, hạ thứ mười bốn, Đức Phật đi trở về chốn cũ, nhập hạ tại khu lâm viên của thái tử Kỳ-đà và trưởng giả Cấp Cô Độc ở nước Xá-vệ. Hạ thứ mười lăm ở trong một thôn của dòng họ Thích, thuộc nước Ca-duy-la-vệ, hạ thứ mười sáu cũng ở nước Ca-duy-la-vệ, hạ thứ mười bảy ở thành La-duyệt, hạ thứ mười tám cũng ở thành La-duyệt, hạ thứ mười chín ở trong núi Cha-lê, hạ thứ hai mươi Ngài trở lại an cư tại lại thành La-duyệt, hạ hai mươi mốt lại ở trong núi Cha-lê. Rồi Ngài lại an cư nhập hạ liên tục bốn năm tại cõi quỷ thần, không đi nơi khác. Sau đó, trong suốt mười chín năm, Ngài tọa hạ an cư ở nước Xá-vệ. Như vậy Đức Như Lai đã tọa hạ an cư lần cuối cùng trong thôn Tỳ tướng tại nước Bạt-kỳ.

Đức Thế Tôn đã vượt qua hang sâu ái dục như thế. Các pháp hạnh của chư Phật xưa kia như truyền ánh sáng trí tuệ cho hạng lợi căn, Ngài đều đã trao truyền pháp hạnh đến khắp nơi cho những người có chí tánh nhu hòa khiến họ đều được độ thoát. Ngài tiếp theo độ hạng trung căn, rồi độ cho hạng hạ căn, khiến họ dần dần được quả Tu-đà-hoàn, cùng diễn thuyết cho những kẻ ngoại học. Đức Thế Tôn đã độ tất cả, bấy giờ liền nhập Niết-bàn. Khi ấy Ngài nói kệ:

*Vì muốn độ ngoại học
Đại giác không ai bằng*

*Tự giác ngộ, độ người
 Không chìm trong vực thẳm
 Vượt qua các lạc thú
 Lợi ích dân tăng trưởng
 Bất giờ sinh hoan hỷ
 Đều đến được bỉ ngạn.*

Như nay Ngài thanh tịnh, không chút ô uế, những chỗ sinh ra luôn là thiện xứ, việc làm đã thành tựu, cũng không có tâm khinh mạn, do các công đức đều đã được thành tựu, do cảnh giới ấy nên thành tựu được tương ứng. Sinh ra vì lòng lân mẫn nên sự nghiệp cứu tế bạt trừ khổ ách cho chúng sinh đều được thành tựu, đều đưa họ đến giải thoát. Ngài đã thành tựu như thế. Nếu sinh ở nhà giàu sang thì gia đình ấy được thành tựu, do sắc thân Ngài vi diệu nên thân quyến đều thành tựu; vì việc làm đầy đủ nên thành tựu quả giải thoát; vì tâm có hạn lượng nên mọi việc làm đều thành tựu; vì đã đoạn trừ các loại kết sử nên thành tựu hạnh hàng phục; vì đã hưng khởi hạnh nghiệp nên thành tựu thệ nguyện; vì đã trồng các công đức hy hữu nên giới đức và pháp hạnh đều thành tựu; nhờ thành tựu oai nghi nên thành tựu các công đức luật nghi; nhờ diễn thuyết bốn ý chỉ nên thành tựu oai nghi; do phân biệt ngôn giáo nên cảnh giới thành tựu; nhờ trí tuệ hưng khởi nên thành tựu chúng hội vân tập; do đã xả các hữu nên thành tựu đầy đủ các giới luật; nhờ tâm trí chuyên nhất cũng không dựa vào thiền nên thành tựu Tam-muội như thật; do phân biệt cảnh giới ấy nên thành tựu trí tuệ; vì đã đoạn trừ các kết sử nên thành tựu giải thoát; nhờ đoạn trừ tâm niệm ngu si nên thành tựu giải thoát kiến tuệ (*Tuệ giải thoát tri kiến*); nhờ tập hợp các công đức nên thành tựu tất cả; nhờ đã được tịch diệt nên thành tựu chỉ quán. Vì vậy con đành lễ Đấng Thập Lực. Do vậy nên nói kệ:

*Sắc thân khó nghĩ bàn
 Tuệ giác của Thế Tôn
 Ba đời đều tán thán.
 Bạc giải thoát hoàn toàn*

www.daitangkinh.org

*Tịch tịnh giữa thế gian
Vĩnh viễn không khởi diệt
Bậc thông tuệ đệ nhất
Mọi pháp đều tự tại.*

Nghe rằng: Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn một trăm năm, Bậc Nhất Thiết Trí đã thị hiện truyền dạy tại thế gian. Lúc ấy tại thành Khi-la-lê, nước Ma-kiệt, có một vị vua tên là A Thúc, uy đức lẫy lừng, giống như vị vua cõi Trời không khác. Vua có đại oai đức, thông minh trí tuệ tuyệt đỉnh, có thể luận nghị với bất cứ ai, xem dân như con ruột. Buổi tối lúc sắp đi ngủ, vua liền suy nghĩ: “Nay nguyện ta đã thành cũng không còn mong cầu gì, vậy nên chăm sóc cho nhân dân. Nay ta nên làm phước tiện gì? Làm việc gì? Nên hưng khởi việc gì để mọi người dân trong đời được nhờ vào oai đức của ta? Vua suy nghĩ như thế xong liền đi ngủ, ở trong giấc mộng liền nghe bài kệ:

*Quán sát thật vi diệu
Ba đời đều kính thờ
Ngài rộng thí xá-lợi
Bậc Tối Thắng diệt độ.*

Khi nghe lời ấy xong, vua liền tỉnh giấc. Khi đã tỉnh rồi, vua liền than:

*Lành thay! Bậc Chúng Hộ
Sau khi nhập Niết-bàn
Xá-lợi, trời truyền trao
Chúng con phải tôn phụng.*

Tại tôi đã được nghe lời khẩu truyền rằng: Bấy giờ nhà vua liền triệu tập tất cả chúng quần thần đến để hỏi nghĩa của bài kệ ấy và hỏi:

–Ta nên dùng điều gì để cảm hóa nhân dân?

Quần thần và nhân dân, mỗi người đều trình tâu, có người nói nên cúng dường xá-lợi của Như Lai, có người nói nên thờ cúng trời thần. Lúc ấy nhà vua liền bảo:

–Nên dùng lời thành kính để ủng hộ pháp ấy. Đêm qua trong

giác mộng ta có nghe lời ấy, suy nghĩ xá-lợi của Phật hết sức quý giá. Vì thế gian này, chúng ta nên chăm lo, hộ trì cho mọi người thế gian. Tự mình đã được phước mà khi chúng sinh đã được độ thoát thì công đức ấy thật vô lượng. Ta cần phải tu tập oai nghi, ban bố ân từ để làm cho mọi người đều thấy được ánh sáng. Ở trong mộng, ta đã nghe lời nói ấy.

Rồi vua nói kệ:

*Nếu nghe pháp âm kia
Tuệ biết rõ đạo tràng
Ngài là Thích Sư Tử
Nên cúng dường xá-lợi.*

Ngay lúc ấy nhà vua lại mời các Tỳ-kheo đến để hỏi ý nghĩa bài kệ ấy. Các vị Tỳ-kheo bảo:

–Lấy chánh pháp để chỉ giáo.

Nhà vua lại nói với các Tỳ-kheo:

–Điều mà chư Hiền đã nói, cũng là điều trong giấc mộng trẫm đã được nghe. Chắc là đời trước trẫm đã trồng gốc đức.

Khi ấy nhà vua thọ bát quan trai giới trong tám ngày, mặc áo bằng vải trắng, đánh chuông, gõ trống, tấu kỹ nhạc, khảy đàn cầm, đàn sáo, đánh trống, thổi tù và, đốt các thứ hương, ở trong thành La-duyệt lòng mong được xá-lợi. Các Tỳ-kheo liền thưa với vua:

–Chúng tôi được nghe truyền trong thành này có quyển sách bằng vàng và đã được thấy hình dạng của quyển sách ấy. Theo những lời truyền dạy của các bậc tiền nhân nên mới thấy được sách ấy.

Nhà vua suy nghĩ giây lát liền nói:

–Theo sách ấy chắc chắn phải được quả báo vi diệu. Trẫm thật rất muốn mở trap đồng để xem lời văn trong đó.

Nhà vua liền mở trap đồng, thấy có quyển sách bằng vàng và xem lời văn trong sách. (*Quyển sách đó do vua A-xà-thế ghi chép lời huyền ký của Đức Phật là có vua A Thúc ra đời*).

Nhà vua thấy sự chứng nghiệm ấy liền cùng mọi người đọc bản văn này: “Trong thành La-duyệt của nước Ma-kiệt, có một vị

trưởng giả tên là Ba-la-mật-đa-la. Vị ấy có một người con trai tên là Tỳ-xà-da-mật-đa-la. Vị trưởng giả thứ hai tên là Ba-tu-ba-đà-la có một người con trai tên là Ba-tu-đạt-ma. Hai người con của hai trưởng giả này đang vui chơi ở đầu ngã tư đường. Trong khi họ đang vui chơi, vị trưởng giả tử Tỳ-xà-da-mật-đa-la trong lòng hoan hỷ, lấy tay hốt đất dâng cúng (Đức Phật), lại có tâm hoan hỷ giúp đỡ những người khác (làm việc ấy). Sau khi Như Lai nhập Niết-bàn một trăm năm, Tỳ-xà-da-mật-đa-la sẽ xuất hiện ở thế gian. Nhờ công đức lấy đất dâng cúng cho Đức Phật, nên làm một vị vua tên là A Thúc sinh trong dòng họ Một-da”. Khi nhà vua đọc bản văn này xong liền hoan hỷ khen là chưa từng có. Vua lại ra lệnh cho quần thần đọc quyển sách bằng vàng ấy, thì cũng như vua đã đọc không khác. Lời ký bảo rằng: Nhà vua sẽ thống lĩnh toàn thể nhân dân của thế giới này, nhưng không khen ngợi Ba-tu-đạt-ma. Khi ấy nhà vua cất lời tán thán:

–Lành thay! Bậc Đại Phước Điền, con chỉ làm một chút bố thí mà được công đức to lớn, tâm con được hoan hỷ.

Có kinh viết lời vua nói:

–Ta sẽ lấy xá-lợi của bảy tháp, phân bố rộng rãi để hóa độ thế giới.

Lúc ấy ở trong hư không vua nghe tiếng nói của thần thánh:

–Lành thay! Nhà vua thật là bậc trí tuệ chưa từng có, đã hoan hỷ thọ trì xá-lợi của Phật.

Rồi nói bài kệ này:

*Nên phát tâm hoan hỷ
Đức lành không thể bàn
Nên rộng truyền công đức
Dem xá-lợi giáo hóa.*

Vị Thiên vương liền tuôn xuống vô số loại hoa như mưa để cúng dường xá-lợi Phật. Khi ấy vua cho xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp, hoàn thành trong một ngày. Vua bảo với các quần thần:

–Đức Phật có ngôn giáo chân đế như vậy, được thế gian khen ngợi. Nay trăm vì Đức Phật đã diệt độ phân bố xá-lợi cho thế giới. Tâm trăm cũng không có các kết sử, thân thanh tịnh như vàng ròng,

lại cũng như tuyết trắng. Trăm quán thấy đất này chưa từng khởi lên điều ác. Đức Phật cũng như thế, Ngài đã thấy đất này che chở muôn loài nên truyền trao giáo pháp với trí không lay động. Ngài ở trong hang cốc trên đỉnh núi cao chót vót, vô cùng tịch tịnh. Hướng chi trăm phải thống lĩnh tất cả, chúng sinh nên cần quán tất cả đất này đều là phước điền, quán sát muôn loài chúng sinh có đủ mười lực nên đã dựng chùa tháp không có tăng giảm.

Bấy giờ xá-lợi của Đức Thế Tôn có tất cả chủng loại, mỗi hạt xá-lợi tạo ra vô số loại luận.

Khi ấy nhà vua nói:

–Do sức mạnh của vô số Kim cang tam-muội ấy, Thế Tôn dẫu xương cốt phân rã mà tự được xả, an tịnh. Trăm phải làm sao để độ chúng sinh?



SỐ 195

PHẬT NÓI KINH THẬP NHỊ DU

*Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Ca-lưu-đà-già,
người xứ Tây Vực.*

Thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, có vị Bồ-tát là quốc vương. Cha mẹ mất sớm, Ngài bèn nhường ngôi cho em trai, bỏ nước đi tìm cầu học đạo. Đến phương xa gặp được một vị Bà-la-môn họ Cù-đàm, Bồ-tát nhân đó theo vị ấy học đạo. Vị Bà-la-môn bảo Bồ-tát:

–Hãy cởi bỏ y phục vương giả, bện tóc kết cỏ làm áo, như cách ta mặc và mang họ Cù-đàm của ta!

Bồ-tát vâng theo dùng y phục này để mặc, lấy họ là Cù-đàm, giữ chí trong sạch vào trong rừng núi, xa xôi hiểm trở để tọa thiền suy niệm đạo.

Vị Bà-la-môn ấy dạy:

–Ông vốn là vua, lâu nay sống ở nơi cao sang quyền quý. Nay cần học nếp sống cần khổ, mùa hạ thì uống nước, ăn rau quả, mùa đông thì vào thành ấp xóm làng để khát thực rồi trở về dưới gốc cây mà tọa thiền suy tư, chớ nên sai lời.

Nơi Bồ-tát khát thực lại thuộc địa phận nước của ngài, nhưng từ nhà vua cho đến thứ dân không ai nhận ra Bồ-tát, họ gọi Ngài là Tiểu Cù-đàm. Bồ-tát làm một tinh xá trong vườn cam ở ngoài thành để độc cư thiền tọa.

Bấy giờ trong nước có năm trăm tên đạo tặc hung hãn đánh cướp tài sản của quan rồi cao bay xa chạy. Vì con đường chúng đào tẩu ngang cạnh lều Bồ-tát nên dấu chân in rải rác đó đây, vật đánh

cướp được chúng giấu hai bên lều của Ngài.

Sáng mai quan quân truy bắt đạo tặc theo dấu vết dưới đất, xung quanh túp lều của Bồ-tát, bắt Ngài giải lên cấp trên thẩm vấn. Họ cho Bồ-tát là tên cướp hoành hành bá đạo trong nước bấy lâu nay. Chết cũng chưa đền hết tội.

Nhà vua truyền lệnh cho các quan:

–Loại người như vậy theo hình pháp đánh phải dùng cây xuyên thủng thân thể, trói vào thân cây to, để cho máu trong thân hắt chảy tràn ra đất!

Khi đó vị Đại Cù-đàm ở trong núi sâu dùng Thiên nhãn thấy việc ấy liền vận thần túc bay đến hỏi Ngài:

–Ông có tội gì mà phải chịu sự đau đớn tàn khốc như vậy? Bị cây đâm xuyên chẳng đau đớn hay sao mà nhẫn nhục chịu khổ như thế?

Bồ-tát thưa:

–Ngoài thân tuy đau đớn nhưng trong lòng con vẫn giữ trọn niệm từ tâm. Con chẳng biết bị tội gì mà vô cớ bị giết hại như vậy!

Vị Đại Cù-đàm nói:

–Ông không có con cháu lấy ai để nối dõi, lẽ nào nhẫn nhục chịu đau đớn thế sao?

Bồ-tát đáp:

–Mạng người chỉ trong khoảnh khắc, sao lại bàn đến việc cháu con.

Khi ấy quốc vương lệnh cho quan quân dùng cung nỏ, bắn tên giết ngài.

Vị Đại Cù-đàm rơi lệ buồn thương đưa thi hài xuống, đặt vào áo quan khâm liệm, rồi lấy đất bùn vấy máu ngài ở hai bên tả hữu viên lại, rước về tinh xá nơi chốn thâm sơn. Máu phía trái an trí trong chiếc hủ bên trái, phía bên phải thì đặt trong hủ bên phải. Vị Đại Cù-đàm nói:

–Con là người tu đạo, nếu dốc trọn lòng thành kính thì trời thần sẽ khiến cho máu con hóa thành người.

Mười tháng sau viên huyết nê bên trái biến thành người nam, phía bên phải biến thành người nữ. Cả hai đều lấy họ là Cù-đàm.

Một người tên Xá-di Nhân, trong quá khứ hiền kiếp chính là Bảo Như Lai Thích-ca-việt, thọ năm trăm vạn tuổi. Từ đó trở xuống hai mươi lăm vị vua đều thọ ba trăm vạn tuổi. Vua Văn-đà-kiệt thọ một trăm vạn tuổi; vua Đảnh Sinh Giá-ca-việt, vua Tả Tủy, Hữu Tủy đều thọ mười vạn tuổi. Từ vua Hoan Hỷ đến các vua sau này đều thọ tám vạn bốn ngàn tuổi.

Từ khi vua Giá-ca-việt khởi ác niệm giết hại mạng một con bò để cúng tế nên phải mất bánh xe bằng vàng, chỉ được bánh xe bằng bạc, làm chủ ba cõi, thọ một vạn tuổi. Vua Kiên Niệm tạo áo giáp đồng để chinh chiến nên thọ năm ngàn tuổi, hưởng bánh xe bằng đồng, làm chủ hai cõi, ở phía Tây và phía Nam. Vua Hỷ Sát thọ hai ngàn năm trăm tuổi, được hưởng bánh xe bằng sắt, làm chủ cõi phương Nam. Vị thái tử con vua Hỷ Sát vì làm năm điều ác, giết hại cho nên tuổi thọ lại giảm xuống còn một ngàn tuổi. Lúc đó người thọ xưa có chín loại bệnh: lạnh, nóng, đói, khát, sinh, già, bệnh, chết.

Bà-la-môn sát sinh để cúng tế nên từ đó sinh ra bốn trăm loại bệnh. Đến thời vua Sư Tử Niệm, tuổi thọ con người giảm xuống còn một trăm hai mươi tuổi. Từ thời vua Sư Tử Niệm trở về sau; từ vua Sư Tử Ý tiếp nối tám mươi bốn đời vua, thọ mạng con người giảm xuống dần chỉ còn có tám mươi, bảy mươi, năm mươi, ba mươi, hai mươi, và mười tuổi.

Về sau có vị vua Sư Tử Mạng Xa, tên Bạch Tịnh, là phụ thân của Bồ-tát. Tính bao gồm từ khởi thủy đến thân Bồ-tát, trước sau có tám vạn bốn ngàn người đều thuộc dòng họ vua Giá-ca-việt tộc Cù-đàm, họ là Thuần Thực.

Bồ-tát trú tại cung trời Đâu-thuật, hưởng ý hạ sinh nên từ cung trời quan sát để xem có thể giáng sinh vào quốc thổ của ai. Bồ-tát thấy rằng chỉ có gia tộc của vua Bạch Tịnh là có thể giáng sinh.

Khi ấy ở cõi trời có một thân cổ mộc tên gọi Đâu-đàm, Bồ-tát rời bỏ cây đó đến ngồi dưới gốc cây khác tư duy, khiến cây Đâu-đàm lịm tắt ánh tinh quang. Có vị trời thưa hỏi:

–Duyên cơ gì Bồ-tát lại bỏ chỗ ngồi thường lệ mà đến ngồi

dưới gốc cây khác?

Có vị Thiên tử biết rõ ý Bồ-tát nên trả lời:

–Ngài không rõ sao? Nay Bồ-tát hướng ý hạ sinh cõi Diêm-phù-lợi nên quán sát có thể hạ sinh vào quốc thổ nào. Bồ-tát thấy chỉ có gia đình Bạch Tịnh vương là có thể giáng sinh được.

Chư Thiên đồng cất tiếng:

–Nay Bồ-tát hạ sinh, chúng ta nên lấy gì để làm lễ vật tiến đưa Ngài?

Thiên chúng cùng nhau bàn luận quyết định:

–Chỉ trên cõi trời Tịnh Minh mới có bốn trăm món tứ bảo, chạm trở khéo léo, đặc biệt khác thường, mỗi loại đều có tên riêng, đều kết hoa báu. Nên dùng chúng làm xe để Bồ-tát cỡi.

Long vương Y-la-mạn dùng chúng tạo thành xe gọi là Bạch tượng xa; lông và cánh của Bạch tượng trắng hơn cả tuyết trên núi Tuyết. Con voi có ba mươi ba cái đầu; mỗi đầu có bảy cái ngà; trên mỗi chiếc ngà có bảy cái ao; trong mỗi ao có bảy đóa hoa sen Ưu-bát và trên mỗi đóa hoa đều có một ngọc nữ. Bồ-tát cùng tám vạn bốn ngàn Thiên tử cỡi xe báu Bạch tượng xuống trần.

Ngay khi ấy, phu nhân của vua Bạch Tịnh trong giấc điệp mơ màng thấy con voi trắng thấp thoáng, tỉnh giấc hoảng sợ tâu lên đức vua.

Thân phụ của Bồ-tát tên là Bạch Tịnh. Anh em trong hoàng tộc của cha Ngài gồm bốn người. Vua Bạch Tịnh có hai người con, người con lớn tên Tất-đạt, người con nhỏ tên Nan-đà. Mẹ của Bồ-tát tên là Ma-da, mẹ của Nan-đà tên là Cù-đàm-di. Thúc phụ của Bồ-tát là vua Cam Lộ Tịnh cũng có hai người con, trưởng nam tên Điều-đạt, thứ nam tên là A-nan. Người chú giữa của Bồ-tát là vua Học Tịnh có hai người con, con lớn tên Ma-ha-nạp, thứ nam tên A-na-luật. Người chú út của Bồ-tát là vua Thiết Tịnh có hai người con, vị lớn tên là Thích-ca-vương, vị nhỏ tên là Thích-thiếu-vương.

Nước Ca-duy-la-duyệt có tám tòa thành, gồm chín trăm vạn hộ. Điều-đạt sinh vào ngày mồng bảy tháng tư; Đức Phật đản sinh vào ngày mồng tám tháng tư; Nan-đà, em trai của Đức Phật sinh vào ngày mồng chín tháng tư; A-nan sinh ngày mười tháng tư. Thân của

Điều-đạt cao một trượng năm mươi bốn tấc, thân của Đức Phật cao một trượng sáu thước, thân của Nan-đà cao một trượng năm mươi bốn tấc, thân của A-nan cao một trượng năm mươi ba tấc; người trong dòng họ Xá-di, thân quyến của Đức Phật cao một trượng bốn thước. Ngoài ra, người dân trong nước đều cao một trượng ba thước.

Gia tộc bên ngoài của Bồ-tát cách thành tám trăm dặm, là một vị tiểu vương tên Nhất Úc thuộc họ Cù-đàm-thị, cai quản một trăm vạn hộ. Gia đình phía vợ của Bồ-tát cũng thuộc họ Cù-đàm-thị. Trưởng giả Xá-di tên gọi Thủy Quang, nhạc mẫu của Bồ-tát tên là Nguyệt Nữ, sống trong một tòa thành bên cạnh chỗ ngài trú. Khi hạ sinh con gái, mặt trời sắp lặn, ánh dương buổi hoàng hôn soi rọi khắp nội thất, nhân đó đặt tên là Cù-di (*nghĩa là “người con gái của ánh sáng”*). Cù-di là vợ thứ nhất của Thái tử, cha nàng là trưởng giả Thủy Quang. Người vợ thứ hai của Thái tử sinh hạ La-vân, tên là Da-duy-đàn; cha của nàng là vị trưởng giả tên Di-thí. Người vợ thứ ba tên là Lộc Dã, cha của nàng là Thích trưởng giả.

Vì Thái tử có ba phu nhân, nên phụ hoàng cho xây ba tòa cung điện hợp với ba mùa, mỗi cung điện có hai vạn mỹ nữ, ba cung điện gồm sáu vạn mỹ nữ. Để buộc thái tử tiếp nối dòng hoàng tộc Giá-ca-việt nên vua phải tuyển đến sáu vạn thiếu nữ đẹp.

Đức Phật xuất gia vào năm hai mươi chín tuổi, năm ba mươi lăm tuổi Ngài thành đạo.

Năm thứ nhất sau khi thành đạo từ mùng tám tháng tư đến ngày rằm tháng bảy, Ngài thiền tọa dưới cây. Năm thứ hai tại vườn Lộc-dã, Ngài thuyết pháp cho nhóm các ông A-nhã-câu-lân, nhóm các ông Tất-bà-ban, và nhóm mười bảy người các ông Ca-giả-la. Ngài cũng giảng pháp cho trưởng giả Đại Tài và Ưu-bà-di Nhị Tài Niệm, thuyết pháp cho Chánh Niệm Ni-kiến, và cho nhóm bốn mươi hai người các ông Đề-hòa-kiệt-la. Năm thứ ba ngài truyền dạy chánh pháp độ ba anh em Uất-vị Ca-diếp là đủ số một ngàn vị Tỳ-kheo. Năm thứ tư ngài thuyết pháp độ loài rồng, quỷ thần ở trên núi Tượng đầu. Năm thứ năm ngài thuyết pháp độ Tư-ha-vị tại vườn Trúc.

Năm năm qua, Đức Phật vẫn chưa đến nước Xá-vệ. Lúc đó

ngài Xá-lợi-phất là Bà-la-môn, có một trăm hai mươi lăm đệ tử đang ngồi dưới một gốc cây. Đúng lúc ngài Mục-liên đang là tướng quân Thừa tướng của nước Di-di-la, khởi hành ngang qua thấy ngài Xá-lợi-phất đang tĩnh tọa dưới cây liền hỏi:

–Ngài ngồi chỗ này để làm gì?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi muốn học đạo.

Ngài Mục-liên nói:

–Tôi xin được kết bạn cùng Ngài.

Nói xong Ngài Mục-liên liền lệnh cho quan, quân tùy tùng trở về, chỉ giữ lại một trăm hai mươi lăm người. Hai vị hợp lại có tổng cộng hai trăm năm mươi người.

Ngài Xá-lợi-phất vào thành khất thực, gặp đệ tử của Đức Phật là Tỳ-kheo Mã Sư liền hỏi:

–Vì sao y phục của ngài không giống y phục của các tu sĩ thường dùng?

Tỳ-kheo Mã Sư đáp:

–Tôi là đệ tử của Đức Phật.

Ngài Xá-lợi-phất liền hỏi:

–Đức Phật thuyết pháp dạy như thế nào?

Ngài Mã Sư đáp:

–Các pháp đều theo nhân duyên sinh khởi, khi nhân duyên diệt đoạn thì các khổ đều tận diệt.

Ngay khi đó, ngài Xá-lợi-phất đạt được quả Tu-đà-hoàn. Tôn giả vui mừng, trở về báo cho ngài Mục-liên rằng:

–Thế gian nay đã xuất hiện Bạc Thánh Nhân!

Ngài Mục-liên hỏi:

–Ngài nói pháp dạy gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói lại trọn vẹn lời dạy trên. Vừa nghe xong ngài Mục-liên cũng đắc quả Tu-đà-hoàn. Hai Tôn giả liền cùng nhau dẫn các đệ tử đi đến chỗ Đức Phật. Tuy hai ngài chưa đến, Đức Phật đã biết trước nên báo cho các vị Tỳ-kheo:

–Hiện nay đang có hai vị thiện sĩ, một vị được gọi là bậc Tỳ-kheo trí tuệ, một vị được gọi là bậc Tỳ-kheo thần túc trong khoảnh

khắc sẽ đến đây.

Đức Phật vì hai ngài thuyết pháp Tứ đế. Sau bảy ngày, Tôn giả Xá-lợi-phất chứng quả A-la-hán. Tôn giả Mục-liên sau mười lăm ngày cũng chứng quả A-la-hán.

Năm thứ sáu, trưởng giả Tu-đạt cùng thái tử Kỳ-đà kiến tạo tinh xá, làm mười hai ngôi chùa tháp, bảy mươi hai giảng đường, ba ngàn sáu trăm phòng ốc, năm trăm lầu gác dâng cúng Đức Phật.

Năm thứ bảy, Ngài giảng kinh Ban-chu cho chư Bồ-tát Bà-đà-hòa gồm tám vị, ở nước Câu-da-ni.

Năm thứ tám, Ngài thuyết pháp độ hoàng đệ của vua Truân-chân-đà-la trong rừng Liễu sơn.

Năm thứ chín, Ngài thuyết pháp độ Đà-khuật-ma tại núi Uế trạch.

Năm thứ mười, Ngài trở về nước Ma-kiệt thuyết pháp độ vua Phát-ca-sa.

Năm thứ mười một, Đức Phật giảng giáo lý Bốn khởi cho Ngài Di-lặc dưới gốc cây Khủng cụ.

Năm thứ mười hai, Ngài trở về vương thổ quê nhà, thuyết pháp cho Sai-ma-kiệt ở tĩnh am họ Thích, cách thành tám mươi dặm; rồi về cung thuyết pháp cho phụ vương và dòng họ Thích-ca, độ tám vạn bốn ngàn người, đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Trong mười hai năm du hóa truyền đạo, Đức Phật đã đi qua mười bốn quốc gia như: (quốc thổ) của vua Ba-tư-nặc (*Tấn¹ dịch âm là Hòa duyệt*), nước Ca-duy-la-việt (*Tấn dịch âm là Diệu đức*), nước Xá-vệ (*Tấn dịch ý là không vật nào không có*), nước Duy-da-ly (*Tấn dịch âm là Quảng đại hay Độ sinh tử*), La-duyệt-kỳ (*Tấn dịch ý là thành Vương xá*), nước Cửu-lưu (*Tấn dịch ý là nước Trí Sĩ*), Ba-la-nại (*Tấn dịch âm là Lộc dã, dịch ý là nước của chư Phật*).

Trong cõi Diêm-phù-đề có mười sáu nước lớn gồm tám vạn bốn ngàn thành. Có tám vị vương hầu, bốn vị Thiên tử. Phía Đông có Thiên tử nước Tấn, nhân dân đông đúc; phía Nam có Thiên tử nước

¹ Tấn: tên gọi một nước của Trung hoa cổ đại.

Thiên trúc, vùng đất có nhiều voi quý; phía Tây có Thiên tử nước Đại tần, quốc thổ phú cường nhiều vàng, bạc, ngọc bích; phía Bắc có Thiên tử nước Nguyệt chi, quốc gia có nhiều ngựa tốt. Trong tám vạn bốn ngàn tòa thành có sáu ngàn bốn trăm chủng tộc người, hàng vạn loại ngôn ngữ, năm mươi sáu vạn ức (56.000.000.000) ngôi làng; có sáu ngàn bốn trăm loài cá, bốn ngàn năm trăm giống chim; hai ngàn bốn trăm loại thú; có hàng vạn thứ cây, tám ngàn loại cỏ, bảy trăm bốn mươi loại tạp dược, bốn mươi ba loại tạp hương, có một trăm hai mươi một loại châu báu, bảo vật trân kỳ có bảy loại. Hai ngàn năm trăm nước sống trên biển, có một trăm tám mươi nước thường dùng ngũ cốc, ba trăm năm mươi nước thường ăn cá rùa, ba ba, kỳ đà biển. Năm vị quốc vương, mỗi vị làm chủ năm trăm tòa thành. Vị vua thứ nhất tên là Tư Lê Quốc, toàn quốc theo đạo Phật, không theo các tôn giáo khác. Vị vua thứ hai tên Ca-la, trong nước thường có bảy loại trân bảo. Vị vua thứ ba tên là Bất-la, trong nước thường xông tỏa bốn mươi hai mùi hương và xuất hiện bạch ngọc. Vị vua thứ tư tên Xà-da, trị vì vùng lãnh địa sản sinh hai loại cây Tất-bát và Hồ thúc. Vị vua thứ năm tên là Na-ất, trong lãnh thổ có loại ngọc trắng và ngọc lưu ly bảy màu. Người dân trong kinh thành năm nước lớn này phần nhiều da đen, tầm vóc nhỏ thấp, sống cách nhau sáu mươi lăm vạn dặm. Từ đó đi về phía núi Thiết vi một trăm bốn mươi vạn dặm chỉ có nước biển, không có dân cư trú.



SỐ 196

KINH TRUNG BỔN KHỞI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Tây vực

Sa-môn Đàm Quả và Khương Mạnh Tường.

QUYỂN THƯỢNG¹

Phẩm 1: CHUYỂN PHÁP LUÂN

Tôn giả A-nan nói:

Lúc trước tôi theo hầu Đức Phật được nghe như sau:

Một thuở nọ Đức Phật trú dưới cội Bồ-đề tại đạo tràng Thiện thắng thuộc cương thổ nước Ma-kiệt-đề, Đức Đại Hùng hàng phục chúng ma, Thánh tâm an tịnh tuệ giác viên mãn, thông đạt ba đức: Thiên nhãn, túc mạng và lậu tận vô ngại, độ hai thương gia Đề-vị và Ba-li², truyền trao ba phép tự quy y và năm giới, để họ trở thành Ưu-bà-tắc. Đức Thế Tôn nhớ lại trong quá khứ có Đức Cổ Phật tên là Định Quang, Ngài nhờ lễ bái danh hiệu Đức Phật này, nên được Phật ấy thọ ký:

—Trong chín mươi mốt kiếp về sau, ông sẽ thành Phật tên là Thích-ca Văn, hiệu Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Bậc Chúng Hựu cứu độ chúng sinh như Ta hiện

¹. Trong bộ Trường A-hàm, kinh này có tựa là Tứ Bộ Tăng.

². Đề-vị: (Pāli: Trapusa) còn gọi là Đế-lê-phú-ta, Qua-li-vị... Ba-li: (Pāli: Bhalika) còn gọi là Bạt-lê-ca, Ưu-bà-li...

nay.

Từ đó đến nay, Ta tu tập điều phục bốn tâm, hành trì sáu độ đến chỗ viên mãn diệu lý, tích lũy công hạnh; bốn Bình đẳng tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả) không khi nào thoái giảm, thực hành các hạnh khó làm, chịu vô lượng khổ đau, công đức tròn đủ nên được thành Phật.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Ta vốn phát tâm thệ nguyện khi trời Đế Thích vì chúng sinh đến thỉnh pháp sẽ mở cửa pháp cam lộ. Ai thích hợp để được nghe trước tiên? Trước đây, Ta xuất gia học đạo, trên đường đi vị Phạm chí A-lan-ca-lan có bảo chờ đến khi Ta chứng ngộ. Do vậy nên độ vị ấy trước”.

Nghĩ thế rồi hướng ý đi tìm. Chư Thiên theo Thiên ý ở trên không trung thưa:

– Vị ấy đã mất cách đây bảy ngày.

Đức Phật bảo:

– Khổ thay! Nay A-lan-ca-lan, cửa pháp cam lộ đang mở sao ông không được nghe.

Đức Phật lại nghĩ: “Cửa pháp cam lộ đang mở, ai là người kế tiếp đáng được nghe? Uất-đầu-lam-phất là vị kế tiếp xứng đáng được nghe”.

Ngài vừa đứng dậy hướng ý đi tìm, chư Thiên lại thưa:

– Vị đó mới mạng chung vào chiều hôm qua.

Đức Phật nói:

– Vị ấy sẽ mãi mãi bị suy thoái, diệu pháp cam lộ đang mở bày lại không được nghe, bị trôi dạt trong vòng sinh tử, làm sao chấm dứt sự luân chuyển trong năm đường, đau khổ biết bao!

Đức Phật lại suy nghĩ: “Trống pháp cam lộ vang rền khắp ba ngàn cõi trời, ai nên được nghe trước? Xưa kia phụ vương Ta lệnh cho năm người là:

1. Câu-lân.
2. Át-bệ.
3. Bạt-đề.
4. Thập Lực Ca-diếp.
5. Ma-nam-câu-lợi dâng mè lúa cho Ta.

Hầu hạ Ta rất cực nhọc, nên báo đáp công đức ấy”.

Khi đó năm vị này đều ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ Đức Như Lai mới từ cõi Bồ-đề đứng dậy với thân tướng tốt đẹp uy nghi trang nghiêm, ánh minh quang bùng tỏa khắp thế gian, thần khí oai hùng chấn động muôn phương khiến người người trong thấy đều hoan hỷ. Ngài đi thẳng đến nước Ba-la-nại, giữa đường Ngài gặp một vị Phạm chí tên là Ưu-hu. Thoáng thấy thân tướng oai nghi trang nghiêm rực rỡ của Đức Thế Tôn, ông ta vừa kinh hãi, vừa vui mừng đứng một bên đường cất tiếng khen ngợi:

–Thật là sức oai thần làm cảm phục lòng người, uy nghi thanh thoát đỉnh đạc! Ngài nương học với vị thầy nào mà được tư dung như vậy?

Đức Phật vì Ưu-hu nói bài tụng:

*Tự ngộ tám Chánh đạo
Không ly, không ô nhiễm
Tất ái, phá lưới dục
Tự nhiên, chẳng nhờ thầy.
Ta tu hành, không thầy
Một mình, không bạn lữ
Tích hạnh thành Phật vị
Từ nay truyền đạo Thánh.*

Ưu-hu hỏi Đức Phật Cù-đàm:

–Nay Ngài đi đến đâu?

Đức Phật bảo vị Phạm chí:

–Ta muốn đến vương quốc Ba-la-nại, đánh trống pháp cam lộ, chuyển pháp luân vô thượng mà các Thánh nhân trong ba cõi chưa từng truyền giảng, khiến mọi người đều đạt được Niết-bàn như ta hiện nay.

Ưu-hu vô cùng hoan hỷ thưa:

–Tốt lành thay! Thật là tốt lành! Đúng như lời Đức Cù-đàm nói, kính xin Ngài mở bày diệu pháp cam lộ, đúng như thế truyền giảng chánh pháp.

Đức Như Lai vào kinh đô nước Ba-la-nại, đi tới các cõi cây trong vườn Nai thuộc vùng đất tên gọi Cổ tiên nhân, chỗ năm vị kia

đang họp trú. Năm vị ấy từ xa trông thấy Đức Phật đi đến, liền cùng nhau bàn luận:

–Chúng ta bền bỉ chịu khổ, xa lìa gia đình, trèo non vượt núi khổ cực vô cùng để dâng cúng mè lúa cho người này, nghĩ rằng vị ấy có thể kham nhẫn được. Nhưng vì về sau, trong cuộc chiến với tập khí phiền não trong nội tâm, vị ấy lại mềm yếu, thoái tâm. Do vậy bây giờ vị ấy trở lại đây, một hạt mè, một hạt lúa chúng ta cũng không cúng. Nay muốn xin ăn thì làm sao có thể biện bạch gì? Chúng ta chỉ nhường cho vị ấy một chỗ ngồi, nhưng mỗi người không quỳ, không thăm hỏi gì. Vị ấy thấy không an lạc chắc chắn phải tự bỏ đi mà thôi.

Khi đó Đức Thế Tôn vì năm vị ấy hiển bày Phạm tướng vi diệu. Cả năm vị không có chủ ý nhưng đồng đứng dậy đánh lễ, hầu hạ Ngài như trước. Đức Phật hỏi năm vị ấy:

–Các ông cùng nhau bàn luận là không được đứng dậy, vì sao nay lại đánh lễ?

Họ đều thưa:

–Chúng tôi vì Ngài nên ở lại đây bền tâm trải qua bao nhiêu sự khổ nhọc. Vua Tịnh Phạn bạo ngược xa lìa đạo đều bởi do Ngài đó.

Đức Phật bảo năm vị ấy:

–Các ông chớ có ý niệm khinh rẽ Như Lai. Như Lai là Đấng Toàn Giác Bình Đẳng Tối Thượng, Bạc Vô Thượng Chánh Chân, Đấng Đại Giác Tối Thượng. Các ông không nên dùng ý niệm trong vòng sinh tử mà đối xử. Vì sao được tương kiến với Ta, các ông lại gọi tên của phụ thân Ta?

Ngài lại nói với họ:

–Các ông hãy quan sát thân tướng của Ta có giống như lúc ở dưới gốc cây trước đây không?

Năm vị ấy trả lời:

–Trước đây thân Ngài tiểu tụy, nay tươi sáng rực rỡ. Lúc trước Ngài tĩnh tọa dưới gốc cây, thân ngay mắt khép, mỗi ngày chỉ dùng một hạt mè, hạt lúa mà còn cho là chẳng phải con đường giác ngộ. Nay Ngài đã trở lại vòng thế sự ăn mặc tùy thích làm sao cho đó là con đường chánh giác được?

Đức Phật dạy năm vị ấy:

–Thế gian có hai việc khiến người ta tự hại và bị mọi người khinh thường.

Hai việc ấy là gì? Đó là sát sinh và dâm dục phóng dăng, ỷ lại vào giàu sang nên sinh tâm tham đắm dục lạc làm khổ cực mệt mỏi thân thể, nội tâm không có tư niệm giải thoát. Xa rời hai việc ấy, chẳng phải là bậc Hiền thánh sao? Ta đối với chín mươi sáu học lý trước đây không hề rời bỏ, vì tâm Ta an trú trong Trung đạo, không bị ràng buộc vào hai cực đoan. Tâm an trú trong Trung đạo là thế nào? Chính là liễu giải con đường đưa đến tuệ giác, thông đạt tất cả các loại trí tuệ, sáu năng lực thân thông đều liễu tri, thực hành trọn vẹn tám pháp chánh đạo. Đó gọi là tâm an trú trong trung đạo, trụ trong Niết-bàn.

Đức Phật giảng xong nhưng cả năm vị vẫn chưa thể lĩnh hội. Sau đó, khi ba vị này đi khát thực thì hai vị kia ở lại hầu Đức Phật. Đức Phật giảng nỗi khổ đau từ sắc cho hai vị ấy:

–Tất cả nạn tai đều từ sắc dục sinh ra. Vạn vật mà ta ưa thích đều là vô thường, con người cũng không thường trụ. Giống như nhà ảo thuật, biến hóa mọi vật theo ý muốn, kẻ ngu thấy vậy say mê, tham đắm không nhàm chán nhưng nhà ảo thuật hiểu rõ sự huyền hóa ấy nên không bị lôi kéo, không bị mê đắm. Vì sao vậy? Vì đó là vật giả hiện, không phải là chân thật.

Đức Phật vì hai vị ấy nói bài tụng:

*Phóng tâm theo dâm dục
Gốc dục lớn càng nhanh
Sắc buộc, oán họa sinh
Họa tiêu bởi lìa dục.*

Khi hai vị kia đi khát thực, ba vị này ở lại hầu Đức Phật, Ngài giảng nỗi khổ từ tham cho họ:

–Ham lợi cầu vinh là điều kẻ mê loạn, cuồng si thường đắm đuối. Tất cả công đức, hạnh lành bị phá hủy, làm hại đều do lòng tham. Được thì vui mừng, mất thì phẫn nộ, tâm trạng ấy kẻ tham dục không hề nhàm chán. Cái lợi ấy thật là hiểm nguy mỏng manh như

đám phù vân thoáng trôi qua. Khi già bệnh chết đến, nó sẽ tan hoại chẳng thể chia sẻ cho ai. Giống như người nằm mộng, tỉnh giấc chẳng còn thấy gì. Bậc trí cần rời bỏ tham dục mới được đại tịch tĩnh.

Đức Phật vì ba vị ấy nói bài tụng:

*Ý dục tham như đất
Dưỡng giống luyến si tâm
Đoạn niệm tham cầu lợi
Vĩnh viễn thoát ưu sầu.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhân đó tuyên giảng pháp yếu rộng rãi, không phân biệt, năm vị nghe xong liền thấu hiểu, xin làm đệ tử.

Đức Phật tuyên nói:

–Thiện lai Tỳ-kheo.

Cả năm vị được thâm nhận thành Sa-môn. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, có hai việc lôi cuốn đưa người tu tập đến bờ khổ não. Một là nhớ nghĩ đến sắc dục, làm cho tâm ý không an tịnh. Hai là tham luyến, buộc ràng với ái dục, làm cho chí hạnh không thể thanh tịnh. Hai việc ấy khiến bậc tu hành bị lôi cuốn trở lại với các tà hạnh sinh ra không gặp Phật, chống trái và xa lìa chánh đạo. Nếu nỗ lực đoạn ly dục tham, tinh tấn trau dồi tuệ mạng có thể đạt được Niết-bàn. Niết-bàn là gì? Trước tiên phải tuệ tri Tứ đế. Tứ đế là gì? Một là Khổ, hai là Tập, ba là Tận, bốn là Nhập đạo. Như vậy, này các Tỳ-kheo, cần nuôi dưỡng tuệ giác, nhất tâm thiền quán sẽ thể đạt được đạo. Pháp nhãn sáng tỏ sẽ giải ngộ được Tứ đế, bắt đầu dục vào dòng Thánh đạo.

Thế nào gọi là Khổ?

Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; lo lắng, bi thương, tức giận buồn bực là khổ; yêu thương nhưng phải xa lìa là khổ; oán ghét mà phải gặp nhau là khổ; cầu mong nhưng không được là khổ. Tất cả khổ đau đều từ năm ấm, chấp thủ năm ấm là khổ.

Thế nào gọi là Tập?

Tất cả những gì ràng buộc với ái đều là Tập, thoát ly ái thì Tập không còn.

Thế nào gọi là Tận?

Từ tuệ giác rõ biết tất cả phiền não đều có gốc rễ từ ái thì ái tận diệt. Tâm lặng tắt ái, không bị ái nhiễm nên tỉnh giác hoàn toàn. Như thế gọi là Tận.

Thế nào gọi là Nhập đạo?

Chính là tám đạo lộ chân chánh. Một là Chánh kiến, hai là Chánh lợi, ba là Chánh ngôn, bốn là Chánh hạnh, năm là Chánh mạng, sáu là Chánh tri, bảy là Chánh chí, tám là Chánh định.

Đó là Khổ, Tập, Tận và Nhập đạo. Chân lý ấy vốn là vô sinh, vì vô sinh nên không già, vì không già nên không bệnh, vì không bệnh nên không chết, vì không chết nên không dẫn đến khổ đau. Không khổ đau là trạng thái an lành tối thượng, hướng đến Niết-bàn. Bấy giờ Đức Như Lai liền nói bài tụng:

*Đạo lớn không qua lại
Lý huyền diệu tịch không
Thế vô tử, vô sinh
Niết-bàn an tịnh xứ.
Tối thượng đại tịch tĩnh
Tối thắng không tạo tác
Thiên xứ cảnh mỹ thanh
Niết-bàn vượt Thiên xứ.*

Đức Phật giảng xong bài pháp, năm vị nhóm ông Câu-lân đều đắc được pháp nhãn.

Đức Phật hỏi:

–Này Câu-lân, ông đã thể hội chưa?

Tôn giả Câu-lân từ chỗ ngồi đứng dậy thưa:

–Bạch Thế Tôn, con vẫn chưa thể hội.

Đức Phật lại giảng cho Tôn giả Câu-lân:

–Này Câu-lân trong quá khứ xa xưa về trước, có một vị vua tên là Ác Sinh cùng các cung tần mỹ nữ vào núi vui chơi. Vua ra lệnh các quan tùy tùng đứng dưới chân núi, chỉ dẫn các cung nữ thả bước tiến lên đỉnh núi. Lúc ấy nhà vua rất mệt mỏi nên nằm nghỉ, đoàn cung nữ để nhà vua ở lại, đi hái hoa. Thấy một hiền sĩ đang tĩnh tọa dưới gốc cây, lòng họ rất hân hoan nên đều đến đánh lễ. Vị hiền sĩ

cất tiếng gọi:

– Các cô hãy đến đây!

Ngài bảo các cung nữ ngồi xuống rồi thuyết pháp cho họ nghe.

Nhà vua tỉnh giấc đi tìm các cung nữ, thấy họ đang ngồi trước một vị tu sĩ. Nhà vua bản tánh hay đổ kỵ nên liền khởi lên ác tâm, hỏi vị hiền sĩ:

– Tại sao người dụ dỗ các cung nữ của ta? Người là ai mà ngồi ở đây?

Vị hiền sĩ biết trước ý vua nhất định sẽ xuống tay hung bạo, làm hại liền đáp:

– Tôi là người tu hạnh nhẫn nhục.

Nhà vua liền rút gươm chặt đứt hai cánh tay của vị hiền sĩ rồi hỏi tiếp:

– Người là ai?

Ngài đáp:

– Quả thật tôi là người tu hạnh nhẫn nhục!

Nhà vua lại xẻo tai, cắt mũi vị hiền sĩ, nhưng tâm ngài vẫn kiên cố bất động. Ngài vẫn trả lời:

– Tôi là người tu hạnh nhẫn nhục.

Nhà vua thấy sắc mặt của vị hiền sĩ không hề biến đổi, bèn hối hận đến trước ngài xin sám hối. Vị hiền sĩ bảo nhà vua:

– Nay ngài vì nữ sắc đã dùng đao cắt chặt thân ta. Nhưng lòng nhẫn nhục của ta như mặt đất, ta nhất định sẽ đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Ta sẽ dùng trí tuệ toàn giác để đoạn trừ sinh tử của ngài.

Nhà vua tự nghĩ mình tội quá nặng, chắc chắn phải chịu nhận lãnh tai ương nặng nề nên cúi đầu sát đất, xin hiền giả xót thương tha thứ.

Vị hiền sĩ bảo nhà vua:

– Nếu hạnh nhẫn nhục của ta là chân thật, máu của ta sẽ biến thành sữa, những thương tích trên thân ta sẽ lành lại như xưa.

Đúng như lời ngài nói, máu hóa thành sữa và thân ngài bình phục lại như trước.

Nhà vua thấy sự hiển hóa chứng minh cho đức nhẫn của ngài,

liền cúi mong ngài cứu độ, thành khẩn thưa:

–Nếu ngài thành đạo Chánh giác xin độ cho con trước tiên.

Vị hiền sĩ hứa chấp thuận. Nhà vua thoát khỏi cơn cuồng mê, bấn loạn, từ tạ vị hiền sĩ lui gót về cung.

Đức Phật bảo Câu-lân:

–Vị hiền sĩ tu hạnh nhẫn nhục lúc ấy chính là Ta, còn vua Ác Sinh thuở đó chính là ông. Nay Câu-lân, ông đã thể hội chưa?

Tôn giả Câu-lân bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn, con đã thông đạt.

Khi Đức Phật thuyết bài pháp ấy xong, năm vị Tôn giả nhóm ngài Câu-lân tâm trí bừng sáng, tất cả lậu hoặc đều rơi rụng. Cả năm vị đều chứng quả La-hán, tám vạn Thiên tử ở trên các cõi trời đều đắc pháp nhãn, ba ngàn thế giới bị chấn động mạnh.

Đó là lần đầu tiên Đức Như Lai ở nước Ba-la-nại chuyển pháp luân vô thượng mà trước đây chưa ai chuyển, rộng độ tất cả khiến không người nào không an lạc.

M

Phẩm 2: BIẾN HIỆN³

Bấy giờ trong thành Ba-la-nại có một vị trưởng giả tên là A-cụ-lợi, có một người con tên là Dã Dã (*nước Tấn gọi là Bảo Xứng*). Năm Bảo Xứng được hai mươi bốn tuổi bỗng sinh ra điều kỳ diệu, mỗi khi chàng cất chân đều có đôi guốc bằng ngọc lưu ly hiện ra. Cha mẹ rất quý điểm dị thường ấy nên đặt tên chàng là Bảo Xứng, xây riêng cho chàng một ngôi nhà, trong đó các chỗ ở hợp với thời tiết nóng lạnh khác nhau, luôn có kỹ nữ tấu nhạc suốt đêm ngày. Vào một ngày nọ, Bảo Xứng giữa đêm choàng tỉnh dậy, nhìn thấy các nàng hầu ngủ say dường như những cái xác không hồn, máu mũi chảy đầy, chân tay rời rã, nằm la liệt khắp cả gian phòng tựa như bãi tha ma. Chàng hoảng hốt bỏ chạy ra cửa thì cửa liền tự mở. Lúc ấy đất trời

³. Còn có tên là phẩm Thiện Lai.

tối tăm mù mịt chỉ thấy một tia ánh sáng, chàng theo đó chạy đến cửa thành phía Đông, cửa thành lại tự mở. Một vầng sáng tỏa chiếu tại vườn Nai, chàng tìm theo vầng sáng ấy đi đến chỗ Đức Phật. Vừa nhìn thấy tướng Đức Phật tốt đẹp lạ thường, diện sáng trong lành, thân cao vòi vọi, tâm trạng cuồng loạn, kinh hoàng của chàng đều tan biến. Chàng cất tiếng than:

–Lâu nay ta ở mãi trong ngục ái ân, bị gông cùm danh sắc trói buộc, chẳng bằng nay theo Đấng Tối Tôn lại không được giải thoát sao?

Đức Phật dạy:

–Này chàng trai, hãy khéo đến với Bạc Toàn Giác. Nơi đây không có sự lo âu, tất cả hành⁴ đều vắng lặng.

Bảo Xứng đến trước lạy dưới chân Đức Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật vì Bảo Xứng thuyết pháp, nghe xong chàng liền đắc được pháp nhãn vô cấu, bèn rời chỗ đứng tới trước Phật bạch:

–Cúi xin Thế Tôn cho con được làm đệ tử.

Đức Phật tuyên nói:

–Thiện lai Tỳ-kheo.

Bảo Xứng được thâm nhận thành Sa-môn.

Sáng sớm các cô gái thức giấc không thấy chàng Dã Dã, hoảng hốt tìm kiếm khắp nơi, than vắn thở dài khóc lóc. Trưởng giả hoảng sợ mới hỏi cố sự, các nàng hầu thưa:

–Không biết Bảo Xứng nay ở đâu?

Trưởng giả lo sợ, lập tức sai người cỡi ngựa tìm kiếm khắp nơi. Còn trưởng giả thì cỡi xe của con mình chạy về phía Đông tìm kiếm. Con đường dẫn ông tới một con sông tên Ba-la-nại. Vượt qua dòng sông, trưởng giả tìm thấy đôi guốc báu của con cỡi bỏ lại bên bờ sông. Ông liền theo dấu chân thảng đến vườn Nai. Đức Phật dùng phương tiện, khiến cho hai cha con không thấy nhau.

Trưởng giả thấy uy nghi trang nghiêm và thân tướng tốt đẹp của Đức Phật trong lòng mừng lo lẫn lộn quên mất sự cung kính, vội hỏi Đức Phật:

4. Hành: tạo tác của thân, miệng và ý.

–Con của tôi tên là Bảo Xứng, dấu chân của nó tới đây, Đức Cù-đàm có thấy không?

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Nếu con của ông ở đây, lo gì mà không thấy.

Đức Phật thuyết pháp cho ông:

–Sinh tử do si mê, sự ân ái nào cũng có chia ly, trừ bỏ hai mươi ức (2.000.000) điều ác sẽ đạt được quả Dự lưu.

Lúc ấy tâm của Bảo Xứng thông suốt, liền chứng quả A-la-hán. Cha con gặp nhau nhưng tình cảm không còn luyến tiếc như trước, trưởng giả vui mừng rời chỗ ngồi bạch Đức Phật:

–Hôm nay tâm con rất hân hoan, trong lòng có hai điều vui: một là vui vì được diện kiến Thế Tôn, thấu hiểu được pháp, hai là vui vì xa lìa được ái nhiễm.

Lúc bấy giờ, Bảo Xứng có bốn người bạn thân là Phú Nhục, Duy-ma-la, Kiều Viêm Bát và Tu-đà. Họ nghe Bảo Xứng đã xuất gia làm Sa-môn, vừa mừng vừa kinh ngạc đến nỗi lông tóc dựng đứng bảo nhau:

–Bảo Xứng là người đức cao trọng vọng, trí tuệ hơn người, danh tiếng vang lừng cả nước, chúng ta đều quy phục anh ấy, nay đã là Sa-môn. Chắc hẳn đạo ấy rất thù thắng nên mới khiến anh ấy bỗng nhiên bỏ sự vinh lợi ở đời như thế? Chúng ta nên cùng nhau đến gặp Đức Phật và để thăm hỏi Bảo Xứng.

Họ liền cùng đi. Vừa thấy khung cảnh chỗ Phật ngự, nhờ hạnh nguyện lúc trước nên họ lập tức sinh tâm hân hoan, được thông suốt, đầu mặt sát đất đánh lễ rồi đến trước bạch Đức Thế Tôn:

–Đã từ lâu tâm chúng con trống rỗng, khao khát tìm đạo để được chuyển hóa. Cúi xin Ngài dừng vì sự thô lậu của chúng con, cho chúng con được làm đệ tử.

Đức Phật tuyên nói:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Tất cả đều được thọ nhận thành Sa-môn. Đức Phật giảng cho họ cội nguồn ý nghĩa của tâm, giải bày con đường thanh tịnh tâm thức. Vừa nghe xong tâm họ được thông suốt liền chứng quả A-la-

hán.

Bấy giờ kể bên Ba-la-nại có một huyện tên gọi là ĐỒ. Năm mươi người trong huyện ấy có việc sang nước Ba-la-nại, nghe tin các chàng trai Bảo Xứng, Phú Nhục... đều xuất gia làm Sa-môn, đều sinh ý nghĩ: “Các chàng trai con nhà trưởng giả này tánh tình vốn kiêu ngạo, thích vui chơi, phóng túng, tài nghệ lại hơn người nhưng đều cảm hóa theo đạo. Đức Cù-đàm ắt hẳn là vị Thần mới khiến hàng quý tộc không còn nghĩ đến vinh hoa”.

Mọi người đều phát khởi tâm niệm muốn đến chỗ Phật. Lập tức họ cùng lên đường thẳng đến vườn Nai. Do tâm nguyện lúc trước đúng thời được hóa độ nên gặp Đức Phật họ liền tâm khai ý giải, xin làm đệ tử. Đức Phật tuyên nói:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Họ đều được thâm nhận thành Sa-môn. Nhờ nỗ lực tu tập đúng theo lời Phật dạy nên các Tỳ-kheo này nhanh chóng thể đạt pháp yếu, trừ bỏ cấu nhiễm, thoát khỏi sự trói buộc của phiền não, đều chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ có một đám đông tụ hội trong vườn Nai ăn uống ca múa. Khi ấy có một thiếu nữ nhan sắc cực kỳ diễm lệ, đang nhảy múa giữa chúng hội. Mọi người trong lòng đều hân hoan, vô cùng ưa thích. Cô gái đang nhảy múa chưa xong thì bỗng nhiên biến mất. Mọi người mất thú vui nên buồn bực lo sợ lẫn lộn cùng nhau đi tìm, đến chỗ Đức Phật. Họ hỏi Ngài:

–Vừa rồi có một cô gái cùng ca múa với chúng tôi đi đến đây. Đức Cù-đàm có thấy nàng chăng?

Đức Phật bảo mọi người:

–Hãy tự quán thân mình, quan sát người khác làm gì. Sắc dục là vô thường, có hội họp thì có chia ly, giống như bọt nước nổi. Kẻ ngu ôm áp, buộc ràng với sắc dục nên tai họa do đó sinh ra. Thân là vật chứa sự khổ, chúng sinh đều như thế.

Khi nghe xong tâm của mọi người bừng tỉnh, xin xuất gia làm Sa-môn. Đức Phật trao truyền giới pháp, dẫn dắt các vị ấy đến địa vị Kiến đế (*chứng ngộ chân lý*), khiến tất cả đều đắc quả Ứng chân.

Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, các ông, mỗi người hãy lên đường độ cho tất cả chúng sinh. Theo chỗ linh ngộ pháp tùy duyên làm người dẫn đường đưa họ qua cầu, truyền bá giáo pháp để tất cả đắc được pháp nhãn, hoằng dương Tam bảo, nhổ tận gốc ái, tận trừ cội sinh tử khiến họ thể đạt Niết-bàn. Nay một mình Ta sẽ đi đến vùng Ưu-vi-la.

Các Tỳ-kheo vâng nhận lời dạy, đầu mặt sát đất đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi từ đó mỗi người một hướng ra đi.

M

Phẩm 3: HÓA ĐỘ CA-DIỆP

Bấy giờ Đức Như Lai trở lại cương thổ nước Ma-kiệt-đê, đến vùng Ưu-vi-la, buổi tối Ngài dừng chân nghỉ trong ngôi vườn của Phạm chí Tư-nại. Sáng sớm, Ngài mang bình bát đến trước cửa nhà Phạm chí. Đức Phật hiện ánh sáng màu hoàng kim, chiếu vào nhà của vị Phạm chí. Hai người con gái của Phạm chí Tư-nại, cô chị tên là Nan-đà, cô em tên là Nan-đà-ba-la thấy vầng sáng hoàng kim nên vui mừng tìm đến chỗ Đức Phật, lễ bái thỉnh Phật. Đức Phật vào nhà dạy hai cô quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Đức Thế Tôn dạy:

–Thân này không phải của ta, mọi vật trên thế gian cũng đều trở về không.

Tâm hai cô gái thông suốt tỏ tường, cúi đầu vâng làm theo lời dạy. Lúc đó Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Từ khi bắt đầu học đạo, Ta chỉ có một ý hướng là cứu độ chúng sinh, hóa độ cho Ma vương cõi Dục thuận theo về với đạo”.

Gần bờ sông Ni-lan-thiên có một vị Phạm chí dòng họ Ca-diếp, tên Uất-tỳ-la, đã một trăm hai mươi tuổi, tu theo đạo thờ lửa, tinh cần không mỗi mệt, nên danh tiếng đồn khắp nơi, được người đời vô cùng cung kính, đệ tử theo học đến năm trăm người. Ca-diếp có hai người em. Họ đều xem anh mình như bậc Tôn sư đã đắc đạo. Cả hai đều có đệ tử riêng và cư trú ở vùng hạ lưu sông Ni-lan-thiên. Ca-diếp tự nghĩ: “Danh tiếng của ta càng ngày càng cao vọng, người

trong nước đều kính ngưỡng. Nếu pháp thuật yếu kém thì uy tín dễ bị tổn hại, uy tín bị tổn hại thì danh tiếng cũng bị sụp đổ. Vậy ta phải tìm phương chước hay nhất để nhân dân cả nước đều ngưỡng vọng”. Ông liền đi kiếm một con rồng, dùng chú thuật nhốt nó vào trong một ngôi tịnh thất, rồi căn dặn độc long:

–Nếu có người đột nhiên vào ngôi tịnh thất này thì người hãy phóng lửa, phun độc giết kẻ đó.

Đến ngày lễ hội, độc long phun lửa không ngừng. Khắp nơi mọi người đều đồn:

–Đạo thờ lửa của Đại sư Ca-diếp thật là thần diệu!

Danh tiếng Ca-diếp nhờ thế càng ngày càng vang xa.

Khi đó Đức Thế Tôn suy niệm: “Ngày xưa Ta xuất gia giữa đường gặp vua Bình-sa, theo ý nguyện của vua Ta có hứa nếu Ta thành đạo sẽ độ nhà vua giải thoát trước tiên. Ta nhờ tất cả mọi người nên mới được đắc đạo như vậy. Nay Ta quán sát lòng dân, đều ngưỡng vọng Ca-diếp, thật khó có thể khiến họ hồi tâm chuyển ý. Giống như quả ngọt trên tận cây cao nên không thể ăn được. Chỉ có đốn tận gốc cây, trảy cành thì nhất định hưởng được quả. Điều mà mọi người kiêng sợ chính là độc long. Trước tiên Ta phải hàng phục độc long thì Ca-diếp sẽ theo về. Như vậy thì đạo Giác ngộ mới có thể truyền bá rộng rãi không cùng”. Đức Như Lai tuyên bố:

–Mặt trời chiếu khắp trời đất, có ba đức:

1. Ánh sáng tỏa ra phá trừ tăm tối, không nơi nào không được soi sáng.

2. Năm màu hòa tạp có thể phân tán ra từng màu rõ rệt.

3. Làm vụn vật nảy mầm sinh sản, sum suê tươi tốt.

Đức Như Lai ra đời cũng có ba đức:

1. Ánh sáng tuệ giác tối thượng chiếu soi, phá trừ màn vô minh, si ám.

2. Theo ngôn hạnh phân chia chúng sinh thành năm đường rõ rệt.

3. Dùng trí tuệ phương tiện cứu độ tất cả chúng sinh được lợi lạc và an ổn.

Sau khi suy niệm như thế, Bạc Chúng Hựu liền khởi hành đến

vườn Tư-nại. Vào lúc chiều tối, Ngài đến ngôi tịnh thất mà Ca-diếp đã làm. Khi chưa tới nơi Ngài liền hiện ánh sáng hoàng kim khiến cây cối, đất đá đều có màu sắc như vàng ròng. Một đệ tử của Ca-diếp đang mang bình đi lấy nước, thấy sự biến hóa này, trong lòng rung động, nghi sợ quay lại tìm kiếm. Từ xa thấy Đức Thế Tôn, ánh minh quang rực rỡ đất trời, vị ấy không biết vì sao hiển hiện sự mầu nhiệm ấy nên chạy đến thưa thầy. Thầy trò cùng bước ra ngoài, thấy Đức Thế Tôn hiển lộ uy lực Phạm tướng, oai nghi rực sáng chói lòa.

Lòng Ca-diếp rung động, hoang mang không rõ việc gì tự nghĩ: “Đây là mặt trời mà mắt ta thấy được chẳng? Đó là trời chẳng? Sao mắt của vị ấy lại sáng rực như thế?”. Suy tư một hồi lâu, ông mới nhận ra: “Đó chẳng phải là Thái tử Tất-đạt con vua Bạch Tịnh sao? Ta xem qua vận số có viết: Con vua Bạch Tịnh, có phước đức của bậc Thánh vương, không màng quyền tước vinh hoa, sẽ được làm Phật. Ngày trước ta nghe vị ấy xuất gia, có lẽ nay đã thành đạo rồi chẳng?”

Đức Như Lai đi đến, Ca-diếp rất vui mừng nói:

–Tốt lành thay! Đức Cù-đàm đã đến. Ngài từ đâu đến đây mà trông luôn an lành vậy?

Đức Phật vì Ca-diếp thuyết bài tụng:

*Trì giới, suốt đời an
Chánh tín, chỗ ở tốt
Trí tuệ, thân an ổn
Không làm ác, được an.*

Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Cúi mong Ngài hạ cố oai đức, đến chỗ tôi nhận bữa ăn đạm bạc.

Đức Phật trả lời Ca-diếp:

–Trong truyền thống chư Phật từ xưa, không ăn khi quá ngọ. Ta chấp nhận sự chí thành ấy và muốn nhờ một việc, ông có sẵn lòng không?

Ca-diếp đáp:

–Rất tiếc là tôi không chuẩn bị trước, kính mong Tôn Đức miễn chấp.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ta muốn nghỉ lại đây một đêm, ông không sẵn lòng sao?

Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Theo luật đạo của các Phạm chí chúng tôi, không được ngủ chung một phòng. Cúi mong Tôn Đức tha thứ điều ấy, tôi không thể nhận hứa được. Tôi không làm sao đi ngược lại những gì pháp luật đạo quy định.

Đức Phật chỉ ngôi tịnh thất hỏi:

–Còn đó là ngôi nhà gì?

Ca-diếp đáp:

–Trong đó có một con Thần long, tánh tình nó rất hung ác. Mỗi khi có ai vào ngôi nhà đó nó liền phun lửa thiêu chết lập tức.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hãy cho Ta mượn nghỉ ở đó.

Ca-diếp trả lời:

–Trong đó quả thật rất đáng sợ, tôi chỉ e con rồng hại Ngài mà thôi.

Năm trăm vị đệ tử thấy đều run sợ, lo thấy của mình chấp nhận lời đề nghị của Đức Phật. Nhưng Đức Phật yêu cầu đến ba lần như vậy. Ca-diếp nghi ngại, nhưng ý không thể không ưng thuận:

–Chỉ sợ Ngài bị họa mà thôi!

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Lửa dục trong ba cõi Ta đã tiêu diệt được, thì độc long không thể hại Ta được.

Ca-diếp thưa:

–Đức Cù-đàm là Bạc Tôn Quý, có thể ở chỗ đó được thì xin tùy ý.

Đức Phật liền thu lại uy lực Phạm tướng, bước vào ngôi nhà.

Năm trăm người đệ tử của Ca-diếp tin chắc con rồng đó rất độc hại nên không ai không rơi nước mắt, tiếc thương cho Bạc Tôn Quý bị con rồng giết hại.

Đức Phật tĩnh tọa chẳng bao lâu thì độc long từ trong hang bò ra

phun độc quanh Đức Phật. Đức Như Lai liền hóa chất độc ấy thành những bông hoa. Con rồng thấy chất độc của nó biến thành những bông hoa bao quanh Đức Phật, tức giận khạc lửa cho là có thể hại Phật, nhưng hơi nóng lại bay ngược về phía nó. Hơi nóng xông lên khiến độc long bức rức, bức bội muốn chết. Nó cất đầu lên nhìn Đức Phật, trông qua thân tướng biết Ngài là Bạc Tôn Quý.

Một luồng gió mát bỗng thổi về phía con rồng. Nó liền theo luồng gió thanh lương đến chỗ Đức Phật, bao nhiêu độc hỏa đều diệt trừ, lịm tắt, liền quy y rồi chui vào trong bình bát của Ngài.

Bấy giờ Đức Phật thị hiện một luồng Hỏa quang (tam-muội) ánh sáng thẳng lên tận cõi trời. Các đệ tử của Ca-diếp, thẳng đứng nhìn theo thấy ánh quang minh của Đức Phật cho là lửa của độc long nên cất tiếng than thở bi thương:

–Tiếc thay! Đấng Tối Chân đã bị độc long làm hại.

Thầy trò Ca-diếp hoảng sợ cùng chạy ra ngoài. Năm trăm đệ tử đều lên tiếng trách thầy:

–Từ xưa đến nay, chúng ta chưa từng thấy ai tối diệu như Đức Cù-đàm, Ngài là Bạc Tôn Quý. Hận là chúng ta chưa chiêm ngưỡng Ngài kỹ, làm sao còn gặp lại Ngài được?

Họ lau lệ mà nói bài tụng:

*Dung nhan sắc vàng tía
Mặt tròn, tóc biếc xanh
Bạc Đại Nhân trăm phước
Thần diệu ứng theo kinh
Tâm cao hơn trượng sáu
Tám mươi vẻ tùy hình
Đảnh quang xua u tối
Vô thường sao đến nhanh?*

Sau đó, có một vị đệ tử của Ca-diếp ngỡ là lửa đã hại chết Đức Phật, nên đau buồn lên tiếng:

–Đức Cù-đàm đã bị hại, ta còn sống để làm gì?

Nói xong liền tung mình trầm thân trong lửa, nhưng vị ấy lại cảm thấy mát mẻ, điều hòa nên quay lại thưa thầy:

–Đức Cù-đàm không hề gì cả. Chúng ta cứ ngỡ là lửa của độc long, nhưng nhất định đây chính là hào quang của Đức Phật.

Thầy trò lo lắng, đứng nghỉ bên ngoài chờ đến sáng. Vào lúc sáng sớm Đức Như Lai ôm bát rời khỏi ngôi tịnh thất, Ca-diếp vô cùng mừng rỡ nói:

–Bậc Đạo Sư vẫn còn sống sao? Trong bình bát Ngài có vật gì vậy?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đó là con độc long. Ta đã hàng phục và nó đã thọ pháp của Ta.

Năm trăm đệ tử của Ca-diếp đều khen ngợi Đức Phật là Bạc Thân Thánh.

Ca-diếp trong lòng kính phục Đức Phật nhưng vẫn luyến tiếc danh tiếng của mình nên cống cao, tự phụ, thầm nghĩ: “Bậc Đại Sư ấy quả thật là vị thần! Tuy vậy người ấy vẫn không bằng ta, vì ta đã chứng A-la-hán.”

Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Cúi mong Đạo Sư hãy ở lại để chúng tôi được cúng dường.

Hôm sau, Ca-diếp bày soạn thức ăn, tự thân đi thỉnh Đức Phật. Đức Phật bảo:

–Ngài hãy đi trước, Ta sẽ theo sau.

Ca-diếp vừa quay gót về nhà thì Đức Phật nhanh như khoảng thời gian một người co duỗi cánh tay, liền đến nước Phất-vu-đãi xa cả ngàn ức dặm về phía Đông, hái quả cây tên là Diêm-bức, đầy cả bát rồi trở về. Ca-diếp chưa về đến nhà, Đức Phật đã ngồi ở sàng tọa rồi. Ca-diếp hỏi Đức Phật:

–Thưa Đạo Sư, Ngài đi đường nào mà đến đây?

Đức Phật đáp:

–Sau khi ông vừa đi, Ta liền đến nước Phất-vu-đãi ở phương Đông lấy những trái cây Diêm-bức này đem về, ăn vào rất thơm ngon.

Đức Phật độ thực xong ra về. Ca-diếp lại nghĩ: “Vị Đạo Sư này tuy thần biến nhưng không thể sánh được với đạo chân thật của ta”. Sang ngày mai đến giờ thọ trai, Ca-diếp lại đến thỉnh Phật. Đức Phật

bảo:

–Hãy về đi, Ta sẽ đến sau.

Ca-diếp vừa quay gót, Đức Phật liền đến cực Nam cõi Diêm-phù-đề lấy trái Ca-loa-lặc, chứa đầy bình bát rồi trở về.

Ca-diếp chưa vào nhà, đã thấy Ngài ngồi trên sàng tọa.

Ca-diếp hỏi Đức Phật:

–Ngài làm sao lại đến được đây trước?

Đức Phật bảo:

–Ta đi qua phương Nam, lấy thứ quả thần mỹ này, ăn vào có năng lực trừ hết bệnh.

Sau khi Đức Phật độ xong ra về, Ca-diếp suy nghĩ: “Vị Đại Sa-môn này quả thật là thần diệu”. Hôm sau Ca-diếp lại đến thỉnh mời.

Đức Phật bảo:

–Hãy về trước, Ta sẽ đến ngay.

Đức Phật liền đến nước Câu-da-ni (Cù-da-nặc) ở phía Tây, lấy trái A-ma-lặc đầy bình bát rồi trở về. Ca-diếp chưa đến nơi thì đã thấy Đức Phật ngồi trên sàng tọa. Ca-diếp hỏi Đức Phật:

–Ngài lại từ nơi nào đến đây?

Đức Phật trả lời:

–Ta đến nước Câu-da-ni ở phía Tây, lấy trái cây A-ma-lặc đầy bình bát rồi trở về. Ngài có thể ăn chúng.

Đức Phật độ trai xong ra về. Ca-diếp lại nghĩ: “Việc của vị Đại Sa-môn này làm quả thật là thần biến”. Hôm sau Ca-diếp lại đến thỉnh Đức Phật. Đức Phật bảo:

–Hãy về trước, Ta sẽ đến sau.

Ca-diếp quay đầu lại nhìn thì bỗng nhiên không thấy Đức Phật. Ngài đã đến nước Uất-đơn-việt ở phía Bắc lấy loại lúa gạo mọc tự nhiên. Ca-diếp đi chưa đến nhà đã thấy Đức Phật an tọa trên sàng tọa. Ca-diếp hỏi Đức Phật:

–Ngài lại từ đâu về đây?

Đức Phật đáp:

–Ta đến nước Uất-đơn-việt ở phía Bắc, lấy loại lúa gạo mọc tự nhiên này. Ngài có thể dùng nó.

Đức Phật thọ thực xong ra về, Ca-diếp tự nghĩ: “Vị Đạo Sư này thật có sức thần diệu đến như vậy”.

Trưa hôm sau đúng giờ thọ thực, Đức Phật ôm bát tự thân đến nhà Ca-diếp nhận trai thực cúng dường rồi trở về. Thọ thực xong, Ngài muốn súc miệng, tắm gội nhưng không có nước. Trời Đế Thích liền đi xuống lấy tay chỉ mặt đất, một ao nước tự nhiên hiện ra. Ca-diếp sau buổi trưa đi dạo quanh thấy cái ao, kinh ngạc nên hỏi Đức Phật:

– Vì sao có cái ao này?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Sáng nay Ta được ngài cúng dường cơm. Ăn xong Ta muốn súc miệng nhưng không có nước, trời Đế Thích mới chỉ mặt đất biến thành ao nước để Ta dùng. Nên đặt tên cho cái ao này là ao Chỉ địa.

Ca-diếp suy nghĩ: “Bậc Đạo Sư này thật là thần thông vi diệu, công đức không thể lường hết được”.

Ngày hôm sau Đức Thế Tôn dời đến ngôi dưới một gốc cây gần chỗ Ca-diếp. Giữa đêm có bốn vị vua cõi trời thứ nhất cũng đến nghe Đức Phật thuyết pháp. Hào quang của bốn vị trời ấy chiếu sáng như các đống lửa cháy mãnh liệt.

Ca-diếp giữa đêm thức dậy, thấy trước Đức Phật có bốn đống lửa, sáng sớm liền hỏi Đức Phật:

– Thưa Đạo Sư, Ngài cũng thờ lửa sao?

Đức Phật đáp:

– Không phải thế! Đêm qua có bốn vị vua cõi trời đến nghe Ta thuyết pháp. Đó là ánh sáng của họ.

Ca-diếp lại nghĩ: “Bậc Đại Sa-môn này hết sức thần diệu mới khiến các vị trời đến nghe pháp, dù vậy vẫn không thể sánh với đạo chân chánh của ta”.

Đêm hôm sau, trời Đế Thích chủ quản cõi trời thứ hai đến chỗ Đức Phật nghe pháp, ánh sáng của trời Đế Thích sáng gấp bội ánh sáng của Tứ thiên vương. Giữa đêm Ca-diếp thức dậy thấy có ánh sáng ở trước Đức Phật, trong ý tự nghĩ: “Vậy là Đức Phật có thờ lửa”. Sáng sớm Ca-diếp đến hỏi Đức Phật:

– Nếu Ngài không thờ lửa, vì sao ánh sáng lại gấp bội đêm qua?

Đức Phật bảo:

–Đêm hôm qua Đế Thích xuống đây nghe pháp. Đó là ánh sáng của vị ấy.

Đêm sau lại có vị Phạm thiên ở tầng trời thứ bảy xuống nghe pháp. hào quang của Phạm thiên sáng gấp bội ánh sáng của trời Đế Thích. Ca-diếp thấy ánh sáng ấy lại nghi Đức Phật theo đạo thờ lửa. Sáng sớm ông liền hỏi Đức Phật:

–Thưa Đại Sĩ, chắc chắn ngài có thờ lửa!

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Đêm qua có vị Phạm Thiên ở tầng trời thứ bảy đến nghe pháp. Đó là hào quang của vị ấy.

Ca-diếp tự nghĩ: “Đấng Đại Sĩ này thật có năng lực tối diệu mới khiến Phạm thiên xuống nghe pháp”. Năm trăm vị đệ tử của ngài Ca-diếp, mỗi người đều thờ ba ngọn lửa nên tổng cộng có một ngàn năm trăm ngọn. Sáng sớm cả năm trăm người đốt lửa nhưng đốt mãi lửa vẫn không cháy, kinh ngạc hỏi thầy. Ngài Ca-diếp bảo:

–Điều này chắc do Phật làm.

Ông liền đến bạch Đức Phật:

–Năm trăm đệ tử của tôi sáng nay đốt lửa, nhưng đốt mãi lửa vẫn không cháy. Có phải điều này do Ngài làm chăng?

Đức Phật hỏi Ngài Ca-diếp:

–Ngài muốn lửa cháy chăng?

Đức Phật hỏi ba lần và Ca-diếp đều đáp:

–Muốn cho lửa cháy.

Đức Phật bảo:

–Hãy đi đi, lửa sẽ cháy.

Ngài vừa nói xong thì tất cả ngọn lửa đều cháy.

Ca-diếp thầm nghĩ: “Bậc Đại Sĩ này hết sức thần diệu”.

Ca-diếp cũng thờ ba ngọn lửa, sáng sớm đốt lên nhưng khi muốn tắt thì không làm sao tắt được. Năm trăm vị đệ tử và các tín đồ theo đạo đến giúp ông tắt lửa, cũng không làm thế nào tắt được. Ca-diếp nghi việc này do Đức Phật làm, liền đến thưa:

–Tôi tự thờ ba ngọn lửa nhưng không làm sao tắt được!

Đức Phật hỏi:

–Ngài muốn tắt lửa sao?

Ca-diếp thưa:

–Quả thật muốn nó tắt.

Đức Phật bảo:

–Nó sẽ tắt.

Ngài vừa nói dứt lời thì ngọn lửa liền tắt. Ngài Ca-diếp thâm nghĩ: “Bậc Đại Sĩ này vô cùng thần diệu, làm việc gì cũng thành tựu”.

Hôm sau năm trăm vị đệ tử của ngài Ca-diếp cùng vào rừng đốn củi, nhưng khi mọi người dỡ búa lên thì đều không thể hạ búa xuống được. Họ hoảng hốt đến thưa thầy, ngài Ca-diếp nói:

–Việc ấy do vị Đại Sa-môn đó làm.

Ngài đến bạch Phật:

–Các đệ tử của tôi đang cùng nhau đốn củi, dỡ búa lên thì không thể hạ xuống được.

Đức Phật bảo:

–Hãy về đi, búa sẽ hạ xuống.

Lập tức các cây búa đều hạ xuống. Ca-diếp nghĩ: “Vị Đại Sa-môn này chính là Thần nhân”.

Ngày hôm sau Đức Phật trở về an tọa dưới một gốc cây, thấy một chiếc y dơ bị vắt bỏ nên có ý muốn giặt nó. Trời Đế Thích vâng theo thánh ý của Đức Phật, đến núi Át-na lấy một tảng đá bốn mặt và một tảng đá sáu mặt, dâng lên để Ngài giặt và phơi y. Ngài Ca-diếp đi ngang thấy bên bờ ao có hai tảng đá lấy làm lạ liền hỏi Đức Phật:

–Hiện nay bên bờ ao có hai tảng đá rất đẹp, không rõ chúng từ đâu đến?

Đức Phật bảo Ngài Ca-diếp:

–Ta muốn giặt và phơi y nên trời Đế Thích mới mang hai tảng đá đến để Ta sử dụng.

Ca-diếp lại nghĩ: “Đức Cù-đàm là Bậc có oai đức như thần khiến không ai không vâng phục”.

Sau đó Đức Phật xuống ao Chỉ địa tắm rửa. Tắm gội xong, Ngài

muốn lên khỏi ao nhưng không có gì để vịn vào đi lên. Cạnh bờ ao có một thân cây tên là Ca-hòa vô cùng xinh tốt, cây ấy liền cong xuống ao, Đức Phật vịn vào đó lên khỏi ao.

Ngài Ca-diếp thấy thân cây tự nhiên cong xuống, ngạc nhiên hỏi Đức Phật. Đức Phật nói với Ca-diếp:

–Lúc sáng sớm Ta xuống ao để tắm rửa, khi muốn ra khỏi ao thì cây thân thả nhánh xuống để Ta nắm mà lên.

Ngài Ca-diếp nghĩ: “Bậc Đại Sĩ này có đức tối thượng, cảm hóa nhiều loài, làm cho đại thọ phải ngã nhánh cây xuống đón”.

Đức Phật muốn làm cho Ca-diếp hoàn toàn quy phục, liền đi xuống sông Ni-lan-thiền. Sông này rất sâu và thủy lưu chảy rất mạnh. Ngài dùng thần lực phân đôi dòng sông, làm cho nước hai bên đứng lại, dâng cao quá đầu người, đáy sông hiện ra, Ngài đi vào trong đó.

Ca-diếp thấy Đức Phật ngập trong dòng nước, sợ Ngài bị chết chìm, liền sai đệ tử chèo thuyền ra để cứu. Họ thấy nước dâng cao, phía dưới hiện rõ đáy sông và thấy Đức Phật ở trong đó nên đều vui mừng thốt lên:

–Đạo Sư vẫn còn sống!

Họ lại hỏi:

–Đạo Sư có muốn lên thuyền không?

Đức Phật bảo:

–Ta sẽ lên.

Ngài nghĩ: “Ta sẽ xoi đáy thuyền để lên, nhưng không làm cho nước chảy vào”. Ca-diếp hết sức kinh ngạc nghĩ: “Bậc Đại Sĩ này thật là hóa hiện vi diệu không thể diễn bày cùng tận được”.

Khi đó quốc vương và quan dân nước Ma-kiệt-đề, nhân ngày lễ hội trong năm cùng đến chỗ của ngài Ca-diếp vui chơi trong bảy ngày. Ca-diếp thâm nghĩ trong tâm: “Phật là Đức Thánh Trí, nếu mọi người thấy được chắc chắn họ sẽ bỏ ta. Làm thế nào trong bảy ngày này mà Ngài không xuất hiện thì vui biết bao”. Đức Phật biết ý niệm của Ca-diếp, nên ẩn mặt trong bảy ngày. Đến sáng ngày thứ tám, Ca-diếp lại khởi niệm: “Nay ta đã có dư phẩm vật, nếu được

cúng dường cho Đức Phật thì vui sướng biết bao”. Đức Phật theo ý niệm đó liền đi đến, Ca-diếp vô cùng hoan hỷ vì mới nghĩ muốn gặp Đức Phật để cúng dường thì Ngài liền đến, thật sướng vui biết bao và hỏi Đức Phật:

– Trong bảy ngày qua Đạo Sư đi đâu và nay thì từ đâu đến?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Tâm người suy nghĩ: “Phật là Đức Thánh Trí, nếu mọi người thấy Ngài họ sẽ bỏ ta. Làm thế nào trong bảy ngày này mà Ngài không xuất hiện thì vui biết bao”. Do đó Ta ẩn thân. Nay người nghĩ đến Ta, cho nên Ta lại đến.

Ngài Ca-diếp tâm niệm: “Đức Phật đúng là Bậc có đại thần thông nên mới biết được ý niệm của con người”.

Đức Phật biết tâm của Ca-diếp đã quy phục nên bảo:

– Nay Ca-diếp, ông chẳng phải là bậc A-la-hán, không biết đạo giải thoát, sao lại vì những điều hư huyền, dối trá tự xưng là bậc Tôn quý?

Ca-diếp trong lòng hoảng sợ lông tóc dựng đứng, tự biết bản thân không thể đắc đạo nên lập tức cúi lạy thưa:

– Đạo Sư quả thật là Bậc Thánh nên biết được ý niệm con người. Vậy con có thể theo Đạo Sư học đạo giải thoát, vâng giữ giới pháp, làm bậc Sa-môn không?

Đức Phật bảo:

– Rất tốt lành! Hãy thông báo cho các đệ tử của ông. Ông là quốc sư, nay xuất gia vận pháp y, có thể nào chỉ biết một mình thôi sao?

Ngài Ca-diếp vâng lời dạy, quay về gọi các đệ tử:

– Các vị cùng ta đều thấy năng lực giáo hóa thần thông của Đức Phật. Nay ta đã hiểu và hướng trọn đức tin sắp xuất gia làm Sa-môn. Vậy ý các người ra sao?

Năm trăm vị đệ tử của ngài đều cất tiếng thưa:

– Tất cả những gì chúng con được học đều nhờ ân của thầy. Thầy đã tôn kính và hướng trọn đức tin với Đức Phật, chúng con đều nguyện theo thầy.

Ngay khi ấy thầy trò cùng đến chỗ của Đức Phật, đảnh lễ thưa:

–Chúng con đều tin tưởng, cầu mong được làm đệ tử của Ngài.

Đức Phật tuyên nói:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Tất cả đều được thâu nhận thành Sa-môn. Tôn giả Ca-diếp đem áo lông cừu, áo vải to, bình nước, gậy, dép và các dụng cụ thờ lửa vất bỏ hết xuống sông.

Bấy giờ hai người em của ngài Ca-diếp, người em kế tên Na-đề Ca-diếp, người em út tên Ca-da Ca-diếp; mỗi người đều có hai trăm năm mươi vị đệ tử, trú trong các ngôi nhà lá, gần bên dòng sông thấy các y phục của Phạm chí, các loại vật dụng và pháp cụ thờ lửa theo dòng nước bập bềnh trôi xuống. Hai người em kinh ngạc, sợ anh mình và các đệ tử bị người ta giết hại nên lập tức cùng các đệ tử theo dòng nước đi lên, thấy thầy trò của anh mình đều làm Sa-môn. Họ kinh ngạc hỏi:

–Đại huynh tuổi tác đã lớn, trí tuệ cao vút, được vua quan và nhân dân trong nước đều kính thờ. Theo ý của chúng em thì anh đã chứng La-hán rồi, sao lại rời bỏ đạo Phạm chí, học giáo pháp của Sa-môn? Đây không phải là việc nhỏ. Chẳng lẽ đạo Phật tôn quý, cao vời nhất hay sao?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Đạo Phật tối thắng, pháp môn vô lượng. Tuy ta học đạo khắp thế gian, nhưng chưa từng thấy vị nào có trí tuệ, thần thông, đắc đạo như Đức Phật.

Hai người em của Tôn giả nghe lời đó, mỗi người đều bảo các đệ tử:

–Ta muốn theo anh của ta, ý các người thế nào?

Năm trăm người đệ tử của họ đồng lên tiếng:

–Mong được xuất gia như thầy.

Họ đều đến chỗ Đức Phật đảnh lễ cầu xin xuất gia làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Họ đều được thâu nhận thành Sa-môn. Bấy giờ Đức Như Lai cùng một ngàn vị Tỳ-kheo Tăng thẳng đến khu đại lâm Ca-da-tất,

tĩnh tọa dưới gốc cây. Đức Phật trú trong Đại định, bỗng nhiên biến mất. Từ phương Đông hiện đến rồi lại biến mất dưới gốc cây, bốn phương đều như thế; bay lên trụ giữa hư không mà vẫn không rớt, thân phun ra lửa, nước, lên xuống vô ngại tự tại.

Các Tỳ-kheo ngược nhìn ngưỡng vọng, vui mừng, không rõ việc gì xảy ra. Đức Như Lai trở về lại chỗ cũ mà chẳng ai hay.

Các Tỳ-kheo vui mừng đến trước Đức Phật đánh lễ dưới chân, rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn, sự thị hiện này gọi là gì?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nay các Tỳ-kheo, đây gọi là Thần túc thị hiện, còn có tên là Giáo thọ thị hiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng lòng nghe kỹ: tâm, ý và thức theo duyên ngoại cảnh nên bị nhiễm ô, ràng buộc; nay để phân biệt, hiển bày tà chánh nên gọi là Giáo thọ thị hiện. Lại có tên là Thuyết pháp thị hiện. Các Tỳ-kheo hãy lắng lòng suy tư! Vì mắt mê đăm sắc nên mắt bị suy tổn. Sáu căn mê đăm theo sáu trần nên sáu căn bị suy tổn. Tâm mãi bị suy tổn nên sinh ra khổ. Sao gọi là khổ sinh? Vì lửa dâm, nộ, si phát khởi liền có sự bức rức, không an trong tâm, sự sợ hãi già, bệnh và chết. Do đó phải dùng Thuyết pháp thị hiện.

Đức Phật ba lần thuyết pháp như vậy. Khi ấy một ngàn vị Tỳ-kheo phiền não chấm dứt, vọng tưởng đoạn trừ, tất cả đều chứng quả A-la-hán.

Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói bài tụng:

*Hôm nay ngàn Tỳ-kheo
Trưởng lão có tôn đức
Bỏ tà tu chánh kiến
Trừ tưởng đạt tuệ thiền.*

Khi Đức Phật nói pháp này, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, không ai không thích nghe.

Phẩm 4: ĐỘ VUA BÌNH-SA

Bấy giờ Đức Thế Tôn hướng ý đến thành La-duyệt-kỳ độ cho vua dân nước này. Ngay hôm ấy, quốc vương thành La-duyệt-kỳ truyền sứ giả đi đến chỗ Đức Phật, hết lòng cung kính đánh lễ xong, thưa:

–Quốc vương Bình-sa, cúi lạy trước Đức Phật, xin được gần gũi với Đức Thích Tôn, Bậc thành đạo hiệu là Phật, khiến trời, người và vạn loài vui mừng khi được diện kiến. Cúi mong Đức Thế Tôn đem lại lợi lạc an lành; mong Ngài rủ lòng che chở, quang lâm đến đất nước nhỏ bé, thô lậu của chúng con. Chúng con đang khao khát sự giáo hóa của Đức Phật để tâm chúng con được an ổn và phát khởi đạo tâm. Mong Ngài xót thương chúng sinh, làm cho mọi người được giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, các ông mau chuẩn bị đến thành La-duyệt-kỳ theo sự thỉnh mời của quốc vương.

Các Tỳ-kheo vâng lời, trang nghiêm phẩm phục theo hầu Đức Thế Tôn. Vị sứ giả đến bạch Đức Phật:

–Cúi xin Thế Tôn cùng một ngàn vị Tỳ-kheo Tăng du hành và tạm dừng tại cội cây ở vùng Tu-đa-la, cách thành bốn mươi dặm.

Đó là do theo lệnh truyền của quốc vương trước khi sứ giả đi thỉnh Phật: “Nếu Đức Phật quang lâm quốc thổ, ta phải tự thân ra nghinh rước, người nào nghinh rước Ngài sẽ được phước đức vô lượng.”

Nhà vua lập tức truyền lệnh chuẩn bị một ngàn cỗ xe, một vạn con ngựa, bảy ngàn người tháp tùng. Khi đã chuẩn bị xong, nhà vua lên xe rời cung ra ngoài thành. Khi đi đến cửa thành, cửa thành liền tự đóng làm cho cả đoàn đều phải dừng lại. Nhà vua vô cùng kinh hãi, lo sợ có nạn lớn than rằng:

–Tội của ta thật nặng nề nên mới có điềm họa này.

Khi ấy trên không trung có tiếng nói:

–Đức vua xưa kia có lập nguyện nếu được làm người, sẽ tha bổng tù nhân. Nay tù nhân còn ở trong ngục nên vì lời thệ nguyện xưa làm cho cửa thành đóng lại.

Nhà vua lập tức ân xá thả tất cả tù nhân cửa thành liền tự mở, đến được chỗ Đức Phật. Nhà vua từ xa trông thấy Đức Như Lai tướng tốt rạng ngời liền xuống xe, cởi bỏ vũ khí. Đức Phật biết bản tánh vua Bình-sa vốn kiêu mạn, cang cường, tự cao, nên hướng ý hóa độ cho vua và các quan tùy tùng qua cách thức hành lễ. Khi ấy vua Bình-sa quay lại nhìn thấy các quan tùy tùng không khác gì vua, e ngại Đức Phật không biết vua nên cúi đầu lạy dưới chân Ngài, nhiều quanh bên mặt ba lần. Lạy xong vua tự bạch:

–Con là Bình-sa, vua nước Ma-kiệt-đề.

Đức vua thưa như thế đến ba lần. Đức Phật dạy nhà vua:

–Ta chỉ soi chiếu tâm của vua, cần gì hình thức.

Nhà vua vô cùng hoan hỷ, lui về chỗ ngồi. Các quan và dân, mỗi người đều hết lòng cung kính Đức Phật, trong đó có người quỳ xuống đánh lễ, có người tự xưng tên họ, có người thẳng thân vái chào, hành lễ xong tất cả đều lui về đứng một bên.

Đức Phật truyền cho chúng hội an tọa, tất cả vâng lời ngồi xuống.

Đức Phật bảo vua Bình-sa:

–Ngài có đầy đủ phước báo nên được làm quốc vương. Nay lại thêm phần phước lợi khiến nhân dân trong vương quốc có đức trung hiếu, mọi người giàu sang, an lạc, không lo phiền, được phước che chở, có đức tốt lành, không có điều gì bất lợi.

Lúc ấy, trong chúng hội phát sinh nghi vấn: “Tôn giả Uất-tỳ Ca-diếp thành danh trước Đức Phật, nay cùng ở với Đức Phật, vậy ai là thầy?”

Đức Phật quán sát biết rõ tâm niệm chúng hội, liền bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Nếu có người sát sinh để cúng tế, mong cầu phước báo, há có thể được không? Có người vào núi cầu đạo mà không có thầy, người ấy có thể đắc đạo chăng?

Tôn giả Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Sát sinh để cúng tế không thể được phước. Trời thần không lãnh thọ nên người sát sinh phải bị tội. Người học đạo mà không thầy thì không bao giờ thành đạo.

Tôn giả Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Trước đây con thờ lửa, ngày đêm không lười biếng, tinh cần khổ nhọc suốt nhiều năm. Đệ tử giỏi có đến năm trăm người, đều tinh thông thuật đốt lửa, siêng năng không quản trời nóng hay lạnh. Nay con đến lúc tuổi già, các căn suy mỗi mồi thật tỏ rõ, người trước đã đem điều mê lầm truyền trao cho kẻ đi sau rồi tự gọi đó là đạo, chỉ là hư huyền đưa đến khổ não, không thể giác ngộ. Nay con được Phật giáo huấn tẩy rửa tâm ô nhiễm nên đắc được quả A-la-hán.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Nay ông hãy hiển bày Thần túc thông của La-hán.

Tôn giả vâng lời Phật dạy liền nhập định, thân bay lên hư không cách mặt đất mấy trượng, bên trên hông bốc lửa, hiện bên dưới hông nước phun, rồi lại từ hông trên phun nước, bên dưới hông hiện lửa, dùng nước rưới lửa nhưng y vẫn khô không bị ướt, hiện ra đứng giữa hư không, bảy lần hiện, bảy lần ẩn; từ thân phóng ánh sáng năm màu rực rỡ, bay từ phương Đông đến rồi biến mất trước tòa của Đức Phật; bốn phương, phương trên và phương dưới đều hóa hiện như vậy. Khi biến hóa xong, Tôn giả liền chấp tay, quỳ xuống bạch Đức Phật:

–Đệ tử Ca-diếp nương nhờ từ ân của Đức Phật nên giải thoát được tội lỗi buộc ràng. Đức Như Lai là Bạc Tối Tôn, ba cõi đều cúi đầu tin tưởng thọ trì.

Đức Phật vì Tôn giả Ca-diếp nói bài tụng:

*Nếu người sống trăm tuổi
Thờ lửa tu dị thuật
Không bằng theo chánh đạo
Phổ tuệ chiếu thế gian.
Nếu người sống trăm tuổi
Học tà, tâm không thiện.
Không bằng sống một ngày*

Siêng năng thọ trì pháp.

Nhà vua và quần thần khi ấy mới biết Tôn giả Ca-diếp là đệ tử của Đức Phật.

Đức Phật dạy vua Bình-sa:

–Mắt của người trong thế gian không chỉ để thấy sắc mà còn phải thấy khổ, vui đều vô thường, thân mạng vốn không trường cửu. Tâm ý của người thế gian ác nhiều, lành ít, tư tưởng ngổn ngang vạn mối, ưa thích theo đuổi dục lạc, nếu có thể rời bỏ tâm ý đó thì có thể đắc đạo, công đức ngang bằng Ca-diếp. Không vì giàu sang mà buông lung căn ý, không vì ý thích tự do mà tham dâm vô độ, không vì quyền thế mà làm hại kẻ thế cô, yếu đuối, không vì lòng sân hận, phần nộ mà giết càn người vô tội; tâm không bị lôi cuốn theo niệm dâm, không bị lôi cuốn theo niệm tham, không bị lôi cuốn theo niệm sân; từ bỏ điều ác, làm trong sạch tâm ý; khéo tin tưởng hộ trì chân lý, luôn suy niệm về sự nguy hiểm của chết, của bệnh khổ; luôn hướng niệm theo dõi tư hành của thân tâm thì cũng có thể được thần túc của Tôn giả Ca-diếp. Nếu mắt thấy sắc tâm phải kiềm chế, sắc đẹp hay xấu tâm vẫn không loạn động; tai nghe các thứ tiếng phải kiểm soát tâm, không phát sinh niệm hân hoan vui thích hay buồn bực chán ghét; mũi ngửi mùi thơm hay thối, tâm phải chế phục, lòng không bị buộc ràng; miệng ăn các vị phải khéo hộ trì tâm để không khởi các tưởng; thân mặc các y phục phải phòng hộ tâm, không phân biệt tốt, xấu, hiểu rõ đó chỉ là dựa vào các vật bên ngoài của thân này. Do tâm được kiểm soát nên sáu căn tự tại, không tác tưởng với sự suy hoại của thân năm ấm, công đức của Tôn giả Ca-diếp nhờ tu tập như thế mà được. Con người chấp thủ vào thân này nên sinh ra nhiều cảm thọ ưu sầu, khổ não, bị đói khát lạnh nóng bức bách. Kẻ ngu tưởng đó là vui, người trí thấy đó là khổ. Người thế gian mê đắm đối với việc vợ con, danh lợi nhưng tất cả việc ấy không thể không ly tán, ngàn vạn năm sau đều tan hoại.

Đức Phật vì vua Bình-sa nói bài tụng:

*Bậc Quốc chủ thế nhân
Xa cuồng, vâng thuận chánh
Liêm minh nêu hảo hạnh*

*Vương pháp ấy tuyệt trần,
Thứ tha người hiền chính
Nhân ái, lợi toàn dân
Lợi hòa đồng an lạc
Thần dân đến sớm gần.*

Đức Phật hỏi vua Bình-sa:

–Đức vua tạo lập cung điện từ đó đến nay được bao lâu?

Nhà vua quay lại truyền hỏi các vị cận thân, một vị cận thân
tâu:

–Từ khi tạo lập cung điện đến nay đã bảy, tám trăm năm.

Đức Phật hỏi các vị cận thân:

–Đã trải qua bao nhiêu đời vua?

Vị cận thân bạch:

–Hơn hai mươi đời vua.

Đức Phật hỏi vua Bình-sa:

–Bệ hạ có biết hết các vị vua ấy không?

Vua Bình-sa đáp:

–Con chỉ biết phụ vương của con. Đối với chư vị cựu hoàng
trước đây con không tưởng tỏ.

Đức Phật bảo vua Bình-sa:

–Chỉ có thành quách, đất đai là còn đó, con người là vô thường.
Người biết yêu thương thân mình không nên làm hại mạng khác,
không nên phỉ báng người tu hành. Chúng sinh vẫn xoay trong vòng
sống chết đều do ân ái. Người làm cha mẹ thường cho rằng: đứa con
đó do tôi sinh, là con của tôi. Nhưng người con đó chẳng phải chỉ do
nhân duyên cha mẹ hòa hợp mà có mà đều do người ấy đời trước
vâng giữ giới trọn vẹn nên mới được làm người. Người làm hạnh ác,
sau khi chết phải thác sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều theo
hạnh nghiệp bản thân, không phải do ai sinh cả, tội phước rất rõ
ràng, nhà vua cần suy nghĩ kỹ điều đó.

Đức Phật hỏi nhà vua:

–Nếu đứa con ở trong bào thai hoặc bị đui hay điếc thì người
mẹ có biết trước được không?

Nhà vua thưa:

–Thật không biết trước được.

Đức Phật dạy:

–Đứa bé đó trong kiếp sống trước đã làm những việc tội lỗi nên mới bị như vậy, chẳng phải lỗi của cha mẹ. Nếu đứa bé ở trong bào thai là bậc Thánh trí, thì người mẹ cũng không đoán biết được. Đó đều do hành nghiệp hoàn toàn thanh tịnh đời trước của đứa bé tạo nên, chẳng phải do năng lực của cha mẹ.

Lý này đã được chứng thật rất rõ ràng, Bệ hạ nên khéo nghĩ suy. Người cõi thế bị tội là do tạo tác của ba nghiệp: Miệng nói lời hại người, thân làm những việc tàn bạo, hung hại, tâm hay ganh tị. Nếu xa rời được ba ác nghiệp ấy thì tuy chưa thể đạt Niết-bàn trong hiện tại nhưng sẽ tự nhiên được hưởng giàu sang, vinh hiển giữa cõi trời và cõi người. Nguồn cội sinh tử là ở con người, từ si mê thọ nhận thân này, từ thân này các căn hoạt khởi mà có tình, do tình nên sinh ra thức, do thức sinh ra dục, do dục mà có cha mẹ, từ cha mẹ sinh nên ân ái phát sinh, do ân ái sinh ra buồn rầu, lo lắng, vẫn xoay trong năm đường không có chỗ dừng nghỉ. Con người cũng không biết được sinh từ đâu mà có, chết sẽ đi về đâu, không phân biệt tổ tướng cội nguồn sinh tử nên xét theo hình tướng, tên gọi mà bảo: Đây là cha, đây là con. Chỉ có bậc đắc đạo mới biết được cội nguồn của nhân duyên sinh tử vốn từ si mê phát sinh, nên tất cả vốn là thường. Đại vương hãy thọ trì.

Đức Phật hỏi vua Bình-sa:

–Nếu trong nước của Đại vương có những người hiền thiện có đức cẩn trọng, trung hiếu, ngay thẳng, trong sạch, biết kính bậc trên nhường kẻ dưới, tài năng xuất chúng, trí tuệ cao vời, không vi phạm vương pháp, nhưng xuất thân không phải từ nhà quyền quý, Đại vương có đối xử khác không?

Nhà vua thưa Đức Phật:

–Với người tài đức nổi danh, con sẽ tìm chọn, theo khả năng mà phong chức.

Đức Phật dạy:

–Ngày Đại vương, trong pháp luật của đạo không có sự thương

yêu, thân thích, chỉ do hành thiện nên được độ. Người chí thành vâng giữ năm giới được gọi là Thanh tín sĩ tinh tấn tu tập theo chánh đạo sẽ đạt đến địa vị Kiến đế không thoái chuyển liền đắc được các quả Thánh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Bốn Thánh quả theo nhân duyên chuyển hóa của tâm nên Thánh vị theo thứ lớp.

Khi Đức Phật giảng xong bài pháp, nhà vua cùng một vạn hai ngàn người trong nước, tám vạn vị trời đều thể đạt trí tuệ vô lậu, nhận ra chân lý.

Đức Phật bảo vua Bình-sa:

–Đại vương đến đây đã lâu, đường về cung xa xôi, nên sớm trở về, người ngựa theo hầu đứng lâu đã mỏi mệt. Một ngày gần đây Ta sẽ đến thành.

Nhà vua đứng dậy đảnh lễ Đức Phật, thọ giới rồi lui ra. Quần thần, các quan theo hầu hoan hỷ tiến đến trước Đức Phật nhận lãnh giới pháp. Khi vua và quần thần lãnh thọ năm giới, người và ngựa ở trong và ngoài pháp hội đều tĩnh lặng không có tiếng động. Các Bà-la-môn tâm được cảm hóa, vâng phục đều đến trước Phật lãnh thọ giới rồi hoan hỷ lui ra.

Vua Bình-sa lên xe xong, quần thần quỳ xuống chúc mừng công đức của nhà vua nên được gặp Đức Phật xuất hiện tại thế gian thuyết pháp làm cho quan dân được tắm gội chuyển hóa trở thành thanh tịnh.

Vua Bình-sa trở về thành truyền lệnh mọi người trong nước giữ trai trì giới. Thần dân trăm họ trong nước đều tin hiểu, hoan hỷ. Vua Đế Thích ở cung trời Đao-lợi, rải hoa cúng dường lên trên Đức Phật.

Trong pháp hội lúc đó có một vị trưởng giả giàu có tên là Ca-lan-đà, trong lòng suy nghĩ: “Thật đáng tiếc, khu vườn của ta đã cúng cho các vị xuất gia phái Ni-kiền. Phải chi Đức Phật đến trước, ta sẽ dâng cúng cho Đức Phật và chư Tăng”. Trưởng giả hối hận vì đã lỡ cúng rồi nên chắc là bị mất hẳn. Lòng chí thành muốn dâng cúng cho Đức Phật nên trưởng giả nằm trên giường mà không yên. Nhờ tập phước đời trước nên nay quả phước đức ứng hiện tròn đầy, vị Đại quý tướng quân tên Bán Sư vâng theo thánh ý của Đức Phật

và biết tâm niệm của trưởng giả, liền lệnh cho Duyệt-xoa xua đuổi chúng Ni-kiền: “Bọn họ thân thể lỏa lồ không biết xấu hổ nên không được ở đây”.

Duyệt-xoa vâng lệnh của vị Đại quý Bán Sư lấy chày đánh chúng lỏa thể Ni-kiền, lôi kéo đồ vật. Chúng Ni-kiền tử hoảng sợ bỏ chạy thốt lên:

–Đó là loại ác nhân nào mà hung tàn, ác hại đến thế?

Quý Bán Sư nói:

–Trưởng giả Ca-lan-đà muốn giữ lại vườn Trúc này để làm tịnh xá cho Đức Phật. Ta là Đại quý tướng quân Bán Sư được lệnh đuổi các người đi.

Hôm sau, chúng ngoại đạo Ni-kiền cùng đến chỗ trưởng giả, trách móc hết lời: Vì sao đối ý cứng dường khiến bọn ta đều bị khốn khổ, suy yếu. Họ cho là vì trưởng giả nên họ mới chịu khốn đốn đến như vậy.

Ca-lan-đà trong lòng thầm vui sướng: “Ý nguyện của ta đã đạt được rồi! Đức Phật Thánh trí quảng đại đã soi thấu tâm niệm của ta”, liền trả lời các lỏa sư phái Ni-kiền:

–Các loài quỷ ấy tánh tình vô cùng hung tợn, ngang ngược, hay giận dữ. Tôi e rằng họ sẽ làm hại các ngài, chi bằng các ngài nên bỏ đi tìm chỗ an ổn mà ở.

Chúng Ni-kiền uất hận, ngay ngày hôm đó tức giận bỏ đi. Trưởng giả vui mừng liền sửa sang xây dựng tịnh xá, tăng phòng, tọa cụ... tất cả vật dụng đều đầy đủ trang nghiêm rồi đi đến chỗ Đức Phật, thỉnh Phật và chư Tăng chứng minh thọ nhận đến đó an trụ. Lúc bấy giờ, đạo giải thoát giáo hóa rộng khắp, không ai không hoan hỷ, an lạc.

M

Phẩm 5: XÁ-LỢI-PHẮT, ĐẠI MỤC-KIỀN-LIÊN ĐẾN HỌC ĐẠO

Đức Phật ở tại tịnh xá Trúc viên, thành La-duyet-kỳ cùng đông đủ một ngàn vị Tỳ-kheo Tăng đều là bậc Ứng chân như Uất-tỳ-la...

trong đó có một vị tên Na-la-đà. Lúc bấy giờ có một vị Phạm chí tên là Sa Nhiên tinh chuyên tu tập để được trường thọ bất tử, mãi về sau thân nhận đệ tử, tổng cộng có hai trăm năm mươi người. Trong số đệ tử ấy có hai vị đứng đầu, vị thứ nhất tên là Ưu-bà-thế, vị thứ hai tên là Câu-luật-đà tài trí cao thâm, học vấn uyên bác. Phạm chí Sa Nhiên bị bệnh biết mình sắp chết gọi hai vị đệ tử thượng thủ đến căn dặn:

–Các đệ tử sơ học này đều có chí nguyện tu tập để thành tựu đạo hạnh. Nay hai con có trách nhiệm phải hướng dẫn, dạy dỗ để họ hoàn thành chí nguyện.

Hai vị kính cẩn vâng lời, tuân theo giáo huấn thực hiện.

Một hôm Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo Át-bệ:

–Ông hãy ra đi truyền bá giáo pháp. Trên đường du hóa, ông hẳn có thể gặp những người có duyên được giáo hóa; gặp những người có trí tuệ sáng suốt, ngoài Đức Như Lai, không ai có thể nghị luận cùng họ. Nếu gặp những người ấy chỉ nên nói những giáo lý căn bản, chớ nên đối đáp với họ để bị cười chê.

Tôn giả Át-bệ vâng lời, chỉnh trang y bát, đảnh lễ Đức Phật rồi lên đường. Đúng lúc Ưu-bà-thế cùng các đệ tử thả bước du ngoạn, từ xa trông thấy Tôn giả Át-bệ oai nghi chỉnh tề thanh thoát, chưa từng nghe tiếng hay gặp mặt, ngạc nhiên không rõ tại sao vị ấy lại có pháp tướng trang nghiêm như thế, y phục của vị ấy lại khác người đời nên muốn đến thăm hỏi. Hai vị cùng thẳng tiến gặp nhau ở giữa đường. Ưu-bà-thế cất tiếng hỏi Tôn giả Át-bệ:

–Y phục của ngài thật khác hẳn người thường. Ngài từ đâu đến? Tôn sư là ai, dạy giáo pháp gì có thể nói cho tôi nghe được không?

Tôn giả Át-bệ đáp bằng bài tụng:

*Tuổi tôi nay còn nhỏ
Học đạo vốn thiện sơ
Chẳng thể tuyên pháp nghĩa
Như Lai tối thượng thừa.
Cội nguồn tất cả pháp*

*Nhân duyên, không, vô chủ
 Tâm tịch, thấu nguồn chân
 Hiệu Sa-môn vì thế.*

Ưu-bà-thế nghe xong ý nghĩa trong lời pháp ấy suy ngẫm thấy thật là chân chánh, tự nghĩ: “Thuở còn thơ ấu ta vốn ham học, tám tuổi theo thầy đến năm mười sáu tuổi, về phương thuật để vào đạo của các bậc tiên hiền, không sách nào mà ta chưa từng đọc qua. Mười sáu nước lớn đều tôn ta là bậc kiến thức quảng bác, nhưng ta chưa từng được nghe pháp nghĩa chân thật tối thượng này. Nay tình cờ trên đường lại gặp được pháp tạng quý giá này, lời pháp ấy thật vi diệu, ngon như vị cam lộ.”

Tâm ý Ưu-bà-thế bừng sáng tỏ, liền đắc được pháp nhãn, vội quay về tinh xá lòng mừng vui khôn tả.

Câu-luật-đà thấy diện mạo vui tươi của Ưu-bà-thế nghĩ là bạn đã được pháp cam lộ, nên cất tiếng hỏi:

–Bạn đã được nghe giáo pháp vi diệu rồi phải không? Vậy chớ quên lời hứa trước đây, hãy đọc lại để tôi được đôi phần tuệ giác.

Ưu-bà-thế đọc lại đầy đủ bài tụng mà mình được nghe cho Câu-luật-đà. Câu-luật-đà nghe xong lần thứ nhất, tâm ý vẫn chưa thông tỏ. Ưu-bà-thế đọc lại lần thứ hai, Câu-luật-đà mới hiểu hết ý nghĩa bài tụng liên trầm tư nội quán, tâm ý bừng tỏ rõ và cũng đắc được pháp nhãn.

Hai người cùng nhau bàn luận:

–Ước nguyện xưa nay của hai chúng ta là gặp được pháp cam lộ, nay đã được rồi. Sao chúng ta không cùng nhau đến chỗ Bạc Đại Sa-môn để được tẩy rửa thanh tịnh thân tâm trong biển tuệ giác sâu thẳm của Ngài.

Bàn luận xong, hai vị đồng lòng chuẩn bị lên đường. Câu-luật-đà suy nghĩ: “Thầy của ta lúc lâm chung đã di huấn trao chúng đệ tử cho ta, truyền di ý bảo ta phải tế độ cho họ thành đạo. Nay để họ lại ra đi, về đạo nghĩa thật không an ổn”. Câu-luật-đà hỏi các đệ tử:

–Bạc Đại Sa-môn ấy có Thánh pháp cam lộ, cởi bỏ được giềng lưới rách nát, hư hoại của trần lụy khiến tâm hạnh an tĩnh, tịch tịnh. Ta muốn đến đây cầu học, tìm hiểu giáo pháp tinh diệu để thức tỉnh

chân tâm. Nay các vị sẽ đi đâu?

Chúng đệ tử bạch:

–Chúng con có được sở học như hiện nay đều là công ân của hai thầy. Hai thầy đã kính ngưỡng đạo Phật chúng con xin vâng theo đến nơi an tịnh, ham cầu Thánh được cam lộ. Chúng con nguyện theo sau hai thầy để học đạo.

Thầy trò cùng một chí, liền rời khỏi trú xứ thẳng đến vườn Trúc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy chư Tỳ-kheo:

–Nay có hai Hiền giả cùng các đệ tử, theo hạnh nguyện xưa muốn xuất gia làm Sa-môn. Việc khó làm này được thành tựu đều là nhờ công sức của Tỳ-kheo Át-bệ.

Các Tỳ-kheo theo lời dạy Đức Phật nên mong đợi đón tiếp hai vị Hiền giả và chúng đệ tử.

Ưu-bà-thế, Câu-luật-đà và các đệ tử từ xa trông thấy tướng tốt chói sáng của Đức Như Lai trong lòng rung động mừng rỡ, thầm nghĩ: “May mắn thay! Chúng ta được vâng học theo lời dạy của Bạc Thanh Tịnh. Niềm vinh hạnh này thật khó thể diễn bày.” Hai vị cùng đệ tử tiến đến phía trước tòa ngồi, đầu mặt sát đất đảnh lễ Đức Phật. Lạy xong, lòng họ càng hân hoan, vui sướng vô cùng, tự nghĩ đây chính là lúc nên bày tỏ thưa bạch:

–Chúng con nhiều tội lỗi hư hèn, trôi theo dòng thế tục rơi vào vùng tăm tối. Mãi đến hôm nay, mới ngược dòng thế sự trở về nguồn giác. Cúi mong thầy nhận cho chúng con được dự vào hàng Tăng chúng.

Được Đức Phật chấp nhận, tóc trên đầu họ tự rơi xuống, đều trở thành Sa-môn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hai vị này vào thời Phật quá khứ, có lập thế nguyện, chờ khi Ta thành đạo sẽ theo hầu hai bên.

Đức Phật dạy tên gọi Ưu-bà-thế vốn là danh hiệu xưng tụng, hoa mỹ nhưng không thật nên truyền Ưu-bà-thế đổi lại theo tên gọi thuở ấu niên là Xá-lợi-phất, Câu-luật-đà trở lại tên gọi Đại Mục-kiền-liên.

Sau đó, được nghe Đức Phật thuyết pháp, cả hai vị đều đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy thị giả truyền bảo các vị Tỳ-kheo buổi chiều sẽ kiết giới, không vị nào được đi nơi khác. Đến tối thông kiểm số chúng Tăng được một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Đức Phật kiết giới xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, tất cả cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.

M

Phẩm 6: TRỞ VỀ BỐN QUỐC

Bấy giờ Đức Như Lai sắp trở về nước Xá-di cùng đi có chư vị đại Tỳ-kheo Tăng đều là bậc Ứng chân, nội tâm tĩnh lặng, trí tuệ thông suốt các pháp nhỏ nhiệm, tổ tướng nguồn cội hạnh nghiệp của chúng sinh trong ba đời như các vị Hiền giả: Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Uất-tỳ Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp... gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Khi ấy tại thành Ca-duy-la-việt, vua Duyệt-đầu-đàn lệnh cho Phạm chí Ưu-đà-da đến vườn Trúc, thỉnh Đức Phật trở về quốc thổ.

Đến nơi, Ưu-đà-da nhìn thấy tướng tốt của Đức Phật, ánh sáng hào tướng soi rạng đất trời lòng vô cùng vui sướng, cúi đầu toàn ý lạy dưới chân Đức Phật rồi đứng qua một bên. Sau đó, Ưu-đà-da tâm ý chí thành quỳ xuống bạch Phật:

–Đức phụ vương từ phương xa gửi lời đến Thế Tôn. Phụ vương nghe Ngài đã thành đạo lại cứu độ cho tất cả chúng sinh, riêng đức phụ vương chưa được kính nhờ vậy Ngài nên trở về. Hôm nay phụ vương sai con đến thỉnh Ngài.

Đức Phật hỏi Ưu-đà:

–Sinh hoạt thường ngày của phụ vương có an ổn không?

Ưu-đà thưa:

–Đại vương vẫn bình an, chỉ rất nhớ Đức Thế Tôn.

Đức Phật hỏi Ưu-đà:

–Ông có ưa thích đạo của Ta không?

Ưu-đà bạch:

– Bạch Thế Tôn, con rất thích.

Đức Phật chấp nhận cho Ưu-đà làm Sa-môn, và truyền trao giới pháp. Ưu-đà thâm nghĩ: “Nay ta đã là đệ tử Đức Phật, không thể trở về vương quốc. Đức vua đang chờ tin tức, vậy ai báo tin cho ngài?”

Đức Phật biết tâm niệm Ưu-đà muốn trở về nên dạy:

–Này Ưu-đà, chớ nên găn gũi với việc thế gian, luyến tiếc buộc ràng với việc nhà lúc trước.

Ưu-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài sẽ trở về Xá-di?

Đức Phật đáp:

–Ta sẽ về.

Ưu-đà vâng lời dạy, quỳ xuống bạch Đức Phật:

–Không rõ ngày nào Đức Thế Tôn sẽ lên đường?

Đức Phật bảo Ưu-đà:

–Sau bảy ngày nhất định Ta sẽ đến Xá-di!

Ưu-đà hoan hỷ đánh lễ Đức Phật rồi lên đường về nước. Về đến Xá-di, Ưu-đà-da đến trước cung nhờ người thông báo. Người giữ cửa lập tức tâu lên đức vua:

–Sứ giả Ưu-đà đã trở về, hiện đang ở ngoài cửa xin được yết kiến.

Nhà vua truyền lệnh cho vào, lòng lấy làm lạ tự hỏi: “Ta mong Ưu-đà như người khát mong được uống nước. Vì sao ông ta cứ dừng ở ngoài cung, lại xin thông báo để được yết kiến và phải được ta ưng thuận đến lần thứ ba rồi sau đó mới tâu kiến?”

Nhà vua thấy Ưu-đà đã mặc y phục Sa-môn liền hỏi:

–Khanh đã xuất gia làm Sa-môn rồi sao?

Ưu-đà thưa:

–Thần đã xuất gia theo học giáo pháp của Đức Phật.

Nhà vua hỏi Ưu-đà:

–Tất-đạt khi ở trong cung chỉ có khanh là thân nhất. Khanh tự do ra vào cung như người trong hoàng tộc, không bao giờ phải thưa hỏi người giữ cửa. Nay đi sứ trở về, vì sao khanh lại đứng ngoài cửa nhờ người thông báo?

Ưu-đà thưa đức vua:

–Đức Phật dạy Tỳ-kheo không nên gần gũi người thế tục, quyến luyến nhà cửa vì đạo và tục khác nhau.

Nhà vua hỏi:

–Con ta lúc ở trong cung luôn vận y phục thượng hạng, nay là Sa-môn vận y phục gì?

Ưu-đà chỉ vào chiếc y đang mặc, thưa với đức vua hiện nay Đức Phật cũng vận y phục như vậy.

Nhà vua rơi lệ hỏi tiếp:

–Khi Tất-đạt ở trong cung, ta đã xây dựng cung điện, dùng bảy thứ báu để chạm trổ, quý giá tốt đẹp nhất thế gian cho Thái tử. Nay nhà cửa của con ta thế nào, có như ta không?

Ưu-đà tâu đức vua:

–Ngài thường ở dưới gốc cây. Trong truyền thống của đạo, chư Phật, Thế Tôn đều như thế.

Nhà vua lại hỏi Ưu-đà:

–Con của ta khi ở trong cung chăn ấm nệm êm, toàn bằng thứ gấm thêu tinh xảo, mềm mại. Nay tọa cụ của Thái tử có được như thế không?

Ưu-đà tâu vua:

–Ngài lấy cỏ làm tòa để giữ tâm trong sạch trừ lòng tham.

Nhà vua hỏi Ưu-đà:

–Khi Tất-đạt ở trong cung, ta sai người nấu các món ăn thượng vị cho Thái tử dùng. Nay Thái tử ăn uống như thế nào, có được đầy đủ không?

Ưu-đà tâu:

–Đến giờ Ngài ôm bát khát thực để tạo phước cho chúng sinh. Khi thọ thực Ngài không phân biệt ngon hay dở, mà chỉ chú nguyện cho thí chủ.

Nhà vua nghe những lời ấy lại tuôn rơi dòng lệ, hỏi Ưu-đà:

–Lúc trước, khi Tất-đạt ngủ, nếu muốn cho Thái tử thức giấc ta thường cho khảy đàn ca hát, sau đó Thái tử mới thức. Nay ở trong vùng núi non cô tịch, làm sao để đánh thức Thái tử.

Ưu-đà tâu vua:

–Đức Như Lai luôn trú trong Tam-muội không kể ngày đêm.

Nhà vua hỏi Ưu-đà:

–Lúc con ta còn ở trong cung, khi tắm rửa thường dùng thứ nước có tám loại hương thơm. Nay Thái tử tắm rửa thì dùng thứ nước gì?

Ưu-đà tâu đức vua:

–Ngài dùng nước bát giải thoát⁵ để tẩy rửa tâm ô uế.

Nhà vua hỏi tiếp:

–Này Ưu-đà, khi Thái tử còn ở trong vương quốc, ta vẫn sai người dùng các loại hương chiên-đàn tô hợp để xoa thân con ta. Nay Thái tử đã là Sa-môn thì thường dùng loại hương gì?

Ưu-đà tâu vua:

–Ngài thường dùng hương bát chủng pháp⁶ thuộc Giới, Định, Tuệ để xông ướp.

Đức vua lại hỏi Ưu-đà:

–Lúc Tất-đạt còn ở trong hoàng cung, ta ra lệnh làm giường cho Thái tử toàn bằng bốn thứ báu. Vậy nay giường Thái tử nằm làm bằng loại vật liệu gì?

Ưu-đà tâu:

–Ngài lấy Tứ thiên làm giường, tâm dứt bỏ các nghiệp ác, không có dục vọng.

Nhà vua lại hỏi:

–Này Ưu-đà, lúc còn ở trong cung, con ta luôn có các vệ sĩ theo hầu. Hiện nay có ai theo hầu không?

Ưu-đà thưa:

–Các đệ tử học đạo của Ngài được gọi là Tỳ-kheo Tăng, gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị đều theo hầu Đức Thế Tôn.

5. Bát giải thoát: Gọi tắt là Bát giải, còn gọi là Bát bội xả. Đó là tám loại thiền định để đối trị các phiền não trong Tam giới; nhằm xả ly và giải thoát khỏi sự trói buộc của chúng.

6. Bát chủng pháp: Tám loại pháp gồm: 1. Ba Tam-muội; 2. Bốn Thiền định; 3. Bốn Vô lượng tâm; 4. Bốn Vô sắc định; 5. Tám Bội-xả; 6. Tám Thắng xứ; 7. Chín Thứ đệ định; 8. Mười Nhất thiết xứ. Tổng cộng là năm mươi pháp.

Nhà vua lại hỏi Ưu-đà:

–Lúc Thái tử ngự trong cung, nếu muốn ra ngoài đi dạo thường có bốn loại xe là xe trâu, xe dê, xe ngựa và xe voi để Thái tử cỡi. Còn nay lúc đi dạo thì cỡi bằng loại xe gì?

Ưu-đà tâu vua:

–Ngài lấy Tứ đế và Thần túc thông làm xe phi hành.

Nhà vua hỏi Ưu-đà:

–Khi con ta du ngoạn thường có cờ hiệu và lọng được tết các tua dài để làm vật nghi vệ trang hoàng rực rỡ cho Thái tử. Nay thì cờ lọng như thế nào?

Ưu-đà thưa vua:

–Ngài dùng bốn ân và đức từ bi để trang điểm cho tất cả chúng sinh.

Đức vua lại hỏi:

–Này Ưu-đà, mỗi khi Tất-đạt ra ngoài cung thường có người khua chuông, đánh trống, nhân dân đón xem đứng đầy đường. Bây giờ khi Thái tử đi hay dừng ở đâu thì cử lên loại âm thanh nào?

Ưu-đà thưa:

–Lúc Đức Phật mới thành đạo, Ngài đến nước Ba-la-nại chuyển trống pháp cam lộ khiến nhóm năm người của Tôn giả Câu-lân đều chứng được quả A-la-hán, tám vạn Thiên chúng chứng được pháp nhãn vô cấu, chín mươi sáu vị ngoại đạo đều vui vẻ kính phục. Pháp âm vô thượng ấy rền vang khắp cả ba ngàn Đại thiên thế giới.

Vua Duyệt-đầu-đàn hỏi Ưu-đà:

–Hiện nay Thái tử có ý muốn thống lãnh nước nào?

Ưu-đà thưa:

–Những nơi mà Đức Thế Tôn thống lãnh không thể kể hết. Ngài giảng dạy và truyền trao chánh pháp cho chúng sinh, không người nào không mong được độ thoát. Ngài dùng tâm bình đẳng để độ khắp các nơi, không xứ sở nào không ưa thích.

Đức vua lại hỏi Ưu-đà:

–Lúc còn ở trong nước, con ta vẫn thường lo nghĩ vạch ra các đường lối chính trị giúp ta an dân, hành động đều thuận theo lễ nghi làm cho mọi người đều cung kính vâng lệnh. Nay ở nơi cô tịch Thái

tử thường nhớ nghĩ về những việc gì?

Ưu-đà tâu vua:

–Đức Thế Tôn luôn quán niệm về Không, thấy rõ khổ hay vui đều chẳng phải là chân thật, những gì có hình thể, tên gọi cũng thế, về thực chất là Không, nên tâm Ngài luôn an định, không tạo tác.

Nhà vua nghe lời ấy xong liền thốt lên:

–Tai họa thay! Tất-đạt, tất cả mọi vật đều hiện có trước mắt sao lại nói là không? Trái ngược thay! Tất-đạt, con đã tạo mâu thuẫn với mọi người.

Ưu-đà liền tâu:

–Giả sử người trí khắp trong thiên hạ, mỗi người có một trăm cái đầu, mỗi đầu có một trăm cái lưỡi, mỗi cái lưỡi giải nghĩa được cả trăm ý, hợp tất cả số người đó lại để ca ngợi Đức Như Lai suốt trọn một kiếp cũng không thể nói hết công đức của Ngài. Huống chi những lời thần vừa nói chưa được một phần ức. Chỉ có Phật với Phật mới tỏ rõ được công đức ấy.

Đức vua nói:

–Tốt lành thay! Đức Phật sắp đến đây phải không? Ngày nào Ngài mới đến?

Ưu-đà thưa:

–Bảy ngày nữa Ngài sẽ đến.

Đức vua vô cùng vui mừng, ngay lập tức truyền lệnh cho quần thần:

–Ta sắp sửa nghênh rước Đức Phật. Các khanh hãy chuẩn bị đoàn nghi vệ của hoàng cung, tất cả đều phải chiếu theo đúng pháp tắc cung đón Bậc Thánh vương khi ra vào, sửa sang bằng phẳng các đường phố, vẩy nước hoa trên đất, các ngã tư trong thành đều phải treo tràng phan. Tất cả mọi việc tu sửa, trang hoàng đều phải làm hết sức toàn hảo. Đoàn người, ngựa xe theo hầu ra ngoài thành trong vòng bốn mươi dặm để cung đón.

Đến ngày thứ bảy, Đức Thế Tôn từ vườn Trúc cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo Tăng khởi hành tiến vào nước Xá-di. Uy thần Phạm tướng của Đức Phật và chư Tăng khiến chư

Thiên cũng tùy tùng theo hầu. Trên đường đi có một dòng sông tên là A-lâu-na. Khi qua bên kia sông lên bờ, Đức Phật dùng trí tuệ vô lậu quán sát, soi thấu biết rõ ác niệm trong tâm Điều-đạt, chắc khó khai hóa, cần phải thị hiện thần túc thông làm cho Điều-đạt phải tin phục. Ngài liền bay lên hư không cách mặt đất bảy nhận⁷, chân Ngài giống như bước trên đất nhưng kỳ thật là Ngài đang trụ giữa hư không. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy xem đoàn xe ngựa của nhà vua năm màu trang nghiêm, đẹp đẽ. Thật giống như khi vua cỡi trời rời cung du ngoạn.

Bấy giờ mọi người thấy Đức Phật và chư Tăng chân bước trên mặt đất, đưa mắt nhìn lên theo dấu chân lại thấy Đức Phật và chúng Tăng trụ giữa hư không, từ trên cao dần dần đi xuống, lần lượt đến ngay chỗ nghênh rước ở độ cao ngang đầu người khiến những người có tâm cang cường đều cúi đầu vâng phục tin theo. Chỉ có Điều-đạt khởi lên suy nghĩ bất thiện: “Tất-đạt đi học đạo chỉ để làm trò huyền thuật, mê hoặc mọi người như thế. Rồi đây, ta cũng sẽ dùng pháp thuật để hóa độ cho tất cả chúng nhân.”

Đức vua cha từ xa thấy Đức Phật đi lại, trong lòng vừa thương vừa kính, một là kính đạo, hai là thương con liền bước xuống xe voi, cỡi kiếm, bỏ lọng, nước mắt rơi tràn đi tới chỗ Đức Phật, đầu mặt sát đất lạy dưới chân Ngài cất lời tán tụng:

*Đản sinh ba hai tướng
Lần nhất lễ Phước nhân
Bên cội cây kính lễ
Thành đạo nay cúi đầu.*

Rồi vua cha xướng kệ hỏi Đức Phật:

*Xưa kia ngụ hoàng thất
Ngự tọa bảo tượng xa
Nay có sao cực khổ
Dẫm đất lấm chân trần?*

⁷. Nhà Chu (một triều đại cổ của Trung Quốc) định tám thước là một nhận, tương đương với 6,48m.

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

*Cỡi ngựa xe sinh tử
Nguy hiểm, chẳng bền lâu
Ngự trên xe ngũ thông
Đến đi luôn tự tại.*

Đức phụ vương hỏi:

*Xưa khoác áo bảy báu
Tốt đẹp thật thanh cao
Nay đầu trần, y nát
Lại chẳng vương thẹn sao?*

Đức Thế Tôn đáp kệ:

*Hổ thẹn vì áo ngoài
Áo đời thêm trần cấu
Áo pháp Bạc Chánh Chân
Tịnh tâm, Như Lai khoác.*

Vua cha đọc kệ hỏi tiếp:

*Xưa dùng đồ vàng bạc
Ăn thượng vị thơm ngon
Nay gọt lê hành khất
Thô dở ăn được sao?*

Đức Thế Tôn xướng kệ trả lời:

*Lìa xa cơn đói khát
Pháp vị là món ăn
Khất thực do từ bi
Vì chúng sinh gieo phước.*

Đức phụ hoàng hỏi:

*Xưa riêng ngự cung phòng
Có thị tỳ hầu hạ
Nay độc trú rừng sâu
Vì sao không sợ hãi?*

Đức Thế Tôn trả lời:

*Sợ hãi vì sinh tử
Tận trừ ngộ nguồn không
Không sâu, không hỷ niệm
Đạo tràng, nơi tịnh trú.*

Vua cha lại hỏi:

*Xưa ngự chốn hoàng cung
Tẩy thân bằng trầm thủy
Nay ở tại núi rừng
Lấy gì trừ trần cấu?*

Đức Phật đáp:

*Ao tắm là Pháp bảo
Nước Chánh định tràn dâng
Thân trầm trừ ba độc⁸
Tối lạc đạt tam thông⁹.*

Vua Tịnh Phạn thỉnh Đức Phật và chư Tăng đến khu ngự uyển của hoàng cung, truyền lệnh từ đây về sau nơi đó mãi sẽ là tịnh xá. Đức Phật vâng theo ý vua cha đi vào tịnh xá, ngồi dưới cội cây Ni-câu-loại giảng dạy rộng truyền giáo pháp suốt bảy ngày không mệt mỏi. Thính chúng vô cùng hoan hỷ. Trong đó có người phát tâm Đại thừa, có người ưa thích hạnh Bích-chi-phật, có người khởi ý hướng theo quả A-la-hán, có người xuất gia làm Sa-môn; mỗi người tùy theo sự phát tâm mà tu tập đều được thành tựu. Lúc ấy các phụ nữ trong thành đều sinh niệm lành, buồn tủi rơi lệ tự trách: “Đức Thế Tôn đã trở về vương quốc, chỉ riêng nam giới có phước đức mới được diện kiến Đức Phật. Chúng ta tội chướng ngăn che nên không được uống pháp vị. Sao lại khổ như thế?”

Đức Phật biết rõ mọi suy nghĩ của phụ nữ trong thành nên khen

⁸. Tam độc: Ba thứ độc hại. Còn gọi là Tam căn. Tam độc gồm: 1. Tham độc; 2. Sân độc; 3. Si độc.

⁹. Tam đạt: Ba đức thông đạt. Với A-la-hán thì gọi là Tam minh, với Phật thì gọi là Tam đạt. Tam đạt là thông đạt ba pháp Thiên nhân, Túc mạng và Lưu tận. Đại Thừa Nghĩa chương, q.20 viết: “Biết đến tận cùng gọi là Tam đạt. Minh thì chung cả với Nhị thừa. Đạt thì chỉ riêng Như Lai mới có”.

ngợi:

–Lành thay! Họ thật sự khởi tâm niệm tốt đẹp, có ý muốn ưa thích được nghe giáo pháp để vượt thoát khỏi khổ đau.

Đức Phật nói với vua cha:

–Chánh pháp khó gặp, được nghe giảng rất khó. Phụ vương nên truyền lệnh cho phụ nữ trong nước ai thích nghe pháp hãy đến nghe.

Nhà vua liền ra lệnh ai muốn được gặp Phật nghe pháp hãy tới nghe. Phụ nữ ở trong thành đều vui mừng đến diện kiến Đức Phật, lễ bái rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn tùy theo ý niệm của họ thuyết pháp thích hợp khiến tâm mọi người được thông suốt, đều được pháp nhãn.

Đức vua và nhân dân vui mừng lạ Đức Phật rồi lui ra. Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Mọi người nam nữ, già trẻ trong nước Xá-di, nghe Đức Phật giảng dạy chánh pháp tùy theo ý niệm trong lòng họ nên tất cả đều được Thế Tôn ấn chứng. Đức Phụ hoàng cũng cùng nghe pháp sao không được Thế Tôn ghi nhận là có chứng đắc?

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Phụ vương của Ta niệm ân ái chưa dứt, tình cha con càng lúc càng nồng nên tâm cung kính chưa trọn vẹn, vì vậy chưa thể đạt được.

Sáng sớm Đức Như Lai và Tôn giả Mục-liên cùng đi đến hoàng cung. Khi vua cha an tọa trên thượng điện. Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Hãy hiển bày đạo lực của ông.

Tôn giả Mục-liên vâng lời bay lên hư không, ẩn hiện bảy lần, thân tuôn ra nước và lửa rồi từ trên hư không đi xuống đánh lễ dưới chân Đức Phật đứng hầu phía bên trái.

Vua Duyệt-đầu-đàn được thấy sự hóa hiện ấy trong lòng hân hoan, tâm ý được thông suốt, dứt hẳn niệm ân ái, phát tâm cung kính đứng dậy đến trước Đức Phật đánh lễ bạch:

–Hết sức tốt lành! Bạch Thế Tôn, đệ tử có công đức mới được

như vậy. Oai đức của Như Lai thật khó thể đo lường.

Ngay khi đó, đức vua phát khởi đạo tâm Chánh giác vô thượng.

Về sau, mỗi khi nhà vua đến nơi Phật ngự đều thấy thân tướng xấu xí của một ngàn vị Tỳ-kheo, chúng của Tôn giả Ca-diếp, lòng vua không vừa ý, thâm nghĩ: “Các Tỳ-kheo này tuy tâm ý thuần nhất, bất loạn nhưng lại chẳng hiện ra Phạm tướng. Ta phải khuyến khích người trong hoàng tộc vui thích đạo giải thoát, tìm chọn những người có thân tướng trang nghiêm, đẹp đẽ để họ xuất gia làm Sa-môn”. Nhà vua truyền lệnh cho mọi người trong hoàng gia ngày mai phải tụ họp tại cung điện. Theo lệnh vua mọi người đều đến dự. Đức vua truyền bảo người trong vương tộc:

–Thầy tướng A-di có nói: “Nếu Đức Phật không xuất gia sẽ làm bậc Thánh vương thống lãnh bốn châu trong thiên hạ. Những người theo hầu hai bên hình mạo phải đẹp đẽ, trang nghiêm.” Nay có một số đệ tử của Ngài hình dáng thật khó coi. Ta muốn kính mời những vị có tâm chí học đạo giải thoát, có oai nghi và dung mạo đầy đủ xuất gia vào trong Tăng đoàn để làm sáng rực sự trang nghiêm của Đức Thế Tôn.

Mọi người trong vương gia đều nói:

–Thật vô cùng tốt lành!

Mọi người đều hoan hỷ lãnh ý chỉ của vua lui về sắp xếp, giao phó việc nhà, hẹn bảy ngày nữa sẽ xuất gia học đạo.

Điều-đạt lên tiếng bảo một vị trong hoàng tộc sắp xuất gia:

–Chúng ta là con em dòng hoàng tộc, nay từ bỏ sự vinh hiển của thế gian, sắp sửa xuất gia sống trong đạo. Chúng ta cần ăn mặc thật chỉnh tề, đẹp đẽ nhất; đi trên loại xe ngựa, voi có giá trị ngàn vàng. Đến ngày xuất gia, chúng ta ra đi trang nghiêm như thế chắc hẳn người xem sẽ đứng chặt cả đường.

Khi ấy chiếc mũ vải để vén tóc trên đầu Điều-đạt tự nhiên rơi xuống đất. Cùng đi đến ngã tư đường, voi và ngựa của hai người đang cỡi bỗng xoài bốn chân trên đất, làm cho chim muông bay lên kêu inh ỏi.

Thầy tướng số thấy thế nên dự báo:

–Mọi người đều thành tựu đạo quả, chỉ có hai người ấy là không được an lành.

Đến ngày đó, các vị trong hoàng thất cùng đến chỗ Đức Phật xuất gia làm Sa-môn. Mọi tâm niệm cương cường trong lòng họ đều rơi rụng, vâng phục theo Đức Phật. Tất cả mọi người đều được an lạc.



KINH TRUNG BỔN KHỞI QUYỂN HẠ

Phẩm 7: TU-ĐẠT

Đức Phật từ Xá-vệ cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo Tăng trở về vườn Trúc trong thành Vương xá. Trưởng giả Bá Cẩn¹ đã được sự cảm hóa của Đức Phật nên phát khởi lòng cung kính đi đến vườn Trúc, cúi năm vóc sát đất đánh lễ chân Phật, đi nhiều quanh, rồi đứng trang nghiêm tâm ý bạch Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn hạ cố đến nhà con thọ dụng bữa trai đạm bạc.

Đức Phật im lặng nhận lời. trưởng giả vui mừng lạy dưới chân Đức Thế Tôn rồi lui ra. Khi về đến nhà, trưởng giả sai người chuẩn bị đầy đủ các thứ cần dùng cho trai lễ, sắp xếp lọng, phướn thật trang nghiêm và đích thân ông nấu các thức ăn hương vị tuyệt hảo.

Trong thành Xá-vệ, có một vị trưởng giả tên là Tu-đạt² tuy chưa từng hội ngộ với trưởng giả Bá Cẩn nhưng cả hai đều được nghe tiếng tăm của nhau. Đời sống và đức hạnh tương đồng nên dù ở xa mà đã xem nhau như bạn.

Tu-đạt có việc sang thành Vương xá, nhân tiện muốn đến nhà để kết thân. Đúng lúc, trưởng giả Bá Cẩn đang tự thân sửa soạn trai phẩm cúng dường nên không thể ra ngoài đón tiếp. Tu-đạt ngồi đợi mãi lâu sau mới gọi người hầu hỏi:

–Ta từ xa đến đây thăm viếng vì sao ông chủ người không ra tiếp? Từ trước đến nay ta luôn có lòng kính trọng vị ấy nên đến đây. Nay chẳng lẽ ta phải mất đi tình cảm đó sao? Vì sao hôm nay tiếp

¹. Bá Cẩn tức trưởng giả Ca-lan-đà, còn gọi là Ca-lan-ca. Xem kinh Trung Bổn Khởi, q.Thượng, Phẩm thứ 4: Độ vua Bình-sa.

². Tu-đạt, Tấn dịch là Thiện Ôn.

đãi lạnh nhạt như vậy?

Ngay khi đó, Ca-lan-đà vừa xong việc vội ra tiếp đón. Nhưng Tu-đạt ngồi yên quay mặt đi trách móc:

–Xưa nay tôi chưa từng phải chịu cảnh tình nhục nhã, đến thăm viếng lại không được đón tiếp phải ngồi ngóng đợi như thế này.

Ca-la-đà nói:

–Tôi thật không ngờ hôm nay ngài đến thăm. Ngày mai tôi có thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng, phải đích thân lo lắng sắp xếp mọi thứ việc nên không một phút nào rảnh rỗi để kịp ra nghinh tiếp. Chính vì việc đó nên lòng tôi cứ lo mãi, không yên.

Tu-đạt hỏi:

–Đức Thế Tôn và chư Tăng là ai? Đó là tiệc cưới hay tiệc mừng nhân ngày lễ hội trong nước?

Trưởng giả Ca-lan-đà đáp:

–Này người bạn đồng chí hướng, ngài không biết thật sao? Vị Thái tử con vua Bạch Tịnh vào núi tu tập sáu năm, nay đã thành đạo hiệu là Phật. Phạm tướng trang nghiêm, uy nghi rạng rỡ của Ngài cao vượt hơn tất cả, trí tuệ của Ngài như vầng sáng xua bóng tối, thân Ngài cao tầm một trượng sáu, thân sắc đẹp đẽ màu vàng tía tỏa chiếu khắp thế gian. Ngài thuyết pháp thông suốt vô ngại, nghĩa lý rất rõ ràng, rọt ráo. Các đệ tử theo Ngài tu tập được gọi là Tỳ-kheo Tăng. Các vị ấy thường trú nơi vắng lặng giữ thân ngay thẳng, theo đạo tu tập đức hạnh, không màng vinh hoa lợi dưỡng nên được gọi là bậc Chân nhân, gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Tu-đạt vừa nghe đến tiếng Phật, thân bỗng rung động, lông tóc dựng đứng, lòng khắp khởi mừng vui. Đêm đó ông cứ mong chờ trời sáng nên tâm trạng bồn chồn, trần trọc không sao ngủ được. Tâm niệm vô cùng thành kính của Tu-đạt làm cảm động đất trời, mới nửa đêm mà trời bỗng bừng sáng. Ông lập tức ngồi dậy, vận trang phục đi ra hướng cửa thành. Nhìn sang phía trái thành môn có một ngôi miếu thờ vị thần tên Thấp-ba, ông rảo bước sang đó quỳ lạy. Khi lễ bái xong, ông mới nhận ra trời vẫn tối đen mù mịt. Tu-đạt thoáng

hoảng sợ chẳng biết đi đâu. Tuy có sự lạ thường ấy nhưng do tâm ông luôn chí thành nghĩ đến Đức Phật nên nổi kinh sợ liền lặng tắt. Từ khoảng không vang lên tiếng nói:

–Lành thay! Ngày Tu-đạt, ông nhờ tâm niệm chí thành mới được như vậy.

Trưởng giả theo hướng thanh âm phát ra từ hư không hỏi:

–Ngài là vị thần nào vậy?

Liền có tiếng trả lời:

–Tôi là quyến thuộc của trời Nhân-đề³.

Tu-đạt lại hỏi:

–Ngài vốn từ đâu sinh ra mà sao lại ở giữa hư không?

Vị ấy trả lời:

–Ngày xưa, tôi theo ngài Đại Mục-kiền-liên, đệ tử thần túc của Đức Phật, nghe thuyết kinh pháp. Nhờ phước báo ấy nên tôi được sinh lên tầng trời Đao-lợi thuộc cõi Dục giới nhưng vì công đức quá ít nên được lệnh coi giữ ở đây. Thấy ngài có tâm niệm vô cùng thành kính nên tôi đến để giúp đỡ. Đức Phật là Bạc Chí Tôn, cứ mỗi bước đến với Ngài thì phước đức vô lượng. Tiếc vì lúc còn sống, tôi không được gặp Đức Phật. Nếu nay được diện kiến Ngài, tôi sẽ thấu rõ được chân lý.

Vị Thiên ấy từ thân phóng luồng ánh sáng lớn chiếu đến vườn Trúc. Thiên Ôn theo luồng sáng ấy đi tới. Từ xa trưởng giả thấy Đức Như Lai vượt hơn cả những điều ông được nghe, liền đến trước lễ bái rồi bước qua một bên, lặng lẽ chiêm ngưỡng thân tướng của Đức Phật. Trưởng giả lên tiếng vấn an:

–Bạch Đức Thế Tôn, Ngài có được an ổn không?

Đức Phật vì Tu-đạt nói bài kệ:

*Không sâu cũng không vui
Tâm không, lòng an tịnh*

³. Nhân-đề: còn gọi là Nhân-đà-la, Nhân-đạt-la, Nhân-đê, Nhân-đề-lê; tức thần mưa, sấm (Indra). Theo Huyền ứng âm nghĩa, q.32, Nhân-đề: Hán dịch là Thiên chủ, Thiên chủ Đê, cũng tức là Thích Đề-hoàn Nhân, trời Đế Thích. Đây là vị trời Hộ pháp tối cao của Phật giáo đương thời, ngang với Phạm thiên.

*Vô sinh nơi tịch trú
 Kiến đế-trụ Niết-bàn
 Tỉnh giác, niệm đoan chánh
 Soi sáng độ quần sinh
 Giác chánh niệm trong sáng
 Chặt đứt vòng ân ái
 Mãi an lạc, tịch không.*

Vừa nghe xong bài kệ, trưởng giả Tu-đạt nhờ công đức trong quá khứ nên liền khởi lên ý niệm thanh tịnh, lập tức đắc được pháp nhãn, cúi đầu xin quy y ba ngôi báu, vâng giữ năm giới làm Thanh tín sĩ. Trưởng giả tiến đến trước Phật bạch:

–Cúi mong Đức Như Lai quang lâm nước Xá-vệ truyền dạy chánh pháp, độ cho người dân nước chúng con trong một thời gian.

Đức Phật hỏi:

–Ông tên họ là gì?

Trưởng giả quỳ xuống bạch:

–Con tên là Tu-đạt. Do con thường nuôi nấng, cấp dưỡng lương thực, quần áo cho những người già cả cô độc, nên mọi người trong nước còn gọi con là Cấp Cô Độc.

Đức Phật hỏi Tu-đạt:

–Ở đó có tinh xá cho các đệ tử của Ta cư trú không?

Tu-đạt thưa:

–Bạch Thế Tôn, chưa có.

Trưởng giả Tu-đạt vâng theo thánh ý của Đức Phật tiến ra trước, quỳ xuống bạch Đức Thế Tôn:

–Con có thể lãnh trách nhiệm xây dựng tinh xá, chỉ cần có một vị Tỳ-kheo đến để xem chỗ nào thuận tiện.

Đức Phật nhìn sang Tôn giả Xá-lợi-phất dạy:

–Ông hãy đến đó giúp đỡ trưởng giả cùng lo việc xây cất.

Tôn giả vâng theo lời dạy của Đức Phật cúi lạy lui ra cùng Tu-đạt trở về Xá-vệ, đi khắp nơi tìm chọn đất. Ngài thấy chỉ có khu vườn của thái tử Kỳ-đà là thuận tiện. Nơi ấy có các loại cây ăn trái, có suối chảy, nhiều giống chim lạ tụ tập, đất đai bằng phẳng, cây cối

xanh tươi, lại cách thành Xá-vệ không xa. Trưởng giả Tu-đạt liền đến nơi thái tử Kỳ-đà ngỏ ý muốn mua lại khu vườn, nhưng Kỳ-đà hoàn toàn không có ý bán. Tu-đạt cứ khẩn khoản xin mua mãi, Kỳ-đà tức giận nói:

–Nếu ông có thể đem tiền vàng trải đầy hết khu vườn thì tôi mới bán.

Trưởng giả liền hỏi ngay:

–Có thật ngài quyết định như thế không?

Kỳ-đà bảo:

–Ta nêu giá cao như vậy chắc là ông không đủ tiền mua đâu. Ta nói đùa thế thôi.

Tu-đạt nói:

–Ngài đã quyết định rồi, còn nghi ngờ gì nữa!

Tu-đạt từ giả, trở về nhà đưa các xe chở tiền vàng đến. Người giữ vườn không rõ nội vụ vội chạy vào tâu thái tử:

–Ngài Tu-đạt mang tiền đến, không rõ ngài có chấp thuận bán vườn hay không mà sao không truyền lệnh xuống cho thần?

Kỳ-đà đáp:

–Ta chỉ nói đùa như thế. Vị ấy mang tiền đến thì chớ nhận.

Tu-đạt và Kỳ-đà cùng nhau tranh cãi. Các bậc trưởng lão trong nước đến khuyên can, phân xử:

–Thái tử đã quyết định giá đất rồi thì không nên hối tiếc. Chánh trị nước nhà đang thanh bình, thái tử không nên đi ngược lại luật pháp!

Kỳ-đà đồng ý cho Tu-đạt lót tiền trong khu vườn nhưng số tiền vàng đem đến không đủ phủ kín mặt vườn. Kỳ-đà vui mừng thầm nghĩ: “Khu vườn vẫn thuộc về ta thôi!”, liền sai người đến thúc giục. Tu-đạt đích thân đến xem. Hai người cùng ra vườn, Tu-đạt thấy số tiền vàng chưa trải khắp khu vườn trong lòng bực bội không vui.

Kỳ-đà bảo:

–Thưa Hiền sĩ, nếu ngài hối tiếc hãy ngừng việc trải tiền này lại.

Trưởng giả Tu-đạt thưa:

–Tôi không hối tiếc. Tôi chỉ đang suy nghĩ nên xuất số vàng

của kho nào để lót cho đủ khoảnh đất còn lại thôi.

Lúc ấy, trong lòng thái tử Kỳ-đà khởi lên ý nghĩ: “Đức Phật chắc phải là Bậc Tôn Kính tối thượng nên mới khiến người này đem hết tiền bạc ra cúng dường mà không hối tiếc. Đối với Bậc Tối Tôn ấy ta nên cúi đầu kính ngưỡng, vì Ngài có sức thần diệu đến như vậy”. Kỳ-đà liền nói với Tu-đạt:

–Ngài không cần mang thêm tiền để trải trên khoảnh đất còn lại. Tôi xin cúng dường các cây cối trong vườn, cùng ngài xây dựng tinh xá.

Tu-đạt đáp:

–Lành thay! Thưa vâng.

Trưởng giả lập tức cho khởi công xây dựng Tăng phòng; sắm sửa tọa cụ, giường chõng, mền nệm đẹp nhất, treo tràng phan, dùng nước hoa rưới trên đất, bày biện đầy đủ vật dụng cúng dường và các thức trai phẩm thật tinh khiết. Sau đó trưởng giả đốt các hương thơm, từ xa quỳ xuống thỉnh Đức Phật:

–Cúi mong Đức Như Lai hạ cố quang lâm.

Bấy giờ Đức Chúng Hựu theo lời thỉnh cầu của Tu-đạt, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo Tăng đi đến nước Xá-vệ. Oai thần của Đức Phật vang dội khắp mọi nơi, nhân dân trong nước, nam nữ, già trẻ đều hân hoan, mừng đón đứng chật cả đường.

Trưởng giả Cấp Cô Độc và Nan-đà, hoàng đệ của đức vua tiến ra phía trước, lạy dưới chân Đức Phật, thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng cùng lên tinh xá. Đức Phật chấp nhận sự cúng dường và chú nguyện, dạy gọi trụ xứ này là Khu lâm viên của thái tử Kỳ-đà và trưởng giả Cấp Cô Độc.

Sau đó trong nước có việc nên đức vua sai người mời Tu-đạt về gặp. Tu-đạt đến dự hội nhưng vẫn cung kính hết lòng vâng giữ trai giới. Công việc hoàn tất, trên đường trưởng giả trở về có người dâng một bình sữa. Vì không có ai theo hầu nên Tu-đạt phải tự mình mang bình sữa đi. Đi một đoạn đường gặp một vị Phạm chí, ông nhờ mang hộ bình sữa cùng đến tinh xá. Tự tay ông rót sữa cúng dường rồi

quay sang vị Phạm chí bảo:

–Ông cũng nên rót sữa dâng cúng cho Đức Thế Tôn.

Đức Phật độ trai xong, cả hai dâng nước để Ngài rửa tay. Mọi người thân tướng nghiêm trang, giữ lòng thanh tịnh lắng nghe Thế Tôn giảng pháp. Sau thời pháp, tất cả chúng hội đều hoan hỷ, tán thán vô cùng.

Buổi chiều trở về nhà, vị Phạm chí vâng giữ trai giới không dùng cơm. Người vợ ngạc nhiên hỏi:

–Không rõ ông đang oán giận việc gì?

Vị Phạm chí trả lời:

–Chẳng phải tức giận, chỉ vì tôi đang vâng giữ trai giới.

Người vợ liền chất vấn:

–Ông nghe theo ai mà lại giữ trai giới?

Phạm chí đáp:

–Trưởng giả Cấp Cô Độc dâng cúng trai thực cho Đức Phật tại khu lâm viên Kỳ hoàn, có mời ta đến tham dự bữa trai giới, được gọi là Bát quan trai.

Người vợ khóc lóc tức giận nói:

–Ông đã bỏ phép tắc xưa nay của Phạm chí thì tai họa sẽ từ đó sinh ra mà thôi. Cù-đàm làm rối loạn phép tắc, sao ông lại có thể tin theo người ấy được?

Vị Phạm chí bị vợ bức ép mãi nên phải dùng bữa cùng với vợ. Vào lúc nửa đêm, vị Phạm chí mạng chung, sinh vào nước Uất-đa-la-vệ làm vị thần cây trong một cái đầm lớn. Khi ấy có năm trăm vị Bà-la-môn muốn đến sông Hằng, chỗ ba cái ao thờ thần, tắm rửa tẩy trừ cấu uế để mong được thần gia hộ. Đi giữa đường thì bị thiếu lương thực, từ xa trông thấy thân cây ấy họ tưởng có dòng suối nên vội chạy đến cội cây nhưng hoàn toàn không thấy gì. Trong đầm, cả đoàn bị cơn đói khát hoành hành, vô cùng nguy khốn. Vị thần cây hóa hiện thành thân người hỏi các vị Phạm chí:

–Các vị từ đâu đến? Nay muốn đi đâu?

Các vị Phạm chí đều lên tiếng trả lời:

–Chúng tôi muốn đến ao thần để tắm rửa, cầu thần gia hộ. Nay bị đói khát mong ngài thương xót cứu giúp.

Vị thọ thần cất tay lên lập tức đẩy đủ các món ăn, thức uống ngon thơm hiện ra. Sau khi ăn uống no nê, họ đến chỗ thọ thần thưa hỏi:

–Ngài đã tạo công đức gì mà nay có sức thần biến to lớn như vậy?

Vị thọ thần trả lời:

–Lúc trước, tôi nhờ vị trưởng giả Cấp Cô Độc ở nước Xá-vệ khuyên bảo nên vâng giữ tám pháp trai giới, nhưng lại bị vợ cản trở làm cho không vâng giữ trai giới trọn vẹn. Khi mạng chung tái sinh làm thọ thần ở đằm này. Nếu vâng giữ đầy đủ tám pháp trai giới sẽ được phước báo sinh lên cõi trời.

Vị thọ thần nói bài kệ:

*Thờ thần gieo gốc họạ
Nhánh cành vụt lớn nhanh
Điều tàn, thân tự khổ
Trai giới độ Thiên, Nhân.*

Các vị Phạm chí nghe xong bài kệ liền tỉnh ngộ, vâng nhận lời dạy quay về Xá-vệ. Trên đường trở về, họ đi ngang qua vương quốc Câu-lam-ni⁴. Trong nước này có vị trưởng giả tên Cù-sư-la⁵ được nhân dân kính yêu, tin tưởng, trưởng giả nói gì họ cũng nghe. Đoàn Phạm chí đến nhà trưởng giả xin nghỉ qua đêm.

Trưởng giả Mỹ Âm hỏi:

–Quý vị từ đâu đến? Nay muốn đi đâu?

Các vị Phạm chí thuật lại đầy đủ câu chuyện công đức của vị thọ thần ở đằm kia cho trưởng giả nghe và tỏ ý muốn đến nước Xá-vệ chỗ trưởng giả Cấp Cô Độc để xin thọ trì tám pháp trai giới mới thỏa nguyện.

Nghe xong, Mỹ Âm toàn thân rung động, mừng vui vô hạn, nhớ lại các hạnh nghiệp đã tạo trong quá khứ nên bày tỏ ý muốn đi theo.

4. Câu-lam-ni (Pāli: Kosambī; Sanskrit: Kausāmbi): tức Kiều-thường-di.

5. Cù-sư-la (Pāli: Ghosira): còn gọi là Cự-sử-la, Cồ-tư-la, Cù-sử-la. Đời Tấn dịch là Mỹ Âm.

Sáng sớm, ông lệnh bảo người trong gia đình và thân bằng quyến thuộc:

–Ai muốn vâng giữ trai giới có thể cùng đi với tôi.

Tất cả có năm trăm người cùng lên tiếng xin đi. Nương theo nguyện lực khi xưa, mọi người đều tận tâm chuẩn bị lên đường đến nước Xá-vệ.

Chưa đến tinh xá Kỳ hoàn, giữa đường Mỹ Âm gặp trưởng giả Tu-đạt đang trên đường đến nơi Phật ngự đi ngang, không biết là ai bèn hỏi các người cùng đi trong đoàn:

–Đó là vị quan nào thế?

Mọi người lên tiếng đáp:

–Đó là vị trưởng giả Cấp Cô Độc.

Các vị Phạm chí và mọi người đều vui mừng đuổi theo, nói:

–Mong ước của chúng ta đã thành tựu rồi! Muốn gặp người thì được gặp.

Cả đoàn đuổi theo, gặp được trưởng giả Cấp Cô Độc. Tất cả đều cất lời ngợi khen:

–Từ lâu chúng tôi đã hết lòng ngưỡng mộ, học theo đạo đức của ngài. Chúng tôi được nghe ở đây có Bạc Đạo Sư dạy tám pháp trai giới nên từ xa đến đây để nương học. Thật là may mắn, mong ngài hướng dẫn!

Tu-đạt dừng xe lại đáp:

–Vị Đạo sư của tôi hiệu là Như Lai, Bạc Chúng Hựu. Ngài đang trụ tại tinh xá Kỳ hoàn hóa độ mọi người. Các vị có thể cùng tôi đến đó ra mắt Đức Thế Tôn.

Mọi người cung kính vâng theo lời trưởng giả Cấp Cô Độc, giữ trọn tâm thành, quyết chí đi theo. Từ xa trông thấy Đức Như Lai, tất cả đoàn người trong tâm khởi lên niềm hoan hỷ, năm vóc gieo xuống đất đánh lễ lui ra, rồi ngồi xuống một bên. Đức Phật quán sát tâm niệm của họ, theo duyên tuyên giảng pháp yếu. Năm trăm vị Phạm chí nghe pháp xong đều đắc quả A-na-hàm, xin xuất gia làm Sa-môn. Gia thân quyến thuộc của trưởng giả Mỹ Âm đều đắc pháp nhãn.

Các vị Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

–Năm trăm vị Phạm chí và các vị trưởng giả vì sao thành tựu đạo quả nhanh như vậy?

Đức Thế Tôn dạy:

–Trong khoảng thời gian không lâu trước đây, khi ấy có Đức Phật hiệu là Ca-diếp giảng pháp cho các vị Phạm chí và trưởng giả này. Ngài dạy rằng Ta sẽ thành tựu Phật ở tương lai. Các vị Phạm chí liền ở trước Phật Ca-diếp hân hoan phát nguyện mong ước trong tương lai được gặp Đức Phật Thích-ca Văn. Các trưởng giả cũng đồng nguyện như vậy. Nhờ nhân duyên ấy nên gặp Ta họ liền được giải thoát.

Các vị Tỳ-kheo vui mừng, vâng nhận lời dạy, theo đó tu tập.

Lúc đó, trưởng giả Mỹ Âm có tâm niệm muốn thỉnh Đức Thế Tôn. Đức Phật biết ý nghĩ trong tâm của trưởng giả nên dạy:

–Tại Câu-lam-ni chưa có tinh xá vì vậy ý nguyện của ông chưa thể thành tựu.

Mỹ Âm vui mừng, tâm niệm thông suốt, ra trước Đức Phật bạch:

–Con có một tòa nhà riêng xin đem làm tinh xá. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót đến đó hóa độ chúng sinh.

Thưa thỉnh xong trưởng giả vội trở về nước; sửa sang tinh xá, sắp xếp đầy đủ vật dụng cúng dường. Sau đó ông đến tinh xá Kỳ hoàn đầu mặt sát đất lạy dưới chân thỉnh Đức Phật quang lâm chứng minh thọ nhận. Lạy thỉnh xong, trưởng giả lui gót ra về.

M

Phẩm 8: NHÂN DUYÊN CAI DUNG TRAI GIỚI⁶

Bấy giờ Đức Như Lai cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng từ tinh xá Kỳ hoàn, nước Xá-vệ đi đến tinh xá của trưởng giả Mỹ Âm, nước Câu-lam-ni. Đức Phật vừa đến cổng thành, đất trời bỗng chấn động, các nhạc cụ bằng ngọc báu không đánh mà tự kêu.

⁶ Hay Phẩm tiền thân của Hoàng hậu Cai Dung.

Ngay trong ngày hôm ấy mọi thứ độc hại đều biến mất, các điều tốt lành đồng hiện ra. Nhân dân trong nước không ai không cung kính, ngưỡng vọng Đức Thế Tôn.

Trị vì vương quốc lúc bấy giờ là vị quốc vương tên Ưu Điền⁷. Nhà vua tánh tình rất nghiêm khắc, tàn bạo, thích nghe lời đua nịnh, mê đắm dục lạc, luôn nghi ngờ người khác nên truyền lệnh sắp đặt hai vị phu nhân cận kề hai bên thay phiên nhau hầu hạ. Cả hai vị Hoàng hậu đều có nhan sắc diễm lệ, đẹp nhất nước. Vị phu nhân hầu bên trái tên Chiêu Đường là người có tánh kiêu ngạo, chỉ thích làm những việc ác, ganh ghét, sàm tấu bậc hiền lương, vu khống người vô tội. Vị phu nhân hầu bên phải tên Cai Dung là người hiền hậu, nhân ái, tánh nết khiêm cung, hòa nhã, luôn tự kiểm chế trong nếp sống thanh bạch, đạo đức không ai sánh bằng. Nhà vua rất quý trọng đức hạnh ấy nên việc gì cũng tâm sự. Hoàng hậu Chiêu Đường trong lòng ghen ghét, gièm pha hết lời nhưng nhà vua biết rõ đức hạnh của Cai Dung nên không tin lời sàm tấu ấy.

Hoàng hậu Cai Dung có một vị lão hầu tên Độ Thắng thường ra chợ mua hương. Một hôm, trên đường trở về được người mách bảo nên thẳng đến tinh xá. Từ đó, mỗi ngày Độ Thắng đều đến đó kính thành tu tập. Bà giảm bớt tiền mua hương, góp lại để dành cúng dường trai phạn cho Đức Phật và các vị Tỳ-kheo. Đức Phật thuyết pháp, bà lão chú tâm nhớ mãi không quên. Khi cúng dường xong trở về cung, Độ Thắng ngang qua chợ lấy hương. Nương theo công đức cúng dường ấy, nên mùi hương tỏa ra thơm ngát, cân lượng cũng tăng lên gấp bội ngày thường. Khi bị Hoàng hậu hỏi, vị lão hầu không trả lời được nên thật tình bày tỏ:

–Mỗi lần đi chợ, thần đều bớt tiền mua hương tích góp lại để cúng trai phạn cho Đức Phật và chư Tăng và được nghe giáo pháp sâu xa, nghĩa lý vi diệu mà ở thế gian chưa từng được nghe.

Hoàng hậu Cai Dung nghe đến tiếng Phật bỗng nhiên trong lòng hoan hỷ, tự nghĩ: “Lòng ta thật hân hoan vui sướng. Làm sao để

7. Ưu-diên (Pāli: Udayana): còn dịch là Vu-diên, Ưu-đà-diên, Ưu-đà-diễn-na, Ô-đà-diễn-na-phật-sai.

được nghe giáo pháp tối diệu ấy?”, liền bảo Độ Thắng:

–Lão hãy nói lại lời Đức Phật dạy để ta nghe thử.

Vị lão hầu thưa:

–Thân của lão thần thấy hèn, miệng không thanh tịnh nên không dám tự tiện tuyên lại lời dạy tôn quý của Đức Như Lai. Xin Hoàng hậu hãy dời gót đến chỗ Đức Phật nghe pháp rồi trở về.

Hoàng hậu truyền bảo vị lão hầu rời cung đến tinh xá và căn dặn cẩn thận:

–Lão cần phải ghi nhớ đầy đủ nghi thức trong buổi thuyết pháp của Đức Phật.

Độ Thắng chưa trở về mà phu nhân và người hầu đã đứng chờ trong sân.

Đức Phật truyền dạy vị lão hầu Độ Thắng:

–Lão bà hãy trở về cung nói pháp, sẽ có nhiều người được độ thoát. Nghi thức của buổi thuyết pháp trước nhất phải thiết đặt một tòa cao.

Độ Thắng vâng lời Phật dạy, trở về cung tuyên lại đầy đủ lời của Đức Phật dạy. Hoàng hậu Cai Dung hoan hỷ mở rương lấy y xếp thành tòa cao. Lúc ấy vị lão hầu Độ Thắng nương theo oai thần của Đức Phật, thuyết pháp như Bạc Đạo Sư đã giảng.

Hoàng hậu Cai Dung và các nàng hầu tâm không còn nghi ngờ, tiêu trừ tất cả các niệm ác, đắc được quả Câu hạng⁸. Ngay lúc ấy, Độ Thắng cũng đắc được Tổng trì⁹.

Chiếu Đường trong lòng càng thêm oán hận, ganh ghét, rất nhiều lần sàm tấu với vua. Nhưng vua ngược lại còn quả trách:

–Người thật hiếm độc, xúc xiểm, vu khống đức hạnh của Dung hậu, người luôn giữ gìn tiết hạnh đáng quý.

Trong tâm của Chiếu Đường rất oán ghét chỉ muốn làm hại hoàng hậu Cai Dung nên bí mật tâu vua:

⁸. Câu hạng: Thánh vị đầu tiên trong tứ quả A-la-hán, tức quả Dự lưu hay Sơ quả Tu-đà-hoàn (Pāli: Sotapanna, Sanskrit: śrotāpanna).

⁹. Tổng trì: (Sanskrit: Dhāraṇī): tức niệm tuệ lực có thể tổng nhiếp, chấp trì vô lượng Phật pháp mà không thể mất.

–Hoàng hậu Cai Dung thường sai người hầu đến chỗ Đức Phật giao tình phóng đấng, có ý dâm dật, bất chánh. Thiếp tình cờ bắt được, vì lòng trung trực, đã nhiều lần khuyên can mà Dung hậu vẫn không bỏ.

Nhà vua cũng bắt đầu sinh lòng nghi ngờ hoàng hậu Cai Dung. Chiếu Đường trong lòng mưu tính thâm nghĩ: “Dò xét cô ta trong ngày trai giới thì tất biết mà thôi”. Chiếu Đường cho người dò xét ngày trai giới của Dung hậu. Đúng ngày trai giới ấy trong cung có tiệc vui, Chiếu Đường liền tâu với đức vua:

–Hôm nay là ngày vui, Bệ hạ nên mời hoàng hậu Cai Dung đến dự.

Nhà vua truyền tuyên chiếu mời. Mọi người theo lệnh vua đều đến dự hội chỉ có Hoàng hậu Cai Dung vì đang giữ trai giới nên không vâng lệnh đến dự. Nhà vua cho người mời đến ba lần nhưng Hoàng hậu vì giữ giới nên vẫn không đến. Nhà vua vô cùng giận dữ, sai người giải hoàng hậu ra khỏi phòng, trói lại trước cung, dùng xạ tiễn hành hình. Hoàng hậu Cai Dung tâm không sợ hãi, vẫn một lòng hướng về Đức Phật. Nhà vua tự mình giương cung bắn, nhưng mũi tên lại bay ngược lại hướng vua. Các lần sau lần nào mũi tên cũng bay ngược trở lại hướng vua. Bấy giờ, vua vô cùng kinh hãi, hoảng sợ buông rơi cung tên, hỏi:

–Người dùng pháp thuật gì mà sao làm được việc ấy?

Phu nhân tâu:

–Thiếp chỉ phụng thờ Đức Như Lai, quy y ba Bậc tôn quý. Sáng nay vâng giữ trai giới của Đức Phật, không ăn sau giờ Ngọ và còn tu tập hành trì tám giới pháp, không trang điểm thân thể, có lẽ là Đức Thế Tôn thương xót nên được như vậy.

Nhà vua thốt lên:

–Lành thay! Lẽ nào lại có việc như nàng nói sao?

Nhà vua lập tức đến tinh xá bày tỏ niềm tin phục, quy kính Đức Phật. Đúng lúc đó có tin quốc gia thù địch đưa đoàn quân đông đảo, hùng mạnh xâm nhập biên giới, đức vua phải đích thân ra trận nên truyền lệnh giao cho Phạm chí Kiết Tinh quyền thống lĩnh chính sự của quốc gia. Chiếu Đường vui sướng nói:

–Cha ta đang nắm giữ việc quốc chính, ta chắc chắn giết y thì được thôi.

Sau khi đức vua ra trận, cô ta cùng cha lập mưu thiêu chết Cai Dung và các vị thị nữ của nàng, rồi tuyên bố dối trá là họ bị nạn lửa thiêu chết. Cả hai cha con cho là có thể giấu kín được độc kế nhưng sự việc bị phát hiện, nhà vua vô cùng phẫn nộ, đuổi Kiệt Tinh ra khỏi nước, vì ông ta là tu sĩ Bà-la-môn nên được tha tội chết; còn Chiếu Đường và đồng bọn đều bị giam vào hầm tối dưới đất. Sau đó, nhà vua truyền lệnh dẹp trừ tà giáo, rộng truyền Phật pháp khắp nơi.

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo từ tòa ngời đứng dậy thưa hỏi Đức Phật:

–Hoàng hậu và các vị thị nữ tinh tấn như vậy, đã thấy chân lý đạt được Sơ quả Tu-đà-hoàn, không rõ vì tội gì mà bị lửa hại mạng? Cúi mong Đức Thế Tôn dạy rõ điều chúng con chưa hiểu.

Đức Phật dạy các vị Tỳ-kheo:

–Trong quá khứ, tại thành Ba-la-nại. Có năm trăm cô dâu nữ muốn mời những người nghèo hèn, đói rách để đích thân cứu tế. Vào thời đó, có một vị Bích-chi-phật tên là Ca-la đi hóa đạo, dạy bảo mọi người giữ năm giới. Nam nữ trong nước đều hướng lòng theo ngài. Năm trăm cô gái rất tức giận bảo nhau:

–Tại sao ông ấy đến đây làm mất khách của chúng ta?

Tất cả đều sinh tâm oán giận nên bàn kế để hãm hại ngài. Hôm sau Đức Phật Ca-la vào thành theo thứ tự khát thực đi đến nhà của các cô dâu nữ. Các cô gái rất phẫn nộ cùng chạy ra lấy than củi đang cháy trong lò ném vào người Đức Ca-la, làm thân ngài bị cháy bỏng mà trong lòng không chút hối hận. Đức Ca-la liền hiện thân tức bay lên hư không. Các cô gái hoảng sợ, khóc lóc, hối hận vì tội lỗi đã làm, quỳ thẳng đầu hướng lên cao bày tỏ:

–Chúng con ngu si không biết Đấng Tối Chân, thật là đại khờ mê muội nên làm tổn hại đến Bạc Thánh. Chúng con tự biết đã phạm rất nhiều lầm lỗi, tội ác như núi. Cúi mong Ngài xót thương tha thứ để chúng con được tiêu trừ tội lỗi nặng nề.

Theo lời khẩn thỉnh, Đức Ca-la liền hạ thân xuống và nhập Niết-bàn. Các cô gái cùng nhau xây tháp cúng dường xá-lợi.

Đức Thế Tôn dạy tiếp:

–Các dâm nữ lúc đó nay chính là hoàng hậu Cai Dung và các thị nữ. Tội hay phước đều theo đuổi con người, dù lâu xa nhưng không có gì là không báo ứng rõ ràng.

Khi Đức Phật thuyết bài pháp ấy, tất cả người già trẻ trong nước đều hoan hỷ, tin tưởng vâng theo lời Phật dạy, quy y Ba ngôi báu, nhận lãnh giới pháp rồi ra về.

Đức Phật và các vị Tỳ-kheo cũng trở về tinh xá Kỳ hoàn tại nước Xá-vệ.

M

Phẩm 9: CÙ-ĐÀM-DI ĐẾN XIN ĐỨC PHẬT XUẤT GIA LÀM TỖ-KHEO-NI

Bấy giờ Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo Tăng đến trụ tại tinh xá dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Khi ấy Đại Ái Đạo Cù-đàm-di đi tới chỗ Phật ngự, cúi đầu kính lạy rồi đứng qua một bên, chắp tay bạch:

–Con nghe người nữ tinh tấn tu học có thể đạt được bốn đạo quả Sa-môn nên mong được nhận lãnh giáo pháp và giới luật của Đức Phật. Con ở tại nhà luôn nuôi dưỡng lòng tin nay mong được rời khỏi đời sống gia đình học đạo.

Đức Phật dạy:

–Hãy thôi đi! Cù-đàm-di, thật không an lạc cho nữ giới khi phải khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ta, vận pháp y và sống trọn đời Phạm hạnh thanh tịnh giải thoát.

Cù-đàm-di thỉnh cầu đến ba lần nhưng Đức Phật vẫn không chấp thuận nên bà đến trước Đức Phật đánh lễ, nhiễu quanh rồi ra về.

Sau đó không lâu, Đức Phật cùng các vị đại Tỳ-kheo Tăng từ tinh xá dòng họ Thích đi vào thành Ca-duy-la-vệ. Nghe tin Đức Phật và các vị đệ tử theo sau vào thành, Đại Ái Đạo trong lòng vô cùng mừng vui vội đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Ngài, thỉnh cầu lần nữa:

–Con nghe người nữ tinh tấn học đạo có thể chứng đắc bốn đạo quả Sa-môn nên nguyện được lãnh nhận giáo pháp và giới luật của Đức Phật. Con ở tại nhà luôn có niềm tin với Phật pháp, nay mong muốn được xuất gia học đạo.

Đức Phật dạy:

–Nên thôi đi! Cù-đàm-di, thật không an lạc cho người nữ khi phải khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ta, vận pháp phục và sống trọn đời Phạm hạnh thanh tịnh giải thoát.

Đại Ái Đạo ba lần cầu khẩn nhưng Ngài vẫn không chấp nhận nên đến trước đánh lễ, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi ra về.

Đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo ở lại nước Ca-duy-la-vệ trú mưa ba tháng. Sau khi vá sửa pháp y, Đức Phật và chư Tỳ-kheo vận y ôm bát rời vương quốc ra đi. Đại Ái Đạo cùng các vị cung phi thị nữ lớn tuổi trong cung vội đuổi theo Đức Phật.

Đến thôn Na-tư, Đức Phật dừng chân nghỉ bên bờ sông. Đại Ái Đạo liền đến trước đánh lễ Đức Phật rồi đứng qua một bên bạch:

–Con nghe người nữ siêng năng, kiên trì tu tập có thể đạt được bốn đạo quả Sa-môn nên muốn xin được lãnh thọ giới luật và giáo pháp của Đức Phật. Ở tại nhà, con luôn có đức tin với Phật pháp, nay mong được xuất gia học đạo.

Đức Phật dạy:

–Hãy thôi hẳn đi! Cù-đàm-di, thật không an lạc cho giới nữ khi phải khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ta, vận y ca-sa, sống trọn đời Phạm hạnh thanh tịnh giải thoát.

Đại Ái Đạo khẩn cầu như vậy ba lần nhưng Đức Phật vẫn không chấp nhận. Bà đến trước đánh lễ, nhiễu quanh Đức Phật rồi lui ra, đứng ngoài ngõ. Bấy giờ cả đoàn người vận y ca-sa, đứng chân trần trên đất, khuôn diện và y phục lấm lem bụi đường, thân thể mỗi mảy, than khóc rất bi thảm.

Hiền giả A-nan thấy bá mẫu Đại Ái Đạo như thế liền hỏi:

–Cù-đàm-di, vì sao người lại vận ca-sa, đi chân trần, mặt lấm lem, y đầy bụi, có vẻ mệt mỏi và còn khóc than như vậy?

Đại Ái Đạo trả lời:

–Thưa Hiền giả A-nan, nay chỉ bởi tôi mang thân người nữ nên không được nhận lãnh giáo pháp và giới luật của Đức Phật. Do vậy mà tử hổ thương xót cho bản thân.

Tôn giả A-nan nói:

–Thôi! Thôi đừng than khóc. Cù-đàm-di nên yên lòng. Nay hãy chờ tôi vào thưa thỉnh việc này với Đức Phật.

Hiền giả A-nan lập tức đi vào đánh lễ dưới chân Đức Phật, quỳ thẳng bạch:

–Con từng được nghe Thế Tôn dạy người nữ nỗ lực siêng năng tu tập có thể đạt được bốn đạo quả Sa-môn. Nay Đại Ái Đạo hết lòng thành kính muốn được nhận lãnh giáo pháp và giới luật. Người ở trong cung luôn có niệm tín thành, nay mong được xuất gia học đạo. Cúi mong Đức Phật chấp thuận việc ấy.

Đức Phật dạy:

–Nên thôi đi! Nay A-nan, thật không an lạc nếu Ta cho phép người nữ xuất gia làm Sa-môn, khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ta. Vì sao vậy? Nay A-nan, thí như trong một gia tộc có nhiều người nữ, ít người nam. Ông nên biết gia tộc đó chính vì thế sẽ bị suy yếu, không thể cường thịnh được. Nếu nay cho phép người nữ xuất gia, khép mình trong giáo pháp và giới luật của Ta chắc chắn sẽ khiến cho đời sống Phạm hạnh thanh tịnh của Tăng đoàn không bền vững dài lâu. Thí như một ruộng lúa đang trổ hạt chín đều gặp phải hơi sương giá rét hay khí hậu xấu sẽ làm cho những hạt lúa tốt bị hư hoại. Nay nếu Ta cho phép người nữ xuất gia, khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ta chắc chắn sẽ khiến cho đạo lớn thanh tịnh của Ta không được hưng thịnh lâu dài.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Đại Ái Đạo hiện nay đang có tâm niệm chí thiện, rất thành kính. Từ thuở Thế Tôn ấu niên, chính người đã tự tay nuôi dưỡng, dạy dỗ cho Ngài đến lúc trưởng thành.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy. Nay A-nan, Đại Ái Đạo có đức tin và nhiều tâm niệm trong lành, có ân đối với Ta. Sau khi sinh Ta bảy ngày, mẫu thân của Ta đã mất, chính Đại Ái Đạo đã nuôi dưỡng cho đến

khi Ta trưởng thành. Nay tại thế gian này, Ta thành Phật, cũng đã có nhiều ân đức đối với Đại Ái Đạo. Đại Ái Đạo chính do Ta giáo hóa nên tự thân được trở về nương theo Phật, Pháp và chư Tỳ-kheo Tăng; phát khởi lòng tin Phật, Pháp và chư Tỳ-kheo Tăng; dứt bỏ được lòng nghi ngờ đối với Khổ, Tập, Tận và Đạo nên có được đức tin ấy, vâng giữ trọn vẹn giới cấm, trở thành bậc đa văn, thực hành đầy đủ hạnh bố thí, thành tựu được trí tuệ như thế và cũng có thể tự chế ngự bản thân, không giết hại mạng sống, không trộm cắp, không dâm dật, không nói dối, không uống rượu. Như thế, này A-nan, ngay cả ân đức khuyến hóa khiến mọi người bố thí, cấp dưỡng trọn đời tất cả các thứ y phục, đồ ăn thức uống, ngọ cụ, thuốc men khi bị bệnh cho kẻ bần hàn cũng không bằng ân đức ấy của Ta.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Nếu như người nữ muốn xuất gia làm Sa-môn thì phải vâng giữ tám pháp cung kính, không được vi phạm, phải suốt đời học tập và thực hành tám pháp ấy. Ví như để đề phòng nước lũ phải khéo đắp đê ngăn chặn, không cho nước lọt vào mới thôi. Nữ giới nếu vâng giữ được như vậy mới có thể khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ta.

Tám pháp cung kính là gì?

1. Người nữ đã là Tỳ-kheo-ni phải theo Tỳ-kheo Tăng đã thọ Đại giới vâng học chánh pháp.

2. Cứ mỗi nửa tháng, Tỳ-kheo-ni phải sang lễ bái, hầu thỉnh học với Tỳ-kheo Tăng đã thọ Đại giới.

3. Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo-ni không được ở chung, sống chung.

4. Sau ba tháng an cư tại một trú xứ, Tỳ-kheo-ni phải cùng nhau tự kiểm thảo về những giới tội nghe được, thấy được và phải tự xét bản thân lầm lỗi ở điểm nào tỉnh ngộ xem xét.

5. Tỳ-kheo-ni không được hỏi và trách phạt Tỳ-kheo Tăng về những giới tội nghe và thấy được. Nhưng Tỳ-kheo Tăng đối với những giới tội nghe được, thấy được của Tỳ-kheo-ni được quyền hỏi và trách phạt, Tỳ-kheo-ni phải lập tức tự phản tỉnh.

6. Tỳ-kheo-ni có lòng cầu học đạo pháp được phép hỏi những việc về kinh, luật với Tỳ-kheo Tăng.

7. Tỳ-kheo-ni bản thân chưa đắc đạo, nếu phạm giới luật phải nửa tháng ra giữa chúng nhận tội, tự sám hối để bỏ tánh kiêu mạn.

8. Tỳ-kheo-ni dù một trăm tuổi, đã thọ đại giới đối với Tỳ-kheo Tăng trẻ tuổi mới thọ đại giới phải ngồi dưới và cung kính lễ bái.

Đó là tám pháp cung kính Ta dạy cho hàng nữ giới xuất gia, phải khép mình vào đó, không được vi phạm, phải trọn đời học tập và thực hành. Nếu Đại Ái Đạo xét thấy có thể giữ được tám pháp cung kính đó, Ta sẽ chấp nhận cho xuất gia làm Sa-môn.

Hiền giả A-nan nhận lãnh, nhớ kỹ lời Phật dạy, đánh lễ rồi bước ra báo cho Đại Ái Đạo:

–Cù-đàm-di, chớ có ưu sầu nữa! Hãy giữ trọn niềm tin sẽ được từ bỏ đời sống gia đình, xa lìa đời sống gia đình, được lãnh thọ giới pháp. Đức Phật dạy người nữ muốn xuất gia làm Sa-môn phải vâng giữ tám pháp cung kính, không được vi phạm, cần phải trọn đời hết lòng học tập và thực hành tám pháp ấy, phải giữ tâm như đề phòng nước lũ, khéo đắp bờ đê không cho nước lọt vào.

Tôn giả A-nan nói lại đầy đủ, trọn vẹn tám pháp cung kính mà Đức Phật đã truyền dạy ban bố cho bá mẫu nghe và nói rõ:

–Thế Tôn đã dạy người nữ nào có khả năng vâng giữ được như vậy có thể xuất gia, khép mình vào trong giáo pháp và giới luật của Ngài.

Đại Ái Đạo vui mừng thưa ngay:

–Thưa vâng. Tôn giả A-nan, cúi xin lắng nghe lời này của con. Ví như các cô gái thuộc bốn đẳng cấp đã tắm rửa xong, dùng hương thơm xoa thân, vận y phục trang nghiêm nhưng có người muốn cho họ thêm lợi ích, an ổn không sợ hãi nên dùng các loại hoa thơm tươi tốt và các vật báu quý giá kết thành chuỗi ngọc đem cho các cô gái ấy. Có lẽ nào họ lại không yêu thích vui sướng mang ngay lên đầu? Nay đối với tám pháp cung kính mà Đức Phật đã ban dạy, con cũng hân hoan xin được đội trên đầu vâng giữ.

Đại Ái Đạo được thọ Đại giới làm Tỳ-kheo-ni, vâng giữ và tu tập theo giáo pháp và giới luật nên đạt được quả vị Ứng chân (La-

hán). Một thời gian sau, Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo cùng các vị Tỳ-kheo-ni trưởng lão cùng đi đến chỗ Hiền giả A-nan thưa hỏi:

–Thưa Tôn giả A-nan, các vị Tỳ-kheo-ni trưởng lão này đều tu tập phạm hạnh đã lâu và đều đã thấy chân lý, vậy tại sao lại phải lễ bái các vị Tỳ-kheo Tăng nhỏ tuổi mới thọ đại giới?

Tôn giả A-nan đáp:

–Hãy đợi giây lát, nay tôi sẽ vào để thưa hỏi Đức Phật.

Tôn giả A-nan đi vào, cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật bạch:

–Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo thưa hỏi rằng các vị Tỳ-kheo-ni trưởng lão đều tu tập phạm hạnh đã lâu và đều đã thấy chân lý, vậy tại sao lại phải lễ bái các vị Tỳ-kheo Tăng nhỏ tuổi, mới thọ đại giới.

Đức Phật dạy:

–Hãy thôi đi! Nay A-nan, phải thận trọng, không được nói lời ấy! Chỉ vì hiểu biết của ông không như tri kiến của Như Lai. Nếu Ta không cho phép người nữ xuất gia làm Sa-môn trong đạo của Ta, tất cả Phạm chí dị học ngoại đạo và cư sĩ sẽ lấy y trái trên mặt đất, khấn cầu các Sa-môn: “Hiền giả là bậc giới hạnh thanh tịnh cao tột. Xin Ngài hãy bước trên tấm y này để con được phước báo lâu dài về sau”.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu Ta không cho phép người nữ xuất gia làm Sa-môn trong đạo của Ta, mọi người trong đời đều trải tóc xuống đất cầu xin các Sa-môn: “Hiền giả là bậc có đầy đủ giới, văn, tuệ, hành. Xin Ngài hãy bước lên trên tóc này để con được phước báo lâu dài về sau”.

Nếu Ta không cho phép người nữ xuất gia làm Sa-môn trong đạo của Ta, người trong thiên hạ đều chuẩn bị đầy đủ y phục, trai phẩm, giường nằm, thuốc men chữa bệnh, và mời thỉnh: “Xin các vị Sa-môn nhận lấy, tùy ý đem về dùng”.

Nếu Ta không cho phép người nữ xuất gia làm Sa-môn trong đạo của Ta, nhân dân ở khắp nơi sẽ kính thờ Sa-môn như thờ mặt trời, mặt trăng, như thờ Thiên thần, còn hơn cả bậc tối cao của các vị dị học ngoại đạo.

Nếu Ta không cho phép người nữ xuất gia làm Sa-môn trong đạo của Ta, chánh pháp của Như Lai sẽ được hưng thịnh cả ngàn năm.

Đức Phật lại dạy Tôn giả A-nan:

– Vì người nữ xuất gia làm Sa-môn nên làm cho giáo pháp của Ta suy vi hết năm trăm năm. Vì sao vậy? Này A-nan, vì người nữ có năm ngôi vị không thể đạt được. Năm ngôi vị ấy là gì?

Người nữ không thể đạt được quả vị Như Lai Tối Chân Chánh Đẳng Giác.

Người nữ không thể đạt được ngôi vị Chuyển luân thánh vương.

Người nữ không thể đạt được ngôi vị Đế Thích, vua tầng trời Đao-lợi thứ hai.

Người nữ không thể đạt được ngôi vị vua cõi Thiên ma thứ sáu.

Người nữ không thể đạt được ngôi vị Phạm thiên vương ở cõi trời thứ bảy.

Năm ngôi vị ấy trên chỉ có Bạc Trượng phu mới đạt được. Bạc Trượng phu ở trong đời thành tựu Phật quả, được làm Chuyển luân thánh vương, được làm trời Đế Thích, được làm vua cõi Thiên ma, được làm Phạm thiên vương.

Đức Phật giảng xong lời đó, chúng hội đều hoan hỷ, vâng giữ lời Phật dạy để tu tập.

M

Phẩm 10: ĐỘ VUA BA-TƯ-NẶC¹⁰

Bấy giờ Đức Như Lai cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng trở về nước Xá-vệ, trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc. Vua Ba-tư-nặc trong lòng thầm nghĩ: “Đức Phật vốn thuộc dòng họ Thích, trước đây rời khỏi đời sống gia đình vào núi tu tập, nay đã thành Bạc Toàn Giác Bình Đẳng Chánh Chân Tối Thượng có oai nghi Phạm tướng vi diệu, khiến Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều tôn thờ kính ngưỡng. Ngài vì mọi người giảng dạy giáo pháp, lời đầu, lời

¹⁰. Phẩm này còn có tựa là phẩm Vô Thường.

giữa và lời cuối đều thiện. Những ai được nghe pháp của Ngài giảng đều hoan hỷ, tu tập phước đức, ngăn chặn tai ương; lời Ngài giảng dạy đưa đến Niết-bàn”.

Nhà vua lập tức chuẩn bị rời cung, dẫn quan quân theo hầu như thường lệ lên đường đến nơi Phật ngự. Khi đến trước tinh xá, đức vua xuống xe cùng các quan đi vào, đến trước Đức Phật, đứng thẳng, chắp tay vái rồi ngồi xuống, bạch:

–Tôi được nghe Đức Thích-ca tu tập trong sáu năm, nay đã thành đạo có hiệu là Phật, điều đó có thật không? Hay là do người đời ca tụng?

Đức Phật bảo nhà vua:

–Ta thật là Phật. Người đời không phải truyền tụng điều không thật.

Nhà vua liền hỏi:

–Thưa Đức Cù-đàm, phải chăng danh hiệu Phật là do Ngài tự xưng chứ Ngài chẳng phải là Phật?

Đức Phật trả lời nhà vua:

–Lâu xa về trước, trong quá khứ có một vị Phật hiệu là Định Quang đã thọ ký cho Ta: “Trong tương lai, chín mươi một kiếp nữa, ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Văn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, có mười tám pháp đặc thù vi diệu¹¹, mười loại trí lực và bốn đức vô úy. Nếu thiếu một trong những pháp ấy, không thể gọi là Phật. Ta nay đã có đủ các pháp ấy, vì vậy Ta là Đức Như Lai, Bạc Giác Ngộ Chân Chánh không còn cấu nhiễm.

Trong lòng vua vẫn còn nghi hoặc nên chất vấn Đức Phật:

–Cù-đàm tuổi vẫn còn nhỏ, học đạo lại chưa bao lâu. Vì sao được như vậy? Ở đời có những vị Bà-la-môn tu tập theo đạo thờ nước, thờ lửa siêng năng, cực khổ không kể ngày đêm. Chín mươi sáu vị Bà-la-môn không có điều gì không thông suốt. Có sáu vị tuổi cao đức lớn như Bất-lan Ca-diếp..., danh tiếng vang dội khắp nơi còn

¹¹. Tức mười tám pháp bất cộng (của Phật). Các pháp này chỉ Đức Phật mới có, còn hàng Nhị thừa, Bồ-tát đều không có nên gọi là Bất cộng pháp.

chưa được thành Phật. Phật là Bạc vô cùng tôn quý. Dem việc này để so với lời Ngài nói, tôi thật nghi ngờ, không tin được.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Nay Ta sẽ vì đức vua giảng bày nghĩa lý chân thật. Đức vua nên lắng nghe thật kỹ, chớ có nghi ngờ.

Nhà vua nói:

–Thật là tốt lành!

Đức Phật dạy nhà vua:

–Có bốn điều nhỏ nhưng không thể coi thường. Bốn điều ấy là gì?

Một là vị Thái tử tuy nhỏ nhưng tương lai sẽ là một đấng quân vương. Với người ấy không thể coi thường.

Hai là một đốm lửa tuy nhỏ, nhưng sẽ thiêu rụi cỏ cây, chùng nào cháy hết mới thôi. Với đốm lửa ấy không thể coi thường.

Ba là con của loài rồng tuy nhỏ nhưng sẽ có thể tạo ra mưa gió, giông tố, sấm sét... Với con rồng nhỏ đó, không thể coi thường.

Bốn là vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi, nhưng đã đạt được tuệ giác, thấy rõ ràng con đường giải thoát, có thể giảng dạy, độ hóa khắp nơi làm cho mọi người đều giải thoát. Với vị Tỳ-kheo ấy, không thể coi thường.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì vua nói bài tụng:

*Thái tử tròn phước
Sẽ thành quốc quân
Kẻ ngu khinh mạn
Vương họa vào thân
Chính do tâm khởi
Niệm trọng niệm khinh.
Hạnh tròn quả mãn
Phước tự theo mình
Trước xét cội đức
Sau mới quán nhân
Đạo vốn như thế
Đại vương thâm tư.
Đốm lửa gặp cỏ*

*Sẽ chấy vô cùng
 Tu-di, núi báu
 Từ đời nhỏ sinh
 Bậc trí quán vật
 Lớn nhỏ không phân
 Không tránh rồng nhỏ
 Độc hại tự thân.
 Tỳ-kheo trừ ác
 Tĩnh lự chuyên cần
 Thành tựu đạo trí
 Độ khắp chúng nhân.
 Đạt Kiến đế – không nhiễm
 Năm đường hiểm – đã vượt
 Ta hiện tại cõi đời
 Vì chúng sinh trừ khổ.*

Nhà vua nghe xong lời pháp vi diệu ấy, trong lòng vốn còn đầy phiền não, lậu hoặc nên vẫn nghi ngờ, chưa tỉnh ngộ. Vua liền đến trước lạy dưới chân Đức Phật, cáo từ trở về cung.

Lúc bấy giờ, trong nước Xá-vệ một vị Bà-la-môn giàu có, tài sản đầy ắp vật báu, tuổi đã cao mà chẳng có con nên hết lòng cầu khẩn. Không bao lâu sau, vợ ông sinh được một đứa con trai. Khi lên bảy tuổi, cậu bé mắc bệnh rồi chết. Người cha trong lòng đau đớn, sầu khổ, đứng nằm không yên, chẳng màng đến việc ăn uống. Nghe đồn Đức Phật có thể giải tỏa được mọi tâm trạng sầu khổ, ưu tư, vị ấy vội đi đến tinh xá Kỳ hoàn.

Đức Phật hỏi vị Phạm chí:

– Ông có điều buồn lo, bối rối gì mà khuôn mặt hốc hác, gầy gò như vậy?

Vị Bà-la-môn thưa:

– Tuổi con đã cao, chỉ có một đứa con trai duy nhất nhưng nó vừa mới chết, bỏ con lại một mình khiến lòng con vô cùng buồn thương, đau đớn.

Đức Phật bảo vị Phạm chí:

–Con người vì có yêu thương nên mới bị lo buồn, thương xót.

Trong lòng đang mê loạn nên vị Phạm chí liền thưa với Đức Phật:

–Trong niềm vui của sự yêu thương, có điều gì khiến ta phải thương xót, buồn khổ đâu?

Đức Phật nói:

–Chẳng phải như vậy.

Thế Tôn lập lại lời ấy đến ba lần nhưng vị Bà-la-môn vẫn không thông suốt. Vị ấy liền chạy ra khỏi tinh xá Kỳ hoàn, gặp hai người đang đánh bạc, trong lòng suy nghĩ: “Chắc họ là người trí, có thể giải tỏa được mối nghi của ta”. Ông ta liền hỏi hai người ấy:

–Yêu thương là vui hay là buồn khổ?

Họ lập tức trả lời:

–Tất cả niềm vui trong cuộc sống không có gì hơn là sự yêu thương.

Phạm chí bảo:

–Tôi gặp Đức Cù-đàm nhưng vị ấy đã nói ngược lại.

Hai người kia lên tiếng bảo:

–Sa-môn Cù-đàm đi ngược lại đời, mê hoặc con người. Ông cần cẩn thận, đừng có tin ông ta.

Người ngu trong nước cùng nhau chê cười lời Đức Phật. Câu chuyện truyền đến tai vua, khiến nhà vua hiểu lầm liền cho mời Hoàng hậu Mạt-lợi đến bảo:

–Cù-đàm thật đáng cười, lập luận ngược đời, vô lý. Sao lại có chuyện yêu thương sinh ra buồn khổ được?

Phu nhân Mạt-lợi tâu:

–Đức Phật không bao giờ nói điều gì sai lầm. Lời dạy đó thật ra là đúng như thế.

Nhà vua liền nói:

–Nàng tôn kính quý trọng Cù-đàm đến như vậy nên mới tin lời của vị ấy mà thôi.

Hoàng hậu tâu vua:

–Sao ngài không tự đến hoặc sai vị nào có trí đến chỗ Đức Phật để thưa hỏi việc này, để chứng thật sự điên cuồng, mê hoặc của

người đời.

Nghe xong lời nói ấy, đức vua liền cho gọi một vị đại thần có trí tên Na-lợi-thăng đến truyền lệnh:

– Ông hãy nhân danh ta đến thưa hỏi Đức Cù-đàm: “Người đời ngu si, mê hoặc, truyền miệng sai lầm lời dạy của Thế Tôn, phê bình ngang ngược rằng: Yêu thương mà lại sinh ra buồn khổ. Điều đó thật là quái gở, nghịch lý. Do vậy, nhà vua sai sứ giả đến để báo tin và cúi nghe Đức Phật giáo hóa”. Nếu Đức Phật có dạy điều gì ông phải ghi nhớ thật kỹ.

Vị đại thần vâng theo lệnh vua lập tức đến tinh xá Kỳ hoàn. Sau khi lạy Đức Phật xong đứng dậy, vị đại thần tiến tới phía trước Đức Phật, quỳ xuống bạch:

– Quốc vương Ba-tư-nặc cúi lạy trước tòa, xin thỉnh vấn Đức Phật về một điều mà Quốc vương chưa hiểu rõ. Cúi mong Thế Tôn chỉ dạy, giảng rõ ý nghĩa thật sự.

Đức Như Lai bảo vị đại thần ngồi xuống, Ngài dạy:

– Cội gốc của yêu thương là dòng nước trong chốn vực thẳm sâu không đáy. Mọi phiền não lo buồn, sầu khổ đều là do yêu thương mà ra.

Ngài lại dạy vị đại thần:

– Nay Ta hỏi ngài, ý ngài hiểu thế nào thì trả lời thế ấy. Ví dụ như có một người, cha mẹ đã qua đời, vợ con cũng đều chết, tài sản bị quan tịch thu, có phải là không có sự đau khổ nào hơn nỗi đau phiền muộn, buồn thương của người đó không?

Vị đại thần thưa:

– Thưa vâng, đúng như lời Đức Thế Tôn dạy.

Đức Phật lại dạy tiếp:

– Ngày xưa có một người sống trong cảnh bần cùng khốn khổ cưới được người vợ trong một gia đình giàu có. Gia đình vợ lười biếng, không có phương kế để làm ăn nên gia cảnh ngày càng suy sụp nghèo khổ. Đã cùng khốn mà còn phải lo lót quan trên nên gia đình muốn bắt người vợ tái giá. Người vợ nghe gia đình bàn luận, liền nói lại cho chồng: “Gia đình thiếp có quyền thế chắc chắn họ sẽ

buộc thiếp xa chàng. Chúng ta phải tính sao đây?”. Người chồng nghe xong lời ấy bèn dẫn vợ vào phòng nói: “Nay anh muốn chúng ta cùng chết một chỗ”. Anh ta lập tức giết vợ rồi quay ngược dao tự vẫn.

Đức Phật bảo Na-lợi-thắng:

–Vì yêu thương mà giết nhau, đâu phải chỉ có ưu sầu, buồn khổ thôi.

Vị đại thần vâng nhận lời Phật dạy, đánh lễ rồi trở về cung tuyên lại đầy đủ lời dạy của Đức Phật. Nhưng tâm vua vẫn không tỉnh giác, còn chê cười lời dạy ấy, nói với hoàng hậu Mạt-lợi:

–Vì sao Cù-đàm lại nói lời ấy?

Hoàng hậu tâu với nhà vua:

–Nay thiếp muốn thưa một việc này, mong rằng bệ hạ sẽ hiểu rõ được lời dạy ấy.

Vua bảo:

–Nàng hãy nói.

Hoàng hậu hỏi vua:

–Vương quốc ta hiện có hai vùng lãnh địa là Ca-di và Câu-đạt-lô. Nếu có người tâu với Bệ hạ: “Hai vùng lãnh thổ ấy đã bị vua nước khác chiếm đoạt”, Bệ hạ sẽ như thế nào?

Đức vua bảo hoàng hậu:

–Sự phồn vinh và an lạc của nước ta là nhờ hai vùng đất ấy. Nếu có việc đúng như lời nàng nói, ta sẽ rất buồn lo.

Hoàng hậu lại hỏi:

–Nếu như thái tử Lưu Ly và công chúa Kim Cang bị bệnh hay bị chết, Bệ hạ sẽ làm như thế nào?

Nhà vua đáp trả lời:

–Nếu như vậy thì ta khó lòng chịu nổi!

Hoàng hậu thưa vua:

–Đó có phải là yêu thương làm phát sinh lo lắng, buồn khổ không?

Rồi hoàng hậu hỏi tiếp:

–Tiên thiếp xấu xí, được hầu hạ dưới trướng Bệ hạ, nếu một mai bị bệnh mà chết, Bệ hạ sẽ như thế nào?

Nhà vua đáp:

–Này Mạt-lợi, nếu vậy thì lòng ta sẽ mê loạn, đời ta sẽ thật trống trải.

Hoàng hậu lại thưa vua:

–Đó có phải là yêu thương làm phát sinh buồn lo, khổ não không?

Ngay khi ấy tâm vua được thông suốt, liền bước xuống giường từ xa hướng về tinh xá Kỳ hoàn đánh lễ, phát tâm quy y Ba bậc tôn quý, sám hối lỗi lầm, nguyện trọn đời tôn kính vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn.

M

Phẩm 11: TỰ YÊU THƯƠNG BẢN THÂN

Đức Phật trụ tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, đang giảng dạy chánh pháp cho đông đủ Tăng chúng.

Nhân ngày rảnh rỗi, vua Ba-tư-nặc đi đến nơi Phật ngự. Đến nơi, vua xuống xe, cất lọng, vòng tay tiến đến trước Đức Phật cúi lạy sát đất rồi lui về chỗ ngồi.

Đức Phật hỏi nhà vua:

–Đại vương từ đâu đến đây mà y phục nhàu nát, dáng người tiêu tụy vậy?

Nhà vua liền rời chỗ ngồi, gạt lệ bạch:

–Hoàng thái hậu, mẹ con vừa từ già cõi đời. Con theo hầu, đưa tiễn hoàng cữu đi an táng, lo liệu xong con mới trở về. Gần đây được Đức Thế Tôn hạ cố quang lâm đất nước quê mùa của con, lòng con hiện đang đau thương sầu khổ, đang mong mỗi lời dạy của Thế Tôn. Tánh con ngu ám, tâm con bị mê hoặc bởi những lời sai quấy, đến nay mới được giải tỏa, chính nhờ lời dạy sáng suốt, chí lý của Đức Thế Tôn: “Ưu bi khổ não đều do ân ái mà ra”. Mỗi khi nghĩ tới lời giáo huấn ấy, con nghĩ đó thật là điều thế gian khó được nghe.

Đức Thế Tôn bảo nhà vua:

–Đại vương hãy trở lại chỗ ngồi và lắng lòng nghe kỹ.

Đức vua thưa:

–Dạ vâng!

Đức Phật dạy:

–Chúng sinh không luận là già hay trẻ, giàu hay nghèo, đã mang thân này đến ngày mạng chung, không ai không bị chia ly, tan rã. Ví như hoa mùa xuân màu sắc không thể tươi mãi, khi kết hạt thì hoa rụng, lúc quả chín thì hoa lìa cành. Núi báu Tu-di đến khi kiếp tận cũng phải tan nát. Đại dương bao la sâu thẳm còn có lúc khô kiệt. Mạng sống con người vô cùng nguy cấp, người có trí không trông cậy vào nó, chỉ có tu tập đức hạnh, tinh chuyên hành đạo.

Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Thân mạng như quả chín

*Thường lo sợ rụng rơi
Do sinh nên có khổ
Không chết, nào có ai.
Như dòng sông chảy xiết
Lẳng chìm vào đại dương
Mạng người cũng như thế
Tan hủy không hoàn quy.*

Đức Phật lại dạy vua:

–Vua Giá-ca-việt-la thống lĩnh bốn cõi, khi đi tuần tra có bảy báu theo cùng, tuy thọ một ngàn tuổi cũng không tránh được cái chết. Các vị trời phước đức khi muốn ăn thì các món ăn tự hiện, đến khi phước hết cũng phải mạng chung. Tỳ-kheo phá ác, nội tâm hoàn toàn trú trong thiền định, không dao động trước vinh hoa, lợi dưỡng, ý chí kiên định như núi, thành bậc Chân nhân có uy thần mà còn phải diệt độ. Đức Như Lai dùng phương tiện trí ứng hiện thân tại thế gian, báo thân của Như Lai như Kim cương, hào quang chiếu sáng hơn ngàn thế giới, trùm khắp cõi cứu độ chúng sinh. Bậc Hùng Sư có đủ mười lực tại thế gian còn thị hiện nhập Niết-bàn. Người thế gian, sinh mạng chẳng lâu dài nhanh như ánh chớp, mau như cơn gió thoảng qua, vương vị vinh hiển chỉ như giấc mộng mà thôi. Suy xét từ xưa đến nay, con người từ vô thủy đã luân chuyển không dừng trong năm đường. Nếu thấy được sự thật giải thoát nên quay về với chân lý.

Đức Phật vì vua nói bài tụng:

*Như sông chảy xiết
Trôi qua chẳng lại
Cũng thế mạng người
Mất không hoàn cố
Dẫu ngàn tuổi thọ
Chết tránh được đâu.
Hợp tất phải ly
Lấy gì nương tựa
Ba cõi không an*

Thấy đều tan rã
 Khoái lạc cõi trời
 Phước vong đọa xứ.
 Tâm bền tợ đất
 Đức nặng đường non
 Bạc thánh vô nhiễm
 Tịch lặng thần sâu.
 Báo thân phước đức
 Sở nguyện tròn đầy
 Phương tiện Như Lai
 Nê-hoàn thị hiện.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

–Sao gọi là tự yêu thương bản thân? Sao gọi là tự phòng hộ bản thân?

Đức Phật dạy:

–Câu hỏi ấy thật là tốt lành! Đại vương hãy lắng nghe. Con người sinh ở thế gian, do tứ đại hợp thành, tâm tánh ngu si, chất chứa phiền não nên phạm các lỗi lầm sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, không tin đạo hạnh. Đó là không tự yêu thương bản thân. Nếu huân tập điều thiện, làm điều nhân, tuệ quán thế gian chẳng phải thường tồn, tin rằng chết rồi lại sinh, lòng tưởng nhớ ba bậc tôn quý, vâng theo giới để nhiếp tâm, giữ đức tin đạo thuần thực, giữ lễ độ bằng niệm khiêm cung, hiếu thuận chí thành. Người ấy ở tại thế gian là bậc biết tự yêu thương bản thân. Người biết tích lũy công đức lành, thân không làm điều sai quấy, quyết chí tu tập hành trì theo đạo giải thoát sẽ được chư Thiên tại cõi trời theo hộ vệ, không luận là nam hay nữ, các hành nghiệp đã làm đều tự thân hưởng thọ, binh đao không thể làm thương tổn, hổ dữ không thể làm hại. Phương pháp tự phòng hộ bản thân chỉ có vâng giữ giới hạnh.

Đức Phật vì vua Ba-tư-nặc nói bài tụng:

Người làm việc ác
 Khoái ý ngu si
 Không thể tự tỉnh
 Lãnh khổ về sau

Sinh hạnh chẳng lành
 Chết đọa ác đạo
 Vào ngục vô gián
 Không chỗ tựa nương.
 Người biết thương thân
 Cẩn tâm gìn giữ
 Điều thân theo chánh
 Phước cảm chư Thiên,
 Bạc có tín hành
 Được Thánh khen ngợi
 Thương thân như thể
 An lạc, không lo.
 Hạnh ác hại thân
 Kẻ ngu xem dễ
 Hành thiện thật an
 Người ngu cho khó.
 Tin pháp, trì giới
 Trí tuệ trau dồi
 Chư Thiên hộ vệ.
 Bạc trí thích Từ
 Không tà, nhân, ái
 An ổn không lo
 Diệt trừ phần nộ
 Do đó thoát khổ.

Đức vua nghe xong bài pháp, tâm niệm u mê, sai lầm được giải tỏa liền đến trước Đức Phật nhận lãnh năm giới. Quan quân theo hầu đều phát khởi tâm đạo. Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều vui thích lắng nghe.

M

Phẩm 12: ĐẠI CA-DIỆP LÚC MỚI ĐẾN HỌC ĐẠO

Bấy giờ Đức Thế Tôn trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc,

www.daitangkinh.org

nước Xá-vệ thuyết pháp cho hội chúng rất trang nghiêm gồm có đầy đủ: trời, rồng, quỷ, thần và bốn chúng đệ tử.

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tóc xòa, y rách, đến nơi Phật ngự. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy cất lời khen:

–Thật tốt lành! Này Ca-diếp, Ta đã để sẵn nửa tòa ngời. Hãy đến đây cùng ngời.

Tôn giả Ca-diếp tiến tới trước, cúi đầu mặt lạy Đức Phật, rồi lui lại, quỳ xuống, bày tỏ:

–Con là đệ tử đức hạnh hèn mọn của Đức Như Lai. Ngài xót thương chia nửa tòa ngời cho con nhưng con chẳng dám vâng lệnh.

Tất cả hội chúng đều nghĩ: “Vị tu sĩ Trưởng lão này có đức hạnh gì đặc biệt mà khiến Đức Thế Tôn chia nửa tòa bảo ngời. Người ấy chắc phải là bậc tài trí bậc nhất, điều này chỉ có Đức Phật mới tỏ tường”.

Sau khi quán sát tâm niệm mọi người, Đức Như Lai muốn giải tỏa sự nghi ngờ của họ. Ngài bèn luận giảng rộng về công hạnh lớn lao ngang với bậc Thánh. Đức Thế Tôn dạy:

–Ta đạt được Tứ thiền, trú tâm vào tính lự, từ đầu đến cuối không thoái giảm. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng có Tứ thiền, do tính lự mà tâm ý định tĩnh. Ta đạt được tâm đại từ, nhân ái với tất cả chúng sinh. Bản tâm của Ca-diếp cũng có lòng Từ như vậy. Ta đạt được lòng đại bi, cứu độ chúng sinh. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng có lòng đại bi như vậy. Ta trụ trong Tứ thiền tam-muội, tự thân luôn tịnh lạc suốt ngày đêm. Bốn Tam-muội ấy là gì?

1. Vô hình tam-muội.
2. Vô lượng ý tam-muội.
3. Thanh tịnh tích tam-muội.
4. Bất thoái chuyển tam-muội.

Tỳ-kheo Ca-diếp cũng có Tam-muội ấy. Ta vốn ưa thích Lục thông, nay đã đạt được. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng đắc được Lục thông. Lục thông là gì?

1. Tâm luôn nhớ nghĩ về Tứ thần túc.
2. Biết tất cả niệm của con người.
3. Tai nghe rất tinh diệu.

4. Thấy được nguồn cội của chúng sinh.
5. Biết chúng sinh do hạnh nghiệp mà đi về đâu.
6. Các lậu đều tận diệt.

Nay Ta đã đạt pháp vô úy, là Bạc Tôn quý nhất trong ba cõi. Ta trú trong Tứ định để hiển dương chánh pháp tối thượng. Tứ định là gì?

1. Giải định.
2. Trí định.
3. Tuệ định.
4. Giới định.

Thân tâm Ta hoàn toàn vắng lặng, tuyệt đối thanh tịnh, không có niệm tưởng buồn vui, dứt hẳn cội nguồn sinh tử. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng được như vậy.

Đức Thế Tôn lại dạy:

– Lâu xa về trước, trong quá khứ có một vị Thánh vương tên Văn Đà Kiệt, đức hạnh cao tột chói sáng trong đời, công đức làm cảm động đến vua Đế Thích ở tầng trời Đao-lợi. Đế Thích khâm phục đức hạnh khó có của vị ấy nên ra lệnh ngựa xe, đến cung để rước vua. Khi vua vừa bước lên thiên xa, xe trời bỗng nhiên bay lên hư không. Trời Đế Thích ra nghênh rước cùng ngồi chung với vua, vui chơi hết sức vui thích rồi đưa vua trở về cung.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Trời Đế Thích lúc đó là Đại Ca-diếp, còn vua Văn Đà Kiệt chính là thân của Ta. Xưa kia Đế Thích dùng tòa sinh tử sợ hãi mời Ta cùng ngồi. Nay Ta dùng tòa Chánh pháp Chân thật Tối thượng báo đền công đức xưa.

Đức Phật nói về bốn hạnh trong quá khứ hiển bày rõ Thánh đức. Tỳ-kheo Ca-diếp và tất cả chúng hội đều được giải thoát, cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Giáo pháp vang truyền khắp nơi, không ai không an lạc.

M

Phẩm 13: ĐỘ NẠI NỮ¹²

Đức Phật từ nước Ca-duy-la-vệ cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến nước Bạt-kỳ để độ nhân dân xứ ấy. Khi đến thành Duy-da-ly¹³, Ngài đi tới vườn cây của Nại nữ. Trong thành có người con gái tên A-phàm-hòa-lợi nghe Đức Phật đến giáo hóa, vô cùng vui mừng liền sửa soạn cùng với năm trăm cô gái ra đón.

Đức Phật truyền dạy các vị Tỳ-kheo:

–Các ông hãy khép mắt, giữ ý chánh niệm, chớ có vọng tưởng ngoái nhìn, vì sắc dục làm mê loạn con người, chỉ có đạo mới có thể chế ngự tình cảm, kiểm soát tâm ý. Bậc có trí mới làm được như vậy. Nay có cô gái tên A-phàm-hòa-lợi cùng với năm trăm cô gái khác muốn được nghe pháp. Các ông, mỗi người phải phòng hộ, giữ gìn tinh hạnh, chớ có buông lung tâm ý.

Các vị Tỳ-kheo đều vâng lãnh lời Phật dạy.

A-phàm-hòa-lợi đi đến trước cửa, xuống xe, chấp tay để trước ngực, cúi đầu đi thẳng đến trước, đầu mặt sát đất đánh lễ Đức Phật rồi đứng về chỗ của nữ giới.

Đức Thế Tôn dạy:

–Thân này không tồn tại lâu dài, nhan sắc không xinh tươi mãi mãi, mạng sống con người như gió thoảng qua, có trẻ mạnh phải có già suy, chớ cậy vào nhan sắc mà làm những việc ô nhiễm. Người thế gian u mê, lầm lỗi sinh ra tai họa đều do sắc dục. Ba đường (ác) rất khổ, bậc có trí mới ngăn chặn được chúng.

Các cô gái nghe Đức Phật dạy tâm được thông suốt, lòng dục ngưng tắt, khởi lên ý niệm cầu đạo, tự quy y ba Bậc Tôn quý. A-phàm-hòa-lợi rời chỗ ngồi bạch Đức Phật:

–Đức Thế Tôn đã không vì người nữ thấp hèn, cho chúng con được nghe pháp. Mong Đức Như Lai hoan hỷ cùng chư vị Tỳ-kheo Tăng sáng mai hạ cố đến chỗ chúng con thọ bữa trai thực đạm bạc.

¹². Nại nữ: tiếng Hán dịch ý từ chữ Pāli: Ambapāli (Sanskrit: Āmrapālī). Phiên âm là A-phàm-hòa-lợi, A-phạm-bà-la, Am-bà-bà-lợi...

¹³. Duy-da-ly (Pāli: Vesālī; Sanskrit: Vaisālī): còn phiên âm là Tỳ-xá-li, Tỳ-da-li (nay là Basarh).

Khi ấy Đức Phật im lặng tỏ ý nhận lời. Các cô gái đứng dậy cúi đầu mặt đánh lễ Đức Phật, vui mừng ra về.

Bấy giờ, trong thành phố có một chàng trai con nhà trưởng giả cùng năm trăm người bạn nghe Đức Phật đến đây giáo hóa, đang dừng chân nghỉ tại Nại viên liền cùng nhau đến chỗ Đức Phật để nghe pháp. Xe, ngựa và phục sức của họ đều lấp lánh năm màu rực rỡ. Ra khỏi thành, đến khu Nại viên, những người tùy tùng, xe ngựa đều im lặng đứng pháp. Đến trước cửa, họ xuống xe chấp tay tiến tới trước lễ bái, thưa bạch rồi về chỗ ngồi của nam giới. Đức Phật dạy:

–Các vị con trai nhà quý tộc, các vị có được địa vị cao sang, tôn quý, được vui vẻ theo ý muốn đều do phước đức đời trước đưa đến. Nay được gặp Đức Phật, công đức sẽ tăng thêm lợi ích.

Các chàng trai con nhà trưởng giả vui mừng rời khỏi chỗ ngồi, quỳ thẳng thỉnh Đức Phật:

–Sáng mai cúi xin Đức Thế Tôn xót thương đến chỗ chúng con dùng bữa trai thực đạm bạc.

Đức Phật liền bảo:

–Ta đã nhận lời mời trước rồi. Đức Phật không hứa thọ nhận hai lần.

Các trưởng giả tử lại bạch:

–Chúng con không rõ tên họ của người thỉnh đó là ai?

Đức Phật nói:

–Vừa rồi, Ta đã thọ nhận lời thỉnh cầu của A-phàm-hòa-lợi, sáng mai Ta sẽ đến đó.

Các chàng trai con nhà trưởng giả bạch Đức Phật:

–Họ chỉ là thường dân trong nước, có lẽ nào lại được ưu tiên?

Đức Phật dạy:

–Này các vị con trai nhà quý tộc, lòng Từ của Như Lai trải đến khắp nơi, không phân biệt giàu sang hay thấp hèn.

Các vị trưởng giả tử đến trước đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi giả tử trở về nhà. Họ đến gặp A-phàm-hòa-lợi, bảo:

–Đức Phật là Bạc Tôn quý nhất, Ngài vì lợi ích cho tất cả mọi người nên đến nước ta giáo hóa. Việc cúng dường trai thực cho Đức

Phật và chúng Tăng phải dành cho chúng ta trước bởi vì nam vốn cao quý, nữ vốn thấp kém nên cô phải cúng dường sau. Phải cẩn thận! Đừng có bày biện gì để cúng dường. Vì việc ấy, chúng ta đến đây để nói với cô.

Cô gái bảo các vị trưởng giả tử:

–Các anh không nên dùng sức mạnh giàu sang, quyền quý lấn lướt người yếu kém. Nay tôi xin bốn điều, nếu các anh làm được thì tôi không dám cúng dường trước. Bốn điều ấy là gì?

Một là xin làm cho tâm tôi luôn giữ được ý niệm lành không thay đổi.

Hai là xin làm cho mạng sống của tôi tồn tại mãi không mất.

Ba là xin làm cho tài sản của tôi còn mãi không hao giảm.

Bốn là xin làm cho Đức Thế Tôn thường ở đây giáo hóa, không sang nước khác.

Các chàng trai liền nói:

–Thiện tâm rất khó giữ, mạng người cũng vậy, chúng ta thật không thể làm được.

Họ cùng bảo nhau:

–Cô gái này là người có phước, nên mới được cúng dường Đức Phật trước và thấu hiểu được lý vô thường. Thật là đáng mừng!

Có những chàng trai nhỏ tuổi trong nhóm xấu hổ vì họ phải cúng dường sau nên sinh lòng hẹp hòi, ra lệnh cho người coi chợ phải bãi chợ. A-phàm-hòa-lợi sai người hầu ra chợ mua đồ nhưng chẳng mua được gì. Nàng vào xem lại trong kho thì thấy chứa đầy mọi thứ thực phẩm, chỉ thiếu than củi. Đi tìm mãi không có, nàng liền mở kho lấy bông vải tẩm dầu thơm đốt lên nấu nướng, chuẩn bị đầy đủ các thức trai phẩm cúng dường. Sang ngày mai, đến giờ thọ trai nàng sai người đến bạch Đức Phật nhưng cửa thành lại bị đóng kín. Người ấy trở về thưa:

–Cửa thành không mở.

Biết việc này do các chàng trai con trưởng giả làm, nàng thầm nghĩ: “Đúng theo pháp, ta phải cử người đến thưa thỉnh với Đức Phật việc cúng dường đã chuẩn bị xong, nhưng làm thế nào để ra khỏi thành?” Cô liền bảo chim Anh vũ:

–Người hãy đến bạch thỉnh Đức Phật.

Chim Anh vũ vâng lệnh bay ra khỏi nhà. Các chàng trai con trưởng giả liền giương cung bắn chim. Chim Anh vũ vâng lệnh đến thỉnh Phật nên được oai thần che chở, các mũi tên đều hóa thành bông hoa. Chim bay tới nơi Phật ngự, trụ giữa hư không bạch:

–Tất cả trai nghi đã chuẩn bị xong, cúi xin Đức Thế Tôn quang lâm chứng minh.

Khi ấy Bạc Chúng Hựu hiện uy nghi của Bạc Đạo Sư, chân vừa bước thì cửa thành liền mở, đất trời chấn động, loài rồng phun mưa khắp mặt đất, nhạc trời theo đó tấu lên. Các khí cụ âm nhạc tự nhiên vang rền. Sau khi thọ thực, lấy nước rửa tay xong, Đức Phật giảng dạy kinh pháp cho năm trăm vị trưởng giả tử, nàng A-phàm-hòa-lợi và năm trăm cô gái, khiến họ đều đạt được pháp nhãn và nhận lãnh năm giới. Sau đó, Đức Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng trở về vườn cây của nàng A-phàm-hòa-lợi. Tất cả mọi người đều hoan hỷ, không ai không vui thích nghe pháp.

M

Phẩm 14: NI-KIÊN VẤN NGHI

Đức Phật từ Duy-da-ly cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng và một ngàn vị Ưu-bà-tắc đồng đến vườn Ba-hòa-ly, nước Na-nan-đà. Bấy giờ nước ấy đang mê theo tà hạnh, phụng thờ sáu vị ngoại đạo sư. Trong thành có một vị trưởng giả giàu có tên A-di-bạt-đề-phất hết sức siêng năng phụng sự cho vị ngoại đạo sư Ni-kiên. Ông ta nghe Đức Phật đến xứ này nhưng vẫn đến chỗ Ni-kiên lễ bái như thường lệ. Ngoại đạo sư Ni-kiên hỏi:

–Ông có nghe Cù-đàm đến đây không?

Trưởng giả thưa:

–Đã nghe.

Ni-kiên bảo:

–Ông hãy đến vấn nạn Sa-môn Cù-đàm một việc sẽ làm cho ông ta bị nghẹn họng.

Bạt-đề-phất hỏi:

–Việc ấy là gì mà khiến ông ta không thể trả lời được?

Ni-kiền trả lời:

–Ông hãy hỏi Cù-đàm: “Tôi nghe Sa-môn thường tụng niệm cầu nguyện cho tất cả chúng sinh đều được no đủ, nay lại hèn hạ cùng đồng người đến một đất nước nghèo đói, làm phí tổn lương thực của mọi người. Điều này thật không có lợi ích gì cả!”.

Bạt-đề-phất vâng lệnh lui ra, lập tức đến chỗ Đức Phật. Nhìn thấy Phạm tướng uy nghiêm, oai đức rạng ngời của Đức Phật, chư vị đệ tử của Ngài pháp tướng oai nghi tề chỉnh, nghiêm trang, tâm trưởng giả bồng hân hoan cung kính, vòng tay tiến đến trước Đức Phật, đứng thẳng vái chào rồi ngồi xuống bạch:

–Con muốn thưa hỏi một việc, kính mong Ngài giải thích.

Đức Phật bảo:

–Hãy nói điều ông muốn được nghe.

Bạt-đề-phất thưa:

–Con được nghe Đức Cù-đàm làm lợi ích cho muôn loài, khiến cho tất cả đều được an ổn. Nhưng nay Ngài lại cùng đồng người đến một đất nước nghèo đói làm tổn lương thực của nhân dân, chỉ làm hao tổn mà không đem lại lợi ích gì.

Đức Phật bảo A-di-bạt-đề-phất:

–Từ chín mười kiếp đến nay, Ta chưa nghe nói khuyển người làm việc phước đức chỉ đem lại sự hao phí của cải mà không lợi ích gì. Nhưng Ta nghe rằng sự giàu sang, an lạc vinh hiển đều do nhân hạnh bố thí trong quá khứ, chưa từng có ai hao tổn nhiều tài sản mà không có quả báo. Người làm việc nhân nghĩa, hiện tại được người đời truyền tụng ca ngợi, tương lai được sinh lên Thiên giới. Do vậy Ta thường khuyên dạy mọi người vui làm việc lành sẽ có phước báo theo thân.

Đức Phật lại dạy trưởng giả:

–Tài sản con người có tám điều nguy hại làm cho hao tổn mà không đem lại lợi ích:

Một là bị quan thu lấy.

Hai là bị kẻ đạo tặc cướp đoạt.

Ba là bị lửa cháy mà không biết.

Bốn là bị nước trôi.

Năm là bị oan gia trái chủ cướp giật một cách ngang ngược.

Sáu là có ruộng vườn mà không khai khẩn.

Bảy là buôn bán mà không có lợi.

Tám là bị con bất hiếu lên lấy tiêu xài phung phí, vô đạo.

Tám việc như vậy rất nguy hại, khó bảo tồn. Khi tám điều tai họa này ập đến thì không có sức mạnh nào có thể ngăn cản được. Cho nên Đức Như Lai vì lý do đó khuyên người bố thí, đưa đến ruộng phước an ổn, vô cùng bền vững, khó thể chuyển dời, nước, lửa hay giặc cướp không thể làm hại được. Lúc mạng chung người ấy sẽ được sinh lên cõi trời, mọi thứ ăn, mặc đều tự nhiên hóa hiện.

Đức Phật dạy vị trưởng giả:

–Pháp ngữ này rất cần thiết, làm chuyển hóa sự ngu si, lầm lạc của người đời. Nếu không tin sẽ hủy hoại tập tánh thiện của bản thân, phải rơi vào ba đường (ác). Nếu có thể tỉnh giác phân biệt rõ, thay đổi nhận thức và hành động hướng tâm vào Niết-bàn, an tịnh thì con đường tu tập rất rõ ràng.

A-di-bạt-đề-phát nghe Đức Phật thuyết pháp lòng vui mừng, nội tâm định tĩnh, từ tòa ngai đứng dậy bày tỏ:

–Con thật ngu si, trong lòng chất chứa mê hoặc, không phân biệt được nghĩa lý chân thật nên mới chất vấn điều phi pháp. Thật ra đó chẳng phải là ý thô lậu của con mà do Ni-kiền sai khiến, con phải vâng lời không thể từ chối. Mong Đức Phật rủ lòng thương, tha thứ tội lỗi của con.

Đức Phật bảo:

–Ông có thể tự tỉnh thức, phước ấy thật vô lượng.

Trưởng giả vui mừng bạch Phật:

–Tâm con mê ám khó ngộ, có điều nghi ngờ muốn được thưa hỏi.

Đức Phật dạy:

–Hãy tùy ý hỏi! Nay Ta sẽ vì ông phân biệt mọi việc.

Trưởng giả hỏi:

–Con được nghe Đức Như Lai với lòng Từ bình đẳng cứu độ tất cả, không rõ vì sao giáo pháp lại thiên lệch, lẫn lộn, không đồng. Có người đắc đạo, có người thì không đắc đạo. Lâu nay con ôm ấp mãi mối nghi này, cúi mong Đức Thế Tôn mở bày cho con.

Đức Phật dạy:

–Câu hỏi đó thật là tốt lành! Ông hãy lắng nghe và nhớ thọ trì. Ví như một nông phu có hai thửa ruộng: thửa ruộng thứ nhất ở trên cao khô ráo, đất phì nhiêu; thửa ruộng thứ hai ở dưới ẩm thấp thì đất xấu. Vào mùa xuân, người ấy vẫn ra sức cày bừa như nhau, gieo hạt đúng thời tiết, cuốc xới trừ cỏ dại. Đến mùa thu thì gặt hái nhưng sản lượng của hai thửa ruộng lại khác nhau.

Đức Phật bảo vị trưởng giả:

–Công sức người ấy bỏ ra vốn như nhau nhưng sản lượng thu hoạch lại không đồng là do đất nhiều dinh dưỡng hay ít dinh dưỡng. Những người nghe pháp của Ta, tin tưởng vâng giữ theo đó tu tập sẽ tùy theo tâm niệm mà được thành tựu đạo quả, ví như ruộng lúa phì nhiêu nên sản lượng thu hoạch được rất nhiều. Nay các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di này tùy theo tâm niệm có thể đi sâu vào thần thông không chướng ngại. Còn những kẻ nghe giảng dạy mà chống chế không tin tưởng, ví như ruộng lúa ở dưới thấp bị ngập nước, ít dinh dưỡng nên không thể sinh trưởng được. Chính là sáu vị thầy ngoại đạo ni-kiền hiện nay.

Đức Thế Tôn lại dạy:

–Ví như một người đem hai chiếc bình đi lấy nước, bình thứ nhất thì nguyên vẹn rất bền chắc, còn bình thứ hai thì bị thủng hư hoại. Khi dùng đựng nước thì chiếc bình nguyên vẹn luôn đầy, còn chiếc bình thủng thì bị chảy hết. Những người nghe giáo pháp, tinh cần tu tập, vâng giữ không phạm giới, theo lời dạy giữ gìn trang nghiêm thân, khẩu, ví như chiếc bình nguyên vẹn chứa nước được lâu dài. Còn những kẻ nghe giáo pháp, không lãnh nhận, không tin tưởng, lại còn chê bai, gièm pha, quên lãng, đánh mất tập tánh thiện của con người, sẽ phải quay trở lại đường ác, ví như chiếc bình bị lủng, không thể chứa đầy nước.

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Ông nhờ thiện hạnh đời trước nên mới được gặp Phật. Tuy được giàu sang nhưng lại không tin tưởng giáo pháp, ví như loài hoa dại sẽ rơi rụng mà không kết thành trái được.

Trưởng giả A-bạt-đề-phất lòng mừng vui, vô cùng thành kính cất lời ca ngợi lời dạy của Đức Phật thật là tốt lành, lời dạy thật vi diệu, lập tức phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh chân, nhận lãnh giới pháp rồi lui ra.

Tất cả người trong nước đều phát tâm hướng đạo. Mọi tà thuật của sáu vị ngoại đạo sư bị phá bỏ. Trời, Người, Rồng, Quỷ đều ca ngợi lời Phật dạy.

M

Phẩm 15: ĐỨC PHẬT ĂN LÚA NGỰA

Bấy giờ Đức Phật từ Ba-hòa-ly cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo trở về khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc.

Khi ấy ở giữa biên giới nước Xá-vệ có một địa phương tên Tùy-lan-nhiên, tại đó có một Bà-la-môn tên A-kỳ-đạt, là người đa trí thông minh, nhà cửa giàu có không ai sánh bằng. Một hôm, vị Bà-la-môn đi đến nhà của A-nan-bân-kỳ bàn bạc công việc. Sau khi xong việc, ông hỏi Tu-đạt:

–Hiện nay tại vùng này có vị Thánh nhân nào xứng đáng là Bạc Tôn Sư không?

Tu-đạt đáp:

–Ông chưa nghe sao? Có vị Vương tử dòng họ Thích xuất gia học đạo, nay đã thành đạo, hiệu là Phật. Hình tướng dung mạo của người đều rất đẹp, chẳng phải là bậc mà người đời dễ gặp, oai nghi của người rất đoan chánh, thanh nhã. Ngài soi chiếu làm tiêu trừ cấu nhiễm, phiền não trong tâm niệm chúng sinh; là Bạc đã thể đạt trí tuệ thần thông, biết rõ nguồn cội của muôn loài. Các vị Trời, Rồng, Thần đều thờ kính. Mỗi pháp ngữ của Ngài giảng, ý nghĩa đều rõ ràng, thuần nhất đưa đến giải thoát, không thể dùng trí tuệ le lói như đom đóm của tôi mà nói hết được.

A-kỳ-đạt được nghe đức hạnh siêu việt của Thế Tôn, trong lòng rất hồi hộp liền hỏi:

–Hiện nay Đức Phật ngự ở đâu? Tôi có thể gặp được không?

Tu-đạt trả lời:

–Ngài trụ tại tinh xá Kỳ hoàn ở gần đây, đang rộng mở tuyên bày diệu pháp.

Sáng ngày mai A-kỳ-đạt đến tinh xá Kỳ hoàn. Vừa vào cửa, nhìn thấy Phạm tướng uy nghi rạng rỡ của Đức Phật, trong lòng ông khởi lên niềm cung kính, liền tiến đến phía trước lạy dưới chân Đức Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe, tâm A-kỳ-đạt rất vui mừng phấn khởi lập tức rời khỏi chỗ ngồi thỉnh cầu Đức Phật và chư vị Tỳ-kheo Tăng hứa nhận đến Tỳ-lan-nhiên giáo hóa trong ba tháng.

Đức Phật dùng tuệ quán, biết rõ nhân duyên trong quá khứ nên im lặng nhận lời thỉnh cầu. A-kỳ-đạt được Đức Phật hứa nhận vội từ giả quay về nước. Trở về nhà, A-kỳ-đạt chuẩn bị, sắp xếp vật dụng, vật thực để cúng dường đều là những thứ quý giá, ngon đẹp nhất.

Đến ngày đó Đức Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo Tăng đi tới Tỳ-lan-nhiên. Ngay khi ấy A-kỳ-đạt bị thiên ma mê hoặc, lòng chìm đắm trong năm dục: 1. Vật trang sức quý báu; 2. Nữ nhạc; 3. Y thực; 4. Vinh lợi; 5. Sắc dục; nên ông ta ra nhà sau lệnh cho người giữ cửa:

– Trong ba tháng, không được tiếp khách bất kể là người sang hay kẻ hèn. Phải tuân lệnh của ta.

Đức Như Lai đến nhà A-kỳ-đạt nhưng cửa đóng kín không vào được nên bèn đến nghỉ trong một ngôi nhà sát bên dưới một cây cội lớn. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo Tăng:

–Địa phương này bị đói kém, người dân lại không ưa thích đạo, mỗi người hãy tự đi khát thực tùy theo chỗ thích hợp.

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy, bay lên cõi trời Đao-lợi, mỗi ngày độ các thứ thiên thực tự nhiên. Ba ngày sau, chúng Tăng đi khát thực trên các cõi trời trở về. Lúc đó có một người làm nghề huấn luyện ngựa lấy bớt phần lúa mạch của ngựa dâng cúng cho Đức

Phật và vị Tỳ-kheo kia. Tôn giả A-nan lấy bát đựng phần lúa mạch ấy, trong lòng đau xót nói:

–Hương vị thơm ngát trong các món thiên thực của các vị trời, các món ăn của quốc vương cúng dường, mỗi thứ đều có hương vị thơm ngon còn không thể xứng đáng cho Đức Thế Tôn. Nay loại lúa mạch này vô cùng thô dở có thể nào lại đem nó cúng dường cho Đức Phật sao?

Tôn giả đem phần lúa mạch được cúng dường đến bảo một bà lão:

–Đức Phật là Bạc vô cùng tôn kính, là Bạc Pháp Ngự trên tất cả. Nay tôi muốn làm cơm cúng cho Ngài, mong lão bà nấu giúp. Công đức ấy thật lớn vô cùng.

Bà lão trả lời Tôn giả A-nan:

–Tôi bây giờ đang bận việc, không thể nấu được.

Một bà lão ở gần đó nghe được lời ca ngợi Đức Phật, Thế Tôn bèn chạy tới xin nấu cơm hộ. Tôn giả A-nan chấp nhận liền nhờ bà lão nấu. Đức Phật độ thực xong, chú nguyện. Lòng Tôn giả A-nan như thất lại. Đức Phật muốn giải tỏa tâm niệm của A-nan nên trao phần cơm còn lại cho Tôn giả. Ngài A-nan thấy cơm ấy có đủ trăm hương vị thơm ngon, thế gian chẳng thể có được. Tâm Tôn giả A-nan được giải tỏa, bạch Phật:

–Diệu đức của Như Lai thật không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ Đức Như Lai muốn đến nước Bạt-kỳ, nên truyền bảo ngài A-nan đến báo trước cho trưởng giả A-kỳ-đạt. Tôn giả A-nan vâng lệnh lập tức đến báo tin. A-kỳ-đạt tâm ý vẫn chưa tỉnh ngộ thấy Tôn giả A-nan đi đến, liền hỏi:

–Đức Như Lai hiện nay đang ở đâu?

Tôn giả A-nan báo tin:

–Trước đây Thế Tôn đã nhận lời thỉnh cầu của ông nên trong ba tháng qua Ngài đã trụ tại đây. Bạc Tôn quý không nói hai lời. Nay đã xong ba tháng nên đến cáo từ ông để ra đi.

A-kỳ-đạt nghe Đức Phật ban ân đến giáo hóa mà bản thân không kịp cúng dường nên lòng buồn lo lẫn lộn liền chạy đến chỗ

Đức Phật, đầu mặt sát đất đánh lễ bày tỏ:

–Con thật tội lỗi, bị màn si ám che phủ nên đã không giữ tròn lời hứa. Cúi mong Đức Thế Tôn từ bi tha thứ tội nặng này của con.

Đức Phật bảo vị Phạm chí:

–Ta đã rõ tấm lòng chí thành của ông.

A-kỳ-đạt mừng vui đến trước Đức Phật bạch:

–Cúi xin Thế Tôn ở lại bảy ngày để con được cúng dường.

Vì vừa đến ngày mãn hạ nên Đức Phật nhận lời. Đến ngày đó, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng từ cõi trời đi xuống. Sau lễ tự tứ, Đức Phật sắp khởi hành đến nước Bạt-kỳ. A-kỳ-đạt đem tất cả đồ cúng dường còn dư bày ra khắp mặt đất muốn để Đức Phật dẫm đạp lên đi qua. Đức Phật bảo vị Phạm chí:

–Tất cả lương thực, lúa gạo và trai phẩm để ăn, không nên lấy chân dẫm lên trên.

Đức Phật thọ nhận sự cúng dường ấy, chú nguyện bằng bài kệ:

*Phái ngoại đạo tu hành
Siêng thờ lửa tối thặng
Học vấn ngày một cao
Thông nghĩa là bậc nhất.
Mọi người đồng kính ngưỡng
Đứng đầu Giá-ca vương
Sông ngòi nguồn suối chảy
Biển lớn sâu thẳm vượt,
Tinh tú trụ khoảng không
Mặt trời, trăng sáng nhất
Phật xuất hiện thế gian
Thọ thí, phước tối thượng.*

Tâm A-kỳ-đạt vui mừng, giải tỏa mọi phiền não ràng buộc, liền được pháp nhãn thanh tịnh. Mọi người già trẻ ở trong nước đều phát tâm hướng theo đạo, đến trước lạy dưới chân Đức Phật rồi hoan hỷ ra về. Bấy giờ Tôn giả A-nan nương theo oai thần của Đức Phật, biết trong tâm các Tỳ-kheo có mối nghi lớn, nên bạch Đức Phật:

–Đức Như Lai thần thông diệu dụng, Tam đạt¹⁴ rộng chiếu, biết rõ mọi tâm niệm của chúng sinh do nhân duyên gì khởi, không rõ vì sao có lúc phải ăn lúa mạch? Mong Đức Phật giảng bày để giải tỏa mối nghi của chúng Tăng.

Đức Phật dạy các vị Tỳ-kheo:

–Trong quá khứ lâu xa về trước, có một nước lớn tên Bàn-đầu-việt do vị vua tên Tần-đầu thống lĩnh. Vua có một thái tử tên là Duy-vệ xuất gia học đạo. Khi thành tựu Phật quả vẫn lấy tên là Duy-vệ có tướng tốt uy đức đứng đầu trong các Đức Phật ở quá khứ, giáo pháp của Ngài cũng thế, có sáu vạn hai ngàn (62.000) Tỳ-kheo theo hầu. Đức phụ vương dâng cúng trai thực cho Đức Phật và chư vị Tỳ-kheo Tăng nên cho người chuẩn bị trai lễ, trang hoàng bằng tràng phan quý nhất thế gian, trong thành được sửa sang, sắp xếp thật huy hoàng, tráng lệ. Khi ấy có một Phạm chí đức hạnh thanh cao, cùng các đệ tử có việc phải vào thành. Vị Phạm chí thấy vậy nên hỏi mọi người:

–Có lễ hội gì đặc biệt mà trang hoàng rực rỡ như vậy?

Người đi đường đáp:

–Vị thái tử con vua Tần-đầu đắc đạo, hiệu là Phật. Hôm nay vì vua và quan dân thiết lễ cúng dường nên Đức Phật sắp đến đây.

Vị Phạm chí nói:

–Người đời thật mê muội, tốn phí dâng món ăn cao sang cho vị ấy làm gì. Theo lời ông nói thì vị ấy chỉ xứng được ăn lúa mạch của ngựa.

Năm trăm đệ tử cũng đồng thanh khen thầy nói phải. Trong nhóm có một người lên tiếng can thầy:

–Lời thầy nói thật chẳng đúng. Thầy nên nói: “Đức hạnh của vị ấy thật đáng tôn kính, xứng đáng thọ nhận cơm của chư Thiên”.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Vị Phạm chí có đức hạnh thanh cao lúc ấy chính là thân Ta, năm trăm vị đệ tử nay chính là các ông, còn người can gián vị thầy

¹⁴. Ibid, Trung Bổn Khởi Q.thượng, p.39 & 40.

lúc ấy là Xá-lợi-phất. Ta gieo cái nhân ấy đến nay mới hoàn trả xong.

Đức Phật dạy bảo các vị Tỳ-kheo:

–Các ông mỗi người phải giữ gìn tâm, miệng, cẩn thận chớ buông lung. Việc thiện, ác sẽ đi theo con người, dù lâu xa vẫn không mất. Cần phải tu tập trí hạnh mới có thể nhờ đó đắc đạo. Các ông theo quả báo phải hoàn trả của Ta thì tỏ tường.

Các vị Tỳ-kheo nghe pháp xong đều hoan hỷ vâng lời Phật dạy để tu tập.



SỐ 197

KINH PHẬT NÓI VỀ HUNG KHỞI HẠNH BÀI TỰA

Núi Côn lôn là trung tâm của cõi Diêm-phù-lợi. Núi này cấu tạo toàn bằng đá quý, chung quanh có năm trăm hang động, mỗi hang động đều cấu tạo bằng vàng ròng, thường có năm trăm vị La-hán sống trong đó. Có con suối tên là A-nậu, bên ngoài là núi bao bọc, bên trong núi là đất bằng, con suối nằm ở chính giữa, trên bờ suối toàn là vàng ròng. Có bốn con thú phun nước từ miệng, mỗi vòi phun ra chảy quanh một vòng rồi trở về chỗ cũ, xong đổ ra bốn biển. Nước từ miệng con voi phun ra chính là sông Hoàng hà. Suối này hình vuông mỗi cạnh dài hai mươi lăm do-diên, sâu ba quyết liệt, mỗi quyết liệt là bảy dặm. Trong suối này có một cái đài bằng vàng hình vuông mỗi cạnh một do-diên, trên đài có hoa sen bằng vàng, cành hoa bằng bảy chất báu.

Cứ vào ngày rằm mỗi tháng Đức Như Lai và năm trăm vị La-hán thuyết giới trên đài báu ấy. Nhân Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Đức Phật về mười nhân duyên đời quá khứ, sau ngày rằm, Đức Phật nói về kiếp trước của các đệ tử, nói xong thì kết thúc. Như vậy cho đến chín lần, cho nên mười lần hỏi mà chỉ có chín lần trả lời, dùng cây giáo nghĩa để dạy người đời nhân duyên kiếp trước đã gây ra thì không thể trốn tránh được.

Lại nữa trong suối A-nậu người có thân hình hữu lậu thì không thể đến đó được, chỉ có ngài A-nan được Như Lai dẫn đến, cho nên Đức Phật ân cần dặn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất là vì Ngài muốn giáo hóa các loài Rồng vậy.

M

KINH PHẬT NÓI VỀ HÙNG KHỞI HẠNH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Khương Mạnh Tường.

QUYỂN THƯỢNG

*Tôi nghe rằng: Một thuở
Phật ngự nước Ma-kiệt
Vì tất cả chúng sinh
Dừng chân trong vườn Trúc.
Phật bảo các Tỳ-kheo
Và La-hán thần túc
Đều ôm bát khát thực
Cùng đến suối A-nậu
Ngang qua nước Ngũ Tánh
Dẫn các chúng Tỳ-kheo
Cùng khát thực nơi ấy
Năm trăm vị Tỳ-kheo
Bay bằng thần túc xuống
Tỳ-kheo Tăng vây quanh.
Đến suối lớn A-nậu
Thế Tôn ngồi nơi ấy
Thế Tôn thọ thực rồi
Các Tỳ-kheo mới thọ.
Trong khi đang thọ thực
Mặt đất rung chuyển mạnh
Các Tỳ-kheo hỏi Phật:
“Sao mặt đất rung chuyển?”
Đức Phật liền giải thích:
“Rung vì thương chúng sinh
Địa ngục có người tội*

Gây các việc nghịch ác
 Có ngàn vị quỷ thần
 Chặt đứt hai xương sườn
 Không khoanh khắc dừng nghỉ!
 Với búa rìu nóng đỏ
 Chém chặt suốt ngàn năm
 Hết tội mới ra khỏi
 Hỏi: “Gây những tội gì
 Bị khổ đau như vậy?
 Sườn ấy hẳn rất lớn
 Khiến mặt đất rung chuyển!”
 “Người đó xưa ở đời
 Thường thích dâm vợ người
 Bởi vì tham sắc dục
 Lại giết Ưu-bà-tắc
 Do nghiệp ác đời trước
 Nên mang thân cao lớn
 Có đến ngàn quỷ thần
 Thường chặt hai bên sườn!”
 Thế Tôn nói như vậy
 Rồi Ngài hỏi bốn chúng:
 “Các vị gieo nhân gì
 Mỗi người hãy tự nói”.
 Vị đệ tử thần thông
 Sẽ quay bánh xe pháp
 Trí tuệ Xá-lợi-phất
 Đứng dậy hỏi Thế Tôn:
 “Thế Tôn không ai bằng
 Không việc gì không biết
 Thế Tôn trước tự nói
 Các nhân duyên đời trước
 Tôn-đà-lợi hủy báng
 Mong được người kính nể
 Vô cớ hủy báng Phật

Đó là nhân duyên gì?
 Nàng Xa-di-bạt-đề
 Năm trăm vị Tỳ-kheo
 Vô cơ bị phỉ báng
 Đó là nhân duyên gì?
 Sao lại bị nhứt đầu
 Khi giết năm người thân
 Các khớp xương đau nhứt
 Và bị cứng xương sống?
 Bị gươm đâm vào chân
 Bị Điều-đạt ném đá
 Chảy máu ngón chân cái
 Đó là nhân duyên gì?
 Bị cô gái lẩm lời
 Độn bụng cho thật to
 Vô cơ đến hủy báng
 Ở trước mặt đại chúng?
 Lại ở ấp Tỳ-lan
 Ăn lúa ngựa ba tháng
 Phạm chí Quốc sư thỉnh
 Đó là nhân duyên gì?
 Tại vùng đất Uất bí
 Sáu năm tu khổ hạnh
 Gầy ốm, ngồi tu thiền
 Đó là nhân duyên gì?”
 Thế Tôn sẽ giảng nói
 Xá-lợi-phất lắng nghe
 Nay Phật sẽ nói rõ
 Những việc làm đời trước.

M

1- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA NÀNG TÔN-ĐÀ-LỢI

Nghe như vậy:

Một thuở nọ Phật ngự tại con suối lớn A-nậu cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo, đều là những bậc A-la-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, tiếng tăm vang xa. Các ngài đều có tướng mạo đẹp đẽ trang nghiêm, đều có các tướng: không cao, không thấp, không trắng, không đen, không mập, không ốm, màu da giống như màu hoa sen hồng. Các ngài đều có khả năng hàng phục tâm ý, chỉ trừ một vị Tỳ-kheo, đó là Tôn giả A-nan.

Tôn giả Xá-lợi-phất từ tòa sen đứng dậy, sửa y bày vai phải, quỳ gối bên hữu trên hoa sen, chắp tay hướng về Đức Phật, hỏi Phật:

–Đức Thế Tôn không có việc gì mà Ngài không thấy, không có việc gì mà Ngài không nghe, không có việc gì mà Ngài không biết. Thế Tôn không có ai bằng, đã dứt bỏ hết các điều ác, đầy đủ các điều lành. Đối với các trời, thần, rồng, vua chúa và nhân dân, tất cả chúng sinh Ngài đều muốn cứu độ cho họ được giải thoát. Bạch Thế Tôn, hiện giờ còn có những nhân duyên còn sót lại, cúi mong Đức Phật tự nói các nhân duyên này, khiến cho các chúng sinh như trời, người được nghe được mở tỏ. Vì nhân duyên gì mà Ngài bị Tôn-đà-lợi đến hủy báng? Vì nguyên nhân gì mà Ngài và năm trăm vị La-hán bị nàng Xa-di-bạt-đề hủy báng? Vì nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn bị đau đầu? Vì nguyên nhân gì mà xương cốt, tay chân Đức Thế Tôn bị đau nhức? Vì nguyên nhân gì mà các khớp xương của Đức Thế Tôn bị đau nhức? Vì nhân duyên gì mà xương sống của Thế Tôn bị cứng đơ? Vì nhân duyên gì mà Ngài bị gươm đâm vào chân? Vì nhân duyên gì mà Địa-bà-đạt-đầu ném đá vào mình Ngài? Vì nhân duyên gì cô gái lăm lờn độn bụng cho lớn, ở trước đại chúng hữu lậu, vô lậu, nói lời hủy báng rằng: “Vì sao không tự nói việc nhà, mà cứ nói chuyện người khác? Nay tôi sắp sinh, cần phải có dầu bơ”? Do nhân duyên gì mà ở ấp Tỳ-lan, Ngài và năm trăm vị Tỳ-kheo phải ăn lúa ngựa? Do nhân duyên gì mà Ngài khổ hạnh sáu năm tại vùng Uất Bí mà nói rằng “Sẽ thành Phật”.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy trở lại chỗ ngồi, Ta sẽ vì thầy nói các nhân duyên đời trước.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền trở về chỗ ngồi. Khi ấy, đại Long vương A-nậu nghe Đức Phật sắp nói về nhân duyên, vui mừng hơn hở, liền cho làm cái lọng bằng bảy chất báu ở giữa khoảng không để che Đức Phật. Trong lọng rưới hương bột chiên-đàn như mưa khắp các chỗ ngồi. Vô số các Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đều đến chỗ Đức Phật, chấp tay đảnh lễ rồi đứng hầu chung quanh.

Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, trong thành Ba-la-nại, có một diễn viên sân khấu tên là Tịnh Nhãn, có tài ca hát. Khi ấy có một dâm nữ tên là Lộc Tướng, xinh đẹp khác thường, trang nghiêm thanh tịnh không ai bằng. Bấy giờ Tịnh Nhãn đến chỗ Lộc Tướng bảo:

–Chúng ta nên ra ngoài thành, vào trong vườn, tìm chỗ đất tốt để vui chơi!

Cô gái thưa:

–Xin vâng!

Lộc Tướng liền trở về trang điểm y phục, đến nhà Tịnh Nhãn. Tịnh Nhãn liền chuẩn bị chiếc xe thật tốt cùng đi với Lộc Tướng, ra khỏi thành Ba-la-nại, đến một khu vườn, cùng nhau vui chơi, mãi cho đến trời tối. Tịnh Nhãn thấy y phục cô ta quý giá bèn sinh lòng tham muốn giết cô ta để lấy y phục đó. Ông ta lại nghĩ: “Nếu giết cô ta thì giấu xác ở đâu?”. Khi ấy, trong vườn này có một vị Bích-chi-phật tên là Lạc Vô Vi ở cách đó không xa, Tịnh Nhãn lại nghĩ: “Sáng sớm, khi vị Bích-chi-phật này vào thành khát thực, ta sẽ giết Lộc Tướng, chôn trong am của vị ấy, rồi lấy y phục đem về thì ai mà biết chỗ ở của ta”.

Sáng sớm, vị Bích-chi-phật liền vào thành khát thực, sau đó Tịnh Nhãn liền giết Lộc Tướng, cởi lấy y phục rồi chôn xác cô ta trong am của Ngài Lạc Vô Vi, phủ đất bằng phẳng như cũ, rồi lên xe vào thành bằng cửa khác.

Khi ấy, vua nước Ba-la-nại là Phạm Đạt, người trong nước không thấy Lộc Tướng, họ liền đến báo với vua:

–Chúng thần chẳng thấy Lộc Tướng đâu cả!

Nhà vua liền nhóm họp các quan, bảo họ phải vào khắp trong

hang cùng ngõ hẻm, tìm cho ra Lộc Tướng. Các quan vâng lệnh đi kiếm, nhưng tìm kiếm khắp nơi mà chẳng thấy. Họ bèn ra khỏi thành thì thấy một bầy chim bay liệng trong rừng cây. Họ liền suy nghĩ: “Đã tìm kiếm khắp trong thành mà chẳng thấy, chắc chắn là ở chỗ này, vậy chúng ta hãy cùng nhau đến đó”. Họ liền đến chỗ am của Lạc Vô Vi lục soát thì phát hiện được tử thi. Lúc ấy các quan hỏi Lạc Vô Vi:

–Ông đã làm việc bất tịnh, sao lại còn giết người?

Vị Bích-chi-phật im lặng không trả lời, họ hỏi đến ba lần ngài vẫn không đáp. Ngài Lạc Vô Vi tay chân dính đất, biết đây là nhân duyên đời trước nên ngài im lặng không đáp.

Mọi người mới bắt trói Ngài lại để tra khảo hỏi cung. Bấy giờ vị thần cây liền hiện ra nửa người, bảo mọi người:

–Đừng có tra khảo vị ấy.

Các quan hỏi:

–Vì sao không tra khảo?

Thần đáp:

–Vị ấy không bao giờ làm việc đó.

Tuy nghe vị thần nói thế, nhưng các quan không nghe, họ dẫn Lạc Vô Vi đến chỗ vua, tâu rằng:

–Gã đạo sĩ này làm việc bất tịnh lại còn giết người!

Vua nghe nói tức giận, quát lớn, bảo các quan thẩm tra xem gã đạo sĩ này đã làm điều phi pháp đến như vậy sao?! Nhà vua bảo các quan:

–Phải mau buộc gã này vào lạc đà, đánh trống dẫn đi khắp nơi, sau đó đem ra cửa Nam thành, dắt tới một gốc cây, đâm giáo sắt vào thân, treo lên đầu cây sào, bắn tên cho chết, nếu không chết thì chặt đầu!

Các quan vâng lệnh, vội buộc Ngài vào con lạc đà, đánh trống rao khắp hang cùng ngõ hẻm, người trong nước thấy vậy cho là chuyện lạ cho nên có người tin, có người không tin. Mọi người tụ lại để xem, họ đều thốt ra những lời buồn bã. Bấy giờ Tịnh Nhãn đang núp sau bức tường đổ, rình nghe tiếng mọi người bàn tán, lên nhìn thì thấy Lạc Vô Vi bị trói ngược trên con lạc đà, mọi người đi theo sau.

Thấy vậy, ông bèn nghĩ: “Vị Đạo sĩ này vô cớ mà bị chết oan uổng trong khi Đạo sĩ không hề có tâm ái dục. Chính tay ta đã giết Lộc Tướng chứ không phải Đạo sĩ. Vậy ta phải chịu tội chết để cho Đạo sĩ được sống”. Nghĩ xong, Tịnh Nhãn liền bước ra khỏi bức tường, chạy theo mọi người, gọi vị thượng quan nói:

–Đừng giết vị Đạo sĩ ấy! Không phải vị Đạo sĩ ấy giết Lộc Tướng đâu mà chính là do tôi giết, xin hãy thả vị Đạo sĩ này ra, hãy trói tôi lại, tùy theo tội mà xử trị.

Lúc ấy, các quan đều kinh ngạc, bảo:

–Đâu thể chịu tội thế người khác được?

Họ liền mở trói cho vị Bích-chi-phật, rồi bắt Tịnh Nhãn trói lại như trước. Bấy giờ các vị thượng quan đều đánh lễ sám hối với vị Bích-chi-phật:

–Chúng con ngu si, vô cớ làm cho đạo sĩ phải chịu oan uổng, khốn đốn. Mong Ngài lấy lòng Từ rộng lớn mà tha tội cho chúng con. Đừng để cho đời vị lai chúng con phải gánh lấy tội nặng.

Họ nói như vậy ba lần, nhưng vị Bích-chi-phật Lạc Vô Vi vẫn im lặng không trả lời. Vị Bích-chi-phật nghĩ rằng: “Ta không nên vào thành Ba-la-nại khát thực nữa, ta phải diệt độ ở đây, trước mặt mọi người”. Vị Bích-chi-phật liền ở trước mọi người bay vọt lên hư không, qua lại trên không, đi đứng ngồi nằm, phía dưới hông ra khói, phía trên hông ra lửa; lại phía dưới hông ra lửa, phía trên hông ra khói; hoặc bên hông trái ra khói, bên hông phải ra lửa; hoặc bên hông trái ra lửa, bên hông phải ra khói; hoặc trước bụng ra khói, trên lưng ra lửa; hoặc trước bụng thì ra lửa, trên lưng thì ra khói; hoặc từ hông trở xuống thì ra lửa, từ hông trở lên thì ra nước; hoặc từ hông trở xuống ra nước, từ hông trở lên ra lửa; hoặc hông trái ra lửa, hông phải ra nước; hoặc hông trái ra nước, hông phải ra lửa; hoặc trước bụng ra nước, trên lưng ra lửa; hoặc trước bụng ra lửa, trên lưng ra nước; hoặc vai trái ra nước, vai phải ra lửa; hoặc vai trái ra lửa, vai phải ra nước; hoặc hai vai ra nước; hoặc hai vai ra lửa. Sau đó toàn thân ra khói, toàn thân ra lửa, toàn thân ra nước. Ngay lúc ấy, ở trong hư không, Ngài thiêu thân diệt độ.

Bấy giờ đại chúng thấy đều buồn khóc rơi lệ, hoặc có người sám hối, hoặc có người đánh lễ. Họ thu lấy xá-lợi, xây tháp ở ngã tư đường.

Các thượng quan liền dẫn Tịnh Nhân đến chỗ vua Phạm Đạt, tâu rằng:

–Chính người này đã giết Lộc Tướng chớ không phải là Đạo sĩ.

Nhà vua tức giận liền quở trách quan Giám ty:

–Lúc trước tại sao người dối tâu việc không thật rằng: đây là kẻ giết người, nay lại nói là không phải, khiến cho ta trở thành người sai lầm, gây oan uổng, khốn đốn cho Đạo sĩ như thế?

Các quan tâu vua:

–Khi ấy thần đã hỏi Đạo sĩ đã mấy lần rằng: “Sao ông lại giết người?”, nhưng lúc ấy Đạo sĩ vẫn cứ im lặng, không chịu trả lời, lúc ấy hai tay lại dính đầy đất, vì vậy chúng thần cho đó là kẻ giết người.

Vua bèn ra lệnh cho các quan:

–Hãy cột người này vào con lạc đà, ra phía Nam thành, rồi dùng mâu đâm, sau đó lấy cây sào đâm lên đến đầu, rồi bắn bằng tên. Nếu chưa chết thì chặt đầu.

Các quan vâng lệnh, liền dắt con lạc đà đã trói phạm nhân dẫn đi đánh trống khắp nơi, đem ra phía Nam thành, dùng mâu đâm, xuyên thân bằng cây nhọn, rồi bắn bằng cung tên, sau đó thì chặt đầu.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết Tịnh Nhân lúc bấy giờ là ai chăng? Chính là Ta ngày nay. Nay Xá-lợi-phất, thầy có biết Lộc Tướng lúc bấy giờ là ai chăng? Đó chính là Tôn-đà-lợi ngày nay vậy. Nay Xá-lợi-phất, thầy có biết vua Phạm Đạt lúc đó ngày nay là ai chăng? Chính là Cháp Trưởng thuộc dòng họ Thích ngày nay.

Nay Xá-lợi-phất, lúc xưa Ta đã giết Lộc Tướng, làm oan uổng, khốn đốn cho vị Bích-chi-phật, vì tội ác ấy nên trải qua vô số ngàn năm, Ta đã bị nung nấu trong địa ngục, và bị leo lên cây có lá bằng thanh kiếm. Vô số ngàn năm Ta bị đọa vào loài súc sinh, vô số ngàn năm Ta bị đọa vào loài quỷ đói. Tai ương lúc ấy còn sót lại nên đến

nay tuy Ta đã thành Phật mà vẫn bị Tôn-đà-lợi hủy báng.

Bấy giờ Đức Phật tự nói về nhân duyên kiếp trước của mình bằng bài kệ:

*Xưa Ta tên Tịnh Nhãn
Là diễn viên sân khấu
Bích-chi tên Lạc Vô
Không tội, bị khốn khổ.
Ngài có hạnh chân tịnh
Bị chúng làm ưu não
Hủy nhục và bắt trói
Muốn đem ra khỏi thành.
Ta thấy Bích-chi-phật
Bị khốn nhục trói buộc
Nên khởi tâm Từ bi
Để Ngài được thả ra.
Do nhân duyên như vậy
Mãi chịu khổ địa ngục
Tai ương còn sót lại
Nay mới bị hủy báng.
Nay Ta hết tái sinh
Chấm dứt ngay đời này
Vì thế Tôn-đà-lợi
Mới đến để hủy báng.
Nhân duyên không thoát được
Cũng chẳng tan trong không
Nên giữ ba nhân duyên
Trước sau không trái phạm.
Ta tự thành quả Phật
Được làm thầy ba cõi
Nên nói nhân duyên trước
Tại suối lớn A-nậu.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã hết, các điều

thiện đã đủ, có khả năng hóa độ Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân, cho đến loài bò, bay, máy, cựa, đều được hóa độ đến chỗ vô vi an lạc. Dù có công đức như vậy nhưng Ta vẫn không thoát khỏi nhân duyên kiếp trước. Huống chi những kẻ ngu si tối tăm chưa đắc đạo, không giữ gìn thân, miệng và ý, thì bọn người ấy sẽ như thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy nên tu học như vậy, các La-hán và tất cả chúng sinh phải giữ gìn ba lỗi ở thân, bốn lỗi ở miệng và ba lỗi ở ý. Nay Xá-lợi-phất, thầy nên tu học như vậy và mọi người cũng tu học như thế.

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la và Ma-hầu-la-già nghe Đức Phật dạy, thấy đều vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

2- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA NÀNG XA-DI-BẠT

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn tên là A-nậu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc La-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, cách nay chín mươi mốt kiếp, lúc ấy có vị vua tên là Thiện Thuyết, thành tên là Thiện Thuyết Sở Tạo, có một vị Bà-la-môn tên là Diên Như Đạt, là người hiếu học, thông đạt bốn bộ sách của ngoại đạo: Thiên văn, Đồ sấm, Chiêm tướng và Nghệ thuật. Hiểu bảy loại sách và giáo giới của ngoại đạo, hiểu rõ các pháp, sách vở thế tục, gồm có ba mươi loại, thường dạy học năm trăm đồng tử của những dòng họ giàu sang.

Lại có một Bà-la-môn khác tên là Phạm Thiên, là người giàu có, nhiều của cải, voi, ngựa, bảy báu, kẻ hầu người hạ. Người vợ tên là Tịnh Âm, xinh đẹp khác thường, dung mạo bậc nhất, tánh hạnh dịu hiền, không có tâm ganh ghét.

Bà-la-môn Phạm Thiên là đàn việt của Diên Như Đạt, vợ của Phạm Thiên cúng dường Diên Như Đạt thức uống ăn, quần áo, mền nệm, giường nằm, đồ ngồi, thuốc men chữa bệnh lúc đau ốm.

Có một vị Bích-chi-phật tên là Ái Học, đi vào trong thành, đắp y, ôm bát, định đi khát thực, tình cờ đến trước cửa nhà Phạm Thiên. Bấy giờ phu nhân Tịnh Âm thấy vị Bích-chi-phật y phục ngay ngắn, bước đi khoan thai, sáu căn vắng lặng nên trong tâm rất kính mến, liền ngỏ lời muốn cúng dường:

–Từ nay về sau, đối với y phục, thức uống ăn, giường nằm, thuốc men, con xin thường xuyên cúng dường. Mong Ngài thọ nhận cho con.

Phu nhân Tịnh Âm liền đổ các thức ăn uống thơm ngon vào đầy bát trao cho Bích-chi-phật. Vị Bích-chi-phật thọ nhận xong, bèn ôm bát bay lên hư không, bảy lần vòng đi lượn lại, rồi bay về chỗ cũ.

Khi ấy người trong thành thấy được thần tức này, bèn bảo rằng:

– Trong nước có vị này, chúng ta sẽ có phước.

Vì vậy nhân dân cả nước vui mừng, cúng dường không biết nhàm chán. Phu nhân Tịnh Âm cúng dường vị Bích-chi-phật mỗi ngày một nhiều, còn cúng dường cho Bà-la-môn Diên Như Đạt ngày một ít.

Diên Như Đạt tự biết Phu nhân cúng dường cho mình ngày một ít, còn vị kia ngày một nhiều, nên sinh tâm ganh ghét, phỉ báng rằng:

– Đạo sĩ này thật ra chẳng có giới đức gì cả. Vì sao vậy? Vì ông ta làm những việc bất tịnh với phu nhân Tịnh Âm, cho nên phu nhân mới cúng dường cho ông ta nhiều.

Diên Như Đạt nói với năm trăm đệ tử:

– Đạo sĩ này phạm giới, không có hạnh tinh tấn, vậy các đồng tử hãy trở về nhà mình nói rõ cho mọi người biết rằng: “Gã đạo sĩ này không có hạnh thanh tịnh, tư thông với phu nhân Tịnh Âm”.

Các đồng tử thưa:

– Xin vâng! Như lời thầy dạy: “Gã đạo sĩ này thật có tâm dâm dục”.

Bấy giờ năm trăm đồng tử vâng lời thầy đi vào thành, đến khắp các hang cùng ngõ hẻm nói cho mọi người biết rằng:

– Gã đạo sĩ này có tâm dâm dục, tư thông với phu nhân Tịnh Âm.

Khi ấy, người trong nước đều nghi ngờ, cho rằng: “Bậc có thần tức như vậy mà bị mang tiếng xấu như vậy sao?”.

Tiếng xấu ấy đồn đãi đến bảy năm mới chấm dứt. Sau đó, vị Bích-chi-phật hiện mười tám thứ thần biến, rồi diệt độ. Lúc ấy, mọi người đều biết Diên Như Đạt là dối trá, còn vị Bích-chi-phật là thanh tịnh.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Thầy có biết Diên Như Đạt lúc bấy giờ là ai chăng? Đó chính là Ta ngày nay, còn Phạm Thiên lúc ấy chính là vua Ưu-diên ngày nay. Tịnh Âm lúc ấy nay là Xa-di-bạt và năm trăm đồng tử lúc ấy nay là năm trăm vị La-hán.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lúc ấy vì Ta mất sự cúng dường nên mới sinh tâm ganh ghét, cùng với các thầy hủy báng vị Bích-chi-phật. Do nhân duyên đó nên Ta và các thầy cùng vào địa ngục, bị nung nấu trong vạc nước sôi suốt vô số ngàn năm. Do tai ương còn sót lại này, mà nay Ta tuy đã thành Phật, nhưng vẫn cùng với các thầy bị Xa-di-bạt hủy báng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói nhân duyên đời trước bằng bài kệ:

*Xưa, Ta là Phạm chí
 Học rộng bốn bộ sách
 Sống ở trong rừng cây
 Dạy năm trăm đồng tử.
 Có một Bích-chi-phật
 Thanh tịnh có thần túc
 Thấy Ngài được cúng dường
 Vô cơ, bèn hủy báng
 Lại bảo các đồng tử:
 “Đạo sĩ không tịnh hạnh”.
 Khi Ta nói như vậy
 Các đồng tử vui vẻ
 Vâng lời của Ta nói
 Liền đến các xóm làng
 Nói cho mọi người biết:
 “Đạo sĩ phạm bất tịnh”.
 Do nhân duyên như vậy
 Ở mãi trong địa ngục
 Ta cùng với các thầy
 Phải chịu vô lượng khổ.
 Vì nhân duyên sót lại
 Đại chúng năm trăm vị
 Vô cơ bị phỉ báng
 Bởi nàng Xa-di-bạt.
 Nay là đời cuối cùng
 Ta thành đạo Vô thượng
 Vô cơ bị phỉ báng*

*Bởi nàng Xa-di-bạt
Như Lai đã thành Phật
Là đại tướng ba cõi
Trong ao lớn A-nậu
Tự nói duyên đời trước.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy xem Đức Như Lai, các lậu hoặc đã hết, các điều thiện đã đủ, có lòng Từ bi thương xót trời, người cho đến loài côn trùng nhỏ nhít, đều muốn hóa độ làm cho tất cả đều được giải thoát. Tuy có công đức như vậy, nhưng vẫn không thoát khỏi nghiệp duyên kiếp trước. Huống chi kẻ ngu si tối tăm chưa hiểu đạo!

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy phải tu học như vậy. Các La-hán và tất cả chúng sinh đều phải tu học như vậy.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy phải giữ gìn ba lỗ của thân, bốn lỗ của miệng và ba lỗ của ý. Nay Xá-lợi-phất, phải tu học như vậy.

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la và Ma-hầu-la-già nghe Đức Phật dạy, thấy đều vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

3- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA VIỆC NHỨC ĐẦU

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn tên là A-nậu, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán, đã chứng đắc sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, trong thành lớn La-duyệt-kỳ, gặp lúc lúa thóc mắc mớ, đói kém, người ta phải đi nhặt những mẩu xương trắng về đập

vụn nấu nước để uống, đào rễ củ của cây cỏ để ăn sống qua ngày, lấy một thừng vàng (*một phần mười đấu*) đổi lấy một thừng lúa.

Khi ấy, trong thành La-duyệt-kỳ có một ngôi làng rộng lớn, có mấy trăm ngôi nhà gọi là Chi việt. Ở cách ngôi làng này không xa về phía Đông có một cái ao tên là Đa ngư, người của thôn Chi việt dẫn vợ con đến chỗ ao Đa ngư, bắt cá ăn thịt.

Khi những người bắt cá kéo cá lên bờ, thì cá nhảy lạch đạch trên mặt đất. Lúc ấy Ta là một cậu bé mới bốn tuổi, thấy cá nhảy rất vui, lấy cây đập lên đầu chúng. Khi ấy ở trong ao có hai loại cá: một loại tên là Phù ngư, một loại tên là Đa thiệt. Chúng tự nói với nhau:

–Chúng ta không xúc phạm đến con người, nhưng họ lại bắt càn chúng ta để ăn thịt, đời sau ta phải báo thù lại họ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết kẻ nam, người nữ, già trẻ, bé lớn trong thôn Chi việt lúc ấy là ai chăng? Đó chính là những người trong dòng họ Thích của nước Ca-tỳ-la-vệ hiện nay. Còn cậu bé lúc ấy nay chính là Ta, con cá Phù ngư lúc đó thì nay là vua Tỳ-lâu-lặc, con cá Đa thiệt lúc ấy thì nay là Bà-la-môn Ác Thiệt, tướng sư của vua Tỳ-lâu-lặc. Lúc đó có con cá nhảy, Ta dùng chiếc gậy nhỏ gõ vào đầu nó. Do nhân duyên ấy Ta phải đọa vào địa ngục trong vô số ngàn năm. Ngày nay, tuy rằng Ta đã thành Phật nhưng vì nhân duyên còn sót lại này nên vua Tỳ-lâu-lặc giết hại dòng họ Thích, thì lúc đó Ta bị nhức đầu.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết vì sao ta bị nhức đầu chăng? Nay Xá-lợi-phất, khi Ta mới bị nhức đầu, Ta bảo A-nan rằng: “Lấy cái bát bốn thừng đựng đầy nước lạnh đem lại đây cho Ta”. A-nan vâng lời đi lấy nước, lấy tay bịt miệng bát, làm nước trong bình bị bắn, do đó nước trong bát bị khô sạch, giống như mặt trời suốt ngày nóng bức chiếu vào chiếc nồi đồng trống rỗng thật lớn. Nếu nhỏ một giọt nước vào nồi đồng ấy thì giọt nước liền khô ngay. Sự nóng bức trong đầu Ta cũng giống như vậy. Giả sử khiến cho bên cạnh núi Tu-di bỗng xuất

hiện một hòn núi cao một do-diên đến một trăm do-diên, nếu gặp sức nóng nhưc đầu của Ta thì cũng phải cháy tan. Nay Xá-lợi-phất, Đức Như Lai nhưc đầu như vậy.

Bấy giờ Đức Phật nói bài kệ về nhân duyên đời trước:

*Thuở xưa làng Chi việt
 Có một đứa bé nọ
 Cá bị bỏ trên bờ
 Bèn lấy gậy gõ đầu.
 Bởi do nhân duyên này
 Ở lâu trong địa ngục
 Đó là ngục Hắc thằng
 Bị đốt nấu lâu dài.
 Do nhân duyên sót lại
 Nay Ta bị nhưc đầu.
 Khi giết hại họ Thích
 Tỳ-lâu-lặc làm ác
 Duyên này không mất đi
 Cũng chẳng tan trong không
 Phải cùng nhau cẩn thận
 Giữ gìn thân, miệng, ý.
 Nay Ta đã thành Phật
 Là vị tướng ba cõi
 Nên nói duyên đời trước
 Tại suối lớn A-nậu.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã chấm dứt, các điều thiện đã đầy đủ, đối với Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân Ta đều muốn cho họ nghĩ đến điều thiện, vậy mà vẫn không thoát khỏi nhân duyên kiếp trước. Huống gì những kẻ ngu si tối tăm chưa thấy đạo!

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy nên tu học như vậy. Các vị La-hán và tất cả chúng sinh cũng đều nên tu học như vậy.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy nên gìn giữ ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng và ba lỗi của ý. Nay Xá-lợi-phất, phải tu học như vậy!

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la và Ma-hầu-la-già nghe Đức Phật dạy, thấy đều vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

4- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN CÁC KHỚP XƯƠNG BỊ ĐAU NHỨC

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn tên là A-nậu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, trong thành La-duyệt-kỳ có con của một vị trưởng giả bị bệnh sốt rất nguy kịch. Trong thành đó có một thầy thuốc giỏi, riêng biết các loại thuốc, trị lành các chứng bệnh. Khi ấy, người con của trưởng giả bảo thầy thuốc:

–Xin thầy hãy chữa cho tôi lành bệnh, tôi sẽ đền ân thầy nhiều của cải quý.

Thầy thuốc liền điều trị, giúp con của trưởng giả được lành bệnh. Sau khi lành bệnh thì, người con trưởng giả không đền ân. Người con của trưởng giả sau đó lại bị bệnh, lại mời người thầy thuốc ấy đến chữa, nhưng lành bệnh rồi vẫn phủi ân. Như vậy cho đến ba lần mà con của trưởng giả vẫn chẳng đền ân. Sau đó người con của trưởng giả lại bị bệnh, lại mời người thầy thuốc ấy đến chữa trị. Lúc ấy người thầy thuốc nghĩ rằng: “Trước đây ta đã ba lần chữa cho anh ta hết bệnh mà chẳng thấy anh ta đền ân”. Bấy giờ con của trưởng giả nói:

–Anh đã chữa trị tôi ba lần mà tôi chưa đền ân, bây giờ anh hãy chữa trị cho tôi, khi lành bệnh tôi sẽ đền ân luôn một lần.

Lúc ấy, người thầy thuốc nghĩ rằng: “Gã này đã lừa dối ta đến ba lần, như lừa dối đứa con nít. Nay ta sẽ làm cho y phải chết”. Người thầy thuốc liền đưa cho con trưởng giả uống thuốc độc, làm cho người này bệnh càng lúc càng nặng, cuối cùng phải chết.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết người thầy thuốc lúc bấy giờ là ai chẳng? Chính là Ta ngày nay, còn người con của trưởng giả lúc bấy giờ nay chính là Đề-bà-đạt-đa.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lúc ấy Ta cho người con của trưởng giả này uống thuốc độc, làm cho y bị chết. Do nhân duyên ấy nên bị nấu đốt dưới địa ngục mấy ngàn năm, rồi làm súc sinh, ngựa quý. Nay tuy Ta đã thành Phật nhưng các khớp xương vẫn bị đau nhức.

Bấy giờ Đức Phật nói về nhân duyên đời trước bằng bài kệ:

*Xưa, Ta làm thầy thuốc
Trị bệnh con trưởng giả
Tức giận cho thuốc độc
Vì vậy y phải chết.
Do duyên đời trước ấy
Mãi chịu khổ địa ngục
Nay duyên xưa sót lại
Cho nên bị đau nhức.
Nhân duyên không mất đi
Cũng chẳng tan trong không
Do ba nhân duyên này
Phải giữ thân, miệng, ý.
Ta tự đã thành Phật
Làm vị tướng ba cõi
Nên nói duyên đời trước
Tại suối lớn A-nậu.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã chấm dứt, các điều thiện đã đầy đủ, đối với Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân, Ta đều muốn cho họ nghĩ đến điều thiện, vậy mà vẫn không thoát khỏi nhân duyên kiếp trước, huống chi những kẻ ngu si tối tăm chưa đắc đạo!

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy nên tu học như vậy. Năm trăm vị La-hán và tất cả chúng sinh đều phải tu học như vậy.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy nên gìn giữ ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng và ba lỗi của ý. Nay Xá-lợi-phất, thầy nên tu học như vậy.

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la và Ma-hầu-la-già nghe Đức Phật dạy, thấy đều vui mừng thực hành.

M

5- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA VIỆC ĐAU LŨNG

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn A-nậu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, trong thành ở La-duyệt-kỳ, nhân ngày lễ lớn, mọi người tụ hội. Bấy giờ, trong nước có hai lực sĩ của hai dòng họ là Sát-đế-lợi và Bà-la-môn cũng đến tụ hội. Lúc hai lực sĩ đấu nhau, lực sĩ dòng Bà-la-môn bảo lực sĩ dòng Sát-đế-lợi rằng:

–Anh đừng đánh tôi, tôi sẽ cho anh nhiều tiền bạc, vật báu.

Vì vậy lực sĩ dòng Sát-đế-lợi không dùng hết sức, chỉ giả bộ chịu phục. Do đó hai người đều được khen ngợi, đều được nhà vua ban thưởng. Nhưng lực sĩ Bà-la-môn không đền ân đúng như lời đã hứa với lực sĩ dòng Sát-đế-lợi. Sau đó lại đến ngày lễ lớn, họ lại đến tụ hội để đấu với nhau. Lực sĩ dòng Bà-la-môn lại yêu cầu lực sĩ dòng Sát-đế-lợi giống như lần trước. Lực sĩ dòng Sát-đế-lợi lại nường tay, không đánh thật, nên hai lực sĩ lại được thưởng như lần đầu, nhưng anh ta lại nuốt lời hứa, như vậy cho đến ba lần. Sau, lại đến ngày lễ hội, lực sĩ dòng Bà-la-môn lại nói với lực sĩ dòng Sát-đế-lợi rằng:

–Tôi đã hứa với bạn ba lần. Vậy để lần này tôi đền ân một lần luôn.

Vị lực sĩ dòng Sát-đế-lợi nghĩ rằng: “Người này đã mấy lần lừa dối ta. Chẳng những y không đền ân mà còn xâm lấn phần của ta nữa. Hôm nay ta phải giết gã”. Khi ấy lực sĩ dòng Sát-đế-lợi cười

mũi, bảo rằng:

–Anh đã lừa dối tôi ba lần. Nay tôi không cần tiền bạc của anh đâu.

Nói xong, người lực sĩ dòng Sát-đế-lợi đề tay mặt lên cổ, tay trái nắm eo, hai tay xiết lại, bẻ gãy xương sống của lực sĩ dòng Bà-la-môn, như bẻ gãy cây mía, rồi vác lực sĩ dòng Bà-la-môn đi ba vòng để cho mọi người thấy, sau đó mới quật xuống đất. Khi rơi xuống đất, lực sĩ dòng Bà-la-môn chết ngay. Bấy giờ vua và các quan đều vui mừng, tặng anh ta mười vạn đồng tiền vàng.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết vị lực sĩ dòng Sát-đế-lợi đã hạ sát vị lực sĩ dòng Bà-la-môn lúc bấy giờ là ai chăng? Đó chính là Ta ngày nay. Còn lực sĩ dòng Bà-la-môn lúc đó nay là ĐỀ-bà-đạt-đa.

–Này Xá-lợi-phất, lúc bấy giờ vì tham lam, giận tức cho nên Ta đã giết vị lực sĩ ấy. Do nhân duyên này mà Ta bị đọa vào địa ngục, bị nấu đốt, hành hạ, trải qua mấy ngàn năm. Nay Ta đã thành Phật, các lậu đã hết, nhưng do nhân duyên thưở xưa còn sót lại nên nay Ta bị chứng đau lưng này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn tự nói về nhân duyên quá khứ bằng bài tụng:

*Ngày lễ hội đấu nhau
Ý muốn đối thủ phục
Một lần quật xuống đất
Làm y gãy xương sống
Bởi do nhân duyên này
Mãi thọ khổ địa ngục
Dư ương trước sót lại
Nay bị chứng đau lưng.
Duyên này không mất đi
Cũng chẳng tan trong không
Giữ ba nhân duyên này
Thân, khẩu, ý đừng phạm.
Ta đã tự thành Phật*

*Là vị tướng ba cõi
 Tại suối lớn A-nậu
 Tự nói duyên đời trước.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã chấm dứt, các điều thiện đã đầy đủ, đối với Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân tất cả chúng sinh, Ta đều muốn cho họ được độ, vậy mà vẫn không thoát khỏi tai ương đời trước còn sót lại. Huống chi những người si mê tối tăm chưa đắc đạo!

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Các thầy phải tu học như vậy, phải gìn giữ ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng và ba lỗi của ý.

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, tám bộ quỷ thần, nghe lời Phật dạy, thấy đều vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

6. KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN BỊ CÂY GIÁO ĐÂM VÀO CHÂN

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Phật ngự tại tinh xá Trúc viên, trong thành La-duyệt-kỳ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo Tăng.

Vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y ôm bát cùng năm trăm Tỳ-kheo Tăng và Tôn giả A-nan vây quanh cùng vào thành La-duyệt-kỳ để khất thực, lần lượt đến khắp các nhà, thấy trong làng có người đang chặt gỗ cứng, có một thanh gỗ dài một thước hai văng sang một bên và dựng đứng trước Phật.

Đức Phật liền nghĩ: “Đây là nhân duyên đời trước, do chính Ta gây ra thì phải tự gánh chịu.” Mọi người thấy vậy đều xúm lại xem, họ kinh ngạc, la thất thanh. Đức Phật lại nghĩ:

“Nay Ta phải thị hiện việc đền trả quả báo kiếp trước cho mọi người thấy, khiến họ tin hiểu tai ương đối địch, để họ không dám gây ra điều ác.” Nghĩ xong, Đức Phật liền bay vọt lên hư không, cách

mặt đất một nhận; cây giáo liền đuối theo Đức Phật cũng cao một nhận, dựng đứng trước Phật. Đức Phật lại vọt lên cao hai nhận, ba nhận, bốn nhận cho đến bảy nhận, cây giáo cũng đuối theo Ngài cao đến bảy nhận. Đức Thế Tôn lại vọt lên cao một cây Đa-la, thì cây giáo cũng bay theo cao đến một cây Đa-la. Đức Phật vọt lên cao bảy cây Đa-la, cây giáo nhọn cũng đuối theo và dựng đứng trước Ngài. Đức Phật lại vọt lên cao bảy dặm, cây giáo cũng bay theo cao bảy dặm. Đức Phật lại bay cao mười dặm, cây giáo cũng bay cao như vậy. Đức Phật lại bay cao một do-diên, cây giáo cũng bay theo Ngài. Đức Phật lại bay cao bảy do-diên, cây giáo cũng đuối theo Ngài. Khi ấy, ở trong không trung Đức Phật lại hóa thành một tảng đá xanh, bề dày sáu do-diên, rồi Ngài đứng trên tảng đá ấy; cây giáo liền đâm thủng tảng đá, dựng đứng trước Đức Phật. Ở trong không trung Đức Phật lại hóa ra một dòng nước, rộng mười hai do-diên, sáu sáu do-diên. Ngài đứng trên dòng nước ấy, cây giáo lại xuyên qua dòng nước, dựng đứng trước Đức Phật. Trong không trung Phật lại hóa thành một bọng lửa lớn, mỗi bề rộng mười hai do-diên, cao sáu do-diên, rồi đứng trên đống lửa ấy; cây giáo cũng xuyên qua đống lửa, rồi dựng đứng trước Đức Phật. Ở trong hư không Đức Phật lại hóa thành luồng gió xoáy rộng mười hai do-diên, cao sáu do-diên, rồi đứng trên luồng gió ấy, cây giáo bay theo một bên chênh chếch, rồi dựng đứng trước Đức Phật. Đức Phật lại bay vọt lên cung điện của bốn vị vua trời rồi Ngài an trụ trong cung điện đó, cây giáo cũng bay theo rồi dựng đứng trước Đức Phật. Đức Phật lại bay lên tầng trời Tam thập tam thiên, ngồi trên tảng ngọc lưu ly vuông vức mỗi cạnh một do-diên; cây giáo cũng bay theo, đến dựng đứng trước Đức Phật.

Sau khi Đức Phật đi rồi, bốn vị trời bảo nhau rằng:

–Đức Phật sợ cây giáo gỗ này, nhưng cây giáo vẫn đuối theo Ngài, không tha.

Họ đều có vẻ không vui. Đức Phật biến mất ở tầng trời Tam thập tam thiên, rồi hiện ra ở cõi trời Diệm thiên; rồi biến mất khỏi tầng trời Diệm thiên, lại hiện ra ở tầng trời Đâu-thuật; rồi biến mất khỏi tầng trời Đâu-thuật, lại hiện ra ở tầng trời Niết-ma-la-tha; rồi

biến mất khỏi tầng trời Niết-ma-la-tha, lại hiện ra ở tầng trời Bà-la-ni-mật; rồi biến mất khỏi tầng trời Bà-la-ni-mật, lại hiện ra ở tầng trời Phạm thiên; nhưng cây giáo từ tầng trời Tam thập tam thiên, thứ lớp đi lên, cho đến tầng trời Phạm thiên, dựng đứng trước Đức Phật.

Chư Thiên nói với nhau:

–Đức Phật sợ cây giáo này bỏ đi, mà nó vẫn đuổi theo không tha!

Bấy giờ Đức Thế Tôn tự nói về nhân duyên đời trước của mình cho các Phạm thiên nghe. Từ tầng trời Phạm thiên, Ngài xuống tầng trời Bà-la-ni-mật, từ tầng trời Bà-la-ni-mật, Ngài xuống tầng trời Niết-ma-la-tha; từ tầng trời Niết-ma-la-tha, Ngài xuống tầng trời Đâu-thuật; từ tầng trời Đâu-thuật, Ngài xuống tầng trời Diệm thiên, từ tầng trời Diệm thiên, Ngài đến xuống tầng trời Tam thập tam thiên, từ tầng trời Tam thập tam thiên, Ngài xuống tầng trời của bốn vị vua trời, từ tầng trời của bốn vị vua trời, Ngài trở về thành La-duyệt-kỳ.

Tại các tầng trời đi qua, Ngài đều nói về nhân duyên đời trước cho chư Thiên ở tầng trời ấy nghe. Lúc ấy cây giáo vẫn đuổi theo Ngài trên các cõi trời cho đến lúc Ngài trở xuống thành La-duyệt-kỳ. Đức Phật cũng nói về nhân duyên đời trước cho mọi người trong thành La-duyệt-kỳ nghe.

Phật và Tỳ-kheo Tăng ra khỏi thành La-duyệt-kỳ, cây giáo vẫn đuổi theo Đức Phật, người trong nước đều theo Đức Phật ra khỏi thành.

Bấy giờ Đức Phật hỏi mọi người:

–Các vị muốn đi đâu?

Mọi người thưa rằng:

–Chúng con muốn theo Đức Như Lai để xem sự việc này.

Phật bảo mọi người:

–Các vị hãy tự trở về, Đức Như Lai tự biết khi nào là đúng lúc.

Tôn giả A-nan hỏi Phật:

–Vì sao Đức Như Lai bảo mọi người phải trở về?

Phật bảo A-nan:

–Nếu mọi người thấy Ta đến trả quả báo này, họ sẽ ngã lăn ra

đất mà chết.

Tôn giả A-nan bèn im lặng. Đức Thế Tôn trở về tinh xá Trúc viên, an trụ trong phòng mình. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy hãy trở về phòng mình.

Mọi người đều vâng lời trở về phòng.

Tôn giả A-nan hỏi Phật:

–Con sẽ làm gì?

Phật bảo A-nan:

–Thầy cũng trở về phòng.

Tôn giả A-nan liền trở về phòng.

Đức Phật bèn nghĩ: “Việc này do đời trước Ta gây ra, chắc chắn Ta phải đền trả.” Ngài liền lấy Đại y, gấp thành bốn lớp, rồi trở lại chỗ ngồi cũ. Đức Phật liền đưa chân mặt ra, cây giáo liền đâm từ mu bàn chân xuống, rồi xuyên qua lòng đất, sâu đến sáu vạn tám ngàn do-diên; xuyên qua đất thì đến nước, nước sâu sáu vạn tám ngàn do-diên; xuyên qua nước đến lửa, lửa dày sáu vạn tám ngàn do-diên. Khi cây giáo đến lửa thì bị cháy tiêu. Ngay khi ấy, mặt đất bị rung động sáu lần.

Bấy giờ Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo đều tự nghĩ: “Giờ đây mặt đất rung động chắc cây giáo đã đâm trúng chân Đức Phật rồi!”

Khi Đức Phật bị giáo đâm Ngài bị đau một cách khổ sở, đau một cách cay nghiệt, đau một cách nhức nhối, đau gần đứt hơi thở. Tôn giả A-nan liền đến chỗ Phật, thấy cây giáo đâm vào chân làm Ngài bị thương, A-nan liền bị chết ngất, ngã nhào xuống đất. Đức Phật liền rảy nước lên Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, xoa vào chân Ngài, khóc lóc rơi lệ nói:

–Phật đã đi bằng đôi chân này đến dưới cội cây Bồ-đề hàng phục ma quân; rồi lên tầng trời Tam thập tam thiên nói pháp hóa độ mẹ Ngài. Thân Đức Thế Tôn là thân Kim cang, do nhân duyên gì mà một cây giáo nhỏ lại làm hại Ngài được?

Phật bảo A-nan:

–A-nan hãy nín! Chớ có buồn rầu khóc lóc nữa! Vì lẽ nhân duyên của cuộc đời là sinh tử xuống lên, mới có nỗi khổ này.

Tôn giả A-nan hỏi Đức Phật:

–Giờ đây vết thương này gây đau nhức, nó sẽ càng đau hơn nữa hay sẽ bớt dần?

Phật bảo A-nan:

–Dần dần sẽ bớt.

Tôn giả Xá-lợi-phất và các thầy Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lạy dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay vết thương này gây đau nhức, nó càng đau hơn nữa hay sẽ bớt dần?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sự đau nhức này dần dần sẽ bớt.

Bấy giờ, trong chúng Tỳ-kheo, những vị chưa dứt hết các lậu hoặc thấy vết thương ấy buồn khóc, rơi lệ than thở:

–Đức Thế Tôn đại bi, không có chúng sinh nào mà Ngài không tế độ, nhưng vì sao lại bị sự đau đớn này?!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy đừng khóc nữa! Đời trước chính Ta đã gây ra việc này, thì nay phải gánh chịu, không thể trốn tránh đi đâu được. Nghiệp duyên này cũng không phải do cha gây ra, cũng không phải do mẹ gây ra, cũng không phải do vua gây ra, cũng không phải do trời gây ra, cũng không phải do Sa-môn, Bà-la-môn gây ra. Chính Ta đã gây ra thì nay Ta phải gánh chịu.

Còn các vị lậu hoặc đã hết, đã chứng được thần thông thì đều im lặng suy nghĩ: “Ngày trước Đức Phật có nói kệ:

*Việc người đời gây ra
Hoặc lành hay là dữ
Chính mình chịu quả báo
Không bao giờ mất đi.”*

Thầy thuốc Kỳ-bà nghe tin Đức Phật bị cây giáo đâm vào chân, liền khóc lóc đi đến chỗ vua A-xà-thế.

Vua A-xà-thế hỏi:

–Vì sao khanh khóc?

Kỳ-bà đáp:

–Tôi nghe nói Đức Phật bị cây giáo đâm vào chân, nên tôi khóc.

Vua A-xà-thế nghe Kỳ-bà nói, liền ngất xỉu từ trên giường rơi xuống đất, một lát sau mới tỉnh. Khi ấy, toàn cung điện trong và ngoài đều kinh hoàng, sợ hãi.

Nhà vua đứng dậy, rơi nước mắt, ra lệnh cho các quan:

–Hãy mau chuẩn bị xe cộ, ta muốn đến chỗ Đức Phật.

Các quan vâng lệnh, chuẩn bị xe cộ xong tâu vua:

–Xe cộ đã chuẩn bị xong.

Nhà vua liền lên xe, ra khỏi thành La-duyệt-kỳ. Bốn giai cấp trong thành, các thiện nam tín nữ, nghe tin Đức Phật bị cây giáo đâm vào chân, nhà vua cùng em là Kỳ-bà, với dân chúng trong thành có cả trăm ngàn người vây quanh, cùng đi đến chỗ Đức Phật. Vua xuống xe, cởi mũ, bỏ kiếm, cất lọng, đi bộ đến chỗ Phật. Lúc ấy Đức Phật đang nằm nghiêng hông bên phải.

Vua liền đánh lễ Đức Phật, sau đó đưa tay nâng chân Phật, xoa nhẹ, miệng nói tên nước và danh tánh của mình:

–Con là A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt.

Và hỏi thăm Đức Thế Tôn:

–Sự đau nhức của vết thương có giảm đi chút nào chăng?

Phật đáp:

–Mong Đại vương thường được an ổn, sống lâu, không bệnh, vua nên cai trị nhân dân bằng chánh pháp, chớ làm những việc không đúng pháp.

Đức Phật liền mời vua ngồi, vua liền an tọa. Vua hỏi Đức Phật:

–Con nghe Như Lai nói rằng: “Thân Phật là thân Kim cang, không thể hủy hoại được.” Chẳng hay vì sao bây giờ lại bị cây giáo bằng gỗ đâm vào chân như thế?

Phật bảo nhà vua:

–Tất cả các pháp đều do nhân duyên mà bị hủy hoại. Thân Ta tuy là Kim cang, gươm giáo không phá hoại được, nhưng bị nhân duyên đời trước làm hủy hoại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

*Việc người đời gây ra
 Điều tự thấy việc mình
 Làm lành được báo lành
 Làm dữ bị báo dữ.*

Cho nên, này Đại vương, cần phải dứt bỏ việc ác, làm điều lành. Những kẻ ác độc ngu si không có học vấn, chưa biết chân đạo, đùa giỡn, coi thường gây ra tội lỗi, về sau phải chịu quả báo một cách đau khổ. Cho nên, này Đại vương, không nên vì đùa giỡn mà gây ra tội lỗi. Vua nên tu học như vậy.

Vua bảo Kỳ-bà:

–Người hãy hòa hợp các thứ thuốc thật tốt tẩy rửa, đọc chú chữa trị vết thương của Phật làm cho mau lành!

Kỳ-bà thưa:

–Xin vâng!

Kỳ-bà liền đánh lễ Đức Phật, tẩy rửa chân Ngài, sau đó đắp thuốc sinh da non, đoạn đọc chú hết đau. Kỳ-bà xuất ra trăm ngàn tấm nỉ đất tiền để bó chân Phật; dùng tay xoa bóp chân Ngài, miệng cầu khẩn rằng: “Nguyện Phật sống lâu, mong tai họa này chóng dứt trừ, tất cả chúng sinh còn khổ đau trong đêm dài cũng được giải thoát”. Ông liền đứng lên đánh lễ Đức Phật, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ Đức Phật liền giảng nói pháp Tứ đế cho vua A-xà-thế và tất cả mọi người trong hội nghe:

–Sao gọi là Tứ đế? Đó là khổ đế, khổ tập đế, khổ tận đế, khổ tận đạo đế. Đó là bốn chân lý chắc thật.

Khi Đức Phật giảng nói pháp Tứ đế có sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt hết lậu hoặc, tâm ý mở tỏ. Một vạn một ngàn người được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ nhà vua từ giả Đức Phật:

–Vì việc nước bận rộn, con phải trở về, xin giả biệt Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

–Đại vương nên biết đã đúng lúc.

Vua liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở về. Mọi người cũng đánh lễ Đức Phật,

nhiều quanh ba vòng rồi trở về.

Bấy giờ, vào lúc nửa đêm, có bảy vị trời, mỗi vị có khả năng phát ra trăm thứ âm thanh, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, nhiều quanh Ngài một vòng rồi đứng chấp tay. Khi ấy, một vị trời bạch Phật:

–Sa-môn Cù-đàm như sư tử bị thợ thượng, chịu đựng được sự đau đớn không cho người biết.

Một vị trời khác lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm như voi bị thợ thượng, chịu đựng được sự đau đớn không cho người biết.

Một vị trời khác lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm giống như con bò lớn khi rống lên, cũng không biết sự đau đớn.

Một vị trời khác lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm giống như con trâu khi rống lên, cũng không biết đau đớn

Một vị trời khác lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm giống như vị vua trời có tám tay bị thợ thượng, nên chịu đựng được sự đau đớn.

Một vị trời khác lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm như con ngựa báu, nên không biết đau đớn.

Một vị trời khác lại nói:

–Sa-môn Cù-đàm quán sát kỹ sự thanh tịnh, nên không biết đau đớn.

Vị trời thứ nhất nói:

–Đức Phật là Sư Tử trong loài người, là Voi trong loài người, là con Bò lớn trong loài người, là con Trâu trong loài người, là vị vua Trời tám tay trong loài người, là con ngựa báu trong loài người, là người xét kỹ sự thanh tịnh trong loài người. Đức Thế Tôn là như thế, chịu đựng được sự đau khổ. Những kẻ ngu si thì chịu đựng sự đau đớn, còn Đức Thế Tôn dùng trí tuệ để chịu đựng, chẳng phải như kẻ ngoại học Phạm chí, tuổi đã quá trung niên, biếng nhác bê tha lại lấy vợ, mà mong được thoát khổ, thì không thể được độ? Vì sao? Vì

không thể rốt ráo vậy. Trong chánh pháp của Như Lai, thanh tịnh rốt ráo, dứt bỏ các ái dục, được đến Niết-bàn. Như vậy mới thoát ra được cái biển như bản ba cõi. Vì sao? Vì tâm ý họ được chánh định, tu pháp Tứ đế để tìm Niết-bàn.

Lúc ấy vị trời nói kệ:

*Hung dữ khó hàng phục
Si, nghi, không định trí
Chí mê, ở rừng rú
Không thoát vực sinh tử.
Định trí, trừ hung ngu
Luyện ý, mở trói buộc
Tâm lặng, không mê lầm
Vượt ra biển sinh tử.*

Vị trời nói kệ xong, Đức Phật im lặng chấp nhận. Các vị trời thấy Đức Phật im lặng, biết Ngài đã bằng lòng, liền cúi đầu lạy dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi bỗng nhiên biến mất. Đến sáng, Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, cách nay vô số a-tăng-kỳ kiếp về trước, bấy giờ có hai đoàn người đi buôn. Mỗi đoàn có năm trăm người, tại nước Ba-la-nại, họ đều hùn vốn định đóng thuyền đi biển. Đóng thuyền xong, họ mở neo, trương buồm, xuất hành. Gió thổi đưa đi, đến bãi biển toàn là ngọc quý. Trên bãi biển này có rất nhiều y phục, mền nệm, thức uống ăn, giường nằm, đồ ngồi và các cô gái xinh đẹp, đủ loại châu báu, chẳng thiếu thứ gì.

Bấy giờ, người dẫn đầu một đoàn đi buôn bảo mọi người:

–Chúng ta vì của cải nên mới khổ sở vượt biển đến đây. Nay điều mong ước đã đạt được, vậy chúng ta nên ở lại đây, vui chơi với năm thứ dục lạc.

Còn người dẫn đầu của đoàn buôn thứ hai bảo những người trong đoàn của mình rằng:

–Ở đây tuy có nhiều các thứ châu báu, năm dục, thể nữ, y phục, thức uống ăn không thiếu thứ gì, nhưng chúng ta không nên ở đây lâu.

Bấy giờ, trên hư không có một vị Thiên nữ, thương xót đoàn người đi buôn này, muốn giúp họ được như ý muốn, có nhiều của

cải, trở về an toàn, nên ở trong hư không bảo những người đi buôn:

–Ở đây tuy có của cải, năm dục, thể nữ, y phục, mền nệm, thức uống ăn nhưng không nên ở lâu, phải sớm trở về. Vì sao? Vì bảy ngày nữa, vùng đất này sẽ bị chìm trong nước.

Vị Thiên nữ nói xong liền biến mất.

Lại có một vị Thiên nữ ma giới, ý muốn cho những người đi buôn này bị chết hết tại đây, không trở về được, bèn ở trong không trung, bảo:

–Các người không nên chuẩn bị ghe thuyền trở về làm gì, vì ở đây rất vui sướng, rất đáng để vui chơi. Mặt đất tại đây trước không hề có nước đến, nếu có nước đến đây, thì các thứ châu báu, thức ăn uống, y phục, mền nệm, gái đẹp, năm dục do đâu mà có? Vị Thiên nữ vừa rồi nói rằng: “Nước sẽ ngập chìm vùng này”. Đó là lời dối gạt, không đáng tin.

Nói xong, vị Thiên nữ ma giới liền biến mất.

Bấy giờ người dẫn đầu đoàn buôn thứ nhất, nghe vị Thiên nữ ma giới nói bèn bảo những người trong đoàn của mình:

–Các bạn chớ có chuẩn bị thuyền bè để trở về làm gì; chớ có tin lời vị Thiên nữ vừa rồi nói. Đó là lời dối gạt mà thôi. Ở đây vui sướng, năm dục đầy đủ. Vì ở Diêm-phù khổ sở, chính là muốn cầu sinh đến đây. Nay đã đến được rồi vì sao lại bỏ đi!

Người dẫn đầu đoàn buôn thứ hai lại bảo những người trong đoàn của mình:

–Các bạn chớ tham đắm năm dục mà ở đây lâu, vì bảy ngày nữa nước sẽ dâng lên đây ngập nơi đây, phải mau mua bán, chuẩn bị sửa chữa ghe thuyền. Lời vị Thiên nữ vừa rồi nói là lời chân thành, không hề dối gạt. Giả sử nếu bảy ngày nữa mà không có nước dâng, chúng ta vẫn phải sửa chữa lại ghe thuyền để trở về, vì chúng ta đâu thể bỏ cha mẹ, vợ con ở quê nhà? Còn nếu bảy ngày nữa, nước không dâng lên, thì chúng ta sẽ ở đây, vui chơi với năm dục, sau đó từ từ sẽ trở về. Nếu nước đầy ngập như lời vị Thiên nữ vừa rồi nói, thì chúng ta đã chuẩn bị sửa chữa ghe thuyền xong, thì trở về nào có khó gì.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bấy ngày sau, đúng như lời vị nữ đã nói, nước đầy ngập mặt đất. Bấy giờ, người dẫn đầu đoàn buôn thứ hai đã chuẩn bị trước ghe thuyền xong, ngày nước dâng tất cả những người đi buôn trong đoàn đều được lên thuyền. Còn người dẫn đầu đoàn buôn thứ nhất, vì trước đó không chuẩn bị sửa chữa ghe thuyền nên ngày nước dâng họ giành thuyền với những người trong đoàn buôn thứ hai. Người dẫn đầu đoàn buôn thứ hai vì muốn bảo vệ những người trong đoàn không để họ giành thuyền, bèn mặc áo giáp, cầm gậy để chiến đấu với nhau. Người dẫn đầu đoàn buôn thứ hai ở trên thuyền dùng mâu kích đâm người dẫn đầu đoàn buôn thứ nhất làm cho y gãy chân rồi chết.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết người dẫn đầu đoàn buôn thứ nhất lúc bấy giờ nay là ai chăng? Đó chính là Đê-bà-đạt-đa ngày nay. Còn người dẫn đầu đoàn buôn thứ hai dùng mâu kích đâm người dẫn đầu đoàn buôn thứ nhất lúc bấy giờ nay chính là Ta. Đoàn người đi buôn năm trăm người thứ nhất lúc bấy giờ nay là đệ tử của Đê-bà-đạt-đa; còn đoàn buôn năm trăm người thứ hai lúc bấy giờ nay là năm trăm vị La-hán. Vị Thiên nữ lúc ấy nay chính là Xá-lợi-phất. Vị Thiên nữ ma giới lúc ấy thì nay là đệ tử Bà-la-môn của Tỳ-kheo Mãn Nguyệt.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa Ta làm người dẫn đầu đoàn đi buôn, tham của sợ chết, vượt biển, tranh thuyền với người dẫn đầu đoàn buôn thứ nhất, đâm mâu kích vào chân y. Do nhân duyên đó, trong vô số ngàn năm, chịu khổ trong địa ngục, ở trong địa ngục suốt vô số ngàn năm bị mâu kích đâm chém, vô số ngàn năm bị đọa vào loài súc sinh, bị người bắn giết, trong vô số ngàn năm bị đọa vào loài ngựa quý, phải leo lên cây chùy bằng sắt. Ngày nay tuy được thân Kim cang Như Lai rồi, nhưng do tai ương đời trước còn sót lại, nên mới bị cây giáo đâm vào chân.

Bấy giờ Đức Thế Tôn kể lại nhân duyên đời trước bằng bài kệ:

*Đời trước Ta dẫn đầu
Lên thuyền đi ra biển*

*Hai đoàn cùng tranh thuyên
 Lấy mâu đâm chân hấn
 Do vì nhân duyên ấy
 Mãi chịu khổ địa ngục
 Súc sinh bị tên bắn
 Ngạ quỷ, leo cây chùy.
 Nay Ta đã thành Phật
 Vì thương xót chúng sinh
 Tuy được thân Kim cang
 Không khỏi bị giáo nhơn.
 Duyên này không mất đi
 Cũng chẳng tan trong không
 Phải giữ ba nhân duyên
 Thân, miệng, ý đừng phạm.
 Nay Ta đã thành Phật
 Được làm tướng ba cõi
 Tại tuổi lớn A-nậu
 Tự nói duyên đời trước.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy xem Đức Như Lai các điều ác đã dứt hết, các điều thiện đã đầy đủ, đối với các Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân, tất cả chúng sinh Ta đều muốn hóa độ họ, vậy mà vẫn còn không thoát khỏi sự báo ứng này. Huống chi là những người si mê tăm tối chưa thấy đạo?! Cho nên, này Xá-lợi-phất, phải giữ gìn thân, miệng, ý, đừng phạm lỗi của ba nghiệp này. Này Xá-lợi-phất, các thầy nên tu học như vậy.

Đức Phật nói nhân duyên này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất vui mừng lãnh thọ thực hành.



KINH PHẬT NÓI VỀ HÙNG KHỞI HẠNH QUYỂN HẠ

7- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA XÔ ĐÁ

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn A-nậu cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, tại thành La-duyệt-kỳ có một vị trưởng giả tên là Tu-đàn, là người hết sức giàu có, của báu, voi ngựa, bầy báu, tôi tớ hầu hạ, sản nghiệp đầy đủ. Ông có một người con trai tên là Tu-ma-đề. Trưởng giả Tu-đàn bỗng nhiên qua đời. Tu-ma-đề có một người em khác mẹ là Tu-da-xá. Lúc ấy, Ma-đề nghĩ rằng: “Ta phải tìm cách không cho Tu-da-xá hưởng phần tài sản”. Tu-ma-đề lại nghĩ: “Chỉ có cách giết nó đi mới khỏi chia gia tài”. Do đó Tu-ma-đề bảo Tu-da-xá:

–Anh em ta cùng lên núi Kỳ-xà-quật, anh có việc muốn bàn luận với em.

Tu-da-xá đáp:

–Thưa vâng!

Khi ấy, Tu-ma-đề liền nắm tay em cùng lên núi. Khi đã lên đến đỉnh núi, người anh liền xô người em xuống chân núi, rồi lấy đá đè lên, làm cho người em chết ngay.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết vị trưởng giả Tu-đàn lúc bấy giờ nay là ai chăng? Chính là phụ vương Chân Tịnh. Người con trưởng giả là Tu-ma-đề lúc bấy giờ nay chính là Ta. Người em là Tu-da-xá lúc bấy giờ thì nay là Đề-bà-đạt-đa.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lúc ấy, Ta vì tham của cải mà giết hại người em, do tội ác này nên trải qua vô số ngàn năm phải bị nấu đốt trong địa ngục, bị núi sắt đè ép. Vì duyên xưa còn sót lại, nên nay tuy Ta đã thành Phật nhưng vẫn không thoát khỏi quả báo đời trước. Ở trên núi Kỳ-xà-quật, Ta đang đi kinh hành thì bị Đê-bà-đạt-đa xô tảng đá dài sáu trượng, rộng ba trượng vào đầu Ta. Khi ấy, vị Thần núi Kỳ-xà-quật tên là Tỳ-la đưa tay tiếp lấy tảng đá, chỉ có một mẩu đá nhỏ rơi trúng ngón chân cái của Ta, làm chảy xước chảy máu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói về nhân duyên đời trước bằng bài kệ:

*Xưa, Ta vì của cải
Giết người em khác mẹ
Xô từ núi cao xuống
Rồi lấy đá đè lên.
Do nhân duyên ác ấy
Mãi chịu khổ địa ngục
Ở trong địa ngục này
Bị núi sắt đè ép.
Do tai ương sót lại
Đê-bà-đạt xô đá
Mảnh nhỏ rơi trúng chân
Làm dập ngón chân cái.
Duyên này không mất đi
Cũng không tan trong không
Phải giữ ba nhân duyên
Thân, miệng, ý chớ phạm.
Nay Ta đã thành Phật
Được làm tướng ba cõi
Tại tuổi lớn A-nậu
Nói chuyện đời trước này.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã dứt hết, các điều

thiện đã đầy đủ, đối với các Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân, tất cả chúng sinh, Ta đều muốn hóa độ. Vậy mà vẫn bị quả báo đời trước, không thể thoát khỏi, huống gì những người si mê, tâm tối chưa đắc đạo?! Nay Xá-lợi-phất, các thầy nên tu học như vậy, đừng phạm lỗi của thân, miệng, ý.

Đức Phật nói nhân duyên này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nghe Đức Phật dạy xong đều vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

8- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN BÀ-LA-MÔN NỮ TÊN CHIÊN-SA HỦY BẢNG PHẬT

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn A-nậu cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị, đều là bậc La-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa cách nay vô số kiếp, bấy giờ có Đức Phật ra đời hiệu là Tận Thắng Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là Bậc Thiệt Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn. Ngài ngự tại nước Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm sáu vạn tám ngàn vị đều là bậc La-hán.

Này Xá-lợi-phất, bấy giờ Đức Như Lai Tận Thắng có hai vị Tỳ-kheo: một là Tỳ-kheo Vô Thắng, hai là Tỳ-kheo Thường Hoan. Tỳ-kheo Vô Thắng thì có sáu thứ thần thông. Còn Tỳ-kheo Thường Hoan thì kết sử chưa dứt trừ. Lúc đó, ở thành Ba-la-nại có một vị trưởng giả tên là Đại Ái, có voi, ngựa, bầy báu, của cải vô số. Trưởng giả có một người vợ tên là Thiệt Huyền, xinh đẹp không ai bằng. Hai vị Tỳ-kheo này thường hay lui tới nhà vị trưởng giả này để thọ cúng dường. Vợ của trưởng giả cúng dường Tỳ-kheo Vô Thắng bốn thứ cúng dường: y phục, mền mệm, thức uống ăn, giường nằm,

thuốc men, không hề thiếu thốn. Còn đối với Tỳ-kheo Thường Hoan thì bà cúng dường rất ít. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Vô Thắng đã dứt hết các lậu, chứng được sáu thứ thần thông. Còn Tỳ-kheo Thường Hoan thì chưa đoạn hết kết sử và chưa thành đạo.

Tỳ-kheo Thường Hoan thấy Tỳ-kheo Vô Thắng được cúng dường nhiều nên sinh tâm ganh ghét, phỉ báng một cách vô cớ rằng:

–Tỳ-kheo Vô Thắng tư thông với phu nhân Thiện Huyền nên phu nhân không cúng dường theo đạo pháp mà cúng dường bằng sự ân ái.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết Tỳ-kheo Thường Hoan đệ tử của Đức Như Lai Tận Thắng là ai chăng? Đó chính là Ta, còn phu nhân Thiện Huyền chính là con gái của Bà-la-môn, tên là Chiên-sa.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lúc bấy giờ Ta vô cớ phỉ báng vị La-hán Vô Thắng. Vì tội ác ấy, nên trong vô số ngàn năm Ta ở trong địa ngục chịu những sự đau khổ. Nay Ta đã thành Phật, đang nói pháp cho sáu vị ngoại đạo sư, các chúng Tỳ-kheo, người đã dứt sạch các lậu hoặc, người chưa dứt sạch các lậu hoặc, và các vua chúa, quan dân, thanh tín sĩ và thanh tín nữ nghe thì do tai ương thuở xưa còn sót lại, nên bị cô gái đặt điều độn bình đựng nước vào bụng, đến trước Ta nói rằng: “Này ông Sa-môn, sao ông không nói việc nhà mình mà nói việc của người khác làm gì, bây giờ chỉ mình ông vui sướng chứ đâu biết nỗi khổ của tôi?! Vì sao? Vì trước đây ông tư thông với tôi, làm cho tôi mang thai. Nay sắp đến ngày sinh nở, tôi cần có bơ, dầu để nuôi đứa bé. Ông phải cung cấp tất cả những thứ ấy cho tôi!”

Bấy giờ chúng hội đều cúi đầu im lặng. Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân đứng hầu quạt phía sau Đức Phật, dùng thần lực hóa thành một con chuột, chạy vào trong áo cô ta cắn đứt sợi dây buộc cái bình, làm cho cái bình tự nhiên rơi xuống đất.

Lúc ấy bốn chúng đệ tử và học trò của sáu vị giáo chủ ngoại đạo thấy cái bình rơi xuống đất đều hết sức hớn hở, thốt lên những lời vui mừng, hân hoan vô cùng, đều đồng thanh mắng nhiếc cô gái

kia rằng: “Này đồ chết tiệt, sao lại đem cái vật tội lỗi, với ác ý, hòng phỉ báng sự thanh tịnh, vô thượng chánh chân như thế? Mặt đất này vô tri, há có thể dung chứa con người tội ác đến như vậy sao?!”

Mọi người đều nói như vậy, lúc ấy mặt đất liền nứt ra, lửa từ lòng đất phun lên, cô gái liền té xuống đó, rớt thẳng xuống địa ngục lớn A-tỳ. Đại chúng thấy cô gái đang còn sống mà đã rơi vào địa ngục.

Lúc ấy vua A-xà-thế cảm thấy kinh sợ, mình mảy nổi ốc, bèn đứng dậy chấp tay, quỳ thẳng bạch Phật:

–Hiện giờ cô gái ấy đang đọa nơi nào?

Đức Phật trả lời:

–Này Đại vương, hiện giờ cô gái ấy đang đọa trong địa ngục A-tỳ.

Vua A-xà-thế lại hỏi Đức Phật:

–Cô gái ấy không giết người, không trộm cắp, chỉ vì nói dối mà đọa vào địa ngục A-tỳ sao?

Phật bảo vua A-xà-thế:

– Pháp nhân duyên mà Ta nói có hành động của thân, miệng, ý với ba mức độ nặng, vừa, nhẹ.

Vua A-xà-thế lại hỏi:

–Sao gọi là nặng? Sao gọi là vừa? Sao gọi là nhẹ?

Phật bảo vua A-xà-thế:

–Hành động của ý là nặng, hành động của miệng là vừa, hành động của thân là nhẹ.

Vua A-xà-thế lại hỏi Phật:

–Vì sao vậy?

Đức Phật trả lời:

–Hành động của thân hiện ra một cách thô thiển, việc ấy ta thấy được. Hành động của miệng thì tai nghe được. Hai loại hành động ấy người thế gian thấy được, nghe được.

Này Đại vương, về hành động của ý, thì khi nó khởi lên ý niệm ta không thể thấy, không thể nghe được. Đó là những hành động sự việc ở bên trong do chiếc đinh ý đóng chặt.

Nhà vua lại hỏi:

– Ý không thấy được, vì sao lại đóng chặt bởi chiếc đinh ý?

Phật đáp:

– Nếu người nam, người nữ nào thân muốn làm những việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, thì trước tiên họ phải suy nghĩ, rồi trong tâm quyết định khi nào nên hành động, nên đến chỗ nào để hành động.

Phật lại bảo nhà vua:

– Hễ khi con người hành động thì trước tiên là trong tâm suy tính, sau đó mới hành động, cho nên sự suy tính bị đóng chặt bởi chiếc đinh ý, không phải thân và miệng được đóng.

Phật lại bảo nhà vua:

– Nếu miệng phát ngôn, khi miệng muốn phát ngôn, trước tiên ý phải suy nghĩ, hoặc trong đại hội, khi thuyết giảng bàn luận Phật pháp, hoặc khi cùng ngồi xử đoán luật hiện hành. Nếu có người hỏi ta, ta phải phản bác luận thuyết kẻ ấy. “Trong lời ấy chẳng phải là việc đã xong,” nếu có lời nói này, ta sẽ phản bác: “Điều đó là ý khí của người khác nên nói lên lời ấy vậy.” Nếu thực hành ba điều đó thì không nên đấm trước. Lại còn nghĩ kế: “Nên đến đó để đánh nhau”, rằng: “Kẻ ấy muốn giết tôi, phá tôi, hại tôi. Anh phải nghe theo lời tôi, đừng nên tin người kia”. Nếu nói lời hai lưỡi ấy thì thành ra lời luống dối, làm diệt mất chánh pháp, khi chết đi bị đọa vào địa ngục.

Phật bảo nhà vua:

– Cho nên miệng phát ra lời nói thì lời nói bị lệ thuộc bởi chiếc đinh ý, chứ không lệ thuộc thân và miệng.

Nhà vua lại hỏi Phật:

– Vì sao vậy?

Phật bảo nhà vua:

– Thân có ba lỗi, miệng có bốn lỗi đều do ý quyết định. Nếu không suy nghĩ thì thân không thể tự làm được. Cho nên thân và miệng bị lệ thuộc bởi chiếc đinh ý.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Trong ý suy nghĩ kỹ

Thân, miệng mới hành động

*Thân, miệng vờ xấu hổ
 Tâm ý không hổ thẹn.
 Ý phải xấu hổ trước
 Thân, miệng xấu hổ sau
 Thân, miệng không lừa ý
 Không thể tự hành động.*

Bấy giờ vua A-xà-thế nghe Đức Phật nói pháp, buồn thương rơi lệ. Đức Phật hỏi nhà vua:

– Vì sao vua khóc?

Nhà vua thưa:

– Vì chúng sinh không có trí tuệ, không hiểu ba việc này, nên thường bị tổn hại, vì thế con rất buồn. Chúng sinh này chỉ cho rằng thân, miệng là quan trọng mà không biết ý mới là sâu xa. Bạch Thế Tôn, con vốn cho rằng thân, miệng là quan trọng, còn ý là tầm thường. Nay nghe Phật dạy mới biết ý là quan trọng; thân, miệng là thứ yếu.

Phật hỏi nhà vua:

– Vì sao trước kia vua cho là thân, miệng là quan trọng, ý là tầm thường. Nay mới biết ý là quan trọng mà thân, miệng là thứ yếu?

Vua lại bạch Phật:

– Hễ người sát sinh, thì mọi người đều thấy được, hoặc trộm cắp, dâm dật thì mọi người cũng thấy được; ba việc này của thân, thiên hạ đều thấy biết. Miệng nói lời dối gạt, độc ác, hai lưỡi, lời nói thêm bớt, bốn việc này của miệng, thiên hạ cũng đều nghe được. Còn ba việc của ý thì tai không nghe được, mắt không thấy được, vì vậy mà chúng sinh cho việc mắt thấy, tai nghe là quan trọng. Còn nay con nghe Phật dạy mới biết tâm ý là quan trọng, còn thân, miệng là thứ yếu. Vì vậy hành động của thân, miệng lệ thuộc bởi ý.

Đức Phật lại hỏi nhà vua:

– Vì sao vua biết ý là quan trọng, hành động của thân và miệng lệ thuộc bởi ý?

Vua bạch Phật:

– Cô gái đặt điều muốn hủy báng Phật, trước tiên tâm phải suy nghĩ, mới lấy chiếc bình độn trước bụng, rồi ở trước đại chúng mới

vu khống như vậy. Nay con nghe lời Phật dạy cho nên con biết ý là quan trọng mà thân, miệng là thứ yếu.

Đức Phật bảo:

–Này Đại vương, vì sao bây giờ vua hiểu được ý là quan trọng mà thân, miệng là thứ yếu?

Nhà vua thưa:

–Giả sử khi muốn làm việc gì, trước hết tâm phải suy nghĩ, sau đó thân, miệng mới hành động, cho nên con biết ý là quan trọng mà thân, miệng là thứ yếu.

Đức Phật nói:

–Hay lắm! Hay lắm! Này Đại vương, Đại vương đã hiểu rõ việc này, vậy phải thường tu học như vậy, ý là quan trọng, còn thân, miệng là thứ yếu.

Khi Đức Phật nói pháp này, trong chúng có tám mươi vị Tỳ-kheo dứt hết lậu hoặc, tâm ý mở tỏ, hai trăm vị Tỳ-kheo được đạo Ana-hàm, bốn trăm vị Tỳ-kheo được đạo Tư-đà-hàm, tám trăm vị Tỳ-kheo được đạo Tu-đà-hoàn, tám vạn vị trời và người đều được Pháp nhãn thanh tịnh, mười vạn người và chẳng phải loài người đều thọ năm giới, hai mươi vạn quỷ, thần cây thọ Tam tự quy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ về nhân duyên đời trước:

*Thời Như Lai Tận Thắng
Ta, Tỳ-kheo Đa Hoan
Hủy báng Ngài Vô Thắng
Mãi đọa trong địa ngục.
Do nhân duyên sót lại
Cô gái đặt điều đến
Đứng ở trước đại chúng
Nói lời hủy báng Ta.
Oan xưa không mất đi
Cũng chẳng tan trong không
Phải giữ ba nhân duyên
Thân, miệng, ý đừng phạm.
Nay Ta thành Phật đạo*

*Lại làm tướng ba cõi
 Tại suối lớn A-nậu
 Tự nói chuyện đời trước.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã dứt hết, các điều thiện đã đầy đủ. Đối với các Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân, tất cả chúng sinh, Ta đều muốn độ thoát. Vậy mà vẫn không tránh khỏi nhân duyên đời trước này, huống gì là những người si mê chưa đắc đạo? Nay Xá-lợi-phất, phải giữ gìn thân, miệng, ý.

Đức Phật dạy như vậy xong, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, tám bộ Quỷ thần nghe Đức Phật dạy xong vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

9- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC PHẢI ĂN LÚA NGỰA

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại con suối lớn A-nậu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là những bậc A-la-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, cách nay rất lâu, khi ấy có một vị Phật tên là Tỳ-bà-diệp Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là Bậc Thiệu Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, ngự trong thành Bàn-đầu-ma-bạt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo mười sáu vạn tám ngàn vị.

Vua tên là Bàn-đầu, cùng với các quan, thứ dân, thanh tín sĩ và thanh tín nữ, đem bốn thứ cúng dường Đức Như Lai Tỳ-bà-diệp và chúng Tăng chẳng thiếu thứ gì. Khi ấy, trong thành có một vị Bà-la-môn tên là Nhân-đề-kỳ-lợi, hiểu rộng bốn bộ sách (Phệ-đà) của Phạm chí; ông còn biết về pháp thuật của Bà-la-môn. Ông dạy học năm trăm đồng tử.

Bấy giờ nhà vua mở hội, trước tiên thỉnh Đức Phật, Đức Phật

im lặng nhận lời. Nhà vua trở về cung chuẩn bị các thức ăn ngon và sắp đặt ghế ngồi, trải thảm nỉ khắp mặt đất, xong xuôi nhà vua bưng lò hương, quỳ thẳng trên tòa, bạch:

–Đã đến giờ, cúi mong Đức Thế Tôn quang lâm.

Khi ấy, Đức Phật Tỳ-bà-diệp thấy đã đến giờ, liền bảo đại chúng mặc y ôm bát, vào cung thọ thỉnh. Bấy giờ, đại chúng vây quanh, đi đến cung vua, mỗi vị đều an tọa. Nhà vua liền cho dọn bày thức ăn. Tự tay vua dâng các thức ăn ngon để cúng dường. Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên Di-lặc bị bệnh, không đi phó trai được.

Phật và đại chúng thọ thực xong, liền trở về. Khi trở về, các ngài đều mang thức ăn về cho các Tỳ-kheo bệnh. Lúc các ngài đi ngang qua hòn núi nơi vị Phạm chí ở, ông ta thấy thức ăn ngon, liền sinh lòng ganh ghét, nói rằng:

–Sa-môn trọc đầu này, chỉ đáng ăn lúa ngựa, chứ không nên ăn các thức ăn ngon này.

Ông bảo các đệ tử:

–Các người có thấy gã đạo nhân trọc đầu này ăn toàn những thức ăn ngon bổ chẳng?

Các đệ tử thưa:

–Vâng chúng con có thấy. Thầy trò của bọn người này phải ăn lúa ngựa mới đúng.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy có biết vị Bà-la-môn ở núi Chúa lúc bấy giờ nay là ai chẳng? Chính là Ta vậy. Còn năm trăm đệ tử lúc đó thì nay là năm trăm vị La-hán này. Còn Tỳ-kheo Di-lặc bị bệnh lúc ấy thì nay là Bồ-tát Di-lặc này.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lúc ấy vì Ta có tâm ganh ghét nói rằng: “Bọn người này không nên ăn những thức ăn ngon ngọt. Họ nên ăn lúa ngựa mới phải” và các thầy cũng nói như vậy, do đó Ta và các thầy trải qua vô số ngàn năm ở trong địa ngục. Nay Ta tuy đã thành Phật, nhưng vì nghiệp duyên đời trước còn sót lại, nên Ta và các người phải ăn lúa ngựa trong chín mươi ngày tại ấp Tỳ-lan. Lúc ấy Ta không nói: “Cho

Phật ăn lúa ngựa”. Ta chỉ nói: “Cho các Tỳ-kheo ăn lúa ngựa”. Vì vậy cho nên nay Ta được ăn lúa đã làm sạch. Vì các thầy lại nói thêm: “Nên cho Phật ăn lúa ngựa”, cho nên nay các thầy phải ăn lúa ngựa chưa sạch vỏ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ về nhân duyên đời trước:

*Xưa, Ta là Phạm chí
Sở học rất sâu rộng
Dạy năm trăm đệ tử
Ở tại trong rừng cây
Vào thời Phật Tỳ-diệp
Mắng nhiếc các Tỳ-kheo:
“Không nên ăn đồ ngon
Chỉ nên ăn lúa ngựa”.
Các đệ tử cũng nói:
“Đúng như lời thầy dạy,
Cả thầy trò bọn chúng
Đều nên ăn lúa ngựa”.
Do nhân duyên như vậy
Mãi chịu khổ địa ngục.
Tai ương xưa sót lại
Cùng năm trăm Tỳ-kheo
Khi Bà-la-môn thỉnh
Nhóm tại ấp Tỳ-lan
Cùng nhau ăn lúa ngựa
Trong suốt chín mươi ngày.
Nhân duyên không mất đi
Cũng không tan trong không
Nên giữ ba nhân duyên
Thân, miệng, ý chớ phạm.
Nay Ta thành Phật đạo
Lại làm tướng ba cõi
Tại suối lớn A-nậu
Tự nói chuyện đời trước.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã dứt hết, các điều thiện đã đầy đủ. Đối với các Trời, Rồng, Quỷ thần, vua chúa, quan dân tất cả chúng sinh Ta đều muốn hóa độ họ. Vậy mà vẫn không thoát khỏi tai ương đời trước còn sót lại, huống gì là những người si mê chưa đắc đạo?!

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy nên tu học và giữ gìn ba nhân duyên, chớ phạm lỗi của thân, miệng, ý. Nay Xá-lợi-phất, phải tu học như vậy

Đức Phật dạy như vậy xong, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, Rồng lớn đầu đàn A-nậu, tám bộ Quỷ thần nghe Đức Phật dạy đều vui mừng lãnh thọ thực hành.

M

10- KINH PHẬT NÓI VỀ NHÂN DUYÊN KIẾP TRƯỚC CỦA SỰ KHỔ HẠNH

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Phật ngự tại con suối lớn A-nậu cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, đã chứng được sáu thứ thần thông, chỉ trừ Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thuở xưa, tại thành Ba-la-nại, cách thành không xa có ấp Đa thú, trong ấp có một vị Bà-la-môn là quan Thái sử của nhà vua, là bậc nhất trong nước. Vị quan này có một người con, trên đầu tự nhiên có vòng lửa (hỏa man), do đó được đặt tên là Hỏa Man, tướng mạo khôi ngô, có ba mươi tướng tốt. Các sách vở của Phạm chí, Đồ thư, Sấm ký... loại nào cũng thông hiểu. Cấm giới của ngoại đạo và các phương thức tính toán đều học tập thấu suốt.

Bấy giờ, có con người thợ gốm tên là Nan-đề-bà-la (Hộ Hỷ), vốn là bạn thân với Hỏa Man từ nhỏ. Trong lòng họ kính trọng nghĩ nhớ đến nhau, dù giây lát cũng không quên nhau. Con người thợ gốm thì tinh tấn, mạnh mẽ, nhân từ, hiếu thuận. Cha mẹ đều mù, chàng phải nuôi nấng cha mẹ, lo lắng chẳng thiếu vật gì. Nan-đề-bà-la tuy là thợ làm đồ gốm, nhưng tay chàng không đào đất, cũng không bảo người khác đào, chàng chỉ lấy đất vách tường lở, bờ sập và đất chuột đào nhồi lại làm đồ dùng, đẹp đẽ không thứ đồ sứ nào sánh bằng. Nếu có người nam hay người nữ đến mua các đồ gốm ấy, họ chỉ cần để lại lúa mạch, mè, đậu ở đó rồi lấy đồ gốm đi. Từ đầu chàng đã không định giá trước, cũng không lấy vàng bạc, của cải, vải vóc, mà chỉ lấy lúa gạo để nấu ăn mà thôi.

Tình xá nơi Đức Như Lai Ca-diếp an trụ cách ấp Đa thú không xa, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm hai vạn người, đều là bậc A-la-hán. Hộ Hỷ nói với Hỏa Man rằng:

–Chúng ta cùng nhau đến viếng thăm Đức Như Lai Ca-diếp chứ?

Hỏa Man đáp:

–Hộ Hỷ đến viếng thăm gã đạo nhân trọc đầu ấy làm gì? Con

người thợ đầu ấy làm gì có đạo? Phật đạo rất khó được gặp.

Chàng nói như vậy cho đến ba lần. Ngày hôm sau, Hộ Hỷ lại nói với Hỏa Man:

–Chúng ta cùng đến bờ sông để tắm rửa chứ?

Hỏa Man đáp:

–Đồng ý!

Nói xong, họ liền cùng nhau đến bờ sông để tắm rửa, rồi mặc y phục. Hộ Hỷ cầm cục đá trên tay, chỉ về phía xa, bảo bạn:

–Tinh xá nơi Đức Như Lai Ca-diếp an trú cách đây không xa, chúng ta hãy đến thăm Ngài một lát nhé!

Hỏa Man đáp:

–Hộ Hỷ đến viếng thăm gã đạo nhân thợ đầu ấy làm gì? Đạo nhân thợ đầu ấy làm gì có đạo? Phật đạo rất khó được gặp!

Hộ Hỷ bèn nắm áo Hỏa Man kéo đi, bảo:

–Chúng ta hãy đến chỗ Phật Ca-diếp. Đức Phật ở gần đây lắm!

Hỏa Man liền cởi áo bỏ chạy, Hộ Hỷ liền đuổi theo, nắm dây buộc lưng bảo:

–Chúng ta có thể đến gặp Phật chốc lát rồi trở về được không?

Hỏa Man lại cởi dây lưng bỏ chạy, bảo:

–Tôi không muốn gặp gã Sa-môn thợ đầu ấy.

Hộ Hỷ liền nắm đầu chàng kéo đi, bảo:

–Hãy cùng nhau đến gặp Đức Phật một lần rồi hãy về!

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tục lệ nước Ba-la-nại thời ấy quy định không được nắm đầu người khác, hễ ai nắm đầu người khác thì bị tử hình.

Lúc ấy, trong lòng Hỏa Man rất đổi kinh hãi, nghĩ rằng: “Con của người thợ gốm này lẽ nào chịu tội chết mà nắm đầu ta sao?”.

Hộ Hỷ bảo Hỏa Man:

–Vì bạn mà tôi chịu tội chết cũng chẳng ân hận gì, miễn là làm sao cho bạn được ra mắt Đức Phật là tôi vui rồi!

Hỏa Man nghĩ: “Chuyện này chẳng phải nhỏ, chắc hẳn phải có việc gì tốt mới khiến cho bạn ta chịu chết mà nắm đầu như vậy”.

Anh nói:

–Hãy thả đầu tôi ra, tôi sẽ theo anh.

Hộ Hỷ liền thả ra, Hỏa Man bèn trở về bới tóc, thay áo cùng đi với bạn đến chỗ Đức Phật Ca-diếp. Hộ Hỷ đánh lễ dưới chân Đức Như Lai Ca-diếp rồi ngồi qua một bên, còn Hỏa Man thì đứng thẳng, giơ tay chào hỏi mà thôi, rồi ngồi xuống một bên. Hộ Hỷ chấp tay bạch Đức Phật Ca-diếp:

–Bạch Đức Thế Tôn, anh Hỏa Man này là con của quan Thái sử trong ấp Đa thú, là bạn thân của con từ thời thơ ấu, nhưng anh ta không biết Tam tôn, không tin Tam bảo, không thấy Phật, không nghe Pháp, không cúng dường chúng Tăng. Cúi mong Đức Thế Tôn khai hóa cho sự si mê tối tăm, làm cho anh ấy tin hiểu.

Bấy giờ đồng tử Hỏa Man nhìn kỹ Đức Phật từ đầu xuống chân, từ chân lên đầu, thấy Đức Phật tướng tốt, oai nghi vòi vọi, các căn vắng lặng, thuần thực, điều hòa, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, giống như hoa cây Sa-la. Thân Ngài giống như núi Tu-di, không thể thấy được đánh đầu Ngài. Mặt Ngài sáng như trăng rằm, ánh sáng chiếu soi như mặt trời giữa ban ngày, màu thân như núi vàng. Thấy tướng tốt của Phật, Hỏa Man liền suy nghĩ: “Sách Sấm Ký của Phạm chí có ghi chép về tướng tốt, nay Đức Phật có đủ các tướng ấy, chỉ có hai tướng là ta không thấy được”. Bấy giờ Hỏa Man dùng kệ hỏi:

*Con nghe Bạc Đại Sĩ
 Có ba hai tướng tốt
 Tôn quý giữa loài người
 Nhưng không thấy hai tướng
 Vậy thân Bạc Trượng Phu
 Có Mã âm tàng chẳng?
 Và có lưỡi rộng dài
 Che đến mí tóc chẳng?
 Xin Ngài thè lưỡi ra
 Để con hết nghi ngờ
 Thấy rồi con mới biết
 Có đúng như kinh chép.*

Bấy giờ Đức Như Lai Ca-diếp liền thè tướng lưỡi rộng dài ra

che phủ cả mặt, lên tới nhục kế, qua hai lỗ tai. Bảy lần đưa lưỡi lên đầu rồi thu lưỡi vào miệng. Ánh sáng trong thân Ngài phát ra chiếu khắp cả đại thiên thế giới, lấn át ánh sáng mặt trời, mặt trăng, cho đến cõi trời A-ca-nị-tra, ánh sáng trở lại xoay quanh thân Ngài bảy vòng rồi nhập vào đỉnh đầu của Ngài.

Đức Như Lai Ca-diếp dùng năng lực thần túc hiện tướng Mã âm tàng, chỉ cho một mình Hỏa Man thấy, người khác không thấy.

Đồng tử Hỏa Man thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, chẳng thiếu tướng nào nên hơn hởi vui mừng, không kiềm chế được.

Đức Như Lai Ca-diếp liền nói pháp cho đồng tử Hỏa Man nghe. Ngài nói về pháp đoạn mất công đức của Bồ-tát. Thế nào là đoạn mất công đức của Bồ-tát? Đó là thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Việc mà thân không nên làm lại làm, lời mà miệng không nên nói lại nói, điều mà ý không nên nghĩ lại nghĩ.

Thế nào là việc mà thân không nên làm lại làm của Bồ-tát? Đó là sau này khi thành Phật, thì thân hình thấp lùn, nhỏ con. Nay người thuộc dòng họ giàu sang, đó là quả báo của việc mà thân không nên làm lại làm của Bồ-tát.

Thế nào gọi là lời mà miệng không nên nói lại nói của Bồ-tát? Đó là sau này khi xuất gia học đạo, nỗ lực cần khổ mới được thành Phật. Nay người thuộc dòng họ giàu sang, đó là quả báo của lời mà miệng không nên nói lại nói của Bồ-tát.

Thế nào gọi là điều mà ý không nên nghĩ lại nghĩ của Bồ-tát? Đó là Bồ-tát sau này khi thành Phật, chúng Tăng trong Tăng đoàn thường không hòa hợp, bất cứ ở đâu cũng cãi nhau những chuyện đúng sai, phải trái. Nay người thuộc dòng họ giàu sang, đó là quả báo của điều mà tâm không nên nghĩ lại nghĩ của Bồ-tát.

Nay người thuộc dòng họ giàu sang, đó là quả báo về ba hành vi ác của Bồ-tát. Nay người thuộc dòng họ giàu sang, hãy bỏ những điều ấy.

Bấy giờ đồng tử Hỏa Man liền bước tới đảnh lễ dưới chân Đức Phật, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

–Nay con xin sám hối những việc mà thân không nên làm lại

làm, những lời miệng không nên nói lại nói, những điều tâm không nên nghĩ lại nghĩ. Cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận sự sám hối của con. Từ nay về sau, con không dám phạm nữa!

Đồng tử sám hối cho đến ba lần như vậy. Đức Như Lai Ca-diếp im lặng nhận lời. Đồng tử Hỏa Man, đồng tử Hộ Hỷ cùng đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật, từ giã ra về. Trên đường trở về đồng tử Hỏa Man bỗng nghĩ đến ba ác báo, liền bảo Hộ Hỷ:

–Anh bị mất lợi ích, không được lợi ích. Anh làm điều không có lợi, không làm điều có lợi. Tôi không muốn nhìn mặt anh nữa, tôi không muốn nghe nói đến tên anh nữa!

Hộ Hỷ hỏi:

–Vì sao vậy?

Hỏa Man đáp:

–Anh sớm theo Đức Phật Ca-diếp, được nghe Pháp bảo sâu xa, tại sao vẫn ở nhà mà không xuất gia?

Hộ Hỷ đáp:

–Anh không biết là cha mẹ tôi già cả, lại bị mù lòa, tôi phải nuôi nấng, săn sóc song thân, làm sao xuất gia được? Tôi cũng muốn xuất gia từ lâu, tôi sẽ xuất gia hành đạo khi nào cha mẹ tôi qua đời. Vì vậy nên tôi chưa muốn xuất gia.

Hỏa Man nói với Hộ Hỷ:

–Tôi nhờ theo Đức Phật Ca-diếp, được nghe Ngài nói về nhân duyên quả báo của Bồ-tát khi gây ra ba hành vi xấu ác, nên tôi không thích sống ở nhà nữa, tôi muốn ngay bây giờ trở lại chỗ Đức Phật để xin làm Tỳ-kheo.

Hộ Hỷ hỏi rằng:

–Lành thay! Lành thay! Hỏa Man nhờ sức mạnh của tư duy mới có thể trở lại với Phật đúng lúc. Vì sao? Vì Phật ra đời khó gặp.

Đồng tử Hỏa Man liền ôm Hộ Hỷ, sau đó nhiễu quanh ba vòng, chấp tay tạ lỗi:

–Nếu thân, miệng, ý của tôi có lỗi với anh, mong anh tha thứ! Anh đã khổ nhọc chỉ cho tôi đạo lớn chánh chân.

Bấy giờ Hỏa Man nói kệ khen ngợi bạn:

Lòng nhân là bạn lành

*Không tham là bạn pháp
 Dẫn tôi đến chánh đạo
 Bạn này được Phật khen!*

Đồng tử Hỏa Man nói kệ xong, bèn nhiễu quanh Hộ Hỷ ba vòng rồi trở lại tinh xá của Phật Ca-diếp, cúi đầu lạy dưới chân Phật, quỳ hai gối sát đất, chấp tay bạch Phật:

–Con có được phép cạo tóc, nhập đạo, thọ giới cụ túc với Đức Như Lai Ca-diếp chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đức Như Lai Ca-diếp bấy giờ liền hóa độ đồng tử Hỏa Man, truyền trao giới cụ túc.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy biết đồng tử Hỏa Man lúc bấy giờ là ai chăng? Chính là Ta ngày nay. Cha của Hỏa Man lúc bấy giờ nay chính là vua cha Chân Tịnh. Còn đồng tử Hộ Hỷ, thợ gốm lúc bấy giờ, nay chính là người mà lúc Ta làm Thái tử, đang ở tại cung thể nữ, vào lúc nửa đêm, làm Thiên tử Bình, đến bảo Ta rằng: “Đã đến lúc, hãy xuất gia học đạo đi!”.

Đức Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất, Hộ Hỷ cứ khuyên Ta xuất gia mãi, đó chính là vị Thiện tri thức làm cho Ta được đến với đạo.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lúc trước Ta đã nói lời ác với Hộ Hỷ là: “Phật Ca-diếp là Sa-môn trọc đầu làm gì có Phật đạo, Phật đạo rất khó được”. Do lời nói ác ấy, nên đến khi sắp thành Phật mà Ta còn phải chịu khổ hạnh trong sáu năm. Này Xá-lợi-phất, lúc ấy, mỗi ngày Ta ăn một hạt mè, hạt lúa, hạt đậu xanh, hạt đậu đỏ. Tuy Ta chịu sự đắng cay như vậy, nhưng chẳng có lợi ích gì đối với đạo pháp cả. Ta đã chịu đựng sự khổ của đói, khát, lạnh, nóng, mưa, gió, muỗi mòng, thân hình khô đét gầy còm. Ta cho rằng mình đã thành Phật đạo, nhưng thật ra chẳng chứng đắc được gì.

Này Xá-lợi-phất, Ta tu hành khổ hạnh sáu năm, đó là đền trả nhân duyên kiếp trước, sau đó mới thành A-nậu-tam-da-tam-bồ-a-

duy-tam-phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ về nhân duyên đời trước:

*Xưa, Ta là Hỏa Man
Nói với Hộ Hy rằng:
“Gã trọc đầu có Phật,
Phật đạo rất khó được.”
Do nhân duyên như vậy
Suốt trong sáu năm dài
Chịu đựng sự khổ hạnh
Mong được thành Phật đạo.
Không cho là khổ hạnh
Có thể thành Phật đạo
Mong cầu bằng phi đạo
Nhân duyên tự trời buộc.
Duyên xưa không mất đi
Cũng chẳng tan trong không
Phải giữ ba nhân duyên
Thân, miệng, ý chớ phạm.
Nay Ta thành Phật đạo
Được làm tướng ba cõi
Tại suối lớn A-nậu
Tự nói chuyện đời trước.*

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thầy hãy xem Đức Như Lai, các điều ác đã dứt hết, các điều thiện đã đầy đủ. Đối với các Trời, người, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, tất cả chúng sinh, Ta đều muốn hóa độ cho họ. Vậy mà Ta vẫn không thoát khỏi nghiệp duyên đời trước, huống chi là những người si mê, tối tăm chưa đắc đạo!

Này Xá-lợi-phất, thầy phải tu học giữ gìn ba lỗi của thân, bốn lỗi của miệng và ba lỗi của ý. Này Xá-lợi-phất, phải tu học như vậy.

Khi Phật nói về nhân duyên đời trước của Đức Như Lai thì một vạn, một ngàn vị trời chứng quả Tu-đà-hoàn. Tám ngàn con rồng đều thọ năm giới; năm ngàn Dạ-xoa thọ Tam tự quy.

Lúc bấy giờ, rồng lớn đầu đàn A-nậu chấp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nhận sự cúng dường của con ngay trên con suối này. Ngài nói pháp nhân duyên đời trước, khiến cho đời tương lai khi con thành Phật, tránh khỏi được nhân duyên như vậy, làm cho con dứt sạch các điều ác, thành Chân Tịnh Như Lai.

Phật bảo rồng lớn đầu đàn A-nậu:

–Nếu người muốn được như điều nguyện ấy thì phải hết sức giữ gìn thân, miệng, ý đừng để trái phạm thì người mới có thể đạt được như điều mong ước trên, các điều ác diệt hết, thành Chân Tịnh Như Lai.

Rồng lớn đầu đàn A-nậu nghe Đức Phật dạy như vậy, hớn hở vui mừng, bèn rải hương chiên-đàn cõi trời lên thân Phật và năm trăm vị La-hán.

Bấy giờ Đức Phật nói pháp an ủi các Trời, Rồng, Quỷ thần nghe. Sao gọi là pháp an ủi? Đó là thực hành pháp bố thí, thực hành pháp trì giới, thực hành pháp sinh lên cõi trời, thực hành pháp đoạn dục, thực hành pháp dứt trừ ba đường ác, thực hành pháp vô lậu, thực hành pháp thanh tịnh.

Đức Phật nói như vậy xong, Ngài cùng các Tỳ-kheo rời khỏi tòa hoa đang ngồi. Các Tỳ-kheo vây quanh Đức Phật vọt lên hư không, cao đến bảy cây Đa-la, bay đi bằng thần túc, giống như con chim bay lượn trên mây, rồi từ từ trở về tinh xá Trúc viên ở thành La-duyệt-kỳ.

Khi Đức Phật nói pháp xong, Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm vị La-hán, rồng lớn đầu đàn A-nậu, tám bộ quỷ thần thấy đều vui mừng lãnh thọ thực hành.



SỐ 198

PHẬT NÓI KINH NGHĨA TỨC¹

*Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm,
người nước Nguyệt chi.*

QUYỂN THƯỢNG

1- KINH VUA KIỆT THAM

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một vị Phạm chí sở hữu một miếng đất rộng lớn, nằm giữa rừng cây của thái tử Kỳ-đà, lúa đã chín vàng sắp gặt nay mai. Sáng sớm thức dậy, vị Phạm chí đã ra ruộng, đứng trên bờ, từ xa nhìn thấy lúa trĩu hạt đầy đồng nên trong lòng sung sướng, tự nghĩ mong ước đã thành, cứ ngắm mãi không sao dời bước được.

Đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo vào thành khát thực, từ xa trông thấy vị Phạm chí vui sướng như vậy liền bảo các vị Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy vị Phạm chí kia chăng?

Các vị Tỳ-kheo đều thưa:

–Dạ thấy.

Đức Phật im lặng đi vào thành. Sau khi khát thực xong, mỗi vị đều trở về tinh xá. Ngay trong đêm đó trời đổ một cơn mưa đá rất lớn làm cho cả ruộng lúa hư sạch. Vị Phạm chí có một người con gái cũng bị chết đuối vào đêm ấy. Do vậy, vị Phạm chí trong lòng đầy

¹. Quyển Thượng có mười kinh, quyển Hạ gồm mười sáu kinh.

nổi đau đớn, ưu sầu, phiền muộn, kêu gào khóc mãi.

Hôm sau, các vị Tỳ-kheo lại ôm bát vào thành khát thực, nghe thấy vị Phạm chí bị tai họa ấy gào khóc rất bi thảm mà chẳng có vị Sa-môn, Phạm chí hay người nào trong nước có thể khuyên giải làm vơi đi nỗi đau sâu của ông ta. Sau khi khát thực, các vị Tỳ-kheo, trở về, đến nơi Đức Phật ngự, đánh lễ bạch thưa lại tâm trạng của vị Phạm chí như thế.

Các Tỳ-kheo vừa thưa xong thì vị Phạm chí khóc la đi đến nơi Đức Phật, đánh lễ thưa hỏi xong liền ngồi một bên Ngài. Đức Phật biết nguồn gốc ưu sầu trong tâm ông nên bảo với vị Phạm chí:

– Thế gian này có năm việc không sao tránh khỏi được, cũng không thể giải tỏa được. Năm việc ấy là gì?

1. Mọi sự vật đều phải bị hao tổn suy giảm. Muốn làm cho không hao tổn, không suy giảm, điều đó không thể được.

2. Mọi sự vật đều phải bị mất mát. Muốn làm cho không mất mát, điều ấy không thể được.

3. Mọi sự vật đều phải bị ốm đau. Muốn làm cho không ốm đau, điều ấy không thể được.

4. Mọi sự vật đều phải bị già yếu, suy hoại. Muốn làm cho không già yếu, không suy hoại, điều ấy không thể được.

5. Mọi sự vật đều phải bị chết, mất đi. Muốn làm không bị chết, không bị mất đi, điều ấy không thể được.

Đối với người không có đạo hạnh, không có trí tuệ thâm suy, hễ thấy việc hao tổn, suy giảm, mất mát, già, bệnh, chết chóc đến với mình lập tức sinh lòng sầu khổ, bi thương, bức rức, phiền muộn. Điều ấy chỉ làm tổn hại thân thể, chẳng ích lợi gì. Vì sao vậy? Vì không được nghe, không tỏ tường chân lý nên mới bị như vậy. Nay Phạm chí, Ta biết rằng người hiểu chân lý, khi gặp sự hao tổn, suy giảm, sự mất mát, già bệnh, chết đến với mình, họ chẳng vì thế lo buồn. Vì sao vậy? Vì họ đã được nghe, đã tỏ tường sự thật nên mới được như vậy. Không phải chỉ có gia đình ông mới bị hao tổn, tất cả mọi gia đình trên thế gian đều như thế. Đã là đời thì phải có hao tổn, làm sao một mình ông tránh khỏi? Người có trí hiểu rõ sự thật biết thâm suy nên tự nghĩ: “Ta nay bị hao tổn, lòng ta đau buồn, ngồi mãi mệt mỏi,

không ăn uống, mặt mày tiêu tụy, kẻ thù ta thấy vậy vui mừng, họ hàng ta lo lắng, gia đình ta buồn rầu chỉ vì ta chẳng suy nghĩ, tìm cách khắc phục sự hao tổn ấy nên không thể phục hồi được”. Nếu người nào đã thấy rõ chân lý ấy là như vậy nên lúc chứng kiến sự hao tổn suy giảm, mất mát, già, bệnh, chết đến thì người ấy hoàn toàn chẳng còn gì để ưu buồn nữa.

Nhân đó, Đức Phật vì Phạm chí nói bài kệ:

*Không nên cất tiếng ưu sầu
Tài sản ít, nhiều đã mất
Đau đớn cũng chẳng ích gì
Kẻ thù trong lòng sung sướng.
Bậc trí hiểu rõ chân lý
Không sầu trước già, bệnh, chết
Kẻ tham sinh khởi phiền não.
Hãy nhìn sắc hoa tươi đẹp
Vô thường như thể tiếng vang
Trên bảo làm sao khỏi chết?
Hiểu rồi không còn ưu não
Niệm hành vượt cả châu báu
Rõ chân lý không theo đuổi.
Người thế gian ai cũng vậy
Lìa ưu sầu, giữ chánh hạnh
Đời này sầu tưởng ích gì?*

Đức Phật lại giảng rộng kinh pháp cho vị Phạm chí, tuần tự giảng về bố thí, trì giới, người làm điều thiện sẽ được sinh lên cõi trời ngay trong hiện tại, người làm ác sẽ không an ổn. Đức Phật biết tâm ý của vị Phạm chí nhu nhuyễn, hướng về chánh đạo liền giảng cho ông về pháp Tứ đế. Tâm Phạm chí được thông suốt, chứng quả Câu Hạng² thứ nhất, như tấm lụa sạch được nhuộm màu sắc rất đẹp. Vị Phạm chí đứng dậy cúi đầu mặt lạy dưới chân Đức Phật, chấp tay

². Câu Hạng thứ nhất: tức quả thứ nhất trong tứ quả Sa-môn, là Tu-đà-hoàn (Pāli: Sotapanna, Sanskrit: Srotāpanna).

thưa:

–Nay con thấy được sự thật như tự soi bóng trong gương. Từ nay về sau, con xin quy y Phật, quy y chư Tỳ-kheo Tăng. Xin Thế Tôn nhận con làm Thanh tín sĩ³, vâng giữ năm giới, suốt đời sống tinh khiết, không phạm giới.

Ông đi nhiều quanh Đức Phật ba vòng rồi ra về. Các vị Tỳ-kheo liền bạch Đức Phật:

–Vui thay! Đức Thế Tôn đã khai mở, tẩy sạch tâm ý của vị Phạm chí, mới khiến ông ta hoan hỷ mà ra về như vậy.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Không phải chỉ lần này Ta mới giải thoát nỗi lo buồn của vị Phạm chí ấy. Trong thời quá khứ lâu xa, ở đất Diêm-phù-lợi có năm vị quân vương. Vị vua thứ nhất tên là Kiệt Tham cai trị đất nước một cách bất chánh. Các vị đại thần và nhân dân đều oán trách việc làm của nhà vua nên cùng nhau tập hợp bàn luận:

–Tất cả gia đình chúng ta đều đem gia binh đến truất phế vua, bảo cho vua phải tự biết các chính sách bất chánh của ông ta đem ra thi hành, đã gây thương hại cho muôn dân. Nếu vua không cấp tốc ra khỏi nước ắt phải bị sát hại.

Nhà vua nghe được tin ấy, lòng vô cùng sợ hãi, toàn thân run lập cập, lông tóc đều dựng đứng vội lên xe đào tẩu ra khỏi nước. Trong cảnh cùng khốn, vua phải làm nghề cắt cỏ bán để sống. Các vị đại thần và nhân dân tôn vị vương đệ lên làm vua để việc chính trị trong nước không làm rối loạn muôn dân.

Cựu vương Kiệt Tham nghe em mình lên ngôi vua, trong lòng vui sướng, trù tính, rằng:

–Ta có thể đến chỗ em ta cầu xin có thể tìm được cách sinh sống.

Ông liền dâng thơ trình bày đầy đủ mọi việc, xin vua ban cho một ấp để có thể tự nuôi sống. Thương xót ông đang bị tai họa, đức vua liền ban cho. Khi đã cai trị được một ấp ông lại xin hai ấp, rồi

³. Thanh tín sĩ: tức nam Phật tử tại gia, còn gọi là Cận sự nam, Ưu-bà-tắc (Pāli và Sanskrit: Upasaka).

bốn, năm cho đến mười ấp; từ hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi cho đến một trăm ấp; từ hai trăm cho đến năm trăm ấp rồi ông lại xin phân nửa vương thổ, nhà vua vẫn giao cho ông cai trị. Sau khi cai trị một thời gian dài, Kiệt Tham nảy sinh ý nghĩ: “Ta hãy đem quân đội nửa nước này công phạt nước của vương đệ” và ông chiến thắng, chiếm lại toàn vẹn lãnh thổ trước đây. Nhà vua lại nghĩ: “Nay vì sao ta lại không đem binh sĩ toàn quốc chinh phạt hai nước, ba nước, bốn nước”. Vua liền đem quân chinh phạt và đều đại thắng nên thống trị thêm bốn nước. Vua vẫn nghĩ: “Nay tại sao ta không đem quân của bốn nước đánh nước thứ năm?” Nghĩ xong, vua liền đem quân chinh phạt và lại chiến thắng. Lúc đó tất cả đất đai và bốn biển đều thuộc về vua. Nhà vua liền đổi hiệu, tự phong là Đại Thắng Vương.

Trời Đế Thích muốn thử xem vua đã biết nhàm chán chưa, nên hiện thân làm một cậu bé Phạm chí, họ là Cù-di muốn được yết kiến nhà vua. Ngài búi tóc, chống gậy vàng, ôm bát vàng đứng trước cung điện. Người giữ cửa vào tâu đức vua:

– Bên ngoài có một vị Phạm chí, họ là Cù-di, mong được yết kiến bệ hạ.

Vua nói:

– Rất hay!

Vua liền mời vị Phạm chí ngồi ở trước. Cùng nhau thăm hỏi xong, Phạm chí tâu với vua:

– Tôi từ vùng duyên hải đến đây thấy có một nước lớn giàu có, sung sướng, nhân dân phồn thịnh, có nhiều châu báu, ngài có thể đến đó để chinh phạt không?

Nhà vua tuy đã đầy đủ nhưng vẫn muốn chiếm lấy nước ấy nên nói:

– Ta rất muốn chiếm được nước ấy.

Vua trời Đế Thích bảo:

– Xin vua hãy trang bị thật nhiều thuyền bè, chuẩn bị quân đội chờ tôi. Sau bảy ngày, tôi sẽ dẫn vua đến đó.

Nói xong, trời Đế Thích liền biến mất. Đến ngày hẹn, nhà vua

liền khởi đại binh, chuẩn bị nhiều thuyền bè nhưng không thấy vị Phạm chí đến. Nhà vua buồn rầu không vui, vỗ đùi nói:

–Tức thay, ta nay đã mất vương quốc rộng lớn ấy! Nếu gặp Cù-di, lo gì không lấy được nước ấy. Đã đến ngày hẹn, mà sao chẳng thấy cậu ta đâu cả!

Khi ấy nhân dân cả nước ngồi quay về hướng vua, vua khóc họ cũng khóc, vua buồn họ cũng buồn. Nhà vua cứ lo buồn mãi không sao vơi được, chợt nhớ lời bài kệ trong kinh nên khởi lên một ý tưởng, đọc:

*Niệm tặng theo dục
Đã có lại mong
Tri túc là vui
Mới được tự tại*

Nhà vua hướng về chúng dân truyền lệnh muốn biết ý của bài kệ, nếu người nào có thể giải thích được ý nghĩa của bài kệ trên sẽ được trọng thưởng một ngàn đồng tiền. Trong những người ngồi tại đó có một chàng thiếu niên tên Uất-đa. Uất-đa liền tâu với vua:

–Thần có thể giải thích được ý nghĩa bài kệ đó. Xin vua cho phép đúng bảy ngày sau, thần sẽ trả lời.

Đến ngày thứ bảy, chàng thưa với mẹ:

–Nay con muốn đến chỗ vua để giải tỏ sự ưu sầu của vua.

Người mẹ bảo con:

–Con chớ nên đi. Việc nan giải của nhà vua như lửa cháy, sắc lệnh của ngài như dao nhọn, khó có thể gần gũi.

Người con thưa:

–Xin mẹ chớ buồn lo. Sức của con có thể giải thích ý nghĩa bài kệ của vua, chắc chắn sẽ được thưởng hậu, có thể làm được việc này con thật là vui sướng.

Uất-đa liền đến chỗ vua tâu:

–Nay thần đến đây để giải thích ý nghĩa bài kệ hôm trước.

Chàng liền nói bài kệ:

*Niệm tặng theo dục
Đã có lại mong
Phóng tâm không giữ*

Như khát tìm nước,
 Gồm trâu vương thổ
 Đầy ngựa, bạc vàng
 Trọn không nhàm chán,
 Có tuệ, chánh hạnh
 Như sừng, cựa sinh
 Mỗi ngày thêm lớn.
 Người đời cũng vậy
 Không biết dục tăng
 Khát ái không ngừng
 Ngày ngày càng lớn,
 Núi vàng cao ngất
 Như núi Tu-di
 Cũng không hề chán.
 Có tuệ chánh hạnh
 “Dục là khổ đau”
 Chưa từng được nghe.
 Muốn nghe lừa dục
 Nhờ trí yểm ly
 Chán dục, đáng kính.
 Dục lậu khó lìa
 Bạc trí biết khổ
 Không theo ái dục.
 Như tạo bánh xe
 Phải làm kiên cố
 Dần dần xa dục
 Ý lần được an
 Mong được định tĩnh
 Hoàn toàn ly dục.

Nhà vua nói:

–Làm chủ tâm ý thì dù thống trị tất cả đất đai và bốn biển ở thế gian, vẫn có thể nhàm chán chúng, mới thật lìa xa được lòng ham muốn đánh chiếm quốc gia ở vùng hải ngoại kia.

Vua Đại Thắng liền bảo Uất-đa:

*Đồng tử thật giỏi
Lời vàng cho đời
Nói dục rất khổ
Quả là trí nhân.
Ngươi thuyết tám kệ
Mỗi kệ ngàn tiền
Mong trên Đại đức
Thương nói tận nghĩa.*

Uất-đa dùng kệ đáp:

*Không dùng báu này
Giữ riêng sinh sống
Kệ thuyết sau cùng
Ý xa dục lạc.
Đại vương, mẹ tôi
Tuổi già, thân ốm
Muốn báo mẫu ân
Cấp ngàn đồng tiền
Để cung dưỡng mẹ.*

Vua Đại Thắng thưởng một ngàn đồng tiền để đồng tử nuôi dưỡng mẹ già.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vua Đại Thắng lúc ấy nay chính là vị Phạm chí trồng lúa kia. Đồng tử Uất-đa lúc ấy nay chính là thân Ta. Lúc đó Ta cũng đã giảng rõ, giải tỏa sự đau buồn của Phạm chí. Nay Ta cũng đoạn trừ tất cả khổ đau cho Phạm chí, khiến ông ta từ nay về sau không còn bị khổ nữa.

Đức Phật dùng nhân duyên xưa diễn nói quyển kinh Nghĩa Túc này, để tôi, kẻ hậu học⁴ nghe lời dạy trên. Đức Phật muốn làm bài kệ để hậu thế hiểu rõ và truyền tôi giữ gìn kho tàng kinh pháp, trụ thế dài lâu có kinh Nghĩa Túc:

⁴. Túc ngài A-nan.

Niệm tăng theo dục
 Có rồi vẫn mong
 Biết đủ là vui
 Nên được tự tại.
 Người đời tham dục
 Thành kẻ ngu si
 Mê mờ trong dục
 Tên độc hại thân,
 Tránh xa dục ấy
 Như tránh rắn độc
 Tránh vui thế gian
 Cần hành thiền định.
 Ruộng gieo, báu vật
 Nuôi dưỡng trâu, ngựa
 Bị nữ trói buộc
 Hạnh si hại thân.
 Tham dục thân gầy
 Càng gần thêm oán
 Si mê chịu đau
 Như hải thuyền vỡ.
 Nên nói nhiếp ý
 Là dục chó phạm
 Tinh cần cầu vượt
 Đưa thuyền đến bờ.

Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

2- KINH VUA ƯU-ĐIÊN

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ tại nước Cú tham (Kosambi) có một vị Tỳ-kheo cư ngụ

trong ngôi nhà bằng đất, giữa các tầng đá, để tóc, râu và móng tay chân rất dài, vận y phục rách nát.

Khi ấy vua Ưu-điền muốn ra ngoài, đến hòn núi Ngã tích du ngoạn. Quan hầu cận liền cho người sửa sang đường, cầu. Sau khi hoàn tất, vị ấy trở về tâu vua đã sửa đường xong, vua có thể du ngoạn. Nhà vua chỉ đem các cung nhân mỹ nữ theo hầu, cỡi xe ngựa đến núi Ngã Tích rồi xuống xe đi bộ lên núi. Có một mỹ nữ đi dạo trong núi, từ hẻm núi này sang đường núi nọ, bỗng nhìn thấy trong ngôi nhà đất giữa các tầng đá, có một vị Tỳ-kheo râu, tóc, móng rất dài, lại vận y phục rách nát, vóc dáng tựa như quỷ liền kêu lớn:

–Bệ hạ, trong chỗ này có quỷ, trong chỗ này có quỷ.

Nhà vua từ xa hỏi:

–Nó ở chỗ nào?

Nàng mỹ nữ nói:

–Gần giữa các tầng đá, trong ngôi nhà đất.

Nhà vua liền rút kiếm đi đến đó, thấy một vị Tỳ-kheo có tướng như thế liền hỏi:

–Người là ai?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Tôi là Sa-môn.

Vua hỏi:

–Người là Sa-môn của đạo nào?

Vị Tỳ-kheo trả lời:

–Tôi là Sa-môn dòng họ Thích-ca.

Vua hỏi:

–Người là La-hán chăng?

Vị Tỳ-kheo thưa:

–Tôi chưa đạt quả La-hán.

Vua lại hỏi:

–Đã đạt Tứ Thiên chưa?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Chưa đạt.

Vua hỏi tiếp:

–Vậy đã được Tam thiên, Nhị thiên chưa?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Chưa được.

Vua gặng hỏi:

– Vậy đã đến Sơ thiên chưa?

Vị Tỳ-kheo trả lời:

– Quả thật tôi đang tu tập Sơ thiên.

Nhà vua trong lòng tức giận bưng bưng, quay lại bảo quan thái giám theo hầu:

– Người này có ý niệm dâm dật, chỉ là hạng Sa-môn phàm tục, không có chánh hạnh, sao lại dám ngắm mỹ nhân của ta?

Nhà vua truyền lệnh cho thị vệ lập tức cắt đứt dây đàn đem lại trói vị Tỳ-kheo. Người hầu liền y lệnh. Lúc ấy vị Sơn thần nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này không có lỗi, nay phải bị chết oan. Ta cần bảo vệ, giúp cho vị ấy thoát khỏi nạn này”. Vị Sơn thần hóa thành một con heo lớn, từ từ chạy ngang gần chỗ nhà vua. Người hầu liền tâu:

– Có một con heo lớn đang đến gần bên bệ hạ.

Nhà vua bỏ vị Tỳ-kheo ở đó, rút kiếm đuổi theo con heo. Vị Tỳ-kheo thấy nhà vua đã đi xa, lập tức bỏ chạy ra khỏi núi, thẳng đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc ở Xá-vệ, thuật lại toàn bộ câu chuyện cho các vị Tỳ-kheo. Các vị Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật. Đức Thế Tôn nhân câu chuyện này nói rõ ý nghĩa nhân duyên quá khứ sinh khởi. Ngài dạy tôi, Tỳ-kheo A-nan phải biết rõ, tóm lược lời Ngài dạy vào trong Kinh, để cho kẻ học đạo đời sau hiểu rõ. Đức Phật truyền tôi phải giữ gìn để kinh sách và Phật đạo được trụ thế lâu dài. Khi ấy Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc:

*Bởi Xá-đà đã nguyện
Nên bị tà ngăn che
Mê mờ xa chánh đạo
Niệm dục, tuệ khó thành.
Buộc ràng trong bào thai
Sắc trói chặt tuy hiểu
Nhưng không quán khứ lai
Chính tuệ đoạn tận gốc.*

Tham dục do si ám
 Không rõ tà tăng nhanh
 Dục tham gây khổ đau
 Biết vậy, sao nương tựa?
 Thế nhân nên tưởng tỏ
 Tà thế khó tựa nương
 Bỏ chánh, không giữ niệm
 Mạng ngắn chết rất gần,
 Xoay vần theo thế khổ
 Sinh tử dục trào dâng
 Khi chết vẫn oán hận
 Theo dục thọ thai hình
 Tự thân nhận đau khổ
 Như cá nốt dằm sâu.
 Nên biết mạng sắp đoạn
 Ba đời nào có tăng
 Sức dục vây khắp phía
 Nên hiểu rõ, chớ lầm.
 Không làm theo tâm oán
 Thấy nghe đừng ô nhiễm
 Tỉnh thức vượt biển khơi
 Không chấp ngã, ngã sở
 Siêng tu trừ mê dục
 Đến đó mới không nghi.

Phật nói kinh Nghĩa Túc này, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

3- KINH TU-ĐÀ-LỢI

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, tại nước Xá-vệ được quốc vương, các vị đại thần và các nhà quyền quý cung kính, luôn hộ trì cúng dường phạn thực, y phục, sàng tọa, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh.

Bấy giờ các vị Phạm chí ngồi tại giảng đường của mình, cùng nhau bàn luận:

–Xưa nay chúng ta được quốc vương, các vị đại thần, các nhà quyền quý và nhân dân, đón tiếp, hầu hạ. Nay họ bỏ, không cấp dưỡng cho chúng ta, mà quay lại thờ phụng Sa-môn Cù-đàm và các vị đệ tử của ông ta. Chúng ta phải cùng nhau lập mưu kế gì để đánh bại ông ta.

Họ cùng bàn với nhau:

–Nay cần phải tìm chọn trong hàng ngũ của chúng ta một cô gái có nhan sắc tuyệt đẹp rồi giết cô ta, chôn thi thể cô ta trong rừng cây Kỳ-đà. Như vậy mới có thể phá hoại, làm tổn thương Sa-môn Cù-đàm và các đệ tử của ông ta. Khi tiếng xấu của họ lan truyền khắp nơi, những người ủng hộ sẽ phải lánh xa, không còn cung kính Cù-đàm, tất cả đệ tử theo học với ông ta sẽ không còn được cung cấp y thực nữa. Mọi người sẽ quay lại tôn thờ chúng ta. Chúng ta sẽ lại được người đời tôn kính. Phá hoại được Cù-đàm thì ở đời này sẽ không ai hơn chúng ta được.

Họ lập tức cùng nhau đến nhà, gọi nàng Hảo Thủ (Sundari) ra bảo:

–Chắc nàng cũng biết hiện nay chúng ta đang bị mọi người xa rời, không được ủng hộ, cấp dưỡng nữa. Trái lại dân chúng đang tôn kính Sa-môn Cù-đàm làm thầy. Hẳn nàng có thể vì mối căm giận này mà làm một việc có lợi cho chúng ta phải không?

Nàng Hảo Thủ hỏi:

–Làm một việc có lợi là thế nào?

Các Phạm chí bảo:

–Chỉ có một cách là nàng hy sinh mạng sống, chịu chết mà thôi!

Hảo Thủ trả lời:

–Tôi không thể làm được.

Đoàn Phạm chí liền nói:

–Nếu cô không làm như vậy thì từ nay về sau cô sẽ không còn ở trong hàng ngũ của chúng ta nữa.

Cô gái nghe lời ấy, trong lòng rất đau buồn nên lập tức nói:

– Xin vâng, đó là nhiệm vụ của tôi.

Các Phạm chí đều cất tiếng:

–Lành thay!

Họ cùng nhau dạy cho Hảo Thủ:

–Từ nay về sau, sáng chiều, cô đều tới chỗ Phật, thường qua lại trong rừng cây Kỳ-đà để mọi người đều thấy và biết cô. Sau đó, chúng ta sẽ giết cô, chôn xác giữa rừng cây Kỳ-đà, chắc chắn sẽ làm cho Cù-đàm bị hủy nhục.

Cô gái theo lời dạy, thường xuyên lui tới chỗ các vị Sa-môn. Khi mọi người đều biết việc ấy, các Phạm chí bèn bắt cô gái giết chết, rồi chôn xác trong rừng cây Kỳ-đà. Sau đó, họ cùng tập hợp đến trước cửa hoàng cung kêu gào, oán trách:

–Trong các học trò của chúng tôi, có một cô gái tánh tình nét na, nhan sắc diễm lệ tuyệt trần. Hiện nay không biết cô ấy sống hay chết ở chỗ nào?

Đức vua hỏi:

–Cô ta thường đến chỗ nào?

Bọn họ đều trả lời:

–Nàng ấy vẫn hay đến chỗ Sa-môn Cù-đàm.

Nhà vua nói:

–Vậy thì hãy đến chỗ đó tìm xem.

Thừa dịp ấy, họ bèn tâu xin vua cho quan, lính cùng đi. Nhà vua chấp thuận. Đoàn người tìm kiếm khắp nơi, lần lần tiến vào khu vực rừng cây Kỳ-đà, thì đào thấy tử thi. Các Phạm chí đặt xác cô gái trên một chiếc giường, cùng nhau khiêng đi khắp nơi trong thành Xá-vệ, đến tất cả đường phố lớn nhỏ kêu gào, than oán:

–Mọi người hãy xem Sa-môn Cù-đàm, con nhà họ Thích thường được ca tụng là Bậc có giới đức, tối thượng nhất trên đời sao nay lại tư thông với cô gái này, rồi giết chết, lén chôn giấu xác cô ta. Như vậy thì còn gì là phép tắc? Còn gì là đạo đức? Còn gì là giới hạnh nữa?

Đúng giờ thọ thực, các vị Tỳ-kheo đều ôm bát vào thành khát thực. Các nhà quyền quý và nhân dân từ xa trông thấy liền cất lời

xúc xiểm:

–Bọn Sa-môn này tự xưng là có phép tắc, đạo đức, giới hạnh mà lại phạm một tội ác như thế. Bọn chúng còn điều gì tốt lành đâu; làm sao còn được cúng dường y thực như trước nữa!

Các vị Tỳ-kheo nghe thế, đều ôm bình bát không ra khỏi thành trở về. Sau khi rửa sạch tay chân, cất bình bát, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đánh lễ rồi đều đứng trình bày lại đầy đủ sự việc trên.

Bấy giờ Đức Phật nói bài kệ:

*Không loạn ý theo vọng ngữ
Ra trận bị tên nhẩn chịu
Nghe đời buông lời thiện, ác
Tỳ-kheo nhẩn, không loạn ý.*

Đức Phật dạy các vị Tỳ-kheo:

–Ta bị sự hủy báng đối trá này không quá bảy ngày mà thôi.

Có một Thanh tín nữ⁵ tên Duy Diêm ở trong thành nghe các vị Tỳ-kheo khát thực đều ôm bát không trở về nên rất thương xót. Nghĩ đến Đức Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng, cô liền đi gấp đến khu lâm viên, đến chỗ Phật ngự cúi đầu mặt đánh lễ Đức Phật, nhiễu quanh rồi ngồi xuống một bên. Đức Phật giảng rộng kinh pháp cho Duy Diêm. Nghe giảng xong, cô đứng dậy chắp tay bạch Đức Phật:

–Mong Đức Thế Tôn và chư vị Tỳ-kheo Tăng đến nhà con thọ thực trong bảy ngày.

Đức Phật im lặng nhận lời. Duy Diêm nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi trở về. Đến ngày thứ bảy, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông và chúng Tỳ-kheo vào thành đến các ngã tư đường làng đều đọc bài kệ này:

*Thường lừa đảo, u tà
Vu khống người vô tội
Vô minh thêm lừa dối
Oán thù hại tự thân.*

⁵: Thanh tín nữ: tức nữ Phật tử tại gia, còn gọi là Cận sự nữ, Ưu-bà-di (Pāli và Sanskrit: Upāsaki).

*Tu-địa-lợi phân tranh
 Mãi hận nên tự bại
 Lời ác, làm đứt đầu
 Phải thường giữ nghiệp khẩu.
 Đáng kính lại chê bai
 Khen người không giới hạnh
 Do miệng sinh sầu muộn
 Đố kỵ tâm bất an
 Che giấu tài lợi người
 Cũng từ dối gạt sinh
 Mọi sự đều nhẫn được
 Thật vì quên vật báu.
 Oán hận bậc Chân chánh
 Sáu người hết cả năm
 Kẻ đó theo đường ác
 Tâm, hạnh luôn bất chánh
 Dối lừa mười vạn dân.*

Tôn giả A-nan liền vâng lời, cùng các vị Tỳ-kheo vào thành đến các ngã tư đường làng, đọc đúng như bài kệ Phật dạy. Các vị hào tộc và nhân dân thành Xá-vệ đều phát sinh ý nghĩ: “Các vị Thích tử thật không có điều ác. Các đệ tử của Đức Phật Thích-ca, hoàn toàn không có tà hạnh”. Bấy giờ các Phạm chí ngoại đạo ở giảng đường tự tranh cãi với nhau. Trong nhóm có một người nói lộ việc làm của bọn họ với người ngoài:

–Chúng ta cùng nhau tự giết Hảo Thủ lại để oan cho Đức Phật và đệ tử của Ngài sao?

Một vị đại thần nghe được lời ấy liền vào trình tâu lên vua. Đức vua lập tức triệu tập các Phạm chí đến hỏi:

–Có phải chính các người đã giết Hảo Thủ không?

Bọn họ trả lời:

–Tâu vâng, quả đúng như vậy.

Đức vua nổi giận bảo:

–Ta phải xử tội bọn người thật nặng. Tại sao bọn người ở trong cương thổ nước của ta, tự xưng là người tu đạo mà còn có tâm giết

hại?

Vua lập tức truyền lệnh cho quan hầu cận:

–Hãy bắt hết bọn người này, giải chúng đi khắp nơi, đường phố lớn nhỏ trong thành Xá-vệ để mọi người rõ tội ác của chúng, rồi trục xuất chúng ra khỏi nước.

Đúng giờ thọ thực, Đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo đều ôm bát vào thành. Bấy giờ có một vị Thanh tín sĩ tên A-tu-lợi từ xa trông thấy Đức Phật liền đến đánh lễ, cất tiếng bạch Phật:

–Con nghe việc ấy, không còn biết bốn phương ở đâu, trong lòng hết sức đau xót. Những kinh pháp con đã nghe không sao đọc tụng được nữa. Con nghe Đức Phật và chư Tỳ-kheo Tăng bị oán hờn, phải mang tiếng ác.

Đức Phật bảo A-tu-lợi:

–Sự việc không thích thú này là do nhân duyên báo ứng từ đời quá khứ.

Ngài bèn nói bài kệ:

*Nói ít cũng bị chê
Nói nhiều cũng bị trách
Lời ngay thẳng cũng chê
Đời ác, chê tất cả.
Quá, hiện hay tương lai
Không bị chê, không có
Ai suốt đời bị chê
Trước nạn, tâm vẫn kính.*

Đức Phật tuyên giảng rộng kinh pháp cho A-tu-lợi nghe. Sau đó, Ngài đến nhà của Tu-đạt, thẳng thân ngồi trên chánh tòa. Tu-đạt đánh lễ Đức Phật, chấp tay bạch:

–Gia quyến của con đều buồn rầu, bản thân con không còn biết phương hướng nào nữa. Kinh pháp con được nghe không thể nào đọc tụng được. Con nghe Đức Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng bị oán hận, bị mang tiếng xấu.

Đức Phật liền nói bài kệ:

Ta như voi ra trận

www.daitangkinh.org

*Bị thương không oán tưởng
 Vì lòng Ta nhu nhĩn
 Người đời, khởi niệm ác.
 Tay Ta không tổn hại
 Dùng tay chuyển ác hành
 Độc hại chẳng thể xâm
 Làm thiện, ác không thành.*

Đức Phật vì Tu-đạt giảng kinh rồi Ngài đến nhà của Duy Diêm, thân đoan nghiêm ngự trên tòa ngời ở giữa. Sau khi đánh lễ xong, Duy Diêm chấp tay bạch:

–Quyển thuộc của con đều buồn rầu, bản thân con không còn biết phương hướng nào nữa. Những kinh pháp con được nghe, không thể nào đọc tụng được. Con nghe Đức Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng bị hờn oán, phải mang tiếng xấu.

Đức Phật vì Duy Diêm nói bài kệ:

*Không bị dục nã loạn
 Tâm tịnh, ngoài sao dơ
 Kẻ ngu oán tự hại
 Ngược gió tung bụi mù.*

Duy Diêm vui mừng hiển cúng trai soạn. Sau khi Đức Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng thọ trai xong, nàng dâng nước rửa tay, rồi ngồi phía dưới lắng nghe Đức Phật giảng kinh. Đức Phật giảng về việc giữ giới và các hạnh thanh tịnh cho toàn gia của Duy Diêm, làm cho mọi người đều thấy đạo, rồi Ngài trở về tịnh xá.

Quốc vương Ba-tư-nặc cùng đông đảo quan quân, xa mã tùy tùng trang nghiêm theo đúng uy pháp của bậc quân vương rời thành đến rừng cây Kỳ-đà. Vì muốn đến diện kiến Đức Phật nên vua xuống xe đi bộ vào. Từ xa trông thấy Đức Phật, vua liền cất lọng, mũ, để các người hầu ở bên ngoài, cỡi hài vàng, rồi mới đến phía trước đánh lễ Đức Phật, ngồi xuống, chấp tay bạch:

–Vương quyển của con rất đau lòng, bản thân con không còn biết phương hướng nào nữa. Những kinh pháp mà con được nghe, con không còn tụng nữa. Con nghe Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng bị oán hờn, phải mang tiếng xấu.

Đức Phật liền vì vua nói bài kệ:

*Niệm tà, nói dối người
Ý chánh, nói lời thiện
Miệng chê xấu, khen tốt
Thiện, ác không sâu ưu.
Có làm phải có bỏ
Lìa thế, cầu giải thoát
Không loạn, giữ tâm đức
Chế dục còn ai nghi?*

Toàn dân nước Xá-vệ đều khởi niệm nghi ngờ Đức Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng do nhân duyên gì mà bị tiếng xấu nguy hiểm như vậy. Vì thấy uy thần Phạm tướng vĩ đại, cao tột của Đức Phật tựa như mặt trăng giữa các vì sao nên không ai dám thưa hỏi. Đức Phật biết rõ ý nghĩ của họ, nên nói kinh Nghĩa Túc:

*Với bậc khéo giữ giới hạnh
Người hỏi không tiện bày tỏ
Niệm nghi tà đạo hay chánh
Muốn học, ý phải tụt tinh.
Hãy thôi! Chớ chấp việc đời
Thường tự nhủ giữ giới vững
Trọn tin giáo pháp quang minh
Dạy đời không nên theo dật.
Pháp không tà không nói quấy
Hủy báng Ta, Ta không ngại
Tự thấy hạnh không tà lậu
Không chấp tướng, đâu giận, vui.
Mọi sở hữu cần xả bỏ
Giáo pháp sáng, phải giữ gìn
Cầu giải thoát ắt được “Không”
Niệm “Không” nên đắc pháp “Không”.
Không chấp nên chẳng gì có
Hạnh chẳng nguyện, ba cõi sinh
Cần đoạn hẳn vòng si ám*

www.daitangkinh.org

*Hành thế nào có sở y?
Sở hữu pháp phải vất bỏ
Với giáo thuyết cũng không chấp
Không đấm trước, cũng không lia
Nhờ quán thế, ly tất cả.*

Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

4- KINH PHẠM CHÍ MA-KIỆT

Nghe như vậy:

Đức Phật trú ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc tại nước Xá-vệ. Khi ấy có một vị Phạm chí tên Ma-kiệt bỗng nhiên chết tại giảng đường. Các vị đồng học đặt ông lên trên giường, khiêng đến các ngã tư đường làng của thành Xá-vệ, cất lời rao truyền:

–Người nào thấy Ma-kiệt thì đều được giải thoát. Bây giờ ai thấy thi thể của ông cũng được giải thoát, sau này có ai nghe tên ông cũng được giải thoát.

Đúng giờ thọ trai, các vị Tỳ-kheo, ôm bình bát vào thành khát thực, đều nghe thấy các Phạm chí truyền rao công đức của Ma-kiệt như vậy. Thọ thực xong, các vị rửa bình bát, trở về nơi Phật ngự, đánh lễ xong, về chỗ ngồi, thưa lại toàn bộ câu chuyện trên cho Đức Phật. Nhân đó, Đức Phật diễn nói thành kinh này, truyền tôi, đệ tử Ngài phải lắng nghe đầy đủ để rộng giảng cho đời sau được hiểu rõ. Đức Thế Tôn dạy tôi phải giữ gìn để kinh pháp được trụ thế dài lâu. Ngài nói kinh Nghĩa Túc này:

*Giữ tâm tịnh, không bệnh suy
Tự tịnh, tín, tỏ chân lý
Biết như thế đều được độ,
Muốn đoạn khổ, trừ tập trước
Nhờ tâm tịnh thành phước nhân.
Có tuệ hạnh, niệm là khổ
Tận trừ ác, rõ pháp thanh*

Đoạn sở kiến thật toàn tịnh
 Theo dị đạo, không thể thoát.
 Học giữ giới, độ thế nhân
 Không nhiễm tội là phước báo
 Trừ tất cả, chớ khen thân
 Trước đoạn trừ, sau nhớ nghĩ.
 Đạt hạnh này, vượt bốn biển
 Cứ thẳng tiến đừng lo khổ
 Niệm khổ mãi, tâm bị trói
 Ý tỉnh giác, trì giới hạnh
 Hành tịnh hạnh tưởng khổ hành
 Xả niệm ấy liền nhập hạnh.
 Không nói kiêu, dùng tuệ quán
 Với mọi pháp, không còn nghi
 Cả thấy, nghe đều niệm xả
 Rõ kiến văn gốc của hành.
 Người theo trần bị sáu suy
 Không niệm thân, không niệm kính
 Cũng không nguyện hạnh chí tịnh
 Ân oán xả, không chấp trước
 Bỏ dục cầu, không mong ước
 Vô sở hữu là Phạm chí.
 Thấy nghe pháp, tâm thu nhiếp
 Dâm, không dâm, chấp dâm ô
 Rời tâm tà, lòng sẽ tịnh.

Đức Phật giảng kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

5- KINH VUA KÍNH DIỆN

Nghe như vậy:

www.daitangkinh.org

Đức Phật trú ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc tại nước Xá-vệ. Đến giờ thọ trai, các vị Tỳ-kheo, ôm bát vào thành khát thực. Các vị tự nghĩ và nói với nhau:

–Nay vào thành thì quá sớm, chúng ta nên đến giảng đường của các vị Phạm chí ngoại đạo.

Khi đến nơi, các vị Tỳ-kheo và các chúng Phạm chí chào hỏi nhau rồi đồng ngồi xuống. Lúc đó các vị Phạm chí đang tự tranh luận với nhau, câu chuyện càng lúc càng gay gắt không thể giải quyết được, đến độ họ tức giận, hủy báng nhau:

–Ta biết pháp này, còn ông biết pháp nào? Điều ta hiểu biết hợp với đạo, còn điều ông hiểu biết thì hợp với đạo gì? Pháp ta nói có thể thực hành rất dễ, còn pháp của ông nói khó có thể thực hành được. Điều phải nói trước ông lại nói sau, điều nên nói sau ông lại nói trước. Pháp của ông phần nhiều là sai lầm, chỉ như giao gánh nặng làm người nghe không thể nâng được, bởi vì họ không thể hiểu được nghĩa lý của lời ông nói. Ông chắc biết điểm cao nhất của pháp là vô sở hữu chứ? Ông hiểu thế nào, mau trả lời?

Họ dùng miệng lưỡi như kiếm nhọn để công kích nhau. Người này công kích một lời thì người kia phản ứng lại ba lời. Các vị Tỳ-kheo nghe họ oán trách nhau, người này nói: “Như vậy cũng chưa đúng”; người kia bảo: “Lời ông nói cũng không có bằng chứng”. Các vị đều đứng dậy vào thành Xá-vệ khát thực. Thọ trai xong các Tỳ-kheo, cất bát rồi quay lại khu lâm viên Kỳ-đà, vào đánh lễ Đức Phật, ngồi qua một bên, trình bày đầy đủ những việc trên cho Đức Phật. Các Tỳ-kheo bạch:

–Chúng con nghĩ các vị học giả Phạm chí ấy tự làm khổ bản thân. Đến khi nào mới được giải thoát?

Đức Phật dạy:

–Chúng Phạm chí này chẳng phải chỉ ngu si một đời thôi đâu. Lâu xa trong quá khứ, ở cõi Diêm-phù-lợi này có một vị vua tên là Kính Diện. Nhà vua truyền lệnh cho sứ thần đi khắp nơi tập trung tất cả những người mù trong nước lại, đưa đến dưới cung điện. Sứ giả theo lệnh vua lập tức đi khắp nơi triệu tập tất cả người mù đưa đến trước điện, rồi tâu lên vua. Nhà vua lệnh cho vị đại thần dẫn bọn họ

đến để xem con voi của ngài.

Vị đại thần dẫn họ đến chuồng voi, rồi chỉ cho họ từng bộ phận con voi để họ tự sờ mó. Có người thì sờ chân voi, người sờ đuôi voi, người sờ phần trong của đuôi voi, người sờ bụng voi, người sờ hông voi, lưng voi, tai voi, đầu voi, ngà voi, vòi voi. Sau khi các người mù đã sờ xong, vị đại thần bèn dẫn họ trở về chỗ vua. Nhà vua hỏi tất cả bọn họ:

– Các người đều sờ thấy con voi rồi phải không?

Các người mù thưa:

– Chúng tôi đều thấy.

Vua hỏi:

– Nó giống như cái gì?

Có một người trong nhóm sờ trúng chân voi tâu:

– Thần thấy con voi của đức vua giống như cây cột.

Người sờ trúng đuôi voi tâu:

– Nó giống như cây chổi quét nhà.

Người sờ trúng phần trong của đuôi voi tâu:

– Nó giống như cây gậy.

Người sờ trúng phần bụng voi tâu:

– Nó giống cái trống.

Người sờ trúng hông voi tâu:

– Nó giống như vách tường.

Người sờ trúng lưng voi tâu:

– Nó như cái bờ cao.

Người sờ trúng lỗ tai voi tâu:

– Nó giống như cái sàng lớn.

Người sờ trúng đầu voi thì nói:

– Nó giống như cái cối giã gạo.

Người sờ trúng ngà voi thì nói:

– Nó giống như cái sừng.

Người sờ trúng cái vòi voi thì nói:

– Nó giống như cây lũa.

Họ ở trước đức vua cùng nhau tranh cãi về con voi. Ai cũng cho

lời của mình là đúng. Bấy giờ đức vua nói bài kệ:

*Nay chúng những người mù
Không thật, cho là thật
Thấy một, bác tất cả
Vì voi mãi oán tranh.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vua Kính Diện lúc ấy chính là thân của Ta. Còn những người mù lúc đó chính là bọn Phạm chí ở giảng đường đó. Khi xưa bọn họ không có trí tuệ, ngồi tranh luận suông với nhau. Bây giờ bọn họ cũng u tối, tranh cãi suông, không có chút ích lợi nào!

Khi đó Đức Phật muốn pháp nghĩa này được ghi chép đầy đủ trong kinh nên truyền các đệ tử phải hiểu rõ tất cả để soi sáng cho người đời sau, và dạy tôi giữ gìn kinh văn và giáo pháp được trụ thế lâu dài. Ngài nói kinh Nghĩa Túc này:

*Tự mình tối, bảo người si ám
Mê lậu mãi, biết bao giờ sáng
Thân vô đạo tự xưng hiểu đạo
Lý luận, không hành, sao giải thoát?
Thường tự tỉnh, được tôn kính
Điều thấy nghe, hành tối thượng.
Bị trói trong năm cõi thế
Tự cho lạ, vượt hơn người
Sống si mê, mong đạt thiện
Học tà đạo, muốn vượt thoát
Nghe điều gì khéo suy tư
Tuy trì giới, chớ cho đủ.
Gặp việc đời đừng cuốn theo
Tâm luôn niệm, không bằng hành
Tu bình đẳng, luôn tôn kính
Chớ nghĩ tưởng: “Không bì kịp”
Tưởng ấy đoạn, sau mới hết.
Đừng khởi ý: “Một mình được”
Không tự nghĩ mình thắng trí
Có kiến thức, nên quán hạnh*

Không tìm cầu hai cực đoan.
 Cần xa lìa trong sơ niệm
 Cũng không trụ ở hai bên
 Nên quán pháp, được chánh định,
 Ý lãnh thọ các kiến văn
 Đừng suy tưởng theo tà niệm.
 Tuệ quán pháp để hiểu tâm
 Được tâm đó mãi ly trần.
 Không tâm đạo, hành pháp nào?
 Cầu thật nghĩa nên hành pháp
 Chỉ giữ giới, tìm lý chân
 Đến bờ kia không thoái chuyển.

Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, tất cả các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

6- KINH GIÀ TRẺ ĐỀU CHẾT

Nghe như vậy:

Đức Phật ngự dưới cội cây An diên ở ngoại thành nước Sa-tảo. Khi ấy có một người đánh xe rời thành, chưa đến cội cây An diên thì xe bỗng rơi xuống chiếc hố trên đường bị hỏng. Người ấy liền xuống xe, ngồi bên vệ đường, lòng rất buồn lo.

Đức Phật ôm bình bát cùng Tôn giả A-nan vào thành khất thực. Trên đường đi, thấy chiếc xe bị rơi xuống hố hư hại, người chủ xe đang buồn bã, âu lo ngồi bên lề đường, Ngài nói bài kinh Ưu-đàn này:

Như khiển xe trên đường
 Bỏ phẳng sa lộ hiểm
 Sai đường nên buồn rầu
 Bánh xe hư hỏng nặng.
 Xa chánh pháp cũng vậy
 Ý theo tà hạnh khổ

*Ngủ chết sinh đọa xứ
Thêm đau đớn, sầu ưu.*

Thuyết xong, Đức Phật đi vào thành. Trong thành có một vị Phạm chí mới chết, hưởng thọ một trăm hai mươi tuổi và một cậu con trai nhà trưởng giả bảy tuổi cũng vừa chết. Cả hai gia đình cùng đưa thi hài đi an táng, mọi người đều cầm phướn năm màu, các phụ nữ thương xót xoa hết tóc, họ hàng thân quyến kêu la khóc lóc bi thảm!

Đức Phật thấy thế hỏi ngài A-nan:

–Đám đông kia vì sao tụ hội khóc than, giọng rất bi ai, đau đớn đến như vậy?

Ngài A-nan liền thưa rõ sự việc. Đức Phật nhân duyên này giảng rõ ý nghĩa. Ngài dạy tôi, đệ tử Ngài phải hiểu rõ đầy đủ để kiểm lại kinh này và để soi sáng cho người đời sau. Ngài truyền tôi phải giữ gìn kinh điển và giáo pháp trụ thế lâu dài. Khi ấy, Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc này:

*Thân này mạng thật ngắn
Dưới trăm tuổi cũng vong
Dù người vượt bách tuế
Tránh già chết được không?
Khoái ý sinh ưu nã
Người đời thường ái ân
Thương, ghét đều ly biệt
Biết rồi không vui trông.
Biển chết cuốn trôi tất cả
Xưa vì tham ái có thân
Dùng tuệ quán suy tưởng tận
Không bỉ thử, không phân chấp
Xem thế lạc như ảo mộng
Khi thức giấc nào thấy gì
Người đời tham đều như vậy
Thức chuyển diệt, thấy gì đâu
Việc nghe được đều đã mất
Thiện và ác, nay không gặp*

Bỏ cuộc đời trú nơi đâu?
 Thức rời thể, chỉ còn danh
 Chuyển buồn lo thành ganh ghét
 Lại chẳng trừ tâm ái tham,
 Đoạn niệm ái và tự tôn
 Là sợ sệt, được an ổn.
 Nay Tỳ-kheo, chớ quên niệm
 Thân vô thường, xa dục nhiễm
 Muốn ái dừng, luôn quán tâm
 Ý làm chủ không thiền chỉ
 Không thiền chỉ vẫn tinh cần
 Ái, không ái không phân biệt
 Không phân biệt trong buồn lo
 Như cánh sen, lòng không nhiễm.
 Đã không đắm cũng không mong
 Thấy nghe tà, ta không mến
 Lại chẳng theo cầu giải thoát
 Không niệm dâm nào khởi tham?
 Tợ hoa sen, không ái trước
 Sinh trong nước, không nhiễm nước
 Đạo và đời đều vô nhiễm
 Điều thấy nghe như chưa biết.

Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

7- KINH DI-LẶC THƯA HỎI

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ ở vườn Trúc Đa điểu, nước Vương xá.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo lớn tuổi ở giảng đường ngồi luận bàn các việc trong chúng rồi chuyển sang hỏi pháp nhau. Con của Bạc Long Tượng, tên Xá-lợi-phất cũng ngồi tại đó, nghe các vị ấy bàn luận việc trong chúng, nạn vấn nhau về luật và pháp, nhưng hỏi

không đúng theo luật, cũng không có lễ kính.

Hiền giả Đại Câu-tư cũng ngồi trong giảng đường, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Pháp đệ, không nên nghi chấp. Đối với các vị Tỳ-kheo lớn tuổi, đệ có điều nghi gì hãy cứ nói, hãy cung kính kẻ trên trước.

Hiền giả vì Ngài Xá-lợi-phất nói kinh Định Ý: “Như có bậc Hiền giả sống lâu trong đời sống gia đình nay phát tâm ý với đạo, lại ghi nhớ pháp thanh tịnh nên đã cạo bỏ râu tóc, có lòng tin, bỏ việc đời, vận pháp y làm Sa-môn, tu tập tinh tấn, theo chánh bỏ tà, vị ấy do tu tập nên chứng đạt, tự biết đã được độ thoát”. Sau đó Hiền giả Di-lặc đến nơi tịnh tu của Tôn giả Xá-lợi-phất. Ngài Xá-lợi-phất đánh lễ Tôn giả Di-lặc, rồi ngồi xuống tòa. Ngài Di-lặc liền vấn nạn Tôn giả Xá-lợi-phất theo đúng pháp và luật. Tôn giả Xá-lợi-phất đối với vấn đề đó mờ mịt, không thể trả lời được.

Tôn giả Di-lặc liền đứng dậy ra về. Sau khi vào thành khát thực, độ trai, rửa tay, cất bình bát xong, Tôn giả trở về chỗ Đức Phật đánh lễ, ngồi xuống dùng kệ thưa hỏi Đức Phật:

*Dâm dục, đắm nữ sắc
Đạo lớn trừ căn si
Nguyện theo Ngài giáo giới
Lìa ác, được hạnh lành.
Ý dâm đắm nữ sắc
Quên lời dạy Thế Tôn
Ngủ nghỉ mất chánh niệm,
Tu hành không thứ lớp
Độc hành cầu lý chân
Sau lại đắm loạn sắc
Đánh xe quên đường chánh
Không xả niệm chánh, tà
Mãi chấp tướng cung kính
Mất hạnh, mất thiện danh,
Thấy đó cần thẩm suy
Xa lìa mọi dâm niệm
Hãy quán sắc tốt xấu*

Nếu phạm sẽ về đâu.
 Nhờ văn tuệ tự chế
 Rồi tư tưởng tử sâu
 Thường tu theo trí tuệ
 Độc trú không loạn động.
 Mê sắc sinh loạn tà
 Cô thế, không dừng mãi
 Phá giới lòng sợ lo
 Vì nợ ấy mạng yếu.
 Đã rơi vào lưới chấp
 Liên cất lời miệt khinh
 Thấy người phạm tội ác
 Chớ để mình vướng vào
 Độc trú siêng tu tập
 Giữ trí, không tập Si
 Viễn ly, ở một mình
 Thấy rõ là Thượng hạnh.
 Có hạnh, đừng tự kiêu
 Lại không cậy Niết-bàn
 Trí cao, tu hạnh lớn
 Sắc, vô sắc không nhiễm
 Khéo nói thoát khỏi khổ
 Suốt đời bị dâm hại.

Đức Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

8- KINH PHẠM CHÍ DŨNG TỪ

Một thời Đức Phật trụ ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, an cư ba tháng vừa xong.

Bấy giờ ở nước Đọa Sa, các trưởng giả giao trách nhiệm cho chàng Phạm chí tên Dũng Từ đến tranh biện nạn vấn Đức Phật, nếu

www.daitangkinh.org

thắng sẽ thưởng năm trăm đồng tiền. Chàng Phạm chí này cũng trong suốt ba tháng đọc hơn năm trăm câu hỏi khó, trong mỗi câu hỏi còn có sự biến hóa nên tự cho là không ai có thể thắng mình nổi.

Sau ba tháng an cư, Đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo muốn đến nước Đọa sa. Ngài du hành thuyết giảng ở các địa phương, từ từ đi dọc theo bờ suối Di-hầu đến điện Cao quán của nước Đọa sa.

Các vị Trưởng giả được nghe tin Đức Phật và chúng Tỳ-kheo đi đến nước mình, lập tức cùng tập hợp hơn năm trăm người, nói với chàng Phạm chí:

–Phật đã đến nước chúng ta, hãy mau đến vấn nạn cho tới cùng.

Chàng Phạm chí liền đi với các vị trưởng giả đến chỗ Đức Phật, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên. Trong số các trưởng giả, có người đánh lễ Đức Phật, có người hướng về Đức Phật chấp tay, có người im lặng. Tất cả đều ngồi xuống.

Chàng Phạm chí nhìn uy thần Phạm tướng cao tột, tối thượng của Đức Phật, cảm thấy không thể biện luận với Ngài trong lòng lo sợ, không thể nói năng gì được. Đức Phật biết rõ chàng Phạm chí và các vị trưởng giả đã cùng nhau bàn bạc như thế nên nói kinh Nghĩa Túc này:

*Tự nói Tịnh pháp tối thượng
Ai có pháp sáng bằng Ta
Chấp kiến thức thấy khoái lạc
Bởi vì mãi học theo tà.
Luôn giữa chúng muốn vượt thắng
Kẻ ngu buông lời trối nhau
Tranh biện, ý quên nghĩa lạc
Lại vấn nạn lời trí tuệ.
Trong chúng hỏi cần hợp nghĩa
Muốn hỏi, nghĩa phải trọn câu.
Giữa chúng, lý cùng sinh hận
Điều khó hiểu, chúng khen hay
Thân tự hành sinh nghi niệm
Tự nghĩ sai, sau sinh hối.*

Muốn trừ nghi, quên ý tưởng
 Muốn hỏi tà, sai chánh pháp.
 Khi cùng lý sinh buồn lo
 Ngồi không vui, nằm than thở.
 Do học tà, sinh ý loạn
 Biện không thắng, sinh hận tâm
 Đã biết vậy, cần giữ miệng
 Khẩu tranh biện nạn mới sinh
 Ý muốn tranh mới có chuyện.
 Lời nói lành là ánh sáng
 Lời vui đẹp, lòng hỷ hoan
 Vì muốn vui, thân tự hại
 Kẻ tự cao vương hạnh tà
 Nếu không học, sao tăng tiến?
 Bậc có học không cãi suông
 Không biện suông được giải thoát.
 Nương cậy nhiều cùng đau khổ
 Muốn kết bạn gây khó Ta
 Đến mạnh mẽ, đi khỏi thẹn
 Ai là người người biện tranh!
 Tâm còn mê, mong nạn vẫn
 Người tà vậy, mãi tự nghi
 Người trồng hoa, không có quả.
 Lời nói ra phải cầu nghĩa
 Chuyển tà ngụy, cầu quang minh
 Đồng nghĩa pháp, cùng thương tổn
 Với pháp thiện đấu luận tranh
 Không ưu sầu quả thiện ác.
 Cần đến đây vì nghe pháp
 Bỏ ý tranh, suy chân lý
 Cùng Đại tướng, quân luận nghị
 Như đốm lửa sáng cùng khắp.

Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

9- KINH MA-NHÂN-ĐỀ NỮ

Đức Phật trú tại một địa phương tên Tất-tác-pháp (Kammaṣadhamma) thuộc nước Câu-lưu (Kuru). Có vị Phạm chí tên Ma-nhân-đề (Maṅgandiya), sinh một người con gái, nhan sắc diễm lệ tuyệt trần. Bấy lâu nay, các quốc vương, thái tử và các đại thần, trưởng giả đến cầu hôn, nhưng người cha đều từ chối tất cả. Ông nói:

–Phải gặp người nào được như con gái ta thì ta mới gả cho làm vợ.

Lúc đó Đức Phật ôm bát vào địa phương ấy khát thực. Thọ thực xong, Ngài rửa tay, cất bình bát, ra khỏi thành đến giữa rừng cây, chỗ an nhàn, yên tịnh ngồi nghỉ.

Sau khi ăn xong, Ma-nhân-đề ra ruộng vườn đi dạo. Ngang qua rừng cây, ông bỗng thấy Đức Phật, thân ánh lên sắc hoàng kim, có ba mươi hai tướng tốt, đẹp như mặt trời, mặt trăng, trong lòng ông nghĩ thầm: “Nếu đem con gái của ta so với Bạc Đại Tôn này thì người này có thể sánh với con gái ta”.

Ông vội trở về nhà gọi vợ ra bảo:

–Chắc bà cũng biết, ý nguyện của tôi rồi phải không. Nay tôi đã tìm được một chàng rể còn đẹp hơn con gái của chúng ta nữa.

Người vợ nghe xong cũng rất vui mừng, lập tức lấy các thứ ngọc báu trang điểm cho con gái. Cả hai vợ chồng cùng dẫn con gái ra khỏi thành. Người vợ thấy trên dấu chân của Đức Phật, các đường chỉ hiện rất rõ ràng nên bảo chồng:

–Tôi biết chắc chuyến đi này chỉ uổng công, chúng ta không bao giờ được người con rể này.

Người chồng hỏi:

–Vì sao vậy?

Người vợ nói bài kệ:

Người dâm đi lê gót

Kẻ sân nhón gót đi

*Người si gót lê đất
Dấu này, Thầy trời người.*

Người chồng bảo:

– Bà thật là người ngu si. Đừng có bàn lui làm khổ con gái chúng ta. Con ta chắc chắn có được chồng.

Nói xong, ông lập tức dẫn con gái đến chỗ Đức Phật, tay trái nắm tay con gái, tay phải cầm bình, bạch Phật:

– Nay vợ chồng tôi đưa con gái đến, mong Ngài nhận nó làm vợ.

Cô gái thấy tướng hình Đức Phật đẹp tuyệt trần, thân có ba mươi hai tướng tốt như ngọc Anh lạc, ngọc Minh nguyệt liền khởi ý tướng tà dâm, mê đắm Đức Phật.

Đức Phật biết lòng cô ta như lửa cháy nên liền nói kinh Nghĩa Túc này:

*Ta xưa gặp ba ma nữ
Còn không khởi niệm tà dâm
Nay sao lại ôm phân tiểu
Chân dẫm còn không thể nào.
Ta thường giảng không dâm dục
Không hành pháp, chẳng nội quán
Dù nghe ác không nhàm chán
Tâm mê loạn khổ không màng.
Thấy vóc đẹp là bọc da
Vì sao Ta lại nhận lấy
Luôn quán dục trong thân tâm
Với trí sáng thuyết si hạnh.
Thấy nghe cũng chưa phải trí
Đủ giới hạnh chưa phải tịnh
Không thấy nghe và không si
Không lìa hạnh mới tự tịnh.
Có tướng ấy, bỏ chớ nhận
Đừng nên nói, giữ khẩu hạnh
Bỏ năm phiền trong kiến văn*

Tuệ, giới, hạnh chớ dâm tịnh,
 Thấy thế gian, đừng si ám
 Không giới hạnh, sinh tưởng ấy
 Có ngã sở, bị tối tăm
 Ai thấy thế, được thanh tịnh.
 Theo chánh lý là như thế
 Giữ chánh ý hướng đạo tâm
 Đến được đó, không suy tưởng.
 Nay vì sao khinh Thế Tôn
 Bằng, trội hơn, hay không bằng
 Chấp tưởng ấy liền phân biệt
 Không bằng ba, sao tranh cãi.
 Đoạn trừ hết chẳng chấp Không
 Bậc trí tuệ sẽ nói gì?
 Đã đạt Không, ai khởi tranh
 Tà và chánh đều không có
 Theo cách nào dứt lỗi này?
 Bỏ biển dục, đừng tưởng đến
 Với gia thế, tu nhân, tuệ
 Dục đã không, ngừng niệm tưởng
 Niệm trần cấu không còn sinh.
 Được ly trần, cầu hết khổ
 Ta dạy rồi, chớ câu tưởng
 Như sen tịnh không nhiễm bùn
 Ở trên đất, chẳng nhiễm trần,
 Đức Thế Tôn không tham đắm
 Với thế tục, không nhiễm trước
 Tâm bất động, ý không dời
 Hành hóa độ, không phân biệt
 Đã trợn xa ba đọa ác
 Bỏ, không dạy ba việc đời
 Không khởi tưởng niệm hữu, vô
 Theo tuệ giải, luôn tinh tấn
 Ngăn tưởng kiến, không chấp thủ

Nên tịch lặng đạo ba cõi.

Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

10- KINH DỊ HỌC GIÁC PHI

Nghe như vậy:

Đức Phật trú trong vườn Trúc Đa điều tại nước Vương xá, được vua, đại thần, trưởng giả và nhân dân đều kính thờ, cúng dường đồ ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc trị bệnh.

Bấy giờ sáu vị Phạm chí được người đời tôn kính là: Bất-lan Ca-diếp, Câu-xá-ma-khước-lợi Tử, Tiên-quỳ Cưu-đọa-la-tri Tử, Khê-xá-kim-pha-lê, La-vị-sa-gia-giá-diên, Ni-yên-nhã-đề Tử. Sáu vị ấy cùng các Phạm chí khác, bàn luận tại giảng đường:

–Chúng ta vốn được người đời tôn kính, được Quốc vương và nhân dân tiếp đãi rất cung kính. Vì sao nay họ lại rời bỏ chúng ta, không còn cung kính nữa? Tất cả đều quay lại vâng theo Sa-môn Cù-đàm và các đệ tử của ông ta? Suy nghĩ kỹ thì người con dòng họ Thích ấy, tuổi còn nhỏ, học đạo lại chưa bao lâu, làm sao hơn chúng ta được? Chúng ta phải thử đạo lực với ông ta mới biết ai thắng ai bại. Giả sử Cù-đàm biến hóa một, chúng ta sẽ biến hóa hai; Cù-đàm biến mười sáu, chúng ta sẽ biến thành ba mươi hai, cứ gấp bội lần như vậy.

Họ liền nhờ một vị đại thần thân cận của vua Tần-sa hứa sẽ hậu tạ nếu ông ta tâu lên vua với ý nguyện thi đạo lực biến hóa mà họ đã cùng nhau bàn luận. Vị đại thần tâu trình lên nhà vua lời kiến nghị ấy. Đức vua nghe xong hết sức tức giận. Vị đại thần nhiều lần can gián vua xong, vội trở về phủ.

Các Phạm chí bỗng nhiên lại thấy chỉ một mình Đức Phật được sự kính ngưỡng đặc biệt, liền kéo tới trước cửa hoàng cung, dâng thơ lên nói rõ ý nguyện thi đạo lực. Nhà vua vừa nghe đến sáu vị ấy lập tức nổi giận, mắng chửi thậm tệ.

Đức vua đã thấy chân lý, tự thân được chứng đắc nên không

bao giờ còn tin việc làm của các vị Dị học (Phạm chí) liền ra lệnh cho quan cận thân:

–Hãy mau đuổi các Phạm chí này ra khỏi lãnh thổ của ta.

Các Phạm chí bị trục xuất, cùng nhau đến nước Xá-vệ. Sau khi giảng dạy tại nước Vương xá xong, Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đi đến các địa phương khác và lần hồi về đến tinh xá Kỳ hoàn thuộc nước Xá-vệ.

Các Phạm chí không thể nhẫn nhục được khi nhìn thấy Đức Phật được cung kính đặc biệt như vậy, nên tập hợp sáu vị lãnh tụ tôn giáo cùng các vị Dị học tới vua Ba-tư-nặc tâu rõ ý nguyện thi đạo lực của họ. Nhà vua vừa nghe xong liền cho đánh xe đến chỗ Đức Phật. Sau khi cúi đầu mặt lạy dưới chân Đức Phật, vua ngồi một bên, chấp tay thỉnh cầu:

–Đức độ và đạo lực của Đức Thế Tôn thật vô cùng vi diệu, xin Ngài hiện bày đạo lực làm cho người chưa được thấy nghe sinh tín tâm, người đã được thấy nghe càng thêm thông suốt tỏ tường và khiến cho các dị học ngoại đạo chẳng xuyên tạc được.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Sau bảy ngày nữa, Ta sẽ thị hiện thần biến.

Vua nghe thế rất vui mừng, nhiều quanh Đức Phật ba vòng rồi ra về. Đến ngày thứ bảy nhà vua truyền làm mười vạn sàng tọa cho Đức Phật, đồng thời cũng làm mười vạn giường ngồi cho chúng Dị học ngoại đạo.

Người dân trong thành Xá-vệ tất cả đều bỏ thành trống không, cùng nhau kéo ra xem Đức Phật hiển bày sức thần oai. Đúng giờ thi đấu, các Phạm chí, mỗi người đều ngồi vào tòa ngồi của mình. Nhà vua đứng dậy bạch Đức Phật:

–Xin Đức Thế Tôn ngồi vào tòa, hiển bày đạo lực.

Bấy giờ vị đại quý tướng quân Ban Thức vừa đến đảnh lễ Đức Phật, nghe các Phạm chí muốn thi đấu đạo lực với Đức Phật liền làm một trận cuồng phong mưa lớn, thổi vào chỗ của các Phạm chí, và tuôn mưa tuyết phủ lên các Phạm chí, có người bị tuyết phủ tới gối, có người tới ngực.

Đức Phật liền hiện bày đạo lực, làm cho ngay giữa tòa ngồi của

Ngài lửa bốc lên, hơi nóng lan ra tám phương. Chúng Phạm chí nhóm ông Bất-lan... thấy tòa ngời của Đức Phật bốc lửa như thế đều vui mừng tự nghĩ chính là đạo lực của họ đã làm ra lửa cháy. Đức Phật hiển bày đạo lực xong, ngọn lửa cũng tắt lịm. Các Phạm chí khi đó mới biết chẳng phải việc ấy do thần lực của họ làm ra, trong lòng liền buồn rầu, có ý hối hận.

Đức Phật đứng dậy rời tòa Sư tử. Trong chúng hội có một vị Thanh tín nữ, có thần túc, đứng dậy chấp tay bạch Đức Phật:

–Đức Thế Tôn không cần phải nhọc lòng, con muốn cùng các vị Di học này thi hiện hóa thần lực.

Đức Phật bảo:

–Không nên! Hãy ngồi xuống tòa, để tự Ta hiện thần túc.

Con gái của vị Thanh tín sĩ nghèo khó Tu-đạt tên Chuyên Hoa Sắc đã xuất gia làm Sa-di, cùng với Mục-kiền-lan, cùng đi tới bạch Đức Phật:

–Đức Thế Tôn không cần phải nhọc sức thần, nay chúng con xin cùng thi đạo lực với ngoại đạo.

Đức Phật bảo:

–Không cần thiết! Hãy trở về chỗ ngồi, để Ta tự hiện thần túc.

Ý của Đức Phật muốn khiến cho mọi người đều được phước an ổn, xót thương tất cả trời người, muốn họ đều được giải thoát. Ngài hàng phục các Phạm chí cũng muốn vì người học đạo trong tương lai nên hiển bày tuệ lực làm cho đạo Phật được tồn tại lâu dài ở đời vị lai. Khi ấy Đức Phật hiển bày các sức thần túc lớn biến hiện, từ tòa Sư tử bay lên đến phương Đông, trên hư không đi đứng, ngồi, nằm nghiêng về phía hông bên phải, nhập Hỏa định thần túc phóng ra ánh sáng năm màu, làm cho mọi vật đều thành nhiều màu sắc. Dưới thân hiện ra lửa, trên thân nước phun ra, rồi thân trên hiện ra lửa, thân dưới phun nước. Ngài biến mất ở phương Đông qua phương Nam, biến mất ở phương Nam qua phương Tây, biến mất ở phương Tây qua phương Bắc. Ở mỗi phương, Ngài đều trụ trên hư không hiển bày đạo lực như đã nói ở trên. Ngài ngồi trên không trung, hai vai đều hiện một trăm hoa sen, trên đầu hiện một

ngàn hoa sen, trên mỗi hoa sen đều có Đức Phật ngồi thiền, hào quang chiếu khắp mười phương. Các vị trời cũng ở trên hư không rải hoa lên Đức Phật, đều nói:

–Lành thay! Oai thần của Đức Phật làm chấn động cả mười phương.

Đức Phật thu sức thần túc, trở về tòa Sư tử. Các Phạm chí khi đó im lặng chẳng nói được lời nào; tất cả đều cúi đầu, như loài chim Cừu đang ngủ. Khi ấy Trì-hòa-di-thiết bay lên hư không hiện lửa khói ùn ùn rất dễ sợ, nhưng chỉ khiến cho các Phạm chí thấy. Bọn họ lập tức kinh hoàng, sợ hãi tột cùng, toàn thân run lập cập, y phục xốc xếch, lông dựng đứng, mỗi người đều bỏ chạy hết.

Đức Phật giảng rộng kinh pháp cho hai chúng nghe. Ngài dạy về bố thí, trì giới là con đường thiện đưa đến Thiên giới, giảng rõ ái dục chỉ gây tạo khổ đau, nói về tai hại của ái dục đưa đến sự đau khổ không bền chắc. Đức Phật dùng tuệ quán biết tâm ý mọi người đã được an trụ, nhu nhuyễn không thoái chuyển nên vì chúng nói pháp Tứ đế.

Trong chúng hội, có người phát tâm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; có người quỳ thẳng; có người cầu thọ giới; có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người được quả Tư-đà-hàm, có người được quả A-la-hán.

Khi đó mọi người đều sinh ý niệm nghi ngờ: “Vì sao các vị này đã rời đời sống gia đình, xuất gia. Lại còn tranh luận thi thố.”

Đức Phật biết ý nghi của mọi người, liền hóa thành một Đức Hóa Phật đứng trang nghiêm phía trước, có ba mươi hai tướng tốt, vận pháp y, chư đệ tử của Ngài cũng hóa ra các hóa nhân. Khi Hóa thân Phật nói thì các hóa đệ tử cũng nói. Khi Đức Phật nói thì Hóa thân Phật im lặng. Khi Hóa thân Phật nói thì các Đức Phật im lặng. Vì sao vậy? Vì Bạc Chánh Giác muốn trực tiếp độ cho tâm ý của chúng hội quay về chánh thiện. Khi ấy Đức Hóa Phật liền quỳ gối phải dưới đất, chấp tay hướng về Đức Phật, đọc bài kệ hỏi:

*Luận tranh từ đâu sinh khởi
Làm lo buồn rồi ghét ganh
Vọng ngữ chuyển thành hủy báng*

Từ đâu có, xin Phật dạy?

*Tự ái thân nên tụng đấu
Rồi ganh ghét thành khổ sầu
Hủy báng nhau nên vọng ngữ
Gốc tranh tụng do hủy báng.*

*Ái nhiễm đời từ đâu có
Rời thế gian, sao lại tham?
Đã xuất gia không còn dục
Từ không dục lại chuyển tham.*

*Do sở dục đắm thế gian
Vì muốn lợi nên chịu khổ
Hữu không bỏ liền khởi tranh
Theo đó chuyển, hữu không còn.*

*Theo thế dục, gốc vì đâu
Từ đâu lại phân thiện, ác
Từ nơi đâu khởi bốn mặt?*

*Pháp Sa-môn Phật đã thuyết
Đời vừa vui, vừa không vui
Theo duyên này dục sinh khởi.*

*Mất đắm sắc do đâu hết
Khiến thế nhân đều phân biệt?*

*Do khinh khi khởi nghi ngờ
Cũng một pháp hiểu thành hai.*

*Từ niệm nào học chân lý
Cầu hiểu rõ mọi học thuyết?
Vui, không vui gốc từ đâu
Không thân cận từ đâu diệt?
Thịnh và giảm, một nghĩa lý
Mong thuyết giảng, rõ nguồn căn.*

Hỷ, không hỷ đều đắm xúc

www.daitangkinh.org

*Việc qua rồi không sở hữu
 Từ nghĩa đó có thịnh, suy
 Thông như thế tranh dục dứt.*

*Xúc cảm trần, gốc từ đâu
 Đắm sắc trần, do đâu khởi?
 Do niệm nào không nhiễm trước
 Nhân duyên gì mê đắm sắc*

*Theo danh sắc mê cảm xúc
 Vì có hữu, sắc khởi ngay
 Vượt si mê liền giải thoát
 Duyên theo sắc, xúc liền sinh.*

*Nương vào đâu bỏ hảo sắc?
 Chạy theo ái bởi vì đâu?*

*Tâm chấp trước cần diệt hết
 Tuệ quán hành, tâm giải thoát
 Ngừng niệm tưởng, không sắc tưởng
 Chẳng tưởng vô, chẳng tưởng hành
 Đoạn trừ hết không đắm trước
 Do tưởng lạc nên có khổ.*

*Điều con hỏi thầy đều thông
 Nay lại hỏi, xin dạy tiếp:
 Hóa hiện thân đều cụ túc
 Không một ai hơn Thế Tôn
 Trong cực chánh gì tà?*

*Nương Thánh pháp được tuệ quả
 Ta nhập định giữa rừng già
 Trí vô dư thuyết thắng pháp
 Được như thế do nhất tâm.
 Ta vì chúng không giới hạnh
 Mau đến hỏi, sẽ vượt trần
 Đoạn thế nhiễm, bỏ dục thân.*

Phật nói kinh Nghĩa Túc xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.



PHẬT NÓI KINH NGHĨA TỨC QUYỂN HẠ

11- KINH PHẠM CHÍ MÃNH QUÁN

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ dưới một cội cây tại thành Ca-duy-la-vệ thuộc vương thổ họ Thích cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, đã cất gánh nặng xuống, vãn nghĩa đều thông suốt, không còn phải thọ thân sau.

Bấy giờ từ mười phương thế giới, các vị trời có sức thần diệu cùng vân tập xuống, đến chỗ Đức Phật mong được diện kiến Đức Thế Tôn và chư vị Tỳ-kheo Tăng. Bốn vị Phạm thiên vương cùng bảo với Thiên chúng:

–Các vị Sơ học nên biết, Đức Phật đang trụ dưới một cội cây tại thành Ca-duy-la-vệ thuộc vương thổ dòng họ Thích cùng với năm trăm vị A-la-hán và có cả các vị trời có sức thần diệu ở mười phương thế giới cùng đến để lễ Phật, muốn được chiêm ngưỡng uy thần của Đức Thế Tôn và chư vị Tỳ-kheo. Nay sao ta lại không đến đó để chiêm ngưỡng uy thần của Ngài.

Bốn vị Thiên vương liền cùng Thiên chúng ở cõi trời thứ bảy bay xuống, trong khoảng thời gian một người co duỗi cánh tay đã đến gần bên cạnh Đức Thế Tôn. Tất cả các vị trời đều đến đảnh lễ Đức Phật và chư Tỳ-kheo, rồi mỗi vị đều ngồi xuống. Vị Phạm thiên vương thứ nhất ngồi trên tòa nói kệ:

*Nay hội lớn ở giữa rừng
Chư Thiên chiêm bái Thế Tôn
Con nay đến để nghe pháp
Và mong gặp chúng Ứng thân.*

Vị Phạm thiên thứ hai cũng ngồi trên tòa nói kệ:

*Học chúng này nên nhiếp ý
Học và hành theo chánh hạnh
Như xa phu khéo giữ cương
Phòng hộ mắt, tâm tỉnh giác.*

Vị Phạm thiên thứ ba ngồi trên tòa nói kệ:

*Tận lực đoạn bảy niệm tà
Tâm định tĩnh như gang sắt
Ý quán tịnh, xả cấu trần
Tuệ nhãn sáng, tâm thông suốt.*

Vị Phạm thiên thứ tư ngồi trên tòa nói kệ:

*Dốc lòng quy mạng Thế Tôn
Chết không sinh theo tà ám
Xả thân người sau chuyển sinh
Được thân trời lìa tai họa.*

Lúc đó, có một vị Phạm chí tên Mãnh Quán ngồi một chỗ trong đại chúng sinh tâm nghi các lời ấy. Đức Phật biết ý niệm nghi ngờ của Phạm chí Mãnh Quán nên hiện ra một Đức Hóa Phật, dung tướng đẹp đẽ tuyệt trần, mọi người thấy qua đều hoan hỷ. Ngài có ba mươi hai tướng của Bạc Đại Nhân, thân tỏa ra ánh sáng màu hoàng kim, vận Đại y, trên y cũng tỏa ánh sáng như thế. Đức Phật Hóa thân hướng về Đức Phật chấp tay nói kệ khen:

*Ai mong hiểu việc, cần biết
Muốn Thắng Tuệ nên tự thuyết
Người nắm rõ được pháp này
Cầu chánh hạnh, đừng hiểu sai.
Chấp như vậy sinh tranh cãi
Cho người mê, ta tuệ sáng
Bình đẳng thuyết lời thật tâm
Tất cả là lời thiện thuyết.
Không hiểu rõ pháp Hữu, Vô
Mê, vô tuệ, không trí sáng
Đều khổ, mê, xa tuệ rạng*

Các niệm tâm đều u ám.
 Bỏ niệm chấp, hành theo đó
 Tuệ được tịnh, ý thiện lành,
 Lầm chấp đó, tuệ suy giảm
 Mọi chấp trước cần lắng tịnh.
 Không chấp ngã là tối thắng
 Chuyển tâm si, không bị buộc
 Điều tự thấy cho chánh chân
 Thân tự si, thêm ngã chấp,
 Tự nói pháp độ vô cùng
 Tự thân không, tham trộm lấy
 Tám niệm si mãi chuyển xoay
 Học điều gì cũng vô lý.
 Tuệ quán suốt hữu và vô
 Rõ chân lý không ngược đối
 Theo tư ý, chưa đạt lý
 Nên học mãi vẫn lặng câm.
 “Đạt không nói là pháp gì?”
 “Ai là bậc thuyết lý chân?”
 “Cần theo gì đạt viên lý?”
 “Từ đâu khởi ý thức sinh?”
 “Tâm chửa thoát sao nói thoát?”
 Từ dị tưởng khởi phân suy
 Mắt thấy cảnh liền bị trói
 Thức đối lừa chấp thành hai.
 Nghe, thấy chỉ bởi ý hành
 Đắm dục, thức tạo tranh chấp
 “Ngưng thẩm suy phải quán gì?”
 Do si ấy càng chấp thủ.
 “Đã si mê sao thuyết lý?
 Người thuyết lý nên tuệ rạng”
 Ta cũng tự thuyết thiện pháp”
 Tranh công người oán liền sinh.
 Mãi tà kiến theo lầm thầy

Trí tà ác luôn lôi kéo
 Thường phủ bóng không ngừng nghỉ:
 “Ta trì giới luôn quang minh.”
 Thấy chân lý, tà không thẹn
 Có tự thẹn, trí sáng hiện.
 Mọi chấp trí do phân biệt
 Lòng si mê không trí hạnh:
 “Ta theo để nên tuyên thuyết
 Khiến mọi người tự tịnh pháp.”
 Chấp theo đó bị loạn tâm
 Do niệm ấy khổ, ô nhiễm
 Theo dị hành được hiểu tịnh
 Tuy như thế không toàn thịnh.
 Chúng dị học nghe ngòi an
 Lòng tham, ngã thêm kiên cố
 Tự ngã nặng nên phòng tham
 Có si mê, nào được thuyết.
 Tùy lời thuyết chửa tịnh thanh
 Nhưng độ người thành pháp diệu
 Đạt lý rồi giảng tự tại
 Dù cõi trần đầy loạn suy
 Rời tất cả không khởi niệm
 Không diệu ngữ vẫn tuyên thuyết.

Phật nói kinh Nghĩa Túc này xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

12- KINH PHẠM CHÍ PHÁP QUÁN

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ dưới một cội cây tại thành Ca-duy-la-vệ, vương thổ dòng họ Thích cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo đều đã đạt quả Ứng chân, đã đặt gánh nặng xuống, theo nghĩa tự chứng, không còn tái sinh.

Khi ấy các vị trời có sức thần diệu ở mười phương thế giới đến lễ Phật muốn xem đức độ của Thế Tôn và chư Tỳ-kheo Tăng. Bốn vị Thiên vương ở tầng trời thứ bảy cùng bảo các Thiên chúng:

–Học chúng nên biết, Đức Phật đang trụ dưới một cội cây tại thành Ca-duy-la-vệ, vương thổ dòng họ Thích cùng năm trăm vị Chân nhân, và có cả các vị trời có sức thần diệu ở mười phương thế giới đều đến lễ Phật, muốn xem uy thần của Đức Thế Tôn và chư Tỳ-kheo. Chúng ta nay sao không đến để xem uy thần của Ngài.

Bốn vị Thiên vương liền cùng Thiên chúng ở tầng trời thứ bảy bay xuống, trong khoảng thời gian một người co duỗi cánh tay đã đến bên cạnh chỗ Đức Phật. Các vị cùng tới lễ Phật và các vị Tỳ-kheo Tăng rồi mỗi người ngồi trên tòa của mình. Vị Phạm thiên thứ nhất ngồi trên tòa nói kệ:

*Nay hội lớn ở giữa rừng
Chư Thiên chiêm bái Thế Tôn
Con cũng đến để nghe pháp
Và mong gặp chúng Ứng chân.*

Vị Phạm thiên thứ hai ngồi trên tòa nói kệ:

*Học chúng này nên nhiếp ý
Học và hành theo chánh hạnh
Như xa phu khéo giữ cương
Phòng hộ mắt, tâm tỉnh giác.*

Vị Phạm thiên thứ ba ngồi trên tòa nói kệ:

*Tận lực đoạn bảy niệm tà
Tâm định tĩnh như gang sắt
Ý quán tịnh, xả cấu trần
Được tuệ nhãn, tâm thông suốt.*

Vị Phạm thiên thứ tư ngồi trên tòa nói kệ:

*Dốc lòng quy mạng Thế Tôn
Chết không sinh theo tà ám
Xả thân người sau chuyển sinh
Được thân trời là tai họa.*

Trong chúng hội lúc đó, có một Phạm chí tên Pháp Quán cũng

ở trong đại chúng suy nghĩ việc đó, thấy bậc đã giải thoát nơi Nê-hoàn mà còn có thân thể nên sinh ý nghi ngờ. Phật biết Phạm chí Pháp Quán sinh niệm nghi nên hiện ra một Đức Hóa Phật, dung tướng đẹp đẽ tuyệt trần, mọi người xem qua đều hoan hỷ, có ba mươi hai tướng của Bậc Đại Nhân, thân tỏa ra ánh sáng màu hoàng kim, vận Đại y, trên y cũng tỏa ánh sáng như thế. Đức Hóa Phật hướng về Đức Phật chấp tay, nói kệ khen:

*Theo nhân duyên hiện có nói
 Như đã đạt đến điều thiện
 Niệm ta, người cũng nhẹ qua
 Hay cũng trú trong duyên thiện.
 Không tự tri nên xấu hổ
 Do tranh biện nói thành hai
 Biết như thế nên xả bỏ.
 Quán nguyện yên, không loạn xử
 Mọi việc bình như đất phẳng
 Chưa tỏ phân nên đẳng tâm
 Theo điều gì sinh phân biệt?
 Điều nghe thấy chớ tác tưởng
 Nương đắm chúng khởi ác tâm
 Chỉ hướng niệm theo nghe, thấy
 Cả hai tịnh, ai tỏ sáng?
 Chưa trừ ái, thân hoàn thân
 Vì chấp giới phạm thanh tịnh
 Quán và hành cùng thông suốt
 Theo đó tu nên niệm tịnh.
 Cần sợ trần nương thiện thuyết
 Là chân lý cầu tu tập
 Tất cả tội do duyên ấy
 Theo đúng lời, siêng cầu tịnh.
 Vì quên nghĩa, khổ luân hồi
 Nỗ lực cầu cũng không nói
 Theo mất hành và tư duy*

Trâm sinh tử cũng từ đây.
 Tuệ như thật, thuyết như thật
 Giới hạnh đó đều xả bỏ
 Tội hay phước cũng xa lìa
 Tịnh, bất tịnh không niệm tưởng,
 Không nhiễm ô, không chấp tịnh
 Tu pháp đó vượt thế trần.
 Nói không hành vì kinh thị
 Niệm như thế liền biến tâm
 Tà lợi trần đều hoặc nhiễm.
 Vì chấp ấy nên tự xưng
 Thấy thiện pháp là dục cấu
 Tâm phân biệt chuyển tương tranh
 Tự thân hành không ô nhiễm
 Với lời thế đều không ngại
 Với các pháp không sở hữu.
 Người không tuệ thuyết pháp tịnh
 Mãi bị trời tâm cố chấp.
 Chư Thế Tôn hành vắng lặng
 Trí vô sư thuyết chân pháp
 Không pháp hành chỉ tự thuyết
 Vì nhất tâm nên đều tịnh.
 Nói pháp ấy, cũng phê bình
 Vì sở kiến đọa chấp tịnh
 Tự thân chịu oán niệm khởi.
 Trí muốn thắng nói lời kiêu
 Cần giải thoát điều chấp trước
 Không nương tựa, niệm bất tín
 Nguồn cội ấy do ham nói.
 Chấp tịnh hạnh, niệm chưa trừ
 Quán thế trần theo danh sắc
 Lấy trí đó mà lãnh thọ
 Bị dục nhiễm, ngã tướng sinh.
 Chẳng chịu theo pháp thiện tịnh

Có tuệ hạnh, đấm Hữu vô
 Lòng biết chánh vẫn thủ chấp
 Thấy vô nhiễm là pháp hành.
 Vượt tướng loạn không thọ lãnh
 Tuệ ý giải, đến vô sinh
 Không phân biệt theo thức trần
 Phòng chấp trước như cửa đóng
 Chỉ hành quán, không thủ chấp.
 Thế tôn đoạn tâm luyến trần
 Mọi niệm tướng đều không vương
 Tịnh với loạn đều xả niệm.
 Mọi suy hoại của phàm phu
 Bỏ thành cũ không xây mới
 Không có dục sao đấm trước?
 Thoát tà tín vượt dũng mãnh
 Đã giải thích thế, phi thế
 Với vạn pháp không còn nghi
 Với sở tri, nào niệm tướng?
 Buông gánh nặng thành Chánh Giác
 Không lỗi nguyện luôn an trụ.

Phật nói kinh Nghĩa Túc này xong, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

13- KINH PHẠM CHÍ ĐÂU-LẶC

Nghe như vậy:

Đức Phật trụ tại Lê sơn, nước Vương xá. Khi ấy bảy vị quý tướng quân cùng với quý tướng quân Quyết-ma-việt hẹn ước: vùng cai trị của vị nào sinh ra báu vật phải thông báo cho nhau biết. Trong cái ao thuộc vùng cai trị của quý tướng quân Quyết-ma-việt sinh ra một hoa sen ngàn cánh, rộng lớn như bánh xe đều có màu hoàng kim. Quý tướng quân Quyết-ma-việt dẫn năm trăm con quỳ đến chỗ bảy vị quý tướng quân kia bảo:

–Hiền giả nên biết, trong chiếc ao do tôi cai quản đã sinh một hoa sen ngàn cánh, riêng cọng của nó đã lớn như bánh xe, đều có màu hoàng kim.

Bảy vị quý tướng quân liền báo:

–Hiền giả cũng nên biết chỗ của tôi cai quản cũng xuất hiện điều thần diệu quý báu là Đức Như Lai Chánh Giác đi độ khắp ba cõi. Lời Ngài dạy đều làm cho người thế gian được an ổn, sinh pháp lạc vô thượng kiên cố vô song. Điều quý giá xuất hiện ở chúng tôi nào như bảo vật của Hiền giả. Vào ngày mười lăm trong tháng, Ngài thuyết giới giải tội.

Quý tướng quân Quyết-ma-việt bảo với bảy vị kia:

*Nay mười lăm ngày tịnh
Đêm sáng như vầng dương
Cầu Phật kiếm phương nào
Không tỏ nơi Ngài trụ.*

*Phật nay trụ Vương xá
Truyền dạy Ma-đê-nhân
Người nghe đều dứt khổ
Thấy rõ pháp thế gian
Từ khổ lại sinh khổ
Đoạn rồi, khổ không sinh
Nghe Bát chánh đạo rồi
Ưa muốn pháp canh lộ.*

*Nay cùng đến lễ lạy
Bậc ta hằng tôn kính.*

*Khởi ý đi cầu học
Nhưng niệm Hữu không dừng
Nếu còn yêu và ghét
Hữu niệm liền khởi theo.
Khi đứng đi chánh niệm
Ý lặng không sở hữu
Niệm yêu, ghét không còn
Niệm Không chẳng lồi cuốn,*

Chẳng nên vướng niệm tham
 Nãi hại không y cứ
 Bỏ niệm Hữu, hạnh chân
 Liệt tuệ không đấm trước.
 Bỏ tham không thủ giữ
 Thương, buồn, tâm nhu động
 Đoạn niệm không đấm tà
 Biết khổ gần làm chi?
 Nên giữ miệng không dối
 Không ganh, đừng ác ngôn
 Chánh ngữ không gièm pha
 Không nghĩ lời tranh đấu
 Giữ miệng tâm chớ xảo
 Chẳng ganh, nói lời ác
 Giữ hạnh sao theo dật?
 Không có sao loạn tâm?
 Nếu không nhiễm dục ác
 Ý sẽ tịnh không dơ
 Mọi chấp trước trừ hết
 Với pháp nên thẩm suy
 Ất đến được tỉnh giác.
 Sở hành đều đã tịnh
 Đoạn trừ hết không đấm
 Nên không còn thai sinh

 Thấy chân lý ba đời
 Sở hành tịnh không cấu
 Thành tựu mọi pháp hành
 Trừ pháp định tự tại,
 Thế Tôn, đức toàn thiện
 Thân, khẩu đều an tịnh
 Phật trụ định trong rừng
 Hãy cùng đến chiêm lễ.
 La-hán Lộc Tồn Trường

Ăn ít diệt tà tham
 Mau đến hỏi pháp độ
 Do đâu diệt thoát khổ?
 Chiếm ngưỡng Đức Như lai
 Sợ hãi đều không còn
 Cúi đầu đánh lễ Phật.

Bảy vị tướng quân quý và Quyết-ma-việt, sau đó mỗi vị có năm trăm quý hợp làm Thiên chúng, cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ Phật xong đứng một bên. Quyết-ma-việt quý tướng quân bèn bạch Phật:

La-hán Lộc Tôn Trường
 Ăn ít tu đặng tâm
 Thế Tôn định trong rừng
 Chúng con xin thưa hỏi:
 Khổ kia từ đâu diệt
 Làm thế nào thoát khổ?
 Bày nghĩa đoạn nghi vấn
 Làm sao thoát, không khổ
 Khiến diệt trừ khổ đau
 Làm dứt đi đau khổ?
 Lời diệu giải nghi ngờ
 Theo nghĩa không còn khổ.
 Ai tạo tác đời này,
 Ai tạo tác vương mắc,
 Ai tạo sở hữu đời
 Ai tạo làm đời khổ?

Sáu tạo tác đời này
 Sáu tạo thành vương mắc
 Sáu tạo thành sở hữu đời
 Sáu tạo làm đời khổ.

Đời này ai được độ
 Đêm ngày trọn không nghĩ

*Chẳng vướng cũng chẳng mắc?
Vực sâu ai chẳng chìm?*

*Tất cả theo thọ trì
Hành theo tuệ nghĩ tưởng
Lòng niệm theo ý thức
Là đức vượt bờ kia.
Lìa xa dục tưởng đời
Gặp sắc cũng chẳng màng
Chẳng vướng cũng chẳng mắc
Là chẳng chìm vực sâu.*

*Từ đâu còn sáu hướng
Làm sao không còn nữa
Ai khổ cũng nghĩ vui
Diệt tận chẳng còn gì?*

*Sau đó hoàn sáu hướng
Sinh ấy chẳng còn sinh
Danh diệt, dứt vô sắc
Hết tận còn lại gì
Vui mừng bước qua đường.*

*Bấy vị Đại tướng quân
Hiểu nên báo ân sâu
Đức Phật hiện khai đạo
Pháp thí là vô thượng.
Nay ma họp ngàn chúng
Đều chấp tay đứng yên
Tất cả tự quy mạng
Với Thế Tôn Đại Sư.
Nay tỏ lời cáo biệt
Thấy về trông việc nước
Đều lễ Bậc Chánh Giác
Niệm pháp nương pháp Phật.*

Bấy giờ giữa tòa có vị Phạm chí tên Đâu-lặc, cũng ở trong chúng, nhân lúc ấy bèn khởi ý với Bạc Tịch diệt Giải thoát, sinh lòng nghi ngờ. Phật biết Đâu-lặc có ý sinh nghi ngờ, bèn hóa ra Đức Phật hình dung đoan chánh đẹp vô cùng, người trông thấy không ai là chẳng vui. Hình thể vượt hẳn chư Thiên, thân có ba mươi hai tướng Đại nhân, sắc vàng tía, mặc y đại pháp. Đệ tử cũng là hóa nhân. Hóa nhân vừa nói, đệ tử cũng nói. Đệ tử vừa nói, hóa nhân cũng nói. Hóa nhân do Phật tạo ra. Hóa nhân nói thì Phật im lặng. Phật nói năng thì hóa nhân im lặng. Vì sao? Vì để chế phục mọi niệ. Hóa Phật bèn vén y bày vai phải, chấp tay dùng kệ tán thán:

*Nguyện xin hỏi Đấng Hiền Thân
 Xa lìa tịch tĩnh rất vui
 Từ đâu học được diệt tận
 Đều chẳng thọ sở hữu đời?
 Do đa dục nên ngã hiện
 Cứ nương theo tất phải loạn
 Ấy là ái dục bên trong
 Làm biến hoại đi giác thức.
 Chẳng dùng thì liền tự thấy
 Chi bằng giảm trừ các thứ.
 Tuy nghe thính chúng xưng tán.
 Chẳng khinh mạn với kẻ khác
 Như sở pháp đã được biết
 Hoặc bên trong, hoặc bên ngoài
 Nấy xin sức mạnh từ trong
 Không chỗ nắm bắt có, không.
 Nên tự giữ hạnh cầu diệt.
 Chứ theo người học cầu diệt
 Lấy ý tự hành đoạn diệt
 Cũng chẳng tùy vào nơi nào.
 Như ở giữa chỗ biển khơi
 Không sóng dâng, rất yên lặng
 Hết thấy dùng nghĩ như vậy
 Chẳng giác cùng ý với thức.*

Nguyên làm con mắt Đại tuệ
 Đã chứng pháp lại hiện thấy
 Nguyên làm thiện thứ quang nhân
 Từ trí định biết các thứ.
 Mắt nhiếp nhìn, hai bên khác
 Bịt tay lại chẳng đón nghe
 Theo vị giới, chẳng tham trước.
 Ta chẳng có gì trong đời.
 Thân có đây như thô tế
 Chẳng nghĩ tưởng khởi sâu tư
 Liên khởi sinh nguyên như vậy.
 Gặp hãi sợ, tuệ chẳng ngại
 Được lương thực và thức ăn
 Như chiếc y đang dùng dây
 Biết dùng đủ sau chẳng lo,
 Theo định đó, chẳng tham thêm
 Thường tu định vui trong rừng
 Xả là lý không hí phạm
 Khi ngồi cũng như lúc nằm.
 Chỗ thanh tịnh nỗ lực học
 Chẳng tự sợ mất khi ngủ
 Việc học hành thường giữ nghiêm
 Dứt mê mờ và bỏn cợt.
 Muốn đời tốt tất xa lìa
 Dứt tổn hại liền rõ mộng
 Đừng quán để hiện thiện ác
 Đừng hiện tuệ nơi bào thai
 Tất chẳng gần gũi với Thiên.
 Đừng tạo tác nơi mua bán
 Đừng theo đó làm tư lợi
 Đừng tham đắm nơi quê nước
 Chẳng theo đó cầu dục lợi.
 Đừng mừng vui chẳng thành thực

Cũng chẳng nói lời đôi nghĩa
 Sở hành tận vì cầu tuệ
 Giữ giới chẳng chút xem thường.
 Đến kết cùng chẳng sợ hãi
 Gặp hiền nhân chẳng lớn lời
 Bỏ lòng tham không đổ tội
 Bỏ hai lời pháp hận bi.
 Lòng muốn học lời tham trước
 Cũng chẳng buông tiếng thô lậu.
 Không xấu hổ, chẳng học đòi
 Hành buông xả, chẳng giữ oán
 Bày thô ác lời chẳng thiện.
 Cùng học đòi như phạm nhân
 Khéo ngăn lại chớ theo cùng
 Tuệ ứng hiện thân chẳng lỗi.
 Theo Như Lai lấy làm chính.
 Chẳng buông tâm ý vu vơ
 Từ tĩnh lặng biết diệt tận
 Chẳng nghi ngờ lời Phật dạy.
 Tự trí tuệ pháp chẳng mất
 Chứng pháp thấy biết vô số
 Thường theo học tuệ Như Lai
 Lại chẳng vương theo tuệ ấy.

Phật giảng kinh Nghĩa Túc này xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

14- KINH LIÊN HOA SẮC TỖ-KHEO-NI

Nghe như vậy:

Phật tại cõi trời Nhẫn lợi sắp mãn ba tháng an cư kiết hạ cây Ba-lợi-chất-đa trở hoa rất nhiều. Ngài ngồi trên phiến đá nhu nhuyễn, muốn thuyết kinh cho mẹ cùng chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi. Bấy giờ Thích Thiên vương đến chỗ Phật hành lễ, rồi bạch Phật:

-Nay con nên dùng thời nào để đợi nghinh tiếp Đức Thế Tôn?

Phật bảo Thiên vương:

–Dùng thời Diêm-phù-lợi đợi Ta.

Thiên vương nghe dạy bèn lễ Phật và hoan hỷ lui ra.

Bấy giờ Hiền giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở tại Xá-vệ, cũng an cư mùa hạ trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc vừa xong. Lúc ấy bốn chúng đều đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên. Chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, bốn chúng đồng lễ Tôn giả Mục-kiền-liên, rồi đứng sang một bên, cùng hỏi:

–Thưa ngài Mục-kiền-liên, nay ba tháng hạ an cư đã xong, Đức Thế Tôn đang ở tại nơi nào?

Mục-kiền-liên báo cùng bốn chúng:

–Nay Đức Phật đang ở tại cõi trời Đao-lợi. Sắp hết ba tháng hạ, nhớ mẹ mang thai cần khổ nên Ngài còn lưu lại thuyết kinh cho mẹ và chư Thiên cõi trời Đao-lợi, dưới cội cây Ba-lợi-chất-đa, trên phiến đá nhu nhuyễn. Cây ấy cao bốn ngàn, cành lá trải rộng hai ngàn dặm, rễ cây sâu xuống hai trăm lẻ tám ngàn dặm. Chỗ đá ngồi lún sâu xuống bốn tấc, khi bỏ ra thì nó trở lại như cũ.

Ngài Đại Mục-kiền-liên lại rộng vì bốn chúng thuyết kinh pháp, rồi yên lặng. Bốn chúng nghe kinh, hoan hỷ ghi nhớ, đánh lễ ngài Mục-kiền-liên trở về.

Ba tháng an cư đã xong, bốn chúng lại tập hợp đến chỗ ngài Mục-kiền-liên cúi đầu đánh lễ xong, ngồi xuống rồi bạch ngài Mục-kiền-liên:

Lành thay! Thưa Hiền giả, bậc có nhiều thần lực ở trong chúng mong làm phiến uy thần đến chỗ Phật, vì người thế gian mà đánh lễ dưới chân Phật, chuyển lời chúng con bạch Phật: Bốn chúng cõi Diêm-phù-lợi đang khao khát muốn nhìn thấy Thế Tôn. Lành thay! Đức Phật thương tình người thế gian nguyện xuống cõi Diêm-phù-lợi.

Mục-kiền-liên nghe vậy im lặng. Bốn chúng lại được nghe qua giáo pháp và đồng hoan hỷ. Mục-kiền-liên từ biệt. Bốn chúng làm lễ, rồi nhiễu quanh Ngài xong ra về.

Bấy giờ ngài Mục-kiền-liên bèn dùng định ý, như tráng sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi Diêm-phù-lợi biến mất đi đến cõi trời, cách Phật không xa. Bấy giờ Đức Phật ở giữa vô số chư Thiên, ngồi giảng kinh pháp. Mục-kiền-liên bèn khởi tướng Như Lai đang ở giữa chúng chư Thiên, cách Diêm-phù-lợi như khoảng cánh tay co duỗi. Phật liền biết khởi niệm của ngài Mục-kiền-liên, bèn báo Mục-kiền-liên:

–Không như ở hàng thế gian, quyết đi thì liền đi, muốn đến là liền đến, đến đi là tùy sở niệm của ta.

Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Thiên chúng này có nhiều vui thú. Trong chúng chư Thiên có người trước kia một lòng quy y Phật, sau khi thọ mạng tận lại sinh vào cõi Thiên. Hoặc có kẻ quy y Pháp hoặc quy y Tăng, sau khi thọ mạng lại sinh cõi Thiên. Hoặc có kẻ đời trước thanh tâm lạc đạo, sau khi mạng chung lại được sinh Thiên.

Phật bảo:

–Này Mục-kiền-liên, đúng như vậy. Trong cõi trời, những người trước kia có lòng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tâm vui thích đạo, sau khi mạng chung đều sinh lên cõi trời.

Bấy giờ, Đế Thích ngồi bên Phật, lắng nghe lời Phật và Mục-kiền-liên bèn lên tiếng:

–Lời của Hiền giả Mục-kiền-liên nói quả đúng như vậy. Thân đời trước quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, và tâm thanh tịnh vui thích đạo, đều sinh lên cõi trời.

Khi ấy có tám vạn vị trời đều ngồi phía sau Đế Thích, chư Thiên đều muốn nghe lời Phật và Mục-kiền-liên cùng lời của Thiên vương, bèn nói:

–Hiền giả Mục-kiền-liên, đúng như lời Hiền giả đã nói, có những người đời trước kia thân quy y Tam chánh, tâm thanh tịnh vui thích đạo. Sau khi mạng chung đều sinh cõi trời.

Bấy giờ, tám vạn vị trời có duyên với ngài Mục-kiền-liên, thấy đều tự thuật đã chứng được quả Câu hạng.

Mục-kiền-liên bèn đến trước đánh lễ, đầu mặt cuối xuống chân Phật, rồi bạch Phật:

–Bốn chúng ở Diêm-phù-lợi đang khao khát được gặp Phật. Lành thay, nguyện Thế Tôn thương tưởng thế gian mà xuống cõi Diêm-phù-lợi.

Phật bèn bảo ngài Mục-kiền-liên:

–Ông hãy xuống báo với bốn chúng thế gian, sau bảy ngày Phật sẽ từ cõi trời xuống hội An tường ở rừng cây Ưu-đàm.

Mục-kiền-liên vâng nhận lời dạy, bèn làm lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi dùng định ý, trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, biến mất nơi cõi trời Đao-lợi, và trụ tại đất Diêm-phù-lợi, báo cùng người thế gian:

–Đức Phật sau bảy ngày sẽ từ cõi trời xuống hội An tường, nơi rừng cây Ưu-đàm.

Phật nơi cõi trời bèn dùng định ý, như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc, từ trời Đao-lợi lên đến cõi Diêm thiên, thuyết giảng kinh cho chư Thiên. Rồi rời cõi Diêm thiên đến Đâu-thuật thiên, lại rời Đâu-thuật thiên đến Bất kiêu lạc thiên, Hóa ứng thanh thiên, Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên, Thủy hành vi thiên, Vô lượng thủy thiện, Thủy âm thiên, Ước tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Tịnh minh thiên, Thủ diệu thiên, Huyền diệu thiên, Phước đức thiên, Đức thuần thiên, Cận tế thiên, Khoái kiến thiên, Vô kết ái thiên, đều thuyết giảng kinh, khiến tất cả đều hoan hỷ.

Sau đó, Phật lại từ cõi Sắc thiên xuống trụ tại Tu đại thí thiên. Từ trên xuống tất cả là hai mươi bốn cõi trời. Đến trụ tại cõi trời thứ ba, xong lại dừng trên cõi Hữu sắc thiên, lại xuống Hữu dục thiên, đến trụ trên đỉnh Tu-di ở cõi trời thứ hai. Bảy giờ có vị Thiên tử theo giáo ý Xiêm Bị vương bèn hóa làm ba bệ: Một là bệ vàng, hai là bạc, ba là lưu ly. Phật từ đỉnh Tu-di bước xuống bệ lưu ly dừng lại. Phạm thiên vương cùng các vị trời ở cõi Hữu sắc thiên đều theo bên phải, Phật trụ ở thêm vàng. Thiên vương Đế Thích cùng các chư Thiên Hữu dục theo bên trái Phật, trụ tại thêm bạc. Đức Phật cùng vô số chư Thiên cõi trời Hữu sắc Đế Thích, vô số chư Thiên cõi trời Hữu dục cùng nhau xuống Hội An tường ở cõi Diêm-phù-lợi, bên rừng cây Ưu-đàm. Điều này khiến cho vô số nhân dân đến dự hội

muốn thấy được Phật, muốn nghe pháp.

Lúc bấy giờ, Liên Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni hóa mặc trang phục Kim luân vương mở ra lối đi bảy báu, cùng các binh lực sĩ bay mau đến Phật. Các đại chúng nhân dân cùng trưởng giả, Đế vương từ xa thấy Kim luân vương đáp xuống, chẳng ai dám ngăn, lại lánh rộng ra làm thành đường lớn. Liên Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật.

Khi ấy trời trông thấy người, người cũng nhìn thấy trời. Do uy thần của Phật mà trời xuống thấp, đất cao lên. Người đều như nhau, trời không ý tham nơi người, người cũng không ý tham nơi trời. Bấy giờ có người tham trước thích thú Kim luân vương. Khi ấy lại có một Tỳ-kheo đi đến cách Phật không xa, bèn ngồi xuống thân thẳng, ý giữ lấy giới. Vị Tỳ-kheo trông thấy trời tụ họp vui vậy, người cũng họp lại vui vậy, bèn tự phát khởi niệm: “Tất cả đều là vô thường, tất cả là khổ, tất cả là không, tất cả chẳng phải ngã thì còn tham gì, còn nguyện gì, cho đến nào có gì”. Vị Tỳ-kheo ngay tại chỗ này liền đắc quả Dự lưu và tự chứng. Phật biết người, biết trời, biết vị Tỳ-kheo kia ý sinh niệm tưởng như vậy, bèn thuyết kệ:

*Có lợi được nhân tình
Trì giới được làm Thiên
Ở thế riêng làm vua
Kiến đế là tôn quý.*

Lúc ấy Liên Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni vừa đến trước Phật, liền thu nhiếp bảy báu thần túc và các chúng binh đều biến mất; riêng một mình không mũ che, mặc y pháp, đánh lễ dưới chân Phật.

Đức Phật nhân đó đến rừng Ưu-đàm, bày thành chỗ ngồi, vừa ngồi xuống liền vì đại chúng nhân dân giảng rộng kinh pháp. Ngài thuyết về Bố thí, Trì giới, khéo hiện ra cảnh trời. Thuyết về dục, năm điều ưa thích thống khổ đều là ác. Đức Phật biết mọi người cũng có ý xa lìa sự thô lậu bèn hiện Khổ đế, Tập, Tận, Đạo đế. Trong chúng có người quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng; có người tùy lực giữ giới, có người đắc quả Câu hạng, tự chứng Nhất lai, cho đến chứng quả Bất hoàn. Bấy giờ Hiền giả Cung Tự Tại từ chỗ ngồi bèn đứng lên vén y bày vai phải, hướng về Đức Phật, chấp tay nói kệ xưng tán Phật:

Cung kính Bậc Hùng Biển quán
 Thấy để hiện thuyết độ chúng
 Nghĩ tưởng phước thường xót thương
 Được trời người đều khen ngợi.
 Lại đạo ấy độ vô cùng
 Bỏ sợ hãi được an lạc
 Diễn rộng pháp soi khắp nơi
 Trong an lạc đều bất tử.
 Giới Phật biển rộng vô biên
 Nghĩa sâu sáng đại thiện hạnh
 Không trước nhiệm mọi uế tịnh
 Thuyết tuệ độ qua ba cõi.
 Không tổn thương, không tăng giảm
 Phật chẳng trước nhiệm hành xả
 Bậc Tôn Giới, Thầy ba cõi
 Gặp tại thế, không trở lại
 Tâm trụ hiền ai hơn Phật
 Định tự tại vượt trời người
 Sức tuệ sáng rực sắc vàng
 Trời người nào chẳng lễ Phật.
 Thầy quán thế hai hội chúng
 Tuy quán xả, chẳng vướng qua
 Ý quán tâm lại vô trước
 Ba cõi không, Phật sở không
 Nhỏ tận gốc mọi tục hạnh
 Dùng cam lộ, định chí định.
 Nay Thiên thân quy phục Phật
 Đầu chấp tay quán giác thân
 Tâm không nghi vui hiền pháp
 Đầu hiểu biết tâm trời người
 Cũng như tâm hành trùng thú
 An tịnh lại động lòng thương.
 Tự phóng hóa lên cõi trời

Chân chánh định khéo thu nhiếp
 Ngăn ý, giữ lấy niềm tin
 Bạc Giác Thế cõi trời người
 Đạo đức vượt có ai bằng
 Quán hình Phật nào có chán.
 Trong ba cõi riêng bước đi
 Nghĩa giới vững như núi báu
 Chẳng sợ hãi trong ba cõi
 Bỏ tật niệm, không ái ân.
 Tuệ, định sáng như mặt trời
 Trăng trong đêm không tỳ vết.
 Theo tịnh giới, hiện tịnh hạnh
 Có tịnh tuệ hơn hẳn tịnh
 Trụ pháp tịnh, hiện ánh tịnh,
 Tuyết núi cao thấy sáng ngời
 Đêm rằm, sao trong trăng sáng
 Pháp tất chiếu sáng trời người
 Thân tướng hiện châu Anh lạc.
 Bạc đế trong đế khéo thuyết
 Tự hành lấy vốn không thầy
 Riêng con nhà Phật thấy diệu
 Ngàn mắt tuệ trừ thương tật
 Lời đầy ý thắm không thô
 Trối bi thanh chỗ trời người.
 Nghe lời Phật, pháp dịu ngon
 Khát uống no như sông biển
 Sao lại không giữ pháp ấy?
 Cứ trì hành đến an tịnh.
 Thuyết nghĩa đoạn sau không tưởng.
 Lắng nghe Phật, mắt chú nhìn
 Tuệ hiện đường chẳng tà vạy
 Người đi trước vốn đã thành.
 Nguyên ý nhấn người mê sau
 Như Phạm vương chiếu khắp không

*Thần, trời vẫn nghĩ thế nhân
Thần hành, nghĩa không chỗ sánh
Theo pháp ấy bỏ thế niệm
Phật vẫn tại chốn vô dư.*

Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất ngồi ở giữa chúng, bèn rời khỏi chỗ ngồi, chấp tay nói kệ tán thán:

*Chưa từng thấy có việc này
Chưa từng nghe có ai nói
Phật như vậy, uy Thiên thần
Từ trời Đâu-thuật đến đây.
Khắp trời người đều ủng hộ.
Trọng ái tục như thân mắt
Thấy an tịnh không lay chuyển
Tự vui lấy trong độc hạnh
Vô ưu, hiểu thấu, khéo hành
Dạy cõi trời lại xuống trần
Khiến tâm giải trừ thân dục
Ác hạnh dứt, hiện nghĩa thiện.
Nếu Tỳ-kheo có tâm chán
Hành có bại, có chỗ không
Dưới cội cây như đồng trống
Tại núi sâu trong am vắng
Như chỗ cao xuống đất nằm.
Bọn phàm phu lại lo sợ
Làm cách nào để không sợ?
Hoặc sở hành cho sau này?
Chúng trần kia lại đến nghe.
Như xưa nay theo phương tiện
Chỗ Tỳ-kheo không ý nhiễm
Chỗ lặng dứt không tiếng vang
Miệng nói ra là thiện ác.
Tại chỗ hành nên làm sao?
Giữ giới, trụ hạnh không buông*

*Tỳ-kheo cầu học an tường.
 Sao là học giới bất lậu?
 Riêng cứ thường hành không bạn
 Diệt tối tăm cầu sáng mắt
 Muốn thanh trong sạch bụi tâm..*

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ý ông còn có chỗ chán ghét, có chỗ trước nhiễm, trụ trong không, mãi hành dục học. Nay nói pháp Như khiến ông nghe biết:

*Mọi khùng bố, tuệ không ngại
 Chí tâm học lìa ham muốn
 Loại châu chấu cũng loài sâu
 Người ghét tiếng thú bốn chân.
 Không pháp thân, chẳng ý thức
 Không sắc thanh chẳng ánh quang
 Thấy không ta nên xả, nhẫn
 Chớ nghe thiện lánh xa tham.
 Thân không bị điều đau đớn
 Lo sợ tất phải nhận lấy
 Gặp khổ đau khó chịu nổi
 Lấy tinh tấn làm chướng đỡ.
 Nguyện chẳng theo ý tưởng đẹp
 Dứt trừ căn để điều ác
 Không vướng mắc điều tham ái
 Không chờ đón cái đã qua.
 Trí, tưởng quen thành khéo léo
 Vượt thoát khỏi tiếng thô tháo
 Nhẫn không lạc mãi tu hành
 Bốn điều nhẫn pháp ai bi.
 Thường định nào, ăn thức gì?
 Sợ nên khổ vì sinh định.
 Nghĩa tưởng ấy rất đáng thương.
 Đi nơi xa, học vất bỏ
 Có vị khổ, có vị lạc
 Biết độ thoát, biết chỗ dừng.*

Chẳng nghe biết việc nước nhà.
 Tiếng thô ác chẳng nên nghe
 Đừng liếc mắt trộm nhìn người
 Cùng hội thiền đừng nằm nhiều
 Quán nhân duyên ý an tường
 Ngừng vọng niệm, dứt niệm nghi
 Đừng tà vạy cùng dối trá
 Thấy xót thương chớ sợ hãi.
 Hãy nhìn với tâm bình đẳng
 Ít mong cầu, thấu vô minh
 Lời ác kia đừng khởi ý.
 Chẳng gieo oán bạn đồng học
 Buông lời nói như nước mềm
 Pháp thức hổ thẹn đừng nghĩ.
 Như nhìn thấy bậc Tôn kính
 Đừng để ý có cảm thọ
 Như sắc thanh, như vị ngon
 Hương tinh xảo muốn đẹp trừ.
 Như vậy pháp chẳng buông lung
 Học chế ý nên khéo nói
 Pháp giới quán đều sáng rõ.
 Tu dứt bỏ mọi mê mờ.

Phật nói kinh Nghĩa Túc này xong Tỳ-kheo đều hoan hỷ.

M

15- KINH CHA CON CÙNG HỘI

Nghe như vậy:

Đức Phật ở tại vương quốc dòng họ Thích cùng với một ngàn vị đệ tử Phạm chí kỳ cựu, tất cả đều đã đắc La-hán, thông suốt lục đạt, sở cầu đều đầy đủ.

Phật từ nội thành giảng dạy, chuyển đến ngoài thành Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại. Người dòng họ Thích ở thành Ca-duy-la-vệ nghe Phật cùng một ngàn vị Tỳ-kheo La-hán chuyển chỗ giảng dạy, đã đến đất nước này ở trong khu lâm viên ngoài thành, bèn truyền nói với nhau. Trước lúc gà gáy đều phải tập họp. Họ cùng nhau bàn luận:

–Này chư Hiền giả, nếu Thái tử chẳng vui đạo, Ngài sẽ làm Chuyển luân vương. Chúng ta đều phải khuyên dân chúng trong thành này bỏ bả báu, tu đạo, đạt đến quả vị Phật. Nay chúng ta đều chọn trong các gia đình trưởng giả một người xuất gia, cũng theo Phật cầu làm Sa-môn. Các người trong dòng tộc Thích đều như vậy.

Các chúng càng lúc càng đông, liền kéo nhau ra ngoài thành Ca-duy-la-vệ, muốn nhìn thấy Phật, muốn nghe chánh pháp. Các cô gái dòng họ Thích cũng hội nhau đi đến chỗ Phật, muốn nghe chánh pháp. Bấy giờ, Phật dùng thần túc định ý hiện biến đi giữa không trung. Những người trong dòng họ Thích nhìn thấy Đức Phật đi giữa không trung đều sinh tâm hoan hỷ, kính phục.

Bấy giờ vua Duyệt-đầu-đàn bèn cúi đầu xuống chân Phật đánh lễ, rồi đứng sang bên. Dân chúng Ca-duy-la-vệ đều bất bình. Vua đã lễ Phật sao không thấy có pháp nào hoàn lễ. Vua nghe lời bất bình trong dân như vậy, bèn nói:

–Các Hiền giả, Thái tử đây lúc sinh ra, đại địa chấn động, ánh sáng chiếu khắp vô cùng. Ngài bước đi bảy bước, chẳng tựa nơi nào, nhìn trái phải cất tiếng nói: “Ba cõi rất khổ, nào có gì vui.” Chư Thiên trên hư không cầm lọng trắng, lại rải hoa Ma-ni, trời trống Ngũ bách lạc, làm mưa hương thủy tẩm gội Thái tử. Trong chúng dân bấy giờ, ta là người đầu tiên đánh lễ Thái tử. Các Hiền giả, Thái tử ở dưới cội cây Diêm-phù, buổi sáng đi đến ngồi lại, rồi nằm xuống.

Thái tử nằm về phía Đông thì bóng mát che khắp phía Đông, Thái tử ở về phía Tây thì bóng mát che về phía Tây. Bóng mát của cây không ngược hướng với thân Thái tử. Trong chúng dân bấy giờ, ta lần thứ hai làm lễ Thái tử.

Vua bấy giờ nói kệ:

*Nay vì ba tuệ dững mãinh
Cúi đầu lễ Bạc Biến Quán
Lúc vừa sinh động đất trời
Ngồi dưới tàn cây bóng mát.*

Bấy giờ Phật thu nhiếp thần túc xuống tòa. Chư Tỳ-kheo Tăng cùng người dòng Thích và các Thích nữ phía trước tòa đều cúi đầu lễ Phật, rồi trở về chỗ ngồi. Đức vua cũng ngồi trên tòa nói kệ khen ngợi Phật:

*Xe ngựa, voi vàng rứt
Chạy đi trong đài các
Nay chân bước khắp nơi
Da chân sao dày lên?*

*Xe tôi là thần túc
Tâm ấy độ vô hạn
Cỡi lên xe thần diệu
Xe trần sao dài lâu!*

*Vận gấm lụa nhẹ mềm
Khoác lên thân hình đẹp
Sương vàng phủ thân hành
Vận đó có gì đẹp?*

*Vương pháp là áo tôi
Thực hành theo lời dạy
Trước vận đó học đạo
Nay được quả Như Lai.*

*Vốn vui nơi điện các
Theo thời lập lầu riêng*

*Nay chỉ ở cội cây
Sợ hãi nương nơi nào?
Cù-dàm chẳng oán đời
Đã dứt hẳn thù hận
Thoát tục niệm vô ưu
Không thù còn gì sợ.*

*Xưa ăn theo ý vị
Bình vàng, thức ăn ngon
Như nay được phần ăn
Thô ác có vui gì?*

*Tôi trước dùng vị pháp
Bỏ tham theo khổ không
Đã đoạn bốn bữa quen
Thương đời nên hành vậy.*

*Xưa tắm dùng hương hoa
Kỹ nữ vui hầu hạ
Thiền định trong rừng cây
Ai tắm gội bậc trí?*

*Giới pháp vui là sông
Bên trong là tuệ định
Náo loạn đều rửa sạch
Theo dòng chẳng trở về.*

Bấy giờ Phật vì đức vua cùng các Thích nữ mà rộng giảng kinh pháp. Trước tiên Ngài giảng bày về Bồ thí, Trì giới, nẻo trời vi diệu, khéo giảng về sự khổ, con đường khổ não, ba mươi bảy phẩm, theo đó sẽ đạt được an lạc. Phật dùng đạo ý biết vua Duyệt-đầu-đàn đã mãn ý, tâm như hòa hoan hỷ, giải thoát hệ lụy, nên Phật thuyết pháp giải thoát. Ngài giảng về Khổ, Tập, Diệt và Đạo đế. Phật thuyết pháp Tứ đế, nhà vua ngay tại tòa liền thông suốt, giải trừ ba độc, ngay trong thời pháp chứng được pháp nhãn. Ví như con mắt trong sáng, thấu rõ các sắc, vua cũng nhập pháp như vậy. Lúc ấy vua đã được kiến đế, đoạn nghi, thông tỏ pháp, bèn đứng lên, hướng về

Phật chấp tay bạch:

–Điều thân cận đã thân cận, điều lánh xa đã lánh xa. Nay tôi thân quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong Đức Phật nhận tôi làm Thanh tín sĩ, từ đây cho đến cuối đời không phạm tịnh giới.

Do vậy trong họ Thích cũng có người quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Trong số nữ nhân họ Thích cũng có người quy y như vậy. Họ giữ giới không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không dối lừa, không uống rượu.

Vua Duyệt-đầu-đàn bấy giờ thấu rõ pháp, không còn nghi ngờ. Ý dũng mãnh nơi pháp, bèn đứng lên, chấp tay hướng về Đức Phật dùng kệ Nghĩa Túc này để tán thán:

*Có đủ giới làm sao thấy?
Phải nói gì từ ấm khổ?
Nguyện Cù-đàm giải lời này
Bậc Thế Hùng giảng chánh ý.*

*Trước tu dứt oán hại nặng
Sau chẳng vướng lấy mong cầu
Trong hiện tại không chấp thủ
Cũng không thọ, tôn kính không.*

*Niệm vị lai chẳng vương ái
Tưởng xa lìa cũng chẳng buồn
Hạnh viễn ly, xả nhu nhuyến.
Mọi tà kiến đều trừ sạch.
Đã diệt hết mọi nỗi sợ
Tín không đổi, không còn nghi
Tâm không ganh, vui cùng người.
Hành như vậy yêu mạng quý.
Khéo tự giữ chẳng vọng cầu
Được nhiều tuệ không đố kỵ
Chẳng xấu xa, không diêm dúa
Không hai lời, chẳng cợt đùa
Ý thoát hẳn, chẳng vướng chi
Bỏ mắt nhìn, không kỳ vọng.*

www.daitangkinh.org

Hạnh an tường, khéo buông bỏ.
 Cũng không muốn đoạn tưởng dục
 Chẳng học cầu nơi dục lạc
 Tất chẳng có cũng chẳng lo.
 Không oán ghét, bỏ ái dục
 Không thú gì còn sai khiến
 Chẳng tự cao ta vô đẳng
 Gặp hủy báng càng kính trọng.
 Nên hành quán định tâm ý
 Thấy thiện ác chẳng khởi vọng
 Bỏ nơi đây không chỗ dừng
 Pháp quán hướng dựa vào đâu?
 Muốn sắc không cùng vô sắc
 Theo trí lượng chẳng muốn thoát
 Ái đã dứt chính dừng tâm
 Ba cõi không, chẳng vui ý
 Buông thoát hết còn được gì
 Đã vượt biển không còn lo
 Chẳng nguyện sau phải sinh lại.
 Hạnh nguyện đất bầy vật báu
 Đến chẳng sinh, đi chẳng đến
 Muốn buộc gì, từ đâu được?
 Điều không sao nói tận cùng.
 Chúng học Sa-môn nhất tâm
 Tất khiến cầu nơi chốn đó
 Như xúc chạm liền biết ngay
 Chẳng ghen ghét, cũng không tham,
 Tuy ở bậc cao chẳng vui
 Giữa chẳng vui, dưới chẳng vui
 Theo pháp sinh xả phi pháp
 Tất cả không, cũng không có
 Cùng không được, cũng chẳng cầu
 Chẳng ham muốn tà lạc đời
 Ý đã tịnh liền giải thoát

Phật nói kinh Nghĩa tức này xong, chư Tỳ-kheo cùng vua Duyệt-đầu-đàn và người dòng họ Thích thấy đều hoan hỷ.

M

16- KINH VUA DUY-LÂU-LẶC

Nghe như vậy:

Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ các người dòng tộc Thích xứ Ca-duy-la-vệ vừa xây mới đại điện chưa được bao lâu, người Thích cùng bàn với nhau:

–Từ nay về sau đừng để Sa-môn Phạm chí dòng họ Thích vận y quan cùng trưởng giả được vào trước trong điện này; trước tiên phải để cho Phật, thứ đến là các vị Tỳ-kheo Tăng đi vào, các người khác đi theo sau.

Bấy giờ con vua nước Xá-vệ là Duy-lâu-lặc có việc phải đến nước Thích, chưa đi vào thành, bèn đến nghỉ trong cung điện mới làm thành. Sáng hôm sau vào thành, việc xong bèn trở về nước.

Các người trong dòng họ Thích nghe thái tử Duy-lâu-lặc nghỉ tại cung điện mới, họ rất không vui, đâm ra oán ghét và lên tiếng mắng chửi: “Không biết sao nay lại để cho con của kẻ hèn mọn đi vào điện trước!”, rồi họ cùng đào xuống giữa điện sâu đến bảy thước (xưa) bỏ đi lớp đất đó, rồi lấy đất sạch khác đắp vào, lại dùng sữa bò rửa khắp điện. Thái tử Duy-lâu-lặc nghe các người trong dòng họ Thích nói những lời bất tịnh, ô nhục mình, đào sâu xuống bảy thước ở giữa điện rồi lấy đất mới lấp lên, lại dùng sữa bò rửa khắp điện, còn mắng chửi mình là con của kẻ hèn mọn đã làm nhơ bẩn điện mới. Nghe xong, lòng đầy bực tức, uất hận, tự nghĩ: “Ta sau này nắm việc nước phải làm cách nào để trừng trị dòng họ Thích.” Không bao lâu, vua nước Xá-vệ mất. Đại thần nghị bàn mời Thái tử làm vua. Vua Duy-lâu-lặc bèn hỏi các đại thần:

–Có kẻ nói lời bất tịnh, làm nhục vua, tội ấy thế nào?

Các đại thần tâu:

–Tội như thế là phải chết.

Vua nói:

–Đúng vậy. Các người trong dòng họ Thích nói lời bất tịnh, làm nhục ta. Họ là thân quyến của Đức Phật. Phật còn có ân ái trong dòng Thích, cho nên trọn không thể trị kẻ có tội.

Các hạ thân bèn nói:

–Phật đã lừa bỏ thế tục, không có ân ái với thân thuộc. Muốn trị tội người dòng họ Thích chẳng có gì là khó.

Vua nghe nói như vậy, bèn tuyên lệnh huy động bốn loại binh: tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh tiến ra khỏi thành, tấn công thành Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ là lúc Phật thọ thực. Ngài mang bình bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khất thực xong, Đức Phật ra khỏi thành, đến dưới gốc cây ít bóng mát ngồi lại. Ngài thấy vua dẫn binh đi trên đường lớn. Nhà vua nhìn thấy Đức Phật đang ngồi dưới bóng cây thưa nắng bèn bước xuống xe đến chỗ Phật, sau khi đảnh lễ bèn đứng một bên bạch Phật:

–Như nay có nhiều cội đại thọ, cành lá sum suê nhiều bóng mát như là cội đại thọ tên là Ca-chiên. Ca-duy-la-vệ có nhiều cây Ưu-đàm-bát, Ni-câu-loại. Đức Phật sao chẳng ngồi đầy nhiều bóng mát, sao lại ngồi dưới cội cây Thích lá thưa, ít bóng mát?

Đức Phật bảo:

–Vì Ta ưa cái tên, vui thích cái bóng mát này, nên ngồi đây.

Vua nghe xong liền tự nghĩ: “Như vậy Đức Phật vẫn còn có ân ái với dòng họ Thích, vẫn còn có ý trợ giúp”, liền từ chỗ Phật quay lại, rút binh về nước.

Đức Phật truyền giảng đạo cho nhân dân Xá-vệ, rồi có ý muốn đến nước Ca-duy-la-vệ, bèn cùng các Tỳ-kheo đến vương thổ dòng họ Thích, ở tại vườn Ni-câu-loại giảng dạy.

Không lâu sau, vua nước Xá-vệ lại hỏi các cận thần:

–Nếu như có kẻ nói lời bất tịnh, làm nhục vua, tội ấy thế nào?

Các cận thần tâu:

–Tội như vậy phải xử chết.

Vua lại nói:

–Những người dòng họ Thích làm nhục ta, họ đều là thân quyến của Phật. Đức Phật vẫn đang nhớ nghĩ đến những người trong dòng họ Thích. Ta rất cực chẳng trị họ được.

Cận thần nói:

–Thần đã nghe các Sa-môn nói rằng Cù-đàm đã đoạn dứt dâm dục, làm gì có ân ái với thân quyến. Vua muốn trị tội họ cũng chẳng khó chi.

Vua nghe chúng thần nói vậy bèn truyền lệnh huy động bốn loại binh, ra hiệu xuất thành đến vương thổ dòng họ Thích. Đi đến tối thì cách thành trì dòng họ Thích bốn mươi dặm, liền dừng lại nghỉ.

Các người trong dòng họ Thích nghe vua nước Xá-vệ cử bốn loại binh tiến đánh, đã cách thành bốn mươi dặm, sợ ngày mai sẽ đến, bèn sai người phi ngựa đến chỗ Phật báo lại và xin Phật chỉ dạy phương cách. Đức Phật bảo các Thích đóng chặt cửa thành, vua sẽ không thắng được. Nếu bên trong mở cửa, vua Duy-lâu-lặc sẽ chắc chắn xông vào giết các người họ Thích. Người lính nghe Phật dạy bèn lễ Phật, cỡi ngựa trở về.

Bấy giờ Hiền giả Đại Mục-kiền-liên đang ở phía sau Phật, bèn bạch Phật:

–Bậc Minh Tuệ đừng vì các người trong dòng họ Thích lo buồn. Con nay muốn đem cả vương quốc họ Thích dời đến một nơi khác, hoặc sẽ dùng cái lồng sắt bao phủ lấy, như vậy tất cả thiên hạ sẽ làm gì được.

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

–Làm như vậy thì tội ấy thế nào?

Ngài Mục-kiền-liên nói:

Tuy nói tội hữu hình là như vậy nhưng con không rõ tội vô hình thì như thế nào?

Bấy giờ Đức Phật nói kệ:

*Làm thiện ác, chẳng hề mất
Theo phước lạc trong u khổ
Thiện, ác hiện theo vầng dương.
Rồi cũng đến thân nhận lấy.*

Vua nước Xá-vệ dùng binh trang bị quân cụ cùng nhau công phá thành tộc Thích. Họ Thích cũng cử bốn loại tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh ra thành chiến đấu cùng vua Duy-lâu-lặc.

Người tộc Thích cũng dùng binh trang bị ứng chiến cùng quân

đội Xá-vệ.

Lúc chưa giáp nhau, người tộc Thích dùng cung tên, đao sắc bén, bắn tên ngăn xe lại. Tên bắn phá càng xe, thân xe, phá hủy trục xe, thành xe, và bắn chặn người lại. Châu báu chẳng hề xúc chạm.

Vua Xá-vệ rất sợ hãi, bèn hỏi cận thần:

–Các người hẳn biết bọn Thích đã ra khỏi thành tử chiến, chúng ta không thắng được, chi bằng hãy sớm quay về.

Cận thần bẩm báo:

–Nay thần nghe bọn người họ Thích đều giữ năm giới, thủy đều trọn đời không sai phạm, chí đến mạng sống cũng chẳng dám làm thương hại, nếu gây thương hại là phạm giới. Chỉ cần ngài tự xông lên phía trước là sẽ thắng ngay.

Vua bèn dẫn binh đột phá thẳng vào thế trận họ Thích. Bên Thích tộc thấy vua tiến đánh rất nhanh thì rút vào thành đóng cửa lại.

Vua Xá-vệ bấy giờ sai người nói:

–Này các người dòng họ Thích, các anh em cô cậu cùng ta nào có thù oán gì mà chẳng mở cửa thành? Ta chỉ muốn mượn đường chốc lát, đi vào sẽ ra ngay, không ở lại lâu.

Trong số Thích tộc, có người tin theo lời Phật, đã tu học kinh pháp, không nghi ngờ đạo nên bảo không nên mở cửa. Lại có người chưa tịnh tâm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng nên đâm ra nghi ngờ, cho rằng có thể mở thành và cùng nhau nói chuyện: “Ta người không được doạ nhau mà sinh ra đối địch.” Chúng ta phải bàn bạc cùng các bậc kỳ lão. Những người không chịu bàn bạc là không muốn cho vua kia vào thành; kẻ bàn bạc thì muốn cho vua vào thành. Kết quả phải tùy theo số đông mà hành động, vì số người không đồng ý ít hơn. Mọi người đồng bảo: “Nên mở cửa cho vua vào. Người họ Thích bèn mở cửa trong. Vua Duy-lâu-lặc tiến vào thành Ca-duy-la-vệ, liền bắt sống người dòng tộc Thích đem ra ngoài thành sát hại.

Bấy giờ Thích-ma-nam tâu vua nước Xá-vệ:

–Xin vua cho tôi một nguyện nhỏ.

Vua hỏi:

–Tướng quân muốn gì?

–Tôi nguyện nay được chết dưới lòng sông, cùng lúc ấy cho các người Thích được đi ra khỏi thành.

Các đại thần tâu:

–Đại vương nên theo sở nguyện của Thích-ma-nam, cứ cho xuống sông xem được bao lâu.

Vua bèn đồng ý theo yêu cầu đó. Thích-ma-nam bèn nhảy xuống đầm nước, lấy tóc quấn vào rễ cây mà chết.

Vua thấy lâu không trôi lên thì làm lạ, nên bảo người xuống xem Thích-ma-nam ở dưới nước làm gì. Người ấy thấy Thích-ma-nam chết dưới đầm bèn trôi lên tâu vua:

–Thưa Đại vương, Thích-ma-nam đã quấn tóc vào rễ cây chết rồi.

Vua bèn hỏi đến những người họ Thích còn lại trong thành bị bắt giữ đã giết hết chưa. Bọn cận thần thưa:

–Đã cho voi dày đạp chết cả!

Vua bèn rút quân về nước.

Vào lúc quá trưa, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo đi đến chỗ giảng đường Thệ tâm Tu-gia-lợi. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo đến giảng đường Thệ tâm, đi ngang qua chỗ các người Thích chết. Trong số người bị giết ấy có người còn nói được, nhìn thấy Phật bèn cất lời than oán. Đức Phật nghe tiếng bèn ai thống khổ bèn nói với các Tỳ-kheo:

–Kẻ ngu si Duy-lâu-lặc gây tội không nhỏ.

Đức Phật đến giữa vùng đất của họ Thích, hóa hiện vô số sàng tọa. Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đều ngồi xuống. Phật lại vì các người trong dòng họ Thích diễn thuyết kinh pháp, xong nói cùng Tỳ-kheo:

–Ý các ông thế nào? Kẻ đồ tể lấy việc giết hại làm nghề nghiệp, lấy việc giết hại làm sự sống, vậy từ nhân duyên ấy có được an vui cõi lên voi thánh, ngựa thần, xe báu báu không?

Các Tỳ-kheo nói thưa:

–Trọn không thể được.

Phật nói:

–Lành thay! Đúng như vậy. Ta chẳng hề thấy, chẳng hề nghe kẻ đồ tể lấy việc giết hại làm nghề nghiệp sinh sống lại được phúc lạc. Tại sao vậy? Vì kẻ đồ tể không có từ tâm thương cảm đối với các loài thú.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Ý các ông thế nào? Kẻ săn bắt cá cùng kẻ giết bò, lấy đó làm nghề nghiệp, lấy đó để sinh sống. Vậy có được cõi lên voi thần, ngựa thánh, xe báu, có được phúc lạc không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Trọn không thể được.

Phật bảo:

–Lành thay! Ta cũng chẳng hề nghe, chẳng hề thấy kẻ nào săn bắt cá, giết bò làm nghề nghiệp sinh sống mà được phúc lạc. Tại sao vậy? Bọn họ đã không còn lòng thương xót, không có từ tâm đối với loài thú, cho nên làm sao được phúc lạc. Đây là người ngu si, tất sẽ gặt lấy quả tổn hại. Nên biết kẻ kia lúc sống cũng bất thiện, trong bảy ngày tất sẽ bị nước cuốn trôi. Cho nên, các Tỳ-kheo phải có từ tâm, chớ học tâm tổn hại, tất bị thiêu cháy oan uổng, cũng chớ có sinh ý làm tổn hại.

Đức Phật bèn dùng ngay sự việc ấy nói rõ nhân duyên và ý nghĩa, bảo đệ tử hiểu rõ và ghi nhớ, kiểm lại lời dạy trong kinh để hậu thế tỏ tường, khiến kinh điển đạo Phật trụ lâu dài ở thế gian.

Bấy giờ Phật nói kinh Nghĩa Túc:

*Chẳng xót thương đến khỉng bố
Người đời truyền nhau nghe biết
Nay muốn thuyết nghĩa xót thương
Ta dứt đi mọi sợ hãi.
Người đời quần quanh khổ não
Như nước cạn ngăn cá lội
Trong khổ não sinh ý hại
Kẻ si thích khỉng bố người.
Toàn cõi đời đều bốc cháy.*

Khấp mười phương loạn chẳng an
 Tự ngạo mạn chẳng yêu thương
 Vì chẳng thấy nên ngu tối.
 Chớ tự buộc cầu khổ não
 Ta quán suốt ý chẳng vui
 Thấy gai kia đâm đau đớn
 Do nhìn thấy khó thể nhẫn.
 Gai nhọn đau còn ra đấy
 Mang gai châm đi khắp đời
 Phật nhìn thấy, nhổ dứt đau
 Không khổ cũng không niệm khổ.
 Đời đầy đầy song chẳng nhận
 Chẳng y cứ vào loạn tà
 Chán mọi dục, vượt tất cả
 Học thoát khổ, tự thành tựu
 Lòng chí thành chẳng hề quên.
 Giữ hạnh lành, không hai lời
 Diệt lửa oán, dứt lòng tham
 Dứt phiền não, đại tri kiến
 Chẳng nằm ngồi, dứt mê mờ
 Chẳng đầy đủ, lìa vô độ
 Điều đáng ghét chẳng giữ lấy
 Cả niệm Không cũng tận diệt.
 Chẳng cậy nhờ vào đối lừa
 Thấy vật sắc chẳng mặc vào
 Thân chẳng biết mặc lụa đẹp
 Mặc vào thâm mong thoát bỏ.
 Niệm xả lâu thành chẳng nghĩ
 Cũng không mong được thân sau
 Thấy đều mất chẳng buồn lo
 Dù bốn biển cũng mau diệt.
 Ta nói tham thật lớn mạnh
 Khi vào dòng, phải ngăn si
 Từ nhân duyên ràng ý niệm

Vương ý dục thật khó lia.
 Xả ly dục thật rất hiếm
 Kể trong đời chẳng bao nhiêu
 Xả, không dứt cũng chẳng thôi
 Đoạn dứt dòng không trói buộc.
 Thừa lực đế, tận ngăn ngừa
 Khởi trí tuệ chẳng buồn lo
 Là ngăn ngừa sự nguy hại
 Tận sức giữ được an lành.
 Đã tính xa lia nỗi khổ
 Chẳng bị đấm pháp quán không.
 Theo chân kiến đạo rộng bằng
 Tất chẳng vướng quan niệm đời.
 Thân chẳng lo, tự xem thường
 Kể như vậy còn liệu gì?
 Đã không thể cũng chẳng còn
 Ta chẳng có, còn lo gì?
 Góc ngu si, cảnh trống rỗng
 Sau khi trỗng lại không dưỡng
 Đến giữa chừng chẳng giữ gìn
 Chẳng cần bạn vất bỏ thù.
 Bỏ tất cả mọi danh sắc
 Chẳng niệm tưởng thu lấy được
 Đã không có cũng không trụ
 Tất cả đời không oán nhau.
 Đoạn dứt tận vô tưởng sắc
 Tất cả thiện cùng mọi loài
 Đã theo học giáo lý này
 Đến nơi hỏi chẳng sợ hãi.
 Chẳng cùng nhất trí là tuệ
 Sở cầu là không thể học
 Xả yếm ly chẳng nhân duyên
 Diệt tận mới thấy yên ổn.

*Trên chẳng kiêu, dưới chẳng sợ
Chốn bình yên không nhìn thấy
Nơi thanh tịnh không oán tặc
Tuy thấu rõ nhưng chẳng kiêu.*

Phật nói kinh Nghĩa Túc này xong, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 14

BỘ BẢN DUYÊN
5

Tổng giám tu: **Thích Tịnh Hạnh**

Ban thực hiện:

- Ban dịch thuật
- Ban biên tập
- Ban nhuận văn
- Tổng biên tập
- Các tổ vi tính v.v...

NƠI XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH
LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

~~~~卍~~~~

**I. Địa chỉ liên lạc:**

*Xin gửi về hộp thư:*

**\* GIẢNG ĐƯỜNG LINH SƠN**

P.O. BOX 8-264, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C

*Hoặc địa chỉ:*

**\* THÍCH TỊNH HẠNH**

7F. 21, Sec.1, Chung – Hsiao, W.Road, Taipei-Taiwan, 100, R.O.C

TEL: 886-2-2381-4434 / 2361-3015 / 2361-3016;

FAX: 886-2-2314-1049

E-Mail: [linhson@linhson.org.tw](mailto:linhson@linhson.org.tw)

Web site: [www.linhson.org.tw](http://www.linhson.org.tw)

**II. Địa chỉ ủng hộ dịch Kinh hoặc thỉnh Kinh:**

*Ủng hộ dịch và in Đại Tạng Kinh hoặc thỉnh Kinh, dùng ngân phiếu hay chuyển  
băng, xin gửi về địa chỉ dưới đây:*

**\* Dùng CHECK hoặc MONEY ORDER,**

*Xin đề: LI KUANG LIEN, gửi theo hộp thư:*

P.O. BOX 8-264, Taipei – Taiwan, 100, R.O.C

**\* Nếu gửi ngân khoản xin đề: CITIBANK, N.A.,**

NO.117,2F, SEC.3, MIN-SHENG E. ROAD, TAIPEI-TAIWAN, R.O.C

ACCOUNT NUMBER: **51362724**

BENEFICIARY: **LI KUANG LIEN**

**\* Nếu Quý vị nào muốn trực tiếp gửi vào ngân khoản tại Hoa Kỳ  
xin đề:**

**LI KUANG LIEN**

BANK OF AMERICA N. BRANCH: 2177

N. ACCOUNT: **21774-09981**

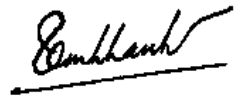
- Mỗi một ngân phiếu, ngân hàng sẽ trừ chi phí thu tức là 10.00 USD

- Xin Quý và hệ số ngân phiếu tên người lãnh là: LI KUANG LIEN

- Trên ngân phiếu xin Quý và viết cẩn thận, ngân hàng không chấp nhận ngân phiếu đã bỏ boài xoua.

**\* Xin Quý vị chú ý:**

Neáu số ngân khoản trong ngân hàng đã chuyển tiền rồi, xin Quý và xem giấy làm thu tức dù ngân hàng có hệ số tiền gửi tên người và số hệ số, hệ số Fax hoặc E-mail hệ số hệ số liên lạc trên, hệ số nhận hệ số giấy cầm tại hoặc biên nhận, cũng nhớ hệ số tiền ghi vào sổ công hệ số và liên lạc, chủ ngân hàng không cho biết chi tiết.



Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH**

Mẫu bìa mạ vàng: Nguyễn Đồng (California)